

Hội đồng xuất bản

Phan diễn	Chủ tịch Hội đồng
Nguyễn Đức Bình	Phó Chủ tịch Hội đồng
Nguyễn Phú Trọng	Uỷ viên Hội đồng
Nguyễn Hữu Thọ	"
Nguyễn Duy Quý	"
Hà Đăng	"
Đặng Xuân Kỳ	"
Lê Hai	"
Ngô Văn Dụ	"
Lê Quang Thuởng	"
Trần Đình Nghiêm	"
Vũ Hữu Ngoạn	"
Nguyễn Văn Lan	"

Ban chỉ đạo xây dựng bản thảo

Hà Đăng	Trưởng ban
Vũ Hữu Ngoạn	Thường trực
Ngô Văn Dụ	Thành viên
trịnh thúc huỳnh	"
nguyễn văn lan	"
trịnh nhu	"

Nhóm xây dựng bản thảo tập 38

dào trọng cảng (Chủ biên)
lê thị năm
nguyễn thu hương

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

**VĂN KIỆN ĐẢNG
TOÀN TẬP**

TẬP 38

1977

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HÀ NỘI - 2005**

Lời giới thiệu tập 38

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 38, phản ánh hoạt động lãnh đạo của Đảng trong năm 1977.

Năm 1977 là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, là năm thứ hai thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm 1976-1980, là năm đánh dấu một bước phát triển mới trong việc đẩy mạnh các nhiệm vụ về kinh tế - xã hội. Đây cũng là năm Trung ương tập trung sức giải quyết nhiều vấn đề cấp bách về chính trị, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, khắc phục các hậu quả do chiến tranh để lại và đối phó với cuộc chiến tranh xâm lược ở biên giới Tây Nam. Trong năm 1977, có hai hội nghị quan trọng của Trung ương.

Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương (tháng 6-1977) bàn về vấn đề nông nghiệp, nêu quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân tập trung cao độ lực lượng cho nhiệm vụ hàng đầu là phát triển nông nghiệp, đưa nông nghiệp tiến lên trong sự gắn bó chặt chẽ với công nghiệp, nhằm giải quyết vấn đề lương thực, cải thiện một bước đời sống nhân dân, tạo điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương (tháng 12- 1977) bàn về kế hoạch phát triển và cải tạo kinh tế, văn hóa, xã hội năm 1978 với mục tiêu tạo ra một bước chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa cho nền kinh tế, coi năm 1978 là năm

bản lề có ý nghĩa quyết định đối với việc hoàn thành kế hoạch 5 năm 1976-1980.

Tình hình mới, nhiệm vụ mới, chính sách mới của Đảng đã được phản ánh rõ trong *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 38. Tập văn kiện này có 76 tài liệu gồm các báo cáo, nghị quyết, chỉ thị, thông tri, thông báo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá IV.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong việc biên tập, xuất bản, song khó tránh khỏi thiếu sót. Rất mong có sự góp ý, phê bình của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 8 năm 2004

Nhà xuất bản Chính trị quốc gia

**Nghị quyết
của bộ chính trị**

Số 01-NQ/TW, ngày 5 tháng 1 năm 1977

**Về việc đổi tên cơ quan lý luận và chính trị
của Đảng**

- Căn cứ vào nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới;
- Căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội lần thứ IV của Đảng về việc đổi tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam;

Bộ chính trị quyết nghị:

1. Bắt đầu từ tháng 1-1977, Tạp chí *Học tập*, cơ quan lý luận và chính trị của Đảng, sẽ đổi tên là Tạp chí *Cộng sản*.
2. Bộ biên tập tạp chí lý luận và chính trị của Đảng chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M bộ chính trị
Trưởng chinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Chỉ thị
của Ban Bí thư**

Số 02-CT/TW, ngày 21 tháng 1 năm 1977

Về những việc trước mắt để giải quyết vấn đề lương thực

Trong những năm qua, sản xuất lương thực tăng chậm trong khi số dân tăng nhanh và khu vực phi nông nghiệp ngày càng phát triển. Phần lương thực Nhà nước huy động được nói chung không tăng nhưng phần bán ra mỗi năm một nhiều hơn. Một số tỉnh trước đây giao nộp lương thực cho trung ương, nay chẳng những không giao nộp, lại yêu cầu trung ương cung cấp ngày càng nhiều. Trong những năm chiến tranh, ta giải quyết được cân đối lương thực của Nhà nước một phần quan trọng nhờ vào nhập khẩu; từ sau chiến tranh, nguồn lương thực nhập khẩu không còn như trước. Hiện nay diện thiếu ăn đang lan rộng ở một số tỉnh mát mùa vì bị hạn nặng; ở nhiều vùng khác thu hoạch mùa không kém nhưng thu mua không đạt kế hoạch. Cân đối lương thực của Nhà nước đang rất khẩn trương. Khó khăn lớn về lương thực có thể tác động tiêu cực nhiều mặt đến hoạt động kinh tế và đời sống xã hội. Khắc phục khó khăn về lương thực là vấn đề

cấp bách.

Theo quyết định của Bộ Chính trị, các ngành, các cấp phải thấu suốt nhiệm vụ tập trung sức đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, phục vụ tích cực cho sản xuất nông nghiệp để tiến tới giải quyết một cách cơ bản vấn đề lương thực. Trước mắt, *phải trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất, tiết kiệm tiêu dùng mà tích cực huy động lương thực trong cả nước, quản lý chặt chẽ khâu phân phối và thị trường lương thực. Các địa phương phải cùng trung ương lo giải quyết vấn đề lương thực; tỉnh, huyện thiếu lương thực phải cố gắng đến mức cao nhất, tiên tới tự giải quyết nhu cầu lương thực, không trông chờ trung ương; tỉnh, huyện đủ và thừa lương thực phải lãnh đạo nhân dân hết sức tiết kiệm tiêu dùng và tổ chức tốt việc thu mua nhằm huy động được sản lượng lương thực hàng hoá ngày càng nhiều hơn.*

Để thực hiện được phương hướng nêu trên, cần làm những việc cấp bách sau đây:

1. *Về lãnh đạo sản xuất.* Phải tận dụng đất đai và sức lao động, đẩy mạnh sản xuất lương thực, phấn đấu vượt kế hoạch về diện tích, năng suất, sản lượng lương thực. Coi trọng lúa, đồng thời coi trọng phát triển hoa màu, nhất là các loại rau màu ngắn ngày để giải quyết khó khăn về lương thực trong thời gian giáp hạt sắp tới. Ở những vùng chưa có điều kiện mở rộng thêm diện tích lúa thì sớm nâng tỷ trọng hoa màu lên 30-40% sản lượng lương thực; có kế hoạch thu mua chế biến để đưa vào cân đối lương thực. Các đơn vị quân đội tận dụng đất đai theo đúng chính sách để sản xuất lương thực, rau màu. Quân uỷ Trung ương quy định cụ thể mức phấn đấu của quân đội trong năm 1977 và vài năm tới, kiến nghị mức Nhà nước có thể giảm cung ứng lương thực mà vẫn bảo đảm sức khoẻ của quân đội. Những trại, trại chăn nuôi quốc doanh lâu nay vẫn được Nhà nước cung cấp lương thực làm thức ăn cho gia súc, nay phải có kế hoạch sản xuất lương thực để tự giải quyết từng phần nhu cầu đó mà vẫn hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2. Về phân phối, cần chỉ đạo tốt trên ba mặt: thu mua lương thực, phân phối trong hợp tác xã nông nghiệp, phân phối cho khu vực không sản xuất lương thực.

Trong các hợp tác xã nông nghiệp, phải tính toán hết sức chặt chẽ và quản lý nghiêm ngặt phân lương thực để lại hợp tác xã, chống giấu giếm, lăng phí, tham ô. Về giống, chấp hành đúng quy định của Chính phủ, không để quá mức. Về lương thực cho chăn nuôi, chỉ để số lượng cần thiết theo đầu gia súc, gia cầm, hết sức hạn chế việc dùng thóc để chăn nuôi; nếu hợp tác xã không sản xuất hoa màu, thì đổi thóc lấy hoa màu để chăn nuôi. Về quỹ xã hội, chỉ để số lương thực thật cần thiết theo sự hướng dẫn của tỉnh và huyện. Về quỹ tích luỹ, để bằng tiền, không để thóc.

Ở những nơi mất mùa, cần tích cực tổ chức trồng thêm rau, màu, động viên nhân dân đùm bọc giúp đỡ nhau, tự giải quyết lương thực là chính. Cấp tỉnh, cấp huyện cần lãnh đạo điều hoà lương thực tương trợ giữa các vùng trong tỉnh, trong huyện. Cần lãnh đạo các hợp tác xã và giáo dục nông dân làm đầy đủ nghĩa vụ đóng thuế nông nghiệp, trả nợ và bán lương thực cho Nhà nước theo chỉ tiêu kế hoạch. Các tỉnh ở phía Bắc cần phấn đấu đạt kế hoạch huy động lương thực giao cho tỉnh. Trên cơ sở nắm lại chặt chẽ phân lương thực để lại hợp tác xã, bàn bạc với nhân dân để cho Nhà nước vay một phần lương thực trong các quỹ của hợp tác xã nông nghiệp.

Các tỉnh phía Nam phải làm cho chi bộ đảng ở nông thôn thông suốt và phát huy vai trò của các đoàn thể trong việc vận động nhân dân bán thóc cho Nhà nước.

Song song với công tác động viên chính trị, giáo dục tư tưởng, cần xem xét và giải quyết cụ thể các vấn đề về chính sách, tổ chức và điều kiện, phương tiện vật chất để bảo đảm thực hiện kế hoạch thu mua. Cần bố trí một lực lượng hàng hoá nhất định để trao đổi với nông dân hoặc bán thường cho các hợp tác xã và nông dân bán nhiều lương thực cho Nhà nước. Cải tiến phương thức, cách tổ

chức phân phối hàng công nghiệp cho nông dân để trao đổi lương thực theo hợp đồng hai chiều, bảo đảm thu về được cho Nhà nước số lương thực tương ứng với số hàng hoá dùng để trao đổi với nông dân.

Về phân phối lương thực của Nhà nước, cần tính toán lại các nhu cầu cho chặt chẽ, sửa lại một số chế độ cung cấp không hợp lý. Đối với các nhu cầu của công nhân, viên chức, bộ đội, thì tiến tới thống nhất tiêu chuẩn trong cả nước, không đặt quá nhiều mức. Đối với việc bồi dưỡng công nhân làm ca 3, hoặc bồi dưỡng lao động ở môi trường độc hại, không cấp thêm lương thực mà thay bằng các loại thực phẩm có thể cung cấp được.

Ở thành thị, Nhà nước không cung cấp lương thực cho những người có sức lao động mà không chịu sự phân công của cơ quan nhà nước, lại làm những nghề không chính đáng.

Trong việc phục vụ ăn uống công cộng, cần thu tem lương thực và sử dụng hợp lý và tiết kiệm số lương thực Nhà nước cung cấp.

Đối với các nhu cầu về chế biến công nghiệp, phải hết sức tiết kiệm: việc sản xuất rượu quốc doanh bằng lương thực chỉ giữ mức như hiện nay, phát triển sản xuất các loại rượu bằng hoa quả.

Đối với người trồng rau chuyên nghiệp, người trồng cây công nghiệp thiều lương thực, người làm nghề cá, nghề muối, v.v.. Thường vụ Hội đồng Chính phủ xem xét và có thể thay cách cung cấp lương thực bình quân theo độ tuổi bằng cách Nhà nước cung cấp lương thực theo khối lượng sản phẩm (rau, cây công nghiệp, cá, muối, v.v.) bán cho Nhà nước.

Đối với người sản xuất gạch, ngói hoặc làm các nghề thủ công khác trong hợp tác xã nông nghiệp, thì hợp tác xã nông nghiệp chịu trách nhiệm phân phối lương thực. Hạn chế việc

tách họ thành hợp tác xã thủ công chuyên nghiệp rồi yêu cầu Nhà nước cung cấp lương thực.

Đối với nông dân đi làm thuỷ lợi hoặc tham gia các công việc xây dựng khác do Nhà nước huy động, Nhà nước chỉ cung cấp phần chênh lệch lương thực cho những vùng thiếu lương thực. Đối với vùng nông dân có đủ lương thực, thì Nhà nước không cấp bù chênh lệch. Không thường vượt mức khoán bằng lương thực.

Nông dân đi xây dựng vùng kinh tế mới, bán cho Nhà nước số lương thực được hợp tác xã chia cho mình và sẽ được Nhà nước cung cấp lương thực ở nơi đến.

Đối với nhu cầu lương thực cho nông dân ở vùng cao cần định canh, định cư, phải soát kỹ theo tinh thần vừa bảo đảm nhu cầu, vừa tính toán khả năng tổ chức của địa phương, không làm ào ạt, dẫn đến tiêu dùng lương thực không tương xứng với kết quả định canh định cư.

Bỏ việc bán thường lương thực trong việc thu mua lợn ngoài nghĩa vụ. Hạn chế việc gia công bằng lương thực để thu mua thịt lợn và trứng trong các vùng vành đai thực phẩm ở các thành phố, khu công nghiệp; dần dần thay thế lương thực bằng thức ăn cho gia súc do công nghiệp chế biến. Tích cực tổ chức đưa cá biển tươi và cá đã chế biến về cung cấp cho thành phố và khu công nghiệp để bù lại phần thịt lợn có thể thiếu hụt trong một thời gian.

3. Về tiêu dùng, thường xuyên lãnh đạo nhân dân, các xí nghiệp, cơ quan, đơn vị quân đội, v.v. triệt để tiết kiệm tiêu dùng lương thực. Chống lãng phí lương thực trong các việc ma chay, cưới xin, giỗ chạp, Tết, hội họp, liên hoan. Kiên quyết chống nấu rượu lậu. Những nơi có sản xuất hoa màu, cần tổ chức tốt việc thu hoạch, bảo quản, chế biến và tiêu dùng hoa màu. Đối với chăn nuôi, cần tận dụng các loại hoa màu, hạn chế đến mức thấp nhất việc dùng lúa gạo vào chăn nuôi.

Xem xét lại chặt chẽ các nhu cầu tiêu dùng lương thực của xí nghiệp và cơ quan; phần nào có thể hoãn được, thì phải tạm

hoãn; phần nào có thể giảm bớt hoặc cắt đi mà không ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế, thì kiên quyết giảm hoặc cắt.

4. *Chú trọng làm thật tốt công tác tư tưởng.* Trong sinh hoạt nội bộ, cần nói rõ với cán bộ và nhân dân tinh hình khó khăn về lương thực và khó khăn khác trong nền kinh tế, nâng cao trách nhiệm của các ngành, các cấp, động viên mọi người hết sức phấn đấu đóng góp phần mình vào việc giải quyết khó khăn. Nêu cao tinh thần tự lực tự cường, tinh thần cách mạng tiến công, phát huy cao độ khả năng vươn lên của từng vùng, từng địa phương.

Tuyên truyền trên dài, trên báo phải gắn chặt việc nói về phuơng hướng, mục tiêu lâu dài với tình hình và công việc trước mắt, cân nhắc nội dung cho sát với những điều mà nhân dân đang suy nghĩ, hết sức tránh nói một chiều, nói không sát cuộc sống thực tế.

*
* * *

Các ngành có liên quan và các cấp căn cứ vào phuơng hướng trên đây, xác định những công việc cần làm của ngành và địa phuơng mình. Từng tỉnh, từng huyện phải xem xét kỹ cân đối lương thực trong địa phuơng, tìm các biện pháp đẩy mạnh sản xuất, đẩy mạnh thu mua lương thực với tinh thần tích cực nhất. Các tỉnh uỷ phải phân công xuống trực tiếp chỉ đạo huyện; các huyện uỷ phải phân công xuống chỉ đạo xã, hợp tác xã, chú trọng nắm chắc những huyện và xã trọng điểm.

Tình hình khẩn trương đòi hỏi các ngành, các cấp coi vấn đề lương thực là *một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu cần tập trung sức giải quyết cho tốt*, không để xảy ra những diễn biến bất ngờ.

Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

của Ban Bí thư

Số 03-CT/TW, ngày 22 tháng 1 năm 1977

**Về Đại hội vòng 2 của các đảng bộ tỉnh
và thành phố**

Để chấp hành nghiêm chỉnh các nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, các tỉnh uỷ, thành uỷ cần chuẩn bị chu đáo và bảo đảm lãnh đạo về việc mở Đại hội vòng 2.

1. Các đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các huyện, quận và cấp tương đương, các tổ chức đảng trong các lực lượng vũ trang mở Đại hội đại biểu (vòng 2) hoặc Đại hội đảng viên ở cơ sở để quyết định nhiệm vụ của đảng bộ và bầu Ban Chấp hành mới. Các tỉnh, thành phố đã triệu tập Đại hội thường kỳ trong năm 1976, nay vẫn phải mở Đại hội để bàn lại nhiệm vụ và bầu cử lại Ban Chấp hành. Các huyện uỷ mới bầu trong Đại hội vòng 1 thì nay không phải bầu lại song có thể bổ sung cấp uỷ viên nếu cần thiết, do tỉnh uỷ, thành uỷ quyết định.

Đại hội ở tất cả các cấp đều phải đặc biệt chú trọng bàn bạc và quyết định biện pháp phát động quần chúng làm chủ tập thể, phát động phong trào thi đua thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu phấn đấu đã đề ra.

Các tỉnh, thành cần công bố bản đề án Đại hội, hướng dẫn các cấp, các ngành và quần chúng nhân dân thảo luận, tham gia ý kiến vào đề án một cách thiết thực, tổ chức tốt

Chỉ thị

việc thu thập ý kiến của cán bộ, đảng viên và quần chúng để bổ sung đề án. Đề án Đại hội cấp huyện, quận và cơ sở cũng nên làm như thế.

2. Đại hội các tỉnh, thành, huyện, quận và cấp tương đương phải nắm vững nội dung cơ bản của Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch nhà nước 5 năm 1976-1980, đồng thời xuất phát từ tình hình thực tế của địa phương và những ưu điểm, khuyết điểm về lãnh đạo và chỉ đạo của các cấp uỷ trong địa phương, để có chủ trương, biện pháp tăng cường chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành ba cuộc cách mạng nhằm giải quyết một cách thiết thực, khẩn trương và có hiệu quả những vấn đề cấp bách về kinh tế, văn hoá, đời sống, an ninh, công tác quần chúng, kiện toàn tổ chức và xây dựng đảng. Về kinh tế, Đại hội cấp tỉnh, thành và huyện, quận thảo luận và quyết định nhiệm vụ, mục tiêu phấn đấu cụ thể trong hai năm 1977-1978 và chỉ tiêu, biện pháp chủ yếu năm 1977. Đại hội ở cơ sở phải nắm vững nghị quyết của Đại hội huyện, quận và bàn nhiệm vụ, mục tiêu, biện pháp phấn đấu trong năm 1977.

Trong lúc tình hình sản xuất, lương thực và đời sống nhân dân đang có những khó khăn, các cấp uỷ phải khéo kết hợp việc chuẩn bị Đại hội với việc bảo đảm kế hoạch sản xuất đồng - xuân, khẩn trương đẩy mạnh sản xuất rau, màu ngắn ngày, vận động nhân dân triệt để tiết kiệm tiêu dùng lương thực, hăng hái bán lương thực cho Nhà nước (ở những nơi đang thu mua) và tăng cường đoàn kết, tương trợ, thương yêu dùm bọc lẫn nhau, quyết không để xảy ra tình hình đột

xuất trong giáp hạt; không vì chuẩn bị cho Đại hội mà làm ảnh hưởng không tốt đến các công tác quan trọng.

3. Báo cáo tổng kết công tác xây dựng đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng trước Đại hội toàn quốc vừa rồi đã xác định quan điểm về kiện toàn cấp uỷ, cấu tạo của cấp uỷ và tiêu chuẩn cấp uỷ viên. Các cấp cần thông suốt quan điểm của Đại hội, nhận rõ vị trí của từng cấp và yêu cầu lãnh đạo của từng địa phương ở từng vùng để quyết định cơ cấu cấp uỷ cho phù hợp, lựa chọn cấp uỷ viên theo nguyên tắc *năm vững tiêu chuẩn là chính kết hợp với cấu tạo cấp uỷ một cách hợp lý*, bảo đảm cho cấp uỷ có đủ khả năng lãnh đạo thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ mới của địa phương, đồng thời bảo đảm tính kế thừa trong cấp uỷ.

Về tiêu chuẩn cấp uỷ viên, phải coi trọng cả phẩm chất và năng lực để các đồng chí cấp uỷ viên có thể tham gia có hiệu quả vào sự lãnh đạo tập thể của cấp uỷ và có khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ cá nhân phụ trách ngành, địa phương, cơ sở quan trọng khi được phân công. Chú trọng đưa vào cấp uỷ những đồng chí có lập trường chính trị kiên định, có nhiệt tình cách mạng, có hiểu biết về khoa học kỹ thuật, về quản lý kinh tế và coi trọng cách làm việc dân chủ.

ở cấp tỉnh và thành phố, cần có thêm những đồng chí am hiểu về công nghiệp, chọn trong số cán bộ chủ chốt có đủ tiêu chuẩn ở các ngành hoặc cơ sở công nghiệp quan trọng.

Ban Chấp hành tỉnh, thành nên có từ 35 đến 39 cấp uỷ viên, kể cả chính thức và dự khuyết (trong đó có từ 2 đến 4 dự khuyết), 11 uỷ viên thường vụ, trong đó có 2 phó bí thư. Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Nghệ Tĩnh có

thể có số cấp uỷ viên nhiều hơn một ít, 13 uỷ viên thường vụ, trong đó có 2 hoặc 3 phó bí thư. Cấp uỷ tỉnh, thành cần có một số uỷ viên phụ trách các mặt công tác quan trọng về xây dựng đảng, về vận động quần chúng, về kinh tế, văn hoá, về an ninh, quốc phòng, và trực tiếp làm bí thư các huyện, quận và đơn vị trực thuộc quan trọng; nếu có cán bộ cơ sở tham gia cấp uỷ thì phải là cán bộ ở những cơ sở quan trọng và có đủ tiêu chuẩn cấp uỷ viên để có tác dụng thực sự, không phải đưa vào một cách miễn cưỡng, hình thức. Về Ban Thường vụ ở tỉnh, thành, ngoài đồng chí bí thư phụ trách chung, có một đồng chí phó bí thư thường trực phụ trách công tác đảng và dân vận, một đồng chí phó bí thư phụ trách chính quyền và công tác kinh tế, cần phân công các uỷ viên thường vụ phụ trách công tác tổ chức, tuyên huấn, an ninh, một vài ngành kinh tế quan trọng trong địa phương, một huyện, một thị xã quan trọng; đối với công tác kiểm tra, công tác mặt trận, công tác quân sự thì tuỳ theo yêu cầu công tác và tình hình cán bộ ở từng địa phương mà quyết định; riêng ở Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Quảng Ninh, cần có đồng chí uỷ viên thường vụ phụ trách công đoàn.

Ban Chấp hành huyện, quận và tương đương nên có từ 25 đến 29 cấp uỷ viên, kể cả chính thức và dự khuyết, 7 đến 9 uỷ viên thường vụ, trong đó có 2 phó bí thư. Tỉnh uỷ, thành uỷ sẽ hướng dẫn cụ thể về cấu tạo và phân công cấp uỷ huyện, quận cho thích hợp.

Những đồng chí thủ trưởng các ngành quan trọng chưa đủ tiêu chuẩn tham gia cấp uỷ, nhưng có đủ khả năng và tín nhiệm làm tốt công tác chuyên môn thì cần để làm thủ

trưởng chuyên môn, không nên đưa cấp uỷ viên làm công tác khác đến thay thế. Trong trường hợp cần thiết, có thể để bạt đồng chí phó có đủ tiêu chuẩn vào cấp uỷ hoặc phân công một đồng chí cấp uỷ viên làm cấp phó để giúp đồng chí thủ trưởng chuyên môn chỉ đạo tốt mọi mặt công tác trong ngành.

4. Để chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ của Đảng và bảo đảm quyền lợi của đảng viên, trước khi mở Đại hội vòng 2, các cấp tỉnh, thành cần khẩn trương kiểm tra và kịp thời có kết luận chính xác đối với những đảng viên đã trúng cử đại biểu đi dự đại hội các cấp mà có vấn đề phải xem xét về tư cách đại biểu (theo tinh thần và nội dung Chỉ thị số 240 của Ban Bí thư Trung ương¹⁾), hoặc có đơn tố cáo. Đối với những đồng chí ở vùng mới giải phóng trước đây bị địch bắt, bị đứt liên lạc nay đã trở lại sinh hoạt đảng và được bầu làm đại biểu mà cấp uỷ đảng đã có thể kết luận được là không có vấn đề phải xem xét về tư cách đảng viên thì phải triệu tập đồng chí đó đi dự Đại hội. Đối với những đồng chí mà khuyết điểm, sai lầm xét ra không phải thi hành kỷ luật đến mức lưu Đảng, hoặc chưa có đủ chứng cứ và thời gian để kết luận chính xác thì đồng chí đó vẫn được triệu tập đi dự Đại hội. Trong trường hợp phải bác bỏ tư cách đại biểu, cấp uỷ đảng cần báo cáo với Ban Kiểm tra tư cách đại biểu và Đoàn chủ tịch của Đại hội để cân nhắc và quyết định.

5. Sau Đại hội, cần kiện toàn Uỷ ban nhân dân, các ban của Đảng, các ngành trọng yếu và bàn biện pháp cải tiến lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện; chú trọng kiện toàn cấp huyện

¹⁾ Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.37, tr.411 (B.T).

theo tinh thần Nghị quyết của Đại hội lần thứ IV của Đảng. ở cấp tỉnh, thành, ngoài các Ban Tổ chức, Tuyên huấn, Khoa giáo (hoặc Tuyên giáo ở các địa phương phía Nam) và Uỷ ban Kiểm tra, cần kiện toàn Ban Kinh tế, Ban Nông nghiệp hiện có của cấp uỷ đảng. Ở các tỉnh phía Nam, trước mắt Ban Kinh tế có nhiệm vụ giúp cấp uỷ chỉ đạo công tác cải tạo công thương nghiệp và kiểm tra các ngành, các cơ sở chấp hành đường lối, chính sách và các nghị quyết về kinh tế của cấp uỷ. Ban Nông nghiệp có nhiệm vụ phối hợp với các ngành chính quyền nghiên cứu chỉ đạo và kiểm tra việc chấp hành các chính sách ruộng đất, làm thí điểm hợp tác hoá nông nghiệp và xây dựng cấp huyện.

Ban Chấp hành mới bầu cử ra Uỷ ban Kiểm tra. Uỷ ban Kiểm tra tỉnh, thành phố gồm từ 5 đến 9 đồng chí, trong đó có 2 đến 3 cấp uỷ viên; Uỷ ban Kiểm tra huyện, quận và cấp tương đương gồm từ 3 đến 5 uỷ viên, trong đó có 1 hoặc 2 cấp uỷ viên. Uỷ viên Uỷ ban Kiểm tra cấp tỉnh, huyện gồm chủ yếu là cán bộ chuyên trách; ở cấp tỉnh, thành phố, có đồng chí Trưởng hoặc Phó ban Tổ chức và đồng chí Trưởng ban Thanh tra chính quyền tham gia làm uỷ viên; ở cấp huyện thì có một đồng chí trong Ban Tổ chức làm uỷ viên. Uỷ ban Kiểm tra ở những cơ sở được phép lập có từ 3 đến 5 đồng chí, trong đó có 1 cấp uỷ viên.

Chính phủ sẽ hướng dẫn về cấu tạo cụ thể của Uỷ ban nhân dân các cấp để cho việc phân công các cấp uỷ viên tham gia Uỷ ban nhân dân ăn khớp và phù hợp với việc kiện toàn Uỷ ban trong dịp bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp sắp tới.

6. Thời gian họp Đại hội vòng 2 ở các cấp là từ nay đến

giữa quý II. Đại hội ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sẽ họp sau khi đã hoàn thành gieo cấy lúa đông - xuân để khỏi ảnh hưởng đến sản xuất. Các tỉnh, thành uỷ phải gửi sớm lên Ban Bí thư bản tóm tắt đề án Đại hội và dự kiến nhân sự của Ban Chấp hành tỉnh, thành.

T/M ban bí thư
Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 04 -TT/TW, ngày 22 tháng 1 năm 1977

**Hướng dẫn một số điểm về chế độ sinh hoạt
của các đồng chí Uỷ viên Trung ương Đảng**

Theo chủ trương của Bộ Chính trị, từ nay tạm thời áp dụng chế độ sinh hoạt của các đồng chí Uỷ viên Trung ương như dưới đây:

1. Đối với các đồng chí Uỷ viên Trung ương khoá III nay thôi Trung ương, thì nhà ở, phương tiện sinh hoạt, người phục vụ, xe ô tô con, bản tin và việc săn sóc sức khỏe vẫn giữ như cũ. Đồng chí nào về hưu vẫn được cấp bản tin, được trợ cấp 35 đồng (để thay thế một người phục vụ), được dùng xe ô tô của cơ quan cũ khi đi khám và chữa bệnh, khi đi tham quan hoặc những trường hợp cần thiết khác.

2. Các đồng chí mới trúng cử Trung ương lần này (khoá IV) thì hưởng theo chức vụ đương làm. Trong trường hợp không giữ chức vụ Trưởng ban, Phó trưởng ban, Bộ trưởng, Thứ trưởng hoặc Bí thư, Chủ tịch tỉnh, thành phố thì cơ quan, đơn vị có đồng chí Trung ương đó cần bố trí xe ô tô con đưa đồng chí đi công tác, đi khám bệnh và chữa bệnh, đi tham quan; cấp sổ thực phẩm B mua tại cửa hàng Tôn Đản, sổ mua hàng tại cửa hàng giao tế; nếu ở địa phương thì được cấp giấy giới

thiệu mua thực phẩm tương tự; khi ốm đau thì chữa bệnh tại nhà A2 Bệnh viện Hữu nghị Việt - Xô hoặc Bệnh viện Thống Nhất.

3. Ban Tổ chức Trung ương chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn giải quyết và quản lý về chế độ sinh hoạt của các đồng chí Uỷ viên Trung ương.

4. Văn phòng Trung ương Đảng có nhiệm vụ quản lý và thực hiện chế độ sinh hoạt của các đồng chí trong Bộ Chính trị, trong Ban Bí thư, và một vài trường hợp khác do Bộ Chính trị giao cho.

T/M ban bí thư

Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 05-TT/TW, ngày 24 tháng 1 năm 1977

Kỷ niệm lần thứ 47 ngày thành lập Đảng (3-2)

Đại hội lần thứ IV của Đảng đã quyết định đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta, đã quyết định đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Việt Nam và sửa đổi Điều lệ cho phù hợp với những biến đổi về nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ tổ chức của Đảng trong giai đoạn mới của cách mạng nước ta.

Nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập Đảng năm nay, cần tiến hành *một đợt tuyên truyền bước đầu có hệ thống và cơ bản về Đảng* trong cán bộ, đảng viên và nhân dân ta, nhất là ở các tỉnh phía Nam.

1. *Yêu cầu của đợt tuyên truyền* này nhằm nâng cao sự hiểu biết về Đảng, cả về lý luận lẫn thực tiễn, từ đó mà *tăng cường ý chí và tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên đối với sự nghiệp cách mạng, bồi dưỡng nhiệt tình và lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng*; trên cơ sở đó,

động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đoàn kết thành một khối vững chắc, đem hết tinh thần và lực lượng *ra sức phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, đẩy mạnh phong trào lao động sản xuất và tiết kiệm*, thực hiện thắng lợi những nghị quyết của Đại hội, trước hết là kế hoạch nhà nước năm 1977 mà cụ thể là *nhiều mục tiêu và chỉ tiêu phấn đấu của mỗi đơn vị, mỗi cơ sở*.

2. Nội dung đợt tuyên truyền này tập trung vào một số vấn đề cơ bản về xây dựng đảng là: mục đích, lý tưởng, tính chất của Đảng; những nguyên tắc tổ chức của Đảng; mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và quần chúng; tư cách và nhiệm vụ của đảng viên.

Nêu cao tính giai cấp và tính tiên phong của Đảng, tinh thần suốt đời hy sinh phấn đấu vì lý tưởng, ý thức tôn trọng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động và tinh thần hết lòng hết sức phục vụ nhân dân của người cán bộ, đảng viên.

Trình bày những vấn đề cơ bản nói trên cần kết hợp với giới thiệu lịch sử Đảng và đường lối của Đảng, mặt khác, cần phân tích, giải đáp những vấn đề cụ thể, phát huy những ưu điểm và nhất là tích cực sửa chữa những khuyết điểm của cán bộ, đảng viên, để tạo được một sự chuyển biến thiết thực ở mỗi đơn vị, mỗi cơ sở.

3. Một số biện pháp cần tiến hành:

a) Tổ chức một đợt sinh hoạt học tập Điều lệ (sửa đổi) ở tất cả các tổ chức cơ sở của Đảng, kết hợp với việc tiến hành Đại hội vòng 2 ở các cấp, liên hệ kiểm điểm sự lãnh đạo, thảo luận và quyết định chương trình, kế hoạch công tác mới của

đảng bộ, chi bộ; tiến hành tự phê bình, phê bình và trao đổi ý kiến, xây dựng mục tiêu phấn đấu mới của mỗi cán bộ, đảng viên.

b) *Tổ chức một đợt giới thiệu rộng rãi về Đảng trong quần chúng:* Tổ chức những cuộc nói chuyện riêng từng đối tượng: công nhân, nông dân, phụ nữ, thanh niên, trí thức, học sinh để thiết thực gắn nội dung chung với những yêu cầu và nhiệm vụ của mỗi đối tượng. Tổ chức cho quần chúng góp ý phê bình cán bộ, đảng viên và chi bộ đảng, dân chủ bàn bạc biện pháp, hiến kế khắc phục khó khăn, xây dựng kế hoạch sản xuất, tổ chức đời sống của đơn vị, của cơ sở; phát động phong trào đăng ký lập công, hoàn thành kế hoạch. Chú ý bố trí những cán bộ lãnh đạo chủ chốt, có uy tín, tham gia nói chuyện và chỉ đạo các cuộc sinh hoạt của quần chúng.

c) Báo chí, đài phát thanh, truyền hình bố trí chuyên mục giới thiệu về Đảng, phản ánh sinh hoạt, các tổ chức đảng, tình hình cán bộ, đảng viên, có biểu dương, phê phán rõ ràng.

Cần đặc biệt *nêu cao tinh thần gương sáng của Hồ Chủ tịch*, vị lãnh tụ vĩ đại của Đảng và của dân tộc, người chiến sĩ cộng sản lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế.

Nêu cao những đồng chí xuất sắc trong lịch sử và những đảng viên cộng sản ưu tú hy sinh trong kháng chiến.

Các hoạt động triển lãm, chiếu bóng, biểu diễn văn hoá, nghệ thuật trong dịp này nhằm phục vụ các yêu cầu và nội dung của đợt tuyên truyền.

d) *Đẩy mạnh phong trào hành động cách mạng* của tất cả mọi ngành, mọi người, trên mặt trận lao động, sản xuất và tiết

kiệm nhất là về lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng. Ban Tuyên huấn và Ban Tổ chức Trung ương cần phối hợp, giúp đỡ các tỉnh bồi dưỡng báo cáo viên cho cấp dưới.

T/M Ban bí thư
Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thông báo
của Ban Bí thư**

Số 05-TB/TW, ngày 24 tháng 1 năm 1977

Về việc phân công trong Bộ Chính trị

Ngày 3-1-1977, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã họp và phân công các đồng chí trong Bộ Chính trị.

Ngoài đồng chí Lê Duẩn, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, là người đứng đầu Bộ Chính trị và Ban Bí thư, các đồng chí khác được phân công như sau:

Phụ trách công tác đảng và công tác dân vận:

- Đồng chí Trường Chinh, chủ trì công việc của Bộ Chính trị khi đồng chí Lê Duẩn đi vắng, phụ trách công tác nghiên cứu lý luận của Trung ương Đảng, Bí thư Đảng đoàn kiêm Chủ tịch Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.
- Đồng chí Lê Đức Thọ, phụ trách công tác tổ chức.
- Đồng chí Nguyễn Duy Trinh, thường trực Ban Bí thư.

 - Đồng chí Nguyễn Văn Linh, phụ trách dân vận và mặt trận.

 - Đồng chí Tố Hữu, phụ trách tuyên huấn và văn giáo.

Phụ trách công tác chính quyền:

- Đồng chí Phạm Văn Đồng, Thủ tướng Chính phủ.
- Đồng chí Phạm Hùng, Phó Thủ tướng thường trực.

- Đồng chí Võ Nguyên Giáp, Phó Thủ tướng phụ trách quốc phòng và khoa học - kỹ thuật.

- Đồng chí Lê Thanh Nghị, Phó Thủ tướng, Chủ nhiệm Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước, phụ trách công tác quan hệ kinh tế với nước ngoài.

- Đồng chí Trần Quốc Hoàn, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Trưởng Ban Nội chính của Trung ương Đảng.

- Đồng chí Võ Chí Công, Phó Thủ tướng phụ trách khối nông nghiệp, lâm nghiệp, hải sản.

- Đồng chí Đỗ Mười, Phó Thủ tướng phụ trách xây dựng cơ bản, Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Phụ trách công tác quân sự:

- Đồng chí Văn Tiến Dũng, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Đồng chí Chu Huy Mân, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

Phụ trách địa phương:

- Đồng chí Lê Văn Lương, Bí thư Thành ủy Hà Nội.

- Đồng chí Võ Văn Kiệt, Bí thư Thành ủy kiêm Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

T/M Ban bí thư

Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 06-TT/TW, ngày 27 tháng 1 năm 1977

Hướng dẫn chuẩn bị nhân sự cấp tỉnh, thành ủy

Ban Bí thư đã có Chỉ thị số 3 ngày 22-1-1977 về lãnh đạo chuẩn bị Đại hội vòng 2. Nay nhắc thêm một số điểm về việc chuẩn bị nhân sự.

Cấp tỉnh, thành có trách nhiệm rất lớn trước Trung ương thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, lãnh đạo và chỉ đạo phát triển kinh tế, văn hoá, chăm sóc và tổ chức đời sống của hàng triệu nhân dân, làm tốt công tác trị an và quốc phòng, xây dựng đảng và vận động quần chúng. Các tỉnh uỷ, thành uỷ có trách nhiệm trực tiếp xây dựng huyện từng bước tiến lên thành đơn vị kinh tế có nông nghiệp và công nghiệp gắn bó chặt chẽ với nhau theo chủ trương chung của Trung ương Đảng và Chính phủ.

Việc chuẩn bị nhân sự cấp tỉnh, thành uỷ cho nhiệm kỳ 1977-1978 phải theo phương hướng quy hoạch cán bộ từ nay đến năm 1980 và sau năm 1980, nhằm cấu tạo đội ngũ lãnh đạo cấp tỉnh, thành từng bước trẻ hoá, có năng lực lãnh đạo toàn diện, trong đó rất coi trọng lãnh đạo kinh tế, xây dựng đảng, lãnh đạo công tác quần chúng, và tuỳ theo đặc điểm từng địa phương mà đặt đúng mức công tác quân sự, trị an.

Phải nắm vững tiêu chuẩn cán bộ của Trung ương, mạnh dạn đưa vào cấp uỷ những đồng chí có năng lực về quản lý kinh tế, có hiểu biết về khoa học, kỹ thuật, những cán bộ còn trẻ tuổi đã trải qua thử thách trong công tác thực tế, tạo điều kiện để cấp uỷ qua mỗi nhiệm kỳ có tuổi bình quân ngày càng giảm, và trong quá trình tiến lên của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, năng lực lãnh đạo toàn diện của cấp uỷ ngày càng tăng. Trong nhiệm kỳ này, số đồng tỉnh, thành uỷ viên nên từ dưới 40 đến khoảng 50 tuổi. Những đồng chí cấp uỷ viên trên 60 tuổi và những đồng chí sức khỏe quá kém thì cần được nghỉ hưu hoặc đi chữa bệnh.

Sau Đại hội, cần tổ chức các lớp tại chức để bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực lãnh đạo cho các cấp uỷ viên. Chú trọng đưa những đồng chí cấp uỷ viên còn trẻ và có triển vọng đi học các lớp ngắn hạn và dài hạn nhằm bồi dưỡng, đào tạo một cách cơ bản.

Trong việc chuẩn bị nhân sự, phải lắng nghe ý kiến cấp dưới, mở rộng dân chủ, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ đối với việc bầu cử cơ quan lãnh đạo. Trước khi họp Đại hội, các tỉnh, thành uỷ cần hướng dẫn để tập thể lãnh đạo của từng ngành, từng ban huyện uỷ bàn bạc giới thiệu những người có đủ tiêu chuẩn vào tỉnh uỷ, thành uỷ. Phải dựa trên những ý kiến của số đông cán bộ, đảng viên và quần chúng mà lựa chọn những đồng chí xứng đáng lập danh sách giới thiệu trong Đại hội.

T/M Ban bí thư
Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Chỉ thị
của Ban Bí thư**

Số 04-CT/TW, ngày 2 tháng 2 năm 1977

Về việc tiếp tục phát động quần chúng xây dựng cơ sở chính trị, truy quét Fulro, bảo vệ an ninh chính trị ở các tỉnh Tây Nguyên và Nam Khu V cũ

1. Fulro là một tổ chức phản động do đế quốc Pháp và Mỹ thành lập, nuôi dưỡng và trang bị, nhằm thực hiện âm mưu lâu dài và thâm độc của chúng là lợi dụng một bộ phận trong dân tộc ít người, chia rẽ các dân tộc ít người với nhau và với người Kinh để duy trì ảnh hưởng của chúng ở vùng Tây Nguyên và thực hiện kế hoạch phá hoại cách mạng Việt Nam. Một pharc tạp trong vấn đề Fulro là bọn cầm đầu phản động tay sai của đế quốc, với sự tiếp tay của đế quốc Mỹ, đã dùng chiêu bài "dân tộc" lừa gạt được một số đồng bào dân tộc ít người, và đã lợi dụng tôn giáo, thần quyền mê hoặc và khống chế quần chúng, gây bạo loạn, phá rối an ninh chính trị, chống lại cách mạng.

Do đó, vấn đề Fulro không phải đơn thuần là vấn đề quân sự mà chủ yếu là vấn đề chính trị, phải được giải quyết một cách cơ bản và lâu dài. Việc truy quét Fulro phải gắn liền với việc thực hiện chính sách của Đảng đối với dân tộc, đối với

tôn giáo, gắn liền với các nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Tây Nguyên.

Sau ngày giải phóng miền Nam, chấp hành chỉ thị của Trung ương, các địa phương đã cùng lực lượng vũ trang cách mạng truy quét Fulro, đạt được kết quả khá, góp phần làm ổn định một bước tình hình ở địa phương. Nhưng hiện nay lực lượng và hoạt động của Fulro lại loang rộng ra các tỉnh Tây Nguyên và một số vùng Nam Khu V cũ. Chúng đã tráng trộn giết hại một số cán bộ cơ sở, khống chế nhiều buôn làng, bắt dân tiếp tế cho chúng, bắt thanh niên đi theo chúng, tập kích cơ quan xã, cướp đường, uy hiếp một số thị trấn, thị xã và đường giao thông, phá hoại công việc sản xuất và đời sống của nhân dân. Ở nhiều buôn làng thuộc Đắc Lắc, Lâm Đồng, tình hình an ninh chính trị đang nghiêm trọng. Sở dĩ có tình hình ấy là do các cấp uỷ địa phương thiếu tinh thần cảnh giác cách mạng, không nắm vững những hành động phản cách mạng của địch, nhất là ở cơ sở, chưa thấy rõ, chưa thấy đúng mức thực chất của vấn đề Fulro, âm mưu, thủ đoạn thâm độc và lâu dài của chúng, cho nên có phần chủ quan trước kết quả công tác năm 1975 và lơi lỏng trong việc nắm tình hình cụ thể để chỉ đạo tiếp tục truy quét Fulro. Vấn đề Fulro chưa được đặt trong toàn bộ kế hoạch xây dựng và củng cố vùng Tây Nguyên là một nơi có vị trí chiến lược rất quan trọng, tập trung hơn một triệu đồng bào các dân tộc ít người đã nhiều năm sống bưng bít dưới ách thống trị của đế quốc Pháp và Mỹ - nguy. Một số cấp uỷ đảng, cơ quan chính quyền và các lực lượng tiến hành truy quét Fulro lại chưa thật quán triệt đường lối, nhiệm vụ, phương châm, phương thức đấu tranh chống bọn phản cách mạng lợi dụng các dân tộc ít người, chưa biết phân biệt số ít phản cách mạng ngoan cố với đa số quần chúng dân tộc ít người bị lừa gạt, hoặc bị cưỡng ép đi theo địch, nhất là chưa nắm vững chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Đảng, chưa kiên trì phát động quần chúng để tách quần chúng khỏi ảnh hưởng của bọn phản cách mạng và tranh thủ quần chúng các dân tộc về phía ta, chưa kiên trì xây dựng cơ sở chính trị, xây dựng chính quyền ở

các buôn làng, chưa coi trọng việc đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và bảo vệ đội ngũ cán bộ người dân tộc. Có nơi còn nặng về dùng lực lượng vũ trang trấn áp, có trường hợp đã làm sai chính sách trong việc giam giữ và xử lý, làm sai chính sách đối với tầng lớp trên trong các dân tộc, chính sách đối với những người ra đầu hàng, chính sách cải tạo tại chỗ đối với số tể nguy là người dân tộc, do đó làm cho một số đồng bào các dân tộc hiểu lầm cách mạng, tạo sơ hở cho kẻ địch lợi dụng để kích động, lôi kéo quần chúng lạc hậu đi theo chúng. Trong việc tổ chức chỉ đạo truy quét Fulro thì thiếu chỉ đạo tập trung thống nhất, chưa kết hợp chặt chẽ các biện pháp chính trị, quân sự, kinh tế, chưa quán triệt *phương châm lấy công tác vận động quần chúng làm gốc để nắm chắc quần chúng, nắm chắc từng buôn làng*.

Âm mưu, thủ đoạn của địch tuy thâm độc, xảo quyệt, nhưng lẽ ra tình hình đã có thể chuyển biến tốt hơn hiện nay, nếu các cấp uỷ địa phương và các cơ quan có trách nhiệm nhận thức đúng và chỉ đạo thực hiện đúng chính sách của Đảng.

2. Việc ổn định tình hình chính trị, truy quét hết bọn Fulro ở các tỉnh Tây Nguyên và Nam Khu V cũ là *một nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài*, phải giải quyết kịp thời và giải quyết một cách cơ bản, vững chắc.

Phải quyết tâm thanh toán vấn đề Fulro một cách cơ bản và vững chắc để nhanh chóng xây dựng, phát triển Tây Nguyên về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội đúng với vị trí chiến lược rất quan trọng của vùng này...

Trước mắt, ở các tỉnh Tây Nguyên và Nam Khu V, phải rất tích cực giáo dục quần chúng, kiên trì phát động quần chúng, làm cho đồng bào các dân tộc ít người nhận rõ âm mưu, thủ đoạn, tội ác bán nước hại dân của bọn cầm đầu Fulro, phân biệt được địch, ta, đoàn kết chặt chẽ với nhau, kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động của địch; phải thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng, cố gắng cải thiện

một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân các dân tộc; tích cực xây dựng cơ sở đảng, chính quyền và các đoàn thể, xây dựng lực lượng an ninh, lực lượng vũ trang vững chắc. Trên cơ sở vận động, tranh thủ đồng bào quần chúng mà đánh địch liên tục nhằm tiêu diệt, làm tan rã, gọi hàng hết địch, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự xã hội, ra sức đẩy mạnh sản xuất, chăm lo đời sống của nhân dân các dân tộc, trước hết là về ăn, mặc, chữa bệnh và học tập, xây dựng buôn làng vững mạnh, xoá bỏ tận gốc mọi chỗ dựa của địch. Xuất phát từ đặc điểm của vấn đề Fulro, có kế hoạch giải quyết một cách toàn diện, kết hợp chính trị với quân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội; nắm vững các chính sách của Đảng, nhất là chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo, kiên trì phát động quần chúng; vận dụng chính sách đấu tranh chống bọn phản cách mạng trong vùng dân tộc một cách kiên quyết và thận trọng, có sách lược khôn khéo nhằm tiêu diệt bọn đầu sỏ phản động và bọn ngoan cố chống cách mạng, đồng thời tích cực phân hoá hàng ngũ địch, kiên trì giáo dục, cải tạo số quần chúng bị lừa gạt, bị cưỡng ép đi theo Fulro.

Trong việc chấp hành chính sách, phải làm tốt những việc sau đây:

Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất, hết lòng hết sức chăm lo cải thiện đời sống vật chất và văn hoá của các dân tộc ít người. Thực hiện đúng chính sách đoàn kết, tôn trọng bình đẳng và giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc. Phải chống mọi quan điểm sai lầm trái với chính sách dân tộc của Đảng, đập tan mọi luận điệu tuyên truyền vu khống xuyên tạc của địch.

Ra sức lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và bảo vệ đội ngũ cán bộ dân tộc; quý trọng và đánh giá đúng năng lực của cán bộ người dân tộc, triệt để phát huy khả năng về mọi mặt của cán bộ người dân tộc nhất là trong công tác vận động quần chúng ở địa phương.

Cần giáo dục, thuyết phục các gia đình có người thân bị lâm đường hoặc bị cưỡng ép đi theo Fulro khuyên bảo con em họ trở về với nhân dân; không được phân biệt đối xử làm cho họ xa lánh cách mạng.

Đối với những người theo Fulro đã ra đầu thú và đầu hàng cách mạng, phải thực hiện nghiêm chỉnh chính sách khoan hồng và kiên trì giáo dục để giúp họ tiến bộ.

Đối với những người tiến bộ trong tầng lớp trên của các dân tộc, phải ra sức tranh thủ họ làm việc cho cách mạng, tích cực sử dụng họ vào việc tuyên truyền vận động quần chúng.

Đối với bọn phản động chống lại cách mạng, cũng kêu gọi chúng trở về với nhân dân và khi chúng đã trở về với nhân dân thì kiên trì giáo dục cảm hoá. Nếu chúng vẫn tiếp tục chống lại thì phải bao vây, cắt mọi đường tiếp tế và kêu gọi chúng ra hàng; nếu chúng ngoan cố không chịu hàng thì kiên quyết bắt cho bằng được. Đối với những tên phản động đầu sỏ thì thu thập đầy đủ chứng cứ về tội ác của chúng để vạch mặt chúng trước nhân dân và đưa ra pháp luật trừng trị. Phải tranh thủ sự đồng tình của đồng bào các dân tộc khi cần trừng trị bọn phản cách mạng người dân tộc có tội nặng.

Đối với bọn bị bắt, công an phải giam giữ, giáo dục, khai thác để tuỳ tình hình mà xử lý; đối xử tử tế, tuyệt đối cấm đánh đập tra tấn hoặc dùng bất cứ thứ nhục hình nào.

3. *Từ nay đến mùa mưa năm 1977, việc phát động quần chúng truy quét Fulro ở các tỉnh Tây Nguyên và Nam Khu V phải đạt được các yêu cầu sau đây:*

a) *Tiêu diệt về cơ bản bọn chỉ huy đầu não và lực lượng vũ trang gây bạo loạn, bắt cho được bọn đầu sỏ đang khống chế các buôn làng, rừng núi, hoặc ẩn náu trong nhà thờ để hoạt động chống lại cách mạng.*

b) *Xây dựng và củng cố cơ sở đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng, xây dựng lực lượng an ninh, lực lượng vũ trang vững chắc ở các buôn làng, giáo dục phát động quần chúng chống lại Fulro, làm cho không còn buôn làng nào bị địch khống chế, buôn làng nào cũng có chính quyền cách mạng, có cốt cán, cán bộ tại chỗ.*

c) *Lập lại và củng cố an ninh chính trị, trật tự xã hội trong các tỉnh, huyện, bảo đảm an toàn cho các cơ sở kinh tế quan*

trọng, các trục đường giao thông chính, đường sắt cũng như đường bộ, các thị xã, thị trấn, khu vực biên giới và bờ biển.

d) *Đẩy mạnh sản xuất, cải thiện một bước đời sống của đồng bào các dân tộc.* Kết hợp chặt chẽ việc xây dựng các vùng kinh tế mới với việc chăm lo giúp đỡ sản xuất, cải thiện đời sống của nhân dân địa phương.

Để làm được những việc nói trên, mỗi tỉnh uỷ ở khu vực có Fulro hoạt động phải nắm lại tình hình trong địa phương một cách cụ thể, phân loại các buôn áp cho chính xác, xác định những nơi có bọn Fulro hoạt động hoặc ẩn náu trong dân để vạch kế hoạch chỉ đạo thật sát và cụ thể, phát động quần chúng truy quét Fulro.

Tất cả các cán bộ chính trị, quân sự, kinh tế, các chiến sĩ quân đội, an ninh tham gia công tác này đều phải được huấn luyện, bồi dưỡng kỹ về chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo và chính sách trấn áp phản cách mạng; phải huy động tất cả các lực lượng vào công tác vận động quần chúng, làm tốt công tác chính trị. Lực lượng quân sự thường xuyên hỗ trợ cho các lực lượng chính trị đứng chân vững vàng ở các địa bàn hoạt động; trong trường hợp cần thiết, lực lượng quân sự được sử dụng với quy mô thích hợp để truy diệt những toán phản động Fulro vũ trang.

Trong việc sử dụng lực lượng, trước hết phải lựa chọn và bồi dưỡng những cán bộ và chiến sĩ người dân tộc ở địa phương hoặc những cán bộ, chiến sĩ đã sinh sống, hoạt động lâu năm ở vùng dân tộc, am hiểu phong tục tập quán và tốt nhất là biết nói tiếng dân tộc; những cán bộ, chiến sĩ ở nơi khác đến cũng có thể được huy động nhưng phải được bồi dưỡng chu

đáo và lựa chọn những người có thể đào tạo thành cán bộ, cốt cán hoạt động lâu dài ở địa phương.

Việc chỉ đạo phát động quần chúng truy quét Fulro ở mỗi tỉnh đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất và trực tiếp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Thành lập Ban chỉ đạo do một đồng chí Uỷ viên Thường vụ Tỉnh ủy làm Trưởng ban để giúp Tỉnh ủy trong công tác này, gồm các đồng chí chỉ huy quân sự địa phương, Ty Công an và đơn vị bộ đội chủ lực đóng tại địa phương. Chú ý giải quyết tốt việc *phối hợp, hiệp đồng giữa các địa phương*, tránh những sơ hở ở các vùng giáp ranh các tỉnh. Các tỉnh có vấn đề Fulro, Tỉnh ủy cần báo cáo kịp thời, chính xác khi có diễn biến mới và định kỳ báo cáo hàng tuần lên Trung ương.

Bộ Tổng tham mưu, Bộ Nội vụ, Ban Dân tộc Trung ương có trách nhiệm giúp Trung ương và Chính phủ theo dõi, chỉ đạo chặt chẽ việc thi hành Chỉ thị này. Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước, các cơ quan kinh tế, văn hoá, y tế, theo chức năng của mỗi cơ quan, tích cực chăm lo giúp đỡ về sản xuất và đời sống của đồng bào các dân tộc.

T/M ban bí thư

Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Triệu tập lớp bồi dưỡng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV cho cán bộ cao cấp, trung cấp

Ban Bí thư đã ra Chỉ thị số 01 ngày 28-12-1976 về việc tổ chức tuyên truyền giáo dục Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV cho cán bộ, đảng viên. Việc học tập sẽ dùng hình thức tại chức làm chính. Các cấp uỷ, các ban, Đảng đoàn cần tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập đạt kết quả tốt.

Để bảo đảm việc học tập cho cán bộ, đảng viên, Ban Bí thư quyết định mở những lớp ngắn ngày tại Trường Nguyễn ái Quốc Trung ương cho cán bộ cao, trung cấp ở các ngành trung ương và các tỉnh, thành.

Đối tượng triệu tập lớp đầu:

- Mỗi ban, đảng đoàn Bộ, Tổng cục một đồng chí trong ban hoặc đảng đoàn và từ một đến hai đồng chí Vụ trưởng.

- Mỗi tỉnh, thành một đồng chí uỷ viên thường vụ phụ trách tuyên huấn và một đồng chí cấp uỷ viên phụ trách kinh tế.

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 07-TT/TW, ngày 14 tháng 2 năm 1977

- Trong quân đội cử một số cán bộ từ cấp cục trở lên (Số lượng cán bộ quân đội dự lớp này do Ban Tổ chức Trung ương bàn với Trường Nguyễn ái Quốc Trung ương và Tổng cục Chính trị rồi quyết định).

- Các Đảng uỷ trực thuộc Trung ương cử một đồng chí uỷ viên thường vụ phụ trách tuyên huấn.

Thời gian học: khoảng 45 ngày.

Ngày khai mạc: 15-3-1977 tại Trường Nguyễn ái Quốc Trung ương (Hà Nội).

Các ngành, các địa phương căn cứ vào Thông tri này cử cán bộ đúng đối tượng đi học. Danh sách cán bộ được cử đi học gửi cho Ban Tổ chức Trung ương và Ban Giám đốc Trường Nguyễn ái Quốc Trung ương trước ngày 28-2-1977.

T/M ban bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thông báo
của Ban Bí thư**

Số 06-TB/TW, ngày 22 tháng 2 năm 1977

Về việc phân công trong Ban Bí thư

Ngày 3 -1-1977, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã họp và phân công các đồng chí trong Ban Bí thư như sau:

- Đồng chí Lê Duẩn, Tổng Bí thư, phụ trách chung.
- Đồng chí Lê Đức Thọ, Trưởng ban Tổ chức Trung ương Đảng.
- Đồng chí Nguyễn Duy Trinh, Thường trực Ban Bí thư.
- Đồng chí Nguyễn Văn Linh, Trưởng ban Cải tạo công thương nghiệp tư doanh của Trung ương Đảng.
- Đồng chí Tố Hữu, phụ trách Tuyên huấn, Văn giáo, Trưởng ban Tuyên huấn và Trưởng ban Khoa giáo của Trung ương Đảng.
- Đồng chí Xuân Thuỷ, Trưởng ban Đối ngoại, Trưởng ban Quốc tế nhân dân, Trưởng ban Dân vận và Mặt trận của Trung ương và công tác quốc hội.
- Đồng chí Nguyễn Lam, Trưởng ban Công nghiệp Trung

ương và phụ trách các Ban kinh tế của Trung ương Đảng.

- Đồng chí Song Hào, Trưởng ban Kiểm tra của Trung ương Đảng.

- Đồng chí Lê Quang Đạo, Phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

Xin thông báo để các đồng chí biết.

T/M Ban bí thư

Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Số 05-CT/TW, ngày 8 tháng 3 năm 1977

Về tăng cường công tác dân vận và mặt trận

Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng nêu lên một số vấn đề rất cơ bản trong đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là xây dựng chế độ làm chủ tập thể và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Đó là mục tiêu chính của công tác dân vận trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội. Các cấp bộ đảng phải tăng cường lãnh đạo công tác dân vận và mặt trận nhằm mục tiêu đó. Về nội dung cụ thể, cần thực hiện tốt những công tác dưới đây:

1. *Nâng cao trách nhiệm của các cấp bộ đảng, các cấp chính quyền và đoàn thể quần chúng đối với công tác dân vận và mặt trận, lãnh đạo tốt sự phối hợp giữa các bộ phận trong hệ thống chuyên chính vô sản*

Năm vững và thực hiện phương hướng công tác nói trong Nghị quyết Đại hội IV là: "Thông qua hoạt động của Nhà nước và của các đoàn thể quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng mà phát huy vai trò chủ động và óc sáng tạo của nhân dân, dấy lên những phong trào thi đua lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, khiến mọi hoạt động của quần chúng đều trở thành hoạt động có tổ chức trên quy

mô lớn phù hợp với quy luật khách quan, kết hợp chặt chẽ tính cách mạng với tính khoa học, tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn, xoá bỏ cái cũ, sáng tạo cái mới". Tổ chức đảng ở từng cấp phải đề ra chủ trương đúng và kịp thời, lãnh đạo tốt sự phối hợp công tác giữa các cơ quan nhà nước và các đoàn thể quần chúng, giữ gìn và xây dựng mối liên hệ chặt chẽ giữa đảng viên với quần chúng.

Các cơ quan nhà nước phải thể hiện quan điểm quần chúng trong công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội cũng như trong công tác xây dựng tổ chức nhà nước; giáo dục cán bộ, nhân viên nhà nước thường xuyên quan tâm xây dựng mối quan hệ gắn bó với nhân dân, kiên quyết chống tệ quan liêu, mệnh lệnh, tham ô, lăng phí; phối hợp với các đoàn thể trong công tác tuyên truyền, động viên, giáo dục nhân dân; cung cấp phương tiện làm việc cần thiết cho các đoàn thể và mặt trận.

Các đoàn thể quần chúng: Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội đồng nông dân tập thể và Nông hội (miền Nam), Hội Liên hiệp Phụ nữ, Mặt trận Tổ quốc, v.v. là những sợi dây nối liền Đảng với quần chúng và là chỗ dựa của chính quyền. Theo Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV, nhiệm vụ chung của các đoàn thể là: "Tổ chức cho quần chúng tham gia và kiểm tra công việc của Nhà nước, đồng thời là trường học về chủ nghĩa xã hội của quần chúng".

Sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước là sự nghiệp của quần chúng. Tổ chức đảng, cơ quan nhà nước và đoàn thể phải phát huy sức mạnh tổng hợp nhằm đạt mục tiêu chung là xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hoá mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

2. Phát huy vai trò của các đoàn thể quần chúng trên mảnh đất công tác chính

a) Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng trong các tầng lớp nhân dân, nhằm nâng cao sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong cả nước để thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ. Đối với các tỉnh ở miền Nam, đặc biệt chú trọng giáo dục về chủ nghĩa xã hội, về quy luật phát triển tất yếu của cuộc đấu tranh xoá bỏ giai cấp tư sản, về nội dung các chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát động cho được đồng đảo quần chúng lao động, tạo ra chỗ dựa vững chắc trong giai cấp công nhân và quần chúng cách mạng, đồng thời tranh thủ sự đồng tình của các tầng lớp khác. Nắm vững mục tiêu của công tác giáo dục chính trị và tư tưởng là xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Căn cứ vào tiêu chuẩn chung về con người mới được nêu lên trong Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV mà tiếp tục nghiên cứu xây dựng những tiêu chuẩn cụ thể và có biện pháp thiết thực từng bước giáo dục, xây dựng con người mới theo tiêu chuẩn đó. Phải thực hiện tích cực và sinh động nhiệm vụ công tác tư tưởng và văn hoá theo Nghị quyết của Đại hội Đảng: Tuyên truyền sâu rộng chủ nghĩa Mác - Lê nin và đường lối chính sách của Đảng; đấu tranh chống tư tưởng và văn hoá phản động, lạc hậu của các giai cấp bóc lột... Giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa, chống tư tưởng tư sản và tàn dư tư tưởng phong kiến, phê phán tư tưởng tiểu tư sản, quét sạch ảnh hưởng của tư tưởng và văn hoá thực dân mới ở miền Nam.

b) Đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng, trước hết là *phong trào thi đua lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội*. Xây dựng các tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa, tổ, đội lao động tiên tiến, phong trào của tập thể

và cá nhân lao động tình nguyện vượt mức kế hoạch, phát huy vai trò và tác dụng xung kích của thanh niên, gây phong trào các địa phương, các ngành thi đua đuổi kịp và vượt các đơn vị, cá nhân tiên tiến.

Các cơ quan nhà nước và đoàn thể phải phối hợp chặt chẽ với nhau nhằm bảo đảm tốt nhất các điều kiện cho sản xuất và xây dựng, làm cho phong trào thi đua được liên tục và sôi nổi.

Cùng với phong trào thi đua lao động sản xuất, cần kiềm xây dựng chủ nghĩa xã hội, đẩy mạnh các phong trào hành động của mỗi tầng lớp nhân dân nhằm tổ chức lại và cải thiện đời sống vật chất và văn hoá, chống lãng phí, tham ô.

c) *Đảng viên và tổ chức quần chúng tham gia xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng*, tham gia quản lý Nhà nước, quản lý xã hội. Nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chính quyền, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự xã hội, ý thức tôn trọng và chấp hành chính sách, pháp luật và những quy chế công cộng, đấu tranh ngăn ngừa những hành động sai trái, xâm phạm lợi ích và các quyền tự do dân chủ của nhân dân.

Thường kỳ tổ chức các cuộc sinh hoạt dân chủ của các đoàn thể quần chúng để thảo luận các vấn đề có liên quan đến mỗi tầng lớp, để phê bình, kiểm tra các cơ quan và cán bộ, nhân viên nhà nước trong việc thực hiện chính sách, luật pháp, hoặc kiến nghị các biện pháp, chủ trương về quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Tổ chức cho quần chúng bàn bạc dân chủ, lựa chọn, giới thiệu những người xứng đáng vào các cơ quan dân cử. Thực hiện đúng và đầy đủ luật pháp, thể lệ, điều lệ về mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước và các đoàn thể quần chúng. Xây

dựng lề lối làm việc giữa Đảng, chính quyền và tổ chức quần chúng ở từng cấp, nhất là ở các cơ sở, nhằm phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong từng tổ chức.

d) Phát triển và củng cố các đoàn thể cách mạng của quần chúng nhằm tập hợp mọi công dân vào các hình thức tổ chức quần chúng thích hợp để mọi người được sinh hoạt chính trị hợp pháp ở cơ sở.

Kiện toàn cơ quan lãnh đạo các cấp của các đoàn thể, chú trọng củng cố và phát triển tổ chức cơ sở, nhất là trong vùng mới giải phóng, lấy việc xây dựng tổ chức cơ sở làm khâu then chốt nhằm thúc đẩy các phong trào cách mạng của quần chúng. Cải tiến nội dung và hình thức sinh hoạt của các tổ chức quần chúng cho sát với nhiệm vụ chính trị, sát với cuộc sống, sát với đặc điểm của từng tầng lớp quần chúng.

Tăng cường công tác mặt trận; lãnh đạo Uỷ ban Mặt trận các cấp đi vào công tác thiết thực, đẩy mạnh hoạt động của Mặt trận trong các tầng lớp trên, trong các vùng có vấn đề dân tộc, vấn đề tôn giáo, nhất là ở vùng mới giải phóng.

Tổ chức những hội nghị chuyên đề bàn sâu và thiết thực về công tác tổ chức và vận động quần chúng, nhất là ở các tỉnh miền Nam.

3. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng đối với công tác dân vận và mặt trận

Cấp uỷ thường xuyên theo dõi công tác của các đoàn thể và cơ quan nhà nước, phát huy những tư tưởng và tác phong tốt trong công tác dân vận, chống xa rời quần chúng, coi nhẹ công tác dân vận và mặt trận, chống lối làm việc quan liêu, mệnh lệnh trong cơ quan nhà nước, khắc phục lối làm việc theo nếp công chức cũ trong các đoàn thể.

Để giúp cấp uỷ lãnh đạo tốt công tác dân vận và mặt trận, cần thành lập Ban Dân vận và Mặt trận ở các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương theo Nghị quyết 249 của Bộ Chính trị và sự hướng dẫn của Ban Dân vận và Mặt trận Trung ương. Ở cấp huyện và tương đương, cần phân công uỷ viên thường vụ huyện uỷ phụ trách công tác dân vận và mặt trận, có một số cán bộ giúp việc. Ở cấp xã và tương đương, phân công uỷ viên thường vụ hoặc cấp uỷ viên phụ trách. Các đồng chí cấp uỷ viên được phân công phụ trách công tác dân vận và mặt trận phải chuyên trách hoặc dành phần lớn thời giờ để làm công tác đó.

Tập thể thường vụ các cấp uỷ đảng cần làm việc theo định kỳ với các Đảng đoàn của đoàn thể và Mặt trận, nắm vững tình hình công tác và tổ chức của các đoàn thể; lắng nghe ý kiến phê bình xây dựng, kịp thời giải quyết những đề nghị hợp lý.

Cấp uỷ cần giải quyết kịp thời các vấn đề này ra trong quan hệ giữa các đoàn thể quần chúng với cơ quan nhà nước, chỉ đạo tốt sự phối hợp giữa các đoàn thể, giữa đoàn thể và các cơ quan nhà nước, chống các biểu hiện cục bộ, bản vị, địa phương.

Trong năm 1977, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng Công đoàn và Hội Liên hiệp Phụ nữ sẽ lần lượt mở đại hội các cấp và Đại hội toàn quốc. Các cấp bộ đảng cần lãnh đạo tốt Đại hội của các đoàn thể và đại hội Mặt trận ở các cấp về cả hai mặt: xác định nhiệm vụ, phương thức công tác trong thời kỳ mới và xây dựng tổ chức, nhằm thực hiện tốt nhất Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và chương trình chính trị của Mặt trận. Ban Thường vụ cấp uỷ đảng trực tiếp xem xét và bàn bạc với cấp bộ trên của đoàn thể. Về việc bố trí nhân sự cho cơ quan lãnh đạo mới của đoàn

thể, trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực công tác, chú trọng cất nhắc cán bộ trẻ và sử dụng cán bộ ngoài Đảng.

Các cấp uỷ cần cử cán bộ có tín nhiệm và có khả năng về công tác dân vận trực tiếp phụ trách các đoàn thể; bảo đảm cho các cấp của đoàn thể có cán bộ cốt cán cần thiết; thực hiện tốt chính sách, chế độ đối với cán bộ đoàn thể. Chú ý giải quyết thoả đáng điều kiện và phương tiện làm việc cho các đoàn thể và Mặt trận.

*
* *

Chỉ thị này được phổ biến đến chi bộ. Các cấp uỷ tổ chức nghiên cứu Chỉ thị, nắm lại tình hình công tác dân vận và mặt trận ở địa phương, đề xuất những vấn đề cần giải quyết và có kế hoạch triển khai công tác. Kết hợp việc nghiên cứu thực hiện Chỉ thị này với việc chuẩn bị Đại hội vòng 2 của các đảng bộ địa phương. Ban Dân vận và Mặt trận Trung ương có sự hướng dẫn cần thiết, theo dõi việc thực hiện và báo cáo thường kỳ với Ban Bí thư.

T/M Ban bí thư
Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Quyết định
của Ban Bí thư**

Số 01-QĐ/TW, ngày 15 tháng 3 năm 1977

Về việc thành lập Tiểu ban đặc biệt ở Trung ương và ở các tỉnh, thành phía Nam trong công tác bảo vệ Đảng

Đảng ta là một Đảng có truyền thống đoàn kết thống nhất. Cán bộ, đảng viên của Đảng được rèn luyện thử thách trong cuộc chiến đấu lâu dài, phức tạp và ác liệt. Bảo vệ Đảng là công tác thường xuyên, luôn luôn gắn chặt với các mặt công tác xây dựng đảng trong mọi giai đoạn cách mạng, để bảo đảm cho tổ chức của Đảng được trong sạch và vững mạnh.

Để tiếp tục thẩm tra và kết luận những vấn đề chưa rõ của cán bộ, đảng viên bị địch bắt, hoặc những nghi vấn có vấn đề chính trị của cán bộ, đảng viên từ trước đến nay, qua tài liệu ta thu thập được ở các cơ quan tình báo, công an, chiêu hồi, nhà tù của địch, nhất là sau ngày miền Nam giải phóng; và qua đó tổng kết những kinh nghiệm về công tác bảo vệ Đảng;

Ban bí thư trung ương đảng quyết định:

1. Ngoài Vụ Bảo vệ Đảng của Ban Tổ chức Trung ương, nay thành lập Tiểu ban đặc biệt ở Trung ương để giúp Trung ương Đảng thẩm tra và kết luận những vấn đề chưa rõ và những nghi vấn có vấn đề chính trị của cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý; hướng dẫn Tiểu ban đặc biệt ở các tỉnh, thành thẩm tra những vấn đề trên của cán bộ, đảng viên thuộc diện dưới. Qua những việc đó, tổng kết kinh nghiệm về công tác bảo vệ Đảng.

Tiểu ban đặc biệt ở Trung ương gồm có năm đồng chí sau đây:

- Phan Văn Đáng, Uỷ viên Trung ương Đảng, Phó trưởng Ban Tổ chức Trung ương phụ trách công tác bảo vệ Đảng, làm Trưởng Tiểu ban.

- Trần Văn Sớm, Uỷ viên Trung ương Đảng, Phó trưởng Ban Kiểm tra Trung ương, làm Phó trưởng Tiểu ban.

- Hoàng Thao, Thứ trưởng Bộ Nội vụ, làm Uỷ viên Tiểu ban.

- Phạm Ngọc Mậu, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, làm Uỷ viên Tiểu ban.

- Nguyễn Trung Thành, Vụ trưởng Vụ Bảo vệ Đảng, làm Uỷ viên Tiểu ban.

- Đồng chí Lê Đức Thọ, Uỷ viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, trực tiếp chỉ đạo Tiểu ban này.

2. Các tỉnh uỷ, thành uỷ ở phía Nam cũng lập Tiểu ban đặc biệt để giúp cấp uỷ thẩm tra và kết luận những vấn đề chưa rõ và những nghi vấn có vấn đề chính trị của cán bộ, đảng viên trong phạm vi tỉnh, thành.

Thành phần Tiểu ban đặc biệt ở các tỉnh, thành cần có các đồng chí cấp uỷ viên ở các ngành: tổ chức, kiểm tra, công an. Cấp uỷ cử đồng chí uỷ viên thường vụ phụ trách Ban Tổ chức trực tiếp chỉ đạo Tiểu ban này.

Không thành lập Ban Bảo vệ Đảng tỉnh, thành như quy định trong Chỉ thị 236-CT/TW ngày 18-9-1976 của Ban Bí thư¹⁾. Các công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ các lực lượng cách mạng ở phía Nam đề ra trong Chỉ thị ấy do các cấp, các ngành có trách nhiệm ở trung ương và ở các tỉnh, thành tiếp tục khẩn trương chỉ đạo việc thực hiện.

3. Bộ máy giúp việc Tiểu ban đặc biệt ở Trung ương là Vụ Bảo vệ Đảng của Ban Tổ chức Trung ương. Trong công tác, Tiểu ban phải phối hợp chặt chẽ với Ban Tổ chức Trung ương, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ. Uỷ ban Kiểm tra Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ cần thực hiện chức năng của mình trong việc xử lý những người có vấn đề mà cấp uỷ có thẩm quyền đã kết luận, đúng nguyên tắc của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Bộ máy giúp việc Tiểu ban đặc biệt ở các tỉnh, thành là bộ phận công tác cán bộ của Ban Tổ chức tỉnh uỷ, thành uỷ. Trong công tác, Ban Tổ chức, Uỷ ban Kiểm tra, Ty, Sở Công an của tỉnh, thành cần phối hợp chặt chẽ với Tiểu ban đặc biệt ở tỉnh, thành.

Vụ Bảo vệ Đảng của Ban Tổ chức Trung ương và bộ phận công tác cán bộ của Ban Tổ chức tỉnh, thành cần được bổ sung đủ cán bộ để làm công tác này. Những cán bộ làm công tác này phải được lựa chọn bảo đảm đúng tiêu chuẩn.

4. Tiểu ban đặc biệt ở Trung ương và các tỉnh, thành phải làm xong nhiệm vụ trên trong thời gian 5 năm; nhưng cần khẩn trương, để hoàn thành càng sớm càng tốt. Phải tiến hành có trọng tâm, trọng điểm; từng thời gian, phải có kế hoạch làm rõ vấn đề của những cán bộ, đảng viên nào, để kịp

¹⁾ Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.37, tr.271 (B.T).

thời gop phần vào việc cung cấp các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ở các cấp, các ngành, và thanh lọc những phần tử xấu ra khỏi Đảng.

Khi hoàn thành nhiệm vụ, các Tiểu ban này sẽ giải thể. Những công việc cần tiếp tục, ở Trung ương sẽ do Vụ Bảo vệ Đảng của Ban Tổ chức Trung ương đảm trách theo nhiệm vụ thường xuyên; ở các tỉnh, thành sẽ do một số đồng chí ở bộ phận cán bộ của Ban Tổ chức tỉnh, thành, chuyên trách.

5. Ban Tổ chức Trung ương, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ, Quân uỷ Trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ ở phía Nam, các đồng chí được chỉ định tham gia Tiểu ban đặc biệt kể trên có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M Ban bí thư

Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thông báo
của Ban Bí thư**

Số 07-TB/TW, ngày 15 tháng 3 năm 1977

**Về việc Chính phủ ta chấp thuận tiếp Uỷ ban
của Tổng thống Hoa Kỳ tại Hà Nội**

Mục đích chính của việc Cato, Tổng thống Hoa Kỳ, cử một Uỷ ban đến Hà Nội lần này là để trực tiếp thăm dò chính sách đối ngoại của ta, lừa mị dư luận Mỹ, tạo điều kiện để xem xét và vạch ra chính sách thích hợp đối với Việt Nam, hòng kiếm một thế lợi cho chiến lược của Mỹ trên thế giới, đặc biệt là ở Đông Nam á sau thất bại to lớn của Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Chiến lược chung của đế quốc Mỹ về cơ bản vẫn tiếp tục thực hiện "học thuyết Thái Bình Dương mới" của Pho, tìm mọi cách phản kích các nước xã hội chủ nghĩa và các lực lượng cách mạng khác hòng giữ được vị trí của Mỹ trên thế giới và trong từng khu vực. ở Đông Nam á cũng vậy, Mỹ tìm cách phản kích là để giữ vững những vị trí còn lại của chúng ở vùng này, kiềm chế ảnh hưởng của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, vừa ngăn ngừa Liên Xô, Trung Quốc, vừa lợi dụng mâu thuẫn Xô - Trung, đồng thời tranh giành quyền lợi kinh tế với các nước đế quốc khác.

Quan hệ giữa nước ta và chính quyền Mỹ vốn là quan hệ địch ta. Nhân dân ta đã thắng Mỹ trên ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao. Tuy nước ta chưa có lực lượng kinh tế mạnh nhưng có ảnh hưởng quốc tế to lớn, có vị trí chính trị và quân sự; một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, xã hội chủ nghĩa có tác dụng tích cực góp phần vào sự lớn mạnh của các lực lượng xã hội chủ nghĩa và độc lập dân tộc ở Đông Nam á, làm thay đổi so sánh lực lượng ở khu vực này ngày càng bất lợi hơn nữa đối với đế quốc Mỹ.

Do vị trí chiến lược của Việt Nam như vậy, do mưu đồ chiến lược rất thâm độc của đế quốc Mỹ chống chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, thực chất chuyến đi Việt Nam của đoàn Mỹ là một bước thăm dò nhằm đặt cơ sở cho việc Cato định chính sách lâu dài đối với Việt Nam.

Bản chất đế quốc áy, như chúng đã nói trăng ra ngày 15-3-1976 ở Hội đồng nghiên cứu chính sách đối ngoại tại Chicagô: "Lợi ích của Mỹ đòi hỏi phải làm cho hoà hoãn trở nên rộng rãi hơn và có di có lại hơn. Hoà hoãn có thể là một công cụ để thực hiện những diễn biến hoà bình về lâu về dài trong hệ thống các nước cộng sản... Lợi ích của Mỹ và của hoà bình thế giới đòi hỏi phải thúc đẩy sự hình thành một thế giới cộng sản đa cực hơn". Vì lẽ đó, trong việc thực hiện quan hệ với Mỹ, ta phải thường xuyên cảnh giác, không sơ hở, vô vội, không nhẫn nhượng vô nguyên tắc.

Mặt khác, Mỹ ở trong tình thế khó khăn cả về chính trị và kinh tế. Mỹ có nhu cầu thật sự về xuất khẩu và về nhiên liệu. Những giới tư sản Mỹ cũng có yêu cầu "làm ăn" ở khu vực này của thế giới, nhất là về khai thác dầu lửa. Nhân dân tiến bộ Mỹ, dư luận chân chính ở Mỹ cũng là sức ép mà chính quyền Mỹ không thể bỏ qua trong vấn đề tiến tới bình

thường hoá quan hệ giữa Hoa Kỳ với nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Vì lẽ đó, trong quan hệ giữa ta với Mỹ, ta ở tư thế mạnh, có chính nghĩa, có vị trí và uy tín cao, biết rõ ý đồ chiến lược của Mỹ, ta chủ động vận dụng phương hướng chiến lược của ta nhằm đạt tới yêu cầu của ta.

Đi tới quan hệ bình thường giữa nước ta và Hoa Kỳ là một quá trình đấu tranh không giản đơn, không dễ dàng, đòi hỏi đại biểu của ta phải nấm vững nguyên tắc đồng thời biết vận dụng sách lược và phương pháp khôn khéo, linh hoạt.

Lập trường của ta, từ trước đến nay và từ nay về sau trong đàm phán với Mỹ trên một số vấn đề, là rất rõ ràng và đúng đắn:

1. Trách nhiệm to lớn của Hoa Kỳ về cuộc chiến tranh xâm lược có tính chất huỷ diệt mà Hoa Kỳ tiến hành ở Việt Nam là không thể chối cãi được. Chính phủ Hoa Kỳ, trong Điều 21 Chương III của Hiệp định Pari về Việt Nam, đã cam kết sẽ đóng góp vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh và công cuộc xây dựng sau chiến tranh ở Việt Nam. Hoa Kỳ phải thực hiện điều cam kết ấy.

2. Ta tiếp tục thực hiện Điều 8b của Hiệp định Pari về Việt Nam, trong phạm vi trách nhiệm của mình, xúc tiến việc tìm kiếm tin tức những người Mỹ mất tích trong chiến tranh ở Việt Nam. Chúng ta làm việc đó với tinh thần nhân đạo, với thiện chí và tình hữu nghị với nhân dân Mỹ.

3. Việc bình thường hoá quan hệ giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hoa Kỳ trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi, cùng tồn tại trong hoà bình, là có lợi cho cả hai nước.

Lập trường của Chính phủ và nhân dân ta về một số vấn đề như trên hoàn toàn phù hợp với nguyên vẹn và thiện chí của đồng đảo nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới, phù hợp với đường lối chính trị của Đại hội lần thứ IV của Đảng ta.

"Trong giai đoạn mới, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta cần ra sức tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi để nhanh chóng hàn gắn những vết thương chiến tranh, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, củng cố quốc phòng; tiếp tục kề vai sát cánh với các nước xã hội chủ nghĩa anh em và tất cả các dân tộc trên thế giới đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, chống chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ" (Chương VI Nghị quyết Đại hội IV).

Bộ Chính trị đã có chỉ thị cần thiết cho những bộ phận công tác có trách nhiệm đàm phán với Uỷ ban của Catơ.

Các cán bộ và đảng viên của Đảng, trước hết là ở các cơ quan trung ương và các tỉnh, thành, ở các bộ phận công tác đối ngoại và báo chí, thông tin tuyên truyền, cần nắm vững nội dung Thông báo này để có nhận thức và quan điểm đúng, tránh ảo tưởng, tránh suy đoán và phát biểu tuỳ tiện, nâng cao cảnh giác để phòng những thế lực thù địch có những hoạt động tác động tâm lý, gieo rắc tin đồn nhảm.

T/l ban bí thư
Chánh Văn phòng
Trần Xuân Bách

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Chỉ thị
của Ban Bí thư**

Số 07-CT/TW, ngày 19 tháng 3 năm 1977

**Tăng cường công tác thông tin và cổ động
trong tình hình mới**

Đại hội lần thứ IV của Đảng đã đề ra nhiệm vụ chiến lược của cả nước là "tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội", với khẩu hiệu trung tâm "Tất cả cho sản xuất, tất cả để xây dựng chủ nghĩa xã hội, tất cả vì Tổ quốc giàu mạnh, vì hạnh phúc của nhân dân". Đại hội đã kêu gọi "Hãy biến cả nước ta và mỗi địa phương, mỗi đơn vị thành những công trường xây dựng vĩ đại, tràn ngập khí thế cách mạng tiến công, tràn ngập chủ nghĩa anh hùng cách mạng". Công tác thông tin, cổ động phải tích cực góp phần đưa phong trào quần chúng tiến lên mạnh mẽ, rộng khắp, thi đua thực hiện thắng lợi Nghị quyết lịch sử của Đại hội Đảng lần thứ IV, làm tốt những nhiệm vụ chính sau đây:

1. Kịp thời làm sáng tỏ quan điểm của Đảng về những sự kiện quan trọng trong nước và trên thế giới; góp phần nâng cao tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa, tinh thần làm chủ

tập thể, ý thức tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nâng cao nhiệt tình cách mạng của quần chúng; hướng dẫn kịp thời và đúng đắn dư luận xã hội.

2. Phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong lao động sản xuất, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tiến quân mạnh mẽ vào "ba cuộc cách mạng"; chú trọng phổ biến, nâng cao kiến thức về kinh tế, khoa học và kỹ thuật.

3. Tuyên truyền xây dựng nếp sống mới văn minh, tươi vui, lành mạnh; xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa có tinh thần làm chủ tập thể, "lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao", có ý thức bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công dân.

Mọi hoạt động thông tin, cổ động đều nhằm góp phần làm cho chủ nghĩa Mác - Lê-nin chiếm ưu thế tuyệt đối trong đời sống chính trị và tinh thần của toàn dân, làm cho đường lối, chính sách của Đảng thấu suốt trong quần chúng; tiến hành đấu tranh chống các tư tưởng và văn hoá phản động và lạc hậu.

Công tác thông tin phải thấu suốt những phương châm và phương pháp chính sau đây:

1- Nấm vững nội dung tư tưởng chính trị của công tác thông tin, cổ động hiện nay là cổ động thực hiện những đường lối, chính sách phát triển kinh tế, văn hoá, nhằm xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hoá mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Vì thế, các hoạt động thông tin, cổ động phải gắn chặt với các hoạt động kinh tế văn hoá, phong trào lao động sản xuất và đời sống của nhân dân. Trong những năm trước mắt phải phục vụ đắc lực cho cuộc tiến công quyết liệt trên mặt trận sản xuất nông nghiệp; cổ vũ mạnh mẽ các phong trào lao động, sản xuất của nhân dân và quân đội, các hoạt động phục vụ sản xuất của các ngành kinh tế, văn hoá, và các đoàn thể nhân dân, nhằm giải quyết tốt yêu cầu về lương thực thực phẩm và hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, từng

bước cải thiện đời sống của nhân dân và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

2- Phát huy mạnh mẽ những truyền thống cách mạng và kháng chiến. Kịp thời biểu dương những điển hình tốt, cổ vũ cái mới trong phong trào lao động sản xuất và các phong trào cách mạng của quần chúng, động viên tinh thần làm chủ tập thể, đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đồng thời phê phán những tư tưởng và hành động sai lầm; kiên quyết chống lại mọi hành động và luận điệu thù địch, lạc hậu; chú trọng so sánh cái mới với cái cũ, xây dựng cái mới, xoá bỏ, cải tạo cái cũ, làm cho mọi người tin tưởng, quyết tâm giành thắng lợi mới trên mọi mặt hoạt động.

3- Phải kết hợp hoạt động thường xuyên với hoạt động tập trung, đột xuất, cổ vũ mạnh cho những đợt thi đua sôi nổi.

4- Sử dụng tốt các hình thức tuyên truyền phong phú, linh hoạt, hấp dẫn quần chúng, chú trọng kết hợp các hình thức để quần chúng *nghe* và *nhìn* dễ hiểu, dễ làm theo.

5- Kết hợp việc phục vụ kịp thời, nhạy bén với việc xây dựng cơ bản, lâu dài, có quy hoạch, kế hoạch phù hợp với yêu cầu tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và cuộc sống mới xã hội chủ nghĩa.

6- Kết hợp tốt lực lượng thông tin cổ động của quần chúng, nhất là của thanh niên trong xí nghiệp, hợp tác xã, trường học, quân đội, với lực lượng chuyên nghiệp ở các cấp, tạo thành một lực lượng to lớn có mặt khắp nơi, hoạt động thường xuyên và từng đợt tập trung, có hiệu quả.

*

* *

Ngành thông tin sử dụng và quản lý nhiều phương tiện thông tin đại chúng, phải làm cho những phương tiện ấy vừa

cổ động mạnh mẽ phong trào cách mạng của nhân dân, vừa cung cấp kịp thời cho nhân dân những món ăn tinh thần về nhiều mặt.

Trước hết phải lấy việc *truyền tin* làm công tác hàng đầu. Hướng dẫn sử dụng tốt báo chí, đài thu thanh và thu hình, cung cấp kịp thời các loại tài liệu thông tin phổ thông, tổ chức rộng rãi mạng lưới những người thông tin, nói chuyện về các vấn đề thời sự, chính sách, nhất là những thành tựu và kinh nghiệm mới về phát triển kinh tế, kỹ thuật, về quản lý và tổ chức đời sống. Các trạm thông tin, nhà thông tin của các cấp, nhất là ở cơ sở, phải hoạt động sinh động về mặt này. Khẩn trương xây dựng mạng lưới truyền thanh rộng khắp. Các tỉnh có đài phát thanh thích hợp; huyện, xã có đài truyền thanh làm công cụ thông tin, cổ động sắc bén. Các cấp uỷ đảng phải tăng cường chỉ đạo nội dung phát thanh và truyền thanh.

Cấp huyện cần xây dựng đội thông tin lưu động với quy mô gọn nhẹ, tuyên truyền trên các đồng ruộng, công trường và làm nòng cốt, thúc đẩy hoạt động thông tin, cổ động ở cơ sở.

Phải đưa các hình thức cổ động trực quan, đặc biệt là triển lãm, lên vị trí rất quan trọng. Đi đôi với những hoạt động nhỏ, nhẹ, lưu động, hình thành dân hệ thống nhà thông tin, nhà triển lãm; hệ thống khẩu hiệu, biểu ngữ, tranh, tượng cổ động... gắn liền với việc xây dựng những trung tâm và công trình văn hoá. Tổ chức những cuộc tham quan những nơi có kinh nghiệm sản xuất tiên tiến, những di tích lịch sử và cách mạng. Đẩy mạnh hoạt động đèn chiếu, phổ biến rộng rãi ảnh hưởng tuyên truyền, phim thời sự và phim tài liệu khoa học, kỹ thuật. Từng đợt tổ chức các cuộc thi tài, thi sản phẩm, giới thiệu kinh nghiệm sản xuất, quản lý, các buổi mừng công, lập công, v.v. có ý nghĩa cổ động mạnh mẽ và giải trí lành mạnh.

Công tác thông tin cần nâng cao nghệ thuật cổ động và góp phần nâng cao trình độ thẩm mỹ của quần chúng, đưa cái

đẹp vào đời sống hằng ngày, vào lao động sản xuất, làm phong phú đời sống văn hoá của nhân dân.

*

* * *

Cách mạng là ngày hội của quần chúng. Đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng là nhiệm vụ chung của các cấp, các ngành. Ngành thông tin với chức năng hoạt động chính là cổ động thường xuyên bằng các hình thức tuyên truyền nhẹ nhàng, có tính chất quần chúng rộng rãi phải là chủ lực, phối hợp, hướng dẫn nghiệp vụ và giúp đỡ các cấp, các ngành, các đoàn thể về công tác cổ động phong trào quần chúng.

Phải tăng cường cán bộ và đào tạo chính quy một đội ngũ cán bộ thông tin có trình độ chính trị vững vàng và năng lực nghiệp vụ giỏi để xây dựng một hệ thống tổ chức nghiệp vụ thông tin vững chắc ở các cấp, nhất là cấp huyện và cơ sở.

Xây dựng những thể lệ, quy chế, chính sách để bảo đảm cho công tác và cán bộ thông tin hoạt động tốt.

Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước và các ngành công nghiệp có liên quan cần có kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật và cung cấp vật tư, phương tiện cho ngành thông tin đáp ứng được nhiệm vụ.

Công tác thông tin phải thực sự chuyển mạnh hoạt động về huyện và cơ sở, làm tập trung dứt điểm, trước hết là ở những vùng trọng yếu, để có hiệu quả kinh tế, chính trị, thiết thực và tạo ra những điểm mẫu của từng khu vực khác nhau.

Các cấp, các ngành cần tổng kết kinh nghiệm về công tác thông tin, cổ động trong thời gian qua và có kế hoạch thi hành nghiêm chỉnh Chỉ thị này.

T/M Ban Bí thư

Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 08-TT/TW, ngày 21 tháng 3 năm 1977

**Về chủ trương kết thúc nhiệm vụ lịch sử
của Hội Nhà giáo yêu nước miền Nam Việt Nam**

Theo chủ trương của Đảng, Hội Nhà giáo yêu nước miền Nam Việt Nam được thành lập từ năm 1963 nhằm động viên lực lượng giáo viên ở miền Nam Việt Nam cùng toàn dân kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Hội đã tích cực đấu tranh chống nền giáo dục thực dân mới, phản động của Mỹ - nguy, góp phần xây dựng nền giáo dục cách mạng của nhân dân ta. Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, Hội đã ra

Thông báo

Số 10-TB/TW, ngày 24 tháng 3 năm 1977

**Chủ trương của Ban Bí thư về cải tạo xã hội
chủ nghĩa ở các tỉnh phía Nam**

sức thực hiện chủ trương của Đảng về cải tạo và phát triển ngành giáo dục miền Nam.

Cách mạng nước ta đã chuyển sang giai đoạn mới; nhiệm vụ của Hội Nhà giáo yêu nước miền Nam Việt Nam đã hoàn thành tốt đẹp. Công đoàn giáo dục Việt Nam có trách nhiệm thu hút giáo viên, cán bộ và nhân viên của ngành giáo dục vào tổ chức công đoàn.

Vì vậy, Ban Chấp hành Hội Nhà giáo yêu nước miền Nam Việt Nam cần hướng dẫn các cấp hội kết thúc nhiệm vụ lịch sử của mình. Ban Chấp hành Công đoàn giáo dục Việt Nam giúp Hội Nhà giáo yêu nước giải quyết nhanh chóng những vấn đề còn lại của Hội và có kế hoạch thu hút hội viên của Hội Nhà giáo yêu nước miền Nam Việt Nam vào Công đoàn giáo dục Việt Nam theo Điều lệ Công đoàn.

T/L Ban bí thư
Chánh Văn phòng
Trần Xuân Bách

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Trong những ngày 24, 25, 26, 28-2 và 1-3-1977, Hội nghị Ban Bí thư, có một số đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ tham dự, đã nghe và cho ý kiến về chủ trương cụ thể về cải tạo xã hội chủ nghĩa ở các tỉnh phía Nam.

I- Phải nấm vững quyết định của Bộ Chính trị: *Hoàn thành về cơ bản nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa trong hai năm 1977-1978, trước hết là xoá bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa; đồng thời tổ chức lại các ngành, nghề quan trọng trong tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, sắp xếp và chuyển một bộ phận lớn tiểu thương sang sản xuất.*

Từng ngành sản xuất căn cứ vào quy hoạch xây dựng và phát triển của ngành theo phương hướng kế hoạch nhà nước mà có

kế hoạch cải tạo đến đâu sắp xếp đến đấy một cách hợp lý, tận dụng được khả năng của tư bản tư doanh và phát huy được tiềm lực của tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp trong ngành một cách đúng hướng.

Các ngành, các cấp phải kiểm điểm lại việc thực hiện Nghị quyết số 254 ngày 15-7-1976 của Bộ Chính trị¹⁾ và tiếp tục thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết đó.

Thực tiễn đấu tranh gần hai năm qua ở miền Nam giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản cho thấy rằng: chúng ta có đủ sức mạnh kinh tế và chính trị để hoàn thành nhanh, gọn nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, điều quan trọng bậc nhất trong cuộc đấu tranh này là đội ngũ ta phải vững mạnh, có kỷ luật, luôn luôn cảnh giác, biết quản lý sản xuất, quản lý kinh doanh, biết phát động và tổ chức quần chúng, được quần chúng tin cậy.

Phải thấu suốt và làm tốt những điểm dưới đây:

Mục đích, yêu cầu cụ thể của công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư nhân.

- Xoá bỏ quan hệ sản xuất cũ, xoá bỏ bóc lột tư bản chủ nghĩa, xây dựng và từng bước củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, làm cho quan hệ sản xuất ở các tỉnh phía Nam đồng nhất với các tỉnh phía Bắc, góp phần nhanh chóng đưa các tỉnh phía Nam cùng cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

- Tổ chức lại sản xuất trong các ngành công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải..., trong các ngành, nghề tiểu công

¹⁾ Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.37, tr.208 (B.T).

nghiệp và thủ công nghiệp để mở rộng sản xuất theo phương hướng kế hoạch nhà nước; tổ chức lại việc lưu thông phân phối trên nguyên tắc xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa, xây dựng thị trường xã hội chủ nghĩa.

- Phát động quần chúng, thực hiện quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của công nhân, của nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh cải tạo và xây dựng, tăng cường quản lý kinh tế theo phương thức xã hội chủ nghĩa. Xây dựng và củng cố các tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng ở các cấp, trước hết là cấp cơ sở.

Về phương pháp tiến hành:

Dựa vào giai cấp công nhân và quần chúng cách mạng, đoàn kết đông đảo nhân dân lao động, giáo dục cải tạo người tư sản, đấu tranh với những kẻ ngoan cố vì quyền lợi ích kỷ, làm cản trở công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, kiên quyết trừu trị những phần tử phản cách mạng phá hoại hiện hành và bọn gian thương đầu cơ tích trữ phá rối thị trường, gây thiệt hại đến đời sống nhân dân.

- Kết hợp và sử dụng một cách linh hoạt các biện pháp giáo dục, phát động quần chúng, kinh tế và hành chính để giành thắng lợi một cách tốt nhất và gọn nhất.

II- Chủ trương cụ thể về cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thương nghiệp, giao thông vận tải, nhà đất cho thuê, nhà thầu xây dựng, y dược và nhà in

1. *Cải tạo thương nghiệp tư nhân:* Phải làm khẩn trương, vừa xoá bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, vừa xây dựng thị trường xã hội chủ nghĩa thống nhất.

Yêu cầu đối với việc cải tạo thương nghiệp là:

- Xoá bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, xây dựng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa; nhanh chóng biến thị trường miền Nam thành thị trường xã hội chủ nghĩa do thương nghiệp quốc doanh giữ vai trò lãnh đạo.

- Thương nghiệp quốc doanh phải nắm hoàn toàn bán buôn, nắm phần lớn bán lẻ, trước hết nhắm vào những mặt hàng thiết yếu cho sản xuất, đời sống và xuất khẩu; xoá bỏ tệ đầu cơ, buôn bán trái phép; trên cơ sở đó, không ngừng mở rộng giao lưu hàng hoá một cách có tổ chức, bảo đảm cho sản xuất không ngừng phát triển và đời sống của nhân dân được ổn định và cải thiện từng bước.

- Thông qua việc cải tạo thương nghiệp tư nhân mà thúc đẩy quá trình phân bổ lại lao động xã hội; chuyển dần người buôn bán sang sản xuất.

- Phải quy hoạch sắp xếp lại và mở rộng mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa trên từng khu vực dân cư một cách hợp lý, lấy phường, xã làm đơn vị cơ sở. Nhanh chóng phát triển thương nghiệp xã hội chủ nghĩa về mọi mặt, đặc biệt tăng cường thu mua nắm nguồn hàng, cải tiến việc tổ chức phân phối hàng hoá; tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, củng cố và mở rộng đội ngũ lao động thương nghiệp xã hội chủ nghĩa.

Hình thức cải tạo phô biến đối với thương nghiệp tư nhân là chuyển tư sản thương nghiệp và người buôn bán nhỏ sang sản xuất, từ đó chuyển người tư sản bóc lột thành người lao động, người lao động buôn bán nhỏ trở thành người lao động sản xuất. Người nước ngoài không được phép kinh doanh thương nghiệp.

Có thể trưng thu hoặc trưng mua những cơ sở và phương tiện kinh doanh của tư sản thương nghiệp, có thể lựa chọn thu nhận những người có nghiệp vụ, có kỹ thuật làm công cho thương nghiệp quốc doanh trong việc chế biến, đóng gói hàng hoá, trang trí cửa hàng. Nói chung, không áp dụng hình thức công tư hợp doanh trong thương nghiệp, trừ một vài trường hợp, người tư sản trước đây đã có quan hệ tốt với cách mạng, nay vẫn có thái độ và hành động tiến bộ, tiếp thu cải tạo xã hội chủ nghĩa, có phương tiện kỹ thuật có giá trị thì có thể xét cho làm công tư hợp doanh theo chính sách định lãi cố định. Có thể lựa chọn một số người tư sản thương nghiệp và một bộ phận người buôn bán nhỏ làm đại lý bán lẻ hàng hoá cho thương nghiệp quốc doanh, nhưng phải có biện pháp kiểm soát và quản lý chặt chẽ. Đối với những người buôn bán nhỏ, trong khi chờ đợi chuyển sang sản xuất, còn tạm được làm nghề buôn bán, thì có thể áp dụng hình thức tổ bán hàng, thông qua đó mà giáo dục và quản lý, kiểm soát các hoạt động kinh doanh của họ.

2. *Cải tạo lực lượng vận tải tư nhân:* Hoạt động giao thông vận tải gắn liền với hoạt động của các ngành sản xuất, lưu thông phân phối, có quan hệ mật thiết đến đời sống nhân dân, đến an ninh và quốc phòng. Vì vậy phải cải tạo sớm các lực lượng vận tải tư nhân, xây dựng nhanh lực lượng vận tải xã hội chủ nghĩa.

Yêu cầu đối với việc cải tạo ngành giao thông vận tải là:

- Xoá bỏ quyền chiếm hữu tư bản chủ nghĩa về các phương tiện kinh doanh vận tải, cải tạo lối làm ăn riêng lẻ trong giao thông vận tải; xây dựng và mở rộng mạng lưới vận tải xã hội chủ nghĩa theo một quy hoạch hợp lý giữa trung ương và địa phương, giữa các tuyến đường sắt, đường bộ, đường sông, đường biển.

- Tổ chức lại toàn bộ lực lượng vận tải, phát triển nhanh chóng lực lượng vận tải quốc doanh để phục vụ và thúc đẩy sản xuất phát triển, ổn định đời sống nhân dân, phục vụ xuất

nhập khẩu, đồng thời góp phần bảo đảm an ninh và củng cố quốc phòng.

- Thông qua việc cải tạo các lực lượng vận tải tư nhân và xây dựng mạng lưới vận tải xã hội chủ nghĩa mà góp phần thúc đẩy sự phân bổ lại lực lượng sản xuất trong xã hội.

Các *biện pháp cải tạo*: tịch thu phương tiện của tư sản mại bản, của tư sản gian thương lớn, của tư sản trốn ra nước ngoài; trưng mua hoặc trưng dụng các loại phương tiện vận tải lớn, phương tiện chuyên dùng (xe cẩu, xe lạnh ...), hoặc chấp nhận cho hiến đổi với một số trường hợp do Chính phủ quy định, nhanh chóng phát triển lực lượng vận tải quốc doanh.

Thực hiện công tư hợp doanh đối với tư sản kinh doanh vận tải, và đối với những tiểu chủ có phương tiện vận tải nặng. Có chính sách đối xử với tiểu chủ khác với tư sản, chủ yếu trên hai mặt: sắp xếp công việc và trả lại vốn. Riêng trong ngành đường biển, chỉ dùng một hình thức là quốc doanh. Đối với các phương tiện trực vớt tàu biển, Nhà nước thống nhất quản lý và cũng sẽ tổ chức thành quốc doanh. Đối với các phương tiện cơ giới nhỏ, sẽ tổ chức những hợp tác xã vận tải. Đối với các phương tiện thô sơ (ba gác, thổ mộ ...) cần tổ chức, sắp xếp lại, định giá cước hợp lý, phân tuyến thích hợp và có các biện pháp quản lý chặt chẽ. Nghiên cứu việc tổ chức các lực lượng bốc xếp ở các bến, các bãi. Quản lý tốt các bến cảng, nhà ga.

Xây dựng tốt các tổ chức công đoàn, các cơ sở đảng trong các đơn vị giao thông vận tải; giáo dục và phát động quần chúng bảo đảm thực hiện tốt các chính sách, chế độ quản lý, các định mức tiêu hao nguyên liệu, phụ tùng..., giá cước do Nhà nước quy định, kể cả quốc doanh vận tải.

Đối với lực lượng cơ khí trong ngành giao thông vận tải, sẽ áp dụng chính sách như các ngành công nghiệp khác.

3. *Cải tạo ngành in*: Năng lực in ở miền Nam rất lớn, tập trung chủ yếu ở thành phố Hồ Chí Minh. Ngành in là một ngành quan trọng, Nhà nước phải quản lý chặt. Cải tạo ngành in vừa là cải tạo về quan hệ sản xuất vừa là tổ chức, sắp xếp, phân bổ lại lực lượng và mạng lưới in trong toàn quốc một cách hợp lý nhằm phục vụ tốt các nhu cầu của sản xuất và đời sống.

Điều chỉnh lại mạng lưới in cho thích hợp giữa các tỉnh; chú ý ba trung tâm in và phát hành sách báo: Thủ đô Hà Nội, thành phố Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh.

Quốc doanh hoá (bằng các biện pháp tịch thu, trưng thu, trưng mua) hoặc công tư hợp doanh với các cơ sở in lớn, hoặc có máy móc hiện đại. Trưng mua các cơ sở in của ngoại kiều, của các tổ chức tôn giáo; hoặc có thể xét chấp nhận cho hiến. Trong việc làm công tư hợp doanh hoặc trưng mua các cơ sở in, cần trị giá đúng các máy móc, thiết bị, nguyên liệu; trọng dụng người có kỹ thuật, có nghiệp vụ; có chính sách phân biệt giữa tư sản và tiểu chủ.

Đối với các hộ có máy in nhỏ (máy minerve cũ...) thì không bắt buộc phải quốc doanh hoá hoặc công tư hợp doanh ngay, có thể để cho họ làm, phục vụ nhu cầu sản xuất và đời sống. Nên tổ chức họ làm gia công cho quốc doanh, đặt họ vào mạng lưới in xã hội chủ nghĩa. Có biện pháp quản lý, kiểm soát chặt chẽ đi đôi với tăng cường giáo dục và phát động quần chúng, để bảo đảm thực hiện các chính sách, các quy định của Nhà nước về chất lượng sản phẩm gia công, giá cả, định mức tiêu hao nguyên vật liệu, bảo đảm các chế độ, thể lệ, pháp luật của Nhà nước được tôn trọng và thi hành nghiêm túc. Có thể tổ chức họ vào một hình thức tổ chức nào đó để cùng nhau làm theo kế hoạch và có điều kiện học tập chính trị và nghề nghiệp.

4. *Cải tạo lực lượng y dược tư nhân*: Từ sau ngày giải phóng, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, ngành y tế

đã bước đầu quản lý các lực lượng y dược tư nhân, nhất là tân dược, và đang tổ chức mạng lưới y tế xã hội chủ nghĩa. Cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ đã để lại cho ta một hậu quả trầm trọng về sức khoẻ của nhân dân. Trong thời gian tối, phải căn cứ vào đường lối phát triển y tế của Đảng mà khẩn trương cải tạo và sắp xếp các lực lượng y tế tư nhân, xây dựng mạng lưới y tế xã hội chủ nghĩa theo tinh thần Nhà nước và nhân dân cùng làm, để chăm sóc tốt hơn nữa sức khoẻ của nhân dân. Củng cố tổ chức và nâng cao chất lượng phục vụ của các cơ sở y tế do Nhà nước trực tiếp quản lý và những trạm y tế dân lập mới được tổ chức.

Dựa vào các cơ sở quốc doanh và công tư hợp doanh sản xuất hoặc bào chế thuốc, Nhà nước thực hiện việc thống nhất sản xuất thuốc. Thông qua mạng lưới quốc doanh dược phẩm (đến quận, huyện) và tủ thuốc dân lập (ở phường, xã), Nhà nước thống nhất quản lý phân phối thuốc, bảo đảm phân phối thuốc một cách thuận tiện cho dân với giá do Nhà nước định, xoá bỏ tệ đầu cơ, nâng giá thuốc. Phải quy hoạch mạng lưới trồng trọt, sản xuất hoặc bào chế và phân phối một cách hợp lý. Nghiêm trị bọn làm thuốc giả, bán thuốc giả.

Tổ chức mạng lưới phòng bệnh và chữa bệnh cho nhân dân một cách thích hợp trên từng khu vực dân cư, đồng thời cải tạo và sử dụng tốt các bác sĩ, dược sĩ, nha sĩ, thầy thuốc đồng y và những người làm trong các cơ sở y dược tư nhân sau khi trở thành quốc doanh hoặc công tư hợp doanh... Đây là những trí thức đã bị chế độ Mỹ - nguy trước đây biến thành những người làm nghề buôn bán, bóc lột, cho nên cần có chính sách đối xử đúng đắn, tạo điều kiện cho họ góp phần phục vụ và chăm sóc sức khoẻ của nhân dân.

5. Cải tạo khách sạn tư nhân: Kinh doanh khách sạn là một ngành kinh doanh quan trọng, Nhà nước cần thống nhất quản lý. Tất cả các khách sạn cũ đã được thiết kế và xây dựng theo mục đích sử dụng của nó, thì không được tự tiện dùng vào mục đích khác. Trước mắt, cần bảo quản và cung cấp tốt các khách sạn do Nhà nước quản lý; ngăn cấm những hành động tuỳ tiện tháo gỡ tiện nghi, phá để sửa lại hoặc xây dựng lại dùng vào việc khác.

Ngoài các khách sạn mà chủ thuộc đối tượng bị tịch thu, trưng thu, Nhà nước có thể thực hiện công tư hợp doanh, theo cách trả lãi cố định, đối với những khách sạn của tư sản. Một số trường hợp có quan hệ tốt với cách mạng từ trước đến nay, Nhà nước có thể chấp nhận cho hiến. Đối với ngoại kiều thì hướng của ta là không cho kinh doanh khách sạn.

Trong quá trình cải tạo, chú ý sử dụng và quản lý tốt những công nhân và lao động đang làm trong các khách sạn tư nhân.

Trong khi chờ đợi sự phân công, phân cấp quản lý một cách toàn diện, các ngành đang quản lý khách sạn nào thì tiếp tục quản lý cho tốt khách sạn ấy. Những khách sạn chưa cải tạo thì do Bộ Nội thương cải tạo và quản lý.

6. Cải tạo các chủ có nhiều nhà cho thuê: Cần cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với chủ kinh doanh nhà cho thuê cùng một lúc với cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, nhằm:

- Xoá bỏ về cơ bản kinh doanh bóc lột về nhà cửa; thực hiện thống nhất quản lý của Nhà nước đối với nhà, đất cho thuê ở thành thị.

- Bố trí và quy hoạch lại nhà ở của các thành phố, thị xã thành các khu vực sản xuất, khu vực cơ quan nhà nước, các cơ sở phúc lợi công cộng, các khu vực nhà ở..., nhằm tận dụng các cơ sở sẵn có, kết hợp với xây dựng mới, mà giải quyết chỗ ở, chỗ làm việc cho cán bộ, bộ đội, công nhân và nhân dân lao

động chưa có chỗ ở hoặc ở quá chật, cải thiện từng bước điều kiện ăn ở của nhân dân, ổn định và phát triển sản xuất.

- Tăng cường việc bảo quản, sửa chữa nhà cửa và từng bước cải tạo và xây dựng thành thị theo hướng xã hội chủ nghĩa.

Ngoài các đối tượng thuộc phạm vi Nhà nước quốc hữu hoá toàn bộ nhà cho thuê, Nhà nước trực tiếp quản lý các nhà của các chủ có nhiều nhà cho thuê để ở và toàn bộ diện tích nhà cho thuê không phải để ở (như để làm cửa hàng, làm bệnh viện, nhà hộ sinh, trường học, rạp hát...).

Nhà nước quản lý và sử dụng các nhà cửa và tài sản vắng chủ và xem xét giải quyết khi họ trở về. Những trường hợp có uỷ quyền hợp pháp, hoặc có người thừa kế hợp pháp trước đây đã ở trong các nhà ấy, thì nay được ở lại nhưng không được bán, chuyển dịch các bất động sản.

Các nhà thờ, chùa chiền, thánh thất dùng vào việc thờ cúng, hành đạo, được Nhà nước bảo hộ. Những cơ sở không dùng hết, còn bỏ trống hoặc dùng vào mục đích ngoài việc thờ cúng, hành đạo, thì có thể vận động giao cho Nhà nước quản lý để dùng vào lợi ích chung. Đối với các nhà cho thuê của tôn giáo thì giải quyết theo chính sách chung về nhà cho thuê.

Đối với một số nhân sĩ, trí thức có nhà cho thuê, thì vận động họ hiến phần nhà cho thuê.

Phải quản lý tốt các nhà cửa đang do Nhà nước quản lý, theo đúng Quy định số 12 -CP ngày 7-1-1977 của Hội đồng Chính phủ.

7. Cải tạo các chủ thầu xây dựng: Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các chủ thầu xây dựng nhằm:

- Xoá bỏ chiếm hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, xoá bỏ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trong ngành thầu xây dựng, phát triển mạnh lực lượng xây dựng quốc doanh, tiến

tối xây dựng ngành công nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa nhằm phục vụ tốt công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước.

- Tổ chức và phân bổ lại lực lượng xây dựng trong cả nước, phân công, phân cấp hợp lý giữa các ngành trung ương và giữa trung ương với địa phương.

- Giáo dục và nâng cao giác ngộ giai cấp, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, nâng cao vai trò làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của công nhân trong các cơ sở thầu xây dựng tư nhân; dựa vào đó để tiến hành cải tạo nhà thầu, quản lý tốt xí nghiệp, đẩy mạnh việc xây dựng. Có chính sách dãi ngộ thích đáng đối với công nhân trong ngành xây dựng.

Nhu cầu xây dựng của Nhà nước cũng như của nhân dân sau chiến tranh rất lớn. Phải đẩy mạnh việc phát triển và củng cố lực lượng xây dựng quốc doanh. Thực hiện công tư hợp doanh với các chủ thầu tư bản tư doanh có vốn, có phương tiện, có cơ sở vật chất kỹ thuật. Đối với các nhà thầu là tiểu chủ thì tổ chức thành các hợp tác xã xây dựng. Cần sử dụng tốt các chủ thầu có kỹ thuật, có kinh nghiệm tổ chức và quản lý. Có thể xét tuyển dụng những cai thầu tốt, có tay nghề giỏi, có kinh nghiệm về quản lý thi công vào lực lượng xây dựng quốc doanh, còn những người khác nên đưa vào các hợp tác xã.

Đối với các kiến trúc sư và kỹ sư làm tư thi giáo dục, sử dụng họ vào công việc thiết kế và xây dựng, chọn những người tốt đưa vào làm ở cơ quan nhà nước, còn những người khác thì tổ chức lại, giao việc làm và giáo dục, quản lý họ theo các chế độ, thể lệ của Nhà nước.

8. Đối với các ngành công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp: Tiến hành cải tạo các ngành trên đây có liên quan mật thiết đến các ngành công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp. Vì vậy, Ban cải tạo công thương nghiệp tư doanh Trung ương cần đôn đốc hướng dẫn các ngành quản lý công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp sớm xây dựng các đề án cải tạo và xây dựng

ngành mình để trình Ban Bí thư hoặc Thường vụ Hội đồng Chính phủ xét duyệt.

III- Một số vấn đề về tổ chức, chỉ đạo thực hiện

a) *Về bước đi*, khẩn trương tiến hành trong hai năm 1977 và 1978. Cố gắng trong năm 1977 hoàn thành cải tạo các ngành, nghề chủ yếu; sang năm 1978, tiếp tục cải tạo các ngành còn lại, củng cố và đi vào chiều sâu để hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tiếp tục tổ chức lại sản xuất và quản lý.

b) *Về phát động quần chúng*, dựa vào các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để vận động, giáo dục quần chúng một cách sâu rộng. Coi trọng nâng cao giác ngộ giai cấp, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, nâng cao ý thức và vai trò làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của công nhân và nhân dân lao động để thực hiện tốt công tác cải tạo những người tư sản và tiểu chủ. Phát huy đúng mức công tác mặt trận trong việc giáo dục, thuyết phục, hướng dẫn những người tư sản thực hiện đúng chính sách và tiếp thu tốt cải tạo xã hội chủ nghĩa.

c) *Về Ban cải tạo công thương nghiệp tư doanh các cấp*, ở mỗi cấp, Ban cải tạo phải thường xuyên báo cáo với cấp uỷ Đảng và Uỷ ban nhân dân, kịp thời xin ý kiến đối với những vấn đề cần giải quyết. Tăng thêm cán bộ cho bộ phận chuyên trách của Ban cải tạo công thương nghiệp tư doanh Trung ương.

Bộ phận cải tạo ở các ngành trung ương cũng cần được kiện toàn. Các bộ, tổng cục cần cử đồng chí Thứ trưởng, đồng chí Tổng cục phó phụ trách công tác này, và có một số cán bộ chuyên trách giúp việc. Các bộ, tổng cục phải thường xuyên liên hệ với Ban cải tạo công thương nghiệp tư doanh trung ương để bàn bạc về các công tác thuộc phạm vi cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư nhân. Các bộ và tổng cục cần kết hợp với các tỉnh, thành nhất là với thành

phố Hồ Chí Minh để hướng dẫn việc cải tạo các cơ sở công thương nghiệp tư nhân thuộc phạm vi bộ, tổng cục được phân công quản lý.

Kiện toàn gấp các Ban cải tạo công thương nghiệp tư doanh các tỉnh và thành phố; gấp rút tăng cường sự lãnh đạo tập trung của cấp uỷ đảng và chính quyền đối với công tác này.

Cố gắng tập trung đủ cán bộ, lựa chọn các cán bộ có phẩm chất, tổ chức thành lực lượng cán bộ cải tạo; chú ý chọn cán bộ biết công tác quản lý để sau khi làm công tác cải tạo, sẽ trở thành cán bộ quản lý các xí nghiệp và cửa hàng quốc doanh hoặc công tư hợp doanh, cán bộ quản lý và hướng dẫn hợp tác xã.

Phải quan tâm đúng mức đến việc giáo dục và thường xuyên kiểm tra cán bộ, bảo đảm giữ gìn phẩm chất, đạo đức cách mạng, chủ động phòng ngừa và phát hiện, xử lý kịp thời những trường hợp bao che, dung túng cho tư sản làm sai chính sách, hoặc bị tư sản lợi dụng, mua chuộc.

d) Thường vụ Hội đồng Chính phủ sẽ căn cứ vào chủ trương của Đảng, có những quyết định cụ thể về chính sách và biện pháp, đôn đốc kiểm tra các bộ, tổng cục thực hiện đầy đủ nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư nhân và bảo đảm sản xuất, lưu thông được hoạt động bình thường.

T/M Ban bí thư

Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Đoàn sẽ làm việc trong năm tháng kể từ ngày 1-4-1977, kiểm tra nơi nào giải quyết dứt điểm nơi đó.

Nhiệm vụ của Đoàn:

1. Kiểm tra tất cả các kho mới và cũ do quân đội ta đang quản lý, bối khuyết tại chỗ về việc quản lý, bảo vệ, sử dụng vật tư trong những kho đó.

2. Kiến nghị kịp thời với Thường vụ Hội đồng Chính phủ và Quân uỷ Trung ương về chủ trương quản lý và sử dụng các loại vật tư trong các kho; kiến nghị những trường hợp cần xét khen thưởng hoặc thi hành kỷ luật.

3. Tổng kết đợt kiểm tra, báo cáo với Bộ Chính trị và Ban Bí thư.

Thông báo

Số 11-TB/TW, ngày 31 tháng 3 năm 1977

Quyết định của Bộ Chính trị về việc kiểm tra các kho vật tư do quân đội ta đang quản lý

Để nắm chắc tình hình vật tư, Bộ Chính trị đã quyết định thành lập Đoàn kiểm tra các kho vật tư do Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật, Tổng cục Xây dựng, kinh tế, các Quân khu, Quân đoàn, các Quân chủng và binh chủng thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam đang quản lý.

Thành phần của Đoàn do Thường vụ Hội đồng Chính phủ và Thường vụ Quân uỷ Trung ương chỉ định. Bộ Chính trị uỷ nhiệm đồng chí Đỗ Mười trực tiếp lãnh đạo Đoàn.

T/M Ban bí thư

Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 09-TT/TW, ngày 7 tháng 4 năm 1977

Về việc lãnh đạo bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp

Tiếp theo cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp sắp tới là cuộc vận động chính trị lớn nhằm thực sự phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân, tăng cường chính quyền địa phương trong cả nước.

Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã có các văn bản hướng dẫn, nay Ban Bí thư thấy cần thiết nhắc thêm các cấp ủy đảng một số điểm về công tác lãnh đạo.

1. Trước khi tiến hành cuộc bầu cử, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đương chức tự kiểm điểm về việc thực hiện công tác của mình trước nhân dân địa phương bằng những hình thức thích hợp để nhân dân tham gia ý kiến. Nội dung kiểm điểm nên tập trung vào việc thực hiện những nhiệm vụ công tác chủ yếu ở địa phương, đồng thời kiểm điểm về tác phong công tác, quan hệ với dân của các cơ quan chính quyền. Động viên và tạo điều kiện cho nhân dân phát biểu ý kiến một cách dân chủ, ghi chép đầy đủ và xem xét nghiêm chỉnh các ý kiến của nhân dân, sau đó trả lời cho nhân dân biết việc tiếp thu những ý kiến đó. Những ý kiến phê bình đúng thì tiếp nhận để sửa chữa, những ý kiến phê bình không đúng thì giải thích lại, những đề nghị có thể giải quyết được ngay thì giải quyết, việc gì chưa giải quyết được ngay thì bàn giao cho Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân khoá mới.

Thi hành kỷ luật thích đáng, nghiêm minh những cán bộ, đảng viên gây khó khăn, trả thù những người phê bình khuyết điểm của mình.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp có nhiệm vụ giới thiệu danh sách ứng cử viên Hội đồng nhân dân cấp mình, vì vậy, Ủy ban Mặt trận cần trao đổi ý kiến với các tổ chức thành viên Mặt trận để lập danh sách giới thiệu những người ứng cử có đầy đủ tiêu chuẩn. Danh sách những người được giới thiệu nên nhiều hơn số đại biểu được bầu để nhân dân lựa chọn. Thí dụ ở một địa phương được bầu 10 đại biểu thì không nên chỉ giới thiệu 10 người ứng cử, mà nên giới thiệu từ 12 người trở lên.

Khi công bố danh sách ứng cử viên, phải có tiểu sử tóm tắt của từng người, sau đó tổ chức cho cử tri thảo luận, cân nhắc những người được giới thiệu trong danh sách ứng cử. Chỉ cần vận động cho một số ít cốt cán thật cần thiết, còn đối với những ứng cử viên khác thì để cử tri tự ý lựa chọn vì danh sách ứng cử viên được tập thể giới thiệu đã bao gồm những người xứng đáng, đủ tiêu chuẩn.

Tránh những việc làm dân chủ hình thức, đồng thời không buông lỏng lãnh đạo trong việc bầu cử. Kiên quyết ngăn ngừa và sửa chữa kịp thời những hiện tượng gò ép quần chúng, kéo bè kéo cánh trong việc bầu cử.

3. Các cấp uỷ cần lãnh đạo thi hành đúng pháp luật, và vận dụng đúng các chủ trương về cơ cấu, thành phần và tiêu chuẩn đại biểu Hội đồng nhân dân; làm cho Hội đồng nhân dân các cấp thực sự là người đại diện cho nhân dân và có tác dụng thiết thực đối với mọi mặt công tác của địa phương.

T/l ban bí thư
Chánh Văn phòng
Trần Xuân Bách

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 10-TT/TW, ngày 12 tháng 4 năm 1977

**Về việc tổ chức các ngày kỷ niệm
30-4, 1-5 và 19-5**

Năm nay, nhân dân ta tổ chức các ngày kỷ niệm: ngày chiến thắng (30-4), Quốc tế Lao động (1-5) và ngày sinh của Hồ Chủ tịch (19-5) giữa lúc toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đang phát huy tinh thần làm chủ tập thể, ra sức thi đua khắc phục khó khăn, đẩy mạnh phong trào lao động sản xuất, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng.

Vì vậy, nhân nhũng ngày kỷ niệm nói trên, các hoạt động tuyên truyền giáo dục phải nhằm làm cho mọi người:

- Nâng cao lòng tự hào về thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội, và những thắng lợi mới trong cả nước từ sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam; nâng cao lòng tin tưởng ở sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng ta, lòng biết ơn sâu sắc đối với công lao và sự nghiệp vĩ đại của Hồ Chủ tịch.

- Hiểu rõ và quyết tâm thực hiện Nghị quyết của Đại hội lần thứ IV của Đảng và của các đảng bộ địa phương (qua Đại hội vòng 2).

- Nâng cao tinh thần làm chủ tập thể, chủ động, sáng tạo, quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất với thái độ lao động mới, lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao, tiết kiệm trong sản xuất và đời sống, cống hiến nhiều nhất cho Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Các hình thức hoạt động chủ yếu:

- Các báo, các đài phát thanh và truyền hình, cơ quan thông tin căn cứ vào nội dung tuyên truyền trên đây mở những đợt tuyên truyền, cổ động bằng nhiều hình thức sinh động; chú ý thông tin đầy đủ về phong trào quần chúng thi đua sản xuất và tiết kiệm.

- Tổ chức những cuộc nói chuyện rộng rãi, những cuộc thảo luận có tính chất quần chúng ở cơ sở về những chủ đề nói trên; tổ chức những buổi báo cáo của những người có thành tích, những chiến sĩ thi đua, anh hùng lao động, anh hùng quân đội.

- Tổ chức những hoạt động văn hoá, nghệ thuật có tính quần chúng rộng rãi, hội diễn quần chúng ở cơ sở và địa phương, những hoạt động thể thao thể dục... làm cho ngày lễ (chiều 30-4 – 1-5) thành ngày hội lao động của quần chúng, vui vẻ, lành mạnh.

- Tổ chức những cuộc triển lãm sáng kiến ở cơ sở và địa phương vào dịp kỷ niệm 1-5, những cuộc đi thăm những điển

hình tiên tiến.

- Tổ chức những đợt "hành động cách mạng" nhằm thúc đẩy phong trào thi đua.

Khi dùng những hình thức nói trên phải tính đến hoàn cảnh cụ thể về sản xuất và đời sống ở địa phương.

Trong những ngày kỷ niệm 30-4 – 1-5, chú ý thăm hỏi, giúp đỡ các gia đình có công với cách mạng, các gia đình liệt sĩ, các thương binh...

Về công tác tuyên truyền đối ngoại, chú ý mấy điều sau đây:

- ý nghĩa và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

- Những vấn đề quan trọng về đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của ta.

- Những thành tích xây dựng lại đất nước.

*

* * *

Các cấp uỷ đảng, các cơ quan thông tin, tuyên truyền, văn hoá ở trung ương và địa phương cần có sáng kiến tổ chức tốt những hoạt động kỷ niệm nói trên kết hợp chặt chẽ với việc đẩy mạnh phong trào lao động sản xuất và những công tác quan trọng trước mắt.

T/m ban bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Thông báo

Số 15-TB/TW, ngày 22 tháng 4 năm 1977

Quyết định của Bộ Chính trị về tổ chức của Ban Nghiên cứu lý luận Trung ương và những chuyên đề nghiên cứu lý luận của Ban

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, Bộ Chính trị quyết định về tổ chức của Ban Nghiên cứu lý luận Trung ương và những chuyên đề nghiên cứu lý luận của Ban như sau:

I- Ban nghiên cứu lý luận trung ương gồm có

- 1- Đồng chí Trưởng Chinh, Trưởng ban,
- 2- " Tô Hữu, Phó trưởng ban,
- 3- " Đào Duy Tùng, Uỷ viên Thường trực kiêm Tổng Thư ký,
- 4- " Nguyễn Lam, Uỷ viên,
- 5- " Trần Quang Huy, Uỷ viên,
- 6- " Nguyễn Khánh Toàn, Uỷ viên.

II- Các chuyên đề nghiên cứu lý luận cho những năm 1977-1980

A- *Những vấn đề quốc tế*

1. Chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ hiện nay.
2. Chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước và các lý thuyết biện hộ cho chủ nghĩa tư bản hiện nay.
3. Chủ nghĩa thực dân mới.
4. Thế chiến lược tiến công của ba dòng thác cách mạng trên thế giới.
5. Chủ nghĩa cơ hội trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế hiện nay.
6. Hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản.

B- *Những vấn đề về xây dựng chủ nghĩa xã hội*

1. Nâng vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động.
2. Cách mạng về quan hệ sản xuất ở nước ta.
3. Cách mạng về khoa học, kỹ thuật ở nước ta.
4. Cách mạng tư tưởng và văn hoá ở nước ta.
5. Công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.
6. Từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.
7. Những quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội ở nước ta.
8. Vấn đề cải tiến quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa.
9. Xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.
10. Những thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

C- *Những vấn đề về xây dựng đảng, xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa và xây dựng các đoàn thể nhân dân trong giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

1. Vấn đề Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ và Nhà nước quản lý.
2. Nguyên tắc và phương châm xây dựng đảng kiểu mới của giai cấp công nhân.
3. Đặc điểm và phương thức của một đảng mácxít - leninít lãnh đạo chính quyền.
4. Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
5. Vấn đề tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.
6. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân nước ta trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Ban Nghiên cứu lý luận cần có kế hoạch cụ thể xây dựng các tổ nghiên cứu chuyên đề và chương trình hoạt động của mình.

Để giúp Ban Nghiên cứu lý luận hoàn thành tốt nhiệm vụ, các Ban chuyên môn, các Ban cán sự của Đảng, các Đảng đoàn, các thành uỷ và tỉnh uỷ cần:

- 1- Để các cán bộ của mình có chân trong các tổ chuyên đề do Ban Nghiên cứu lý luận thành lập có thì giờ tích cực tham gia công tác nghiên cứu;
- 2- Giúp đỡ Ban Nghiên cứu lý luận tư liệu và các điều kiện cần thiết và có thể được để hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu.

T/M Ban bí thư

Tổ Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 11-TT/TW, ngày 29 tháng 4 năm 1977

Triệu tập lớp bồi dưỡng Nghị quyết Đại hội toàn quốc của Đảng lần thứ IV cho cán bộ cao, trung cấp thuộc các tỉnh, thành phố phía Nam

Lớp bồi dưỡng Nghị quyết Đại hội toàn quốc của Đảng lần thứ IV cho cán bộ cao, trung cấp sắp kết thúc. Sau lớp học này các ngành, địa phương cần xúc tiến tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập Nghị quyết của Đảng theo hình thức tại chức. Riêng các tỉnh, thành phố phía Nam, Ban Bí thư quyết định mở thêm một lớp nữa để giúp địa phương có điều kiện hơn trong việc tổ chức học tập cho cán bộ, đảng viên và giao cho Trường Nguyễn ái Quốc Trung ương trực tiếp phụ trách về nội dung.

Mỗi tỉnh uỷ, thành uỷ cử ba đồng chí: một đồng chí trong bộ phận trực tỉnh uỷ, thành uỷ (Bí thư hoặc Phó bí thư), đồng chí uỷ viên thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ, trưởng ban tổ chức, một đồng chí cấp uỷ viên phụ trách kinh tế (kế hoạch

hoặc nông nghiệp, công nghiệp hay thương nghiệp).

Thời gian học khoảng một tháng; khai mạc ngày 1-6-1977 tại Trường Nguyễn ái Quốc 7 (Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh).

Các tỉnh uỷ, thành uỷ căn cứ Thông tri này cử cán bộ đúng đối tượng đi học. Danh sách cán bộ được cử đi học gửi về Ban Tổ chức Trung ương và Ban Giám đốc Trường Nguyễn ái Quốc Trung ương trước ngày 25 - 5-1977.

T/M Ban bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Số 12-TT/TW, ngày 30 tháng 4 năm 1977

**Thông tri
của Ban Bí thư**

**Về việc đại biểu Chính phủ ta
và Chính phủ Hoa Kỳ đàm phán ở Pari**

Trong những ngày sắp tới, đại biểu Chính phủ ta (Thứ trưởng Bộ Ngoại giao) và đại biểu Chính phủ Hoa Kỳ (trợ lý, Bộ trưởng Ngoại giao) sẽ bắt đầu cuộc đàm phán tại Pari để bàn việc bình thường hóa quan hệ giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hoa Kỳ, và những vấn đề có liên quan đến hai nước.

Bộ Chính trị đã có chỉ thị cụ thể cho Đoàn đại biểu Chính phủ ta và những cơ quan có trách nhiệm đối với cuộc đàm phán này.

Về mưu đồ chiến lược của chính quyền Catō trong việc tiến tới bình thường hóa quan hệ giữa Hoa Kỳ và Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và lập trường của ta trong đàm phán với Mỹ về vấn đề này. Thông báo số 07 của Ban Bí thư ngày 15-3-1977 về việc Chính phủ ta chấp thuận tiếp Uỷ ban của Tổng thống Hoa Kỳ tại Hà Nội đã nói rõ. Cần nhấn mạnh rằng tính chất của quan hệ giữa nước ta và Mỹ vốn là quan hệ địch ta; vấn đề bình thường hóa quan hệ giữa nước ta và chính quyền Mỹ không thể giải quyết một cách giản đơn mà

là một quá trình đấu tranh phức tạp. Trong thời gian qua, Ban Bí thư đã thấy có một vài tin đồn sai sự thật có tính cách suy đoán, ảo tưởng.

Vì vậy, các cán bộ, đảng viên của Đảng, trước hết là các cán bộ cao cấp và trung cấp, khi theo dõi diễn biến của cuộc đàm phán giữa ta và Mỹ ở Pari, cần có nhận thức và thái độ đúng theo nội dung Thông báo số 07 của Trung ương và theo tinh thần các bài bình luận của báo Đảng. Phải hết sức tránh suy luận theo lối chủ quan, ảo tưởng, và cảnh giác đề phòng những tin đồn nhảm và những luận điệu tác động tâm lý của các thế lực thù địch, các báo và đài tư sản.

T/M Ban bí thư
Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 13-TT/TW, ngày 10 tháng 5 năm 1977

Về việc chọn cán bộ sang giúp Đảng Lào

Theo yêu cầu của Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lào, Bộ Chính trị Đảng ta đã đồng ý cử một số cán bộ của một số ngành công tác Đảng và Chính phủ ta sang giúp các ngành của Trung ương và Chính phủ bạn.

Ban Cán sự Đảng về công tác C¹⁾, căn cứ vào yêu cầu của bạn, sẽ bàn với các ngành về số lượng cán bộ đối với từng ngành. Tổng số cán bộ cử đi lần này vào khoảng 70 đồng chí.

Ban Cán sự Đảng về công tác C và Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm xét duyệt danh sách cụ thể của từng ngành.

Ban Cán sự Đảng về công tác C phối hợp với các ngành tổ chức học tập bồi dưỡng cho anh em trước khi đi làm nhiệm vụ quan trọng này, và quản lý các mặt sinh hoạt, công tác của cán bộ trong thời gian làm việc ở Lào. Các ngành được

¹⁾ Ban Cán sự Đảng về công tác C: Ban Cán sự Đảng về công tác với Lào (B.T).

giao trách nhiệm cử cán bộ sang giúp bạn cần chọn cán bộ bảo đảm chất lượng và đủ số lượng. Để bảo đảm việc chỉ đạo cán bộ sang giúp bạn được tốt, mỗi ngành nên cử một đồng chí lãnh đạo sang Lào một thời gian ngắn để tìm hiểu tình hình nước bạn và thảo luận với bạn về yêu cầu và phương hướng giúp bạn. Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Thủ tướng và các Bộ Tài chính, Ngoại giao, Nội vụ giải quyết các vấn đề liên quan để các đồng chí được cử sang giúp bạn lên đường được trước tháng 7-1977, như đúng thời gian đã thoả thuận với bạn.

T/M Ban bí thư

Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Thông báo

Số 16-TB/TW, ngày 14 tháng 5 năm 1977

Hội nghị Ban Bí thư về việc chuẩn bị Đại hội lần thứ VII của Đảng bộ Hà Nội

Làm việc với Thường vụ Thành ủy Hà Nội về nội dung Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VII, Ban Bí thư cho ý kiến như sau:

Trong ba năm qua, từ Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VI đến nay, Thành ủy Hà Nội đã lãnh đạo Đảng bộ và nhân dân thành phố làm tốt nhiệm vụ chi viện tiền tuyến, bảo vệ hậu phương, khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, giải quyết một số khó khăn trong đời sống nhân dân. Các mặt công tác văn hoá, giáo dục, có nhiều tiến bộ. Qua kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đảng bộ thành phố được củng cố và trưởng thành, Đảng bộ đã cố gắng thực hiện một số nghị quyết của Trung ương về công tác xây dựng đảng.

Bước sang giai đoạn mới của cách mạng, thi hành Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Đảng bộ Thủ đô phải nâng cao hơn nữa chất lượng lãnh đạo, làm cho Hà

Nội tiến bộ nhanh về mọi mặt; Đảng bộ Hà Nội phải là một Đảng bộ có tính chiến đấu cách mạng cao, có kiến thức và năng lực hoàn thành mọi nhiệm vụ, đi sâu vào công tác thực tế, đi sát quần chúng lao động. Thủ đô phải là nơi có phong trào quần chúng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa mạnh mẽ, sôi nổi nhất.

Trong tình hình kinh tế thành phố trước mắt đang còn nhiều khó khăn, sản xuất và xây dựng chưa đáp ứng kịp những nhu cầu bức thiết của nhân dân, thì việc sửa chữa những khuyết điểm trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội, bài trừ tệ quan liêu, lăng phí, tham ô là đòi hỏi chính đáng và cấp bách của nhân dân. Những hiện tượng tiêu cực trong các cơ quan và ngoài xã hội chậm được khắc phục chứng tỏ tổ chức chỉ đạo thực hiện thiếu chặt chẽ, sức mạnh của tổ chức, của chuyên chính vô sản và phong trào cách mạng của quần chúng chưa được phát huy mạnh mẽ.

Hà Nội, một Thủ đô đã có gần 1.000 năm lịch sử, phải tiêu biểu cho cả nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, phải trở thành một trung tâm văn hóa tiêu biểu cho chủ nghĩa xã hội ở Đông Nam châu Á.

Xây dựng Thủ đô, trước hết là trách nhiệm của Đảng bộ và nhân dân Hà Nội, là trách nhiệm trực tiếp của Trung ương Đảng và Chính phủ, của các ngành trung ương, đó cũng là trách nhiệm chung của cả nước. Xây dựng Thủ đô phải xem xét việc lâu dài và việc trước mắt, sớm có quy hoạch tổng thể và quy hoạch khu vực về cải tạo và xây dựng Thủ đô. Năm vũng phương hướng mà Hội nghị ngày 7-9-1976 của Bộ Chính trị đã đề ra: "Hà Nội, Thủ đô nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là trung tâm chính trị, văn hóa của cả nước, nơi tập trung các cơ quan của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các viện nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, các trường đại học, các

công trình văn hóa, nghệ thuật tiêu biểu của cả nước. Hà Nội còn là một trung tâm kinh tế quan trọng, có công nghiệp tiên tiến, hiện đại với trình độ kỹ thuật cao.

Hà Nội phải là Thủ đô hiện đại có tính dân tộc, xứng đáng với đất nước ta, dân tộc ta".

Trong tương lai, với 3 triệu dân (cả vùng ngoại vi thành phố), Hà Nội phải có một cơ cấu kinh tế thích hợp, vừa sử dụng và phát huy hết lực lượng lao động, khả năng của địa phương, giải quyết những nhu cầu tại chỗ của địa phương, vừa làm tròn nghĩa vụ cung cấp cho Trung ương, vừa có nhiều hàng hóa xuất khẩu. Hà Nội phải là một trung tâm công nghiệp bao gồm một số ngành công nghiệp có kỹ thuật cao như cơ khí chính xác, công nghiệp điện và điện tử, quang học, đồng thời có công nghiệp hàng tiêu dùng với chất lượng cao, nhất là kim khí tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm. Công nghiệp trung ương trên đất Hà Nội và công nghiệp địa phương Hà Nội phải được quy hoạch thành một cơ cấu hợp lý, có sự phân công, hợp tác giữa trung ương và địa phương, giữa công nghiệp địa phương Hà Nội với công nghiệp địa phương thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh. Nông nghiệp ngoại thành phải giải quyết được toàn bộ nhu cầu về rau, một tỷ lệ thích đáng về thịt, cá, trứng cho nhân dân thành phố. Chính phủ sẽ quyết định những chính sách cụ thể đối với nông dân làm thực phẩm bán cho thành phố; đồng thời theo đà phát triển của thành phố, từng bước có kế hoạch mở rộng ngoại thành. Phải nhằm hướng xây dựng cơ cấu công - nông nghiệp hiện đại, thu hẹp sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn mà phát triển kinh tế và văn hóa ở Thủ đô.

Đi đôi với phát triển kinh tế phải rất chú ý giải quyết công việc làm, tổ chức tốt đời sống của công nhân, viên chức và nhân dân lao động. Phải phát triển nhiều hình thức và tổ chức sử dụng lao động, từ sản xuất thủ công đến các công trình làm đất, công trình xây dựng, nhận gia công hàng xuất khẩu, vận động và tổ chức một bộ phận nhân dân đi xây dựng vùng kinh tế mới, v.v.. Tập trung chỉ đạo xây dựng nhà

ở, coi vấn đề giải quyết nhà ở cho nhân dân thành phố có ý nghĩa quan trọng như chia ruộng đất cho nông dân trong cách mạng dân tộc dân chủ. Trong hai năm, tập trung sức để đáp ứng yêu cầu về giường nằm cho nhân dân, giải quyết tốt hơn, nhanh hơn yêu cầu về nước, điện, hố xí, trường học, nhà trẻ, lớp mẫu giáo, bệnh viện, cửa hàng, các cơ sở phục vụ; từng bước phát triển theo quy hoạch các công trình lợi ích công cộng. Phải kết hợp xây dựng mới với cải tạo từng đường phố, từng khu vực một cách hoàn chỉnh và dứt điểm.

Thủ đô Hà Nội phải là kiểu mẫu cho cả nước về xây dựng kinh tế, xây dựng đảng, xây dựng chính quyền và công tác vận động quần chúng, là nơi tiêu biểu cho việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Phải xây dựng Đảng bộ Hà Nội thật sự gương mẫu, có tín nhiệm cao với quần chúng, đồng cam cộng khổ với nhân dân, công bằng, chí công, vô tư, là một Đảng bộ của những người biết làm tốt nhiệm vụ lãnh đạo và hết lòng phục vụ nhân dân. Xây dựng con người Thủ đô có nếp sống lịch sự văn minh, tha thiết yêu chủ nghĩa xã hội, yêu lao động, quý trọng của công, có tình cảm đúng đắn và trong sáng trong quan hệ đồng chí, quan hệ bạn bè, quan hệ gia đình và quan hệ xã hội. Phấn đấu để trong tương lai gần, Hà Nội thực sự là Thủ đô văn minh, trật tự, Thủ đô của người lao động làm chủ đất nước, lao động hết sức mình với năng suất cao, chất lượng tốt.

Phải sớm khắc phục tình hình cán bộ, đảng viên phân bố không đều, nhất là ở cơ sở, ở đường phố. Soát lại đội ngũ cán bộ, có kế hoạch bồi dưỡng và sử dụng cán bộ trẻ, cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý. Ban Tổ chức Trung ương, các Đảng uỷ trực thuộc Trung ương, Thành uỷ Hà Nội phải có kế hoạch chu đáo để sớm chuyển các tổ chức đảng nói chung ở các cơ quan trung ương về Đảng bộ Hà Nội.

Với ý nghĩa và tinh thần trên đây, Ban Bí thư đặt nhiệm vụ xây dựng Thủ đô là một trong những trọng điểm chỉ đạo. Các ngành, các ban ở trung ương có trách nhiệm góp sức cùng Thành uỷ Hà Nội xây dựng mọi mặt cho Thủ đô Hà Nội phát triển và tiến bộ nhanh.

Tiếp theo cuộc họp của Ban Bí thư, ngày 4-5-1977, Thường vụ Hội đồng Chính phủ đã giải quyết một số vấn đề về đời sống và xây dựng kinh tế, văn hoá hai năm 1977 -1978 và năm năm 1976-1980. Chính phủ đã: chấp nhận chỉ tiêu đầu tư xây dựng cơ bản cho Hà Nội trong 5 năm 1976-1980 là 1,1 đến 1,2 tỷ đồng, chấp nhận tỷ lệ xây dựng nhà cao tầng từ 70 đến 85% trong số 1 triệu mét vuông nhà ở phải xây dựng trong 5 năm; chấp nhận về nguyên tắc cho Hà Nội mở rộng thêm diện tích chuyên canh rau di dời với ra sức tăng năng suất, tăng vòng quay sử dụng đất trồng rau hiện có; giải quyết một số chính sách nhằm đẩy mạnh sản xuất đủ rau cung cấp cho thành phố, phát triển chăn nuôi để nâng tỷ trọng thịt, cá, trứng thu mua tại chỗ. Chính phủ cũng quyết định một số vấn đề bức thiết về đời sống trong hai năm 1977-1978 như cung cấp cá, giải quyết gỗ đóng giường nằm nhằm đáp ứng yêu cầu về giường cho nhân dân trong hai năm, cung cấp lương thực cho chăn nuôi từ nay đến hết năm 1977 để giữ đàn lợn và đàn gà quốc doanh còn lại. Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước sẽ cùng với Uỷ ban nhân dân Hà Nội cân đối lại các chỉ tiêu về công trình, chỉ tiêu về vật tư, nguyên liệu, vận tải.

Thường vụ Hội đồng Chính phủ giao cho Bộ Xây dựng và Uỷ ban nhân dân Hà Nội sớm lập quy hoạch phác thảo cải tạo và xây dựng Thủ đô để Trung ương và Chính phủ duyệt.

T/l Ban bí thư

Trần Xuân Bách

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Quyết định
của Ban Bí thư**

Số 02-QĐ/TW, ngày 16 tháng 5 năm 1977

**Về tổ chức và nhân sự Ban cán sự Đảng
về công tác giúp Lào**

Để thực hiện Nghị quyết số 251-NQ/TW ngày 30-4-1976 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng¹⁾ về việc tăng cường đoàn kết giúp đỡ và hợp tác với cách mạng Lào trong giai đoạn mới và để bảo đảm thống nhất quản lý việc giúp đỡ và hợp tác về các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá với bạn.

Ban bí thư quyết định

Điều 1: Thành lập Ban cán sự Đảng về công tác C với nhiệm vụ:

1- Theo yêu cầu của bạn, phối hợp với các ban của Trung ương Đảng và các cơ quan nhà nước tổ chức việc nghiên cứu các vấn đề thuộc về đường lối, chủ trương để Trung ương ta

¹⁾ Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.37, tr.103 (B.T).

góp ý với bạn.

2- Căn cứ vào chủ trương của Trung ương, hướng dẫn các ngành, các địa phương trong việc giúp đỡ và hợp tác với bạn trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá; tổng hợp tình hình các mặt, thường kỳ báo cáo với Trung ương.

3- Thống nhất quản lý và chỉ đạo đội ngũ cán bộ chính trị, kinh tế, văn hoá của ta cử sang giúp các cơ quan lãnh đạo của bạn, theo yêu cầu của bạn trong từng thời kỳ.

4- Cùng với Ban cán sự Đảng ngoài nước làm công tác chính trị, tư tưởng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, đoàn viên sang giúp bạn, trừ các bộ phận do Quân uỷ Trung ương phụ trách.

Điều 2: Ban Đội ngoại Trung ương Đảng chuyển nhiệm vụ nghiên cứu về cách mạng Lào (theo Thông báo số 03-TB/TW ngày 30-12-1976 của Ban Bí thư) sang cho Ban cán sự Đảng về công tác C phụ trách.

- Ban Đội ngoại Trung ương Đảng vẫn tiếp tục phụ trách công tác liên lạc thường xuyên với Đảng Nhân dân Cách mạng Lào như đối với các Đảng anh em khác.

- Ban Đội ngoại Trung ương Đảng và Ban cán sự Đảng về công tác C cần phối hợp chặt chẽ với nhau để không ngừng tăng cường quan hệ đặc biệt giữa hai Đảng và hai nước.

Điều 3: Ban cán sự Đảng về công tác C thảo luận với Ban Tổ chức Trung ương Đảng và Ban Tổ chức Chính phủ để kiện toàn bộ máy giúp việc của mình cho phù hợp với nhiệm vụ công tác mới; bảo đảm gọn nhẹ, có hiệu lực.

Điều 4: Ban cán sự Đảng về công tác C gồm có:

- Đồng chí Đặng Thị, Bí thư,

- Đồng chí Nguyễn Chính Giao, Uỷ viên,
- Đồng chí Phan Hiền, Uỷ viên.

Điều 5: Văn phòng Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương và Ban cán sự Đảng về công tác C thi hành Quyết định này.

T/M Ban bí thư

Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Nghị quyết
của Bộ Chính trị**

Số 02-NQ/TW, ngày 20 tháng 5 năm 1977

**Về kỷ niệm lần thứ 60 cuộc Cách mạng xã hội
chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại**

Ngày 7-11-1977 là ngày kỷ niệm lần thứ 60 cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại.

Sáu mươi năm trước đây, dưới sự lãnh đạo thiên tài của Lê-nin và Đảng Bônsôvich Nga, giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước Nga đã tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi, lập nên Nhà nước vô sản đầu tiên trên thế giới. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Giống như mặt trời chói lọi, Cách mạng Tháng Mười chiếu sáng khắp năm châu, thức tỉnh hàng triệu hàng triệu người bị áp bức, bóc lột trên trái đất... Cách mạng Tháng Mười mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc và cả loài người, mở đầu một thời đại mới trong lịch sử, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới"¹⁾.

Sau khi giành được chính quyền, giai cấp công nhân và nhân dân Liên Xô tiếp tục nêu cao truyền thống đấu tranh cách mạng, tự lực tự cường, vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, chiến thắng thù trong giặc ngoài, bảo vệ chính quyền Xôviết, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, đồng thời tích cực ủng hộ và giúp đỡ phong trào cách mạng của nhân dân các nước khác.

¹⁾ Hồ Chí Minh: *Cách mạng Tháng Mười vĩ đại mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc.*

Chiến thắng oanh liệt của Liên Xô trong Chiến tranh thế giới thứ hai đã cứu loài người khỏi họa phátxít và mở ra một thời kỳ phát triển mới của cách mạng thế giới. Sau khi chủ nghĩa phátxít Hitle bị đánh bại, một loạt nước dân chủ nhân dân ra đời. Thắng lợi to lớn của cách mạng Trung Quốc làm cho cán cân lực lượng nghiêng hẳn về phía cách mạng. Chủ nghĩa xã hội vượt ra khỏi phạm vi một nước, trở thành hệ thống thế giới ngày càng phát triển. Với những thành tựu to lớn về mọi mặt, hệ thống xã hội chủ nghĩa đã chứng minh hùng hồn sức mạnh vô địch của mình và đang phát huy tác dụng là nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người trong thời đại hiện nay.

Đi đầu trong cách mạng vô sản, Liên Xô là nước đã xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trước tiên và đang khai phá con đường tiến lên chủ nghĩa cộng sản. Ngày nay Liên Xô đã trở thành một nước xã hội chủ nghĩa hùng cường bậc nhất trên thế giới, có những đóng góp quan trọng vào cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Để chào mừng kỷ niệm lần thứ 60 Cách mạng Tháng Mười, nhân dân Liên Xô đang phấn khởi thi đua nhằm thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ trọng đại do Đại hội lần thứ XXV của Đảng Cộng sản Liên Xô đề ra.

Cùng với sự ra đời và phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ Latinh đang lôi cuốn hàng nghìn triệu người vào cuộc đấu tranh vì độc lập, dân chủ và hướng về chủ nghĩa xã hội, làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

Đồng thời, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa ngày càng dâng lên mạnh mẽ, với quy mô rộng lớn và tính tổ chức cao, tập hợp được đông đảo các lực lượng dân chủ và tiến bộ, tiến công mãnh liệt vào chủ

nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước, vì hoà bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Ba dòng thác trên đây hợp thành cao trào cách mạng thế giới đang tiến công chủ nghĩa đế quốc do Mỹ cầm đầu. Sức mạnh của thời đại chúng ta là sức mạnh tổng hợp của ba dòng thác cách mạng đó, những lực lượng đang quyết định nội dung chủ yếu, phương hướng chủ yếu và những đặc điểm chủ yếu của lịch sử xã hội loài người hiện nay và đang thúc đẩy quá trình phát triển của thế giới từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Đi theo con đường của Cách mạng Tháng Mười vĩ đại, giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam tiến hành Cách mạng Tháng Tám (1945) thành công, thành lập Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam á, lần lượt chiến thắng hoàn toàn chủ nghĩa thực dân cũ của Pháp và chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã kết thúc thắng lợi với chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử mùa Xuân năm 1975, chấm dứt vĩnh viễn chế độ thống trị hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân trên đất nước ta, làm cho Tổ quốc Việt Nam vĩnh viễn độc lập, thống nhất và cả nước cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng ta đã quyết định đường lối và nhiệm vụ xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa, mở ra một kỷ nguyên rực rỡ nhất cho dân tộc.

Sáu mươi năm qua, kể từ khi Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười thành công, cách mạng thế giới và cách mạng nước ta đã giành được những thắng lợi hết sức to lớn. Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam quyết định toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta sẽ kỷ niệm lần thứ 60 cuộc Cách mạng Tháng Mười xứng đáng với ý nghĩa trọng đại của ngày lịch sử vẻ vang đó.

Trong dịp kỷ niệm này, Đảng ta đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, làm cho mọi người, kể cả đồng bào ở vùng mới giải phóng, hiểu rõ hơn nữa, sâu hơn nữa ý nghĩa to lớn và những bài học lịch sử của Cách mạng Tháng Mười, những thắng lợi vĩ đại và kinh nghiệm quý báu của nhân dân Liên Xô và của cách mạng thế giới trong 60 năm qua; vai trò, vị trí và sự cống hiến của Liên Xô, của hệ thống xã hội chủ nghĩa, của ba dòng thác cách mạng trên thế giới; sự ủng hộ mạnh mẽ và giúp đỡ to lớn và có hiệu quả mà Đảng, Chính phủ và nhân dân Liên Xô cũng như Đảng, Chính phủ và nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác đã và đang tiếp tục giành cho nhân dân ta; tình hữu nghị vĩ đại và sự hợp tác ngày càng tăng cường giữa Việt Nam và Liên Xô, giữa Việt Nam và các nước xã hội chủ nghĩa khác; tình đoàn kết chiến đấu giữa các lực lượng cách mạng trên toàn thế giới.

Kết hợp với việc tuyên truyền, giáo dục về Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, công tác tuyên truyền, giáo dục nhân dịp kỷ niệm lần thứ 60 Cách mạng Tháng Mười vĩ đại nhằm nâng cao lòng tin tưởng tuyệt đối vào đường lối, chính sách của Đảng ta, vào tiền đồ tốt đẹp của cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới; không ngừng tăng cường đoàn kết với Liên Xô, với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, với các đảng cộng sản và công nhân trong phong trào cộng sản quốc tế trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản; tăng cường đoàn kết với giai cấp công nhân và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới, góp phần đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở đó, động viên toàn thể đảng viên, đoàn viên thanh niên và nhân dân ta phát huy mọi khả năng lao động sáng tạo, ra sức thi đua thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, trước mắt hoàn thành thắng lợi kế hoạch nhà nước năm 1977.

Nhân dịp này, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ đề nghị với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành lập một Ban Tổ chức kỷ niệm cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại ở nước ta.

T/M Bô Chính trị
Tổng Bí thư
Lê Duẩn

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

dề nghị danh sách
ban tổ chức kỷ niệm lần thứ 60
cách mạng tháng mười vĩ đại

Đồng chí Lê Duẩn	Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.
Đồng chí Trường Chinh	Uỷ viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Chủ tịch Uỷ ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
Đồng chí Nguyễn Hữu Thọ	Phó Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
Đồng chí Phạm Hùng	Uỷ viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng.
Đồng chí Nguyễn Duy Trinh	Uỷ viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng.
Đồng chí Lê Văn Lương	Uỷ viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Bí thư Thành uỷ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hà Nội.
Đồng chí Chu Huy Mân	Uỷ viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

Đồng chí Tố Hữu	Uỷ viên dự khuyết Bộ Chính trị Trung ương Đảng.
Đồng chí Võ Văn Kiệt	Uỷ viên dự khuyết Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Bí thư Thành uỷ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh.
Đồng chí Xuân Thuỷ	Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương.
Đồng chí Hoàng Quốc Việt	Uỷ viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
Đồng chí Nghiêm Xuân Yêm	Tổng Thư ký Đảng Dân chủ Việt Nam.
Đồng chí Nguyễn Xiển	Tổng Thư ký Đảng Xã hội Việt Nam.
Đồng chí Hà Thị Quế	Uỷ viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.
Đồng chí Nguyễn Đức Thuận	Uỷ viên Trung ương Đảng, Tổng Thư ký Tổng Công đoàn Việt Nam.
Đồng chí Vũ Quang	Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
Đồng chí Phan Anh	Chủ tịch Uỷ ban Bảo vệ hoà bình thế giới của Việt Nam.
Đồng chí Trần Đại Nghĩa	Viện trưởng Viện Khoa học Việt Nam.

Đồng chí Nguyễn Văn Hiếu	Bộ trưởng Bộ Văn hoá.
Đồng chí Nguyễn Văn Kỉnh	Hội trưởng Hội hữu nghị Việt - Xô.
Đồng chí Vũ Lập	Uỷ viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Uỷ ban Dân tộc Trung ương.
Đồng chí Hoàng Tùng	Uỷ viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam.

Ban thường trực

- Đồng chí Xuân Thuỷ
- Đồng chí Hoàng Quốc Việt
- Đồng chí Nghiêm Xuân Yêm
- Đồng chí Nguyễn Xiển
- Đồng chí Hoàng Tùng
- Đồng chí Nguyễn Văn Hiếu
- Đồng chí Nguyễn Văn Kỉnh

Khẩu hiệu kỷ niệm lần thứ 60 cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng mười

- 1- Nhiệt liệt chào mừng lễ kỷ niệm lần thứ 60 Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại!
- 2- Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xôviết muôn năm!
- 3- Nhiệt liệt chào mừng nhân dân Liên Xô đang phấn đấu thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ trọng đại do Đại hội lần thứ XXV Đảng Cộng sản Liên Xô đề ra!
- 4- Tình đoàn kết chiến đấu và hữu nghị vĩ đại giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Liên Xô muôn năm!
- 5- Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đoàn kết một lòng, xây dựng thành công một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa!
- 6- Tất cả cho sản xuất, tất cả để xây dựng chủ nghĩa xã hội, tất cả vì Tổ quốc giàu mạnh, vì hạnh phúc của nhân dân!
- 7- Tập trung cao độ lực lượng cả nước, tạo ra một bước phát triển vượt bậc của nông nghiệp!
- 8- Thi đua đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, hoàn thành kế hoạch nhà nước năm 1977!
- 9- Cuộc đấu tranh của nhân dân toàn thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội nhất định thắng lợi!
- 10- Tình đoàn kết giữa các Đảng cộng sản và công nhân trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản muôn năm!

- 11- Chủ nghĩa Mác - Lênin bách chiến bách thắng muôn năm!
- 12- Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam muôn năm!
- 13- Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm!
- 14- Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp cách mạng của chúng ta!

**Chỉ thị
của Ban Bí thư**

Số 10-CT/TW, ngày 21 tháng 5 năm 1977

**Về việc điều động và đào tạo, bồi dưỡng số cán bộ
quân đội chuyển ra tăng cường cho các huyện**

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV đã xác định vị trí quan trọng của huyện và chủ trương phải từng bước xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp. Để thực hiện chủ trương ấy, tăng cường cán bộ cho huyện là một khâu then chốt. Vừa phải phát huy lực lượng cán bộ hiện có của các huyện, vừa phải tăng cường cán bộ từ các ngành ở cấp tỉnh và trung ương về cho huyện; đồng thời điều động một lực lượng cán bộ quân đội chuyển ra tăng cường cho bộ máy của huyện.

Trong chiến tranh, Đảng đã điều động một lực lượng lớn cán bộ và đảng viên ưu tú tham gia quân đội. Những cán bộ, đảng viên trong quân đội trải qua thử thách trong chiến đấu, số rất đông có phẩm chất chính trị tốt và có năng lực lãnh đạo, năng lực tổ chức. Việc đưa những đồng chí này về hoạt động ở các huyện, sau khi đã bồi dưỡng thêm về lý luận chính trị, về kiến thức quản lý kinh tế, về kinh nghiệm công tác ở cấp huyện sẽ có tác dụng thiết thực góp phần tăng cường số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ ở các địa phương.

Phương hướng lựa chọn, bố trí, sử dụng và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng số cán bộ quân đội chuyển ra tiến hành theo những điểm dưới đây:

1. *Cần lựa chọn chu đáo* số cán bộ quân đội tăng cường cho cấp huyện. Tiêu chuẩn lựa chọn như sau:

- Là đảng viên.
- Có phẩm chất chính trị tốt, lịch sử chính trị rõ ràng, có ý thức tổ chức kỷ luật, có quyết tâm khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Đã được rèn luyện thử thách trong công tác lãnh đạo, chỉ huy và còn khả năng học tập, tiếp thu kiến thức mới để làm tròn nhiệm vụ mới.
- Có đủ sức khoẻ.

- Trình độ văn hoá từ lớp 7 trở lên. Đối với các đồng chí ở miền núi và các tỉnh phía Nam thì từ lớp 4 trở lên.

2. *Hướng bố trí, sử dụng những cán bộ này như sau:*

- Làm công tác đảng, công tác quần chúng ở cấp huyện và cơ sở như: tổ chức, kiểm tra, tuyên huấn, trường Đảng, phái viên huyện uỷ, cán bộ chuyên trách công tác đảng, Đoàn Thanh niên ở các nông trường, công trường, xí nghiệp, giáo viên chính trị ở các trường phổ thông, v.v.. Các tỉnh phía Nam có thể đưa một số đi phụ trách xã hoặc làm công tác hợp tác hoá nông nghiệp.

- Làm cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn của một số ngành cấp huyện như: nông nghiệp, kế hoạch, lao động, thương binh xã hội, kiểm sát, tòa án, tổ chức chính quyền, v.v..

Nên chọn những cán bộ đã làm công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội, hoặc trước khi vào quân đội để làm công tác đảng, công tác quần chúng. Số đồng chí đưa vào làm cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn ở các ngành nên là những đồng chí tương đối trẻ, có văn hoá khá, hoặc trước đây đã làm công tác ở ngành đó.

Cần căn cứ vào nhu cầu và tiêu chuẩn để bố trí sắp xếp cho phù hợp. Tốt nhất là xếp cán bộ quê ở địa phương nào hoặc đã hoạt động và quen biết địa phương nào về công tác ở địa phương đó.

Đóng viên một số cán bộ quân đội ở các địa phương phía Bắc vào công tác ở các huyện phía Nam, ở miền xuôi lên công tác ở các huyện miền núi.

Khi tính toán nhu cầu để điều động cán bộ quân đội phải nhìn vào chức năng, nhiệm vụ của huyện, dự kiến yêu cầu thay thế những đồng chí sẽ về hưu và nghỉ do mất sức từ nay đến năm 1980, hoặc sẽ đi công tác ở các tỉnh, huyện phía Nam, đi vùng kinh tế mới, v.v..

3. *Làm tốt việc bồi dưỡng, đào tạo* để số cán bộ quân đội chuyển ra mau thích ứng với công việc mới và sớm phát huy tác dụng. Bồi dưỡng kỹ cho anh em về Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ IV, đường lối phát triển kinh tế, nhất là về phát triển nông nghiệp, một số kiến thức về quản lý kinh tế, về tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý nông nghiệp theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; ở các tỉnh phía Nam phải bồi dưỡng các chủ trương, chính sách về cải tạo xã hội chủ nghĩa, về hợp tác hoá nông nghiệp; công tác xây dựng đảng, xây dựng chính quyền và các đoàn thể quần chúng.

Việc quản lý và tổ chức ăn ở cho anh em trong thời gian học tập do quân đội phụ trách; việc giảng dạy do các ban của Đảng phụ trách.

Những tỉnh có đủ điều kiện về cơ sở trường Đảng và giảng viên thì tự đảm nhiệm việc bồi dưỡng số cán bộ quân đội chuyển về. Đối với những tỉnh khác thì tổ chức bồi dưỡng trong từng khu vực do Ban Tuyên huấn Trung ương chỉ đạo các trường Đảng trung cấp phụ trách việc giảng dạy.

Sau khi học tập về đường lối chính sách như trên, đối với số cán bộ định phân phối về huyện công tác thuộc ngành nào thì ngành đó ở tỉnh, thành chịu trách nhiệm bồi dưỡng thêm về công tác quản lý, chuyên môn nghiệp vụ; nếu tỉnh chưa đủ sức làm thì ngành trung ương giúp.

Đối với số anh em trình độ văn hoá thấp và tuổi còn tương đối trẻ thì quân đội có thể tổ chức bổ túc văn hoá thêm rồi chuyển ra.

4. Về chính sách, chế độ: Khi cán bộ quân đội về huyện cần xếp ngay anh em vào biên chế và tạo điều kiện thuận lợi cho anh em trong công tác, học tập. Trong ba năm đầu, các cán bộ này vẫn hưởng lương và các chế độ khác như cán bộ quân đội, do ngân sách quốc phòng đài thọ. Sau đó các tỉnh, thành làm ngân sách để trả lương cho anh em theo chính sách chung của Nhà nước.

Các địa phương phải làm tốt việc bồi dưỡng và sử dụng anh em; cố gắng giúp cho anh em đưa gia đình đến để yên tâm công tác lâu dài ở địa phương.

5. Trách nhiệm của các địa phương, các ngành:

Ban Tổ chức Trung ương tính toán nhu cầu cán bộ dựa theo những tiêu chuẩn nói trên để xác định cho mỗi tỉnh, thành được tăng cường bao nhiêu, sau đó tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và phân phối công tác cho anh em, hướng dẫn các địa phương làm tốt việc bố trí, sử dụng.

Các đảng uỷ trong quân đội lựa chọn và giới thiệu với các tỉnh uỷ, thành uỷ số cán bộ quân đội chuyển ra làm công tác tư tưởng, động viên anh em phấn khởi nhận nhiệm vụ mới và tổ chức bàn giao cho các tỉnh, thành, sau đó tiếp tục theo dõi và thực hiện đúng các chính sách, chế độ đối với anh em trong ba năm đầu.

Ban Tuyên huấn Trung ương hướng dẫn nội dung, chương trình bồi dưỡng về đường lối, chính sách của Đảng, và chỉ đạo các trường Đảng trung cấp làm nhiệm vụ giảng dạy.

Các ngành trung ương hướng dẫn các địa phương về yêu cầu kiện toàn cán bộ cho ngành mình ở huyện, chỉ đạo các trường nghiệp vụ của ngành và các ty, sở về việc bồi dưỡng công tác quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ.

Ban Tổ chức Trung ương và Tổng cục Chính trị chịu trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra các địa phương, các ngành thực hiện Chỉ thị này.

Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 14-TT/TW, ngày 24 tháng 5 năm 1977

**Về việc mở lớp bồi dưỡng và đào tạo cán bộ
tại Trường Nguyễn ái Quốc Trung ương**

Để thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 23 của Trung ương¹⁾ về các mục tiêu bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ năm 1977, Trường Nguyễn ái Quốc Trung ương tiếp tục mở các lớp: 12 tháng cho cán bộ đương chức lớn tuổi và các ngành trung ương; lớp hai năm cho cán bộ trong cả nước.

Lớp 12 tháng - Đối tượng đi học: các đồng chí chưa được học lý luận có hệ thống, tuổi đời khoảng trên dưới 50, có sức khoẻ, đang giữ chức vụ: Cục, Vụ, Viện trưởng và Cục, Vụ, Viện phó, Uỷ viên thường vụ Tỉnh uỷ, Tỉnh uỷ viên, Trưởng ty, Trưởng ban của tỉnh, thành phố, Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch huyện, quận, thị, giám đốc, Bí thư Đảng uỷ Công ty, xí nghiệp loại 1, 2, 3, trường đại học, bệnh viện lớn thuộc Trung ương.

Lớp hai năm - Đối tượng đi học: các đồng chí đang giữ các chức vụ như trên nhưng tương đối trẻ, khoảng 45 tuổi trở

1) Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.35, tr. 278 (B.T).

xuống, có sức khoẻ và các đồng chí hiện nay tuy chưa có chức vụ đó nhưng tuổi còn trẻ, khoảng 40 tuổi trở xuống, được lựa chọn vào danh sách cán bộ có triển vọng. Các đồng chí đi học lớp hai năm cần có trình độ văn hoá lớp 7 nếu là cán bộ các tỉnh, thành phố phía Nam; cần có trình độ tương đương lớp 10 nếu là cán bộ thuộc các ngành trung ương và các tỉnh, thành phố phía Bắc.

Chú ý chọn cán bộ xuất thân công nhân, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc.

Thời gian khai mạc các lớp: 15-8-1977. Ban Tổ chức Trung ương cùng Ban Giám đốc Trường Nguyễn ái Quốc Trung ương có trách nhiệm phân phối và xét duyệt cán bộ đi học. Danh sách cán bộ được cử đi học cần gửi về Ban Tổ chức Trung ương và Trường Nguyễn ái Quốc Trung ương trước ngày 10-6-1977.

T/L Ban Bí thư
Chánh Văn phòng
trần xuân bách

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Chỉ thị
của Ban Bí thư

Số 11-CT/TW, ngày 26 tháng 5 năm 1977

Về cải tiến chế độ và nội dung báo cáo
lên Trung ương Đảng

Hội nghị lần thứ 23 của Ban Chấp hành Trung ương khoá III đã quyết định: "Chấn chỉnh hệ thống thông tin của Đảng từ trung ương đến cơ sở để nắm tình hình thực tế trong nước, tình hình quốc tế một cách nhạy bén, đầy đủ và chính xác... Quy định nghiêm ngặt chế độ trách nhiệm ở từng ngành, từng cấp về báo cáo, xin chỉ thị, điều tra nghiên cứu tình hình thực tế, kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng công tác của các cơ quan làm nhiệm vụ thu thập, phân tích, tổng hợp tình hình...".

Thực hiện quyết định ấy, Ban Bí thư định lại chế độ và nội dung báo cáo của các tỉnh uỷ, thành uỷ lên Trung ương như sau cho thích hợp với tình hình mới.

I- Chế độ báo cáo

1. Báo cáo bằng giấy:

a) Báo cáo thường kỳ: hàng tuần, hàng tháng, hàng quý, sáu tháng, cuối năm.

- Hàng tuần, các tỉnh ở gần báo cáo nhanh bằng văn bản, các tỉnh ở xa báo cáo bằng điện mât vào sáng thứ 4.

- Báo cáo hàng tháng gửi về Văn phòng Trung ương chậm nhất vào ngày 3, báo cáo hàng quý vào ngày 5 tháng sau.

- Báo cáo cuối năm gửi về Văn phòng Trung ương chậm nhất vào ngày 10 tháng 1 năm sau.

b) Báo cáo bất thường khi có tình hình đột xuất, tình hình mới cần báo cáo, xin chỉ thị hoặc có vấn đề cần đề đạt ý kiến lên Trung ương.

2. Các văn kiện gửi lên Trung ương coi như báo cáo:

- Báo cáo và nghị quyết các cuộc hội nghị cấp uỷ và thường vụ cấp uỷ.

- Báo cáo và nghị quyết các cuộc họp chuyên đề về kinh tế, văn hoá, trị an, quốc phòng, công tác quần chúng, công tác đảng, công tác xây dựng chính quyền, sơ kết, tổng kết các cuộc vận động lớn, các đợt thi đua lớn.

- Các chỉ thị của cấp uỷ và chính quyền địa phương về các chủ trương, chính sách, công tác quan trọng.

- Kế hoạch phát triển kinh tế, văn hoá hàng năm, 5 năm và các báo cáo, thống kê về thực hiện kế hoạch trong từng thời gian.

- Số liệu cơ bản, tài liệu điều tra cơ bản, quy hoạch, phân vùng sản xuất và các bản đồ cần thiết về quy hoạch, phân vùng, v.v... thuỷ lợi...

- Báo cáo, nghị quyết và kết quả Đại hội của đảng bộ.

3. *Báo cáo trực tiếp* trong những trường hợp sau đây:

- Khi có những vấn đề mà cấp uỷ địa phương xét thấy báo cáo bằng giấy không tiện hoặc không thể đầy đủ.
- Khi có những việc đột xuất nghiêm trọng cần tranh thủ kịp thời sự lãnh đạo và chỉ đạo của Trung ương.
- Khi Ban Bí thư yêu cầu.

4. Ngoài báo cáo của cấp mình, các tỉnh uỷ, thành uỷ phải gửi lên Trung ương báo cáo hằng tháng, hằng quý, sáu tháng, một năm và các nghị quyết, các văn kiện quan trọng về chủ trương công tác của *các huyện, quận trọng điểm, các thành phố, thị xã lớn và khu công nghiệp quan trọng* trực thuộc tỉnh, thành (danh mục sẽ gửi sau).

II- Nội dung báo cáo

1. *Nội dung báo cáo phải phản ánh được tình hình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của cấp uỷ đảng, diễn biến tình hình và kết quả công tác trên các mặt sau đây:*

- a) Xây dựng chính quyền nhân dân, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.
- b) Giữ gìn an ninh chính trị, củng cố quốc phòng.
- c) Phát triển kinh tế, phát triển văn hoá, chăm lo đời sống nhân dân: cải tạo xã hội chủ nghĩa, tổ chức lại sản xuất, xây dựng huyện và cải tiến tổ chức quản lý kinh tế; thực hiện kế hoạch nhà nước về sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp địa phương, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, thu mua, lưu thông, phân phối, văn hoá, giáo dục, y tế; tình hình đời sống nhân dân; xây dựng con người mới.
- d) Công tác dân vận và phong trào cách mạng của

quân chúng.

- e) Công tác xây dựng đảng và công tác cán bộ.
- 2. Tuỳ theo định kỳ báo cáo, mà *mỗi kỳ báo cáo có nội dung cụ thể khác nhau*:

a) *Báo cáo hằng tuần*: chỉ nói ngắn gọn những nét nổi, những vấn đề đáng quan tâm, những hoạt động của thường vụ cấp uỷ và cấp uỷ trong tuần và những việc chính dự định làm trong tuần tới.

b) *Báo cáo hằng tháng, hằng quý*: nêu tình hình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện và kết quả thực hiện những chủ trương, chính sách trên các mặt công tác lớn hoặc mới ban hành, tình hình đột xuất và việc giải quyết những vấn đề đột xuất, chương trình công tác tháng tới hoặc quý tới, những đề nghị cần thiết lên Trung ương (nếu có).

Báo cáo hằng tháng từ ba đến năm trang, báo cáo hằng quý từ năm đến bảy trang.

c) *Báo cáo sáu tháng, một năm*: cần đánh giá tình hình và kiểm điểm sự chỉ đạo và tổ chức thực hiện của cấp uỷ một cách toàn diện nhưng có trọng tâm. Phải chú trọng đi sâu vào những phát triển mới và quan trọng, trong sự lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của cấp uỷ địa phương, trong phong trào cách mạng của quân chúng và kết quả, ưu khuyết điểm, kinh nghiệm, diễn hình tốt, xấu trên những mặt công tác lớn. Cuối cùng nêu rõ chương trình công tác nửa năm tới hoặc năm sau và những đề nghị lớn.

Báo cáo sáu tháng từ 12 đến 15 trang, báo cáo hằng năm từ 15 đến 20 trang; nếu cần, có thể làm thêm các bản thống kê, phụ lục.

3. *Nói chung*, phải phân biệt rõ giữa báo cáo của cấp uỷ đảng với báo cáo của chính quyền và giữa báo cáo của tỉnh uỷ, thành uỷ lên Trung ương với báo cáo có tính chất thông báo tình hình của cấp trên cho cấp dưới. Không lấy báo cáo của chính quyền thay cho báo cáo của cấp uỷ đảng. Không lấy thông báo của tỉnh, thành uỷ gửi các cấp dưới để làm báo cáo gửi Ban Bí thư. Báo cáo của tỉnh uỷ, thành uỷ gửi Trung

ương phải xuất phát từ *chức năng lãnh đạo và chỉ đạo của cấp uỷ và trách nhiệm của tỉnh uỷ, thành uỷ trước Trung ương* mà đánh giá, kiểm điểm việc vận dụng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và việc thực hiện kế hoạch của Nhà nước, phân tích sâu nguyên nhân về lãnh đạo và chỉ đạo, nêu lên những kinh nghiệm hay dở trong công tác tổ chức thực tiễn của cấp uỷ và đảng bộ địa phương và có những kiến nghị với Trung ương về bổ sung chính sách, cải tiến tổ chức chỉ đạo khi cần thiết.

Báo cáo phải *trung thực, chính xác, cụ thể, kịp thời. Chú ý giữ bí mật của Đảng và bí mật quốc gia trong công tác báo cáo*. Chỉ báo cáo những điều bí mật cho những người có trách nhiệm giải quyết. Không được dùng télex, điện công khai, điện thoại để báo cáo những điều cần giữ bí mật; có trường hợp phải trực tiếp báo cáo bằng miệng mà không báo cáo bằng công văn.

III- Trách nhiệm báo cáo và tổ chức bảo đảm

1. Bí thư và Phó bí thư thường trực thay mặt cấp uỷ *chiếm trách nhiệm trực tiếp về các bản báo cáo* gửi lên Trung ương.

Tình hình hằng tuần có thể do Văn phòng cấp uỷ báo cáo, song đồng chí Bí thư hoặc Phó bí thư thường trực phải thông qua nội dung. Báo cáo hằng tháng phải có ý kiến tập thể của Bí thư và Phó bí thư. Báo cáo hằng quý, sáu tháng, một năm phải có nhận định chung của Ban Thường vụ.

Về báo cáo bất thường, chuyên đề, thì tùy theo mức độ quan trọng của vấn đề mà có sự bàn bạc của các đồng chí Bí thư, Phó bí thư hoặc của Ban Thường vụ.

2. Cân kip thời *kiện toàn Văn phòng cấp uỷ* và các cơ quan tổng hợp khác của Đảng và chính quyền trong địa phương để

giúp cấp uỷ nắm được tình hình và dự thảo các văn kiện cần thiết.

Văn phòng tỉnh uỷ nên sớm có đủ người để làm việc này được tốt. Ngoài đồng chí *Chánh Văn phòng* phụ trách chung, nên có một đồng chí *Phó Văn phòng* có khả năng tổng hợp, biên tập chuyên trách về công tác tổng hợp tình hình (nơi có điều kiện và cần thiết có thể có thêm một vài cán bộ làm công tác tổng hợp, biên tập), *một số cán bộ theo dõi các khôi, các ngành xung quanh tỉnh, một số đồng chí theo dõi các huyện, quận, thành phố, thị xã lớn trực thuộc, và một đồng chí chuyên trách theo dõi đơn từ khiếu tố gửi cấp uỷ đảng*.

Các đồng chí Bí thư, Phó bí thư thường trực cần quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn công tác cho bộ phận tổng hợp biên tập của Văn phòng cấp uỷ. Văn phòng Trung ương Đảng có trách nhiệm thường xuyên liên lạc, trao đổi kinh nghiệm với Văn phòng các tỉnh uỷ, thành uỷ để giúp đỡ các cơ quan này ngày càng trưởng thành về mặt nghiệp vụ.

3. Một khác, các tỉnh uỷ, thành uỷ cần cải tiến chế độ báo cáo, xin chỉ thị, chấn chỉnh tổ chức hệ thống thông tin của địa phương và tăng cường điều kiện kỹ thuật thông tin cho các cấp, các ngành để bảo đảm việc thông tin được chính xác, kịp thời và bí mật.

T/M Ban Bí thư

Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

thông báo

Số 17-TB/TW, ngày 8 tháng 6 năm 1977

Hội nghị Ban Bí thư về cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công nghiệp tư bản tư doanh và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp ở miền Nam
(Ngày 30, 31-5 và 1, 2-6-1977)

I- Một số nhận xét về tình hình công tác cải tạo

Trong mấy tháng qua, các ngành ở Trung ương có kết hợp với các địa phương để lập phương án kế hoạch cải tạo ở ngành, địa phương mình; việc chuẩn bị lực lượng, huấn luyện cán bộ có làm được một bước. Nhưng tiến độ công tác so với yêu cầu đã đề ra là chậm. Trong kỳ họp hồi tháng 2-1977, Bộ Chính trị chỉ thị phải hoàn thành về cơ bản nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh trong hai năm 1977-1978. Đến nay nhiều bộ, tổng cục chưa xây dựng xong phương án và kế hoạch cải tạo gắn liền với tổ chức lại sản xuất trong toàn ngành. Việc chuẩn bị về chính sách cụ thể chưa kịp thời. Việc chuẩn bị về tổ chức và lực lượng cán bộ chưa tương xứng với khối lượng và tính phức tạp của công việc phải làm; bộ máy chỉ đạo công tác cải tạo ở

các ngành trung ương và ở các thành, tỉnh chậm được xây dựng và kiện toàn; nhiều ngành, nhiều địa phương chưa bố trí một lực lượng cán bộ thích đáng chuyên trách công tác cải tạo. Đáng lẽ các ngành đều phải kết hợp với địa phương để làm nhiều loại thí điểm, từ đó rút ra kinh nghiệm thực tế cần thiết cho việc hoàn chỉnh phương án, kế hoạch cải tạo và xây dựng chính sách cụ thể... nhưng chỉ mới làm thí điểm công tư hợp doanh hai xí nghiệp in ở thành phố Hồ Chí Minh. Hai thí điểm này lại chưa được Trung ương chỉ đạo chặt về phương pháp làm.

Qua việc lập phương án, kế hoạch cải tạo ở các ngành, các địa phương và qua hai thí điểm đã làm, thấy có những biểu hiện chưa nắm thật vững tư tưởng chỉ đạo của Trung ương:

- Chưa gắn chặt việc xoá bỏ bóc lột tư bản chủ nghĩa với việc tổ chức lại sản xuất toàn ngành, xây dựng và tăng cường lực lượng kinh tế xã hội chủ nghĩa. Có biểu hiện muốn cải tạo với diện rộng trong khi chưa chuẩn bị tốt các mặt; tưởng rằng xoá bỏ sớm sở hữu tư bản chủ nghĩa thì nắm được thị trường, giải quyết được khó khăn về sản xuất và đời sống.
- Chưa nắm vững yêu cầu phát triển sản xuất, giải quyết công việc làm cho nhân dân, cho nền trong khi chuẩn bị kế hoạch cải tạo không chú ý đầy đủ đến những yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất, chưa tìm tòi những hình thức, những biện pháp cải tạo thích hợp với từng ngành, từng loại cơ sở nhằm có lợi nhất cho sản xuất; có khuynh hướng giản đơn, muốn quốc doanh hóa hoặc đưa vào công tư hợp doanh trên diện quá rộng, chưa phù hợp với tình hình kinh tế trước mắt.
- Chưa nghiên cứu, vận dụng tốt nghị quyết của Đại hội Đảng: trên cơ sở phát triển thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, cần tận dụng mọi khả năng của các thành phần kinh tế khác để phát triển sản xuất, bảo đảm cung ứng tốt nhu cầu của xã hội. Chưa thông suốt phương hướng chính sách

chung đối với tư sản là "sử dụng có lợi cho quốc kế dân sinh, hạn chế bóc lột, từng bước đẩy lùi và xoá bỏ giai cấp tư sản, trước hết là tư sản thương nghiệp" (Nghị quyết Bộ Chính trị số 254, tháng 7-1976); có khuynh hướng muốn thu hẹp nhanh phạm vi kinh doanh của tư nhân kể cả đối với tiểu chủ, chưa chú trọng tìm cách động viên tư nhân đem vốn và thiết bị sẵn có ra kinh doanh dưới sự chi phối và kiểm soát của Nhà nước; có phần rụt rè, e ngại trong việc sử dụng những khả năng có thể sử dụng được về kỹ thuật và quản lý của những người tư sản công nghiệp.

Hiện nay, về mặt kinh tế, Nhà nước xã hội chủ nghĩa đã trực tiếp nắm phần lớn cơ sở sản xuất công nghiệp loại lớn và loại vừa ở miền Nam; Nhà nước nắm ngân hàng, xuất nhập khẩu, vận tải đường sắt, đường biển, đường không, thống nhất quản lý những nguồn hàng quan trọng nhất: lương thực, xăng dầu, vật tư quan trọng... Tuy nhiên do tình trạng còn mất cân đối lớn trong nền kinh tế, khả năng cung ứng nguyên liệu, vật tư cho sản xuất bị hạn chế, phần lớn cơ sở sản xuất chưa hoạt động được bình thường với công suất vốn có; nguồn vật tư hàng hoá Nhà nước nắm được còn mỏng so với nhu cầu xã hội: ngoài lúa gạo, Nhà nước mới nắm được một phần nhỏ nông sản, Nhà nước cũng chỉ nắm được một phần nhỏ hàng tiêu và thủ công nghiệp. Tổ chức và quản lý kinh tế của ta có những mặt yếu chật được khắc phục, nhất là ở các khâu lưu thông phân phối hàng hoá và quản lý tiền mặt, quản lý tài chính.

Tình hình đó đã hạn chế khả năng của Nhà nước trong việc phát triển lực lượng kinh tế quốc doanh, quản lý và chi phối thị trường, chăm lo đời sống của nhân dân.

Những cơ sở sản xuất kinh doanh mà tư nhân đang quản lý hầu hết là cơ sở loại nhỏ và một số loại vừa, vốn liếng có hạn, thuê mướn nhân công không nhiều. Tuy vậy, giai cấp tư sản còn sử dụng được cơ sở vật chất và tư liệu sản xuất họ đang có, sử dụng được nguồn vốn đáng kể bằng tiền mặt, bằng vàng bạc, kim cương mà họ còn cất giữ; họ còn giữ được liên hệ với nông dân và tiểu chủ, thợ thủ công. Dùng thủ đoạn nâng giá, họ mua tranh nông sản với Nhà nước, nắm được một phần quan trọng hàng tiêu công nghiệp, thủ công nghiệp và thông qua lực lượng những người buôn bán nhỏ được họ dành cho hoa hồng khá, đấu tranh lại với mặt trận kinh tế xã hội chủ nghĩa. Với nhiều thủ đoạn, họ cũng đã thu được kết quả đáng kể trong việc lợi dụng sơ hở của các cơ quan nhà nước, kể cả cơ quan kinh tế và cơ quan hành chính.

Trong những năm trước mắt, nền kinh tế còn ở tình trạng mất cân đối, việc giải quyết vật tư, nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp vẫn còn gặp khó khăn. Muốn thực hiện tốt công tác cải tạo kinh tế gắn chặt với việc tổ chức lại sản xuất và lưu thông phân phối nhằm phát triển sản xuất và sử dụng tốt sức lao động, phải phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chuyên chính vô sản. Phải cải tiến sớm một số mặt quản lý kinh tế của Nhà nước, giải quyết hợp lý việc phân công và phân cấp quản lý giữa các ngành trung ương và giữa trung ương và địa phương, chỉ đạo chặt việc củng cố và phát triển hệ thống kinh tế quốc doanh, tăng cường quản lý tài chính, tiền mặt, vật tư, hàng hoá từ nội bộ từng ngành, từng địa phương, từng cơ quan, xí nghiệp nhà nước.

II- Tư tưởng chính sách và phương pháp tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với sản xuất công nghiệp tư bản tư nhân

1. Năm vững mục đích, yêu cầu cải tạo trong thời gian trước mắt đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh là:

- Xoá bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa về sản xuất và lưu thông phân phối, công hữu hoá những tư liệu sản xuất chủ yếu dưới nhiều hình thức, chấm dứt sự thao túng của tư sản đối với tiểu chủ, trung thương, tiểu thương và đối với nông dân, tạo điều kiện cho việc thực hiện hợp tác hoá ở nông thôn và việc cải tạo tiểu thương, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp ở thành thị.

- Bằng cách từng bước chuyển sở hữu tư bản chủ nghĩa thành sở hữu xã hội chủ nghĩa và đưa bộ phận còn do tư nhân kinh doanh vào quỹ đạo quản lý của Nhà nước mà sắp xếp lại và phát triển sản xuất, không ngừng tăng cường lực lượng kinh tế xã hội chủ nghĩa, củng cố trận địa cách mạng ở các tỉnh phía Nam.

- Thông qua cải tạo kinh tế mà góp phần củng cố, tăng cường nền chuyên chính vô sản và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, xoá bỏ tận gốc rễ lực lượng chống lại cách mạng, hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt kinh tế, phát huy nhanh sức mạnh toàn diện của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Công tác cải tạo làm tốt sẽ thúc đẩy việc hình thành cơ cấu kinh tế mới và phương thức quản lý mới.

2. Về hình thức cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công nghiệp tư doanh:

Ngoài việc quốc hữu hoá (đã có chính sách), ta chủ trương dùng nhiều hình thức tư bản nhà nước, mà công tư hợp doanh là hình thức cao. Gọi là hợp doanh nhưng thực chất là Nhà nước mua lại cơ sở và trả tiền dần, Nhà nước quản lý tư liệu sản xuất đã được xã hội hoá. Từng bộ, tổng cục phối hợp chặt chẽ với thành, tỉnh để cân nhắc chọn lựa hình thức cải tạo thích hợp đối với từng ngành, từng loại xí nghiệp. Phương án cải tạo cụ thể ở từng ngành, từng địa phương phải thông qua Ban cải tạo Trung ương trước khi thi hành. *Nói chung, trong vài năm trước mắt, hình thức công tư hợp doanh chỉ nên áp dụng đối với những xí nghiệp loại tương đối lớn, những xí nghiệp sản xuất ra những mặt hàng quan trọng, có thiết bị tương đối hiện đại và có điều kiện phát triển sản xuất.* Như vậy, các cơ sở được cải tạo bằng các hình thức tư bản nhà nước thấp hơn như gia công đặt hàng, đấu thầu... có thể còn khá nhiều. Những cơ sở này hoạt động dưới sự quản lý về nhiều mặt của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, chịu sự chi phối của kinh tế quốc doanh, trong thực tế đã nằm trong quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội. Tình hình đó đòi hỏi phải nâng cao khả năng quản lý của các cơ quan nhà nước có chức năng nhằm sử dụng tốt nhất năng lực sản xuất của các cơ sở ấy và ngăn ngừa, hạn chế mặt tiêu cực của người tư sản.

Cho phép tư sản thương nghiệp đem vốn, thiết bị vật tư chuyển ra kinh doanh sản xuất công nghiệp, nông nghiệp dưới sự quản lý của Nhà nước theo hình thức tập đoàn sản xuất và với quy mô nhỏ.

Không để cho hiến tài sản tràn lan; chỉ chấp nhận hiến

đối với một số trường hợp trước đây có quan hệ với cách mạng và chấp hành chính sách tốt từ sau giải phóng. Những trường hợp chấp nhận hiến phải được Ban cải tạo Trung ương duyệt và Uỷ ban nhân dân thành, tỉnh ra quyết định.

3. *Về thời gian cải tạo*, phải thực hiện quyết định của Bộ Chính trị: "hoàn thành về cơ bản nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa trong hai năm 1977-1978" với nội dung là:

- Hoàn thành việc quốc hữu hoá các xí nghiệp tư nhân đúng đối tượng, theo đúng chính sách.
- Thực hiện xong công tư hợp doanh đối với số xí nghiệp được chọn lựa trên diện thích hợp.

- Chuyển xong phần lớn tư sản thương nghiệp sang nghề khác.

- Sắp xếp xong về cơ bản các xí nghiệp mà tư nhân còn được kinh doanh vào các nhóm sản phẩm, thực hiện có hiệu quả sự quản lý của Nhà nước về kế hoạch sản xuất, cung cấp nguyên liệu, giao nộp sản phẩm, v.v..

- Trong khi tiến hành những việc trên, hết sức chú trọng tăng cường lực lượng kinh tế quốc doanh, chấn chỉnh công tác quản lý xí nghiệp quốc doanh, củng cố và phát triển nhanh thương nghiệp quốc doanh, giao thông vận tải quốc doanh, khắc phục nhanh những nhược điểm và khuyết điểm trong lĩnh vực lưu thông phân phối.

Yêu cầu rất quan trọng là quy hoạch sản xuất theo từng ngành và theo địa phương, phát huy hiệu quả sản xuất tốt nhất; chẳng những phấn đấu giữ vững mức sản xuất trước

khi cải tạo mà còn mở rộng sản xuất, khối lượng sản phẩm tăng lên, chất lượng hàng hoá tốt hơn.

4. Về phương pháp tiến hành công tư hợp doanh:

Vì công nghiệp tư doanh ở miền Nam có nhiều loại kinh doanh khác nhau cho nên phải tìm cách làm cho sát với từng loại. *Tất cả các ngành đều phải làm thí điểm trước khi mở rộng ra toàn ngành.*

Ban cải tạo Trung ương sẽ thông báo cho các ngành và các địa phương những nhận xét và kinh nghiệm làm thí điểm ở hai xí nghiệp in ở thành phố Hồ Chí Minh. Qua hai thí điểm đó, thấy cần chú ý mấy điểm:

- Phải dựa vào quần chúng công nhân, lao động tại chỗ để làm công tác cải tạo và để quản lý xí nghiệp sau cải tạo. Do đó phải chú trọng phát động tư tưởng công nhân, làm cho công nhân hiểu vị trí mới, vai trò làm chủ tập thể của mình đối với xí nghiệp, trách nhiệm của người công nhân trong việc góp phần cải tạo người chủ cũ. Tuy nhiên việc giáo dục tư tưởng còn phải tiếp tục thường xuyên, không nên kéo dài thời gian học tập trong lúc làm công tư hợp doanh.

- Việc tổ chức học tập cho người tư sản có thể do Uỷ ban Mặt trận hoặc Ban liên lạc công thương phụ trách, có sự tham gia của cơ quan tuyên huấn về nội dung giáo dục. Mục đích giáo dục là làm cho người tư sản thấy rõ cần phải từ bỏ con đường bóc lột tư bản chủ nghĩa, thành thật đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, đem lại vinh dự cho bản thân họ và tương lai cho con cháu họ. Sau khi người tư sản học tập chính sách, có thể để cho họ nói lên thu hoạch của họ với tập thể công nhân, nhưng phải lãnh đạo tốt, *nắm vững mục đích là xác định mối*

quan hệ mới giữa họ với công nhân chứ không phải để làm nhục họ.

- Trong khi làm cải tạo xí nghiệp, không nên gọi con của người tư sản đã làm việc ở nơi khác về học tập.

- Phải chuẩn bị thật tốt lực lượng cán bộ quản lý các xí nghiệp công tư hợp doanh. Cán bộ lãnh đạo xí nghiệp công tư hợp doanh phải có năng lực điều hành hoạt động kinh doanh của xí nghiệp, có khả năng sử dụng và kiểm tra công tác của những người tư sản trong xí nghiệp. Không nhất thiết trưởng hợp nào cũng bố trí người tư sản vào vị trí Phó giám đốc xí nghiệp, cũng có thể để họ làm chuyên viên, miễn là sử dụng được tốt nhất khả năng kỹ thuật và quản lý của họ.

5. Chính sách kiểm kê, đánh giá tài sản, định lãi:

- Về kiểm kê, đồng ý theo đề án của Ban cải tạo Trung ương. Nguyên tắc chung là kiểm kê toàn bộ tư liệu sản xuất đã hoặc đang sử dụng vào kinh doanh hoặc còn chưa sử dụng; không kiểm kê tư liệu sinh hoạt. Cần hướng dẫn cụ thể hơn để phân biệt tư liệu sinh hoạt với tư liệu sản xuất để chống lại việc phân tán tài sản dưới dạng tư liệu sinh hoạt; hướng dẫn cụ thể thêm việc kiểm kê vàng bạc, đá quý..., phải dựa vào quần chúng công nhân tại chỗ để làm kiểm kê cho tốt.

- Về trị giá tài sản cũng đồng ý theo đề án của Ban cải tạo Trung ương. Nguyên tắc chung là căn cứ vào giá mua gốc trừ khấu hao, đồng thời có tính đến giá trị sử dụng hiện tại. Đối với đất dùng vào sản xuất và kinh doanh thì không định giá.

- Về tiền lãi, thực chất chính sách công tư hợp doanh là

mua lại cơ sở và trả tiền dần. Có thể trả dưới hình thứcchia lãi hoặc trả lãi cố định. Phải qua nhiều thí điểm, nǎm thêm tình hình nhiều mặt mà định mức và hình thức trả lãi thích hợp đối với các loại xí nghiệp kinh doanh khác nhau.

Hướng chung trong việc trị giá tài sản và định lãi là làm sao cho người tư sản và gia đình họ còn có một mức sống vừa phải và tiếp thu được cải tạo.

6. Đối với con tư sản:

Các đoàn thể nhân dân, nhất là Đoàn Thanh niên, có nhiệm vụ giáo dục lớp con tư sản phần lớn còn là thanh niên, giúp cho con em tư sản tiến bộ về tư tưởng, có tác dụng tích cực đối với cải tạo.

Chính sách đối xử chung là: trừ những người có vị trí quan trọng trong việc quản lý xí nghiệp thì cần được cải tạo như người tư sản; những người khác thì được xem như công dân bình thường, Nhà nước không phân biệt đối xử.

III- Về việc cải tạo tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp

Việc tổ chức lại, phục hồi và phát triển sản xuất tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp cả ở thành thị và ở nông thôn là vấn đề lớn; cần điều tra nghiên cứu và chuẩn bị thêm để bàn ở một hội nghị Ban Bí thư hoặc Hội đồng Chính phủ. Lần này, Ban Bí thư nêu lên mấy ý kiến:

- Từng địa phương cần điều tra để đánh giá rõ về lực lượng lao động, về tư liệu sản xuất, về khả năng kỹ thuật, về mặt hàng và lưu thông sản phẩm. Việc sáp xếp lại, phục hồi và

phát triển tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp phải gắn với cải tạo và phát triển công nghiệp cho nên từng ngành phải làm phương án tổ chức lại sản xuất toàn ngành.

- Về hình thức cải tạo, phải vận dụng nhiều hình thức; trong vài năm trước mắt, chưa nên tổ chức ào ạt thành hợp tác xã. Chỉ nên tổ chức hợp tác xã đối với loại cơ sở có quy mô nhất định và có điều kiện phát triển sản xuất sau khi hợp tác hoá. Hình thức phổ biến trước mắt là tổ cung tiêu, tổ hợp tác sản xuất, tổ gia công, v.v.. Trừ những trường hợp đặc biệt, nói chung không chuyển tiểu công nghiệp thành quốc doanh.

- Về thời gian cải tạo thì phải hoàn thành về cơ bản vào năm 1980 chứ không khuôn vào hai năm như đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh.

- Về chính sách: tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp được cải tạo dưới hình thức cao hay thấp, chịu sự quản lý của Nhà nước, chấp hành đúng luật pháp, là một lực lượng của hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa. Nhà nước có chính sách thích đáng nhằm khuyến khích phát triển sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp; các cơ sở tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp phải làm tròn các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Tăng cường cán bộ cho các huyện, quận để đủ sức tổ chức và chỉ đạo tốt công việc cải tạo tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp ở địa phương.

IV- Về tổ chức chỉ đạo công tác cải tạo công thương nghiệp tư doanh và tiểu, thủ công nghiệp

- Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban cải tạo công thương nghiệp tư doanh Trung ương đã được xác định rõ trong Nghị quyết số 256 ngày 25-8-1976 của Ban Bí thư¹⁾. Ban cải tạo Trung ương là một ban của Trung ương Đảng đồng thời là một ban của Chính phủ. Thường vụ Hội đồng Chính phủ sẽ ra văn bản về mặt nhà nước quy định rõ chế độ làm việc, quan hệ công tác giữa Ban cải tạo Trung ương với các bộ, tổng cục và với các Uỷ ban nhân dân địa phương.

Với nhiệm vụ và quyền hạn đã được quy định, Ban cải tạo Trung ương cần phát huy sự chỉ đạo đối với công tác cải tạo ở các ngành và các địa phương theo các phương hướng, chính sách mà Trung ương và Chính phủ đã quyết định. Đối với các vấn đề mới và quan trọng, Ban cải tạo Trung ương xin ý kiến Ban Bí thư hoặc Thường vụ Hội đồng Chính phủ tuỳ theo tính chất công việc.

- Sẽ nghiên cứu để điều chỉnh thành phần Ban cải tạo Trung ương nhằm có một tổ chức thường trực mạnh gồm một số đồng chí chuyên trách.

- Tăng cường các Ban cải tạo công thương nghiệp tư doanh của các bộ, tổng cục và các thành, tỉnh. Bố trí cán bộ chuyên trách làm thường trực Ban cải tạo. Các bộ, tổng cục, các thành, tỉnh phải gửi danh sách Ban cải tạo về để Ban Bí

¹⁾ Theo *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t.37, tr.265, thì Nghị quyết này ghi ngày 27-8 (B.T).

thư thông qua. Ban Tổ chức Trung ương giúp Ban Bí thư nắm vững tình hình tổ chức các Ban cải tạo, điều động cán bộ để tăng cường cho những nơi xét cần thiết.

T/m ban bí thư

Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ Trung ương Đảng.

Phát biểu

của đồng chí tổng bí thư Lê Duẩn

Khai mạc Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Khoa IV

Ngày 22 tháng 6 năm 1977 *

Thưa các đồng chí Trung ương.

Dại hội lần thứ IV của Đảng đã quyết định: trong thời gian từ nay đến năm 1980, phải ra sức phấn đấu tạo ra một chuyển biến mới trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng. Phải động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nêu cao tinh thần làm chủ tập thể và ý chí tự lực tự cường, hăng hái vươn lên phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm 1976-1980, trong đó *nhiệm vụ quan trọng nhất và cấp bách nhất* là tập trung cao độ sức mạnh của cả nước, của các ngành, các cấp tạo ra một bước phát triển vượt bậc về nông nghiệp, giải quyết một cách cơ bản và vững chắc nhu cầu của cả nước về lương thực, thực phẩm. Phải làm cho nông nghiệp và công nghiệp kết hợp chặt chẽ với nhau thành một thể thống nhất, cùng phát triển nhịp nhàng lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, tạo ra một cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp hiện đại.

* Đâu để do chúng tôi đặt (B.T).

Đại hội đã quyết định đến năm 1980, về nông nghiệp phải đạt: 21 triệu tấn lương thực, 1 triệu tấn cá biển, 1 triệu hécta khai hoang, 1 triệu 20 vạn hécta rừng mới trồng, 16 triệu ruồi con lợn...

Ban Chấp hành Trung ương có trách nhiệm lãnh đạo thực hiện thắng lợi các quyết định đó của Đại hội.

Hội nghị Trung ương lần này sẽ cụ thể hoá Nghị quyết của Đại hội về đường lối, phương hướng phát triển nông nghiệp ở nước ta và quyết định những chủ trương, chính sách, biện pháp lớn để đạt cho được những mục tiêu chính về nông nghiệp mà Đại hội đã đề ra.

Để chuẩn bị Hội nghị Trung ương, Bộ Chính trị đã lập ra một Tiểu ban giúp Bộ Chính trị chuẩn bị các báo cáo và đề án về nông nghiệp gồm một số đồng chí Uỷ viên Trung ương và Bộ trưởng do đồng chí Võ Chí Công phụ trách, với sự theo dõi, chỉ đạo chặt chẽ của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và sự tham gia tích cực của các ban, các ngành của Trung ương và Chính phủ. Tiểu ban đã làm việc liên tục từ tháng 1-1977 đến nay, đã bàn bạc cụ thể với từng ngành có liên quan, đã thảo luận nhiều phương án khác nhau, đã mở một số hội nghị chuyên đề để thu thập ý kiến của các địa phương. Trong tháng 5-1977, Bộ Chính trị đã họp trong nhiều ngày để thảo luận các đề án về nông nghiệp sẽ trình ra Hội nghị Trung ương.

Mong rằng các đồng chí Trung ương, sau khi nghiên cứu các báo cáo và đề án sẽ thảo luận với không khí sôi nổi, hào hứng và với tinh thần phụ trách rất cao trước toàn dân, toàn Đảng để Hội nghị chúng ta đi đến những quyết định đúng đắn, chính xác, rất cách mạng và cũng rất khoa học.

Tôi đề nghị *chương trình làm việc* của Hội nghị như sau:

- Hôm nay thứ tư 22-6:

Đồng chí Võ Chí Công trình bày những điểm chính của báo cáo về nông nghiệp.

- Trong ba ngày: thứ năm (23-6), thứ sáu (24-6), thứ

bảy (25-6):

Hội nghị làm việc ở tổ về vấn đề nông nghiệp.

- Ngày chủ nhật (26-6): Hội nghị nghỉ.

- Trong bốn ngày: thứ hai (27-6), thứ ba (28-6), thứ tư (29-6), thứ năm (30-6):

Thảo luận ở hội trường về vấn đề nông nghiệp.

- Trong hai ngày: thứ sáu (1-7), thứ bảy (2-7):

Thảo luận ở hội trường về chế độ làm việc của Trung ương.

- Ngày chủ nhật (3-7): Kết thúc Hội nghị.

*

* * *

Hội nghị chúng ta bắt đầu làm việc.

Xin chúc sức khỏe tất cả các đồng chí Trung ương và các đồng chí tham dự Hội nghị.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Báo cáo
của Bộ chính trị tại Hội nghị
lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khoá IV**

"**Tập trung cao độ lực lượng cả nước, đưa nông nghiệp phát triển toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, bảo đảm hoàn thành thắng lợi những mục tiêu về nông nghiệp trong kế hoạch 5 năm 1976-1980 mà Đại hội Đảng đã đề ra"**

Trung ương dành Hội nghị lần thứ hai để bàn về nông nghiệp, với tinh thần tập trung cao độ lực lượng của cả nước, của các ngành, các cấp, tạo ra một bước tiến vượt bậc về nông nghiệp. Mục đích và yêu cầu của Hội nghị là cụ thể hoá một bước đường lối, phương hướng của Đại hội IV về phát triển nông nghiệp và quyết định những chủ trương, biện pháp, chỉ tiêu cụ thể nhằm thực hiện cho kỳ được những mục tiêu nông nghiệp trong kế hoạch 1976-1980, đưa nông nghiệp tiến lên một bước theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Bản báo cáo trình ra Hội nghị Trung ương lần này gồm bốn phần:

1. Tình hình hiện nay và phương hướng, nhiệm vụ nông nghiệp trong thời gian tới.
2. Bố trí sản xuất đến năm 1980, việc phân bố lao động, mở rộng diện tích và tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp.

3. Những vấn đề tổ chức sản xuất, cải tạo và xây dựng quan hệ sản xuất, chính sách và chế độ quản lý nông nghiệp.
4. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, của Nhà nước đối với nông nghiệp.

Phân thứ nhất

Tình hình hiện nay và phương hướng, nhiệm vụ nông nghiệp trong thời gian tới

I

ở miền Bắc, như Nghị quyết Đại hội Đảng đã khẳng định: Thắng lợi có ý nghĩa lịch sử của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa hơn 20 năm qua là đã xoá bỏ các giai cấp bóc lột và chế độ người bóc lột người, đã xây dựng chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa dưới hai hình thức sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể. Cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội được xây dựng một bước. Thành tích đã đạt được trong nền nông nghiệp xã hội chủ nghĩa những năm qua là:

1. *Chúng ta đã tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp và từng bước phát huy được tính ưu việt của quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp ngay trong điều kiện lao động chủ yếu còn là thủ công, đầy mạnh xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, tiếp thu có kết quả những thành tựu của cuộc cách mạng sinh học, nhất là của cuộc cách mạng xanh, tạo ra những năng suất cao về trồng trọt, chăn nuôi và phát triển một số ngành nghề, đưa lại những biến đổi to lớn trong đời sống và tình hình mọi mặt ở nông thôn, góp phần rất to lớn vào việc củng cố và bảo vệ hậu phương, bảo đảm cung cấp sức người, sức của để cùng tiền tuyến giành thắng lợi vĩ đại trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.*

Hiện nay, qua cuộc vận động tổ chức lại sản xuất và quản lý nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nhiều hợp tác xã nông nghiệp với mức độ khác nhau đã có một bước tiến mới đi vào hướng sản xuất tập trung, chuyên canh, thâm canh và tổ chức lại lao động theo hướng chuyên môn hoá, mở ra khả năng mới để đẩy mạnh phân công, sử dụng hợp lý sức lao động và mở rộng quy mô sản xuất, đưa nông nghiệp thoát ra khỏi tình trạng phân tán của sản xuất nhỏ. Qua việc hợp nhất hợp tác xã, đến nay ở miền Bắc còn 15.200 hợp tác xã, trong đó số hợp tác xã tốt chiếm 30%, số trung bình 41%, còn 29% thuộc loại kém. Quy mô hợp tác xã ở đồng bằng và trung du phổ biến là 300 đến 500 hécta và khoảng 1.000 - 2.000 lao động ở miền núi phổ biến là dưới 100 hécta, đồng thời ở vùng thấp, ở từng nơi cũng đã làm thí điểm hợp tác xã 1.000 - 2.000 hécta đất nông - lâm nghiệp.

Nông trường quốc doanh tuy còn nhỏ yếu nhưng cũng đã dần dần rút được những kinh nghiệm tốt, hiện nay cả miền Bắc đã có 105 đơn vị, với 5,5 vạn hécta gieo trồng, 5 vạn hécta bãi cỏ chăn nuôi và trên 7 vạn công nhân, cán bộ.

2. Đã xây dựng được những cơ sở vật chất kỹ thuật bước đầu cho nông nghiệp, nổi lên vẫn là ở khâu thuỷ lợi. Hai mươi năm qua, tính ra ở miền Bắc, chúng ta đã đầu tư 2,29 tỷ đồng cho thuỷ lợi, trong đó riêng thuỷ nông là 1,2 tỷ đồng, và đã huy động quần chúng tham gia hàng tỷ ngày công; đến đầu năm 1977, sau khi hoàn thành kế hoạch ba năm hoàn chỉnh thuỷ nông, đã có công trình bảo đảm tưới cho khoảng 80 vạn hécta cấy hai vụ lúa.

Về giống, chúng ta đã nhập và đưa vào sản xuất nhiều loại giống mới (cả cây và con) có năng suất cao; đã tổ chức lực lượng chuyên làm giống lúa trong hợp tác xã; một số huyện đã kết hợp với hợp tác xã để xây dựng hệ thống giống cấp II, và một số tỉnh đã có công ty giống cấp I. ở trung ương có công

ty giống và một số trại giống nhằm sản xuất và cung cấp giống tốt cho địa phương.

Về phân bón, kể cả phân chuồng, phân xanh, đến năm 1976 chúng ta đã bón bình quân 6 tấn phân hữu cơ cho 1 hécta gieo cấy lúa; nơi đạt năng suất 8-10 tấn hécta đã bón bình quân 15-20 tấn. Về phân hoá học, trong năm 1976, 1 hécta gieo trồng ở miền Bắc đã được bón bình quân 61 kg NPK dinh dưỡng, trong đó N = 37kg, P2O5 = 20kg, K2O=4kg. Tính cả nước, trong năm 1976 Nhà nước đã cung cấp cho nông nghiệp 1,15 triệu tấn phân đạm (quy ra sulfat đạm), 33 vạn tấn phân lân, 4,5 vạn tấn phân kali, và cung cấp hàng chục vạn tấn vôi, than cho cải tạo đất ở một số tỉnh.

Về trang bị cơ khí cho nông nghiệp, chúng ta đã dành một số lượng đáng kể công suất điện, máy động lực cho thuỷ lợi, máy kéo cho khâu làm đất, cơ khí tinh tại cho khâu trực, đập, nghiên, thái, xay xát, chế biến nông sản, với công suất khoảng 80 vạn mã lực. Riêng cho khâu làm đất đã có 6.000 máy kéo lớn và 3.000 máy kéo nhỏ, với công suất khoảng 40 vạn mã lực, năm 1976 đã làm đất cho trên 40 vạn hécta, chiếm 12% diện tích gieo trồng ở miền Bắc.

3. Một số mặt sản xuất có tăng, nhất là đối với việc thâm canh cây lúa, đưa năng suất lúa từ 19 tạ/hécta năm 1965, 20,12 tạ/hécta năm 1970, lên 23,4 tạ/hécta năm 1976, đưa sản lượng lúa 4,54 triệu tấn năm 1965 lên 5,5 triệu tấn trong năm 1974 và năm 1976. Một số nơi bắt đầu có tiến bộ trong sản xuất màu (ngô, sắn, khoai tây), cây công nghiệp, cây ăn quả; một số vùng chuyên canh đay, cói, chè, mía, lạc, thuốc lá, dứa... dần dần được xây dựng. Về chăn nuôi thì đàn lợn tăng khá, số đầu lợn từ 4,80 triệu năm 1965, lên 5,58 triệu con năm 1970 và 6,30 triệu con hàng năm từ 1973 đến nay. Đàn trâu, đàn gà công nghiệp, đàn vịt, đàn ngựa cũng có tăng. Một số ngành nghề thủ công ở nông thôn được phát

triển, nhất là các nghề đan lát, làm cói, dệt thảm, sản xuất gạch, ngói, vôi.

Từ năm 1970 đến năm 1975 bình quân hàng năm Nhà nước đã huy động được 857.000 tấn lương thực quy thóc, năm 1972 đạt mức cao nhất là 1,14 triệu tấn, năm 1974 là 1,01 triệu tấn (trước đây năm 1964, 1965 cũng đã đạt mức huy động cao nhất là trên 1 triệu tấn). Về thịt lợn, năm 1975, 1976 đạt được mức thu mua cao nhất là trên 10 vạn tấn thịt hơi. Các sản phẩm khác như lạc, thu mua được 2 vạn tấn, thuốc lá 6.000 tấn, chè khô trên 6.000 tấn, day 22-25.000 tấn, cói trên dưới 4 vạn tấn...

4. Đời sống của nông dân được cải thiện một bước, vấn đề ăn tuy mới bảo đảm ở mức độ thấp và ở từng nơi còn có khó khăn, nhưng đời sống về các mặt: nhà ở, học, sức khoẻ, văn hoá, được nâng lên rõ rệt, bộ mặt nông thôn đổi mới nhanh.

5. Để từng bước tổ chức lại sản xuất và quản lý nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chúng ta đã điều tra, quy hoạch, bước đầu xây dựng phương án phân vùng sản xuất nông lâm nghiệp, đã có hướng bố trí sản xuất rõ hơn cho từng tỉnh, đồng thời đã giúp quy hoạch sản xuất với mức độ khác nhau ở trên 100 huyện và làm quy hoạch xí nghiệp cho một số hợp tác xã và nông trường.

Đã tổ chức lại sản xuất và quản lý ở hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, và một số nông trường, đồng thời tiến hành một số công việc về tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện và kiện toàn cấp huyện, tạo điều kiện cho huyện đi vào tổ chức lại sản xuất và quản lý, chuyển huyện đi vào chức năng quản lý kinh tế trực tiếp và tiến lên xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp. Riêng một số huyện điểm của Trung ương, đã bước đầu có một số kinh nghiệm về bố trí sản xuất và phân công lao động trên địa bàn toàn huyện theo hướng sản xuất tập trung và chuyên canh; đã xây dựng thành hệ thống tổ chức quản lý mới, bắt đầu phát huy được vai trò điều hành tập trung thống nhất và trực tiếp của cấp huyện đối với các đơn vị sản xuất và kinh doanh nằm trên

địa bàn huyện, theo quy hoạch và kế hoạch chung. Nhiều tỉnh đã có tiền bộ rõ qua lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Đảng, nhất là qua lãnh đạo, chỉ đạo cuộc vận động tổ chức lại sản xuất và quản lý nông nghiệp. Một số ngành cũng đã cố gắng đi vào đáp ứng những yêu cầu mới ở huyện và cơ sở.

Nhin chung ta đã thành công trong hợp tác hoá nông nghiệp, làm cho bộ mặt nông thôn đã thay đổi. Những kết quả trong tổ chức lại sản xuất và quản lý nông nghiệp chỉ mới bắt đầu, đang còn là chuyển biến ở từng địa phương. Tuy nhiên, đó là những kết quả ban đầu rất quan trọng, là những nhân tố mới, để từng bước đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta khẳng định, trong tình hình vừa sản xuất, vừa chiến đấu và thiên tai xảy ra liên tiếp, những thắng lợi đạt được trong nông nghiệp như vừa qua là rất to lớn. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích và tiến bộ bước đầu ấy, nông nghiệp miền Bắc nước ta đã và đang còn nhiều mặt yếu và hạn chế: *Trước hết đó là mức độ tăng sản xuất quá chậm, có mặt còn trì trệ, và trình độ nền nông nghiệp cũng nâng lên chậm.* Tình hình đó dẫn đến những khó khăn về nhiều mặt, cả lương thực, thực phẩm, nguyên liệu cho công nghiệp, sản phẩm xuất khẩu đều còn dưới mức yêu cầu, *nổi lên là những khó khăn về lương thực.* Tính từ năm 1970 đến năm 1975, lương thực bình quân hàng năm chỉ tăng 1,5%, trong khi đó dân số tăng bình quân 2,26%; bình quân lương thực đầu người giảm xuống một cách đáng lo ngại: năm 1961 là 318kg, năm 1965 còn 304kg, năm 1970 tụt xuống 257kg, năm 1975 còn 234 kg và năm 1976 lên 265 kg. Năm 1976 giá trị nông sản xuất khẩu (kể cả nông sản chế biến) của cả nước chỉ mới đạt 75 triệu rúp - đôla.

Kinh tế quốc doanh trong nông nghiệp nhìn chung còn rất yếu và không tương xứng với tiềm vốn, trang bị đã bỏ ra; kinh tế tập thể tuy đã kinh doanh 95% diện tích nhưng chỉ mới bảo đảm được khoảng 40-50% thu nhập thực tế của xã viên.

Về tổ chức sản xuất, tuy chúng ta bắt đầu có tiến bộ trong phân vùng, quy hoạch sản xuất, xây dựng và hình thành một số vùng sản xuất chuyên canh, song sản xuất về cơ bản vẫn là phân tán, manh mún, cơ cấu các mặt sản xuất đang còn què quặt, mất cân đối, ưu thế của từng vùng chưa được phát huy, lực lượng lao động vẫn tập trung phần lớn vào cây lúa. Lao động nông nghiệp phổ biến vẫn còn là thủ công, năng suất lao động còn rất thấp.

Nhìn lại từ Nghị quyết 5¹⁾ đến Nghị quyết 24²⁾ của Trung ương khoá III, Đảng ta đã đề ra nhiều chủ trương, biện pháp, tiến hành nhiều cuộc vận động nhằm củng cố, tăng cường hợp tác xã nông nghiệp và đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp. Chúng ta cũng đã đặt ra rõ hơn phương hướng đưa nông nghiệp đi lên theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đường lối, phương hướng phát triển nông nghiệp do Đảng ta đề ra là đúng đắn. Đầu tư và trang bị cho nông nghiệp tuy còn bị hạn chế nhưng cũng đã từng bước được tăng cường. Các cấp, các ngành và đảng viên, cán bộ ta cũng có nhiều cố gắng và ngày càng có thêm kinh nghiệm... Vậy thì vì sao nông nghiệp của ta vẫn phát triển chậm và đến nay chỉ mới đáp ứng được yêu cầu ở mức rất thấp?

Về khách quan: Từ một nền kinh tế sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, cơ sở vật chất kỹ thuật của ta còn nghèo, kinh nghiệm quản lý còn ít. Chiến tranh cũng tác động lớn và sâu sắc đến nhiều mặt của tình hình nông nghiệp. Thiên tai xảy ra liên

¹⁾ Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.22, tr.413 (B.T).

²⁾ Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.36, tr.391 (B.T).

tiếp. Dân số lại tăng quá nhanh, vượt quá tốc độ tăng sản xuất.

Về lãnh đạo và chỉ đạo có những khuyết điểm:

1- Chúng ta đã sớm đi vào hợp tác hoá nông nghiệp, đưa nông dân từ cá thể đi vào tập thể là rất đúng, nhưng do nhận thức về cải tạo xã hội chủ nghĩa còn giản đơn, chưa hiểu rõ sự gắn bó giữa cải tạo quan hệ sản xuất và phát triển lực lượng sản xuất trong điều kiện đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, cho nên đã chậm đề ra hướng đi lên của hợp tác xã nông nghiệp và sản xuất nông nghiệp. Sau khi tổ chức hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, đã dừng lại quá lâu ở trình độ hiệp tác giản đơn, trong quỹ đạo của sản xuất nhỏ, để kéo dài tình trạng tổ chức sản xuất phân tán trong từng đội sản xuất và từng hợp tác xã, từng nông trường, lâm trường riêng biệt, tổ chức tách rời giữa nông nghiệp với lâm nghiệp và công nghiệp, giữa sản xuất với chế biến và lưu thông, giữa quốc doanh và tập thể... Để đưa nông nghiệp tiến lên theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, cần phải đặt ra và giải quyết các vấn đề một cách đồng bộ, ăn khớp với nhau, phải tổ chức lại nền nông nghiệp, có sự kết hợp công nghiệp và nông nghiệp, tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động, đưa nông nghiệp đi vào hướng tập trung hoá, chuyên môn hoá, hợp tác hoá và liên hiệp hoá. Chúng ta lại chưa có tổ chức điều hành có hiệu lực, còn làm theo lối cổ vũ, động viên để cơ sở tự làm, và tùy theo từng cấp, từng ngành hiểu đến đâu thì làm đến đấy, chưa phát huy được đầy đủ chức năng lãnh đạo tập trung thống nhất của Đảng, chức năng quản lý của Nhà nước và quyền làm chủ tập thể của quần chúng trong tổ chức và quản lý nông nghiệp.

2- Trên một số mặt quan trọng của sản xuất nông nghiệp, sự chỉ đạo thực hiện có những khuyết điểm kéo dài.

Về *diện tích*, tuy chúng ta có khai hoang thêm được trên 20 vạn hécta ở vùng đồi núi, nhưng lại để mất đi khoảng 20 vạn hécta đất thuộc, phần lớn là đất tốt có thể làm lúa; về rừng, chúng ta đã trồng thêm được khoảng 53 vạn hécta (trong đó 30 vạn hécta rừng trồng tập trung), nhưng lại để mất đi trên 4 triệu hécta rừng tự nhiên săn có do nạn phá rừng gây nên. Do đó chẳng những không phá được xiềng 3 sào, mà bình quân diện tích canh tác theo đầu người ngày càng bị thu hẹp; diện tích đồi trọc cũng tăng nhanh.

So với những năm 1963, 1965, 1966 là những năm miền Bắc đạt được mức diện tích gieo trồng cao nhất (từ 3,30 triệu đến 3,40 triệu hécta) thì diện tích gieo trồng nhiều năm bị sụt nặng, năm 1970 chỉ còn 3,06 triệu hécta, năm 1973 còn 2,9 triệu hécta, và năm 1976 mới trở lại 3,3 triệu hécta.

Về *lương thực*, ta đề ra nhiệm vụ trọng tâm là sản xuất lương thực, thực phẩm, nhưng chỉ đạo thực hiện có nhiều thiếu sót, nhất là không từ điều kiện thực tế của ta để tính cơ cấu bữa ăn cụ thể sát hợp mà phấn đấu, đã xem nhẹ sản xuất màu, rau, và không kết hợp được tốt giữa chăn nuôi và trồng trọt. Ở miền bắc đã có những năm (1964, 1966, 1967), diện tích màu đã đạt được trên 60 vạn đến 65 vạn hécta, sản lượng màu quy thóc đã đạt xấp xỉ 1 triệu đến 1,10 triệu tấn (1964-1965-1966-1967), nhưng những năm gần đây diện tích màu tụt xuống chỉ còn 46-47 vạn hécta với sản lượng khoảng trên dưới 80 vạn tấn quy thóc (năm 1973 chỉ có 70 vạn tấn, năm 1976 là 51 vạn hécta với sản lượng là 85 vạn tấn quy thóc). Chế biến và tiêu thụ màu nói chung chưa được tổ chức, cả cơ

sở vật chất kỹ thuật và chính sách đều chưa bảo đảm; màu và rau vẫn bị coi là phụ.

Về *chăn nuôi*, chúng ta chủ trương đưa lên thành ngành sản xuất chính nhưng chưa tạo những điều kiện để thực hiện, đến nay chăn nuôi trên thực tế vẫn như một ngành sản xuất phụ. Diện tích cho chăn nuôi của quốc doanh và tập thể mới đạt khoảng 4% diện tích gieo trồng chung (chưa kể đất phần trăm của gia đình và diện tích bãi cỏ), lao động cho chăn nuôi mới có trên 4% (không kể lao động của chăn nuôi gia đình), sản phẩm chăn nuôi mới đạt 21% trong giá trị sản lượng nông nghiệp. Đây là vấn đề mất cân đối nghiêm trọng giữa chăn nuôi và trồng trọt. Nhiều điển hình kết hợp tốt giữa chăn nuôi và trồng trọt đã không được kết luận và nhân ra sớm.

Về *cây công nghiệp, cây xuất khẩu*, ta cũng đề ra nhiều chủ trương nhưng do không tổ chức sản xuất theo hướng tập trung, chuyên canh, không được giải quyết đồng bộ các khâu, các mặt từ sản xuất, kỹ thuật, tổ chức, cung cấp lương thực... để ổn định sản xuất, và nâng cao chất lượng sản phẩm, cho nên không tạo được khối lượng sản phẩm lớn và không bảo đảm cung cấp được hàng hoá ổn định.

3- Những thiếu sót phổ biến trong việc quản lý, sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật và thực hiện các biện pháp kỹ thuật liên hoàn chậm được khắc phục. Nước ta còn nghèo, khả năng trang bị kỹ thuật cho nông nghiệp còn bị hạn chế, nhưng với điều kiện đầu tư và trang bị như vừa qua, nếu quản lý và sử dụng tốt vẫn có thể đưa lại hiệu quả lớn hơn nhiều.

- Về thuỷ lợi, do thiếu quy hoạch từ đầu nên đã phải làm đi làm lại gây nhiều lãng phí, đồng thời do chậm xây dựng

hoàn chỉnh từng hệ thống từ đầu mối đến đồng ruộng, không kết hợp được chặt chẽ giữa xây dựng và quản lý, cho nên nhiều công trình chậm phát huy hiệu quả, đến nay cả nhiệm vụ xây dựng mới và hoàn chỉnh các công trình đã có rất nặng, phải làm rất khẩn trương.

- Về phân bón, những chỉ tiêu phân bón đã không được quy định chặt chẽ và thực hiện một cách bắt buộc, phong trào quần chúng làm phân chuồng, phân xanh chưa đều và chưa mạnh, những yêu cầu về vôi, về lân, về than cho cải tạo đất cũng chưa được chỉ đạo giải quyết một cách tập trung.

- Về giống, tuy chúng ta đã nhập và phổ biến được nhiều loại giống mới có năng suất cao, nhưng tổ chức để bảo đảm sản xuất và cung cấp giống tốt còn rất yếu, đầu tư cho khâu giống và xây dựng hệ thống giống quốc gia làm rất chậm, tình trạng thiếu giống hoặc dùng giống xấu, chưa chọn lọc còn xảy ra nhiều.

- Về công cụ, thiếu sót lớn là đã không coi trọng đúng mức việc tổ chức lực lượng để giải quyết nhanh các loại công cụ thường và cung cấp đủ hơn nhiều loại công cụ cải tiến cần thiết cho nông nghiệp, để tình trạng thiếu công cụ kéo dài, ảnh hưởng rất lớn đến năng suất lao động trong nông nghiệp. Về trang bị cơ khí cho nông nghiệp, nhất là cho khâu làm đất, thiếu sót lớn là đã không tổ chức sử dụng máy một cách tập trung và không tạo được những địa bàn ổn định, không tổ chức giải quyết tốt các yêu cầu về phụ tùng, sửa chữa, về đào tạo công nhân, cán bộ... để bảo đảm tận dụng công suất máy, để cho máy bị sử dụng phân tán, bị hư hỏng hoặc nằm chờ, gây ra lãng phí lớn (nói chung chỉ sử dụng được 25-30% công suất máy), v.v..

4- Bộ Nông nghiệp là cơ quan chủ quản của Nhà nước về nông nghiệp đã bị thay đổi, xáo trộn nhiều nhưng đến nay vẫn chưa đi vào quản lý kinh doanh và chưa hình thành ngành quản lý có hiệu lực. Sản xuất nông nghiệp có tính chất liên ngành, nhất là nó gắn rất chặt với lâm nghiệp và công

nghiệp, xây dựng, vận tải, lưu thông phân phôi, và do đó đòi hỏi phải có sự chỉ đạo tập trung có hiệu lực của Nhà nước để huy động lực lượng của nhiều ngành, nhưng vừa qua sự chỉ đạo của chúng ta về mặt này còn rất yếu. Nhiều yêu cầu cần đổi về vật chất kỹ thuật của nông nghiệp đã không được tập trung chỉ đạo giải quyết kịp thời; sự phối hợp, kết hợp giữa các ngành và giữa ngành với địa phương có nhiều mặt không ăn khớp. Ở cơ sở thì phần lớn hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, và cả nông trường quốc doanh, vẫn còn là những đơn vị sản xuất phân tán. Huyện là cấp trực tiếp với các đơn vị sản xuất cơ sở lại chậm được tăng cường, gần đây tuy chúng ta bắt đầu xây dựng huyện và tăng cường cho cấp huyện, nhưng về cơ bản hệ thống quản lý cũ vẫn còn, huyện về thực chất vẫn là cấp trung gian, nhiều yêu cầu xây dựng huyện đã không được chỉ đạo giải quyết một cách tích cực.

Cán bộ kinh tế, kỹ thuật và quản lý nông nghiệp hơn 20 năm qua đã đào tạo được hàng vạn người (khoảng 16.000 cán bộ đại học và trên 6 vạn cán bộ trung học thuộc các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ lợi) nhưng sử dụng và quản lý chưa tốt. Huyện và cơ sở rất ít có cán bộ chuyên môn, nhất là cán bộ có trình độ đại học, gần đây mới bắt đầu đưa xuống. Phần lớn cán bộ đào tạo ra không được sử dụng đúng, nhiều người còn bị phân công làm công việc sự vụ về hành chính không gắn gì đến nghề nghiệp chuyên môn của họ. Công tác quản lý cán bộ rất lỏng lẻo, ngay đội ngũ cán bộ đại học và trên đại học cũng không được quản lý thống nhất, các bộ chỉ quản lý số cán bộ thuộc biên chế của mình; tình trạng điều động, xáo trộn cán bộ còn tuỳ tiện. Công tác bồi dưỡng cán bộ cũng không được tổ chức thành nền nếp, nhiều chủ trương, chính sách của Đảng, của Nhà nước không được nghiên cứu và truyền đạt sâu rộng trong cán bộ.

5- Lãnh đạo, chỉ đạo về chính sách cũng chậm và thiếu nhạy bén. Nhiều chính sách của Nhà nước đối với nông nghiệp, nhất là đối với khu vực kinh tế tập thể, chưa có tác dụng khuyến khích mạnh mẽ đối với sản xuất và chưa tạo được điều kiện tốt để chuyển sang quản lý kinh doanh, thoát ra

khỏi lối quản lý theo lối hành chính cung cấp, nhất là trong lĩnh vực giá cả, thu mua và phân phối. Về giá cả, qua nhiều lần điều chỉnh nâng giá, đến nay giá nhiều loại nông sản còn thấp hơn giá thành. Do đó, trừ một số hợp tác xã có nhiều lương thực bán giá cao cho Nhà nước hoặc có nhiều ngành nghề thu nhập cao đã nâng được giá trị ngày công và tăng được tích luỹ, phần lớn hợp tác xã thực ra đã tích luỹ vào phần chia cho lao động (giá trị ngày công 0,50 - 0,60đ, thậm chí 0,30 - 0,40đ cũng có tích luỹ); việc nâng giá trị ngày công lên trên dưới 1 đồng rất khó. Về thu mua, tuy đã đề ra chính sách ổn định mức huy động lương thực, nhưng trong thực tế vẫn giao ngoài nghĩa vụ từng năm (mua ngoài nghĩa vụ cũng giao như nghĩa vụ), làm cho mức ăn trong hợp tác xã không ổn định, chẳng những nơi sản xuất kém gấp khó khăn, ở nhiều nơi sản xuất khá cũng chưa bảo đảm vững chắc mức ăn cần thiết. Đổi với kinh tế gia đình của xã viên, Điều lệ hợp tác xã dự thảo được Bộ Chính trị thông qua quy định là không giao nghĩa vụ, nhưng đến nay vẫn giao cho gia đình xã viên phải làm nghĩa vụ bán thịt lợn, nơi thì giao cho gia đình, nơi thì giao theo lao động, ở địa phương nhiều nơi còn giao cả nghĩa vụ bán thịt gia cầm...

Như Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng đã nhận xét: "Một khuyết điểm nặng trong quản lý kinh tế là lối quản lý quan liêu, hành chính, xem nhẹ hiệu quả, năng suất và chất lượng; là cách tổ chức thủ công, phân tán, chia cắt; là cách làm việc chưa sát thực tế, chưa sát quần chúng...". Công tác quản lý nông nghiệp vừa có tình trạng buông lỏng, vừa có tình trạng gò bó, nặng về dùng những biện pháp hành chính, xem nhẹ mối quan hệ về kinh tế, quan hệ kinh doanh, không bảo đảm phát huy tính chủ động của các đơn vị sản xuất cơ sở trong việc mở rộng kinh doanh và thực hiện tái sản xuất mở rộng, nhất là đổi với hợp tác xã sản xuất nông nghiệp; không kết hợp được giữa sự chỉ đạo thống nhất tập trung của

Trung ương với phát huy quyền chủ động, sáng tạo của địa phương và cơ sở, gây ra tâm lý chờ đợi và ỷ lại nặng nề, làm hạn chế việc phát huy nhiều khả năng sẵn có.

II

ở miền Nam, trong hai năm, từ sau ngày giải phóng, cùng với việc khắc phục những hậu quả chiến tranh và xây dựng mọi mặt, chúng ta đã có nhiều cố gắng chỉ đạo giải quyết có kết quả một số vấn đề cấp bách trong nông nghiệp.

ở nhiều tỉnh, việc xoá bỏ các tàn dư chiếm hữu ruộng đất và bóc lột theo lối phong kiến, thực dân đã được tiến hành nhanh, gọn, căn bản đã được hoàn thành. Công cuộc khôi phục, phát triển sản xuất cũng đạt được những thành tích bước đầu đáng phấn khởi. Năng suất và sản lượng lúa, màu ở nhiều nơi tăng khá; ở một số địa phương chăn nuôi lợn cũng tăng nhanh. Đời sống của quần chúng nông thôn nhìn chung ổn định. Công tác thuế, thu mua của Nhà nước đã có những kết quả tốt bước đầu.

Dựa vào khí thế cách mạng sau ngày giải phóng, chúng ta đã phát động phong trào quần chúng hàng triệu người tham gia sôi nổi làm thuỷ lợi, phục hoá, khai hoang, tăng vụ, nhất là tăng vụ lúa đông xuân và vụ lúa hè thu. Công tác chuyển dân ở một số thành phố, thị xã về nông thôn và di xây dựng các vùng kinh tế mới cũng được đẩy mạnh, đã tổ chức chuyển di hàng chục vạn gia đình và cuộc vận động đang tiếp tục. Để hướng dẫn sản xuất và có chỗ dựa để cho vay vốn, cung cấp xăng dầu, phân bón, đồng thời tập dượt cho quần chúng đi vào làm ăn tập thể, hai năm qua, cùng với việc xây dựng, củng cố các đoàn thể chính trị ở nông thôn,

chúng ta đã tập hợp quần chúng rộng rãi vào các hình thức hợp tác sản xuất và lao động ở mức độ giản đơn, như tổ đoàn kết sản xuất, tổ đổi công, tập đoàn sản xuất và tổ hợp sản xuất, tổ hợp máy cày, máy bơm, đồng thời đã làm thí điểm xây dựng một số hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, gắn liền với xây dựng huyện ở một số tỉnh (Nghĩa Bình, Tiền Giang, Bình Trị Thiên), tổ chức ngay hợp tác xã bậc cao có quy mô hợp lý (500 - 600 hécta, có nơi 1.000 hécta), và đi ngay lên trình độ hiệp tác có phân công theo sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đối với các huyện điểm, chúng ta cũng bắt đầu từ hướng dẫn làm quy hoạch sản xuất, bước đầu kiện toàn bộ máy của Đảng và chính quyền, bắt đầu thành lập Uỷ ban nông nghiệp huyện và xây dựng một số trạm trại quốc doanh trên địa bàn huyện, đi đôi với tổ chức các Ban chỉ đạo sản xuất xã.

Ngoài cơ sở vật chất kỹ thuật sẵn có ở miền Nam như gần 3 vạn máy kéo lớn nhỏ, 668 cơ sở sửa chữa, các cơ sở giống, v.v., chúng ta đã bổ sung một số máy kéo cho các tỉnh trọng điểm thiếu sức kéo, cho vùng khai hoang, cung cấp máy bơm, phân bón, thuốc trừ sâu, v.v. cho nông nghiệp. Nhiều ngành ở Trung ương đã đưa một lực lượng khá đông cán bộ kinh tế kỹ thuật vào tăng cường cho các tỉnh và bố trí một số cán bộ đưa về tỉnh để tăng cường cho huyện (riêng các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ lợi đã bố trí 2.000 cán bộ trung học và đại học cho các tỉnh để đưa về huyện). Các mặt công tác điều tra cơ bản, phân vùng, quy hoạch sản xuất cũng được xúc tiến, nhất là đối với một số vùng kinh tế trọng yếu. Bản thân các tỉnh cũng nỗ lực rất lớn vươn lên chỉ đạo nông nghiệp có nhiều tiến bộ. Hiện nay trên địa bàn nhiều tỉnh, ngoài lực lượng của địa phương, đã bắt đầu triển khai một

lực lượng lớn bộ đội và lực lượng lao động các tỉnh miền Bắc tiến hành khai hoang xây dựng các vùng kinh tế mới.

Như vậy là, ở miền Nam, sau hai năm giải phóng, chúng ta đã triển khai công việc về nhiều mặt có những tiến bộ nhanh. Tình hình có nhiều thuận lợi. Tuy nhiên những mặt yếu vẫn còn nhiều, như: cơ sở vật chất kỹ thuật, năng suất, công tác quản lý, nhất là tình hình sản xuất cá thể còn phổ biến, cuộc đấu tranh giữa hai con đường đang phức tạp. Cán bộ thiếu, về tổ chức chỉ đạo chưa có kinh nghiệm. Để tổ chức lại nền nông nghiệp, lâm nghiệp đi lên hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải nhanh chóng tổ chức lại sản xuất và đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, gắn với xây dựng và cải tạo chung nền kinh tế; kết hợp chặt chẽ việc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc với việc đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và tổ chức lại sản xuất nông, lâm nghiệp đi lên theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng và hình thành hệ thống nông nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa thống nhất trong cả nước.

Hiện nay cách mạng nước ta đã chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. *Đại hội Đảng đã đề ra đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới ở nước ta là: "Năm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn*

hoá mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xoá bỏ chế độ người bóc lột người, xoá bỏ nghèo nàn và lạc hậu; không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; xây dựng thành công Tổ quốc Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội".

Về xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, Đại hội Đảng cũng chỉ rõ: "Điều có ý nghĩa quyết định là phải thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, tạo ra cơ cấu công - nông nghiệp hiện đại", theo đường lối "ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, làm cho công nghiệp và nông nghiệp kết hợp chặt chẽ thành một thể thống nhất, cùng phát triển nhịp nhàng lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và luôn luôn gắn bó với nhau, thúc đẩy lẫn nhau, phục vụ cho nhau; công nghiệp là nền tảng chủ yếu của nền kinh tế quốc dân, đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân và nông nghiệp là cơ sở để phát triển công nghiệp".

Xuất phát từ đường lối chung và từ những yêu cầu trước mắt của đời sống và của nền kinh tế, Đại hội Đảng cũng đã quyết định phải "tập trung lực lượng của cả nước, của các ngành, các cấp, tạo ra một bước phát triển vượt bậc về nông nghiệp". Phải "phát triển toàn diện cả trồng trọt và chăn nuôi, đẩy mạnh lâm nghiệp, ngư nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nhằm bảo đảm đủ lương thực, thực phẩm cho toàn xã hội và có lương thực dự trữ, cung ứng nguyên liệu cho công nghiệp, tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu". Phải "phát triển tất cả các vùng đồng bằng, trung du, miền núi và miền biển, sớm hình thành những khu vực lớn sản xuất tập trung và chuyên môn hoá. Coi trọng cả ba mặt: thâm canh, tăng vụ và mở rộng diện tích". Đại hội Đảng cũng đề ra những mục tiêu lớn đến năm 1980 phải đạt được là: 21 triệu tấn lương thực, 16,5 triệu con lợn, 1 triệu tấn thịt hơi, khai thác 1 triệu tấn cá biển, và trong 5 năm phải khai hoang 1

triệu hécta, phục hoá 50 vạn hécta, trồng mới 1,2 triệu hécta rừng. Đó là những yêu cầu tối thiểu nhưng có tính chiến lược. Trước đây, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 19 Ban Chấp hành Trung ương¹⁾ đã đề ra chủ trương đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đưa chăn nuôi lên thành ngành sản xuất chính, nhằm thực hiện cho được ba yêu cầu đối với nông nghiệp: giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm, bảo đảm nguyên liệu cho công nghiệp và tăng khối lượng nông sản hàng hoá xuất khẩu. Nhưng việc thực hiện Nghị quyết còn nhiều hạn chế. Chúng ta có nhiều khó khăn, vì chúng ta nghèo, chưa có cơ sở vật chất kỹ thuật bao nhiêu, diện tích đất đai rất ít, lại đang trong hoàn cảnh chiến tranh, toàn quốc phải tập trung sức chống Mỹ, cứu nước, mặt khác do công tác lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất nông nghiệp của các cấp, các ngành có những thiếu sót. Sự phát triển của nông nghiệp miền Bắc còn quá chậm, về cơ bản vẫn còn là sản xuất nhỏ, chưa bảo đảm được những yêu cầu tối thiểu về lương thực của nhân dân.

Từ sau ngày giải phóng miền Nam, cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn mới: cả nước hoà bình, độc lập thống nhất và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nông nghiệp nước ta đã bước vào một thời kỳ mới, tuy còn *nhiều khó khăn*, nhưng lại có những *thuận lợi rất cơ bản* để đẩy mạnh phát triển sản xuất và đưa nông nghiệp đi lên theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa:

1- Trước đây trong điều kiện 10 người một hécta canh tác, sử dụng lao động nông nghiệp có nhiều khó khăn, việc mở thêm diện tích mới có nhiều hạn chế. Đến nay nước nhà thống nhất và xây dựng trong hoà bình, chẳng những chúng ta có điều kiện thâm canh, tăng vụ trên diện tích 5 triệu hécta hiện có, mà còn có thể phân bố hàng triệu lao động để khai hoang mở thêm hàng triệu hécta đất nông, lâm nghiệp, thực hiện phán

1) Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.32, tr.192 (B.T).

bố lại đất đai và lao động một cách hợp lý trên địa bàn cả nước và ở từng vùng, tập trung sức lực và trí tuệ của cả nước để khai thác và sử dụng một cách nhanh nhất, có hiệu quả nhất tài nguyên phong phú của đất nước và của nền nông nghiệp nhiệt đới mà thiên nhiên ưu đãi chúng ta.

2- Đường lối chung xây dựng chủ nghĩa xã hội và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa do Đại hội IV của Đảng đề ra là rất sáng tỏ. Đại hội Đảng lại quyết định phải tập trung sức rất cao cho nông nghiệp. Trong lãnh đạo, chỉ đạo nông nghiệp, chúng ta cũng đã rút được những kinh nghiệm bước đầu về tổ chức lại sản xuất và quản lý ở hợp tác xã và trên địa bàn huyện, về gắn chặt tổ chức lại sản xuất và hoàn thiện quan hệ với đẩy mạnh phát triển lực lượng sản xuất và tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp; những điển hình tiên tiến ở các vùng khác nhau cũng đã dần dần được xây dựng.

3- Chúng ta đã xây dựng được cơ sở vật chất kỹ thuật bước đầu cho nông nghiệp, và với việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà, sẽ tạo ra khả năng của công nghiệp trang bị cho nông nghiệp ngày càng lớn.

4- Với thắng lợi vẻ vang của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, với tài nguyên thiên nhiên phong phú và nhân lực dồi dào, chúng ta có điều kiện mở rộng quan hệ kinh tế và đẩy mạnh hợp tác kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa anh em và các nước khác, để nhập trang bị kỹ thuật phục vụ cho yêu cầu công nghiệp hóa và trang bị mới cho nông nghiệp nhanh hơn.

Dựa vào nguồn tài nguyên phong phú của cả nước, vào đường lối phát triển kinh tế của Đảng và yêu cầu của nền kinh tế quốc dân, chúng ta đã sơ bộ điều tra và đánh giá tiềm năng các loại đất đai, mặt nước, với dự kiến:

- *Đất nông nghiệp* có thể đưa lên 11,2 - 11,5 triệu hécta, khả năng khai hoang mở thêm hơn 5 triệu hécta và vẫn giữ nguyên các rừng tốt.

Diện tích canh tác lúa nước có thể đưa lên 5 triệu hécta; *đất trồng màu, trồng các loại cây thực phẩm và cây công nghiệp ngắn ngày* có thể đưa lên 2,5 triệu hécta; *đất trồng cây lâu năm và cây ăn quả* có thể đưa từ hơn 40 vạn hécta hiện nay lên 2 triệu hécta; *đồng cỏ chăn nuôi* có thể đưa từ 45 vạn hécta hiện nay lên 1,4 triệu hécta (chưa kể diện tích cỏ có khả năng trồng dưới tán rừng).

Những thuận lợi về ánh sáng và nhiệt độ của khí hậu nhiệt đới còn tạo điều kiện cho việc bố trí một nền nông nghiệp phong phú, đa canh, đa dạng, có vòng quay nhanh (2 - 3 vụ/năm).

- *Đất làm nghiệp* sẽ được bố trí khoảng 15,6 triệu hécta, trong đó kinh doanh khai thác là 10,5 - 11 triệu hécta, bao gồm: 5,2 triệu hécta rừng các cây gỗ lớn, 2,4 triệu hécta rừng nguyên liệu giấy sợi; 70 vạn hécta rừng thông nhựa và hơn 20 vạn hécta rừng các cây đặc sản như hổi, que, cánh kiến... Để có diện tích kinh doanh khai thác và thường xuyên cho sản phẩm nói trên, cùng với việc bảo vệ, khoanh nuôi, tu bổ, chăm sóc những rừng hiện có, phải trồng mới khoảng 4,3 triệu hécta rừng cây các loại.

- *Bờ biển* nước ta dài trên 3.000 km, có nhiều hải đảo có giá trị lớn về kinh tế. Biển của ta nằm trong vùng giao lưu của hai dòng hải lưu nóng và lạnh, nên có nhiều cá và các loại hải sản.

Nếu được đầu tư và trang bị tốt cho việc đánh bắt cá và hải sản, có thể đưa lên 2 triệu tấn/năm trong những năm trước mắt.

Khả năng nuôi trồng thuỷ, hải sản có cả triệu hécta.

Nhìn chung, tiềm năng nông, lâm, ngư nghiệp của nước ta còn lớn cả về mặt phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề rừng, nghề cá, tạo điều kiện cho chúng ta nhanh chóng giải quyết được các nhu cầu ăn, mặc, ở, học tập, chữa bệnh, xây dựng sớm được một cơ cấu nông, lâm, ngư, công nghiệp hiện đại trong phạm vi cả nước cũng như trên từng vùng, từng huyện.

Tuy vậy, bên cạnh những thuận lợi rất cơ bản, việc khai thác những tiềm năng nói trên cũng có một số khó khăn và hạn chế:

- Cơ sở vật chất kỹ thuật còn non yếu lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, trình độ và kinh nghiệm tổ chức quản lý kinh tế còn bị hạn chế, tư tưởng và tập quán sản xuất nhỏ còn nặng, trước mắt đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, nhất là về mặt lương thực; ở miền Nam nền nông nghiệp còn là cá thể, thiên tai cũng còn nhiều diễn biến bất thường.

- Trừ vùng đồng bằng sông Cửu Long, đất đai mở ra thêm có nhiều đất đồi, đất dốc. Ở hầu hết các vùng, mưa lại lớn và tập trung. Nếu không có biện pháp bảo vệ rừng, bảo vệ đất và không có chế độ canh tác hợp lý, thì những đất đai mở ra thêm này sẽ xấu đi nhanh chóng và có nguy cơ bị xói mòn.

- Hai phần ba đất nước thường bị ảnh hưởng của bão, lụt; vùng Khu IV cũ thường bị gió nóng; vùng núi và trung du Bắc Bộ thường bị sương muối... Độ nóng và ẩm cao làm cho thời vụ gieo trồng rất khẩn trương.

- Với tập đoàn phong phú và đa dạng về các cây, con, lại có nhiều tiểu vùng khí hậu, cho nên ở nhiều nơi vấn đề lựa

chọn cây gì, con gì phù hợp nhất và có hiệu quả kinh tế cao nhất cũng đang là việc phải xem xét kỹ.

Xuất phát từ yêu cầu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, nhằm thực hiện hai mục tiêu vừa cơ bản, vừa cấp bách: xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, dựa vào những tiềm năng thiên nhiên phong phú kể trên, chúng ta hoàn toàn có khả năng và phải tập trung sự cố gắng lớn nhất của toàn Đảng, toàn dân để đẩy mạnh phát triển nông nghiệp theo một quy mô mới, vừa tận dụng những phương tiện vật chất, kỹ thuật sẵn có, vừa tranh thủ nhập kỹ thuật tiên tiến ở ngoài, kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu giữa công nghiệp và nông nghiệp, thực hiện một bước công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ cấu công - nông nghiệp, phấn đấu *từ nay đến năm 1985 đạt được một chuyển biến cơ bản của nông nghiệp đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, với trình độ tập trung hoá, chuyên môn hoá, hiệp tác hóa và liên hiệp hóa ở mức độ ngày càng cao, với sự phân bố lao động theo lãnh thổ và trong nội bộ ngành nông nghiệp ngày càng hợp lý, với trang bị kỹ thuật ngày càng hiện đại và có chế độ sở hữu, chế độ quản lý, chế độ phân phối ngày càng hoàn thiện, nhằm thực hiện cho được những mục tiêu lớn sau đây:*

- Đẩy mạnh khai hoang, đưa phần lớn diện tích đất đai có thể làm nông nghiệp vào sản xuất, đưa diện tích canh tác nông nghiệp lên 10,5 triệu - 11 triệu hécta, trong đó cố gắng bảo đảm 5 triệu hécta canh tác lúa.

- Giải quyết cơ bản vấn đề ăn với cơ cấu bữa ăn hợp lý và có dự trữ vững chắc (riêng lương thực khoảng 30 triệu tấn); dành được nhiều lương thực và đồng cỏ cho chăn nuôi, đưa chăn nuôi lên thành ngành sản xuất chính, cung cấp được thịt, trứng, sữa, da với mức độ khá và cân đối với trồng trọt (thịt đạt 2 triệu tấn, cá 2 - 2,5 triệu tấn); giải quyết được vấn đề mặc và cung cấp nhiều nguyên liệu quan trọng khác cho

công nghiệp; phát triển nông sản xuất khẩu với quy mô lớn và phấn đấu đạt khoảng 1 tỷ rúp - đôla trong năm 1985.

- Trồng được trên 5 triệu hécta rừng và đến năm 1985 khai thác được trên 6 triệu mét khối gỗ.

Như vậy, đến năm 1985 chúng ta có thể đạt được mức bình quân đầu người về một số nông, lâm sản chủ yếu khoảng: lương thực 500 kg, thịt 25 kg, cá 30 kg. Mức sản xuất theo đầu người này chưa cao, nhưng về cơ bản chúng ta đã vượt qua được cửa ải lương thực để tiếp tục đẩy mạnh sản xuất toàn diện và tập trung sức vào phát triển công nghiệp, nhằm trong vòng 15 - 20 năm hình thành được hệ thống công nghiệp nặng tương đối hoàn chỉnh làm cơ sở cho nền kinh tế quốc dân, cơ bản hoàn thành nhiệm vụ xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở nước ta như Đại hội Đảng đã chỉ rõ.

Từ nay đến năm 1980, phải phấn đấu thực hiện tốt những mục tiêu, nhiệm vụ chính của nông nghiệp là:

1- Tận lực thâm canh và tăng vụ trên diện tích 5 triệu hécta hiện có, đồng thời phục hóa, khai hoang cho được 1,5 triệu hécta đất nông nghiệp và trồng mới 1,2 triệu hécta rừng. Đi liền theo đó phải phân bố được một lực lượng lớn lao động và tổ chức sử dụng lao động nông nghiệp theo một quy mô mới.

2- Hoàn thành tốt nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp miền Nam và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đưa hợp tác xã sản xuất nông nghiệp lên trình độ khá và tiên tiến, cả nước đồng nhất với nhau về chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa và có chế độ quản lý, chế độ phân phối thống nhất.

3- Trên cơ sở xây dựng cả nước thành một cơ cấu công - nông nghiệp mà xây dựng huyện tiến lên một bước thành cơ cấu nông - công nghiệp. Gắn chặt làm một giữa nông, lâm nghiệp với công nghiệp, tập thể với quốc doanh trên

địa bàn huyện.

4- Bảo đảm thực hiện ba yêu cầu lớn đối với nông nghiệp với mức phấn đấu: giải quyết vững chắc những nhu cầu về lương thực, thực phẩm, làm cơ sở cho sự phân công lao động hợp lý trong phạm vi toàn xã hội; dành được thêm diện tích và dành khoảng 25% lương thực cho chăn nuôi; cung cấp được tốt hơn một số nguyên liệu cho công nghiệp, nhất là đối với bông và mía đường; nâng cao một bước đáng kể khối lượng nông, lâm sản xuất khẩu để chiếm một tỷ trọng lớn hơn trong tổng kim ngạch xuất khẩu và đến năm 1980 đạt được khoảng 500 triệu rúp - đôla.

5- Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, xây dựng con người mới theo nội dung của ba cuộc cách mạng, đáp ứng yêu cầu của sản xuất đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

6- Ở miền núi phải phấn đấu thực hiện cơ bản xong việc định canh, định cư, kết hợp chặt chẽ nông, lâm nghiệp trên tất cả các vùng và trong từng đơn vị sản xuất, đưa kinh tế nông, lâm nghiệp miền núi tiến lên một bước ổn định, vững chắc.

Phải thông qua *tổ chức lại sản xuất*, thực hiện việc bố trí sản xuất và phân bổ lao động chiến lược trên địa bàn cả nước, và ở từng vùng, từng địa phương, từng đơn vị; chuyển sản xuất đi lên theo hướng tập trung hóa, chuyên môn hóa, hiệp tác hóa, liên hiệp hóa; phát triển mạnh cả kinh tế tập thể và kinh tế quốc doanh; bảo đảm cho sản xuất phát triển toàn diện, cân đối, phát huy sức mạnh chung của cả nước và ở từng vùng, gắn bó chặt chẽ giữa nông nghiệp với lâm nghiệp, ngư nghiệp và công nghiệp, giữa sản xuất với chế biến và lưu thông, thoát ra khỏi lối tổ chức sản xuất phân tán của sản xuất nhỏ.

Thông qua *tổ chức lại lao động* theo hướng chuyên môn hoá, chúng ta tổ chức và sử dụng lực lượng lao động trên quy mô lớn, tận dụng những điều kiện và khả năng hiện có, tiếp thu có hiệu quả sự chi viện của công nghiệp, để tập trung sức làm thuỷ lợi, tích cực giải quyết công cụ và súc kéo (cơ giới và súc vật), tăng vụ, phục hoá, khai hoang, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp; *tạo nên những hệ thống cơ sở vật chất và kỹ thuật thông suốt, đồng bộ* cho tất cả các khâu trong quá trình sản xuất, chế biến, tiêu thụ; tạo nên cơ sở phúc lợi mới ở nông thôn và phục vụ tốt cho đời sống.

Thông qua *xây dựng hệ thống tổ chức quản lý mới* trong nông nghiệp, chúng ta xây dựng ngành quản lý nông nghiệp tập trung thống nhất và có hiệu lực, thật sự đi vào quản lý kinh tế, quản lý kinh doanh, thực hiện quản lý theo ngành kết hợp với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ. Xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp, xây dựng hợp tác xã thành các đơn vị kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nông trường, lâm trường thành các xí nghiệp nông, lâm, công nghiệp. Từ đây tạo nên mối quan hệ mật thiết với nhau giữa các đơn vị sản xuất, huyện và ngành quản lý trong một cơ cấu quản lý chung của ngành nông nghiệp và lâm nghiệp, gắn với công nghiệp và toàn bộ nền kinh tế.

Thông qua *xây dựng chế độ, chính sách quản lý mới*, điều hành nền nông nghiệp theo một quy hoạch và kế hoạch chung, theo quy trình, chế độ và định mức, phát huy vai trò chủ động sản xuất kinh doanh của các đơn vị sản xuất cơ sở, thực hiện kinh doanh hạch toán, bảo đảm cho các đơn vị cơ sở có tích luỹ để tái sản xuất mở rộng.

Thông qua *xây dựng chế độ lãnh đạo, quản lý mới*, tăng cường chức năng lãnh đạo toàn diện của Đảng, chức năng quản lý kinh tế của chính quyền và phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng.

Đồng thời từ yêu cầu của tổ chức sản xuất, tổ chức quản lý để *bố trí, sắp xếp bộ máy quản lý nông nghiệp*, cải tiến lề lối làm việc, giải quyết mối quan hệ với các ngành có liên quan đến

nông nghiệp và bố trí, sắp xếp lại hợp lý hơn đội ngũ cán bộ kinh tế, kỹ thuật, quản lý nông nghiệp.

Làm như vậy cũng là đồng thời đẩy mạnh thực hiện ba cuộc cách mạng, lấy cách mạng khoa học kỹ thuật làm then chốt, gắn bó chặt chẽ giữa cải tạo và xây dựng, giữa xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất với tăng cường lực lượng sản xuất. Chúng ta *phải quán triệt nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ là đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và trong kế hoạch 5 năm trước mắt phải nắm nhiệm vụ trọng tâm trước mắt là nông nghiệp*.

Chúng ta phải tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, của Nhà nước và huy động lực lượng của các đoàn thể nhân dân, nhằm *tạo ra một sự chuyển biến cách mạng về tư tưởng, thành cao trào cách mạng sôi nổi, liên tục trong quần chúng và tạo ra một sự chuyển biến thật sự mạnh mẽ về tổ chức thực hiện của các ngành, các cấp*, thực hiện một biến chuyển mới trong cơ cấu của nông nghiệp và kết hợp chặt chẽ giữa nông - lâm - công nghiệp, phát huy được những khả năng tiềm tàng, khắc phục có hiệu quả các thiếu sót và nhược điểm, quyết tâm thực hiện cho kỳ được những mục tiêu, nhiệm vụ nông nghiệp đã đề ra.

Phân thứ hai

Bố trí sản xuất đến năm 1980, việc phân bố lao động, mở rộng diện tích và tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp

I - Bố trí sản xuất về trồng trọt và chăn nuôi

Việc bố trí các cây, con từ nay đến 1980, nhằm tập trung giải quyết tốt hơn vấn đề ăn (bao gồm cả lương thực, thực phẩm), đồng thời góp phần đẩy mạnh nông - lâm nghiệp phát

triển một bước theo hướng toàn diện, đáp ứng những nhu cầu về nông, lâm sản xuất khẩu và làm nguyên liệu cho công nghiệp trong nước.

Về ăn, đi đôi với việc tăng thêm khẩu phần, còn phải có một cơ cấu thích hợp với điều kiện sản xuất từng vùng, bao gồm: *chất bột* (lúa và màu quy thóc bình quân 240 kg/người/năm), *rau quả* (bình quân 90kg/người/năm), *cá* (bình quân 15 kg/người/năm), *thịt* (bình quân 10 kg/người/năm), *nước chấm* (ở nông thôn chủ yếu là tương; ở thành phố chủ yếu là nước mắm và xì dầu, bình quân 4,8 lít/người/năm), *đường*, *mật* (bình quân 4,5 kg/người/năm), *đậu tương* (bình quân 2,5 kg/người/năm), *trứng* (bình quân 48 quả/người/năm). Riêng về *sữa* mới chỉ đáp ứng được ở một mức độ nhất định cho những đối tượng nhất định.

Để có được cơ cấu và khẩu phần bữa ăn như trên, đến năm 1980, cả nước phải phấn đấu có 21 triệu tấn lương thực, 4,8 triệu tấn rau quả, trên 1 triệu tấn cá, 1 triệu tấn thịt hơi các loại, 250 triệu lít nước chấm, 25 vạn tấn đường, 14 vạn tấn đậu tương, 3,5 tỷ quả trứng.

1. Đối với mục tiêu 21 triệu tấn lương thực và phát triển các loại cây thực phẩm

Trước hết, cả nước phải tập trung cao độ mọi nỗ lực để thâm canh, tăng vụ và mở thêm diện tích trồng *lúa*, đưa diện tích gieo trồng lúa cả năm từ 4,85 triệu hécta lên gần 6,5 triệu hécta, tăng hơn gần 1,7 triệu hécta so với năm 1975 (trong đó tăng 60 vạn hécta do phục hoá và khai hoang, tăng trên 1 triệu hécta do tăng vụ). Đồng thời, đưa năng suất lúa bình quân hiện nay khoảng 21 - 22 tạ/hécta vụ lên gần 26 tạ/hécta vụ, nhằm đạt sản lượng thóc cả nước khoảng 17 triệu tấn; các tỉnh miền Bắc phấn đấu đạt 6,5 triệu tấn thóc và các tỉnh miền Nam phấn đấu đạt 10,5 triệu tấn.

Mặt khác, phải có những chuyển biến mạnh mẽ về *sản xuất và chế biến màu*, phấn đấu đạt 2,2 triệu hécta, tăng hơn

gấp bốn lần hiện nay (chiếm 25% diện tích gieo trồng cây lương thực) và đưa sản lượng màu quy thóc lên trên 5,5 triệu tấn (chiếm 26% sản lượng lương thực). Phải hình thành những vùng tập trung sản xuất màu hàng hóa gắn liền với công nghiệp chế biến; các vùng khác cũng phải sản xuất và ăn màu với tỷ lệ khá cao, nhất là những nơi có ít diện tích trồng lúa. Về các loại màu có hạt, trước hết phải đẩy mạnh phát triển và thâm canh *cây ngô*, đưa diện tích lên 70 vạn hécta, gấp gần hai lần hiện nay, với mức phẩn đấu năng suất bình quân khoảng 20 tạ/hécta; *cây cao lương*, đưa diện tích lên 10 vạn hécta, với mức phẩn đấu năng suất bình quân 15 tạ/hécta. Riêng 35 vạn hécta ngô trồng tập trung ở một số vùng của Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên, duyên hải Trung Bộ, Khu IV cũ và một số vùng bãi của đồng bằng, trung du và miền núi Bắc Bộ, phải phấn đấu đạt năng suất bình quân 25 tạ/hécta, trong đó có 6 vạn hécta *ngô cao sản* được chủ động tưới nước, phẩn đấu đạt bình quân 40 tạ/hécta. Về các loại màu có củ, bố trí *cây sắn* 70 vạn hécta (gấp ba lần diện tích hiện nay), với mức phẩn đấu bình quân năng suất 12 tấn củ/hécta, tập trung chủ yếu ở Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long, duyên hải Trung Bộ và một số vùng thuộc trung du, miền núi Bắc Bộ; *cây khoai lang* phải đưa lên 45 vạn hécta (gấp hai lần diện tích hiện nay), với mức phẩn đấu bình quân năng suất 8 tấn củ/hécta, tập trung chủ yếu ở một số vùng thuộc duyên hải Trung Bộ, Khu IV cũ, đồng bằng sông Cửu Long và trung du Bắc Bộ, trên những đất màu pha cát và những đất mới làm một vụ lúa. Riêng đồng bằng sông Hồng và một

số tỉnh thuộc Khu IV cũ phải *đưa cây khoai tây vào cơ cấu lương thực* và tích cực tạo điều kiện phát triển mạnh vụ đông để mở rộng diện tích khoai tây lên khoảng 20 vạn hécta (gấp hơn 5 lần hiện nay), với mức phấn đấu bình quân năng suất khoảng 12 tấn củ/hécta trở lên.

Những loại cây màu có ý nghĩa lớn như trên, vừa phải sản xuất tập trung thành vùng lớn do quốc doanh và hợp tác xã phụ trách, vừa có thể sản xuất phân tán ở từng vùng, trên cả đất kinh tế phụ của gia đình xã viên. Đối với các loại cây có củ hoặc có hạt khác như mì, mạch, kê, từ, lạc, dong riêng, khoai sọ, khoai nước... cũng phải ra sức phát triển để tăng thêm khẩu phần lương thực cho người và tạo thêm nguồn chất bột làm thức ăn cho gia súc, bằng cách tận dụng tất cả những diện tích hiện nay chưa đưa vào sản xuất, đất quanh nhà, đất trong vườn, đất dâu thừa đuôi theo.

Cùng với việc phấn đấu đạt và vượt 21 triệu tấn lương thực, phải bố trí tốt *các loại cây thực phẩm*, vừa phát triển rộng rãi để đáp ứng các nhu cầu phân tán, vừa phải hình thành các vùng tập trung phục vụ các thành phố và khu công nghiệp. Diện tích *các loại rau đậu* cả nước sẽ đưa lên 53 vạn hécta, gấp gần ba lần rưỡi hiện nay, trong đó riêng các loại đậu đỗ (chưa kể đậu tương) là 25 vạn hécta, gấp 5 lần hiện nay; các vùng rau tập trung phục vụ các thành phố và khu công nghiệp là 5 vạn hécta, vùng rau xuất khẩu là 4 vạn hécta. Trong cơ cấu các loại rau quả ở tất cả các vùng, cần chú trọng *cây bí ngô*.

Về các loại cây có đạm và có dầu, đưa *đậu tương* lên 30 vạn hécta, tập trung ở phía Nam khoảng 24 vạn hécta, trong đó đồng bằng sông Cửu Long 12 vạn hécta, Đông Nam Bộ và Tây Nguyên, mỗi nơi trên 5 vạn hécta. *Đưa lạc* lên 15 vạn hécta, miền Bắc 4,5 vạn hécta, miền Nam 10,5 vạn hécta; *vừng* lên 5 vạn hécta, miền Bắc 2 vạn hécta, miền Nam 3 vạn hécta. Một số cây khác như *sở*, *cọ dầu*, *đào lộn hột*, v.v. cần

phát triển ở những nơi có điều kiện, để cung cấp thêm dầu thực vật cho bữa ăn.

2. *Đối với các loại cây công nghiệp, cây ăn quả và cây làm thuốc*

Để góp phần nhanh chóng tự giải quyết được vấn đề mặc, *cây bông* dự kiến đưa lên 7 vạn hécta (miền Bắc 5.000 hécta, miền Nam 6,5 vạn hécta, tập trung chủ yếu ở Thuận Hải, Phú Khánh, Cheo Reo), nhằm phấn đấu đạt trên 2 vạn tấn bông xơ, đồng thời tiếp tục tính toán khả năng cung cấp lương thực, cố gắng đưa diện tích bông lên 10 vạn hécta. *Cây dâu tằm* đưa lên trên 2 vạn hécta, chủ yếu là trồng trên đất đồi: miền Bắc 7.000 hécta, tập trung ở Hà Sơn Bình, một phần ở Hà Nam Ninh và Thái Bình; miền Nam 1,3 vạn hécta tập trung ở Lâm Đồng, Quảng Nam - Đà Nẵng, Nghĩa Bình, nhằm đạt khoảng 700 tấn tơ.

Về các cây *đay, cói...*, khả năng mở thêm diện tích ở miền Bắc bị hạn chế (3,7 vạn hécta) nhưng có thể mở ra mạnh ở miền Nam (khoảng 7 vạn hécta), tập trung chủ yếu ở các vùng đất bãi thuộc đồng bằng sông Cửu Long như Long An, An Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Minh Hải...

Mía sẽ đưa lên gần 15 vạn hécta. Ngoài các vùng tập trung cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy đường đã có, sẽ hình thành thêm một số vùng mía mới như Sao Vàng, Đông Nam Bộ... bảo đảm cung cấp đủ mía cho các nhà máy mới sẽ xây dựng. Đồng thời tiếp tục duy trì một số vùng hiện còn trồng phân tán và quy mô nhỏ, kết hợp công cụ ép cơ khí và thủ công, nhằm giải quyết một phần đường mật và nước ngọt cho nhân dân từng tỉnh.

Thuốc lá: sẽ đưa lên trên 4 vạn hécta, tập trung ở một số vùng: đồng bằng sông Hồng 71.000 hécta, trung du và miền núi Bắc Bộ 1,2 vạn hécta, Khu IV cũ 3.000 hécta, duyên hải Trung Bộ 4.000 hécta, Đông Nam Bộ 7.500 hécta và đồng bằng sông Cửu Long 7.500 hécta.

Cao su cần được chăm sóc, tu bổ để thu hoạch hết diện tích 6,4 vạn hécta hiện có; đồng thời, tích cực chuẩn bị giống và tổ

chức khai hoang để trồng thêm khoảng 5 - 6 vạn hécta, và có sản lượng 5 vạn tấn mủ khô. Về lâu dài, nên tính toán việc mở rộng diện tích cao su hướng chủ yếu vào những vùng đất badan của Tây Nguyên, để dành những vùng đất tương đối bằng phẳng (nhất là những vùng đất xám) ở Đông Nam Bộ cho việc phát triển những cây công nghiệp ngắn ngày và các cây màu lương thực.

Đối với chè và cà phê, đất đai mở ra còn nhiều, vì chủ yếu là đất dốc, không lấn vào đất trồng các cây lương thực; kỹ thuật trồng không quá phức tạp; giống cũng không thiếu và việc chế biến không khó; có thể chủ động tính toán mở rộng thêm diện tích theo hướng cố gắng thỏa mãn tối mức cao nhất yêu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Chè sẽ đưa lên 8,5 vạn hécta, tập trung chủ yếu ở trung du và miền núi Bắc Bộ, và một số vùng thuộc Lâm Đồng, Gia Lai - Kon Tum ở phía Nam. Cà phê cũng cần phát triển nhanh, chủ yếu ở Tây Nguyên với diện tích trồng mới khoảng 5 vạn hécta và cố gắng phấn đấu đưa lên cao hơn nữa.

Cây hồ tiêu, cây quế sẽ được bố trí tập trung ở một số vùng (Phú Quốc, Đông Nam Bộ, Nghĩa Bình, Quảng Nam- Đà Nẵng, Thanh Hoá...) để bảo đảm yêu cầu xuất khẩu.

Về cây ăn quả, cây dừa dự kiến đưa lên 10 vạn hécta, phân bố khoảng 3 vạn hécta ở trung du, miền núi Bắc Bộ và Khu IV cũ, còn thì tập trung chủ yếu ở các tỉnh thuộc duyên hải, Đông Nam Bộ và trên đất phèn chưa được cải tạo của đồng bằng sông Cửu Long. Cây chuối dự kiến đưa lên 7,5 vạn hécta, trong đó có 2 vạn hécta ở miền Bắc, còn thì tập trung chủ yếu ở đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.

Cây dừa cần sớm được đẩy mạnh, cả nước có 7,6 vạn hécta, trong đó trồng mới hơn 3 vạn hécta, tập trung trên những vùng đất cát ven biển từ Nghệ Tĩnh trở vào (duyên hải Trung Bộ hơn 1 vạn hécta, đồng bằng Nam Bộ gần 6 vạn hécta). Ngoài ra, phải đẩy mạnh phát triển các cây ăn quả nhiệt đới khác như: xoài, đu đủ, chôm chôm, vú sữa, xoài riêng, măng

cút... ở miền Nam, vừa trồng thành vùng tập trung theo quy hoạch và không lấn vào đất lúa, vừa trồng phân tán quanh nhà và trong vườn; đẩy mạnh phát triển việc trồng cam, chanh, bưởi, vải, nhãn... trên các vùng đất đồi, đất bãi, ven đê, ven đường ở miền Bắc và trồng các cây ăn quả ôn đới như đào, lê, táo, mân... trên các vùng núi cao. Cây mít cũng cần được nghiên cứu trồng tập trung trên một số vùng đất đồi ở miền Bắc và phát triển ở một số vùng miền Nam.

Đối với các cây làm thuốc, với tinh thần bảo đảm các nhu cầu chủ yếu về chữa bệnh và tiến tới có thể xuất khẩu một phần, trong 5 năm này, ngoài việc tận dụng những đất dưới tán rừng, sẽ bố trí diện tích cây làm thuốc khoảng 1,5 vạn hécta (gấp 5 lần hiện nay), tập trung ở một số vùng thuộc trung du và miền núi Bắc Bộ khoảng 7.000 hécta và ở miền Nam khoảng 8.000 hécta. Các cây lấy tinh dầu (sả, bạc hà, hương nhu...) cần được chỉ đạo kết hợp giữa trồng thành vùng với tận dụng đất trồng phân tán. Riêng cây thuốc phiện do yêu cầu trong nước và xuất khẩu có thể thành lập một số nông trường quốc doanh chuyên sản xuất và giao cho quân đội phụ trách.

3. Đối với yêu cầu đẩy mạnh phát triển chăn nuôi

Tích cực tạo mọi điều kiện nhanh chóng đưa chăn nuôi lên thành một ngành sản xuất chính, hình thành các vùng chăn nuôi tập trung, có hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật bảo đảm cân đối vững chắc các mặt như đối với trồng trọt, để đến 1980, có thể cung cấp được:

- 1,1 triệu tấn thịt hơi các loại (trong đó có 80 vạn tấn thịt lợn, 8 vạn tấn thịt trâu bò và 24 vạn tấn thịt gia cầm).
- 3,5 tỷ quả trứng (trong đó có 500 triệu trứng gà công nghiệp).
- 9.000 tấn sữa và 1.200 tấn mật ong.
- 40 vạn tấn cá, tôm nước ngọt và lợ...

Dự kiến bố trí những chỉ tiêu chủ yếu về kế hoạch chăn nuôi như sau:

- *Đàn lợn*, sê đưa từ 8,73 triệu con (năm 1975) lên 16,5 triệu con (năm 1980), trong đó miền Bắc có 8 triệu con, miền Nam có 8,5 triệu con. Trọng lượng xuất chuồng cũng được nâng lên từ bình quân 48 kg/con lên 55kg/con, trong đó miền Bắc từ 43 kg/con lên 50kg/con, và miền Nam từ 60 kg/con lên 80 kg/con.

- *Đàn trâu*: từ 2,19 triệu con (năm 1975) lên 2,63 triệu con (năm 1980), trong đó miền Bắc có 2,09 triệu con và miền Nam có 55 vạn con. Xây dựng đàn trâu sữa đạt khoảng 1 vạn con, trong đó có 1.000 con bắt đầu được vắt sữa, bố trí ở Phùng Thượng (Hà Nam Ninh), Thanh Chương (Nghệ Tĩnh), Bảo Yên (Hoàng Liên Sơn), Thanh Ba (Vĩnh Phú), Long Khánh (miền Nam).

- *Đàn bò*: từ 1,461 triệu con (năm 1975) phát triển lên 2,100 triệu con (năm 1980), trong đó miền Bắc có 90 vạn con, miền Nam có 1,125 triệu con. Xây dựng đàn bò sữa đạt khoảng 3 vạn con, tập trung chủ yếu ở Mộc Châu và Lâm Đồng, trong đó 9.000 con bắt đầu được vắt sữa. Một số khu công nghiệp và thành phố có yêu cầu về sữa tươi sê quy hoạch những khu vực chăn nuôi bò sữa quy mô nhỏ cỡ 300 - 500 con như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, phát triển rộng rãi các vùng bò thịt từ Thanh Hoá trở vào đến Thuận Hải, miền Đông Nam Bộ, Đắc Lắc, Gia Lai - Kon Tum.

- *Đàn gia cầm* sê phát triển từ 90 triệu con (năm 1975) lên 170 triệu con (năm 1980), trong đó miền Bắc 80 triệu con, miền Nam 90 triệu con. Riêng *đàn gà nuôi theo phương pháp công nghiệp* dự kiến đạt khoảng 8,5 triệu con, và *đàn vịt* để khoảng 10 triệu con.

- *Diện tích nuôi trồng và khai thác các loại thủy, hải sản* sê tăng mạnh, trong đó diện tích nuôi trồng tăng từ 15 vạn hécta lên 40 vạn hécta (mỗi miền Nam Bắc có khoảng 20 vạn hécta), và phần đầu thu được bình quân trên 1 tấn/hécta.

- *Đàn ong* sê phát triển từ 4 vạn đàn (năm 1976) lên 12 vạn đàn (năm 1980), trong đó miền Bắc có 7 vạn đàn và miền Nam có 5 vạn đàn.

Ngoài ra, tuỳ theo khả năng, yêu cầu và đặc điểm từng nơi, những con gia súc, gia cầm khác cũng cần được quan tâm phát triển như *ngựa* ở vùng núi cao để phục vụ vận chuyển tại chỗ; *dê*, chủ yếu ở những vùng núi đá, hải đảo, có thể vừa cho thịt, vừa cho sữa; *thỏ*, ở những vùng săn rau và lá xanh; *ngan, ngỗng*, ở những vùng có nhiều rau, cỏ, v.v..

Nhìn chung, những vùng trọng điểm chăn nuôi lợn và gà, vịt thường cũng là những vùng trọng điểm sản xuất lương thực, nhất là các vùng trọng điểm lúa, phải tận dụng phân chuồng để thâm canh cho lúa và màu. Đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long vừa là những vùng trọng điểm lúa, vừa là những vùng trọng điểm chăn nuôi lợn, vịt và gà. Đồng Nam Bộ và Tây Nguyên là vùng trọng điểm màu và cây công nghiệp, cần tận dụng các loại màu và phát huy năng lực các xí nghiệp chế biến nông sản, chế biến thức ăn gia súc để đẩy mạnh phát triển đàn lợn và đàn gia cầm. Các vùng khác như trung du và miền núi Bắc Bộ, Khu IV cũ, duyên hải Trung Bộ, vừa phải tăng nhanh đàn trâu bò, vừa đẩy mạnh phát triển đàn lợn và gia cầm, để góp phần cân đối tại chỗ nguồn phân bón cho trồng trọt và góp phần tăng thêm các sản phẩm chăn nuôi (thịt, sữa, trứng, da) cho cả nước.

Về tổ chức sản xuất, ở tất cả các vùng miền Bắc, việc chăn nuôi lợn chủ yếu vẫn dựa vào hợp tác xã và gia đình nông dân; đưa đàn lợn thịt do các hợp tác xã chăn nuôi tập thể lên khoảng 1,5 triệu con, với những trại lợn quy mô 50 - 100 tấn thịt/năm. Đối với lợn do gia đình nông dân chăn nuôi, phấn đấu mỗi hộ sản xuất bình quân 80 - 100 kg thịt/năm. Đồng thời, kết hợp với việc mở các nông trường sản xuất lúa và màu, khu vực quốc doanh ở cả hai miền Nam Bắc cần cố gắng phấn đấu nuôi được khoảng 70 vạn lợn thịt. Riêng ở các vùng thịt thực phẩm phục vụ các thành phố và khu công nghiệp, phải xây dựng được một số xí nghiệp quốc doanh

chăn nuôi cỡ 300-500-1.000 tấn thịt lợn/năm, một số xí nghiệp chăn nuôi gà theo phương pháp công nghiệp và một số kho lạnh có công suất dự trữ khoảng 1/2 khối lượng thịt yêu cầu hàng năm của những vùng này, thì mới chủ động được trong việc cung cấp thịt, trứng và bảo đảm được cơ cấu chu chuyển trong khâu nuôi dưỡng đàn lợn thịt.

Về trâu bò, việc chăn nuôi chủ yếu dựa vào quốc doanh và tập thể; đồng thời cũng khuyến khích gia đình chăn nuôi ở những nơi có điều kiện, nhất là ở các vùng đồi núi và những vùng có sẵn nguồn thức ăn. Cần tổ chức tốt việc chăn thả, giải quyết thức ăn và các khâu chuồng trại, chăm sóc, thú y. Đi vào từng vùng, nhiệm vụ cụ thể về trồng trọt và chăn nuôi phải bảo đảm như sau:

a) *Vùng đồng bằng sông Hồng*: với diện tích đất nông nghiệp hiện có khoảng 81,4 vạn hécta và khả năng mở rộng thêm không còn nhiều (chỉ khoảng hơn 10 vạn hécta). Ngoài lúa là cây trồng chính, ở nhiều nơi trong vùng, còn có một số cây màu lương thực như ngô, khoai lang, khoai tây... và một số cây công nghiệp ngắn ngày như mía, đay, cói, dâu tằm... Về chăn nuôi, những sản phẩm chủ yếu có thể phát triển nhanh là: lợn, gia cầm (trong đó có vịt thịt và vịt đẻ), trâu, cá nước ngọt và nước lợ...

Để giảm bớt những khó khăn trong vận chuyển và tạo điều kiện đưa toàn bộ khối lượng lương thực thừa của phía Nam vào dự trữ Nhà nước (tiến tới có thể giành một phần cho xuất khẩu), đồng bằng sông Hồng phải cùng với các vùng khác của phía Bắc phấn đấu bảo đảm cơ bản trang trải tại chỗ được nhu cầu ăn cho cả khu vực phi nông nghiệp và những nơi thiếu lương thực. Để đạt tới mục tiêu này, cần tập trung sức làm tốt việc *thâm canh lúa*, phấn đấu đưa bình quân năng suất lúa từ gần 28 tạ/ha vụ lên 31 tạ/ha vụ. Mặt khác, cần tranh thủ tận dụng mọi khả năng tăng thêm diện tích lúa, như san ghềnh lấp trũng, sử dụng đất mặn, làm thêm công trình thuỷ lợi để lấn úng và tăng vụ; chú ý bảo vệ những ruộng cấy lúa hiện có, không để bị hụt vì xây dựng cơ bản

hoặc vì những cây khác chen vào. Đổi với một số cây công nghiệp ngắn ngày như mía, đay, dâu tằm... chỉ nên giữ vững diện tích như hiện nay và đi vào quy hoạch tập trung để thâm canh hơn nữa. Đồng thời tranh thủ sản xuất thêm nhiều màu theo hai hướng: tích cực mở rộng vụ đông để phát triển mạnh cây khoai tây (phấn đấu có 15 vạn hécta với sản lượng 1,8 triệu tấn củ); đầu tư thêm điều kiện vật chất kỹ thuật và tổ chức lại sản xuất ở các bãi ven sông để hình thành một số vùng chuyên canh trồng hai vụ ngô/năm (phấn đấu có 4 vạn hécta với sản lượng 10 vạn tấn ngô hạt). Như vậy mới có khả năng đưa sản lượng lương thực trong vùng lên trên 4 triệu tấn (trong đó 3,18 triệu tấn thóc và 90 vạn tấn màu quy thóc), đủ bảo đảm nhu cầu ăn tại chỗ và cung cấp cho Nhà nước một triệu tấn thóc hàng hoá.

Kết hợp với đẩy mạnh thâm canh cao độ, tăng năng suất cây trồng, trước mắt phải tập trung sức cho việc cải tạo, bồi dưỡng đất lâu dài và xây dựng đồng ruộng, tạo điều kiện đưa độ đồng đều lên nhanh và làm 2-3 vụ/năm trên toàn bộ diện tích.

Đồng bằng sông Hồng là những vùng có mật độ dân số cao nhất của cả nước. Cùng với việc phân bố lại lao động phát triển các ngành nghề, và đưa hàng triệu người đi xây dựng vùng kinh tế mới, ở đây phải tập trung sức thâm canh cao độ tất cả các loại cây trồng, đặc biệt đối với cây lúa và cây khoai tây. Những biện pháp cần chú ý là: tiếp tục làm tốt công tác hoàn chỉnh thuỷ nông, đưa việc quản lý nước và quản lý các hệ thống thuỷ nông vào nền nếp; giải quyết việc tiêu úng vững chắc cho 20 vạn hécta và xây dựng các công trình tưới cho các vùng bãi sông; hoàn chỉnh bộ giống lúa mùa và tăng cường những điều kiện vật chất kỹ thuật để chống rét cho mạ xuân, kết hợp với việc bố trí hợp lý cơ cấu các loại giống trong từng vụ, để vừa bảo đảm cho hai vụ lúa xuân và mùa đều có năng suất cao, ngày càng vững chắc và đi vào thế ổn định, lại vừa có thể mở rộng được vụ đông và đưa vụ đông lên thành

một vụ sản xuất chính. Cùng với việc chăm sóc tốt đàn trâu bò cày kéo và có kế hoạch chuyển dân số trâu bò kéo ở những địa bàn cày máy sang chăn nuôi sinh sản hoặc chăn nuôi thịt sữa, vùng đồng bằng sông Hồng cần phấn đấu đưa đàn lợn từ 1,7 triệu con hiện nay lên 3,7 triệu con (năm 1980) để sản xuất 10 - 12 triệu tấn phân chuồng và 8 - 10 vạn tấn thịt hàng hoá. Đồng thời, ở đây còn phải phát triển rất mạnh bèo dâu, điền thanh và tích cực đưa vào làm chất đốt, dành rạ lại cho ruộng, để cùng với số phân chuồng, phân xanh nói trên tạo ra khối lượng phân hữu cơ đủ bón 8-10 tấn/hécta vụ. Phải có kế hoạch tập trung lân, vôi, apatít... cho 25 vạn hécta ruộng chua, trũng. Hoàn chỉnh hệ thống giống lúa từ tỉnh đến hợp tác xã, bảo đảm tăng được diện tích gieo cấy các giống lúa mới (80% đổi với lúa chiêm xuân; 70% đổi với lúa màu); tổ chức tốt việc giữ giống và đổi giống khoai tây; cung cấp giống tốt cho ngô.

b) *Trung du và miền núi Bắc Bộ:* Tuy có diện tích tự nhiên lớn nhất (trên 9,8 triệu hécta), nhưng đất nông nghiệp mới có 1,11 triệu hécta và cũng chỉ có khả năng mở thêm hơn 80 vạn hécta nữa. Những đặc điểm chủ yếu ở đây là: địa hình chia cắt, núi đồi xen kẽ với những thung lũng nhỏ hẹp và những vùng tiểu khí hậu rất khác nhau; đất đai thường bị xói mòn và một bộ phận đã bị bạc màu nghiêm trọng; diện tích đồi trọc chiếm một tỷ lệ khá lớn; khả năng mở thêm đất trồng lúa rất hạn chế, nhưng khả năng phát triển màu (ngô, đậu đỗ, dong riêng và nhất là sắn) còn lớn. Vùng này còn có khả năng mở rộng một số cây có dầu dài ngày (trầu, sả), một số cây ăn quả và một số cây dược liệu quý. Về chăn nuôi, hướng chủ yếu là trâu bò sinh sản và lợn; một số vùng có khí hậu lạnh (như Mộc Châu, Than Uyên...) rất phù hợp với bò sữa; ngoài ra, một số vùng cao có thể phát triển ngựa và những nơi có núi đá có thể phát triển dê. Nghề rừng có vị trí rất quan trọng cả về mặt phòng hộ và kinh doanh.

Do những đặc điểm nói trên, trong sản xuất nông nghiệp, đi đôi với việc mở thêm diện tích, phải rất chú ý thâm canh

và tăng vụ, cả trên đất bằng, đất dốc, đất trồng lúa, đất trồng màu và cây công nghiệp. Về sản xuất lương thực, cần phấn đấu đưa năng suất bình quân lúa từ xấp xỉ 20 tạ/hécta vụ lên 24 tạ/hécta vụ, để có sản lượng thóc cả năm 1,67 triệu tấn, tăng hơn so với hiện nay gần 30 vạn tấn. Đặc biệt coi trọng sản xuất màu, chú ý tập trung đẩy mạnh ba cây ngô, sắn, khoai lang bằng tăng vụ, mở thêm diện tích mới và thâm canh (không kể việc phát triển thêm các cây dong riêng, mì, mạch, khoai sọ... ở những nơi có điều kiện), cố gắng đạt sản lượng màu quy thóc khoảng 1,2 triệu tấn, bằng gần 42% sản lượng lương thực của vùng, trong đó ngô hạt là 28,4 vạn tấn, sắn củ tươi là 1,5 triệu tấn. Riêng các tỉnh trung du phấn đấu đạt sản lượng lương thực khoảng 1,3 triệu tấn, tăng hơn so với hiện nay 45 vạn tấn, trong đó thóc tăng 15 vạn tấn và màu quy thóc tăng 30 vạn tấn, để vừa đáp ứng nhu cầu ăn cho nhân dân tại chỗ, vừa cung cấp cho Nhà nước 15 - 18 vạn tấn lương thực hàng hoá. Các tỉnh miền núi cũng phải vươn lên giải quyết lương thực tại chỗ với mức cố gắng cao nhất, phấn đấu tăng thêm 62 vạn tấn lương thực, trong đó riêng màu quy thóc tăng thêm 50 vạn tấn.

Trung du và miền núi Bắc Bộ còn phải chú ý xây dựng nhanh một số vùng sản xuất tập trung cây công nghiệp và cây ăn quả như: lạc (khoảng 1,6 vạn hécta), thuốc lá (khoảng 1 vạn hécta), chè (khoảng 4,7 vạn hécta), dứa và cam (từ 2 đến 3 vạn hécta)... và một số vùng đồng cỏ chăn nuôi (Mộc Châu, Than Uyên...). Mặt khác, cần sử dụng tốt cả hai lực lượng quốc doanh và hợp tác xã, đi vào bảo vệ rừng, trồng rừng, kinh doanh rừng, kết hợp chặt chẽ nông nghiệp với lâm nghiệp.

Những biện pháp chủ yếu cần chú ý là: Kết hợp với việc Nhà nước đầu tư xây dựng thêm một số công trình thuỷ lợi, cần phát động phong trào quần chúng làm nhiều hồ, đập nhỏ để giữ nước trên đồi, trồng cây giữ ẩm, gắn với xây dựng đồng ruộng, đồi nương để bảo vệ đất và chống xói mòn, nhất là đối với những vùng khai hoang, mở thêm diện tích mới; phát triển rộng rãi các loại cây phân xanh, các loại cây họ đậu, tổ chức việc sản xuất vôi và đá nghiền, khai thác và tận dụng các loại phân chuồng, phân trấp và tất cả các nguồn phân sẵn có tại địa phương để phục vụ việc cải tạo đất; phân bối lại lao động trong hợp tác xã để tạo điều kiện giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm, đồng thời mở mang sản xuất toàn diện, phát huy được các thế mạnh của vùng đồi núi là chăn nuôi, cây công nghiệp, nghề rừng; quy hoạch lại các khu vực sản xuất và dân cư để chuẩn bị tiếp nhận thêm lao động ở những nơi còn khả năng mở thêm diện tích mới; thực hiện bằng được việc định canh định cư ở những nơi còn tập quán phá rừng làm rẫy.

c) *Vùng Thanh Nghệ Tĩnh, Bình Trị Thiên*: Diện tích tự nhiên có hơn 5 triệu hécta, nhưng đất nông nghiệp mới có 75 vạn hécta và có khả năng mở rộng thêm trên 75 vạn hécta nữa. Cùng với khả năng thâm canh lúa ở các cánh đồng bằng ven biển, vùng Thanh Nghệ Tĩnh, Bình Trị Thiên còn có khả năng phát triển mạnh vụ màu mùa khô (nhất là khoai lang và đậu đỗ), phát triển các cây màu lương thực trồng cạn trên đất dốc (nhất là sắn) và xây dựng một số vùng ngô chuyên canh ở các bãi ven sông. Cây công nghiệp chủ yếu là mía, lạc, thuốc lá; ngoài ra còn có thể phát triển cà phê, chè, hồ tiêu... và một số cây ăn quả trên những vùng đất đỏ. Về chăn nuôi, có thể đẩy mạnh phát triển bò, trâu, lợn, cá, gia cầm. Riêng các vùng đồi núi, phải đẩy mạnh nghề rừng.

Trong những năm trước mắt, hướng chủ yếu của Thanh Nghệ Tĩnh, Bình Trị Thiên là: Khẩn trương đẩy mạnh công tác thuỷ lợi để mở rộng thêm diện tích tưới nước và sớm hoàn thành các công trình tiêu nước cho các vùng từ Thanh Hoá và

Nghệ Tĩnh trở vào; phấn đấu tăng thêm 7 vạn hécta gieo trồng lúa so với hiện nay và đưa năng suất lúa từ 18 tạ/hécta vụ lên 22 tạ/hécta vụ, để có sản lượng thóc khoảng 1,65 triệu tấn (tăng so với hiện nay hơn 40 vạn tấn); đồng thời phải tích cực mở thêm diện tích và thâm canh các loại màu, nhất là sắn, khoai, ngô (riêng vùng đất cát ven biển có thể phát triển cả cây kê), cố gắng đưa sản lượng màu quy thóc lên trên 1 triệu tấn (bằng 40% sản lượng lương thực của vùng), trong đó ngô hạt khoảng 22 vạn tấn, khoai lang và sắn tươi gần 2 triệu tấn, thì mới cơ bản giải quyết được lương thực tại chỗ.

Cùng với việc thâm canh lúa và phát triển màu như trên, cần chú ý đưa nhanh một số cây công nghiệp và cây ăn quả đi vào hướng sản xuất tập trung như: mía (8.400 hécta), lạc (2,1 vạn hécta), dâu tằm (1.500 hécta), chè (1 vạn hécta), cà phê (1 vạn hécta), dứa và cam (1,6 vạn hécta), v.v..

Đối với từng tiểu vùng đồng bằng, trung du và miền núi của Thanh Nghệ Tĩnh, Bình Trị Thiên, cũng phải tạo ra được những chuyển biến mới theo hướng của các vùng đồng bằng trung du, miền núi Bắc Bộ đã nêu ở phần trên. Ngoài ra, cần đặc biệt chú trọng việc đầu tư lao động cho xây dựng cơ bản như: làm thuỷ lợi, phát triển giao thông nông thôn, xây dựng đồng ruộng... và tích cực phân bối lại lao động cho nghề rừng, nghề cá và cho việc khai hoang, xây dựng các vùng kinh tế mới trong nội bộ từng tỉnh, từng huyện.

d) *Vùng duyên hải Trung Bộ*: Diện tích tự nhiên có trên 4,4 triệu hécta, nhưng đất nông nghiệp mới có 46 vạn hécta và còn khả năng mở thêm khoảng 65 vạn hécta. Duyên hải Trung Bộ có khả năng đẩy mạnh thâm canh trên những cánh đồng ven biển để phát triển mạnh hai vụ lúa (tháng 3 và tháng 8) với các loại giống mới, và từng bước thu hẹp diện tích lúa gieo thẳng nhờ nước trời; phát triển mạnh các loại hoa màu lương thực (nhất là khoai lang và đậu đỗ ở đồng bằng; sắn ở vùng ven biển và vùng bán sơn địa; ngô ở các bãi ven sông...); phát triển một số cây công nghiệp như: mía, lạc, dâu tằm, thuốc lá và một số cây ăn quả như dứa, chuối, xoài.

Từ Phú Khánh trở vào, do thời tiết ít mưa, mùa khô kéo dài và độ ẩm không khí thấp, còn có khả năng phát triển mạnh cây bông và có thể hình thành vùng bông lớn nhất, tập trung nhất của cả nước. Về chăn nuôi, duyên hải Trung Bộ cần duy trì và phát triển bò đàm, trâu, phát triển lợn, gia cầm, cá nước ngọt và nước lợ.

Trong những năm trước mắt, duyên hải Trung Bộ phải nhanh chóng khôi phục và phát huy hết năng lực các công trình thuỷ lợi đã có, đồng thời làm thêm một số công trình (chủ yếu là các hồ chứa nước loại vừa và nhỏ và các trạm bơm) để đưa diện tích tưới hai vụ ăn chắc cho lúa lên khoảng 18 - 20 vạn hécta, trên cơ sở đó, tăng thêm diện tích gieo trồng lúa cả năm 13 vạn hécta và đưa năng suất bình quân của lúa từ 22,5 tạ/hécta vụ lên 24,3 tạ/hécta vụ, để có sản lượng thóc khoảng 1,3 triệu tấn, tăng hơn so với hiện nay 40 vạn tấn. Mặt khác, phải rất chú ý việc mở rộng thêm diện tích và thâm canh các loại màu, nhất là sắn, khoai, ngô; tranh thủ thời tiết thuận lợi của mùa khô kéo dài để thu hoạch và chế biến màu; phấn đấu có khoảng 60 vạn tấn màu quy thóc, trong đó có 10 vạn tấn ngô và cao lương, 1,5 triệu tấn sắn và khoai lang củ, thì mới cơ bản giải quyết được lương thực tại chỗ.

Duyên hải Trung Bộ còn phải phát triển mạnh một số cây công nghiệp và cây ăn quả theo hướng tập trung như mía (1,4 vạn hécta), thuốc lá (5.000 hécta), lạc (3,2 vạn hécta), dứa và chuối (vài vạn hécta), trong đó có khả năng xây dựng vùng chuối xuất khẩu 1,5 vạn hécta ở vùng theo trục đường 19 và vùng dứa xuất khẩu hàng vạn hécta ở Quảng Nam - Đà Nẵng, tương đối thuận lợi cho việc vận chuyển ra cảng Quy Nhơn và Đà Nẵng.

Đặc biệt đối với cây bông, cần tranh thủ hoàn thành sớm các công trình thuỷ lợi để cung cấp đủ nước tưới và chú ý giải quyết đủ bơm, đủ thuốc sâu để đến 1980 có thể mở ra được ít nhất 6,5 vạn hécta, tập trung chủ yếu ở Thuận Hải, Phú

Khánh. Trong trường hợp chưa giải quyết kịp thuỷ lợi, nên nghiên cứu, mạnh dạn chuyển một số diện tích lúa đã được tưới nước ở những nơi có khí hậu phù hợp nói trên sang trồng bông để giảm bớt căng thẳng về nguyên liệu cho các nhà máy dệt. Ở những nơi này, sau khi đã tích cực khai hoang, tăng vụ, mở thêm diện tích trồng màu và thâm canh màu, nhưng lương thực vẫn thiếu, thì Nhà nước phải có chính sách bán bù. Cần chú ý việc trang bị các cơ sở cán bộ, đóng kiện bông và các kho tàng cần thiết cho vùng bông.

e) *Vùng Tây Nguyên:* ở độ cao trên dưới 700mét so với mặt biển, Tây Nguyên có diện tích tự nhiên 5,4 triệu hécta, nhưng đất nông nghiệp mới có 25 vạn hécta và còn khả năng mở rộng thêm khoảng 1,25 triệu hécta nữa.

Là cao nguyên tương đối bằng phẳng, bao gồm nhiều vùng đất đai đồng nhất và khá tốt (trong đó có hơn 1 triệu hécta đất đỏ badan là loại đất rất thích hợp với các cây công nghiệp quý), Tây Nguyên chẳng những có điều kiện sớm đi vào chuyên canh mà còn khá thuận lợi cho việc cơ giới hóa. Bên cạnh mùa mưa tập trung với lượng mưa tương đối lớn, hằng năm, ở đây còn có mùa khô kéo dài với độ bốc hơi cao, nên cần có phương thức sử dụng đất đai và có sự bố trí cơ cấu cây trồng, cơ cấu mùa vụ rất hợp lý... Do những đặc điểm nói trên, Tây Nguyên tuy không có điều kiện mở thêm nhiều diện tích lúa nước, nhưng lại có tiềm năng lớn về màu (sắn, ngô, đậu tương, cao lương...), về cây công nghiệp (cà phê, chè, mía, cao su...) và về chăn nuôi (trâu, bò thịt, lợn, gia cầm...). Đặc biệt Lâm Đồng, với độ cao và khí hậu phù hợp, sẽ là một trong những vùng sản xuất tập trung tương đối lớn của cả nước về dâu tằm, chè, rau quả, giống khoai tây và bò sữa.

Ngoài ra, Tây Nguyên còn có tiềm năng lớn về nghề rừng, hiện còn trên 2 triệu ha rừng tự nhiên, mà phần lớn là rừng tốt,

và còn khoảng 70 - 80 vạn hécta đất trọc phải được trồng cây. Trong những năm trước mắt, cùng với việc đẩy mạnh xây dựng cơ bản đồng ruộng, đồi nương để thực hiện định canh định cư cho đồng bào các dân tộc, Tây Nguyên cần tận dụng mọi khả năng để thâm canh và mở rộng thêm một số diện tích lúa nước, đồng thời tích cực thâm canh lúa trồng cạn (lúa nương) mà nhân dân vốn đã có tập quán, phấn đấu đưa diện tích lúa cả năm lên khoảng 18 - 20 vạn hécta (tăng hơn hiện nay 5 vạn hécta), đưa năng suất bình quân từ 16 tạ/ha vụ lên 18 tạ/hécta vụ để có sản lượng thóc khoảng 34 vạn tấn (tăng hơn hiện nay 12 vạn tấn). Mặt khác, phải đặc biệt chú trọng phát triển các loại màu có hạt như ngô, đậu, đỗ, cao lương và các loại màu có củ, nhất là cây sắn cần sản xuất tập trung và chế biến thành hàng hoá. Sắn chính vụ ở đây thường trồng vào tháng 4-5 và thu hoạch vào mùa khô, bắt đầu từ tháng 10, nên việc xắt phoi và chế biến rất thuận lợi. Điều quan trọng là phải bảo đảm đúng quy trình thâm canh trên đất dốc để tránh xói mòn và tránh làm hỏng đất. Phấn đấu đưa sản lượng màu quy thóc lên 56,7 vạn tấn, bằng khoảng 60% sản lượng lương thực, trong đó ngô hạt và cao lương gần 15 vạn tấn, sắn củ tươi 1 triệu tấn.

Đối với việc khai hoang, xây dựng một số vùng chuyên canh cây công nghiệp như: vùng cà phê (Buôn Ma Thuột và Gia Lai - Kon Tum), vùng chè và dâu tằm (Lâm Đồng), vùng cao su (Đắc Lắc, Gia Lai - Kon Tum), vùng bông (Cheo Reo), vùng lạc - ngô - đậu tương (Krông Bách, Gia Lai, Đắc Lắc), cần khẩn trương xúc tiến công tác điều tra quy hoạch và làm thiết kế, để có thể triển khai việc tiếp nhận lao động và sớm đi vào sản xuất.

Cùng với việc phát động nhân dân tích cực xây dựng đồng ruộng, đồi nương, trồng cây, giữ ẩm và cố gắng bố trí thời vụ gieo trồng phù hợp với mùa mưa để tận dụng nước trời, Nhà nước cần tranh thủ xây dựng và hoàn thành sớm các công trình thuỷ lợi đã dự kiến (như các hồ chứa nước ở Đắc Lắc, Gia Lai, Kon Tum; các trạm bơm trên các sông Krông Ana và

sông Iadun; các giếng nước ăn cho các vùng kinh tế mới và các vùng định canh, định cư...), để có thể chủ động tưới hai vụ ăn chắc cho 5 vạn hécta lúa nước và một số diện tích màu, cây công nghiệp đã nói ở trên.

Về rừng, đi đôi với việc bảo vệ, chăm sóc, khoanh nuôi những rừng hiện còn, phải đưa việc khai thác gỗ và các loại lâm sản vào quy hoạch, kế hoạch, đồng thời phải hướng dẫn, kiểm tra việc khai thác một cách chặt chẽ. Kết hợp với việc trồng các cây công nghiệp dài ngày (như cao su, cà phê, chè...) ở đây cũng phải đặt rõ hơn nữa việc trồng rừng và có quy hoạch về trồng rừng (kể cả rừng phòng hộ và rừng kinh doanh).

g) *Vùng Đông Nam Bộ:* Diện tích tự nhiên có 2,4 triệu hécta, nhưng đất nông nghiệp mới có 35,7 vạn hécta và còn khả năng mở thêm 70 - 80 vạn hécta nữa.

Đây là một vùng khí hậu nhiệt đới điển hình, phân ra hai mùa mưa và khô rõ ràng. Với đặc điểm phần lớn đất là đất xám và đất đỏ, tương đối bằng phẳng và tốt, thành phần cát giới nhẹ, giữ nước kém. Đông Nam Bộ cũng là một vùng tuy không có nhiều khả năng mở rộng thêm diện tích lúa nước, nhưng lại rất phù hợp với việc phát triển màu (ngô, cao lương, sắn), các loại cây công nghiệp (đậu tương, lạc) và cây ăn quả (cam, quýt, dứa, chuối). Đặc biệt cây cao su, đã trồng từ lâu, hiện nay vẫn còn nhiều khả năng mở rộng. Riêng hai tỉnh Tây Ninh và Sông Bé có thể trở thành vùng mía đường lớn nhất của cả nước. Về chăn nuôi, nếu khéo tận dụng các phụ phẩm, phế phẩm nông nghiệp và công nghiệp, và nếu dựa tốt vào hệ thống các cơ sở chế biến sẵn có, Đông Nam Bộ có nhiều khả năng phát triển bò thịt, lợn, gia cầm (kể cả gà nuôi theo phương pháp công nghiệp cho thịt và trứng).

Trong những năm trước mắt, Đông Nam Bộ cần phấn đấu đưa diện tích gieo trồng lúa từ 30 vạn hécta lên 43 vạn hécta (tăng thêm 13 vạn hécta) và đưa năng suất lúa bình quân từ 19 tạ/hécta vụ lên 22 tạ/hécta vụ, để có sản lượng lúa khoảng

96 vạn tấn (tăng hơn hiện nay 38 vạn tấn). Đồng thời phải phát triển thật mạnh diện tích và tích cực thâm canh các loại màu, nhất là đối với cây ngô, sắn và cao lương, phấn đấu đưa sản lượng màu quy thóc lên khoảng 58,4 vạn tấn, bằng 35% sản lượng lương thực của cả vùng, trong đó riêng ngô hạt và cao lương là 25 vạn tấn, sắn tươi là 1 triệu tấn.

Là vùng nông nghiệp sát với vùng công nghiệp Biên Hoà và thành phố Hồ Chí Minh, thuận lợi về vận chuyển và giao lưu, lại có sẵn một số cơ sở chế biến, việc sản xuất màu ở đây phải được đẩy mạnh và thực sự trở thành sản xuất hàng hoá. Theo hướng này, tất cả những đất đai đã quy hoạch cho việc trồng cây công nghiệp dài ngày và cây ăn quả nhưng chưa có khả năng mở ra ngay, cũng cần tranh thủ đưa vào trồng màu, hoặc kết hợp việc trồng những cây dài ngày với trồng màu, thực hiện phương châm lấy ngắn nuôi dài, cho đến khi những cây dài ngày khép được tán. Đông Nam Bộ còn có khả năng mở rộng cây đậu tương, đưa cây đậu tương vào cơ cấu trồng luân canh, thâm canh và tăng vụ ở các vùng trồng ngô; sớm hình thành các vùng chuyên canh lớn về đậu tương, lạc, mía, cao su; và đến năm 1980 phải đạt: đậu tương 5,4 vạn hécta, lạc 4,6 vạn hécta, mía 7 vạn hécta, thuốc lá 7.500 hécta, cao su 10 vạn hécta.

Để làm được những nhiệm vụ trên, công tác thuỷ lợi ở đây vừa phải khép kín được hệ thống đê ngăn mặn ven biển, vừa phải kết hợp tốt giữa Nhà nước và nhân dân cùng làm nhiều hồ, đập giữ nước và ngăn nước để có thể chủ động tưới tiêu hai vụ cho 20 vạn hécta lúa, cho một số diện tích sản xuất tập trung màu và cây công nghiệp như mía, ngô... và giải quyết nước sinh hoạt cho 1,5 - 2 triệu dân ở các vùng kinh tế mới. Về các công trình loại vừa và tương đối lớn do Nhà nước đầu tư, cần sớm xây dựng và hoàn thành các hồ Liên Khuông, đập, kênh và cống Rạch Chiếc, Dầu Tiếng và các

trạm bơm ven sông Đồng Nai, Vành Cổ, Sài Gòn... Xúc tiến nghiên cứu thiết kế những đập chứa lớn (La Ngà, Tri An) để tạo thêm nguồn nước và nguồn thuỷ điện rất quan trọng cho các kế hoạch sau.

h) *Vùng đồng bằng sông Cửu Long:* Diện tích tự nhiên có hơn 4 triệu hécta, nhưng đất nông nghiệp mới có khoảng 2 triệu hécta và còn khả năng mở thêm 90 vạn hécta nữa.

Là vụa lúa lớn nhất của cả nước, đồng bằng sông Cửu Long có nguồn ánh sáng và nhiệt độ dồi dào, rất phù hợp với sự phát triển của cây lúa. Đất đai ở đây thuộc loại tương đối nặng, có hàm lượng chất hữu cơ khá cao nhưng rất nghèo lân đẽ tiêu. Đáng chú ý, trên mức độ khác nhau, phần lớn đất bị ảnh hưởng của phèn; riêng ở ven biển, còn chịu ảnh hưởng khá sâu của mặn. Ngoài lúa là cây trồng chính, một số nơi trong vùng còn có khả năng phát triển một số loại màu trong mùa khô như: ngô, cao lương, khoai lang, đậu tương, lạc... Những vùng mới khai hoang, sau khi lên lấp, xả phèn, có thể trồng sắn, hoặc dứa... để góp phần vào việc rửa chua trước khi cấy lúa. Về chăn nuôi, đồng bằng sông Cửu Long có khả năng lớn đối với việc phát triển lợn, vịt, cá, ong...

Để góp phần chủ yếu vào 10,5 triệu tấn thóc của miền Nam, trong một số năm trước mắt, đồng bằng sông Cửu Long phải phấn đấu làm tốt công tác thuỷ lợi và giải quyết tốt sức kéo, tạo mọi điều kiện đưa diện tích gieo trồng lúa từ hơn 2 triệu hécta lên 2,95 triệu hécta, bao gồm lúa vụ đông xuân 50 vạn hécta, lúa vụ hè thu 80 vạn hécta và lúa vụ mùa 1,65 triệu hécta (tăng thêm so với hiện nay 95 vạn hécta, trong đó khai hoang đưa vào trồng lúa 35 vạn hécta và tăng vụ 60 vạn hécta). Đồng thời phải nâng cao trình độ thâm canh, đưa

năng suất bình quân từ 23 tạ/hécta vụ lên 27 tạ/hécta vụ, nhằm đạt sản lượng thóc cả năm gần 8 triệu tấn (tăng hơn hiện nay trên 3 triệu tấn), để vừa bảo đảm nhu cầu tại chỗ, vừa cung cấp cho Nhà nước khoảng 3 triệu tấn thóc.

Để làm được nhiệm vụ to lớn ấy, đi đôi với phát động phong trào quần chúng tiến công mạnh mẽ vào mặt trận thuỷ lợi, đồng bằng sông Cửu Long phải được cung cấp các loại thiết bị, công cụ và vật tư để đào khoảng 30 con kênh lớn, xây dựng 600 trạm bơm tưới và 200 trạm bơm tiêu, với nhu cầu khoảng 18 - 20 vạn kw công suất điện, đồng thời tập trung chỉ đạo xây dựng nhanh các công trình thuỷ lợi đã được duyệt. Trong trường hợp chưa xây dựng kịp các trạm bơm điện, phải tạm thời dùng bơm dầu hoặc điện diêden. Hướng lâu dài là phải tiến tới giải quyết triệt để công tác thuỷ lợi, kết hợp với làm tốt khâu chỉ đạo thời vụ và công tác giống để có thể trồng hai vụ lúa trên toàn bộ diện tích, và tăng thêm một vụ màu hoặc cây công nghiệp ngắn ngày nữa ở những nơi có điều kiện.

Để tạo điều kiện thâm canh và tăng thêm diện tích lúa, đồng bằng sông Cửu Long phải chú ý làm tốt một số biện pháp sau đây: Cùng với việc đầu tư của Nhà nước cho các công trình lớn, cần phát động cao trào quần chúng làm thuỷ lợi nhỏ ở khắp các địa phương, nhất là đắp bờ, giữ nước, đào và nạo vét các kênh mương chán rết đưa nước vào đồng ruộng; bố trí lại mùa vụ theo sự hướng dẫn về quy trình sản xuất của Bộ Nông nghiệp, chấm dứt tình trạng gieo cấy và thu hoạch lai nhai, không có thời vụ; tích cực vận động làm chuồng gia súc để lấy phân, phát động phong trào làm phân xanh bằng các cây họ đậu ở địa phương (như điền điền, điền thanh, bèo dâu...) và tận dụng tất cả các nguồn phân sẵn có; bảo đảm cung cấp kịp thời phân đạm bón cho lúa; cố gắng đưa 40 - 50

vạn tấn apatít nghiên để cải tạo từng bước những vùng đất chua phèn; tăng cường việc nghiên đá vôi và phát triển vôi nung bón ruộng ở những nơi có điều kiện; mở rộng việc dùng giống lúa mới cho toàn bộ diện tích vụ xuân, hè thu và một phần vụ mùa; sử dụng tốt số máy kéo hiện có và cung cấp thêm máy kéo cho những vùng không có trâu bò cày bừa, bảo đảm giải quyết được việc làm đất bằng máy cho 2,5 triệu hécta gieo trồng không có sức kéo.

Ngay trong kế hoạch 5 năm này, đồng bằng sông Cửu Long còn phải đẩy mạnh sản xuất tập trung một số cây màu lương thực, cây công nghiệp và cây ăn quả, như ngô (7,5 vạn hécta), cao lương (5,2 vạn hécta), đậu tương (12 vạn hécta) ở các bãi ven sông và trên những diện tích mới trồng một vụ lúa nổi; săn (7,5 vạn hécta), dứa (5 vạn hécta) trên những đất chua phèn, chưa được cải tạo; dừa ở ven biển và ven các sông, kênh, rạch nhưng không được để lấn vào đất lúa; đay (6 vạn hécta), cói (khoảng 1 vạn hécta), v.v. với tinh thần phải có quy hoạch và bố trí sản xuất chặt chẽ để sử dụng hợp lý đất đai.

II- Về sản xuất lâm nghiệp

Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, nghề rừng cần được phát triển mạnh theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và phải nhanh chóng trở thành một ngành kinh tế quan trọng. Tất cả các khâu trồng, tu bổ, bảo vệ rừng và khai thác rừng đều cần được coi trọng.

Phải kiên quyết bảo vệ và giữ nguyên diện tích 9,5 triệu hécta rừng hiện còn (trong đó có 30 vạn hécta rừng mới trồng và 3,4 triệu hécta rừng gỗ trung bình và giàu). Việc khai hoang thêm 1 triệu hécta đất nông nghiệp phải nhầm vào

những đất hiện nay không có rừng hoặc rừng kiệt và rừng lùm bụi. Đôi với những rừng còn trữ lượng gỗ ít, cần giảm bớt chỉ tiêu khai thác để rừng kịp tái sinh, và tích cực tạo điều kiện để khai thác tập trung vào những rừng còn trữ lượng lớn. Đồng thời kết hợp với công tác định canh định cư, nhanh chóng chấm dứt tệ đốt phá rừng làm nương rẫy; tích cực thực hiện việc giao đất, giao rừng cho hợp tác xã quản lý kinh doanh, đẩy mạnh việc bảo vệ, tu bổ rừng. Những diện tích rừng cần thiết cho việc bảo vệ cây và thú, rừng gỗ quý, rừng đầu nguồn, rừng di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh, rừng nghiên cứu khoa học (công tất cả các loại rừng này khoảng 2 triệu hécta) cần được khoanh lại kịp thời, và tuỳ theo từng loại mà xếp hạng, phân cấp cho từng cơ quan, từng địa phương quản lý, bất cứ lực lượng nào cũng không được khai thác và săn bắn.

Về trồng rừng, phải kiên quyết thực hiện bằng được chỉ tiêu trồng 1,2 triệu hécta trong 5 năm. Phải hoàn thành việc phục hồi 14 vạn hécta đai rừng chắn cát, chắn gió ven biển, 15 vạn hécta rừng đầu nguồn xung yếu ở Tây Bắc, Việt Bắc, Khu IV cũ và miền Tây các tỉnh duyên hải Trung Bộ, và 6 vạn hécta rừng ngập mặn (tràm, đước) ở Tây Nam Bộ. Đồng thời, dựa vào lực lượng quốc doanh và hợp tác xã, thực hiện việc trồng tập trung một số diện tích rừng kinh doanh, phục vụ công nghiệp và xuất khẩu, trong đó có:

- 18,6 vạn hécta rừng trụ mỏ, tập trung chủ yếu ở vùng đồng bắc, phục vụ cho than Quảng Ninh.
- 37,8 vạn hécta rừng nguyên liệu giấy sợi, tập trung chủ yếu ở Hà Tuyên, Hà Sơn Bình, Hoàng Liên Sơn, Vĩnh

Phú và vùng Khu IV cũ, ven các sông Hồng, sông Đà, sông Lô, sông Mã.

- 37 vạn hécta rừng gỗ củi; phủ xanh các đồi trọc rải rác ở các địa phương.

- Hơn 6 vạn hécta rừng các cây đặc sản như quế ở Quảng Nam, Nghĩa Bình, Thanh Hoá, hồi và cây làm chủ cán kiến ở Cao Lạng, Quảng Ninh, Hoàng Liên Sơn, Thanh Hoá, Hà Sơn Bình...

Ngoài ra, còn phải tu bổ 1 triệu hécta rừng nghèo, vận động và giúp đỡ nhân dân trồng phân tán ngoài quy hoạch để lấy gỗ, củi gia dụng khoảng 1,6 tỷ cây (tức 80 vạn hécta) ở quanh nhà, quanh vườn, quanh làng xóm, ven đường và trên những đất trống, đồi trọc, xen kẽ bao quanh các khu dân cư.

Đi vào từng vùng, việc trồng tập trung một số loại rừng kể trên được phân bố như sau:

a) *Miền núi và trung du Bắc Bộ*: các tỉnh Quảng Ninh, Cao Lạng, Hà Bắc, Bắc Thái, trồng 20 vạn hécta, các tỉnh Hà Tuyên, Hoàng Liên Sơn, Vĩnh Phú trồng gần 18 vạn hécta, các tỉnh Sơn La, Lai Châu trồng 3,5 vạn hécta.

b) *Đồng bằng sông Hồng*: các tỉnh Hải Hưng, Thái Bình, Hải Phòng trồng 1.500 hécta phi lao và sú vẹt; Hà Sơn Bình trồng hơn 3 vạn hécta mõ, bồ đề, tre và cây chủ cán kiến.

c) *Khu IV cũ*: các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ Tĩnh, Bình Tri Thiên trồng 23 vạn hécta.

d) *Duyên hải Trung Bộ*: trồng 22 vạn hécta trong đó có 8 vạn hécta phi lao chống cát và gió ven biển.

Những nơi có khả năng trồng dừa thích hợp, cũng có thể kết hợp việc trồng cây ven biển với việc trồng dừa, hình thành những rừng dừa tập trung lớn.

e) *Tây Nguyên*: trồng 8 vạn hécta gồm các cây thông nhựa, thông 3 lá, thông 2 lá, tre... nhằm tạo những vùng nguyên liệu giấy sợi tập trung và cung cấp gỗ cho xây dựng cơ bản, cung cấp nhựa cho xuất khẩu.

g) *Đông Nam Bộ*: trồng 4,2 vạn hécta, bao gồm các cây chính là thông, teck, sao, vân vân...

h) *Đồng bằng sông Cửu Long*: trồng lại 6 vạn hécta rừng ngập mặn, chủ yếu là các cây tràm và đước.

Trong số 1,2 triệu hécta rừng phải trồng tập trung ở các vùng nói trên, dự kiến quốc doanh phải phụ trách hơn 60 vạn hécta (riêng quân đội sẽ đảm nhiệm hơn 22 vạn hécta), khu vực hợp tác xã phụ trách 57 vạn hécta.

Về khai thác gỗ, đẩy mạnh việc làm các đường lâm nghiệp, nâng cấp các đường trực, làm đủ các đường nhánh đến tận các khu vực có gỗ, bảo đảm thuận lợi cho việc khai thác và vận chuyển. Chú ý trang bị thêm các công cụ chặt hạ, các phương tiện vận chuyển và các máy móc, thiết bị phục vụ việc khai thác, như cưa máy cầm tay, tời, máy kéo cho những đội lao động chuyên trách việc khai thác trong các hợp tác xã và các lâm, nông trường. Đối với miền Nam, phải làm tốt việc cải tạo các lực lượng khai thác tư nhân.

Phấn đấu đưa sản lượng gỗ khai thác năm 1980 lên khoảng 3,5 triệu mét khối, miền Bắc 1,5 triệu mét khối, miền Nam 2 triệu mét khối. Cần tận dụng các loại gỗ cành, ngọn; quan tâm đến các khâu bảo quản, chế biến và hết sức tiết kiệm gỗ.

Ngoài ra, phải đẩy mạnh việc khai thác và sử dụng tre, mây, song để làm giường, làm bàn ghế và làm các mặt hàng

thủ công xuất khẩu.

Để thực hiện những nhiệm vụ sản xuất lâm nghiệp này, cần chú ý:

- Từ hướng phân vùng, quy hoạch chung đối với nông, lâm nghiệp, nhanh chóng quy hoạch rõ phần đất lâm nghiệp, xác định rõ những nội dung công việc cụ thể phải làm trong 5 năm này về trồng rừng, tu bổ, bảo vệ rừng và kinh doanh rừng từ trên địa bàn huyện xuống tận các đơn vị sản xuất.

- Sớm tạo thêm những cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết cho nghề rừng, như hệ thống rừng giống và vườn ươm, mạng lưới đường lâm nghiệp, công cụ và thiết bị chuyên dùng, nhất là đối với những khâu lao động nặng nhọc và khẩn trương và các dụng cụ bảo hộ lao động, v.v..

- Tăng cường thật mạnh lực lượng lao động chuyên trách về kinh doanh rừng ở các hợp tác xã và nông, lâm trường, trong đó đặc biệt chú ý các đội lao động trồng, tu bổ và chăm sóc rừng.

- Nhanh chóng cụ thể hóa chính sách giao đất, giao rừng cho hợp tác xã và bổ sung thêm những phần chưa đầy đủ của chính sách đầu tư, cho vay, chính sách khuyến khích lao động nghề rừng và chính sách cung cấp lương thực cho những nơi cần thiết.

- Đào tạo và tăng cường đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật và quản lý kinh tế lâm nghiệp (nhất là cho huyện và cho hợp tác xã), đồng thời bồi dưỡng, sử dụng hợp lý hơn nữa số cán bộ đã có theo hướng chuyên môn hoá, đi sâu vào từng loại cây ở từng vùng.

- Kiên toàn bộ phận chỉ đạo lâm nghiệp trong Uỷ ban Nông - lâm nghiệp huyện để đủ sức giúp huyện quán xuyến mọi mặt hoạt động lâm nghiệp trong huyện, đồng thời kết hợp được chặt chẽ lâm nghiệp với nông nghiệp theo hướng xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông - lâm - công nghiệp.

Cùng với việc giao đất, giao rừng và hướng dẫn các hợp tác xã kinh doanh rừng, phải tổ chức lại các *lâm trường quốc doanh* đã có và phát triển thêm các lâm trường quốc doanh ở những vùng sản xuất lâm nghiệp tập trung, xây dựng lâm trường quốc doanh thực sự thành những đơn vị sản xuất kinh doanh xã hội chủ nghĩa, có phạm vi đất rừng và rừng, được quy hoạch rõ ràng, có lao động chuyên trách về trồng rừng, tu bổ và khai thác rừng, có thể thu hút nhân dân tại địa phương, nhất là đồng bào dân tộc vào các lâm trường quốc doanh, có những cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết về sản xuất, vận chuyển và chế biến, có mối quan hệ gắn bó với các hợp tác xã ở trong vùng và trong huyện theo một quy hoạch sản xuất nông, lâm nghiệp thống nhất, nhằm làm cho lực lượng lâm trường quốc doanh đủ sức thực hiện nhiệm vụ tái sản xuất mở rộng về cây rừng trên những đất đai đã được quy hoạch, đồng thời nêu được vai trò gương mẫu đối với các hợp tác xã về các mặt quản lý, kỹ thuật và tăng năng suất lao động trong kinh doanh nghề rừng.

Phấn đấu làm tốt việc bố trí sản xuất cây con như trên, trong 5 năm này, chúng ta hoàn toàn có khả năng cải thiện được một bước đời sống nhân dân, và bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế công nông nghiệp cả nước, thực hiện những mục tiêu cơ bản của kế hoạch 5 năm 1976-1980. Đồng thời, chúng ta cũng tăng thêm được nông, lâm sản xuất khẩu để đẩy mạnh việc trang bị cho bản thân nông, lâm nghiệp. Sơ bộ tính toán thì trong 5 năm, đối với nông, lâm sản xuất khẩu, phải phấn đấu đạt 1-1,1 tỷ rúp - đôla, và riêng năm 1980 phải đạt 450-500 triệu rúp - đôla; hướng vào một số loại sản phẩm chủ lực như: sắn chế biến, chuối và dứa (kể cả tươi và ướp đông), cao su, tôm đông lạnh, gỗ sàn, gỗ dán, gỗ lạng và đồ gỗ, các loại rau quả và tinh dầu, một số sản phẩm khác như chè, cà phê, thuốc lá, đay... Để đạt và vượt khối lượng nông, lâm sản xuất khẩu nói trên, phải rất chú ý việc phân bố đất đai, lao động, vật tư, nhằm hình thành sớm một số vùng xuất khẩu tập trung, và tổ chức các nông, lâm trường, các hợp tác xã chuyên

canh từng loại nông, lâm sản xuất khẩu. Cần có chính sách giá cả, thu mua đúng đắn và có khuyến khích bằng lợi ích kinh tế thích đáng đối với những địa phương và đơn vị tích cực đẩy mạnh sản xuất hàng hóa xuất khẩu, có thể được Nhà nước dành cho một tỷ lệ ngoại tệ nhất định để nhập khẩu thêm vật tư, thiết bị kỹ thuật.

III- Về phân bố lao động để khai hoang xây dựng các vùng kinh tế mới và định canh, định cư

Để có cơ sở bố trí sản xuất theo hướng nói trên, cùng với việc thâm canh, tăng vụ trên những diện tích đã có, phải phân bố một lực lượng lớn lao động để làm bằng được việc khai hoang 1 triệu hécta đất nông nghiệp, trồng 1,2 triệu hécta rừng, tiến hành tốt việc định canh định cư và xây dựng, mở mang nhiều vùng kinh tế mới. Đây là một công việc rất lớn, rất phức tạp và có nhiều khó khăn, đòi hỏi phải có những nỗ lực vượt bậc của các ngành, các cấp, có chuyển biến thật sự về nhận thức và về tổ chức chỉ đạo từ trên xuống dưới. Hơn 15 năm qua (từ 1961 đến 1976), chúng ta chỉ khai hoang mở thêm diện tích được 21,7 vạn hécta và điều chỉnh được 35 vạn lao động, trong khi đó chỉ trong vòng 3 năm rưỡi, từ nay đến năm 1980, chúng ta phải khai hoang trên 1 triệu hécta và điều chỉnh gần 1,8 triệu lao động và khoảng 4 triệu dân. Như thế là quy mô công việc tăng lên gấp bội.

Kinh nghiệm cuộc vận động nhân dân miền xuôi đi xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá miền núi những năm qua đã chỉ rõ là trong điều kiện chưa có phân vùng, quy hoạch nông, lâm nghiệp, chưa xác định rõ phương hướng sản xuất cho từng vùng và từng địa bàn, việc khai hoang sản xuất bị phân tán, không hình thành được những vùng chuyên canh sản xuất lớn, không kinh doanh nghề rừng, trái lại còn phá rừng, cả sinh hoạt và sản xuất đều không có quy hoạch, tranh chấp đất, gây ra lùng củng, hiểu lầm nhau giữa nhân dân địa phương với người đến khai hoang. Tuy Chính phủ có ban

hành một số chính sách, nhưng vẫn có nhiều mặt chưa hợp lý, thiếu đồng bộ và chưa thi hành được tốt hoặc không có điều kiện để thi hành.

Cần chỉ đạo việc phân bố lại lao động, mở mang thêm diện tích và xây dựng các vùng kinh tế mới theo mấy hướng sau đây:

1. Về *bố trí địa bàn khai hoang*. Nên tập trung khai thác nhanh những diện tích khai hoang có khả năng phát triển trước hết các loại cây lương thực (lúa, hoa màu...) và các cây thực phẩm (tương, lạc, rau, đậu...), rồi đến các cây công nghiệp, cây ăn quả và đồng cỏ chăn nuôi; thực hiện phương châm nơi gần, nơi dễ làm trước, nơi xa, nơi khó làm sau. Khai hoang phải đi liền với cải tạo đất, thảm canh và xây dựng đồng ruộng, và ở địa bàn nào cũng phải sản xuất ngay một số sản phẩm lấy ngắn nuôi dài.

Theo hướng này, trong 5 năm để có thêm 1 triệu hécta đưa vào sản xuất, dự kiến bố trí khai hoang 1,2 triệu hécta, trong đó ở *đồng bằng sông Cửu Long* 45 vạn hécta, tập trung chủ yếu ở bốn tỉnh Long An 11 vạn hécta, Kiên Giang 10 vạn hécta, Đồng Tháp 3 vạn hécta và Minh Hải 18 vạn hécta, chủ yếu sản xuất lúa, tiếp đến là sản xuất đay, cói, cá. *Vùng Đông Nam Bộ* 25 vạn hécta, tập trung ở Sông Bé 10 vạn hécta, Đồng Nai 10 vạn hécta, và Tây Ninh 4 vạn hécta, chủ yếu để sản xuất ngô, sắn, cao su, đậu tương, mía và một số loại cây ăn quả. *Tây Nguyên* 20 vạn hécta, tập trung ở Gia Công 9 vạn hécta, Đắc Lắc 9 vạn hécta, Lâm Đồng 2 vạn hécta, để sản xuất sắn, ngô, cà phê, cao su, chè. Các vùng khác như *duyên hải Trung Bộ* 15 vạn hécta, chủ yếu để sản xuất bông và một số hoa màu lương thực; *trung du và vùng núi phía Bắc* 15 vạn hécta, chủ yếu để sản xuất màu lương thực và một số cây công nghiệp, cây ăn quả...

ở tất cả các địa bàn khai hoang xây dựng vùng kinh tế mới, phải thực hiện nghiêm chỉnh chính sách dân tộc, đoàn kết cho được đồng bào ở địa phương với đồng bào và chiến sĩ được điều tới, nhằm cùng nhau xây dựng cuộc sống mới, xây dựng

và bảo vệ Tổ quốc. Việc khai hoang mở thêm diện tích phải gắn chặt với việc xây dựng và cải tạo quan hệ sản xuất, tăng cường lực lượng sản xuất, gắn quốc doanh với tập thể; gắn xây dựng các vùng kinh tế mới với định canh định cư và xây dựng huyện; gắn nông nghiệp với lâm nghiệp, nông lâm nghiệp với công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, trồng trọt với chăn nuôi, sản xuất với chế biến trên từng địa bàn.

2. Về *điều chỉnh lao động và phân công địa bàn*. Việc điều lao động đi nhằm vào những vùng đất ít người đông, trước hết là vùng đồng bằng sông Hồng, vùng đồng dân ven biển miền Trung và những thành phố, thị xã đông dân ở miền Nam.

Dưa lao động đến các vùng kinh tế mới phải bảo đảm có cấu hợp lý, gồm lao động trực tiếp sản xuất, lao động xây dựng cơ bản và lao động hoạt động dịch vụ khác, cần chú ý cả cơ cấu hợp lý về xã hội. Phải điều tra, phân loại lao động để sử dụng sát với kinh nghiệm sản xuất từng nơi và trình độ kỹ thuật từng người. Theo hướng này, lao động của ba tỉnh đồng bằng Bắc Bộ sẽ bố trí vào ba tỉnh miền Tây Nam Bộ gồm Minh Hải, Long An và Kiên Giang, chủ yếu là để sản xuất lúa. Ngoài ra sẽ bố trí một số vào khai hoang ở Đông Nam Bộ và Tây Nguyên. Lao động của Hà Nội và Hà Sơn Bình sẽ vào Lâm Đồng tổ chức chăn nuôi bò sữa, sản xuất lương thực, dâu tằm. Lao động các tỉnh Khu IV, Khu V cũ vừa khai thác đất nông, lâm nghiệp tại chỗ, vừa đưa vào Tây Nguyên. Lao động ở thành phố Hồ Chí Minh sản xuất tập trung tăng cường cho ba tỉnh miền Đông Nam Bộ.

Đối với địa bàn trung du và miền núi Bắc Bộ, đã có sự phân công kết nghĩa giữa các tỉnh từ trước: Hà Sơn Bình đi Sơn La; Hà Nam Ninh đi Hoàng Liên Sơn; Hải Hưng đi Cao Lạng; Thái Bình đi Hoàng Liên Sơn và Lai Châu; Hải Phòng

đi Quảng Ninh và Hà Tuyênn.

Lực lượng quân đội sẽ phụ trách khai hoang ở những vùng sản xuất tương đối tập trung có quy mô lớn và ở những vùng tuy có khó khăn nhưng là những địa bàn quan trọng về quốc phòng.

3. Về *tổ chức sản xuất*, chúng ta dùng cả hai hình thức quốc doanh và hợp tác xã, nhưng quốc doanh phải chiếm một phần lớn, trong 1,3 triệu hécta đất sẽ khai hoang mới, dự kiến quốc doanh khoảng 80 vạn hécta, đưa vào sản xuất 64 vạn hécta. Ngoài các quốc doanh do quân đội phụ trách, phải xây dựng hàng loạt nông trường mới, đưa kinh tế quốc doanh lên chiếm 11% diện tích canh tác nông nghiệp (hiện nay mới chiếm 2,1% diện tích).

Theo hướng đó, lao động đến khai hoang ở trung du và miền núi phía Bắc chủ yếu sẽ thành lập các hợp tác xã sản xuất và chế biến nông, lâm sản. Ở phía Nam, những vùng tập trung sản xuất lương thực, thực phẩm và cây công nghiệp có quy mô diện tích lớn thì xây dựng nông trường quốc doanh và nông trường quân đội, trước hết là đối với các vùng lúa ở Tây Nam Bộ, các vùng trọng điểm sản xuất ngô, đậu tương, sắn và cây công nghiệp ở Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, vùng bông ở Thuận Hải, vùng chăn nuôi bò sữa ở Lâm Đồng, vùng rau thực phẩm phục vụ các thành phố lớn. Ngoài ra, sẽ thành lập các hợp tác xã nông nghiệp; ở những nơi chưa có điều kiện lập hợp tác xã thì xây dựng các tập đoàn sản xuất để giúp nhau khai hoang, chuẩn bị tiến lên hợp tác xã.

4. *Tổ chức lao động đến vùng kinh tế mới*. Thực hiện mục tiêu phân bổ 1,8 triệu lao động, các tỉnh phía Bắc, chủ yếu là các tỉnh thuộc đồng bằng sông Hồng, sẽ điều chỉnh 80 vạn người, trong đó 58 vạn người đưa vào xây dựng các vùng kinh tế mới ở phía Nam, chủ yếu là đồng bằng sông Cửu Long 31 vạn người và Tây Nguyên 21 vạn người. Các tỉnh phía Nam

từ Trị Thiên trở vào điều chỉnh 47 vạn lao động, trong đó riêng thành phố Hồ Chí Minh đưa đi xây dựng các vùng kinh tế mới 30 vạn người (ra vùng nông thôn ngoại thành 5 vạn người, đi đồng bằng Cửu Long 2 vạn, đi miền Đông Nam Bộ 23 vạn người).

Giữa Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Tổng cục khai hoang và quân đội, phải cùng với các tỉnh có người đi và nơi tiếp nhận người đến bàn bạc kỹ việc chuẩn bị và thống nhất với nhau về các mặt như:

- Chuẩn bị địa bàn khai hoang, phương hướng sản xuất và các điều kiện sản xuất, sinh hoạt.

- Tổ chức sẵn những đơn vị hợp tác xã, nông, lâm trường hoặc đơn vị hành chính mới. Muốn vậy, phải có cán bộ các loại cùng đi theo. Các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân, dân quân cũng gắn vào những đơn vị sản xuất dự kiến hình thành mà tổ chức. Nơi chưa có điều kiện thành lập hợp tác xã, nông, lâm trường ngay thì tổ chức thành lập đoàn sản xuất. Như vậy, tất cả lao động đến làm ăn ở các vùng kinh tế mới đều có trong một tổ chức hành chính, kinh tế và chính trị đã được chuẩn bị sẵn từ nơi đi. Cơ cấu lao động, cơ cấu cán bộ và đảng viên đi theo cũng phải đồng bộ, gồm cả những người trực tiếp sản xuất, người lãnh đạo kinh tế, lãnh đạo Đảng và các đoàn thể, và các loại lao động nông, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản và dịch vụ khác theo yêu cầu và quy hoạch của nơi tiếp nhận. Địa phương tiếp nhận người đến phải ngay từ đầu nắm lấy những tổ chức và lao động nói trên.

Số lao động đến trước phải tập trung chuẩn bị sẵn những cơ sở hạ tầng như nhà ở, nước cho sinh hoạt và một phần cho sản xuất, đường giao thông, mặt bằng khai hoang, giống cho sản xuất, v.v.. Việc đưa người đi và bố trí nơi đến đều phải

được chuẩn bị chu đáo, nhất là đưa người từ các tỉnh miền Bắc vào miền Nam. Phải hết sức chăm lo việc cung cấp lương thực, thực phẩm, hàng hoá, nhà cửa, giải quyết nước, phương tiện chữa bệnh, trường học, đời sống văn hoá; trước hết phải giải quyết nhanh một số yêu cầu cho những vùng đang có nhiều khó khăn về đời sống.

5. Về định canh, định cư. Cùng với việc phân bố lại lao động chung, phải tổ chức giải quyết cơ bản xong việc định canh, định cư đối với những đồng bào còn du canh, du cư, gắn chặt công tác vận động định canh, định cư với phát triển nông, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp, vận tải ở miền núi, dựa vào cả hai hình thức tập thể và quốc doanh, cố gắng tổ chức họ vào quốc doanh mới có điều kiện. Chúng ta phải tập trung chỉ đạo giải quyết việc định canh, định cư cho khoảng 2 triệu nhân dân các dân tộc ít người chưa đủ cơ sở sản xuất ổn định, hàng năm thường phải phá rừng để sản xuất lương thực, thực phẩm, đồng thời phải chú ý đến hàng triệu người khác, tuy đã có ruộng đất sản xuất nhưng vì còn quẩn canh nên vẫn phát nương làm rẫy.

Qua chín năm thực hiện cuộc vận động định canh, định cư kết hợp với hợp tác hoá, các tỉnh miền Bắc đã quy hoạch cụ thể và đang tổ chức thực hiện định canh, định cư cho khoảng 20 vạn người ở 21 điểm và sẽ hoàn thành trong 1-2 năm tới. Ở miền Nam, một số địa phương đã tổ chức quần chúng khai hoang, phục hoá, xây dựng cơ sở sản xuất và từng bước định canh, định cư cho hơn 17 vạn người. Tuy vậy, những kết quả đạt được chủ yếu nằm ở vùng giữa có điều kiện thuận lợi hơn và cũng mới đi vào sản xuất lương thực, thực phẩm, chưa phát huy được thế mạnh của miền núi về chăn nuôi, cây công nghiệp, nghề rừng. Đặc biệt, vẫn còn trên 30 vạn người ở các huyện vùng cao dọc biên giới các tỉnh miền Bắc vẫn chưa có phương hướng định canh, định cư cụ thể, vì giao thông chưa phát triển, điều kiện tự nhiên khắc nghiệt và tình hình xã hội có những phức tạp.

Định canh, định cư vừa là yêu cầu bức thiết của nhân dân các dân tộc miền núi, vừa là yêu cầu cấp bách của nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, nhằm thực hiện thắng lợi chính sách dân tộc của Đảng, đẩy mạnh xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá ở miền núi theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. *Việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật để ổn định sản xuất, ổn định đời sống lâu dài và đào tạo đội ngũ cốt cán người dân tộc là có ý nghĩa quyết định.*

Phải đặt cuộc vận động định canh, định cư trong nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá miền núi, đặt trong nhiệm vụ xây dựng các vùng kinh tế mới, gắn liền với xây dựng các nông, lâm trường và hợp tác xã, cũng như trong việc tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện. Yêu cầu của cuộc vận động là thay đổi được tập quán phá rừng, làm rẫy bằng lối xây dựng đồng ruộng, sản xuất định canh, mở rộng ngành nghề, phát huy các thế mạnh sẵn có của miền núi một cách có kế hoạch, từng bước đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất và tổ chức cuộc sống mới ổn định lâu dài. Phương án kinh tế của các cơ sở định canh, định cư không thể tách phương hướng, nhiệm vụ của vùng kinh tế và của huyện. Tích cực tạo điều kiện làm tốt một số điểm định canh, định cư có cuộc sống ấm no, tiến bộ, có sức cổ vũ, thuyết phục quần chúng.

Phương hướng sản xuất để định canh, định cư phải gồm cả nông nghiệp, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Ở những nơi có điều kiện nên tập trung sức giải quyết các cơ sở nhằm ổn định việc sản xuất lương thực, đồng thời phát triển các thế mạnh về cây công nghiệp, chăn nuôi và nghề rừng. Ở những nơi có độ dốc cao, không tự túc được lương thực, thì chủ yếu làm nhiệm vụ trồng rừng, bảo vệ rừng đầu nguồn, hoặc trồng cây công nghiệp và tổ chức chăn nuôi tập thể. Nhà nước sẽ cân đối lương thực theo chính sách cho các vùng chuyên canh

làm nghề rừng hoặc trồng cây công nghiệp, phải tích cực đẩy mạnh xây dựng ruộng bậc thang để giải quyết lương thực cho người và có lương thực để chăn nuôi.

Tuỳ theo điều kiện từng nơi, có thể thu hút đồng bào vào nông, lâm trường hoặc xây dựng và củng cố các hợp tác xã nông, lâm nghiệp. Trong trường hợp chưa tổ chức được hợp tác xã thì hướng dẫn quản lý tập thể đối với những cơ sở sản xuất mới tạo ra, còn ruộng đất lè tè sẵn có thì có thể để làm kinh tế phụ, và mức độ kinh tế phụ có thể cao hơn miền xuôi. Về xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, trước hết là khai hoang, xây dựng đồng ruộng, làm thủy lợi nhỏ, hoặc làm ruộng bậc thang, để tạo điều kiện thảm canh, sản xuất lương thực, thực phẩm; xây dựng các cơ sở trồng cây công nghiệp, trồng rừng, chăn nuôi tập thể; xây dựng đường giao thông; xây dựng các cơ sở phúc lợi công cộng như giếng nước, bể nước, bệnh xá, trường học, cửa hàng mua bán.

Theo những nội dung như trên, trong 5 năm này, phải hoàn thành các phương án định canh, định cư cho 2 triệu người, trong đó phải cơ bản ổn định được việc định canh, định cư ở các tỉnh miền Nam và cho 70 vạn người ở miền Bắc.

Để làm được nhiệm vụ trên, phải tăng cường lực lượng cán bộ cho huyện và cho các điểm định canh, định cư, kết hợp với lực lượng quân đội xây dựng kinh tế và công an biên phòng.

Mặt khác, phải có kế hoạch tổ chức lực lượng xây dựng hỗ trợ, trước hết là lực lượng để quy hoạch và xây dựng một số cơ sở sản xuất, làm dứt điểm từng chỗ, do huyện trực tiếp làm, tỉnh huy động lực lượng của các ngành và các huyện khác giúp. Phải tăng cường ngay cán bộ cho trên 100 huyện có nhiệm vụ định canh, định cư để chuyên trách (Bộ Nông nghiệp đề nghị mỗi huyện 10 cán bộ). Về vốn, ngoài việc phát huy lực lượng quần chúng, Bộ Nông nghiệp yêu cầu được đầu tư 1,2 tỷ đồng, 30 vạn tấn lương thực và một số vật tư kỹ thuật cần thiết khác.

6. Về chính sách. Trên cơ sở phát huy tinh thần tự lực rất cao của hợp tác xã và của quần chúng, Nhà nước cần có đầu tư

đúng mức cho khai hoang, xây dựng các vùng kinh tế mới, tập trung chủ yếu cho nơi xây dựng mới, đồng thời quan tâm thích đáng đến việc giúp đỡ quần chúng ở nơi đi.

Vốn và vật tư đầu tư trực tiếp cho *nơi có đất* là đầu tư theo quy hoạch, kế hoạch, bảo đảm gắn chặt cả nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, vận tải, cả tập thể và quốc doanh, cả đối với nhân dân địa phương và lực lượng đưa từ nơi khác đến. Phải từ kế hoạch phát triển cụ thể của vùng kinh tế mới trong từng thời gian mà quyết định việc đầu tư gồm hai loại vốn:

+ Vốn cho xây dựng cơ bản ban đầu gồm có vốn để khai hoang, xây dựng đồng ruộng, cải tạo đất, xây dựng các công trình phục vụ sản xuất (thủy lợi, giao thông, cơ sở chế biến, nhà kho...), xây dựng các công trình phúc lợi công cộng (trường học, y tế, nhà trẻ), nhà ở... do Nhà nước đầu tư về tài chính. Phải từ yêu cầu thảm canh lâu dài và tình hình cụ thể từng vùng khác nhau mà tính toán suất đầu tư, bảo đảm làm đến đâu xây dựng vững chắc đến đó.

+ Vốn sản xuất kinh doanh nói chung Nhà nước cho vay qua tín dụng ngân hàng, có phân biệt đối với cây, con ngan hoặc dài ngày mà có chính sách khuyến khích về mức lãi.

Đối với nơi có dân di, chủ yếu là Nhà nước hỗ trợ cho hợp tác xã trong việc thanh toán tài sản của các gia đình chuyển đi theo nguyên tắc: quần chúng tự bán, phần còn lại hợp tác xã phụ trách thanh toán, nếu thiếu được Nhà nước cho vay dài hạn để thanh toán và hợp tác xã trả dần cho Nhà nước (có thể trả tiền ngay cho người di, hoặc chỉ trả ngay một phần bằng tiền mặt, phần còn lại đưa vào quỹ tiết kiệm của ngân hàng và được chuyển đến nơi mới, để giảm bớt chi nhiều tiền mặt ngay một lúc). Về lương thực, Nhà nước sẽ cân đối giữa nơi có dân di và nơi đón dân đến, tiếp tục bán lương thực cho họ ở nơi mới đến, người di khai hoang chỉ phải đem lương thực đi ăn đường và ăn trong những tháng đầu. Việc chuyển vận và tổ chức ăn, nghỉ, chữa bệnh ở dọc đường do Nhà nước dài thọ và giao cho tỉnh hoặc huyện phụ trách chi.

Riêng đối với công tác *định canh, định cư*, ngoài việc áp dụng chung chính sách trên đây (trừ phần đối với nơi có dân di), còn phải quan tâm đầy đủ đến những khó khăn và những nhu cầu đặc biệt của từng vùng, từng dân tộc.

IV- Yêu cầu cần đổi về vật chất kỹ thuật và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp

Những yêu cầu thâm canh, tăng vụ, tăng diện tích và phát triển chăn nuôi nói trên tùy thuộc một phần rất lớn vào việc giải quyết một số cân đối về vật chất, bảo đảm đầy mạnh xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp và đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Hiện nay, trong tình hình những cân đối về vật chất của nền kinh tế chung còn đang rất căng thẳng, thì việc tính toán nhằm bảo đảm tập trung hơn nữa cho nông nghiệp lại càng hết sức cần thiết.

Thuỷ lợi vẫn là biện pháp hàng đầu, có yêu cầu rất lớn và rất khẩn trương, là mũi nhọn có ý nghĩa quyết định đối với việc thâm canh, tăng vụ và tăng diện tích.

ở miền Bắc tính đến hết quý I năm 1977, trong điều kiện thời tiết bình thường, các hệ thống thuỷ nông cũng mới bảo đảm tưới chắc chắn cho 2/3 diện tích lúa mùa và 4/5 diện tích lúa đông - xuân, và về tiêu, vẫn còn 30 vạn hécta lúa mùa chưa có công trình bảo đảm. Các hệ thống thuỷ nông lai phân bố chưa đều, hầu hết vùng đồng bằng sông Hồng đã có công trình và đã được tưới nước, nhưng ở trung du và Khu IV cũ thì vẫn còn khoảng 50 đến 55% diện tích lúa chưa có công trình tưới. Riêng ở miền núi, diện tích làm lúa nước có 27 vạn hécta nhưng mới có 4 vạn hécta có công trình tưới. Như vậy, ngay ở miền Bắc, nhiệm vụ của thuỷ lợi cũng còn khá nặng: vừa tiếp tục hoàn chỉnh thuỷ nông, kết hợp với xây dựng đồng ruộng, san ghềnh lấp trũng và nâng cao trình độ quản lý, sử dụng nước ở những nơi đã có công trình; vừa tiếp tục

xây dựng thêm công trình ở những nơi chưa có, đặc biệt là phải giải quyết tốt việc tiêu úng cho 30 vạn hécta lúa vụ mùa, nhằm bảo đảm đến năm 1980 chủ động tưới tiêu vững chắc cho 1,10 triệu hécta lúa đông - xuân và 1,20 triệu hécta lúa mùa, giải quyết nước tưới cho 50 vạn hécta vụ đông; tăng cường công tác quản lý sử dụng các công trình với hiệu quả cao hơn. Ngoài ra còn phải tiếp tục làm các việc phân lũ, cắt lũ, củng cố các hệ thống đê sông, đê biển... để có thể phòng, chống được lũ, lụt, bão ở mức cao nhất.

ở miền Nam, nhiệm vụ thuỷ lợi càng lớn. Nếu tính ra khối lượng công việc phải làm thì trong 5 năm này, các tỉnh miền Nam phải làm nhiều hơn 1,5 lần khối lượng công việc các tỉnh miền Bắc đã làm trong 20 năm qua; tình hình địa chất, thuỷ văn lại có những phức tạp, trong khi từng hệ thống và nhiều công trình xây dựng mới thường có quy mô khá lớn. Nhà nước phải tăng cường khâu quy hoạch, thiết kế, tăng cường đầu tư và cố gắng bảo đảm cung cấp đủ những trang bị và vật tư kỹ thuật cần thiết cho việc đào đắp và xây dựng, đồng thời phải tiếp tục đẩy mạnh phong trào quần chúng làm thuỷ lợi, tổ chức những công trường liên tục đồng khởi làm thuỷ lợi, có máy thì kết hợp với máy, chưa có máy thì làm thủ công. Chú ý hướng dẫn quần chúng làm tốt công tác khoanh vùng, xây dựng mạng lưới các kênh mương chân rết, kết hợp với xây dựng đồng ruộng và phải có đủ các công cụ tưới tiêu, bơm nước để kịp thời phát huy tác dụng của các công trình. Rút kinh nghiệm của miền Bắc, việc xây dựng các hệ thống thuỷ nông ở miền Nam phải làm đồng bộ và phải đưa công tác quản lý vào nền nếp ngay từ đầu. Đi vào từng vùng, thì đồng bằng sông Cửu Long là địa bàn ưu tiên số một về thuỷ lợi, với nhiệm vụ bảo đảm cho được ít nhất 1,10 triệu hécta chủ động tưới tiêu để làm hai vụ và khai hoang được 45 vạn hécta. Đối với Đông Nam Bộ, thuỷ lợi vừa phải phục vụ việc thâm canh và tăng thêm diện tích lúa nước, đưa diện tích tưới hai vụ từ 3-4 vạn hécta hiện nay lên 15-20 vạn hécta, vừa phải phục vụ việc tưới mía, phục vụ việc chăn nuôi và phục vụ sinh hoạt của nhân dân. Hướng công trình ở đây chủ

yếu là làm đập ngăn nước, hồ chứa nước, và ở những nơi thiếu nguồn nước mạch thì đào giếng. Đối với Khu V cũ và Tây Nguyên, thuỷ lợi phải bảo đảm tưới chặc hai vụ cho 20 vạn hécta lúa (Khu V cũ 15 vạn hécta, Tây Nguyên 5 vạn hécta), và một số diện tích sản xuất tập trung các loại màu và cây công nghiệp, trong đó có 6,5 vạn hécta bông. Hướng công trình chủ yếu ở đây là trạm bơm và hồ, đập; một số vùng kinh tế mới có khó khăn về nước cho sinh hoạt cũng phải đào giếng.

Mỗi sơ bộ tính toán, trong 5 năm, để làm được những nhiệm vụ trên, cả nước phải đào đắp khô 600 triệu mét khối và đào ướt, nạo vét 500 triệu mét khối, bình quân mỗi năm làm hơn 200 triệu mét khối. Do đó cùng với việc triệt để tận dụng lao động thủ công và phát động phong trào làm thuỷ lợi rộng khắp, phải bảo đảm một số mặt cân đối quan trọng về các loại xe máy thi công, về xi măng, sắt thép, về máy bơm và điện phục vụ cho thuỷ lợi. Yêu cầu vốn đầu tư cần thiết là 5,4 tỷ đồng, trong đó riêng thuỷ nông đầu tư 4,2 tỷ đồng, và yêu cầu được cung cấp:

- Gần 5.000 các loại xe máy thi công khô, với vốn đầu tư 368 triệu đồng; gần 800 tàu các loại để đào ướt với vốn đầu tư hơn 350 triệu đồng.

1,250 triệu tấn xi măng, 23 vạn tấn sắt thép, 28,6 vạn mét khối gỗ xẻ.

- 12.000 máy bơm các loại, trong đó ít nhiều cần có 45 bơm cỡ lớn (loại 3 vạn m³/giờ) nhập ở ngoài và 135 bơm loại 1 vạn m³/giờ, phục vụ cho tiêu úng; 500 triệu kw/giờ điện và 4.500 km đường dây cao thế, v.v..

Phải tập trung hơn nữa lực lượng cho công tác điều tra khảo sát, thiết kế và chỉ đạo thi công, bao gồm cả lực lượng hiện có của Bộ Thuỷ lợi, lực lượng có thể huy động của các tỉnh miền Bắc, lực lượng của công trình sông Đà, và lực lượng quân đội.

Với tinh thần ưu tiên đầu tư và dành những vật tư cần thiết cho thuỷ lợi, Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước cùng với Bộ Thuỷ lợi tính toán lại một cách chặt chẽ và cân đối chung

trong kế hoạch 5 năm, trước mắt phải tính toán bảo đảm giải quyết ngay một số yêu cầu cho công tác thuỷ lợi năm 1977 và 1978.

Về phân bón và cải tạo đất. Với diện tích gieo trồng tất cả các loại cây trồng tăng lên hơn 4 triệu hécta so với năm 1975, trong đó riêng diện tích gieo trồng lúa tăng lên khoảng 1,6 triệu hécta, đồng thời lại phải đi vào thâm canh, tăng năng suất cao hơn, cho nên yêu cầu về phân bón và cải tạo đất là rất lớn.

Trước hết phải tìm mọi cách tăng mạnh nguồn phân hữu cơ. Tất cả các vùng đều phải đẩy mạnh chăn nuôi để tăng thêm phân chuồng đồng thời phát triển mạnh phân xanh, lợi dụng các loại phân rác, phù sa, bùn ao, khai thác than bùn và lợi dụng mọi nguồn phân khác. Cùng với việc khuyến khích các gia đình, làm phân bón tất cả các đơn vị sản xuất tập thể và quốc doanh đều phải dành một số lao động chuyên trách việc sản xuất và chế biến phân chuồng. Phục hồi lại phong trào sản xuất phân xanh (nhất là bèo dâu và điền thanh), tổ chức sản xuất và cung cấp giống phân xanh; mở rộng hơn nữa phong trào sử dụng mọi nguồn phân khác (phân bắc, phân rác, tro, nước giải, bùn ao...). Ở miền Bắc phải thực hiện bằng được các chỉ tiêu mỗi năm 1 con trâu cho 2 tấn phân, 1 con bò cho 1,5 tấn phân, và 1 con lợn kê cả đệm chuồng cho 3 tấn phân, để sản xuất được khoảng 22-23 triệu tấn phân chuồng/năm; đồng thời phát triển bèo dâu lên 40 vạn hécta và phát triển các loại phân xanh khác để sản xuất thêm 7-8 triệu tấn phân xanh/năm; từ đấy, có thể đạt được mức bình quân bón 8 tấn phân hữu cơ cho 1 hécta gieo trồng. Ngoài ra, phải chú ý việc trồng cây lấy củ làm chất đốt và dùng than để cày vặt rạ cho ruộng. Ở các tỉnh miền Nam, cần nhanh chóng phục hồi và gây thành lập quán việc sử dụng các loại phân chuồng, phân bắc, phân xanh trong nông dân và trong các tập đoàn sản xuất. Ở những nơi lập hợp tác xã và lập nông trường quốc doanh, phải kiên quyết dành một số điều kiện vật chất để xây dựng cơ sở chuồng trại và nhà chế biến phân,

dành ngay một số lao động chuyên trách sản xuất phân bón. Phải phát động phong trào sôi nổi làm phân, cố gắng đạt mức phân bón như miền Bắc. Phát triển mạnh một số cây phân xanh và tận dụng các nguồn phân khác, đưa khối lượng tất cả các loại phân hữu cơ lên 20 triệu tấn.

Cần sớm lập các bản đồ thổ nhưỡng của huyện và của các hợp tác xã, nông trường để có cơ sở định ra được chế độ bón phân, tưới nước và luân canh hợp lý cho từng vùng, từng loại đất và từng loại cây trồng, nhằm kết hợp việc thảm canh, tăng năng suất từng vụ, từng năm với việc bồi dưỡng, cải tạo đất lâu dài. Trước mắt, cần kết hợp với việc làm thủy lợi và xây dựng địa bàn cơ giới, hướng dẫn các địa phương, các hợp tác xã và nông trường dành lao động cần thiết cho việc xây dựng đồng ruộng, cải tạo mặt bằng, làm tốt việc thau chua, rửa mặn và thực hiện từng bước tưới tiêu theo phương pháp khoa học.

Công nghiệp trong nước cần cố gắng hơn nữa trong việc sản xuất apatít, lân, vôi, than và có kế hoạch nhập khẩu, vận chuyển để bảo đảm cung cấp phân đạm và phân kali cho nông nghiệp. Năm 1980, yêu cầu sản xuất nông nghiệp cần có khoảng 70 vạn tấn supe lân, 1 triệu tấn apatít và photphát nghiên, 2,5 triệu tấn vôi, 1 triệu tấn than làm chất đốt để dành rạ lại cho ruộng, 2,3 đến 2,5 triệu tấn phân đạm, và trong 5 năm yêu cầu cung cấp 15 vạn tấn phân kali. Hiện nay kế hoạch nhà nước đã tính toán có thể cân đối được 1,8 triệu tấn phân đạm, 1,5 triệu tấn phân lân các loại và đang tính toán thêm về khả năng bảo đảm vôi và than cho nông nghiệp. Tinh thần chung là cố gắng đến mức cao nhất bảo đảm những yêu cầu của nông nghiệp, tận dụng cả khả năng sản xuất trong nước, nhập khẩu và vận chuyển để đáp ứng kịp thời. Cần nghiên cứu việc cung cấp các loại phân hoá học, nhất là đối với phân nhập khẩu, theo hướng chủ yếu dành

cho những vùng sản xuất tập trung có nhiều nông sản hàng hoá, trước hết là những vùng trọng điểm sản xuất lương thực và nông sản xuất khẩu. Như vậy việc sử dụng mới mang lại nhiều hiệu quả kinh tế và Nhà nước mới có thể nắm chắc trong tay một số nông sản chủ lực.

Về giống cây trồng. Để chủ động cung cấp đủ giống tốt, phù hợp với yêu cầu thảm canh, tăng vụ, đồng thời không ngừng bổ sung những giống mới có năng suất và chất lượng tốt hơn, cần *khẩn trương xây dựng hệ thống giống quốc gia*, đầu tư đúng mức cho những cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết, bảo đảm nắm chắc và đưa công tác giống đi vào tiêu chuẩn hoá. Tuỳ theo yêu cầu đối với từng cây, con, Bộ Nông nghiệp cần xác định ngay sự phân công và phối hợp giữa Nhà nước và hợp tác xã, giữa trung ương và địa phương trong nhiệm vụ sản xuất, cung cấp giống để tạo điều kiện cho Nhà nước thật sự nắm chắc được toàn bộ giống các cây, con chủ yếu, cung cấp được đủ những giống đã chọn lọc cho nhu cầu của cả nước, kể cả nhu cầu của gia đình nông dân xã viên. Trước mắt phải bảo đảm có đủ giống tốt và được chọn lọc cho một số cây trồng chính là lúa, ngô, rau quả, thuốc lá, bông, đay, cao su và một số gia súc chính là lợn, gà công nghiệp, trâu, bò, cá. Đối với những cây, con chính này, Nhà nước trực tiếp tổ chức, chỉ đạo sản xuất từ giống gốc đến giống đại trà để cung cấp cho cả khu vực quốc doanh và tập thể, cho hợp tác xã và nhân dân. Đối với các cây, con khác, Nhà nước cung cấp giống cấp 1, các địa phương và các hợp tác xã tự mình tổ chức việc sản xuất giống đại trà.

Riêng đối với cây lúa, hệ thống giống từ gốc đến đại trà cần được hoàn thành sớm (trước năm 1980) nhằm bảo đảm cung cấp đủ thóc giống tốt cho 80% diện tích gieo trồng lúa cả nước, trong đó bao gồm giống cấp 1: 400 hécta; giống cấp 2 khoảng 8.700 hécta (miền Bắc 2.700, miền Nam 6.000 hécta). Còn về giống cấp 3, ở miền Bắc do các hợp tác xã tổ chức các đội chuyên sản xuất giống, để tự cung cấp đủ giống cho sản

xuất đại trà; ở miền Nam, phải trên cơ sở xây dựng các nông trường và hợp tác xã ở vùng lúa mà tính toán việc sản xuất và bảo đảm cung cấp giống.

Bộ Nông nghiệp chịu trách nhiệm trước Nhà nước về kế hoạch sản xuất và quản lý toàn bộ công tác giống, từ kết luận, công nhận, phổ biến đến các quy trình kỹ thuật sản xuất. Bộ Nông nghiệp cũng là cơ quan chịu trách nhiệm thống nhất quản lý các giống nhập từ nước ngoài và đề ra những yêu cầu về nhập giống.

Về giải quyết công cụ, sức kéo và trang bị cơ khí cho nông nghiệp. Về công cụ cầm tay, tính chung mỗi lao động phải có bốn công cụ, nhưng bình quân chung mới có 1,5 cái. Để giải quyết nhanh yêu cầu này, phải tổ chức và phân công lực lượng chuyên trách và Nhà nước bảo đảm cung cấp vật tư đúng yêu cầu. Đối với những công cụ cầm tay và cải tiến thông dụng trong nhiều ngành kinh tế, trong đó có cả nông nghiệp và lâm nghiệp, thì vẫn do các ngành hợp đồng với Bộ Nội thương để đặt hàng cho cơ khí sản xuất. Riêng đối với những công cụ cầm tay và công cụ cải tiến chuyên dùng trong nông nghiệp, và lâm nghiệp thì do hai ngành trực tiếp phụ trách cùng với các địa phương sử dụng mang lưới công nghiệp địa phương trong việc hợp đồng sản xuất. Bộ Cơ khí phải phân công một số xí nghiệp sản xuất và bảo đảm cung cấp những trang bị cần thiết cho cơ khí huyện và cho các lò rèn để gia công lại hoặc để sản xuất, đáp ứng những nhu cầu tại chỗ.

Về sức kéo, đi đôi với việc tăng cường chăm sóc và vỗ béo đàn trâu, bò cày kéo, trước hết phải có kế hoạch trang bị cơ khí nhanh hơn cho nông nghiệp, kết hợp chặt chẽ giữa việc tổ chức sử dụng tốt những trang bị sẵn có với trang bị mới một cách tập trung hơn cho các yêu cầu ở từng vùng nhất định. Theo kinh nghiệm ở miền Bắc, vấn đề trước hết vẫn là phải ổn định địa bàn để bảo đảm sử dụng máy tập trung với hiệu suất cao. Thực ra chúng ta đã dùng máy kéo gần như dùng

con trâu. Quy hoạch cơ khí, điện khí chưa được tiến hành, quy hoạch thuỷ lợi, giao thông, xây dựng đồng ruộng và quy hoạch sản xuất chưa có sự phối hợp. Việc giải quyết phụ tùng và sửa chữa còn khó khăn. Việc cung cấp nhiên liệu và các vật tư kỹ thuật liên quan khác cũng chưa thật phù hợp với nhu cầu và thời vụ của máy hoạt động. Công nhân lái máy và sửa chữa thì chưa có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kịp với tốc độ trang bị máy (hiện nay 2/3 số thợ lái máy là bậc 1 và bình quân 1 máy mới có 1,5 công nhân, chưa đủ thợ để làm hai ca). Cán bộ kỹ thuật và quản lý kinh tế chưa đủ và cũng chưa được giao nhiệm vụ đúng với yêu cầu. Năng lực của công nghiệp trong nước về sản xuất, chế tạo máy và công cụ cơ điện nông nghiệp vốn dã yếu, chậm, lại thiếu sự hợp tác, phân công, hợp đồng chặt chẽ giữa các ngành, các cấp và các địa phương; nhiều xí nghiệp cơ khí chế tạo và xưởng đại tu chưa được trang bị đồng bộ trong dây chuyền công nghệ sửa chữa máy móc nông nghiệp. Đây là chưa kể tình trạng ở nhiều nơi đưa máy vào nhưng không gắn với việc tổ chức lại sản xuất, không có hướng rõ về sử dụng số trâu bò và lao động dôi ra, làm ảnh hưởng không tốt đến thu nhập của hợp tác xã. Có nơi xe máy được trang bị nhiều nhưng năng suất làm việc giảm, giá thành cày bừa máy tăng và Nhà nước phải bù lỗ nhiều.

ở miền Nam, phần lớn máy kéo đều còn là của tư nhân. Tuy chúng ta có tổ chức ra những tổ hợp cơ khí và sử dụng các tổ hợp này bằng các hình thức hợp đồng, nhưng chưa phải đã huy động được tất cả xe máy ra làm việc. Đây là chưa kể những khó khăn sắp tới về việc cung cấp phụ tùng.

Từ tình hình nói trên, cần quy hoạch lại ngay để tận dụng những máy móc dã có, kiên quyết tập trung máy vào từng

địa bàn để xây dựng thành những địa bàn ổn định; kết hợp chặt chẽ với việc tổ chức sản xuất, tổ chức lao động và các quy hoạch về thuỷ lợi, giao thông, xây dựng đồng ruộng, xây dựng nông thôn trên địa bàn huyện. Phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa lao động thủ công với cơ khí, giữa các loại máy làm việc di động ngoài đồng với những máy làm việc tĩnh tại, giữa các máy lớn vừa và nhỏ. Cùng với việc mở rộng sử dụng máy kéo, tuỳ theo yêu cầu và đặc điểm tinh hình từng nơi, phải có quy hoạch và kế hoạch điều chỉnh sức kéo sức vật, từng bước chuyển trâu bò cày kéo sang các mặt phục vụ và kinh doanh khác. Phải rất chú ý kế hoạch sản xuất và cung cấp phụ tùng (nên phân công một số xí nghiệp hoặc phân xưởng phụ trách); chú ý công tác hậu cần, bảo đảm việc sửa chữa và cung cấp vật tư kỹ thuật liên quan khác để có thể huy động số xe máy cao nhất ra phục vụ sản xuất. Ngoài ra cần kiên quyết đưa việc quản lý các trạm máy vào hạch toán kinh tế để cho việc sử dụng máy bảo đảm hiệu quả kinh tế.

Về việc trang bị mới, Bộ Nông nghiệp đề nghị nhập 1,87 vạn máy kéo lớn, trang bị thêm 3 vạn máy kéo nhỏ, xây dựng 31 xưởng đại tu, 600 xưởng tiểu tu, 3 xưởng phục hồi và sản xuất phụ tùng, 3 xưởng phục hồi thiết bị điện của máy kéo, 7 xưởng đắp lốp, 1 xưởng sản xuất thiết bị chuyên dùng cho nông nghiệp. Phấn đấu đến năm 1980, đưa tỷ lệ cơ giới hoá khâu làm đất cả nước lên 50%, trong đó đồng bằng sông Cửu Long 74%, đồng bằng sông Hồng 47%; một số huyện làm thí điểm cơ giới hoá ở mức cao 80-90%.

Rút kinh nghiệm vừa qua, cần phải tổ chức sử dụng các loại máy mới nhập một cách tập trung, ngoài việc bổ sung một số máy cần thiết cho đồng bằng sông Hồng, phải dành nhiều máy mới cho những vùng thiếu sức kéo của đồng bằng sông Cửu Long và cho các vùng khai hoang tập trung lớn, trong đó chú ý trang bị khá hơn cho các nông trường.

Ngoài khâu làm đất, cần cố gắng đẩy mạnh cơ giới hoá các khâu vận chuyển, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch, trong đó sẽ làm thí điểm cơ giới hoá đồng bộ cho 8 đến 10 huyện ở

đồng bằng sông Hồng và tích cực chuẩn bị để tiếp tục mở nhanh việc cơ giới hoá đồng bộ này.

Cùng với việc tìm mọi biện pháp tích cực nhất để tăng thêm phụ tùng, bảo đảm đủ máy công tác theo sau máy kéo, tổ chức tốt việc sửa chữa và phục hồi máy, cần rất chú ý công tác đào tạo và nâng cao trình độ mọi mặt của công nhân, để vừa có thể nâng cao thêm chất lượng làm việc, vừa tăng thêm ca và huy động cao hơn nữa công suất của máy. Đến 1980, ở miền Nam, năng suất bình quân mỗi máy lớn phải đạt 330-350 hécta gieo trồng, ở miền Bắc, mỗi máy lớn phải đạt 200-230 hécta gieo trồng, và mỗi máy nhỏ phải bảo đảm 30-40 hécta gieo trồng.

Đi đôi với cơ giới hoá, cần tăng cường trang bị điện cho nông nghiệp. Kết hợp với việc dùng điện cho tưới, tiêu nước, mà tăng cường trang bị điện cho các hợp tác xã để xay xát, nghiên cứu thức ăn gia súc, tuốt lúa, truyền thanh, trước hết là ở những vùng có đường điện cao thế đi qua, và những vùng ở gần các trạm thuỷ điện (dự kiến đến 1980, phía Bắc có 3.000 điểm; phía Nam có 1.000 điểm trang bị điện). Ở những vùng có yêu cầu về phơi sấy và bảo quản, chế biến nông sản, nhất là đối với một số hoa màu lương thực như ngô, sắn, khoai và đối với lúa thu hoạch vào vụ hè thu như một số vùng ở Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long, một mặt ngành công nghiệp cơ khí và chế biến phải thực sự giúp trang bị cho các nông trường và hợp tác xã để bảo đảm sấy khoảng 50% khối lượng thóc hè thu, 1 triệu tấn ngô và 3 triệu tấn sắn tươi, mặt khác ngành vật tư và giao thông vận tải phải phụ trách việc cung cấp và vận chuyển than kịp thời để có điều kiện phát động quần chúng tự làm lấy việc phơi, sấy, chế biến thủ công.

Đối với chăn nuôi. Trước hết phải xây dựng cơ sở thức ăn vững chắc, trong đó phải giành 10% đất canh tác để trồng các cây có bột, có đạm và các loại rau, củ... cho chăn nuôi tập thể của các hợp tác xã; quy hoạch rõ 1 triệu hécta đồng cỏ tự nhiên, trong đó cải tạo sơ bộ 20 vạn hécta và xây dựng 2 vạn hécta cỏ thâm canh ở một số vùng trọng điểm chăn nuôi quan trọng, riêng các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ phải trồng cỏ thâm canh ở ven đê. Tất cả các nơi có chăn nuôi trâu bò đều phải dự trữ rơm và tiến tới có các cơ sở ủ chua cỏ và các loại thức ăn xanh; cung cấp và kiện toàn hệ thống các nhà máy chế biến thức ăn gia súc gồm 42 xí nghiệp đã có và sẽ xây dựng thêm, và các cụm cơ khí nhỏ nghiên cứu thức ăn trên địa bàn huyện; bảo đảm cung cấp đủ nguyên liệu để tận dụng công suất của các cơ sở này (riêng khu vực chăn nuôi do quốc doanh phụ trách, đề nghị được cung cấp hàng năm 65 vạn tấn lương thực, chủ yếu gồm ngô, sắn, khoai; 2,5 vạn tấn khô dầu, 3 vạn tấn bột cá, 1,4 vạn tấn đậu tương, 7.000 vạn tấn prémise, 7.000 tấn bột xương, 3.200 tấn đường kính).

Xây dựng hệ thống giống bao gồm các trại của Nhà nước và các vùng giống của nhân dân. Riêng về giống lợn, ngoài việc cung cấp các trại hiện có, còn phải xây dựng thêm một số trại giống gốc ở trung ương, xây dựng thêm các trại giống huyện và đầu tư hỗ trợ thêm cho các trại giống của hợp tác xã để bảo đảm cung cấp được phần lớn các con giống có chọn lọc. Đồng thời vẫn phải dựa vào các vùng giống của nhân dân, nhưng có đầu tư về lương thực và tác động của Nhà nước về chính sách. Cần đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật vào công tác giống một cách phổ biến, gồm các khâu bình tuyển, thu tinh nhân tạo, phát triển tinh đồng khô đối với trâu, bò và phát triển mạng lưới kỹ thuật để nhân tạo đối với cá. Giải quyết tốt hệ thống lò mổ và kho lạnh. Ban hành và thực hiện tốt các chính sách đối với chăn nuôi, trong đó có giá cả, thu mua, cho vay vốn, khuyến khích chăn nuôi trâu, bò thịt, v.v.. Về bảo vệ sản xuất. Xây dựng và cung cấp hệ thống bảo vệ cây trồng và hệ thống thú y, mở rộng mạng lưới này đến xã, hợp

tác xã, nông trường; trước mắt, tập trung xây dựng lực lượng cho các tỉnh miền Nam, chú trọng những vùng sản xuất chuyên canh quy mô lớn, vùng kinh tế mới, những xí nghiệp chăn nuôi tập trung theo phương pháp công nghiệp, và những vùng, những cơ sở chuyên sản xuất giống, chuyên xuất khẩu. Tăng cường mặt dự tính, dự báo, theo dõi kiểm tra và kiểm dịch nông phẩm, nhất là giống, đồng thời tích cực xây dựng, tiếp tục hoàn chỉnh và vận động nhân dân, nhất là ở những vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, nghiêm túc thực hiện những quy chế, thể lệ và biện pháp về bảo vệ sản xuất, phòng trừ dịch bệnh. Mở rộng hình thức tổ chức nhân dân đóng góp quỹ bảo hiểm thú y ở hợp tác xã và điều phối chung trong phạm vi huyện. Ngành công nghiệp phải bảo đảm cung cấp đủ thuốc, dụng cụ tiêm phòng, bình bom thông thường và phụ tùng sửa chữa, từng bước mở rộng sử dụng cơ giới trên những vùng sản xuất tập trung lớn. Nghiên cứu để sớm tổ chức những trung tâm nông hoá ở từng vùng hoặc ở huyện để đảm nhiệm việc bảo quản và chỉ đạo sử dụng tập trung các loại phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc thú y, kết hợp với tổ chức lực lượng lao động có kỹ thuật ở từng đơn vị sản xuất, để bảo đảm tổ chức phòng trừ có hiệu quả trên từng phạm vi rộng.

Về công tác khoa học kỹ thuật. Những năm qua, công tác nghiên cứu và áp dụng khoa học kỹ thuật đã có những đóng góp thiết thực cho sản xuất nông, lâm nghiệp và hình thành được một số cơ sở nghiên cứu thí nghiệm chuyên ngành và chuyên đề rút ra được một số kinh nghiệm bước đầu về tổ chức quản lý công tác khoa học kỹ thuật, và dần dần thấy được rõ hơn những vấn đề khoa học kỹ thuật chủ yếu phải giải quyết trong quá trình đưa nền nông nghiệp, lâm nghiệp nước ta tiến lên theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. So với yêu cầu thì công tác khoa học kỹ thuật vẫn còn chậm, chưa được quan tâm đầy đủ, và còn phân tán, trùng lắp, lãng

phí, thậm chí có những khâu, những chỗ còn rất tuỳ tiện. Vì vậy, sắp tới, công tác khoa học kỹ thuật cần phải được kiện toàn nhằm:

- Thiết thực giúp các cấp, các ngành nhanh chóng xác định được những căn cứ khoa học (tự nhiên, kinh tế, xã hội) để tổ chức lại nền sản xuất nông - lâm nghiệp phù hợp với yêu cầu và đặc điểm của từng địa phương, trước hết là việc hình thành các vùng sản xuất chuyên canh tập trung lớn, việc xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp, việc giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm, việc tạo ra ngày càng nhiều nguồn nông - lâm sản xuất khẩu và việc bảo đảm những nhu cầu cấp thiết về nông - lâm sản làm nguyên liệu cho công nghiệp.

- Phải làm nhanh, làm tốt hơn nữa công tác điều tra cơ bản, góp phần đẩy mạnh việc phân vùng quy hoạch sản xuất, làm tốt quy hoạch sản xuất trên địa bàn huyện và bố trí sản xuất cho từng đơn vị sản xuất.

- Phải đi sâu giải quyết những khâu kỹ thuật cụ thể của một số cây, con chủ yếu trực tiếp quan hệ đến việc thực hiện các chỉ tiêu sản xuất nông, lâm nghiệp trong kế hoạch 5 năm, gắn liền với việc từng bước thực hiện cuộc cách mạng kỹ thuật trong nông, lâm nghiệp, như thuỷ lợi hoá, cơ giới hoá, hoá học hoá, cơ khí hoá, điện khí hoá.

ở miền Bắc, chú ý nghiên cứu giải quyết việc chống rét cho mạ xuân và cơ cấu của bộ giống lúa mùa để cho cả hai vụ lúa xuân và mùa đều có năng suất cao và ổn định, đồng thời tạo điều kiện cho việc mở rộng vụ đông, đưa vụ đông trở thành vụ sản xuất chính của các tỉnh đồng bằng. ở miền Nam, cùng với việc xác định cơ cấu các giống lúa, cần nghiên cứu việc bố trí hợp lý các mùa, vụ sản xuất ở các vùng có những điều kiện sản xuất khác nhau, nhằm phát huy những cơ sở vật

chất kỹ thuật đã có, tránh những mặt không thuận lợi và tận dụng những mặt thuận lợi của khí hậu và thời tiết.

Trên phạm vi cả nước, cần nghiên cứu giải quyết tốt việc sản xuất và nhân các giống ngô, đậu tương, khoai lang, khoai tây, bông, mía, lợn, trâu, bò và một số cây, con hiện đang có yêu cầu thâm canh tăng năng suất, tăng vụ và mở nhanh về diện tích. Mặt khác phải tiếp tục làm tốt hơn nữa việc nghiên cứu cải tạo đất chua, mặn, đất bạc màu; việc thâm canh trên đất dốc; việc sản xuất và sử dụng các loại phân bón phù hợp với từng loại đất; việc chế tạo và sử dụng các loại máy kéo và máy nông nghiệp; việc phòng chống sâu bệnh, chuột, và dịch bệnh; việc chế biến, phơi sấy và bảo quản các loại nông sản, nhất là các loại màu lương thực...

Để bảo đảm những yêu cầu của công tác khoa học kỹ thuật nông nghiệp, cần *thành lập Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam*; chấn chỉnh lại các viện chuyên đề và chuyên ngành hiện có; xây dựng mạng lưới các cơ sở nghiên cứu, thực nghiệm khoa học kỹ thuật đi sâu vào các vùng; bố trí sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật theo hướng phân công trách nhiệm cho từng người đi sâu vào từng cây, từng con và bám sát vào từng vùng kinh tế, tạo điều kiện và khuyến khích cho cán bộ khoa học kỹ thuật đi sâu, trở thành những chuyên gia giỏi của Đảng và Nhà nước về từng cây, từng con, nhất là đối với những cán bộ đầu đàn giỏi. Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng khoa học kỹ thuật cho cán bộ và quần chúng ở cơ sở, nhằm xây dựng những lực lượng lao động chuyên môn có khả năng nắm vững và thực hiện các biện pháp kỹ thuật trong hợp tác xã, nông trường, lâm trường thành chân rết để phổ biến khoa học kỹ thuật và đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Chú ý đưa những nội dung khoa học kỹ thuật sản xuất nông, lâm nghiệp vào các trường phổ thông, các lớp bổ túc văn hoá ở nông thôn.

Mạnh dạn thay đổi lại một số quy chế trong việc tuyển sinh vào các trường đại học nông, lâm nghiệp theo hướng đưa những thanh niên nông dân có trình độ văn hoá và có kinh

nghiệm sản xuất và những cán bộ, xã viên trẻ đã qua lao động sản xuất vào học trong các trường này, sau đó phân công họ về trực tiếp công tác ngay tại địa phương. Mặt khác, nên phát triển hệ thống các trường vừa học vừa làm, các trường kỹ thuật thực hành, để nhanh chóng tăng cường được đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật. Nghiên cứu thành lập ở mỗi tỉnh một trường cao đẳng kỹ thuật để đào tạo những kỹ sư thực hành phục vụ ngay cho việc phát triển các cây, con ở địa phương.

Trong việc phát triển hàng loạt cây, con theo hướng sản xuất lớn, mỗi biện pháp kỹ thuật đề ra đúng hay sai là có tác động đến toàn bộ, ít ra cũng là trong từng vùng lớn, vì vậy nhất thiết phải bảo đảm quản lý thống nhất và chặt chẽ của cơ quan chủ quản là Bộ Nông nghiệp. *Bộ Nông nghiệp có trách nhiệm thống nhất chỉ đạo và quản lý kỹ thuật nông nghiệp*. Các địa phương có thể thực nghiệm và đề ra những sáng kiến về kỹ thuật, nhưng nhất thiết phải có kết luận chính thức của Bộ Nông nghiệp mới được đưa ra áp dụng thành phổ biến, chấm dứt tình trạng tuỳ tiện đưa ra làm trên diện rộng những kết luận kỹ thuật chưa chắc chắn.

Về tổng vốn đầu tư cho nông nghiệp (không kể thuỷ lợi) dự tính 6,2 tỷ đồng. Về vật tư, yêu cầu 60 vạn tấn xi măng, 22 vạn tấn sắt thép, và 1 triệu mét khối gỗ cho xây dựng của ngành nông nghiệp.

Phân thứ ba

Những vấn đề tổ chức sản xuất, cải tạo và xây dựng quan hệ sản xuất, chính sách và chế độ quản lý nông nghiệp

1. *Về chỉ đạo phân vùng, quy hoạch:* Trên cơ sở phân vùng, quy hoạch tổng thể của cả nước đã được xác định bước

đầu, phải xúc tiến chỉ đạo, từ quy hoạch tổng thể triển khai nhanh thành quy hoạch và bố trí sản xuất cụ thể cho từng địa bàn, từng huyện, và xác định rõ nhiệm vụ sản xuất cho từng nông trường, hợp tác xã. Yêu cầu chung là:

a) *Làm rõ trên thực địa các loại đất đã được dự kiến phân bổ* về nguyên tắc trên bản đồ trong bước phân vùng, trước hết là làm rõ khả năng thực hiện trong ba năm sắp tới, nhất là đối với những nơi chuẩn bị mở thêm diện tích và xây dựng các vùng kinh tế mới. Quy hoạch đến đâu, định rõ ngay đơn vị quản lý kinh doanh đến đó (hợp tác xã, nông trường, lâm trường, trại trại), bảo đảm đất đai nào cũng có đơn vị quản lý, làm chủ, đưa vào kinh doanh sản xuất và làm ra sản phẩm. Những chỗ chưa có người quản lý kinh doanh thì tạm thời giao cho chính quyền địa phương quản lý về mặt nhà nước.

b) *Trên địa bàn huyện*, phải làm rõ ranh giới các loại đất, từng đơn vị sản xuất, chỉ rõ các khu vực dân cư, các khu vực sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, chế biến, các trục chính về thuỷ lợi, giao thông, các khu trung tâm, và các cơ sở hạ tầng dự kiến sẽ hình thành hoặc phải cải tạo; chỉ ra được cây trồng, con vật nuôi và việc bố trí những cây, con đó trong một cơ cấu hợp lý; làm rõ những yêu cầu và khả năng thâm canh, mở rộng diện tích, bảo vệ, cải tạo và bồi dưỡng đất, gắn với những đề nghị về tổ chức và phân bố lại lao động, trang bị công cụ, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, thời gian có thể hoàn thành, để làm căn cứ cho việc xây dựng và thực hiện kế hoạch từ dưới lên và từ trên xuống.

c) *Có sự kết hợp chặt chẽ các ngành, các mặt*, giữa nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp, giữa nông - lâm - ngư nghiệp với tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và công nghiệp, với thuỷ lợi, giao thông, xây dựng cơ bản, lưu thông phân phối, giữa tập thể với quốc doanh, giữa sản xuất với đời sống và xây dựng nông thôn mới; kết hợp chặt chẽ giữa sự cố gắng đầu tư của Nhà nước với phát huy tinh thần tự lực của địa

phương và của các đơn vị sản xuất. Tránh làm tách rời từng mặt, hoặc đi vào cục bộ, làm riêng rẽ từng ngành.

Để bảo đảm những yêu cầu đó, công tác phân vùng quy hoạch phải được *chỉ đạo tập trung và thống nhất từ trung ương đến cơ sở*, khẩn trương triển khai trên tất cả các huyện, trước hết là những huyện thuộc các vùng trọng điểm sản xuất, trọng điểm khai hoang và phân bố lại lao động, tạo điều kiện nhanh chóng chiếm lĩnh được các địa bàn và để có cơ sở thực hiện kế hoạch 5 năm một cách vững chắc. Phải huy động lực lượng quy hoạch của tất cả các ngành và tập trung một lực lượng cán bộ kinh tế, kỹ thuật, một bộ phận học sinh đại học và trung học chuyên nghiệp tham gia dưới sự chỉ đạo thống nhất và tập trung của Hội đồng Chính phủ. Thành lập Ban chỉ đạo phân bổ lực lượng sản xuất để giúp Hội đồng Chính phủ đảm nhiệm phân bổ lực lượng sản xuất, cả đối với nông, lâm nghiệp, công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải,... Ngành nông nghiệp và lâm nghiệp phải chủ động tổng hợp và đề xuất các vấn đề. Tuỳ theo yêu cầu quy hoạch, ở các cấp từ huyện trở lên cần có một lực lượng chuyên trách đủ khả năng làm tham mưu và quy tụ được các ngành nhằm xây dựng và quản lý tốt việc triển khai quy hoạch.

Hội đồng Chính phủ tổ chức duyệt phương án phân vùng của các tỉnh để làm cơ sở cho các tỉnh duyệt quy hoạch của các huyện, có những cuộc duyệt làm mẫu để hướng dẫn chung. Qua phân vùng và xét duyệt quy hoạch mà xem xét giải quyết cụ thể những yêu cầu về điều chỉnh lại ranh giới tỉnh, huyện, xã mà một số địa phương đã kiến nghị.

Đặc biệt chú ý tăng cường công tác quản lý ruộng đất, quản lý rừng, xây dựng tổ chức quản lý ruộng đất, thực hiện thống nhất quản lý chặt chẽ của Nhà nước đối với tất cả các loại ruộng đất, bảo đảm cho mọi đất đai đều được sử dụng đúng quy hoạch và kế hoạch, khắc phục tình trạng sử dụng ruộng đất và khai thác, chặt phá rừng một cách tự do, tuỳ tiện.

2. Về xây dựng huyện: Nghị quyết Đại hội IV của Đảng đã chỉ rõ: "Xây dựng huyện vững mạnh, thật sự trở thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp; lấy huyện làm địa bàn tổ chức lại sản xuất, tổ chức và phân công lại lao động một cách cụ thể và kết hợp công nghiệp với nông nghiệp, kinh tế toàn dân với kinh tế tập thể, công nhân với nông dân. Xây dựng chính quyền cấp huyện thành một cấp Nhà nước quản lý kế hoạch toàn diện và có ngân sách, một cấp quản lý lưu thông và đời sống ở huyện".

Theo địa giới hành chính hiện nay (một số nơi đang có đề nghị điều chỉnh thêm) thì quy mô 1 huyện ở đồng bằng là khoảng 1-2 vạn hécta với 5-7 vạn lao động, 15-20 vạn dân, ở vùng đồi trung du khoảng 2-5 vạn hécta và 3-7 vạn lao động, ở miền núi khoảng 4-5 vạn hécta trở lên. Với quy mô đó, địa bàn huyện tương đối thích hợp cho việc tổ chức sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp theo từng vùng hoặc tiểu vùng theo hướng chuyên môn hoá, phù hợp với quy mô hợp lý của nhiều xí nghiệp công nghiệp chế biến nông, lâm sản, phù hợp với khả năng sử dụng công suất của nhiều loại máy móc nông nghiệp, thuận lợi cho việc kết hợp phát triển nông nghiệp với lâm nghiệp, và nghề cá, kết hợp nông nghiệp, lâm nghiệp, nghề cá với phát triển công nghiệp. Với quy mô một huyện có điều kiện phân công sử dụng lao động hợp lý, thực hiện cân đối tốt hơn giữa trồng trọt với chăn nuôi, giữa cung cấp với sản xuất, giữa sản xuất với lưu thông phân phối và cải thiện đời sống của nhân dân, giữa kinh tế với văn hoá xã hội, giữa kinh tế với quốc phòng. Đây là địa bàn để kết hợp sự phát triển của kinh tế quốc doanh với kinh tế tập thể và kinh tế gia đình; là địa bàn nối liền Nhà nước với nhân dân, là trung tâm địa thuần lợi để tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá, trong đó cách mạng về khoa học - kỹ thuật là then chốt; là quy mô thích hợp để thực hiện công nghiệp hoá nông nghiệp, v.v..

Từ yêu cầu tổ chức lại sản xuất trên phạm vi cả nước và trong từng tỉnh mà tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện và tăng cường cấp huyện, xác định rõ *huyện là chỗ dựa để tổ chức lại sản xuất từ cơ sở, gắn nông nghiệp với công nghiệp, Nhà nước với nông dân, quốc doanh với tập thể, dựa vào huyện để tổ chức chăm lo đời sống của nhân dân, cung cấp nông sản hàng hoá cho Nhà nước và tăng nguồn hàng cho xuất khẩu*, đồng thời cũng dựa vào huyện để xây dựng nền quốc phòng toàn dân; gắn liền xây dựng huyện với tổ chức lại sản xuất ở các đơn vị sản xuất cơ sở; gắn liền xây dựng các đơn vị sản xuất cơ sở, xây dựng huyện với xây dựng ngành quản lý nông nghiệp thành hệ thống nông nghiệp thống nhất trong cả nước. Kết hợp nông - công nghiệp trên địa bàn huyện trong bước đầu đi lên, trước hết là kết hợp giữa nông nghiệp với công nghiệp (gồm cả thủ công nghiệp), trang bị những công cụ thường hoặc công cụ cải tiến cho nông nghiệp, với cơ khí sửa chữa, với công nghiệp chế biến nông sản, sản xuất vật liệu xây dựng, vận tải... ở các vùng đồi núi phải kết hợp chặt chẽ giữa nông nghiệp, lâm nghiệp và công nghiệp, xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông - lâm - công nghiệp. Ở vùng ven biển phải kết hợp chặt chẽ giữa nông nghiệp với ngư nghiệp và công nghiệp, xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông - ngư - công nghiệp. Kế hoạch huyện không chỉ đơn giản là con số cộng của các đơn vị sản xuất, mà có tính toán tổng hợp từ cơ sở sản xuất, từ điều kiện cụ thể của địa bàn huyện và từ những điều mới của trung ương, của tỉnh.

Phải dựa vào phân vùng, quy hoạch chung, của trung ương, của tỉnh và dựa trên kết quả điều tra thổ nhưỡng, khí hậu, thời tiết, tài nguyên và tập quán làm ăn của nhân dân mà xây dựng quy hoạch tổng thể và cụ thể trên địa bàn huyện, xây dựng cho huyện *một phương án kinh tế, kỹ thuật và quản lý*, bảo đảm phát huy tốt nhất khả năng của từng đơn vị sản xuất, đồng thời mở ra thế mới để phân công lao động, mở mang sản xuất và đẩy mạnh xây dựng cơ bản trên phạm vi

huyện. Đi liền theo đó là hình thành *một mạng lưới kinh tế - kỹ thuật* đủ sức giải quyết phần lớn các yêu cầu sản xuất và chế biến của các đơn vị sản xuất cơ sở, bao gồm các trạm trại giống, trạm bảo vệ thực vật, trạm thú y, trạm máy kéo và sửa chữa, trạm thuỷ nông, trạm cung ứng vật tư, các cơ sở chế biến, cơ sở nghiên và trộn thức ăn gia súc..., do huyện nắm kế hoạch hoặc được giao trực tiếp quản lý để chủ động tác động vào sản xuất, bảo đảm những cân đối mới trong sản xuất mà từng đơn vị sản xuất riêng lẻ không tự giải quyết được, giải quyết tốt các vấn đề phân cấp, phân nhiệm, chế độ để tạo điều kiện cho huyện chủ động điều hành. Các cơ sở kinh doanh phục vụ nông nghiệp, lâm nghiệp hoạt động theo ngành dọc đóng tại huyện như trạm cơ khí và sửa chữa, trạm vật tư,... phải lấy kế hoạch sản xuất, kinh doanh của huyện làm cơ sở để xây dựng kế hoạch của đơn vị mình, chịu sự điều hành phối hợp của huyện và tiến hành sản xuất, kinh doanh theo đúng tiến độ kế hoạch sản xuất của các đơn vị sản xuất cơ sở. *Xây dựng một bộ máy quản lý* có đủ khả năng chỉ đạo về kinh tế - kỹ thuật đối với các đơn vị sản xuất cơ sở, bảo đảm gắn chặt nông nghiệp với lâm nghiệp và công nghiệp, gắn chặt sản xuất với chế biến, thu mua, và đủ sức tổ chức đời sống về mọi mặt.

Bên cạnh những cơ sở vật chất kỹ thuật, những cơ sở kinh doanh sản xuất và phục vụ do Trung ương và tỉnh đầu tư, huyện cần phát huy ưu thế của việc sử dụng tập trung tư liệu sản xuất và lao động, tự mình đứng ra tổ chức việc từng bước tích tụ và tập trung vốn và lao động của các đơn vị sản xuất, nhất là của hợp tác xã sản xuất, xây dựng một số xí nghiệp của huyện, dưới hình thức liên doanh giữa các đơn vị sản xuất tập thể với nhau, hoặc liên doanh giữa tập thể với quốc doanh, do huyện đứng ra tổ chức và chỉ đạo, nhằm từng bước mở rộng kinh doanh và tăng cường việc trực tiếp phục vụ nông, lâm nghiệp trong huyện. *Ví dụ:* vận chuyển địa phương, xây dựng cơ bản, sản xuất vật liệu xây dựng, mở rộng kinh doanh nghề rừng, nghề cá và các ngành nghề thủ

công, chế biến nông, lâm sản, khai thác những nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương... Trên cơ sở tăng cường tích luỹ và tái sản xuất mở rộng từng bước, những cơ sở kinh doanh này sẽ được trang bị ngày càng khía cạnh, từng bước tham gia vào việc phân công sản xuất cùng với mạng lưới công nghiệp địa phương, nhanh chóng tạo thêm những điều kiện vật chất kỹ thuật để tác động vào sản xuất, và từ đó tăng cường hơn việc gắn nông nghiệp với công nghiệp, tập thể với quốc doanh và dần dần hình thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp.

Trong quy hoạch xây dựng các vùng kinh tế mới, cần lấy huyện địa phương có đất làm chỗ dựa để đầu tư, tạo điều kiện cho huyện có đất trực tiếp quản lý và xây dựng vùng kinh tế mới. Các tỉnh, huyện có lao động có trách nhiệm tổ chức đưa lao động theo đúng kế hoạch, đồng thời giúp các tỉnh, huyện có đất chuẩn bị địa bàn và giải quyết những khó khăn ban đầu để sớm ổn định tổ chức và sản xuất. Để tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Nam cũng phải trước hết củng cố, xây dựng huyện, tạo điều kiện cho huyện chủ động chỉ đạo chuẩn bị và tiến hành, không được tách rời việc xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp với xây dựng huyện.

Việc xây dựng huyện theo những yêu cầu, nội dung như trên cũng đặt ra những vấn đề phải giải quyết đối với cấp xã. Ở miền Bắc, thực tế đã chỉ rõ, với phạm vi nhỏ hẹp của mình, cấp xã không đủ điều kiện trở thành một cấp quản lý kinh tế. Để chính quyền cấp xã tập trung sức làm tốt trách nhiệm quản lý hành chính, quản lý xã hội, chăm lo công tác văn hoá, giáo dục, quân sự và trị an, không nên để Uỷ ban nhân dân xã phải trực tiếp chỉ đạo và quản lý kinh tế mà làm nhiệm vụ quản lý về hành chính đối với hợp tác xã, trước hết là kiểm tra các hợp tác xã trong việc thực hiện pháp luật, chính sách và chấp hành nghĩa vụ đối với Nhà nước. Việc chỉ đạo về kinh tế, kỹ thuật đối với hợp tác xã do cấp huyện làm trực tiếp. Ở miền Nam, trong điều kiện sản xuất cá thể, cấp

xã vẫn cần được tăng cường để giúp huyện chỉ đạo và quản lý nông nghiệp, đồng thời để thiết thực chuẩn bị cho việc xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Để tạo cho huyện có điều kiện xây dựng theo những yêu cầu, nội dung đã đề ra ở trên, cùng với việc giải quyết ngân sách cho huyện và xây dựng, tăng cường mạng lưới các cơ sở kinh doanh phục vụ nông nghiệp đã xác định.

- Cân tạo cho huyện có quỹ lương thực để tăng khả năng sử dụng lao động trên quy mô huyện (gồm một phần trích từ quỹ lương thực của tỉnh và một phần có thể trích từ quỹ dự trữ lương thực của hợp tác xã); huyện cũng có thể trích một phần quỹ công ích của hợp tác xã và của các đơn vị sản xuất kinh doanh khác trong huyện để sử dụng chung.

- Ổn định nhiệm vụ sản xuất và ổn định mức giao nghĩa vụ thu mua cho huyện, tạo điều kiện cho huyện chủ động chỉ đạo sản xuất, kinh doanh, chỉ đạo các đơn vị sản xuất, và chủ động trong tổ chức đời sống của nhân dân.

- Tổ chức lại việc thu mua ở huyện, xác định rõ trách nhiệm cho huyện cả về kế hoạch sản xuất và kế hoạch thu mua nông, lâm sản. Cơ quan thu mua ở huyện đặt dưới sự chỉ đạo của Uỷ ban nhân dân huyện ký hợp đồng với các đơn vị sản xuất, thống nhất việc thu mua nông sản ở huyện vào một mối (chỉ có một công ty thu mua ở huyện), xoá bỏ tình trạng nhiều cơ quan thu mua trực tiếp đặt hàng và ký hợp đồng riêng rẽ với từng đơn vị sản xuất.

- Tăng cường năng lực cho huyện, không chỉ về mặt quản lý nông, lâm nghiệp, mà cả đối với công nghiệp, xây dựng và lưu thông, phân phối. Huyện phải có đủ cán bộ chuyên môn về các ngành, đồng thời phải tạo điều kiện đưa vào thành cơ cấu cán bộ mới trong huyện uỷ và Uỷ ban nhân dân huyện.

- Tiếp tục xây dựng nhanh các huyện điểm theo những nội dung đã xác định, tập trung sự chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh và huy động lực lượng của các ngành đi vào giải quyết các vấn đề, sớm tạo ra huyện mẫu được xây dựng ngày càng hoàn thiện.

Từng huyện phải dựa vào những nội dung, yêu cầu xây dựng huyện theo hướng mới mà chủ động tổ chức sản xuất, phát huy tốt nhất sức lao động và những điều kiện vật chất - kỹ thuật sẵn có, dựa vào khí thế cách mạng trong quần chúng mà đẩy mạnh sản xuất và xây dựng, không chờ đợi đầu tư và trang bị của trên. Đồng thời các ngành, các cơ quan có trách nhiệm ở Trung ương phải cùng với tỉnh giải quyết kịp thời những yêu cầu của huyện và cơ sở, có đầu tư tập trung và kịp thời vào từng trọng điểm để đẩy mạnh phát triển sản xuất, nhanh chóng tạo ra sản phẩm hàng hoá.

3. Về xây dựng, mở rộng nông trường quốc doanh và quân đội làm nông, lâm nghiệp: thi hành Nghị quyết của Đại hội "xây dựng kinh tế quốc doanh lớn mạnh nhanh chóng, chiếm ưu thế trong sản xuất và lưu thông, phân phối", cần phải kết hợp chặt chẽ với việc khai hoang, xây dựng các vùng kinh tế mới mà phát triển nông trường quốc doanh lớn mạnh thành chỗ dựa quan trọng của Nhà nước để thực hiện những phương hướng, nhiệm vụ nông nghiệp đã đề ra. Nhiệm vụ của nông trường quốc doanh cần được xác định cụ thể như sau:

- Bảo đảm cho Nhà nước nắm chắc một khối lượng lương thực, thực phẩm, để chủ động trong việc đáp ứng nhu cầu ăn của khu vực phi nông nghiệp; sản xuất được một khối lượng nông sản hàng hoá làm nguyên liệu cho công nghiệp và xuất khẩu, nhất là những nông sản có giá trị lớn về kinh tế và có yêu cầu cao về kỹ thuật, như bông, cao su, cà phê, mía đường, dứa, cam, sữa...
- Có tích luỹ để tái sản xuất mở rộng và trang bị lại cho nông trường và góp phần vào tích luỹ chung của Nhà nước.
- Sản xuất và cung cấp một số giống tốt, nhất là đối với một số giống cây, con chính.
- Làm gương mẫu cho các hợp tác xã trên các mặt sản xuất, quản lý và áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất; chủ động giúp các hợp tác xã và phát huy tác dụng đẩy mạnh nông nghiệp trong vùng từng bước đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Về lâu dài, dự kiến phấn đấu đưa diện tích canh tác của nông trường quốc doanh lên khoảng 1,5 -2 triệu hécta, trong đó khoảng 50 vạn hécta lúa, 25 vạn hécta ngô và đậu tương, 25 vạn hécta sắn, 24 vạn hécta cao su, trên 20 vạn hécta mía, trên 10 vạn hécta bông... Trong kế hoạch 5 năm này phải thực hiện một bước theo hướng đó. ở miền Bắc, phải củng cố và hoàn chỉnh trên một trăm nông trường quốc doanh hiện có. Trên cơ sở tổ chức lại sản xuất, xác định rõ hơn nữa nhiệm vụ sản xuất của từng nông trường mà có kế hoạch đẩy mạnh việc phục hoá, khai hoang, đưa toàn bộ đất đai Nhà nước đã quy hoạch cho các nông trường vào kinh doanh hợp lý và cải tiến công tác quản lý nông trường, phấn đấu đến năm 1980, tất cả các nông trường cũ phải được định hình, mở rộng diện tích gieo trồng của nông trường từ 5,4 vạn hécta (1975) lên 11 vạn hécta (1980). Xây dựng nông trường thật sự thành những xí nghiệp nông nghiệp xã hội chủ nghĩa quản lý kinh doanh có nền nếp. Trên 1 triệu hécta đất khai hoang sẽ dành khoảng 70 vạn hécta để xây dựng nông trường. Tính cả nước đến hết năm 1980 sẽ có trên dưới 200 nông trường với khoảng trên 78 vạn hécta gieo trồng các loại.

Các nông trường mới dự kiến xây dựng trong 5 năm gồm có:

- Các nông trường ở Tây Nam Bộ, thuộc bốn tỉnh Long An, Đồng Tháp, Minh Hải, Kiên Giang đảm nhận 25 vạn hécta (trong tổng số 45 vạn hécta), chuyên sản xuất lúa, cói và chăn nuôi lợn, thịt cá, trong đó quân đội phụ trách 15 vạn hécta.
- Các nông trường ở Đông Nam Bộ, đảm nhận khai hoang 20 vạn hécta (trong tổng số 25 vạn hécta), chủ yếu sản xuất ngô, đậu tương, mía và cây công nghiệp, cây ăn quả, trong đó quân đội phụ trách 10 vạn hécta.
- Các nông trường ở Tây Nguyên đảm nhận khai hoang 10 vạn hécta (trong tổng số 20 vạn hécta), sản xuất sắn, hoa màu khác, cây công nghiệp dài ngày, cà phê, ca cao, chủ yếu do quân đội phụ trách.

- ở ven biển Khu V cũ, các nông trường đảm nhận 4 vạn hécta (trong tổng số 15 vạn hécta), chủ yếu để sản xuất bông và do quân đội phụ trách.

Sản xuất trong các nông trường phải xác định là sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, bố trí theo hướng tập trung, chuyên môn hóa, và thâm canh cao, đồng thời phải lợi dụng kinh doanh tổng hợp, bảo đảm kết hợp chặt chẽ giữa trồng trọt và chăn nuôi, nông nghiệp và lâm nghiệp, nông lâm nghiệp và công nghiệp. Ở các vùng đồi núi, một bộ phận quan trọng nông trường phải lấy lâm nghiệp làm một ngành kinh doanh chính. Cần rút kinh nghiệm những năm qua, có quy hoạch, kế hoạch, bước đi và có đầu tư đúng mức để bảo đảm thâm canh và đạt được hiệu quả kinh tế vững chắc, chống lối làm ô ạt, đi vào sản xuất quảng canh và phân tán. Về công tác quản lý đối với nông trường, hiện nay có nông trường trung ương, nông trường địa phương và tổ chức quản lý tách biệt hẳn nhau là không hợp lý, cần theo nhiệm vụ chính của từng nông trường mà sắp xếp lại theo hướng sau đây: các nông trường có nhiệm vụ chính là sản xuất giống thì chuyển sang hệ thống giống và do cơ quan quản lý giống của Nhà nước phụ trách; các nông trường kinh doanh cây, con thì theo nhiệm vụ sản xuất chính mà gắn với vùng sản xuất và tuỳ theo quy mô và nhiệm vụ cụ thể của từng nông trường mà giao cho tỉnh hoặc huyện quản lý. Trung ương trực tiếp nắm một số nông trường giống quan trọng, một số nông trường sản xuất những cây, con đòi hỏi kỹ thuật phức tạp ở những vùng sản xuất tập trung (như nông trường bò sữa ở vùng tập trung bò sữa, nông trường cao su), một số nông trường trồng cây đặc sản hoặc cây xuất khẩu có giá trị lớn. Quan hệ giữa bộ, các địa phương và tổng công ty, công ty chuyên doanh trong quản lý các nông trường cần được nghiên cứu quy định cụ thể.

Để bảo đảm xây dựng và quản lý tốt các nông trường, cần chuẩn bị tốt bộ khung cán bộ, có lựa chọn, huấn luyện kỹ và đưa ngay vào làm công tác chuẩn bị ở từng địa bàn. Điều động một số cán bộ đã có kinh nghiệm làm nông trường ở

miền Bắc để xây dựng các nông trường ở miền Nam; sử dụng cán bộ quân đội và rút một số cán bộ đưa vào các nông trường để học tập kinh nghiệm xây dựng và quản lý nông trường. Các nông trường do quân đội phụ trách cũng phải được chuẩn bị tốt bộ khung cán bộ, để bảo đảm đưa nhanh công tác quản lý nông trường vào quy tắc, chế độ và sớm chuyển sang kinh doanh, đạt được hiệu quả kinh tế tốt. Để sớm phát huy được vai trò và vị trí của nông trường, cần đầu tư cơ khí để xây dựng một số nông trường đi ngay lên cơ khí hóa, đồng thời vẫn phải xây dựng nhiều nông trường bắt đầu từ lao động thủ công và được trang bị mới từng bước thích hợp.

Trong nhiệm vụ khai hoang xây dựng các vùng kinh tế mới và xây dựng các nông trường, *lực lượng quân đội làm kinh tế* có một vai trò và trách nhiệm lớn như Nghị quyết của Bộ Chính trị đã xác định. Với tuổi trẻ, sức lực dồi dào, có trình độ văn hóa, lại có tổ chức và chỉ huy chặt chẽ, lực lượng quân đội chuyển sang làm nông, lâm nghiệp chắc chắn sẽ đưa lại năng suất và hiệu quả cao. Nhiệm vụ của quân đội làm nông, lâm nghiệp là:

- Tham gia xây dựng cơ bản cho nông, lâm nghiệp, như làm thuỷ lợi, làm đường giao thông, khai hoang xây dựng đồng ruộng, nhà ở... theo hợp đồng với địa phương hoặc với các bộ, với tư cách là bên B.
- Trực tiếp xây dựng và quản lý các nông trường hoặc các nông - lâm trường theo quy hoạch và kế hoạch thống nhất của từng vùng kinh tế, và theo đúng chế độ, chính sách của Nhà nước đối với nông, lâm trường.

Vừa qua Thủ tướng Chính phủ đã ký giao cho quân đội 10 điểm sản xuất nông nghiệp bao gồm 54 vạn hécta và 7 điểm sản xuất lâm nghiệp bao gồm 1,7 triệu hécta. Trong kế hoạch khai hoang trên 1 triệu hécta trong 5 năm 1976-1980, Nhà nước dự kiến giao cho quân đội 40 vạn hécta, đưa vào sản xuất trên 30 vạn hécta và xây dựng 49 nông trường.

Quân đội đã bắt tay vào việc, đã đạt được những kết quả tốt bước đầu. Tuy nhiên, hiện nay quân đội mới tính toán bố trí cho nông nghiệp được 20 vạn lao động, so với nhiệm vụ được giao thì lực lượng này không đủ bảo đảm. Nhiều vấn đề trong quan hệ giữa quân đội với địa phương, giữa quân đội với các bộ, các ngành, các vấn đề đầu tư, trang bị cho quân đội... chưa được giải quyết cụ thể. Sau Hội nghị Trung ương lần này, Thường vụ Hội đồng Chính phủ và Bộ Quốc phòng sẽ bàn bạc giải quyết cụ thể và có quy định rõ ràng. Tinh thần chung là bảo đảm sự chỉ huy thống nhất, tập trung của quân đội đối với lực lượng bộ đội làm kinh tế, đồng thời gắn chặt các nông trường quân đội trong hệ thống quản lý nông, lâm nghiệp chung của cả nước, dưới sự chỉ đạo thống nhất của các bộ chủ quản về quy hoạch, kế hoạch, kỹ thuật, về chính sách, chế độ, và gắn với các đơn vị sản xuất quốc doanh và tập thể ở từng vùng, gắn với tỉnh, với huyện, tránh tình trạng nông trường quân đội là những đơn vị riêng biệt.

4. Về tăng cường các hợp tác xã nông nghiệp ở miền Bắc và hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Nam

ở miền Bắc, Nghị quyết Đại hội Đảng đã chỉ rõ: "Trong nông nghiệp, ta đã tích luỹ được nhiều kinh nghiệm về quản lý hợp tác xã, phải căn cứ vào những kinh nghiệm ấy để cải tiến quản lý các hợp tác xã nông nghiệp, đi đôi với phát triển kinh tế trên địa bàn huyện và tăng cường cấp huyện". Việc xây dựng, *tăng cường hợp tác xã sản xuất nông nghiệp phải gắn với xây dựng huyện*, gắn huyện với hợp tác xã trong một cơ cấu chung về sản xuất và quản lý, *song hợp tác xã sản xuất nông nghiệp vẫn là những đơn vị hạch toán độc lập*. Hợp tác xã phải trước hết làm tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, và từ kết quả sản xuất mà cải thiện đời sống, tăng cường phúc lợi tập thể; nhiều yêu cầu khác của đời sống như giáo dục,

văn hoá, hành chính, phải do chính quyền nhà nước ở địa phương, mà trực tiếp là xã và huyện phụ trách; không nên biến hợp tác xã thành một đơn vị phải lo cả một phần lớn những công việc về hành chính.

Yêu cầu khẩn trương là phải thanh toán được 30% số hợp tác xã thuộc loại yếu, kém, đưa trình độ các hợp tác xã thuộc loại trung bình lên khá và mở rộng diện các hợp tác xã tiên tiến theo hướng mới. Cần tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh việc tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý trong hợp tác xã; nhanh chóng mở rộng quy mô những hợp tác xã còn nhỏ, ổn định quy mô thích hợp của hợp tác xã hiện nay (ở đồng bằng khoảng 300-500 hécta canh tác, ở miền núi, cả nông và lâm nghiệp khoảng một vài nghìn hécta), tạo điều kiện ổn định cho sản xuất phát triển.

Đối với từng hợp tác xã, phải thực hiện đúng yêu cầu tổ chức lại sản xuất, tổ chức lại lao động và cải tiến công tác quản lý với những nội dung và phương hướng sau đây:

- Thống nhất quản lý tư liệu sản xuất và lao động trong hợp tác xã, bảo đảm sử dụng tập trung tư liệu sản xuất và lao động theo đúng yêu cầu của sản xuất thâm canh, chuyên canh, trong quy hoạch thống nhất của vùng sản xuất và của huyện; bảo đảm bố trí gắn chặt giữa đất, nước, khí hậu, thời tiết với cây trồng và con vật nuôi; bố trí cân đối lại các khâu cơ sở vật chất kỹ thuật và xây dựng các quy trình kỹ thuật; thực hiện cân đối tốt giữa trồng trọt với chăn nuôi; kết hợp chặt chẽ giữa đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể với hướng dẫn đúng hướng kinh tế gia đình. ở miền núi và ở các vùng có khả năng trồng rừng, phải chuyển mạnh sang kinh doanh lâm nghiệp và xây dựng thành các hợp tác xã nông, lâm nghiệp. ở miền biển, phải kết hợp chặt chẽ nông nghiệp với ngư nghiệp, xây dựng thành những hợp tác xã nông - ngư nghiệp hoặc những hợp tác xã chuyên về ngư nghiệp.

- Hình thành tổ chức và phân công lao động mới trong hợp tác xã, vừa củng cố vững chắc các đội sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, làm rừng, vừa tổ chức lao động chuyên về từng khâu

công việc (tổ hoặc đội), như làm đất, làm phân, làm giống, quản lý thuỷ nông, công cụ và cơ khí, cung ứng vật tư, vận chuyển, chế biến, tách lao động ra để phát triển các ngành nghề thủ công, để tổ chức lực lượng xây dựng cơ bản, đưa vào các xí nghiệp liên doanh, đưa đi xây dựng các vùng kinh tế mới và cung cấp cho công nghiệp, cho các ngành nhà nước.

- Hình thành hệ thống quản lý mới trong hợp tác xã, bao gồm Ban quản trị, các tiểu ban chuyên môn giúp việc, các đội sản xuất và các đội lao động chuyên khâu; thống nhất xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật trong hợp tác xã, dựa theo định mức mẫu chung của vùng và của huyện; thực hiện hạch toán thống nhất trong hợp tác xã; tạo điều kiện thực hiện quản lý tập trung thống nhất và có hiệu lực vào Ban quản trị hợp tác xã và tập trung quyền điều hành sản xuất vào chủ nhiệm hợp tác xã. Ban quản trị trực tiếp nắm các yếu tố vật chất kỹ thuật và lao động, trực tiếp quản lý quy hoạch, kế hoạch, kỹ thuật, các chế độ, quy trình và việc ăn chia phân phối, thực hiện đúng nguyên tắc phân phối theo lao động; các đội sản xuất, các đội lao động chuyên khâu và từng cán bộ, xã viên làm theo kế hoạch, chế độ, quy trình, định mức, theo những nhiệm vụ được phân công và trách nhiệm phải hợp tác.

Với những nội dung như vậy, các hợp tác xã trở thành những xí nghiệp nông nghiệp xã hội chủ nghĩa đang từng bước được trang bị mới thích hợp. Hiện nay, hợp tác xã là những đơn vị cơ sở hạch toán độc lập, đồng thời có mối quan hệ chặt chẽ với địa bàn huyện, tỉnh và từ đó mà gắn với toàn bộ nền kinh tế quốc dân, gắn tập thể với quốc doanh, gắn nông, lâm nghiệp với công nghiệp, gắn sản xuất với lưu thông, phân phối... Qua tổ chức lại sản xuất theo hướng hiệp tác có phân công, tạo cho hợp tác xã thế mới để đẩy mạnh phân công lao động, mở rộng xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, phát triển mạnh trồng trọt, chăn nuôi, phát triển các ngành nghề, nâng cao thu nhập, tăng tích luỹ cho hợp tác xã, cải thiện đời sống

của xã viên và cung cấp nông sản hàng hoá ngày càng nhiều cho Nhà nước. Phải phấn đấu tăng sản xuất và tăng năng suất lao động, bảo đảm huy động được 250-300 ngày lao động của xã viên và bảo đảm được mức giá trị ngày công ổn định trong hợp tác xã khoảng 1 đồng - 2 đồng, *tạo điều kiện chuyển sang thực hiện phân phối bằng tiền*, đi liền với bảo đảm cung cấp lương thực theo định lượng. Khâu quyết định để bảo đảm tổ chức và quản lý theo hướng mới là công tác bồi dưỡng và huấn luyện cán bộ. Hiện nay, chúng ta đã có những cán bộ ít nhiều có kinh nghiệm quản lý hợp tác xã và những xã viên trẻ có văn hoá, cần gấp rút tổ chức bồi dưỡng đội ngũ cán bộ và xã viên này bằng kinh nghiệm thực tế tại chỗ, đồng thời phải có quy hoạch và tạo cơ sở để ngay từ năm nay bắt đầu tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho hợp tác xã theo quy mô lớn, trong đó bao gồm cả việc đào tạo cán bộ quản lý trình độ trung học và đại học cho hợp tác xã.

Cần chú trọng tăng cường cơ quan quản lý hợp tác xã, đưa những người có năng lực, biết kinh doanh, có phẩm chất đạo đức tốt vào bộ máy quản lý hợp tác xã và ổn định đội ngũ cán bộ này, tránh xáo trộn, nhất là đổi với chủ nhiệm hợp tác xã, kế toán trưởng và các đội trưởng. Để tăng cường trách nhiệm và điều hành có hiệu lực, nên thực hiện chế độ *Nhà nước bổ nhiệm chủ nhiệm và kế toán trưởng của hợp tác xã, trước hết là kế toán trưởng*. Chú ý tăng cường cho hợp tác xã những phương tiện quản lý cần thiết, như sân và kho để quản lý tập trung sản phẩm, phương tiện để cân, đo, tính toán, làm sổ sách, vì hiện nay những phương tiện này đang rất thiếu. Mặt khác phải có những quy định về tổ chức và chế độ chặt chẽ nhằm làm cho các ngành, các cấp tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của hợp tác xã; Ban quản trị tôn trọng và phát huy đầy đủ quyền làm chủ tập thể của xã viên. Ở

những nơi đã tổ chức lại sản xuất và hợp tác xã đã tổ chức khớp với đơn vị hành chính xã, thì nên nghiên cứu chuyển các hợp tác xã mua bán xã hiện nay thành một bộ phận của hợp tác xã nông nghiệp, do hợp tác xã nông nghiệp đứng ra tổ chức mua và bán, trong quan hệ chỉ đạo và hợp đồng với công ty thương nghiệp quốc doanh huyện.

Những kinh nghiệm cải tạo quan hệ sản xuất và tổ chức lại sản xuất ở miền Bắc là những kinh nghiệm cần được vận dụng để chỉ đạo phong trào *hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Nam*. Khác với miền Bắc trước đây tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp trên cơ sở một nền nông nghiệp cá thể hết sức nghèo nàn và phải vừa làm vừa rút kinh nghiệm, đi từ nhỏ đến lớn, từ thấp đến cao, từ giản đơn đến phức tạp. Nói chung tốc độ đi lên chậm và có nhiều lúng túng, khó khăn; ở miền Nam, với sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản, nông nghiệp miền Nam dưới chế độ cũ đã có một bước phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá, nhiều vùng sản xuất chuyên canh đã hình thành, một số trang bị kỹ thuật mới đã được sử dụng, các hệ thống kinh doanh thu mua, chế biến, vận tải, cung cấp xăng dầu, phân bón của tư bản tư doanh được tổ chức khá rộng. Từ nền kinh tế đó, nếu chỉ đạo xây dựng và cải tạo tốt, chúng ta có thể đi nhanh lên theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Tiềm năng của thiên nhiên lại rất lớn, bằng tác động của khoa học - kỹ thuật và tổ chức sản xuất theo hướng sản xuất lớn, chúng ta chắc chắn nhanh chóng nâng cao được năng suất và sản lượng nông nghiệp. Chúng ta lại có kinh nghiệm của miền Bắc và có lực lượng kinh tế to lớn của cả nước. Nhân dân lao động miền Nam đã trải qua

quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, có sự giác ngộ cao. Các tầng lớp nông dân lao động có ít ruộng đất và công cụ, hoặc không có ruộng đất, những nơi bị chiến tranh tàn phá nặng, ruộng đất bị bỏ hoang, bỏ hoá, công cụ và sức kéo thiêu... càng có khả năng tiếp thu hợp tác hoá nhanh. Với những điều kiện đó, chúng ta hoàn toàn có thể nhanh chóng phát huy kết quả trong sản xuất và đưa phong trào tiến lên mạnh mẽ.

Tuy nhiên, ở nhiều nơi tình hình sản xuất và đời sống còn khó khăn, cơ sở đảng và cốt cán đang còn yếu, có nơi tình hình chính trị còn phức tạp: ở nhiều nơi kinh tế của trung nông có một vị trí lớn và đã bắt đầu đi vào kinh doanh hàng hoá, nhiều người có máy cày, máy bơm, có vườn cây ăn quả; ở nhiều nơi cũng đã hình thành tầng lớp trung nông trên và phú nông chiếm hữu nhiều ruộng đất và công cụ. Trong cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, đây là một đối tượng phải được đặc biệt chú ý. Phải có chính sách thích đáng để thu hút nhanh trung nông vào hợp tác hoá. Cuộc đấu tranh đưa từ cá thể đi vào tập thể là phức tạp.

Như Nghị quyết 24 của Trung ương đã chỉ rõ: "Việc kết hợp cải tạo và xây dựng phải đưa lại kết quả thiết thực là sản xuất không ngừng phát triển, năng suất lao động xã hội ngày càng tăng, sản phẩm hàng hoá ngày càng nhiều và đời sống xã hội ngày càng lành mạnh, tiến bộ, điều kiện sinh hoạt vật chất và văn hoá của nhân dân không ngừng được cải thiện". Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp miền Nam phải tiến hành rất khẩn trương, nhanh, gọn, nhưng phải tiến hành thận trọng, vững chắc, phải nắm chắc tình

hình và nghiên cứu đề ra những chính sách sát hợp, nhất là phải chuẩn bị rất tốt về cán bộ, có quyết tâm cao phát động quần chúng và chuẩn bị những điều kiện cho việc hoàn thành nhanh, gọn, tốt cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp trong kế hoạch 5 năm này. Giữa các vùng khác nhau, tốc độ tiến hành cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp cũng có thể có chỗ nhanh, chậm khác nhau, nhưng nói chung, đối với tất cả các vùng, cần *phải qua đầu tư của Nhà nước cho khai hoang, làm thuỷ lợi, trang bị máy kéo và qua việc tổ chức cung cấp phân bón, xăng dầu, mà từng bước tổ chức quần chúng nông dân từ thấp lên cao*, hướng quần chúng sản xuất theo yêu cầu của kế hoạch nhà nước, hướng dẫn họ nộp thuế và bán sản phẩm cho Nhà nước theo chính sách đã ban hành, và đấu tranh với những mặt tiêu cực. Cần phải hết sức coi trọng công tác giáo dục chính trị, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho nông dân, đồng thời phải phát động quần chúng tham gia các tổ chức hợp tác sản xuất ở trình độ thấp, đưa quần chúng đi vào làm ăn có tổ chức và chuẩn bị tích cực cho việc xây dựng và phát triển hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Tốt nhất là nên tổ chức thành các tập thể sản xuất nhỏ theo hình thức tập đoàn sản xuất, tổ đoàn kết sản xuất hoặc tổ hợp, sau này trực tiếp chuyển thành *các đội sản xuất khi xây dựng hợp tác xã*.

Chuẩn bị đầy đủ những điều kiện để *đưa phong trào hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Nam đi ngay vào hiệp tác có phân công, tổ chức ngay những hợp tác xã bậc cao, quy mô hợp lý gắn liền với xây dựng huyện có cơ cấu nông - công nghiệp gắn liền hợp tác hoá với thuỷ lợi hoá, tổ chức lại sản xuất và từng bước cơ khí hoá*. Ở những nơi có lâm nghiệp thì ngay từ đầu

phải gắn nông nghiệp với lâm nghiệp, hoặc tổ chức thành các hợp tác xã nông - lâm nghiệp. Các hợp tác xã ở vùng lúa nên có quy mô khoảng 500-700 hécta; ở vùng rau, quy mô hợp tác xã có thể nhỏ hơn; các hợp tác xã kinh doanh nghề rừng, kinh doanh cây công nghiệp dài ngày thì có thể có quy mô một vài nghìn hécta. Bảo đảm ổn định quy mô hợp tác xã trong một thời gian tương đối lâu, tránh xáo trộn.

Cần tiếp tục nghiên cứu, làm thí điểm và quy định, công bố sớm các chính sách đối với tư liệu sản xuất của nông dân trong cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, với tinh thần phải bảo đảm tốt cho sản xuất, cho đời sống, tránh gây ra những tiêu cực có hại. Phải giải quyết thoả đáng và thích hợp những chênh lệch nhiều về ruộng đất trong nông dân. (Ví dụ: ruộng đất đưa vào hợp tác xã, nếu cao hơn mức bình quân chung sẽ được tính trả hoa lợi ruộng đất trong một số năm, do hợp tác xã và xã viên bàn định và thoả thuận). Đối với vườn cây lâu năm, nhất là vườn cây ăn quả, nếu không nhiều và lẻ tẻ thì để cho xã viên sử dụng, đồng thời nghiên cứu việc kinh doanh tập thể đối với những nơi trồng cây ăn quả tập trung có diện tích lớn (có thể nghiên cứu thành lập các hợp tác xã làm vườn). Đất để lại cho xã viên nên dựa theo quy định chung ở miền Bắc trước đây là không quá 5% diện tích bình quân trong xã, nhưng cũng cần tuỳ theo những nơi ruộng đất có nhiều mà quy định mức tối đa cần để lại cho mỗi hộ. Máy móc và trâu bò của xã viên cần nghiên cứu giải quyết theo hai hướng: hoặc hợp tác xã mua lại và trả tiền dần trong một số năm, hoặc hợp tác xã thuê dùng, bảo đảm cung cấp xăng dầu và trả tiền thuê thích đáng.

Với tinh thần "chuẩn bị những điều kiện cần thiết để tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp trên phạm vi lớn một cách vững chắc và nhanh gọn", ngay *trong năm 1977 và nửa đầu năm 1978* phải xúc tiến ngay một số công việc sau đây:

- Làm thí điểm các loại hình hợp tác xã ở các vùng khác nhau, gắn liền với xây dựng huyện. Ngoài những tỉnh có huyện điểm của Trung ương, mỗi tỉnh khác phải làm thí điểm một số hợp tác xã ở một huyện.

- Kiện toàn một bước cho các huyện, cơ bản làm xong các việc sau đây: quy hoạch sản xuất và quy hoạch xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật; tăng cường Uỷ ban nhân dân huyện và các bộ phận giúp việc về kinh tế; tăng cường cán bộ cho huyện, trước hết là bảo đảm đủ cán bộ lãnh đạo xây dựng hợp tác xã để triển khai nhiệm vụ theo yêu cầu mới.

- Tổ chức rộng khắp các hình thức hợp tác sản xuất ở trình độ thấp, thu hút đại bộ phận quần chúng, đi liền với kiện toàn ban chỉ đạo sản xuất xã và chuẩn bị bộ khung cán bộ cho việc thành lập hợp tác xã.

- Ráo riết chuẩn bị về cán bộ bằng nhiều phương thức: lựa chọn cán bộ tại chỗ thành từng bộ khung hợp tác xã và tổ chức huấn luyện đồng bộ, gồm chủ nhiệm, kế hoạch, trông trot, chăn nuôi, kế toán, lao động và định mức, thuỷ nông, lâm nghiệp, lúc đầu bồi dưỡng ngắn ngày rồi tiếp tục nâng cao dần; đưa một số cán bộ đi tham quan học tập kinh nghiệm của các hợp tác xã miền Bắc; đưa một số bộ khung cán bộ hợp tác xã ở miền Bắc, từ chủ nhiệm đến một số đội trưởng vào giúp xây dựng các hợp tác xã điểm, nhằm rút ngắn thời gian mò mẫm, đồng thời nhanh chóng tạo ra những điểm mẫu để lấy thực tế bồi dưỡng cán bộ và làm gương mẫu cho quần chúng.

- Tích cực xây dựng cơ sở đảng, củng cố chính quyền cách mạng, đẩy mạnh giáo dục xã hội chủ nghĩa trong nông dân; nghiên cứu ban hành các chính sách nhằm đẩy

mạnh sản xuất và tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp, kịp thời ngăn ngừa những hành động tiêu cực (như bán chạy trâu bò, máy móc, phá vườn cây, đào ao vượt thổ...) do hiểu sai về chính sách hợp tác hoá nông nghiệp.

Từ *nửa cuối năm 1978* bắt đầu mở đợt 1 cuộc vận động và phấn đấu hoàn thành hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Nam trong vòng hai năm.

5. Về *một số chính sách thu mua, giá cả*: Chính sách đối với nông nghiệp có nhiều mặt phức tạp và liên quan đến nhiều ngành, phải được nghiên cứu cải tiến từng bước, nhưng trước mắt, để đáp ứng yêu cầu của nông nghiệp, cần giải quyết ngay một số vấn đề trong thu mua, giá cả.

Về *thu mua*, khó khăn rất lớn của ta là Nhà nước không nắm chắc được nguồn hàng và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp cũng không ổn định được sản xuất và đời sống, do mức huy động và thu mua luôn thay đổi. Để giải quyết tình hình này, việc quyết định là phải phát triển sản xuất và nâng cao ý thức trách nhiệm của quần chúng đóng góp cho Nhà nước, đồng thời cũng cần thực hiện chính sách ổn định mức nghĩa vụ thu mua nông sản đối với hợp tác xã và nông dân, trước mắt là ổn định mức nghĩa vụ từ nay đến năm 1980. Hợp tác xã phải làm đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và bán nông sản theo mức ổn định cho Nhà nước, đồng thời Nhà nước ổn định mức cung cấp một số vật tư tối thiểu cho các hợp tác xã. Ngoài mức bán theo nghĩa vụ, các hợp tác xã bán các sản phẩm khác cho Nhà nước thông qua ký kết các hợp đồng. Đối với lương thực, ở những nơi sản xuất khát, có năng suất cao và có nhiều lương thực thực hàng hóa cung cấp cho Nhà nước, ngoài việc bảo đảm mức ăn cần thiết cho nông dân, hợp tác xã cần

được dự trù một phần bằng lương thực. Đối với các vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả, cây thực phẩm, chăn nuôi, lâm nghiệp, trên cơ sở hợp đồng hai chiều mà định nghĩa vụ thu mua, Nhà nước bảo đảm cung cấp vật tư kỹ thuật và lương thực, hợp tác xã bảo đảm cung cấp sản phẩm hàng hoá.

Đối với kinh tế phụ gia đình, trừ con lợn, Nhà nước đã giao nghĩa vụ, tất cả các sản phẩm còn lại của kinh tế gia đình đều thu mua qua hợp đồng, do hai bên thoả thuận. Nhà nước cần dành riêng một số vật liệu xây dựng (gạch, ngói, xi măng) và một quỹ hàng hoá để bảo đảm việc thu mua.

Đối với những nông dân còn làm ăn riêng lẻ, ngoài chính sách thuế lương thực theo luỹ tiến, cần giao nghĩa vụ bán lương thực, thực phẩm với mức nhất định cho Nhà nước, số lương thực, thực phẩm còn lại thì vận động thu mua theo hợp đồng. Nhà nước phải dùng những biện pháp kinh tế và hành chính, phát triển thương nghiệp quốc doanh, cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thương nghiệp tư bản tư doanh, sắp xếp lại lực lượng tiểu thương, đấu tranh để quản lý thị trường, chống lại và bài trừ những hành động đầu cơ tích trữ.

Về giá cả, là một vấn đề phức tạp, phải giải quyết nó trong mối quan hệ về nhiều mặt. Để khuyến khích sản xuất nông nghiệp, phải xem xét sửa đổi ngay một số giá cả đối với nông sản phẩm, trước hết là giá thóc, giá thịt lợn và giá một số nông sản quan trọng khác. Về giá thu mua thóc, nhiều ngành trung ương và các địa phương đều thấy không hợp lý, cần phải nâng giá lên để bù đắp lại chi phí sản xuất và bảo đảm

có một mức lãi nhất định; chỗ khác nhau chính hiện nay là ở cách tính toán giá thành. Bộ Nông nghiệp đề nghị giá mua thóc bình quân là 0,50 đồng/kg, và tính theo vùng, cao nhất là 0,65 đồng, thấp nhất là 0,47 đồng. Bộ Nông nghiệp cũng đề nghị giá thu mua thịt lợn là 3,5đ/kg. Đề nghị Hội nghị Trung ương lần này cân nhắc và quyết định.

Sau khi nâng giá lên một mức tương xứng, nên bỏ chính sách mua ngoài nghĩa vụ theo giá cao, thực hiện chính sách thưởng cho những nông sản bán thêm ngoài kế hoạch. Ngoài giá chỉ đạo mua theo kế hoạch và hợp đồng, nên để có giá mua bán tự do, tạo điều kiện cho cơ quan thương nghiệp nắm thêm nguồn hàng và chủ động hơn trong việc đấu tranh để quản lý thị trường.

Về giá bán lương thực và thực phẩm của Nhà nước, hiện nay diện được hưởng giá cung cấp quá rộng, Nhà nước phải bù lỗ nhiều, vì vậy cùng với việc nâng giá thu mua, phải tính toán lại về giá bán và nên bán theo một giá. Như vậy tránh được nhiều phiền phức và những lạm dung trong hoạt động mua và bán. Đối với công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang và một số đối tượng đặc biệt nào đó cần chiếu cố thì Nhà nước cần bù vào tiền lương (như lâu nay đã làm đối với vải, mì), hoặc trợ cấp.

6. Về công tác kế hoạch nông nghiệp: Hiện nay, Bộ Nông nghiệp chưa thật sự chủ động trong xây dựng và chỉ đạo kế hoạch theo ngành, đồng thời giữa Bộ Nông nghiệp với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và nhiều ngành cũng đang có những mâu thuẫn phai hợp.

Cần xác định rõ: là ngành chủ quản về nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp phải phụ trách toàn diện về nông nghiệp, gồm cả quy hoạch, kế hoạch, kỹ thuật, quản lý các chính sách, chế độ, quy trình, đào tạo và quản lý cán bộ nông nghiệp... Kế hoạch nông nghiệp phải do ngành nông nghiệp phụ trách xây dựng và chỉ đạo; ngành phải được nắm các yếu tố vật chất kỹ thuật

và được giao vốn đầu tư để chủ động về kế hoạch. Đồng thời, do nông nghiệp có liên quan đến rất nhiều ngành, cho nên Bộ Nông nghiệp không thể tự mình làm kế hoạch nếu không có sự tham gia và phối hợp của các ngành, các bộ khác. Vì vậy, một mặt Bộ Nông nghiệp cần phải tăng cường quan hệ với các ngành, mặt khác, phải đặc biệt phát huy cao hơn nữa trách nhiệm của Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước trong việc tính toán cân đối chung nền kinh tế, từ khả năng của nền kinh tế chung và khả năng cân đối xuất, nhập mà bảo đảm tập trung cao độ lực lượng của cả nước, của các cấp, các ngành cho nông nghiệp.

Để bảo đảm cân đối xây dựng kế hoạch từ dưới lên, Bộ Nông nghiệp cần tăng cường cho cơ quan quản lý nông nghiệp tỉnh và huyện, chỉ đạo các cơ quan này xây dựng kế hoạch, và kết hợp chặt chẽ với cơ quan kế hoạch tỉnh, huyện.

Kế hoạch đối với công tác khai hoang, xây dựng các vùng kinh tế mới cũng cần được thống nhất bao gồm: kế hoạch khai hoang xây dựng thành đồng ruộng để đưa vào sản xuất; kế hoạch xây dựng những cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ sản xuất, những công trình phục vụ đời sống và phúc lợi công cộng; kế hoạch cân đối lao động, đưa dân đi và tiếp nhận dân đến; kế hoạch vốn, vật tư và lương thực. Cần lấy huyện làm đơn vị cơ sở để tổng hợp từ dưới lên và ghi vào kế hoạch nông nghiệp của tỉnh, đồng thời là một bộ phận kế hoạch nông nghiệp của toàn quốc do Bộ Nông nghiệp phụ trách chỉ đạo và tổng hợp, có sự phối hợp chặt chẽ của các ngành có liên quan khác. Kế hoạch khai hoang xây dựng vùng kinh tế mới của quân đội là một bộ phận của kế hoạch nông, lâm nghiệp chung của toàn quốc, cũng cần được xây dựng dưới sự chỉ đạo thống nhất của Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Tổng cục Khai hoang và phải

thống nhất kế hoạch triển khai ở từng vùng và trên địa bàn từng tỉnh, từng huyện.

7. Về việc xây dựng các tổng công ty và công ty kinh doanh sản xuất nông nghiệp

Trong tổ chức lại sản xuất theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, do sản xuất ngày càng đi vào chuyên môn hoá và sản xuất tập trung, kết hợp chặt chẽ giữa nông nghiệp và công nghiệp, sản xuất và chế biến, cần thiết phải sớm hình thành các tổng công ty, công ty hoặc xí nghiệp liên hiệp phụ trách quản lý cả sản xuất, chế biến và tổng phân phối đối với những cây, con có yêu cầu phát triển lớn, có khả năng chuyên môn hoá cao, được sản xuất trên những địa bàn tập trung và có quy mô chế biến lớn, như cao su, mía đường, cà phê và chè, chăn nuôi lấy sữa, chăn nuôi theo phương pháp công nghiệp giống cây, con và xuất khẩu. Dựa vào các tổ chức chuyên doanh này mà tổ chức sản xuất khép kín từ sản xuất đến chế biến đối với các cây, con kể trên, và tổ chức gắn chặt giữa trung ương, tỉnh, huyện, các đơn vị sản xuất cơ sở trong một hệ thống thông suốt từ dưới lên, từ trên xuống.

Hiện nay, chúng ta đã có Tổng công ty cao su, Công ty rau, Công ty dâu tằm, Công ty chè, nhưng trừ Tổng công ty cao su đã được tổ chức tương đối đồng bộ, các công ty khác chỉ mới đi vào được từng khâu và hoạt động còn nhiều mặt chưa ăn khớp. Cần soát lại, tạo điều kiện cho nó đi vào thực hiện đúng nhiệm vụ, chức năng, chuẩn bị để sớm tổ chức những ngành có đủ điều kiện, chuẩn bị tốt đến đâu, tổ chức đến đó, không làm một cách ô ạt và hình thức. Từ hướng tổ chức này, tất yếu phải đặt ra xem xét mối quan hệ về tổ chức và quản lý giữa Bộ Nông nghiệp và Bộ Lương thực và

thực phẩm, để gắn chặt lại làm một giữa sản xuất và chế biến. Các cơ quan thương nghiệp cũng không trực tiếp tác động vào các cơ sở sản xuất nông, lâm nghiệp như hiện nay, mà thông qua cơ quan quản lý nông, lâm nghiệp để nắm nông, lâm sản hàng hoá.

Phân thứ tư

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, của Nhà nước đối với nông nghiệp

Tình hình nông nghiệp đang rất khẩn trương; những nhiệm vụ nông nghiệp được đề ra hết sức tập trung và to lớn. Thời gian của kế hoạch 5 năm chỉ còn 3 năm rưỡi. Để bảo đảm thực hiện Nghị quyết của Đại hội và Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần này, rõ ràng phải đặt vấn đề lãnh đạo, chỉ đạo nông nghiệp với một tinh thần mới, quyết tâm tập trung sức lực, trí tuệ của toàn Đảng và huy động đến mức cao lực lượng của mọi ngành, mọi cấp giành cho được thắng lợi trên mặt trận nông nghiệp.

I- Về tư tưởng, trước hết phải làm cho các ngành, các cấp, từ trung ương đến cơ sở và toàn thể đảng viên, quần chúng thấm nhuần đường lối, chính sách của Đảng đối với nông nghiệp, nhận thức đúng nhiệm vụ nông nghiệp, nhiệm vụ sản xuất lương thực là số một, nhận rõ quyết tâm rất cao của Trung ương và của toàn Đảng tập trung sức cho nông nghiệp, kiên quyết thực hiện cho kỳ được những mục tiêu đã xác định. Phải thấy hết những thuận lợi rất lớn, rất cơ bản, đồng thời cũng thấy rõ những khó khăn lớn cần ra sức khắc phục.

Kiên quyết tạo ra chuyển biến cách mạng sâu sắc về tư tưởng, nhận thức trong các cấp, các ngành, từ trong Đảng ra ngoài quần chúng, từ đó tạo ra chuyển biến cách mạng sâu

sắc trong tổ chức chỉ đạo, trong tác phong, lề lối làm việc, và trong việc nâng cao năng lực về mọi mặt, đáp ứng những yêu cầu mới của nhiệm vụ nông nghiệp.

II- Phải soát lại hàng loạt những thể lệ, chính sách và quy định, từ đường lối của Đại hội Đảng và Nghị quyết của Trung ương lần này mà sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới, hình thành một hệ thống các chính sách, chế độ, thể lệ phục vụ cho việc triển khai nhiệm vụ mới trong nông nghiệp, biến các chủ trương, quan điểm của Đảng thành pháp chế có hiệu lực thi hành trong tất cả các ngành, các cấp, trong bộ máy chính quyền, trong các đoàn thể nhân dân và trong quần chúng đồng đảo. Có thể sắp xếp các vấn đề cần nghiên cứu bổ sung hoặc quy định theo mấy loại sau đây:

a) *Loại quy định quan hệ giữa Nhà nước với nông dân tập thể*: chính sách thu mua nông sản, lâm sản (gồm cả nông - lâm sản xuất khẩu); chính sách ổn định nghĩa vụ bán lương thực và thực phẩm; chính sách lương thực đối với những vùng chuyên trồng cây công nghiệp, trồng rau, chuyên chăn nuôi, làm rừng; chính sách đầu tư cho nông - lâm nghiệp và đầu tư xây dựng các vùng kinh tế mới; chính sách và tổ chức cung ứng tư liệu sản xuất cho nông dân, bao gồm chính sách bán tư liệu sản xuất, thu tiền cày máy, thu về thuỷ lợi, về sửa chữa những máy móc và dụng cụ cho nông nghiệp; nội dung của việc ký hợp đồng hai chiều giữa Nhà nước và nông dân; chính sách đối với nông cụ, máy kéo, xe vận tải, xe lâm nghiệp của tư nhân ở các tỉnh miền Nam; chính sách đối với vườn cây ăn quả, vườn cây công nghiệp, gia súc của tư nhân, của các tổ chức tôn giáo, xã hội trong quá trình xây dựng hợp tác xã; chính sách thuế đối với nghề thủ công trong nông thôn, đối với rừng do hợp tác xã và nông dân tu bổ hoặc trồng mới; chính sách tiền lương và trợ cấp đối với công nhân vận hành máy nông nghiệp ngoài trời ở nông trường và hợp tác xã, ở đồng bằng và miền núi; chính sách huy động lao động của nông dân và chính sách tiền công trong hợp tác xã, trong nông thôn.

b) *Loại quy định rõ nhiệm vụ, cơ cấu, quy mô và cách thức hoạt động của các tổ chức sản xuất kinh doanh:* Điều lệ chi tiết hợp tác xã nông nghiệp bậc cao quy mô lớn, hợp tác xã nông - lâm nghiệp, lâm - nông nghiệp hoặc hợp tác xã nông - ngư nghiệp; các chế độ tổ chức và quản lý cụ thể trong các loại hợp tác xã; điều lệ tổ chức các nông trường quốc doanh; điều lệ tổ chức các công ty hoặc các liên hợp nông - công nghiệp kinh doanh tổng hợp hoặc chuyên doanh một số cây, con; cơ cấu nông - công nghiệp trên địa bàn huyện; quan hệ về kinh tế giữa nông trường quốc doanh với các hợp tác xã, hoặc giữa nông trường với nhau trên địa bàn một huyện; điều lệ tổ chức các trạm máy nông nghiệp, v.v..

c) *Loại quy định những vấn đề về phương thức quản lý kinh tế* như: những quy định về phương thức kế hoạch hoá đối với nền kinh tế quốc dân, việc phân cấp quản lý các cơ sở kinh tế giữa trung ương với tỉnh, giữa tỉnh và huyện; việc phối hợp kế hoạch phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp và công nghiệp chẽ biến giữa các địa phương có quan hệ với nhau trong việc kinh doanh nông - lâm sản; những quy định về việc áp dụng và phổ biến các sáng kiến, sáng chế, phát minh khoa học trong các cơ sở sản xuất; pháp lệnh về ruộng đất, việc sử dụng ruộng đất trong sản xuất và trong xây dựng cơ bản; tư cách pháp nhân của các giám đốc nông trường, của chủ nhiệm hợp tác xã, v.v..

Để có thể tiến hành nghiên cứu và ban hành đồng bộ và nhanh chóng những chính sách, chế độ, thể lệ như đã đề ra, cần phát huy trách nhiệm của từng bộ và huy động sử dụng một cách tập trung lực lượng cán bộ có khả năng nghiên cứu ở các vụ, cục, viện, trường của các bộ, có kế hoạch và phân công, dưới sự chỉ đạo của Thường vụ Hội đồng Chính phủ. Các Ban Kinh tế của Đảng phải tích cực tham gia việc nghiên cứu. Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ dành thời gian thích đáng để xem xét và kịp thời thông qua một số chế độ và quy định quan trọng.

III- Trong phân công và tổ chức, cần bảo đảm tập trung hơn nữa cho nông nghiệp với yêu cầu:

1. *Tăng cường sự lãnh đạo của Bộ Chính trị* đối với nông nghiệp. Bộ Chính trị cần có những cuộc họp chuyên đề nhằm giải quyết các vấn đề lớn có liên quan đến nông nghiệp, dành cho nông nghiệp một tỷ lệ quan trọng trong chương trình công tác của mình.

Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ phải tập trung chỉ đạo, cụ thể hoá hơn nữa các chủ trương, chính sách, biện pháp, tổ chức tốt sự hiệp đồng, bảo đảm triển khai nhanh các công việc và giải quyết kịp thời những vấn đề địa phương và cơ sở đặt ra. Đặc biệt là phải tăng cường sự chỉ đạo cụ thể của Thường vụ Hội đồng Chính phủ, thống nhất tập trung cao lực lượng của các ngành nhằm đáp ứng nhanh, nhẹ mọi yêu cầu của nông nghiệp.

ở địa phương, Ban Thường vụ các tỉnh uỷ, thành uỷ và đồng chí Bí thư phải đặc biệt chăm lo nghiên cứu và chỉ đạo giải quyết các vấn đề nông nghiệp; cần phân công một số uỷ viên trong tỉnh uỷ, thành uỷ chuyên trách công tác nông nghiệp và tăng cường chỉ đạo xây dựng các điểm để rút ra những kết luận từ thực tiễn. Đặc biệt là phải tăng cường ngay cho 500 huyện, dựa vào huyện mà triển khai các nhiệm vụ nông nghiệp một cách kịp thời và chủ động.

Tăng cường Ban Nông nghiệp của Đảng thật sự thành cơ quan tham mưu để giúp Trung ương và các tỉnh uỷ, thành uỷ nghiên cứu, kiểm tra về nông nghiệp.

2. *Kiên toàn mạnh Bộ Nông nghiệp, Bộ Lâm nghiệp, xây dựng tổ chức của các Bộ gồm ba hệ thống:*

- *Hệ thống hành chính kinh tế*, là hệ thống tham mưu, bao gồm các cục, vụ giúp Bộ trưởng lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp hướng dẫn, kiểm tra mọi công tác của ngành về kế hoạch, về trồng trọt, chăn nuôi, tổ chức, chính sách, cán bộ, thanh tra, quản lý tài chính... Hệ thống này phải mạnh nhưng gọn, nhẹ.

- *Hệ thống nghiên cứu khoa học và đào tạo*, gồm các viện, các trường, giúp nghiên cứu và khảo nghiệm về kỹ thuật, đưa

tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, nghiên cứu về kinh tế và quản lý, và phụ trách đào tạo cán bộ, công nhân.

- *Hệ thống kinh doanh*, gồm các Tổng công ty hoặc Công ty kinh doanh sản xuất, và Tổng công ty hoặc Công ty kinh doanh về vật tư kỹ thuật, như phân bón hoá học, thuốc trừ sâu, cơ khí và công cụ, giống cây trồng và gia súc...

Các bộ có liên quan đến nông nghiệp cần tổ chức ra bộ phận chuyên lo về nông nghiệp, có một đồng chí lãnh đạo bộ chuyên trách.

3. Sắp xếp lại và tổ chức thêm một số cơ quan:

- Tách bộ phận lương thực (hiện nay thuộc Bộ Lương thực, thực phẩm) thành một hệ thống riêng, có thể tổ chức thành một bộ hoặc tổng cục. Phần chế biến còn lại thì Bộ Công nghiệp thực phẩm phụ trách.

- Lập Tổng cục khai hoang, xây dựng kinh tế mới và nông trường để chuyên trách công tác này, trực thuộc Hội đồng Chính phủ và có quan hệ chặt chẽ với Bộ Nông nghiệp. Tổng cục khai hoang cần có tổ chức đến cấp tỉnh và có lực lượng chuyên trách mạnh để chỉ đạo trực tiếp ở từng vùng kinh tế trọng yếu.

- Lập Ban cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp miền Nam của Trung ương Đảng và Chính phủ để chuyên trách nghiên cứu và chỉ đạo, bảo đảm kết hợp chặt chẽ giữa cải tạo và xây dựng, lấy Ban Nông nghiệp của Đảng làm nòng cốt.

- Thành lập Ban chỉ đạo phân bố lực lượng sản xuất để đẩy nhanh công tác phân vùng, quy hoạch, chẳng những đáp ứng với yêu cầu tổ chức lại sản xuất trước mắt, mà còn chuẩn bị kịp thời cho việc xây dựng phương hướng phát triển sản xuất lâu dài.

IV- Từ yêu cầu của nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ tổ chức, phải có chuyển biến mạnh trong việc *bố trí, sử dụng cán bộ* và tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho nông nghiệp.

1. Trước hết, cần giảm nhẹ bộ máy hành chính ở Trung ương, ở tỉnh, đưa mạnh cán bộ vào các hệ thống kinh doanh, đưa

xuống huyện và cơ sở sản xuất. Hiện nay ở miền Bắc, mỗi huyện đã có bình quân tám cán bộ nông - lâm nghiệp trình độ đại học, nhưng không đồng bộ về ngành nghề và nhất là ở nhiều nơi chưa đủ cán bộ chủ trì có chất lượng. Ở miền Nam tuy gần đây các ngành trong khôi nông nghiệp cũng đã điều cho các tỉnh 2.000 cán bộ đại học và trung học để bố trí cho các huyện, nhưng số cán bộ này chưa đủ, nhất là cán bộ có khả năng chủ trì công việc còn ít. Dự kiến phải bố trí cho mỗi huyện có ít nhất 11 cán bộ có trình độ đại học và khoảng 30 cán bộ trung học, trong đó chú trọng trước hết bố trí đủ cán bộ chủ trì và cán bộ trực tiếp phụ trách nông, lâm nghiệp, gồm những cán bộ kinh tế, kỹ thuật có trình độ đại học đã qua thực tế công tác và biết tổ chức điều hành công việc theo yêu cầu tổ chức lại sản xuất. Đối với các huyện đồng bằng miền Bắc, trước mắt chủ yếu là điều chỉnh cho đồng bộ về ngành nghề. Hướng chính là tăng cường cho các huyện miền núi và các huyện miền Nam, kết hợp chặt chẽ các ngành để bố trí cả cán bộ nông - lâm nghiệp, thuỷ lợi, công nghiệp, xây dựng cơ bản, lưu thông, phân phối. Cần sử dụng tốt số cán bộ cũ ở vùng mới giải phóng ở miền Nam, chú ý lực lượng công nhân kỹ thuật và cán bộ thực hành.

Đưa một số cán bộ khá về kinh tế, kỹ thuật vào phụ trách các tổng công ty và công ty kinh doanh của ngành và đưa cán bộ về tăng cường cho địa phương ở các vùng trọng điểm lương thực (cả lúa và màu) để giải quyết nhiệm vụ trọng tâm là lương thực, và tăng cường cán bộ cho các vùng cây công nghiệp, cây xuất khẩu. Ở các vùng kinh tế mới, ngoài việc tăng cường cán bộ cho tỉnh, cho huyện, phải bố trí đủ bộ khung cán bộ cho các nông trường, lâm trường, bảo đảm có người đứng ra tổ chức nông - lâm trường, và thành lập nông - lâm trường đến đâu có đủ cán bộ chỉ đạo và quản lý đến đó. Đồng thời cần bố trí một số cán bộ có năng lực toàn diện, có sức phối hợp, kết hợp các mặt công tác, các ngành hoạt động, để phụ trách tác chiến tại chỗ ở các khu vực, các vùng sản xuất trọng điểm của trung ương, của tỉnh.

2. Điều động một số cán bộ lãnh đạo ở các ngành trung ương và của các tỉnh uỷ, huyện uỷ ở miền Bắc có hiểu biết kinh tế, kỹ thuật, có kinh nghiệm lãnh đạo phong trào, có năng lực tổ chức bổ sung cho các tỉnh uỷ, huyện uỷ ở miền Nam. Giao cho các tỉnh, huyện miền Bắc, từng tỉnh và từng huyện, có trách nhiệm giúp cụ thể cán bộ có kinh nghiệm cho việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng huyện và đẩy mạnh hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Nam gồm: các bộ khung cán bộ để trực tiếp xây dựng hợp tác xã, các bộ khung cán bộ để kiện toàn các cơ quan huyện ở miền Nam, trước hết là kiện toàn cơ quan quản lý nông - lâm nghiệp huyện, các bộ khung cán bộ cho các trường quản lý và kỹ thuật nông nghiệp tỉnh, và cán bộ cho các trường huyện. Ban Tổ chức Trung ương cùng với Ban Nông nghiệp Trung ương, Bộ Nông nghiệp và các ngành có liên quan tính toán các loại cán bộ cần điều động và đề ra yêu cầu cụ thể cho các tỉnh, đồng thời phải tạo điều kiện để tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng kịp thời cho số cán bộ này theo những nội dung, yêu cầu mới. Phải nghiên cứu ban hành ngay những chính sách cần thiết, đồng thời cùng với các tỉnh, huyện miền Nam tính toán việc sắp xếp và tổ chức điều động đưa vào kịp ngay trong năm nay.

3. Trên cơ sở cán bộ được bố trí lại mà tổ chức bồi dưỡng làm thấu suốt quan điểm, đường lối của Đảng, nắm vững những nội dung, yêu cầu xây dựng nền nông nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa, và những kiến thức mới về nhiệm vụ công tác được giao. Ban Nông nghiệp Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương, Bộ Nông nghiệp, Bộ Lâm nghiệp giúp Trung ương tổ chức bồi dưỡng đến cán bộ phụ trách nông, lâm nghiệp huyện và một số chủ nhiệm hợp tác xã, một số giám đốc nông - lâm trường lớn. Cấp uỷ tỉnh phụ trách bồi dưỡng cho các loại cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo khác. Các ngành nông - lâm nghiệp phải tổ chức bồi dưỡng cho các loại cán bộ quản lý, kỹ thuật và nghiệp vụ của ngành, tuỳ từng loại cán bộ mà giao cho từng cấp phụ trách. Bộ Nông nghiệp phải có kế hoạch bắt đầu xây dựng trường đào tạo cán bộ quản lý cho hợp tác xã theo trình độ trung học và đại học, đồng thời cùng với các ngành có liên

quan bàn bạc việc tổ chức các trường lớp đào tạo, bồi dưỡng với tốc độ nhanh hơn các loại cán bộ nghiệp vụ quản lý cho hợp tác xã, đáp ứng yêu cầu tổ chức lại sản xuất đi lên theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt là Bộ phải có ngay kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuẩn bị kịp cho việc mở rộng thí điểm và phát triển mạnh hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở miền Nam trong những năm trước mắt. Nhà nước đầu tư và tạo những điều kiện về trường, sở, phương tiện cho công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ; các ngành có liên quan tính toán những yêu cầu này để bảo đảm tốc độ và chất lượng mới của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho nông thôn, nông nghiệp.

4. Đi liền với việc bố trí và bồi dưỡng cán bộ, phải có quy chế sử dụng và quản lý, bảo đảm cho cán bộ có điều kiện đi sâu vào cây, con và ngành nghề, có chính sách khuyến khích cán bộ nâng cao trình độ nghề nghiệp và đi vào những nơi khó khăn.

Trong tình hình hiện nay, để bố trí, sử dụng tốt lực lượng cán bộ trên đại học và cán bộ đại học nông - lâm nghiệp, cần giao cho Bộ phụ trách việc phân phối và thống nhất quản lý cán bộ trong toàn ngành. Các tỉnh, huyện không được điều động cán bộ đại học và trên đại học ra ngoài ngành nếu không được sự đồng ý của Bộ. Bộ thực hiện quyền bổ nhiệm các cán bộ lãnh đạo chuyên môn cấp tỉnh (trưởng, phó ty) và các chủ nhiệm Uỷ ban Nông nghiệp huyện. Địa phương không được quyền điều động, thay đổi các cán bộ này nếu không có quyết định của Bộ.

Trong phân phối cán bộ, trừ những trường hợp cần thiết, nói chung nên tạo điều kiện để bố trí cán bộ kinh tế, kỹ thuật nông nghiệp ở tỉnh nào được trực tiếp công tác ở tỉnh đó. Việc tuyển sinh cán bộ đào tạo cho nông nghiệp cũng nên dự kiến trước số lượng cần thiết cho từng tỉnh, từng vùng, để có kế hoạch lựa chọn và đào tạo sát với yêu cầu cụ thể của địa phương.

Đi đôi với việc bố trí đúng cán bộ và xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, cần từng bước thực hiện chế độ trách nhiệm quyết định về chuyên môn cho cán bộ chuyên môn theo chế độ kỹ sư trưởng ở từng cấp.

Để khuyến khích cán bộ công tác lâu dài ở cơ sở sản xuất và ở các vùng xa xôi hẻo lánh, cần có chính sách bảo đảm cho anh chị em có thu nhập khá hơn cán bộ công tác ở nơi thuận lợi, đồng thời phải quan tâm tạo những điều kiện để bồi dưỡng, nâng cao trình độ và giúp giải quyết những khó khăn cụ thể trong đời sống. Cán bộ miền xuôi lên công tác ở miền núi cần được hưởng chính sách thâm niên và có chế độ định kỳ chuyển vùng cho những người đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong một thời gian nhất định. Cần thực hiện chính sách phụ cấp khu vực đối với cán bộ miền núi ở miền Nam.

Đối với cán bộ công tác ở khu vực kinh tế tập thể, lâu nay chính sách hưởng thụ còn bình quân. Cần quy định lại chế độ thù lao căn cứ vào kết quả hoàn thành kế hoạch và có chênh tuỳ theo quy mô hợp tác xã to hay nhỏ, giá trị tổng sản lượng nhiều hay ít. Cố gắng bảo đảm cho cán bộ chủ chốt trong hợp tác xã có thu nhập không thấp hơn mức hiện nay đang phụ cấp cho cán bộ chủ chốt xã. Trong trường hợp thu nhập của hợp tác xã chưa bảo đảm thì đề nghị Nhà nước có trợ cấp tạm thời.

Đối với cán bộ hợp tác xã ở các tỉnh miền Bắc đưa vào giúp xây dựng hợp tác xã ở các tỉnh miền Nam, trong thời gian rời khỏi địa phương, cần được hưởng mọi chế độ như đối với cán bộ trong biên chế nhà nước và được trả lương thỏa đáng để bảo đảm thu nhập và đời sống của gia đình.

V- *Có chuyển biến thật sự mạnh mẽ trong phong trào quần chúng*, động viên khí thế cách mạng trong quần chúng sôi nổi tham gia thám canh, tăng vụ, phục hoá, khai hoang, xây dựng các vùng kinh tế mới, làm thuỷ lợi, làm phân hữu cơ, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp, xây dựng hợp tác xã ở miền Nam, tổ chức lại sản xuất và quản lý nông - lâm nghiệp... Chú ý tính toán sử dụng một cách tiết kiệm nhất sức lao động của quần chúng trong các phong trào, để thu được hiệu quả lớn nhất trong việc sử dụng sức dân và sức đầu tư của Nhà nước.

Phải dựa vào các đoàn thể quần chúng như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Nông hội, Mặt trận để giáo dục và phát động quần chúng, tăng cường sinh hoạt của các tổ chức, thường xuyên phát huy vai trò làm chủ tập thể của quần chúng trong nông nghiệp, nông thôn. Ở miền Bắc, thông qua củng cố hợp tác xã, phát huy vai trò làm chủ tập thể của nông dân xã viên, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa của giai cấp nông dân tập thể, tiến hành đều đặn và có chất lượng các kỳ họp Đại hội đại biểu nông dân tập thể ở các cấp; củng cố hoạt động của Hội đồng nông dân tập thể, nhất là ở cấp huyện. Ở miền Nam, phải tiếp tục củng cố Nông hội ở cơ sở, thông qua Nông hội và các tổ chức quần chúng khác ở nông thôn mà tăng cường giáo dục, vận động chính trị, nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, động viên quần chúng tham gia các tổ chức sản xuất tập thể, đẩy mạnh khôi phục, phát triển sản xuất, hoàn thành nhanh, gọn, tốt nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp. Khi đại bộ phận nông dân đã tham gia các tổ chức

sản xuất tập thể ở trình độ khác nhau thì cũng tổ chức Đại hội đại biểu nông dân tập thể ở các cấp như kinh nghiệm của miền Bắc. Khẩn trương chuẩn bị cho Đại hội đại biểu nông dân tập thể toàn quốc.

*

* *

Tóm lại, tình hình và những nhiệm vụ mới đối với nông nghiệp đang đề ra cho chúng ta một khối lượng công việc to lớn và khẩn trương. Sau Đại hội Đảng, với khí thế chung của phong trào, chúng ta có nhiều thuận lợi để triển khai các nhiệm vụ nông nghiệp, đưa nông nghiệp tiến nhanh, đáp ứng những yêu cầu mới. Tuy nhiên chúng ta đang có nhiều khó khăn trước mắt, đồng thời về nhiều mặt, nhiều tổ chức, nhiều ngành của chúng ta vẫn chưa thật sẵn sàng. Cho nên để bảo đảm thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội và của Trung ương, rõ ràng sự chỉ đạo phải có chuyển biến mới thật sự, lực lượng phải rất tập trung, và hiệu lực chỉ đạo phải rất rõ, rất mạnh, có như thế mới bảo đảm bắt tay ngay vào việc, giải quyết được các vấn đề, triển khai ngay được lực lượng trên các mặt và các địa bàn trọng yếu.

Tranh thủ thời gian và tập trung lực lượng của toàn Đảng, của các ngành, các cấp, đó là yếu tố quyết định để bảo đảm thực hiện nghị quyết của Đại hội và của Trung ương.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Đề cương

kết luận của đồng chí Tổng Bí thư
Lê Duẩn tại Hội nghị lần thứ hai

Ban Chấp hành Trung ương khoá IV

Ngày 4 tháng 7 năm 1977

Thưa các đồng chí,

Ban Chấp hành Trung ương (khoá IV) dành Hội nghị lần thứ hai trong nhiệm kỳ của mình để bàn về nông nghiệp, điều đó chứng tỏ nhận thức và quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân ta tập trung cao độ lực lượng cho nhiệm vụ hàng đầu của kế hoạch 5 năm 1976-1980 là "tạo ra một bước phát triển vượt bậc về nông nghiệp", đưa nông nghiệp tiến lên trong sự gắn bó chặt chẽ giữa công nghiệp và nông nghiệp, nhằm cải thiện một bước đời sống nhân dân, tạo điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Trong tuần qua, các đồng chí Trung ương đã phát biểu nhiều ý kiến phong phú và sâu sắc, bổ sung, hoàn chỉnh bản dự thảo nghị quyết, xác định những quan điểm lớn cần quán triệt, chỉ rõ những công tác quan trọng cần quan tâm, vạch ra nhiều biện pháp thiết thực cần thi hành, để bảo đảm làm chuyển biến tình hình sau kỳ họp này của Trung ương.

Lãnh hội ý kiến tập thể của Trung ương, sau đây tôi xin nhấn mạnh một số quan điểm của Đảng ta về cải tạo và xây dựng nền nông nghiệp mới, xã hội chủ nghĩa, về phương hướng và nhiệm vụ của sản xuất nông nghiệp trong thời gian tới.

Phân thứ nhất

Đánh giá thành tựu và khuyết điểm trong việc lãnh đạo nông nghiệp

I- Thành tựu thu được hai mươi năm qua là cơ bản và to lớn

1. *Sớm tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp, từng bước củng cố, nâng cao hợp tác xã là một thắng lợi có ý nghĩa sâu sắc và toàn diện*

a) Một nhiệm vụ thường được xem là khó khăn, phức tạp trong toàn bộ công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đã được giải quyết *nhanh gọn*:

- 97% nông dân vào hợp tác xã.
- 71% hợp tác xã khá và trung bình.

b) Hợp tác hoá nông nghiệp đã đem lại *kết quả*:

+ *Xoá bỏ nguồn gốc sinh ra đối kháng giai cấp ở nông thôn*; đoàn kết lương giáo, thực hiện bình đẳng giữa các dân tộc. Bảo đảm đời sống cho người già, trẻ em, thương binh, gia đình liệt sĩ. Góp phần cùng với việc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở thành thị, tạo lập và củng cố chế độ mới và quan hệ mới giữa người với người.

+ *Đối với sản xuất*.

- Đã đẩy mạnh được thủy lợi hoá, áp dụng kỹ thuật canh tác mới, làm kịp thời vụ, tạo ra năng suất lúa cao.

- Đưa vụ đông xuân thành vụ chính thay vụ chiêm, thay đổi cơ cấu cây trồng.

- Sản xuất tăng, bảo đảm về cơ bản nhu cầu xã hội với số dân gấp đôi (từ 13 triệu lên 25 triệu) mặc dù còn khó khăn, cảng thẳng về lương thực khi thiên tai nặng.

+ *Làm thay đổi hẳn bộ mặt nông thôn:*

- Giai cấp nông dân tập thể ra đời và ngày càng trưởng thành; trình độ chính trị, tư tưởng, văn hoá được nâng cao rõ rệt, nhất là nam nữ thanh niên.

- Bắt đầu hình thành một nông thôn mới khác xa thời trước, mà cũng khác nhiều so với chừng mươi năm nay.

- Đời sống vật chất và văn hoá của nông dân được cải thiện từng bước (trừ vùng bị chiến tranh ác liệt), nhất là về văn hoá, giáo dục, y tế.

+ *Làm chỗ dựa vững chắc bảo đảm cho miền Bắc vừa sản xuất vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa đưa hàng mấy triệu người đi đánh giặc ở tiền tuyến, vừa bảo vệ, củng cố được hậu phương vững mạnh, ổn định.* Đó là một nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Thắng lợi trong chống Mỹ là thắng lợi của độc lập dân tộc và của chế độ mới, chế độ xã hội chủ nghĩa.

2. Đã xây dựng được những cơ sở vật chất - kỹ thuật ban đầu cho nông nghiệp, giải quyết được một số vấn đề về khoa học - kỹ thuật nông nghiệp, đưa những thành tựu đó vào sản xuất đại trà

- Thuỷ lợi bảo đảm tưới 80 vạn hécta hai vụ lúa.

- Tăng nguồn phân bón (cả phân hữu cơ và phân khoáng).

- Tạo được một số giống mới về cây trồng và gia súc.

- Trang bị gần một vạn máy kéo và hàng nghìn điểm cơ

khí nhỏ.

- Tổ chức hệ thống vien, trạm, trại kỹ thuật.

- Xây dựng một số xí nghiệp bò sữa, gà công nghiệp và 100 nông trường quốc doanh.

Những cơ sở ấy chưa đủ để đưa nông nghiệp thoát hẳn tình trạng sản xuất nhỏ, song đó là một *cái vốn rất quý*.

3. Từ ngày giải phóng, nông thôn các tỉnh miền Nam đã có những thay đổi quan trọng

- Chế độ bóc lột phong kiến về cơ bản bị xoá bỏ; nói chung nông dân thiểu ruộng đã có ruộng cày.

- Phong trào cách mạng sôi nổi, liên tục trong các công tác: thuỷ lợi, phục hoá, khai hoang, tăng vụ.

- Trong một thời gian ngắn sau ngày giải phóng, sản xuất thêm được hơn một triệu tấn lương thực.

Nguyên nhân thắng lợi:

- Đảng ta có đường lối đúng về vấn đề nông dân trong cách mạng dân tộc dân chủ với hai khẩu hiệu "dân tộc độc lập, người cày có ruộng", trong việc kết hợp hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến một cách đúng đắn linh hoạt (Hội nghị Trung ương lần thứ sáu: tạm thời rút khẩu hiệu về cách mạng ruộng đất để tập trung lực lượng chống đế quốc. Trong chống Pháp, khi cần đẩy mạnh kháng chiến, Đảng ta chủ trương thực hiện cải cách ruộng đất). Nhờ đó đã lôi cuốn nông dân đi theo sự lãnh đạo của Đảng.

- Sau khi miền Bắc giải phóng, mặc dù chưa có kinh nghiệm, Đảng ta đã quyết tâm tiến hành ngay cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp mà không chờ cơ khí hoá, trên cơ

sở tập trung ruộng đất và lao động, từ tổ đổi công tiến lên hợp tác xã, gắn liền hợp tác hoá với thuỷ lợi hoá, đi đôi với cải tạo xã hội chủ nghĩa ở thành thị.

- Đảng ta đã từng bước xác định đúng vị trí của nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân, trong mối quan hệ với công nghiệp: "ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý *trên cơ sở* phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ".

- Đối với sản xuất nông nghiệp, Đảng ta đã đề ra chủ trương đúng là phát triển nông nghiệp toàn diện, kết hợp thâm canh, luân canh với mở rộng diện tích.

Trong khi chuyển hướng kinh tế để đổi phó với chiến tranh phá hoại của Mỹ, ta đã nhấn mạnh hai nhiệm vụ: đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và cố gắng phát triển cơ khí là đúng.

- Những thành tựu trong cải tạo và xây dựng nông nghiệp sở dĩ có được, một phần quan trọng là nhờ ở phong trào cách mạng của quần chúng nông dân, ở sự trưởng thành về lãnh đạo của các cấp đảng bộ, ở sự tận tuy của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý.

II- Bên cạnh thắng lợi to lớn còn có nhiều khuyết điểm trên cả ba mặt: đường lối, chủ trương, chính sách và tổ chức chỉ đạo, trong đó có những khuyết điểm kéo dài, nghiêm trọng

1. Khuyết điểm về đường lối:

+ Do chưa nhận thức được đầy đủ đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong một nước không qua giai đoạn phát triển

tư bản chủ nghĩa, nên *chậm nhận rõ nội dung cụ thể của việc đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa*:

a) Hiểu cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp quá giản đơn, hầu như cho rằng cải tạo chỉ là đưa nông dân vào hợp tác xã, biến sở hữu cá thể thành sở hữu tập thể. Không thấy hợp tác hoá nông nghiệp và phát triển sản xuất nông nghiệp là tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng ở nông thôn, để tạo ra nền nông nghiệp mới, nông thôn mới và con người nông dân mới, xã hội chủ nghĩa.

b) Không thấy rằng *việc thay đổi quan hệ sản xuất phải đi đôi với việc phát triển lực lượng sản xuất*, làm cho quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất luôn luôn gắn bó hữu cơ với nhau làm một; rằng việc thay đổi chế độ sở hữu phải đi đôi với việc xây dựng chế độ quản lý và phân phối mới, xã hội chủ nghĩa. Do đó, sau khi đưa nông dân vào hợp tác xã, không tập trung đầy đủ sức lực để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật mới cho nông nghiệp; không đi sâu vào công tác tổ chức quản lý, không coi trọng việc đào tạo cán bộ quản lý và kỹ thuật cho hợp tác xã.

c) Không thấy nông nghiệp và công nghiệp phải gắn bó với nhau thành một cơ cấu làm chỗ dựa để đưa nông nghiệp tiến lên; trong thực tế, đã phần nào tách rời phát triển công nghiệp với phát triển nông nghiệp, nhiều nhu cầu của nông nghiệp (công cụ, vôi, than, lân...) không được bao đảm đúng mức.

d) Chậm tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động, chậm quy hoạch phân vùng, đưa nông nghiệp đi dần vào quá trình *tập trung hoá, chuyên môn hoá, hiệp tác hoá và liên hiệp hoá* sản xuất; duy trì trạng thái "khép kín" trong từng hợp tác xã, thậm chí trong từng đội sản xuất.

e) Chậm thấy vị trí của *kinh tế huyện* trong việc đưa nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ

nghĩa; tách rời hợp tác xã với hợp tác xã, hợp tác xã với Nhà nước, sở hữu tập thể với sở hữu toàn dân.

+ Không nấm vũng hai yếu tố cơ bản của nông nghiệp mà ta có sẵn và là chỗ mạnh của ta: *đất đai* (bao gồm cả rừng, biển) và *lao động*, để từ đó - thông qua việc quy hoạch phân vùng, tổ chức và phân công lại trong cả nước, trong từng tỉnh, từng huyện - đưa nông nghiệp tiến dần lên sản xuất lớn, tạo điều kiện cho công nghiệp hóa phát triển.

+ Không nhận rõ mối quan hệ giữa trung ương với địa phương và cơ sở do đặc điểm của việc đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn, cho nên không chú trọng phát huy tiềm năng của bên dưới, tích tụ từ dưới lên, bằng cách kết hợp thủ công với nửa cơ giới và cơ giới, kết hợp quy mô to, vừa, nhỏ để phát triển nông nghiệp toàn diện.

Đây là những nguyên nhân quan trọng làm cho nông nghiệp hợp tác hoá giảm chân tại chỗ một thời gian dài, không phát huy được tính ưu việt của quan hệ sản xuất mới, để phát triển sản xuất mạnh mẽ hơn nữa.

2. Khuyết điểm về chỉ đạo thực hiện phương hướng, chủ trương phát triển nông nghiệp:

a) Tiềm năng *thâm canh* nhiều, nhưng chỉ đạo chưa đi sâu, chưa chặt chẽ để khai thác hết tiềm năng đó.

- Mối thâm canh lúa chưa chú ý màu và các cây khác.

- Giữa các tỉnh, huyện, hợp tác xã, mức độ thâm canh rất *không đồng đều*, khoảng cách còn lớn (có tỉnh, huyện đã đạt và vượt 6 tấn, 7 tấn/năm, nhưng có nơi chưa vượt quá 4 tấn/năm).

- Các khâu kỹ thuật liên hoàn (nước, phân, giống, thời vụ và kỹ thuật gieo, cấy) chưa thực hiện nghiêm túc, chưa thành kỷ luật sản xuất.

b) *Phương hướng khai hoang không rõ*: miền núi miền Bắc không còn nhiều đất lúa, nhưng trong khai hoang, thường chỉ một chiêu nhấn mạnh tự túc lương thực, không đặt rõ vùng nào cần làm lương thực (chủ yếu là màu), vùng nào phải trồng cây công nghiệp, phát triển chăn nuôi trâu bò, cho

nên không có chính sách đầu tư đúng hướng, đúng mức. Hình thức tổ chức khai hoang không thích hợp; chỉ đạo không chặt chẽ.

c) *Đặt phương hướng của lâm nghiệp không toàn diện*: không kết hợp chặt chẽ lâm nghiệp với nông nghiệp theo một quy hoạch thống nhất từ trên xuống dưới, nhất là ở cơ sở; không kết hợp trồng cây che phủ với trồng cây công nghiệp, với trồng hoa màu và phát triển chăn nuôi. Do đó, hai ngành gây khó khăn và cản trở lẫn nhau. Chậm giao đất, giao rừng cho địa phương và hợp tác xã quản lý. Do có khuyết điểm về khai hoang, về kết hợp lâm nghiệp với nông nghiệp, cho nên rừng bị tàn phá, đất bị xói mòn.

d) Trong cơ cấu lương thực, *màu bị coi nhẹ*; không hình thành những vùng màu tập trung; việc sản xuất công cụ chế biến màu không được chú ý; thiếu chính sách lưu thông, tiêu thụ cụ thể, cho nên sản xuất màu ngày càng giảm sút cả về diện tích lẫn sản lượng. Đó là một khuyết điểm lớn.

e) Không hiểu đúng vị trí của *chăn nuôi* trong nông nghiệp, cho nên dành đất ít, đầu tư ít, nhiều việc về phát triển chăn nuôi làm chậm. Màu bị coi nhẹ càng làm cho chăn nuôi sút kém.

g) Chưa coi trọng việc mở mang các *ngành nghề thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp* ở nông thôn (do chưa thấy hết tính thời vụ của lao động nông nghiệp, khả năng lao động phụ trong gia đình).

h) Chưa đặt đúng mức vấn đề nông nghiệp (và cả ngư nghiệp, lâm nghiệp) phải vươn lên sản xuất nhiều *hàng xuất khẩu*, để nhập khẩu máy móc tự trang bị cho mình và phục vụ công nghiệp hóa. Các mặt tổ chức sản xuất, chính sách xuất khẩu, xác định thị trường đều không được giải quyết tốt.

3. Khuyết điểm về biện pháp kỹ thuật

a) Trong phương hướng về *thuỷ lợi* có lúc chưa kết hợp tốt giữa thủy lợi lớn với thủy lợi nhỏ, giữa đầu tư của Nhà nước với phong trào và công sức của quần chúng, kết quả là thuỷ

lợi chưa gắn chặt và phục vụ tốt việc cải tạo đất và thảm canh.

b) Nhận thức không rõ tầm quan trọng của giống; chưa có hệ thống tổ chức để bảo đảm đủ giống tốt cho trồng trọt và chăn nuôi; mới chú ý giống lúa, chưa quan tâm đến các loại giống khác.

c) Phân bón thiếu, nhất là phân hữu cơ (phân chuồng, phân xanh) và phân khoáng (vôi, lân) là những thứ có sẵn nguyên liệu trong nước. Chưa tổ chức chặt chẽ để đưa cho được hàng triệu tấn than về nông thôn làm chất đốt, dành rạ cho ruộng.

d) Máy kéo và các máy nông nghiệp khác đã ít, lại sử dụng phân tán, không đồng bộ lăng phí, *hiệu quả kinh tế thấp*. Công cụ cầm tay, công cụ cải tiến thiếu, chất lượng kém.

e) Chỉ đạo *khoa học kỹ thuật* nông nghiệp có nhiều khuyết điểm từ việc đào tạo và sử dụng cán bộ cho đến nội dung nghiên cứu và quản lý kỹ thuật.

4. Khuyết điểm về công tác kế hoạch, về chính sách, chế độ quản lý nông nghiệp

Trong công tác kế hoạch và chỉ đạo thực hiện, làm chậm việc phân vùng quy hoạch, không nắm vững tình hình đất đai, thổ nhưỡng; sử dụng đất lăng phí.

- Tách rời nông nghiệp với công nghiệp. Các ngành *xây dựng, giao thông vận tải* chưa phục vụ nông nghiệp một cách đầy đủ.

- Không thấy hết vị trí của *địa phương* đối với sản xuất nông nghiệp; phương thức quản lý và kế hoạch hóa làm bó tay cấp dưới, hạn chế tính chủ động, sáng tạo của địa phương.

- Các ngành *lưu thông, phân phôi* chưa gắn chặt với sản xuất nông nghiệp, chưa đáp ứng được yêu cầu thúc đẩy sản xuất, kích thích nông dân hăng hái lao động:

+ *Giá cả nông sản* không phản ánh đầy đủ năng suất lao động, hiệu quả kinh tế và có những yếu tố giả tạo:

- Nhà nước đặt giá nông sản không xuất phát đầy đủ từ những điều kiện sản xuất thực tế cụ thể rất khác nhau của các vùng.

- Cách tính công, điểm của hợp tác xã chỉ nhằm phục vụ cho việc phân phối trong nội bộ hợp tác xã, chứ không thành tiêu chuẩn của giá trị và giá cả.

- Trên thị trường tự do, giá cả lên xuống theo tác động của các hoạt động đầu cơ và cung cầu, thoát ly cơ sở của nó là "lao động xã hội cần thiết".

+ Chính sách *thu mua* không xác định rõ nghĩa vụ của xã viên, không trở thành công cụ kích thích sản xuất. Việc cung ứng vật tư cho nông nghiệp làm theo lối bình quân và thường chậm trễ.

+ Chính sách đầu tư chưa phản ánh được yêu cầu phát triển nông nghiệp toàn diện và phát huy thế mạnh của các vùng (các vùng trung du, miền núi, Khu IV cũ chưa được chú ý thích đáng).

+ Đầu tư cho nông nghiệp thường qua tài chính, xem nhẹ tín dụng qua ngân hàng, làm cho các địa phương, các cơ sở sản xuất gặp khó khăn về vốn.

5. Khuyết điểm về công tác chính trị, tư tưởng và việc xây dựng nông thôn mới, con người mới

- Đấu tranh giữa tập thể và cá thể, giữa con đường sản xuất lớn và sản xuất nhỏ lúc thì cứng nhắc, máy móc, lúc thì buông lỏng, tuỳ tiện.

- Việc xây dựng con người mới và nông thôn mới chưa được chú ý đúng mức và gắn liền với việc tiến hành ba cuộc cách mạng.

- Đại hội đại biểu nông dân tập thể không tiến hành đều đặn cũng hạn chế một phần việc nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa và việc phát huy vai trò làm chủ tập thể của nông dân xã viên.

6. *Khuyết điểm về tổ chức, chỉ đạo*

a) Sản xuất nông nghiệp đòi hỏi hợp đồng nhiều ngành, nhiều mặt, đồng thời trong chỉ đạo thực hiện phải rất tập trung; nhưng thời gian qua, hợp đồng không chặt, chỉ đạo lỏng lẻo, không thông suốt, mau le, kịp thời.

b) Nhiều lần sửa đổi tổ chức chỉ đạo nông nghiệp, nhưng do không sửa *cung cách quản lý theo lối hành chính* và cách kinh doanh *theo kiểu sản xuất nhỏ*, cho nên vẫn tắc.

- Bộ Nông nghiệp không nắm, không quản kế hoạch nông nghiệp, bộ máy không tương xứng với yêu cầu quản lý, kinh doanh.

- Các địa phương (Uỷ ban nhân dân tỉnh, huyện) không đủ quyền hạn, trách nhiệm, phương tiện cần thiết. Quan hệ giữa các ngành trung ương với các cấp địa phương không phân định rõ ràng. Tính chủ động, sáng tạo của địa phương bị hạn chế. Do đó, nhiều quan điểm, chủ trương đúng không được quán triệt và thực hiện đầy đủ, nhiều điển hình tiên tiến không được tổng kết, khẳng định kịp thời làm mẫu để nhân rộng ra.

c) Xem nhẹ việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý sản xuất nông nghiệp, nhất là đào tạo chủ nhiệm, kế toán trưởng cho hợp tác xã. Cán bộ kỹ thuật đào tạo nhiều, nhưng kỹ năng thực hành kém, sử dụng không đúng: không phát huy hết khả năng, không đúng ngành nghề, không đưa xuống cơ sở.

d) Do không nhận rõ phát triển nông nghiệp là sự nghiệp chung của Nhà nước và nhân dân, cho nên ít coi trọng phát động quần chúng, dựa vào quần chúng, gây *tâm lý ỷ lại* Nhà nước khá nặng.

*
* * *

Trên đây là những khuyết điểm và thiếu sót của chúng ta trong việc lãnh đạo và chỉ đạo nông nghiệp. Có thể tóm tắt những khuyết điểm và thiếu sót đó thành ba điểm:

1- Nhận thức không đầy đủ *vị trí* của nông nghiệp đối với sự nghiệp công nghiệp hoá, nhất là trong giai đoạn ban đầu.

2- Chậm thấy vấn đề đưa nông nghiệp lên *sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa*.

3- Nắng không vững những *điều kiện thuận lợi*, để đưa nông nghiệp tiến lên:

- Chế độ làm chủ tập thể.
- Cơ cấu công - nông nghiệp.
- Huyện.
- Đất đai, lao động.

Phân thứ hai

Phương hướng, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp trong giai đoạn mới

I- Thuận lợi và khó khăn

Cả nước độc lập, thống nhất, hoà bình, tiến lên chủ nghĩa xã hội, có những thuận lợi cơ bản và to lớn sau đây để phát triển nông nghiệp:

1. *Ta đã có kinh nghiệm thành công và không thành công* của nông nghiệp miền Bắc trong 20 năm qua. Chúng ta chẳng những thấy được quy luật chung là trong khi chưa có công nghiệp hiện đại, vẫn có thể đưa nông nghiệp tiến một bước

lên sản xuất lớn, mà còn thấy được những vấn đề cụ thể trong thực tiễn sản xuất để đưa nông nghiệp tiến lên.

2. *Tiềm lực thâm canh* ở cả hai miền còn rất lớn. Ta đã tích luỹ được một số hiểu biết, kinh nghiệm và đã có một số cơ sở vật chất nhất định cho phép áp dụng rộng rãi những tiến bộ kỹ thuật vào trồng trọt, chăn nuôi, để đẩy mạnh thâm canh và làm 2,3 vụ một năm.

3. Đất nước hoàn toàn giải phóng tạo khả năng khai thác thêm một diện tích xấp xỉ bằng diện tích canh tác săn có trong cả nước. Ta có điều kiện phát triển cả nông nghiệp lẩn ngư nghiệp để giải quyết lương thực thực phẩm, tạo thuận lợi mở nhanh diện tích trồng cây công nghiệp.

4. Ta có một lực lượng lao động dồi dào ở nông thôn có thể phân bố lại để khai thác hết đất đai, tài nguyên trong cả nước. Ta lại có một lực lượng quân đội quan trọng làm kinh tế mà trước hết là làm nông nghiệp.

5. Ta có điều kiện quốc tế thuận lợi, có ưu thế nông nghiệp nhiệt đới (cả nông, ngư, lâm) nên có khả năng đẩy mạnh xuất, nhập để trang bị cho nông nghiệp và các ngành kinh tế khác.

Mặt khác, ta có những khó khăn rất lớn phải vượt qua:

1. Sản xuất đủ lương thực thực phẩm cho 50 triệu người tiến tới có dự trữ, là một nhiệm vụ rất cấp bách và khó khăn, nhất là sau một cuộc chiến tranh kéo dài, nhiều yếu tố sản xuất bị giảm sút, trong khi đó số dân hai miền đều tăng nhanh.

2. Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, *hậu quả chiến tranh* hết sức nặng nề: hàng chục vạn hécta ruộng bỏ hoá chưa gõ hết bom mìn, sức kéo thiếu, hàng triệu hécta rừng bị chất độc tàn phá, thuyền lưới bị hư hỏng, hàng chục vạn người bỏ nông thôn vào thành phố...

3. Phần lớn diện tích nông nghiệp thường bị *thiên tai* uy hiếp nặng, trong khi đó cơ sở vật chất - kỹ thuật mới xây dựng, chưa đủ sức chống đỡ (hạn, úng, lụt bão, gió tây).

4. Một khó khăn lớn là giữa hai miền *chưa có sự đồng nhất về quan hệ sản xuất*. Ở miền Bắc, quan hệ sản xuất mới chưa thật sự được củng cố; ở miền Nam, nông nghiệp chưa cải tạo theo chủ nghĩa xã hội, và ở thành thị, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa mới bắt đầu. Cuộc đấu tranh xoá bỏ giai cấp tư sản và chống lại các thế lực phản động còn gay go phức tạp, trong khi cơ sở đảng, chính quyền và đoàn thể ở nông thôn còn yếu. Những khó khăn về nông nghiệp đang ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến tình hình kinh tế chung của cả nước, đến đời sống nhân dân và đến toàn bộ công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

II- Phương hướng, nhiệm vụ của nông nghiệp

Từ một nền kinh tế sản xuất nhỏ là chủ yếu, công nghiệp thấp kém, cơ sở vật chất kỹ thuật non yếu, đời sống khó khăn, trong lúc nông, lâm, ngư nghiệp là bộ phận lớn của nền kinh tế có khả năng phát triển nhanh, vì lao động và đất đai tương đối thuận lợi, thì *bước đi đầu tiên hợp lý nhất* là nhanh chóng tạo ra sự phát triển vượt bậc của nông nghiệp, ngư nghiệp và lâm nghiệp. Đó là nhiệm vụ *hàng đầu* của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, của mọi ngành công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải và lưu thông, phân phối. Sự phát triển mạnh mẽ đó của nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có tác dụng quan trọng về nhiều mặt: giải quyết một bước những khó khăn trong đời sống; tạo nguồn xuất khẩu quan trọng phục vụ yêu cầu của công nghiệp hóa; phân bổ lại lao động trên quy mô lớn, để kết hợp tốt hơn lao động với đất đai, rừng núi, nâng cao một bước năng suất lao động xã hội, tạo điều kiện cho công nghiệp và các ngành khác phát triển, thúc đẩy công, nông nghiệp cùng lớn lên không ngừng. Để

tạo nên sự chuyển biến đó, phải tập trung cao độ sức của tất cả các ngành, các cấp xoay quanh nhiệm vụ hàng đầu đó, bảo đảm đầy đủ các yêu cầu về vật tư, công cụ, cán bộ và công nhân cho phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp; phải đẩy lên trong cả nước, nhất là ở các vùng nông thôn, một phong trào cách mạng sôi nổi, động viên mọi khả năng lao động của nhân dân cùng Nhà nước đưa nông, lâm, ngư nghiệp tiến lên mạnh mẽ, nhanh chóng vượt qua những "cửa ải" cần thiết.

Dưới ánh sáng của đường lối chung về cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế do Đại hội lần thứ IV đề ra, phương hướng phát triển nông nghiệp của nước ta là:

Xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt, nhằm xoá bỏ nguồn gốc sinh ra bóc lột, xoá bỏ nghèo nàn và lạc hậu, đưa nông nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nông thôn mới, xoá bỏ dần sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn, xây dựng con người nông dân mới, xã hội chủ nghĩa.

Củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới ở miền Bắc, hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp miền Nam. Tổ chức lại sản xuất và lao động theo hướng tập trung hoá, chuyên môn hoá, hiệp tác hoá và liên hiệp hoá, kết hợp nông nghiệp với lâm nghiệp và ngư nghiệp, kết hợp nông nghiệp với công nghiệp thành một cơ cấu kinh tế thống nhất, xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế cơ bản nông - công nghiệp.

Đưa khoa học, kỹ thuật hiện đại vào nông nghiệp, đẩy mạnh thuỷ lợi hoá và "cách mạng xanh", thực hiện từng bước cơ giới hoá, điện khí hoá và hoá học hoá; đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, chuyên canh trên quy mô lớn, tích cực khai hoang

mở rộng diện tích, nhằm phát triển nông nghiệp toàn diện, bảo đảm đủ lương thực thực phẩm cho xã hội, nguyên liệu nông sản cho công nghiệp, tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng nhằm bồi dưỡng ý thức làm chủ tập thể và nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho nông dân, giúp nông dân dứt khoát chọn con đường làm ăn tập thể, khắc phục những mặt tiêu cực của sản xuất nhỏ, quét sạch mọi tàn dư của chủ nghĩa thực dân phong kiến. Ra sức nâng cao trình độ văn hoá, khoa học kỹ thuật của nông dân, nâng cao năng lực làm chủ của nông dân, làm cho nông dân có thể giữ vai trò tích cực chủ động, sáng tạo trong tổ chức và quản lý sản xuất nông nghiệp, trong việc xây dựng nông thôn mới và con người mới.

Dựa theo phương hướng nói trên, trong 5 năm tới, ra sức phát triển nông nghiệp cùng với lâm nghiệp và ngư nghiệp nhằm:

1. Bảo đảm lương thực, thực phẩm cho xã hội

- Cố gắng vượt 21 triệu tấn, chủ yếu bằng cách *tăng thêm màu*, đưa màu lên chiếm từ 30-50% sản lượng lương thực. Đây là một phương hướng tất yếu để giải quyết vấn đề lương thực khi đi vào công nghiệp hoá, nhất là trong điều kiện diện tích lúa có hạn, khả năng phát triển màu còn rất lớn.

- Có màu mới bảo đảm ăn no, cải tiến dần cơ cấu bữa ăn, phát triển mạnh chăn nuôi. Màu phải phát triển mạnh thành những vùng chuyên canh, thâm canh, chủ yếu là *ngô, cao lương, khoai, sắn*. Sản xuất phải đi đôi với chế biến. Công nghiệp cơ khí (trung ương và địa phương) phải bằng mọi cách *bảo đảm đủ phương tiện chế biến*, trước hết đối với những vùng màu tập trung.

2. Bảo đảm nguyên liệu nông sản cho công nghiệp

Phát triển mạnh *cây công nghiệp* là tận dụng đất đai và lao động, phát huy ưu thế của nông nghiệp nhiệt đới, góp phần giải quyết đời sống nhân dân, tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu.

- Phải hình thành những vùng sản xuất tập trung quy mô lớn, bao gồm các loại cây có sợi, có đường, đậu tương, cao su, rau quả (dứa, chuối), chè, cà phê, thuốc lá, tinh dầu, dược liệu, v.v..
- Phải có chính sách đầu tư thỏa đáng, nhất là đối với những vùng chuyên sản xuất cho xuất khẩu; phải giải quyết tốt lương thực cho các vùng chuyên canh cây công nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp.
- Sản xuất phải đi đôi với chế biến. Hình thành công nghiệp chế biến khắp các vùng cho đến tận huyện.

3. Tao nguồn hàng xuất khẩu

- Đẩy mạnh xuất nhập khẩu là một hướng rất quan trọng của nông, lâm, ngư nghiệp, nhằm tự trang bị cho mình và phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá.

- Cả nước xuất khẩu, từng tỉnh xuất khẩu, từng huyện xuất khẩu. Trong việc phân bố đất đai và lao động, ngay từ đầu, phải dành phần thích đáng cho xuất khẩu.

- Phải nấm vững nhu cầu của thị trường thế giới, để có hướng sản xuất ổn định, tạo ra những mặt hàng chủ lực có vị trí xứng đáng trên thị trường thế giới.

- Phải có chính sách thoả đáng khuyến khích các địa phương đẩy mạnh xuất khẩu.

- Đến năm 1980, phải có ít nhất 50 vạn hécta sản xuất cho xuất khẩu, phấn đấu vượt kế hoạch xuất 500 triệu R¹⁾ nông sản. Cố gắng đạt cho được 1 triệu hécta xuất khẩu trong thời gian ngắn.

III- Để thực hiện các nhiệm vụ nói trên, cần làm thật tốt những công tác lớn sau đây

Một là, hoàn thành quy hoạch phân vùng sản xuất đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ trên toàn bộ diện tích.

¹⁾ R: đồng rúp Liên Xô (B.T).

- Tập trung lực lượng để hoàn thành sớm công tác quy hoạch, phân vùng, xác định phương hướng sản xuất cho các vùng, các tỉnh và các huyện.

- Thâm canh, tăng vụ là việc làm tại chỗ, có nhiều thuận lợi hơn và mau đưa đến kết quả hơn. Trong chỉ đạo nông nghiệp, phải luôn luôn nắm vững phương hướng thâm canh, nhất là trong điều kiện hiện nay, khả năng thâm canh còn rất lớn. Nó cho phép tăng nhanh sản phẩm với hiệu quả kinh tế cao.

- Đi đôi với đẩy mạnh thâm canh phải rất coi trọng tăng vụ. Đồng bằng Bắc Bộ có thể mở thêm 30 - 40 hécta vụ đông. Đồng bằng Nam Bộ có thể mở ít nhất 1 triệu hécta bằng tăng vụ.

- Phải tổng kết các điển hình thâm canh hiện có trên các vùng; phải xác định các công thức thâm canh, tăng vụ cho từng cánh đồng cụ thể: thuỷ lợi như thế nào? Phân bao nhiêu tấn? Giống gì? Mấy lúa, mấy màu?

- Khẩu hiệu thâm canh trong thời gian tới là: 6 tấn/năm; 3 - 4 lợn/hécta gieo trồng; 1 lao động trên 1 hécta gieo trồng.

Hai là, khai hoang, mở rộng diện tích¹⁾.

- Với dân số 50 triệu người và còn tăng thêm nữa, với khả năng đất đai của nước ta, chúng ta không thể chỉ dừng lại ở 5 triệu hécta canh tác; khai hoang trở thành một yêu cầu cấp bách cho cả trước mắt và lâu dài về sau. (Bungari: 8 triệu dân canh tác 6,5 triệu hécta).

¹⁾ Mỹ: 10 năm (1900 - 1910) mở thêm 22,5 triệu hécta chủ yếu bằng lao động thủ công của nô lệ da đen.

Liên Xô: 5 năm (1929 - 1933) mở thêm 11,7 triệu hécta bằng sức người và súc vật.

Ba Lan: 4 năm (1945 - 1948) mở thêm 5 triệu hécta chủ yếu bằng lao động thủ công của 4 triệu người di cư.

- Đến năm 1980, phải khai hoang được 1 triệu hécta đất mới. Còn 4 triệu nữa thì đến năm 1985 về cơ bản phải khai hoang cho hết.

- Tại những vùng khai hoang, ngay từ đầu, phải nấm vững phương hướng thâm canh, chuyên canh trên quy mô lớn. Phải quan niệm đầu tư cho khai hoang như đầu tư xây dựng một vùng công nghiệp mới.

- Phải biết dùng lao động thủ công trên quy mô lớn, đồng thời phải có hướng xuất nhập đúng, để có thêm máy móc, phương tiện, vật tư.

- Phải có tổ chức và hình thức làm đúng:

+ Đưa lao động đi trước. Sau khi ổn định, mới đưa dân gia đình tới.

+ Trên những vùng đất mới khai hoang, chủ yếu nên dùng hình thức nông trường quốc doanh. Hợp tác xã chỉ nên xây dựng chủ yếu ở những vùng đất thuộc đăc có sẵn dân cư.

+ Tổng cục Khai hoang, quân đội, địa phương có dân đi và địa phương nhận dân tới, phải bàn bạc kỹ và phối hợp chặt chẽ với nhau, để kịp thời giải quyết các vấn đề về phân vùng khai hoang và phương hướng sản xuất của từng vùng, về chính sách đầu tư, về cán bộ và động viên quần chúng, về ổn định sinh hoạt và đẩy mạnh sản xuất.

+ Phải phát động phong trào quần chúng đi khai hoang, xây dựng vùng kinh tế mới, như phong trào "hành quân chống Mỹ".

Ba là, phát triển mạnh chăn nuôi cATTLE với trồng trọt.

- Một nền nông nghiệp hiện đại, nhất thiết phải có ngành chăn nuôi phát triển thành sản xuất lớn, chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong sản xuất nông nghiệp.

- Kết hợp chặt chẽ chăn nuôi với trồng trọt theo hướng đẩy mạnh trồng trọt để phát triển chăn nuôi và phát triển chăn nuôi để đẩy mạnh thâm canh. Đó là một phương pháp sản xuất cần thiết của nông nghiệp, đồng thời là một hướng sử dụng tốt nhất lao động và đất đai.

- Trước mắt, phải dành ít nhất từ 10 - 15% đất hợp tác xã cho chăn nuôi. Phải làm tốt công tác chọn lọc, lai tạo giống, để sử dụng phổ biến những loại giống tốt như lợn lai kinh tế...

- Phải bảo đảm cân đối chăn nuôi và trồng trọt trên từng huyện. Dành bao nhiêu đất, trồng cây gì? Nuôi con gì? Xây bao nhiêu cơ sở chế biến thức ăn, cơ sở thú y, trại giống? v.v.. Những vấn đề này phải được giải quyết cụ thể trên phạm vi một huyện.

- Phát triển chăn nuôi toàn diện, nhưng chú trọng trước hết: lợn, gà, vịt, trâu, bò, chú ý *trâu sữa*, để tạo ra bữa ăn phù hợp với yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa và để xuất khẩu.

- Phải hết sức coi trọng việc *nuôi cá* trên diện tích ao hồ, sông ngòi, ruộng nước, để hàng năm có hàng chục vạn tấn cá, tôm nước ngọt. Phải coi việc *sử dụng mặt nước như sử dụng ruộng đất*. Phải xây dựng nhiều trại cá giống trên nhiều địa bàn, bảo đảm đủ giống cho hợp tác xã và gia đình.

Bốn là, phân bổ lại lao động và tăng năng suất nông nghiệp; nhiệm vụ của quân đội.

Lao động của ta hiện phân bố không đều, nơi nhiều lao động thì ít ruộng đất, nơi nhiều ruộng đất thì thiếu lao động.

+ Đồng bằng Bắc Bộ: 13 - 14 người/hécta.

+ Đồng bằng Nam Bộ: 4 - 5 người/hécta.

+ Miền núi: 1 người/hécta.

Vì vậy, phân công lại lao động không những giữa các ngành mà cả giữa các vùng lãnh thổ trong nước là một đòi

hỏi khách quan và bức thiết, để tạo thêm đất canh tác, thu hẹp mức chênh lệch về bình quân ruộng đất giữa các vùng, phát triển đồng đều năng suất lao động và thu nhập trong cả nước.

- Để góp phần tích cực vào việc đẩy mạnh khai hoang, phân bố lại lao động, phát triển sản xuất, về mặt nông, lâm nghiệp, *quân đội có hai nhiệm vụ*:

a) Xây dựng cơ bản trên các vùng khai hoang, chủ yếu là làm thuỷ lợi, chuẩn bị địa bàn, đưa dân tới.

b) Xây dựng những nông trường và lâm trường quy mô lớn, chuyên canh cao. Tham gia trồng rừng trên những vùng nhất định.

- Đi liền với khai hoang, trong 5 năm, phải phân bổ lại 1,8 triệu lao động, trong đó đưa từ Bắc vào Nam 58 vạn.

- Đi đôi với phát triển trồng trọt và chăn nuôi, phải ra sức mở mang các *ngành nghề tiêu thụ công nghiệp* trong từng hợp tác xã và trong từng huyện, để tận dụng các nguồn lao động nông thôn, phân công lại lao động nông nghiệp, bảo đảm tiêu dùng của nhân dân, tăng thêm nguồn hàng xuất khẩu. Để mở mang tiêu thụ công nghiệp, từng địa phương phải chủ động giải quyết nguyên liệu bằng cách tự mình tạo ra và khai thác những nguyên liệu sẵn có trong địa phương như trồng tre, mây, xoan... hoặc tiến hành trao đổi với các địa phương khác.

- Trong việc phát triển sản xuất nông nghiệp, luôn luôn phải nắm vững hai hướng cơ bản: vừa tăng năng suất sinh vật, vừa tăng năng suất lao động. Có tăng năng suất lao động, mới phân công lại được lao động với quy mô ngày càng lớn, mới tăng được thu nhập và súc mua của nông dân, mở rộng sự giao lưu giữa nông nghiệp và công nghiệp, thúc đẩy công nông cùng phát triển.

- Năng suất lao động nông nghiệp của ta hiện nay rất thấp:

+ Mỹ: một lao động nông nghiệp làm được 50 hécta và nuôi được 50 người.

+ Liên Xô: một lao động nông nghiệp làm được 20 hécta và nuôi được 20 người.

+ Ta: một lao động nông nghiệp làm chưa được một hécta và chỉ nuôi được hai - ba người với mức rất nghèo.

- Vì vậy, *tăng năng suất lao động* trở thành một mục tiêu rất quan trọng và bức thiết.

Muốn thế, đi liền với việc tổ chức lao động chặt chẽ, phát triển thêm ngành nghề, phải trang bị đủ công cụ cho lao động. Trong ba năm tới. *Bộ Cơ khí phải giải quyết cho xong công cụ cầm tay* và từng bước cơ giới hóa lao động.

- Phấn đấu đến năm 1980, mỗi lao động ở miền Bắc phải đạt trên 1 hécta gieo trồng, ở miền Nam phải đạt trên 2 hécta gieo trồng (có những vùng có thể cao hơn).

Đây chỉ mới là bước phấn đấu đầu tiên, nó còn rất thấp. Phải có kế hoạch, chủ trương tích cực để sau vài kế hoạch 5 năm, một lao động nông nghiệp làm được ít nhất dăm hécta.

Năm là, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp.

- Kết hợp sức lao động dồi dào của nhân dân với khả năng vật tư và kỹ thuật của Nhà nước, đó là phương châm xây dựng của chúng ta.

- Phải áp dụng nhiều phương pháp lao động: kết hợp lao động thủ công trên quy mô lớn với một phần lao động cơ giới. Phải dùng nhiều hình thức tổ chức: quy mô to kết hợp với quy mô vừa và nhỏ. Cả nước là một công trường, từng huyện là một công trường. Phải biết dùng sức mạnh của cả tỉnh để lần lượt xây dựng cho từng huyện. Phải biết dùng sức mạnh của cả huyện để lần lượt xây dựng cho các hợp tác xã và cả huyện.

- Từng địa phương, từng huyện phải chủ động làm, hết sức tránh ỷ lại, chờ đợi. Phải làm như Quỳnh Lưu, Kẻ Gỗ (Nghệ Tĩnh), như Quảng Châu, Sông Lý (Thanh Hoá), như ba công

trình của Cửu Long dài hơn 50 kilômét, bề ngang 15 mét chỉ làm trong vòng 2,5 tháng...

a) *Thuỷ lợi là biện pháp hàng đầu:*

- Phải làm thật mạnh, để bảo đảm sử dụng hết đất đai, tăng vụ và thâm canh.
- Phải tập trung cao độ lực lượng của Nhà nước, nhân dân và quân đội vào công tác thuỷ lợi. Phải ưu tiên dành vật tư cho thuỷ lợi.
- Phải biến phong trào thuỷ lợi thành phong trào cách mạng sôi nổi kết hợp sức mạnh của quần chúng với khoa học kỹ thuật, nhằm cải tạo thiên nhiên, góp phần cải tạo xã hội và xây dựng con người mới.
- Trên cơ sở yêu cầu của kinh tế kỹ thuật, phải kết hợp các loại công trình to, vừa, nhỏ thành một hệ thống thông suốt, nhằm tạo nguồn nước và đưa nước vào tận ruộng, bảo đảm tưới tiêu khoa học, phục vụ thâm canh, cải tạo đất với chất lượng ngày càng cao.
- Cán bộ kinh tế, kỹ thuật phải làm thật tốt công tác quy hoạch, thiết kế. Nếu cần, có thể tập trung một thời gian năng lực khảo sát thiết kế của các ngành, để bảo đảm thiết kế kịp các công trình thuỷ lợi.
- Phân cấp mạnh cho tỉnh, huyện, bỏ bớt thủ tục rườm rà, để làm nhanh.
- Phải chấn chỉnh công tác quản lý các công trình thuỷ lợi, để bảo vệ tốt công trình, sử dụng hết công suất công trình, bảo đảm tưới tiêu khoa học.

b) *Đẩy mạnh cơ giới hoá:*

- Ra sức sắp xếp và mở rộng cơ khí trong nước, đồng thời có kế hoạch xuất nhập đúng, để tăng nhanh cơ giới hoá là một hướng phát triển cần thiết, một đòi hỏi cấp bách. Cả nước phải làm, từng tỉnh, từng huyện phải có kế hoạch làm.
- Có cơ giới hoá mới tăng được năng suất lao động, "giải phóng" được lao động, bảo đảm thời vụ, đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, tăng diện tích.

- Từng bước cơ giới hóa là tạo cơ sở vật chất để củng cố và nâng cao quan hệ sản xuất mới, gắn sở hữu tập thể với sở hữu toàn dân.

- Trong việc cơ giới hoá, trước hết phải nhắm vào những khâu tổn nhiều lao động: làm đất, thuỷ lợi, xay xát, chế biến, vận chuyển... Đồng thời phải xuất phát từ yêu cầu cụ thể của từng vùng. Ví dụ: trước mắt, việc cơ giới hoá đồng bằng Bắc Bộ, chủ yếu là nhằm mở ra vụ đông; cơ giới hoá miền Tây Nam Bộ, chủ yếu là nhằm giải quyết sức kéo, mở thêm diện tích, tăng thêm vụ...

- Để đạt hiệu quả cao trong cơ giới hoá, cần chuẩn bị tốt địa bàn; đào tạo đủ công nhân; trang bị đồng bộ, tránh chia đều máy mỗi nơi một ít: phải bảo đảm *phụ tùng sửa chữa*; phải kịp thời phân công lại lao động, mở mang ngành nghề theo đà phát triển của cơ giới hoá.

c) *Phân bón:*

- Phải kiên quyết đi mạnh vào hướng phân chuồng, phân xanh, nhất là ở các tỉnh miền Nam. Phải có 3 - 4 lợn/hecta gieo trồng, bảo đảm cho mỗi hécta có ít nhất 10 tấn phân chuồng trổ lên. Phải có kế hoạch và chỉ tiêu cụ thể về phát triển bò dê, điền thanh.

- Nhất thiết phải có đủ vôi, lân, apatít là những thứ mà nước ta có sẵn. Bằng mọi cách, đưa về nông thôn vài triệu tấn than làm chất đốt, sản xuất ngói, dành rạ cho ruộng.

- Phải bảo đảm vận chuyển kịp thời vụ, có kho tàng bảo quản, nhất là phải phân phối, sử dụng đúng để mang lại hiệu quả.

Làm phân bón theo hướng nói trên là vừa phù hợp với điều kiện đất đai của ta, với khoa học kỹ thuật thâm canh, vừa tạo thế chủ động hoàn toàn trên lĩnh vực phân bón.

d) *Giống:*

- Đầu tư tạo giống là hướng đầu tư có lợi nhất; phải khẩn trương làm, để sau vài năm, có đủ giống tốt cho các loại cây,

con chủ yếu, loại bỏ hết giống xấu, năng suất thấp; phấn đấu để sớm đuổi kịp trình độ quốc tế về mặt giống.

- Nhà nước phải nắm giống, kết luận các loại giống cho từng vùng, từng vụ, làm thành hệ thống giống từ trung ương đến hợp tác xã.

e) *Đẩy mạnh giao thông vận tải:*

- Phải phát triển cân đối giao thông vận tải, để bảo đảm sản xuất nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn, chú trọng nhiều tới miền núi và các vùng khai hoang.

- Cải tiến công cụ vận chuyển, để giảm nhẹ lao động vận chuyển, vì công vận chuyển chiếm tới 40% công lao động nông nghiệp.

Sáu là, đẩy mạnh công tác khoa học kỹ thuật nông nghiệp.

- Nông nghiệp nước ta sẽ phát triển theo hướng thuỷ lợi hoá, cơ giới hoá, hoá học hoá, điện khí hoá, áp dụng "cách mạng xanh". Trong khi trình độ cơ giới hoá còn thấp, thì phải đi mạnh vào "cách mạng xanh" là cái ta có thể làm nhiều, làm nhanh.

- Công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật phải trở thành mối quan tâm hàng đầu của Nhà nước, của các cấp quản lý nông nghiệp. Nội dung chủ yếu của nó bao gồm:

a) *Điều tra cơ bản* để nắm vững tình hình đất đai, khí hậu, thời tiết, thủy văn làm căn cứ khoa học cho các phương án phân vùng, quy hoạch và chỉ đạo sản xuất nông nghiệp.

b) Chọn lọc, lai tạo để có đủ giống tốt cho trồng trọt và chăn nuôi, đặc biệt chú trọng làm tốt các giống lúa, ngô, sắn, đậu tương, khoai, bông, mía, lợn, trâu, bò, gà, vịt...

c) Nghiên cứu *quy trình kỹ thuật sản xuất* của từng loại cây, con, xác định thời vụ cho các tỉnh miền Nam, nhằm tận dụng những mặt thuận lợi của thiên nhiên, hạn chế những mặt không thuận lợi của khí hậu, thời tiết, thủy văn.

d) *Nghiên cứu cải tạo đất* chua, mặn, bạc màu, thâm canh đất dốc, sản xuất và sử dụng các loại phân bón, phòng chống sâu bệnh.

e) Nghiên cứu các loại *máy*, các loại *công cụ* phục vụ trồng trọt, chăn nuôi, chế biến, phơi sấy, bảo quản, thích hợp với điều kiện canh tác các vùng, với khả năng chế tạo của công nghiệp nước ta.

Muốn thế, cần phải:

- Lập Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam, các viện chuyên ngành và chuyên cây, con, mạng lưới các cơ sở nghiên cứu, thực nghiệm khoa học kỹ thuật.

- Tích cực đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật; kiên quyết *bố trí đúng ngành, nghề*, hướng cán bộ đi sâu vào từng cây, con, từng vùng.

- Truyền bá rộng rãi kiến thức khoa học kỹ thuật cho cán bộ và nông dân.

- Các quy trình kỹ thuật mang lại kết quả thực tế, phải trở thành *kỷ luật sản xuất*, để bảo đảm phát triển đồng đều, thanh toán những năng suất thấp, lạc hậu.

Bảy là, củng cố quan hệ sản xuất mới ở miền Bắc.

Hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đổi mới nông nghiệp miền Nam.

ở miền Bắc:

- Gấp rút củng cố các *hợp tác xã* (tổ chức lại sản xuất và lao động): sắp xếp và phân bố lại đồng ruộng một cách hợp lý; xây dựng các tổ, đội lao động theo hướng chuyên môn hoá dần từng bước; ổn định quy mô, nói chung ở mức từ 300 - 500 hécta ở đồng bằng và từ 1.000 - 2.000 hécta ở trung du, miền núi; thống nhất quản lý lao động, ruộng đất, sản xuất và phân phối trong phạm vi hợp tác xã, chấm dứt việc khoán tráng cho các đội, xoá bỏ khép kín chu kỳ sản xuất trong từng đội. Gắn liền hợp tác xã với cơ cấu kinh tế chung của cả huyện.

- Đặc biệt phải tập trung sức của cả huyện cùng các đảng bộ cơ sở và quần chúng xã viên thanh toán gấp số 29% hợp tác xã yếu kém, để sau vài ba năm, đưa tất cả hợp tác xã ở miền Bắc lên trình độ khá, đẩy mạnh sản xuất và các mặt hoạt động ở nông thôn, xây dựng người nông dân mới.

ở miền Nam:

- Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa ở nông thôn để tạo ra quan hệ sản xuất mới, đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy cải tạo ở thành thị, ngăn chặn bọn đầu cơ, phá rối thị trường.

- Tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa là tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, nhằm xây dựng nền nông nghiệp mới, nông thôn mới và người nông dân mới trong sự gắn bó với xây dựng nền kinh tế mới trong cả nước. Vì vậy, cải tạo phải đi đôi với xây dựng.

- Hợp tác hoá phải đi liền với thuỷ lợi và từng bước cơ giới hoá, để sớm phát huy tính ưu việt của hợp tác hoá, sử dụng lao động và đất đai một cách tốt nhất, để phát triển sản xuất.

- Để tiến hành hợp tác hoá, cần phải:

+ Kiện toàn và củng cố cấp huyện; làm nhanh công tác quy hoạch địa bàn huyện, xây dựng phương hướng thâm canh, chuyên canh rõ rệt cho từng huyện. Ra đời trên cơ sở đó, hợp tác xã có khả năng đi nhanh lên sản xuất lớn.

+ Tích cực củng cố chi bộ, chính quyền và các đoàn thể ở nông thôn. Ra sức xây dựng cốt cán trong nông dân, để họ thấy lợi ích của việc làm ăn tập thể.

+ Trước mắt, cần đẩy mạnh phong trào tổ đoàn kết sản xuất, tập đoàn sản xuất; mở rộng diện thí điểm hợp tác xã kết hợp với xây dựng huyện. Điều tra tình hình giai cấp ở nông thôn; nơi nào còn tàn dư phong kiến phải xoá bỏ cho hết.

+ Phải nghiên cứu những chính sách thích hợp như:

Chính sách đối với trung nông, để thu hút cho được trung nông vào hợp tác xã, để phòng những tiêu cực trong sản xuất.

Chính sách đối với đất đai, công cụ, máy móc.

Chính sách phân phối đối với người lao động, chiếu cố những người già cả, neo đơn.

Chính sách giá cả, vật tư, tín dụng để đẩy mạnh hợp tác hoá.

Chính sách đối với các vùng tôn giáo, v.v..

Đối với nông trường:

- Phai ra sức củng cố và xây dựng các nông trường thành những đơn vị sản xuất lớn, đi sâu vào chuyên canh và thâm canh, tạo ra một khối lượng lớn sản phẩm cho xã hội, phục vụ đời sống, phục vụ xuất khẩu.

- Nông trường phải có năng suất cao nhất, giá thành hạ nhất, chất lượng sản phẩm tốt nhất.

a) *Nông trường miền Bắc:* Xác định rõ phương hướng sản xuất cho từng nông trường; sử dụng hết số đất đai đã quy hoạch cho nông trường; nâng cao công suất sử dụng máy móc; chấn chỉnh tổ chức và quản lý nông trường, xoá bỏ tính chất tự túc hẹp hòi của từng nông trường, hạn chế kinh tế phụ của công nhân nông trường; giao phần lớn nông trường cho các huyện, hình thành quan hệ phân công hiệp tác giữa nông trường và hợp tác xã.

b) *ở miền Nam:* Với đất đai của miền Nam, có thể xây dựng nhiều nông trường, làm cho nông trường có vị trí lớn trong sản xuất nông nghiệp. Ngay từ đầu, nông trường phải đi vào sản xuất lớn theo hướng thâm canh, chuyên canh.

Tóm lại, xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế công nông nghiệp.

- Việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể, gắn bó công nghiệp với nông nghiệp, đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn, xây dựng nông thôn mới và người nông dân mới, diễn ra trong toàn bộ hệ thống kinh tế - xã hội, trong phạm vi cả nước và trên từng tỉnh, thành, song *thể hiện tập trung và nổi bật nhất trên địa bàn huyện*.

- Huyện là địa bàn cuối cùng, tại đó liên kết công nghiệp với nông nghiệp, sở hữu toàn dân với sở hữu tập thể, thành thị với nông thôn, thể hiện quyền làm chủ tập thể của hai giai cấp công nhân và nông dân.

- Huyện là cứ điểm tiến hành ba cuộc cách mạng ở nông thôn, là khâu quan trọng đưa nông nghiệp lên sản lớn xã hội chủ nghĩa. Nếu hợp tác xã là tổ chức liên kết cá nhân với tập thể thì *huyện là khâu nối liền nông dân với công nhân và cả nước*.

- Huyện là đơn vị cơ bản tổng hợp để tổ chức sản xuất nông nghiệp, sử dụng hợp lý lao động và đất đai, chấm dứt tình trạng canh tác manh mún, phân tán, tự cấp tự túc hép hòi.

- Các hợp tác xã, các nông trường, lâm trường, các xí nghiệp công nghiệp trong huyện liên kết thành một cơ cấu sản xuất trên cơ sở phân công hiệp tác ngày càng rộng rãi, làm cho huyện trở thành *đơn vị kinh tế cơ bản nông - công nghiệp*, trong đó từng xí nghiệp quốc doanh và hợp tác xã vẫn là những đơn vị hạch toán kinh tế.

- *Việc xây dựng huyện bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:*

1- Trên cơ sở quy hoạch của cả nước và của tỉnh, *quy hoạch lại đất đai của huyện*, xác định các loại cây, con chủ yếu; bảo đảm cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi.

2- *Tổ chức và phân công lại lao động*, nhằm bảo đảm phát triển đồng đều các mặt sản xuất của huyện; vừa phục vụ tốt sản xuất của hợp tác xã, vừa tạo được một lực lượng lao động do cấp huyện trực tiếp nắm, để phục vụ yêu cầu xây dựng chung trong huyện.

3- Dựa trên sự phân bố của Trung ương và tỉnh, căn cứ vào yêu cầu của sản xuất nông nghiệp, từng huyện phải có kế hoạch *xây dựng dân các xí nghiệp công nghiệp*: trạm máy kéo, sửa chữa cơ khí, chế biến nông sản và thức ăn gia súc, sản xuất vật liệu xây dựng ...

4- Xây dựng các *trạm, trại kỹ thuật* (trại giống, trại thú y...) thành lập các tổ khoa học kỹ thuật; xác định quy trình kỹ thuật đối với việc sử dụng từng loại đất, trồng trọt từng loại cây, chăn nuôi từng loại gia súc trong huyện.

5- Xây dựng *giao thông vận tải*; tổ chức lực lượng *xây dựng cơ bản* của huyện, nhất là lực lượng làm thuỷ lợi, quản lý thuỷ nông, xây dựng các cơ sở sản xuất, các công trình phúc lợi.

6- Tổ chức trạm cung ứng vật tư, các công ty và cửa hàng mua bán, cơ quan ngân hàng, thương nghiệp, để bảo đảm việc *lưu thông, phân phối trong huyện*, thực hiện hợp đồng hai chiều giữa Nhà nước và nông dân, cân đối sản xuất với tiêu dùng, mua với bán, thực hiện đầy đủ kế hoạch của Trung ương và của tỉnh, bảo đảm quá trình tái sản xuất của kinh tế nông - công nghiệp trên địa bàn huyện.

7- Tổ chức *văn hoá, giáo dục, y tế, thể dục thể thao*, kết hợp kinh tế với văn hoá xã hội; quy hoạch từng bước các khu dân cư mới, xây dựng trường học, bệnh viện, nhà trẻ, văn công, rạp chiếu bóng, sân vận động..., dần dần hình thành nông thôn mới đi đôi với xây dựng người nông dân mới.

8- Huyện là đơn vị bảo đảm *an ninh*, xây dựng *quốc phòng*. Để tương ứng với nội dung xây dựng huyện như trên, *cơ cấu tổ chức của bộ máy cấp huyện* cần được tăng cường mạnh mẽ, cần được trao những nhiệm vụ, quyền hạn, phương tiện thích đáng, để thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân, tạo ra sức mạnh tổng hợp của chủ nghĩa xã hội trên địa bàn huyện.

- *Chính quyền cấp huyện* phải mau chóng trở thành một cấp kế hoạch toàn diện, quản lý được sản xuất, lưu thông, phân phối, tiêu dùng, quản lý được các mặt chính trị, kinh tế, quốc phòng và văn hoá xã hội.

Mỗi đơn vị kinh tế nông - công nghiệp huyện đều nằm trong cơ thể chung của nền kinh tế quốc dân, là một bộ phận hữu cơ của cơ cấu công - nông nghiệp cả nước và trực tiếp gắn bó với cơ cấu công - nông nghiệp trong từng tỉnh, quan hệ chặt chẽ với các ngành kinh tế - kỹ thuật theo đúng nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ.

- Xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp là chủ trương chung. Tùy theo điều kiện tự nhiên và kinh tế từng vùng, sẽ hình thành những cơ cấu cụ thể khác nhau,

hoặc là nông - công nghiệp, hoặc là nông - lâm - công nghiệp, hoặc là nông - ngư - công nghiệp.

- Xây dựng huyện với nội dung nói trên là công sức chung của Nhà nước và nhân dân, là trách nhiệm của tất cả các cấp, các ngành, nhất là cấp tỉnh và các bộ trung ương.

Phân thứ ba

Tăng cường sự lãnh đạo của đảng và sự chỉ đạo của nhà nước đối với nông nghiệp

I- Về sự lãnh đạo của trung ương đảng và chính phủ và tổ chức bộ máy chỉ đạo nông nghiệp

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng và Thường vụ Hội đồng Chính phủ phải nắm chặt hơn nữa vấn đề nông nghiệp và công tác nông thôn, lãnh đạo các cấp bộ đảng và chính quyền, các bộ và các ngành tập trung lực lượng cao độ vào mặt trận sản xuất nông nghiệp. Phải kiểm tra, đôn đốc các ngành tăng cường hiệp tác trong xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sản xuất. Khi chỉ đạo thực hiện, phải rất *tập trung, dứt điểm*, tránh dây dưa, kéo dài, vì nhỡ mấy tuần, mấy tháng có khi mất cả một vụ, một năm.

Sản xuất nông nghiệp liên quan rất nhiều đến tình hình đất đai, thời tiết của nhiều vùng khác nhau trong nước. Cho nên, cần phải có sự phân công; phân cấp hợp lý, xác định trách nhiệm cụ thể, rõ ràng giữa trung ương với địa phương và cơ sở.

2. Về tổ chức quản lý, chỉ đạo nông nghiệp.

a) Nói chung, những đề nghị thay đổi về tổ chức quản lý nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, cần phải tiếp tục nghiên cứu thêm; dựa theo ý kiến của Trung ương, Bộ Chính trị sẽ bàn và quyết định sau.

+ Riêng về *Bộ Nông nghiệp*:

- Cân tăng cường về tổ chức và cán bộ; cần xây dựng những tổ chức chuyên về từng cây, từng con, từng vùng kinh tế, từng mặt công tác.

- Bộ Nông nghiệp phải chịu trách nhiệm trước Đảng và Nhà nước về toàn bộ sản xuất nông nghiệp. Nhà nước cần giao đầy đủ quyền hạn cho Bộ Nông nghiệp về quản lý thống nhất kế hoạch nông nghiệp cả nước.

- Cần đặc biệt chấn chỉnh và tăng cường gấp *Tổng cục khai hoang và Tổng cục trang bị kỹ thuật* của Bộ Nông nghiệp.

- Thành lập sớm các tổng công ty, công ty hoặc xí nghiệp liên hiệp đối với những cây, những con được sản xuất và chế biến trên những địa bàn tập trung.

b) Trong chỉ đạo thực hiện, phải rất coi trọng vai trò của *cấp tỉnh*, cấp có trách nhiệm cụ thể hoá đường lối chung vào hoàn cảnh địa phương, có trách nhiệm xây dựng kinh tế trong tỉnh thành cơ cấu công nông nghiệp. Cần phân cấp mạnh cho tỉnh, để tỉnh chủ động trong việc bố trí kế hoạch, vừa bảo đảm nhu cầu của địa phương, vừa làm tròn nghĩa vụ do Trung ương giao, để tỉnh cùng với các bộ, xây dựng các huyện thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp.

c) Trong việc tổ chức quản lý nông nghiệp, khâu có ý nghĩa quyết định là triển khai xây dựng từng bước các huyện trong cả nước thành những đơn vị kinh tế nông - công nghiệp. Phải làm cho cấp huyện thật sự thành một cấp kế hoạch cơ bản; kế hoạch của Trung ương và của tỉnh là sự tổng hợp kế hoạch của các huyện trong cả nước. Phải làm cho

huyện đủ sức xây dựng và thực hiện mọi kế hoạch về sản xuất và đời sống trong huyện.

d) Kiện toàn *Ban Nông nghiệp Trung ương*, để giúp Trung ương Đảng nghiên cứu chính sách, kiểm tra tình hình, quản lý cán bộ nông nghiệp, tham gia cải tạo nông nghiệp miền Nam, cùng các Ban Tổ chức, Tuyên huấn, các đảng bộ địa phương, phát động phong trào quần chúng, đẩy mạnh ba cuộc cách mạng ở nông thôn.

- Lập *Ban Cải tạo nông nghiệp Trung ương* để chỉ đạo công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp miền Nam.

e) Các *Bộ Công nghiệp, Xây dựng, Giao thông, Tài chính, Ngân hàng, Thương nghiệp* phải coi việc phục vụ nông nghiệp là yêu cầu số một; phải có kế hoạch và biện pháp cụ thể về từng chuyên đề phục vụ nông nghiệp, nhất là phải bảo đảm hợp đồng đúng thời gian, đúng kế hoạch.

II- Về một số chính sách liên quan đến nông nghiệp

- Các *chính sách đòn bẩy* phải bảo đảm đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất, khai hoang mở rộng diện tích; đẩy mạnh thuỷ lợi hoá, cơ giới hoá, khuyến khích sản xuất và tăng năng suất lao động; phục vụ tốt đời sống nông thôn, mở rộng sự trao đổi giữa công nghiệp và nông nghiệp, làm cho công nông nghiệp thúc đẩy lẫn nhau cùng tiến lên sản xuất lớn.

- Chính sách của Nhà nước phải làm cho quần chúng thấy rõ *sự nhất trí* giữa lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và lợi ích nhà nước, lợi ích trước mắt với lợi ích lâu dài.

a) Về giá mua nông sản:

- + Giá cả phải gắn với sản xuất và năng suất lao động. Giá thu mua đối với nông dân cũng quan trọng như tiền lương đối với công nhân. Phải giải quyết cho tốt.
- + Giá cả có tính tổng hợp cao, liên quan đến tất cả các hoạt động kinh tế tài chính. Do đó, *phải đúng trên quan điểm toàn cục mà xem xét và quyết định giá cả*.

+ Đối với giá mua nông sản hiện nay, có những mặt không hợp lý, cần điều chỉnh lại. Đã có nhiều phương án điều chỉnh giá mua nông sản, nhưng cần cân nhắc toàn diện tác động của sự thay đổi giá thu mua đối với toàn bộ các cân đối kinh tế, tài chính. Đề nghị Trung ương giao cho Bộ Chính trị xem xét và quyết định cụ thể vấn đề này. Phải gắn vấn đề điều chỉnh giá nông sản với chính sách đầu tư phát triển nông nghiệp, với cuộc đấu tranh chống đầu cơ tích trữ, phá rối thị trường, với việc chấn chỉnh các mặt tổ chức và quản lý sản xuất nông nghiệp. Có làm đồng bộ như vậy mới có tác dụng rõ rệt đối với sản xuất.

b) Về nghĩa vụ thu mua:

- + Nhà nước ổn định nghĩa vụ dứt khoát cho nông dân; có chính sách thích hợp, bảo đảm cho Nhà nước nắm toàn bộ lương thực và phần lớn các nông sản khác.

+ Phải làm cho việc thu mua trở thành công cụ khuyến khích sản xuất, thắt chặt mối quan hệ giữa Nhà nước với nông dân, thể hiện quyền làm chủ và nghĩa vụ làm chủ của nông dân.

c) Về chính sách tín dụng:

Ngoài phần đầu tư qua tài chính, một phần rất lớn đầu tư cho nông nghiệp phải thông qua ngân hàng. Phải sửa đổi

chính sách và phương thức, thể lệ tín dụng để thuận tiện cho việc vay, phục vụ kịp thời và thiết thực sản xuất nông nghiệp.

2¹⁾. Phải có *chính sách phát triển toàn diện kinh tế miền núi*. Phải phát huy thế mạnh và những thuận lợi của miền núi về nông nghiệp, lâm nghiệp, đồng thời cần thấy rõ tính chất phức tạp của tình hình sản xuất nông nghiệp ở miền núi do điều kiện địa lý, địa hình, khí hậu, thời tiết tạo ra, để có sự chỉ đạo thích hợp về các mặt phương hướng sản xuất, cơ cấu cây trồng, về khoa học kỹ thuật nông nghiệp, về biện pháp kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi.

- Đối với phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, phải hết sức coi trọng *mở đường giao thông*, nhất là đối với vùng cao, để vừa phục vụ kinh tế, dân sinh, vừa phục vụ quốc phòng.

- Phải có chính sách định canh định cư đúng đắn với đồng bào các dân tộc ít người còn du canh du cư. Đối với vùng rẻo cao, rẻo giữa, phải vận động định canh định cư tại chỗ, để kết hợp việc bố trí dân cư, phát triển kinh tế với việc củng cố quốc phòng, bảo vệ miền núi, bảo vệ biên giới; không vận động đồng bào xuống vùng thấp, bỏ trống vùng cao, không có dân cư, không ai bảo vệ. Ngoài việc vận động trồng một phần hoa màu tuỳ điều kiện tại chỗ cho phép, Nhà nước phải dành một số lương thực cung cấp cho đồng bào đủ ăn, để chuyển số đồng bào đó sang làm rừng (trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng) trồng cây đặc sản, trồng và khai thác dược liệu và làm đường giao thông.

III- Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ

¹⁾ Theo chúng tôi có thể đây là mục d) (B.T).

- + Đào tạo và bồi trí cán bộ đúng là một vấn đề rất quan trọng, bảo đảm giành thắng lợi trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, cải tạo và xây dựng nông thôn.
- + Việc cấp bách nhất hiện nay là tăng cường đủ cán bộ cho các huyện, và đào tạo đủ cán bộ quản lý, chủ yếu là chủ nhiệm và kế toán trưởng cho các hợp tác xã nông nghiệp.
- + Muốn vậy, phải tiến hành các biện pháp sau đây:
 - Giảm bớt biên chế của các ngành trung ương và của tỉnh để đưa về huyện và cơ sở.
 - Điều động một số cán bộ quân đội, những người có nhiệt tình, có hiểu biết, đào tạo ngắn ngày để bổ sung cho các ngành ở huyện, cho xã và hợp tác xã.
 - Tuyển lựa một số cán bộ khá các địa phương miền Bắc bổ sung cho các địa phương miền Nam, nhất là cán bộ quản lý, nghiệp vụ, kỹ thuật.
 - Mở các trường, lớp đào tạo cán bộ quản lý nông nghiệp cho các huyện và hợp tác xã. Đồng thời hết sức coi trọng việc tổng kết công tác kịp thời, để bồi dưỡng cán bộ tại chỗ.
 - + Trong chính sách cán bộ, cần chú ý đến cán bộ nữ; nghiên cứu giải quyết đời sống cho cán bộ cấp xã.
 - + Đối với các tỉnh miền Nam, phải coi trọng việc xây dựng, bồi dưỡng cốt cán trong các tầng lớp nhân dân, nhất là ở những vùng tôn giáo.

IV- Xây dựng, củng cố các đảng bộ và chi bộ ở nông thôn

- Ở miền Bắc, phải gắn liền việc xây dựng, củng cố chi bộ, đảng bộ cơ sở với phong trào hợp tác hoá và đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp. Trên cơ sở đó, xây dựng, củng cố Đảng, nâng cao chất lượng đảng viên, đưa những phần tử không đủ tiêu chuẩn, không đủ phẩm chất ra khỏi Đảng.

- Ở miền Nam, tính tiên phong, tính chiến đấu của chi bộ, đảng bộ cơ sở phải thể hiện trong việc lãnh đạo tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp. Phải tiến hành một cuộc đấu tranh tư tưởng trong nội bộ các đảng bộ ở nông thôn, đặc biệt trong chi bộ, đảng bộ cơ sở để phân rõ ranh giới giữa tư tưởng của giai cấp công nhân với tư tưởng của nông dân, giữa tư tưởng kiên quyết đi theo con đường tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa với tư tưởng thoả mãn, dừng lại của người nông dân khá giả, luyến tiếc lối làm ăn riêng lẻ của người tiểu nông. Đồng thời cũng qua phong trào hợp tác hoá và phát triển sản xuất nông nghiệp mà xây dựng cốt cán trong các tầng lớp nhân dân, phát hiện những phần tử tốt để bồi dưỡng và bổ sung vào đội ngũ của Đảng.

V- Phát động quần chúng

- Mặt trận nông nghiệp là mặt trận có thể kết hợp quy mô to, vừa, nhỏ, kết hợp thủ công, nửa cơ giới và cơ giới, đồng thời là nơi có thể phát huy cao độ sức mạnh tập thể của nhân dân với lực lượng của Nhà nước để thực hiện.
- Do đó, để thực hiện toàn bộ những mục tiêu và nhiệm vụ của nông nghiệp, có thể và cần phải phát động phong trào cách mạng sôi nổi, liên tục, đưa nông dân và các tầng lớp nhân dân ở nông thôn đi vào công cuộc cải tạo và xây dựng nông nghiệp với khí thế hào hùng, phấn khởi, nhất là trên các mặt thâm canh, khai hoang, xây dựng vùng kinh tế mới, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nông nghiệp.
- Phải thông qua phong trào cách mạng của quần chúng mà đẩy mạnh giáo dục chính trị, tư tưởng, xây dựng ý thức làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, chống những tàn dư của chủ nghĩa thực dân, phong kiến, khắc phục những tư tưởng tiêu cực, lạc hậu của người sản xuất nhỏ.
- Phải có nhiều hình thức tổ chức và động viên phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, như việc mở hội

nghị các phần tử tích cực trên từng mặt sản xuất nông nghiệp, từng mặt trồng trọt, chăn nuôi.

- Phải tổng kết, nêu gương những điển hình tiên tiến, phát động quần chúng học tập và làm theo các điển hình.

- Mở Đại hội đại biểu Nông hội ở miền Nam để phát động nông dân thực hiện cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp. Mở các đại hội đại biểu nông dân tập thể ở miền Bắc để động viên các hợp tác xã nông nghiệp củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp.

Tóm lại:

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, kiện toàn một bước các bộ máy chỉ đạo và quản lý nông nghiệp, đặc biệt là ra sức xây dựng và tăng cường cấp huyện.

- Ra sức đào tạo cán bộ cho huyện và cơ sở, sửa đổi kịp thời một số chính sách cần thiết.

*

* *

Thưa các đồng chí,

Phấn đấu để tạo ra chuyển biến lớn trong nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang, là bộ phận công tác quan trọng hàng đầu trong toàn bộ hoạt động nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ IV.

Lãnh trách nhiệm trước toàn Đảng, toàn dân, Hội nghị Trung ương bàn về nông nghiệp đã thành công tốt đẹp. Dưới tư tưởng chỉ đạo của Nghị quyết Đại hội, Hội nghị Trung ương lần này đã giải đáp kịp thời những đòi hỏi bức thiết của tình hình kinh tế, đã vạch ra một chương trình hành động cụ thể và thiết thực trong hơn ba năm tới cho 22 triệu lao động cả nước, trong đó có 15 triệu lao động nông nghiệp:

- Quy hoạch, phân vùng sản xuất, tổ chức lại nền nông nghiệp cả nước theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

- Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp miền Nam; đưa tất cả các hợp tác xã miền Bắc lên trình độ khá; củng cố các nông trường quốc doanh.

- Khai hoang phục hoá 1 triệu hecta, phân bổ lại 1 triệu 8 lao động, định canh định cư cho 1,5 triệu người.

- Trồng 1,2 triệu hecta rừng mới,

- Xây dựng hơn 4 tỷ đồng thuỷ lợi,

- Trang bị cho nông nghiệp gần 5 vạn máy kéo lớn, nhỏ,

- Sản xuất 21 triệu tấn lương thực, 1 triệu tấn thịt...

- Xây dựng một bước các huyện thành những đơn vị kinh tế nông - công nghiệp.

Hoàn thành chương trình này chỉ mới là bước phát triển đầu tiên của nông nghiệp, chỉ mới giải quyết được một phần những khó khăn trong sản xuất và đời sống. Trên đà thắng lợi của kế hoạch này, chúng ta sẽ phấn đấu để đến hết kế hoạch 5 năm sau, tạo ra một *chuyển biến cơ bản* trong nông nghiệp, công nghiệp, trong toàn bộ nền kinh tế và đời sống nhân dân.

Thực hiện nghị quyết của Trung ương, đưa nghị quyết vào trong cuộc sống là một cuộc đấu tranh cách mạng, khắc phục những khuyết điểm của chúng ta trong tổ chức và quản lý, trong lề lối làm việc, chống lại những cách nghĩ, cách làm theo lối sản xuất nhỏ, chống lại những thái độ thiếu trách nhiệm, thiếu kỷ luật, vi phạm quyền làm chủ tập thể của quần chúng nhân dân. Thực hiện nghị quyết của Trung ương là một cuộc vận động cách mạng sôi nổi trong các tầng lớp nhân dân, dấy lên khí thế "đời non lấp

biển" lao động sáng tạo cho hạnh phúc của nhân dân, cho sự phồn vinh của đất nước.

Với truyền thống đoàn kết của Đảng ta đứng trước những nhiệm vụ cách mạng nặng nề, với tinh thần phụ trách trước đời sống nhân dân, trước tiền đồ của dân tộc, với khả năng cách mạng vô tận của nhân dân ta, chúng ta nhất định có thể biến Nghị quyết Trung ương thành hành động thực tế, mang lại nhiều kết quả thiết thực cho đời sống xã hội, cho sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà.

Với niềm tin sâu sắc đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị Trung ương lần thứ hai.

Lê Duẩn

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Nghị quyết
Hội nghị lần thứ hai
ban chấp hành trung ương đảng
(khoá iv)**

Số 03-NQ/TW, ngày 19 tháng 8 năm 1977*

Tập trung cao độ lực lượng cả nước thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển nông nghiệp

Phân thứ nhất

Tình hình nông nghiệp và sự lãnh đạo nông nghiệp trong thời gian qua

I- Hai mươi năm qua, một trong những thắng lợi cơ bản và to lớn của cách mạng nước ta là miền Bắc đã sớm thực hiện hợp tác hoá nông nghiệp; quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn được xác lập và ngày càng củng cố, giai cấp nông dân tập thể đã ra đời, sự thống nhất về chính trị và tinh thần ở nông thôn và liên minh công nông được tăng cường với chất lượng mới; nguồn gốc sinh ra đối kháng giai cấp ở nông thôn vĩnh viễn bị xoá bỏ. Công cuộc hợp tác hoá nông nghiệp đã thúc đẩy mạnh phong trào làm thuỷ lợi, cải tạo đất, sử dụng

* Để bạn đọc tiện theo dõi, chúng tôi xếp tài liệu này theo cụm vấn đề (B.T).

giống mới, áp dụng kỹ thuật thâm canh, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật trong nông nghiệp. Đến nay, ở miền Bắc, đã xây dựng được một số *cơ sở vật chất - kỹ thuật ban đầu cho nông nghiệp, giải quyết được một số vấn đề về khoa học - kỹ thuật nông nghiệp*. Thuỷ lợi đã bảo đảm nước tưới cho 80 vạn hécta ruộng hai vụ lúa. Gần một vạn máy kéo và nhiều máy nhỏ đã được đưa vào nông nghiệp. Mạng lưới điện phục vụ nông nghiệp đã hình thành ở nhiều vùng. Nguồn phân bón, bao gồm cả phân hữu cơ và phân khoáng, tăng lên rõ rệt. Một số giống mới về cây trồng và gia súc đã được lai tạo và sử dụng rộng rãi. Hệ thống cơ quan nghiên cứu khoa học kỹ thuật và trạm, trại kỹ thuật đã được xây dựng. Một số vấn đề về khoa học - kỹ thuật nông nghiệp đã được kết luận và ứng dụng có hiệu quả vào sản xuất.

Dựa vào ưu thế của quan hệ sản xuất mới, của cơ sở vật chất - kỹ thuật đã có, miền Bắc đã giữ vững và phát triển được sản xuất nông nghiệp trong điều kiện cả nước có chiến tranh, đưa vụ đông - xuân trở thành vụ sản xuất chính, đưa năng suất, sản lượng lúa và đòn lợn lên khá, hình thành một số vùng chuyên canh, phát triển một số ngành, nghề ở nông thôn, thực hiện việc phân phối tương đối công bằng và hợp lý trong thời chiến. Tuy thường gặp thiên tai nặng, dân số tăng gần gấp đôi, lương thực còn phải nhập một phần, nhưng đời sống nhân dân về cơ bản được bảo đảm và có những mặt được cải thiện. Trình độ chính trị, tư tưởng, văn hoá, kỹ thuật của nông dân, nhất là của nam, nữ thanh niên, được nâng cao rõ rệt; nông thôn mới đang được xây dựng ngày càng vững mạnh. *Nền nông nghiệp hợp tác hoá và nông thôn mới đã góp phần trọng yếu củng cố hậu phương, tăng cường lực lượng quốc phòng, bảo đảm cho miền Bắc vừa sản xuất vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa cung cấp sức người, sức của cho tiền tuyến, thực sự là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.*

Gần đây, việc bước đầu tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện và cải tiến quản lý nông nghiệp từ cơ sở, kết hợp với

thuỷ lợi hoá và từng bước cơ giới hoá, đã mở ra cách làm mới để sử dụng hợp lý đất đai và lao động, phát triển sản xuất theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Hơn hai năm qua, từ sau khi được hoàn toàn giải phóng, nông thôn miền Nam đã có những biến đổi quan trọng. Tàn tích thực dân và phong kiến về ruộng đất được xoá bỏ triệt để; phần lớn nông dân đã có ruộng. Ở nhiều nơi nông dân đang tập hợp lại dưới nhiều hình thức lao động tập thể ở trình độ giản đơn; phong trào quần chúng làm thuỷ lợi, phục hoá, tăng vụ, thảm canh, khai hoang đang có khí thế sôi nổi. Công tác chuyển dân ở một số thành phố, thị xã về nông thôn và đã xây dựng các vùng kinh tế mới được đẩy mạnh. Công tác điều tra cơ bản, quy hoạch và phân vùng kinh tế được xúc tiến. Một số cơ sở kinh tế quốc doanh đã được xây dựng. Nhà nước đã và đang điều động nhiều cán bộ kinh tế, kỹ thuật, cung cấp thêm máy kéo, máy bơm và vật tư kỹ thuật khác cho các tỉnh phía Nam.

Có những thành tựu to lớn trên đây, trước hết là do Đảng ta có đường lối đúng. Trong cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân với sự kết hợp đúng đắn nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến, Đảng đã tập hợp được đông đảo nông dân vào phong trào cách mạng. Sau khi hoàn thành cải cách ruộng đất ở miền Bắc, Đảng đã kịp thời lãnh đạo nông dân tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp trong điều kiện công nghiệp chưa phát triển, gắn liền hợp tác hoá với thuỷ lợi hoá, thực hiện các biện pháp kỹ thuật thảm canh, đồng thời tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa công thương nghiệp tư bản tư doanh ở thành thị, xác lập chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Trong chiến tranh, ta đã kịp thời chuyển hướng kinh tế, lấy việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp làm trọng tâm, phát triển lực lượng cơ khí ở các địa phương. Đường lối "ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ", các chủ trương "đưa nông nghiệp đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa", "đưa chăn

nuôi lên thành một ngành sản xuất chính", và "tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện" là hoàn toàn đúng.

Nông dân lao động nước ta rất cách mạng; Đảng ta có cơ sở rộng lớn ở nông thôn; cán bộ, đảng viên và các cấp uỷ đảng gắn bó chặt chẽ với nhân dân; nhiều nơi đã tạo ra được phong trào sôi nổi trên mặt trận sản xuất nông nghiệp.

II- Chúng ta khẳng định thành tích to lớn, đồng thời cũng thấy rõ khuyết điểm và nhược điểm. Ở miền Bắc, sản xuất nông nghiệp phát triển chậm. Lao động chưa được sử dụng tốt; vốn đầu tư phát huy hiệu quả kém; tiềm năng thảm canh, tăng vụ lớn nhưng chưa khai thác được nhiều; công tác khai hoang, xây dựng vùng kinh tế mới và định canh định cư đạt ít kết quả. Năng suất lúa chưa cao và chưa ổn định; màu giảm sút nặng cả về diện tích và sản lượng; nghiêm trọng nhất là diện tích đất thuộc bị giảm nhiều; sản lượng lương thực tính bình quân theo đầu người ngày càng thấp. Chăn nuôi, cây công nghiệp, công nghiệp chế biến nông sản, các ngành nghề ở nông thôn phát triển chậm. Rừng bị phá hoại nghiêm trọng và trồng mới rất kém. Hợp tác xã nông nghiệp loại trung bình và loại kém còn chiếm số đông; nông trường và lâm trường quốc doanh chưa được tổ chức và quản lý tốt. Năng suất lao động trong các cơ sở kinh tế tập thể và quốc doanh đều thấp.

Ở miền Nam, nông nghiệp còn là sản xuất cá thể, công thương nghiệp tư bản tư doanh chưa được cải tạo; tình hình đó gây trở ngại rất lớn cho việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, đưa sản xuất vào quy hoạch, kế hoạch và đưa khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp. Công tác thuỷ lợi và cải tạo đất còn rất lớn; nhiều nơi thiếu sức kéo nghiêm trọng. Nhiều vùng đất đai rộng lớn thiếu nhân lực để khai hoang. Tổ chức đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, nhất là ở cấp huyện và cơ sở, còn yếu; cán bộ thiếu và chưa có nhiều kinh nghiệm về chỉ đạo và quản lý kinh tế.

Nhìn chung, nền nông nghiệp nước ta chưa bảo đảm được nhu cầu về lương thực, thực phẩm của nhân dân, nguyên liệu

cho công nghiệp và nông sản xuất khẩu, chưa thực sự thành cơ sở để phát triển công nghiệp.

Tình trạng trên đây là do nền kinh tế nước ta còn phô biến là sản xuất nhỏ, cơ sở vật chất kỹ thuật còn yếu kém, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề; do trong thời gian qua Đảng và Nhà nước phải tập trung sức vào chỉ đạo chiến tranh. Song *về lãnh đạo, nhất là về chỉ đạo và tổ chức thực hiện, chúng ta có những khuyết điểm lớn.*

1. Về đường lối

Chúng ta chưa nhận thức sâu sắc, nhất là trong chỉ đạo thực tế chưa quán triệt đầy đủ vị trí hàng đầu của nhiệm vụ phát triển nông nghiệp trong thời kỳ đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta; từ trung ương đến địa phương chưa thật tập trung sức để phát triển nông nghiệp, chưa tận dụng mọi thuận lợi về đất đai và lao động, chưa sử dụng một cách tập trung vật tư, tiền vốn, khoa học kỹ thuật cho nông nghiệp, chưa tạo ra được sức mạnh tổng hợp để giải quyết những yêu cầu cơ bản của nông nghiệp và nông thôn.

Chúng ta cũng *chậm thấy những bước đi cụ thể của nông nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.* Trong một thời gian khá dài, không nhận rõ hợp tác hoá nông nghiệp là để công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và công nghiệp hoá trước hết là để củng cố và phát triển phong trào hợp tác hoá và đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, chưa kết hợp ngay từ đầu công nghiệp và nông nghiệp thành một cơ cấu kinh tế thống nhất, phần nào đã *tách rời phát triển công nghiệp với phát triển nông nghiệp;* không nhận rõ sự gắn bó chặt chẽ giữa cải tạo quan hệ sản xuất với phát triển lực lượng sản xuất, giữa thay đổi chế độ sở hữu với xây dựng chế độ quản lý mới, chế độ phân phối mới; không nhận rõ phải tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng ở nông thôn để tạo ra nền nông nghiệp mới, nông thôn mới và con người mới.

Chậm xác định mối quan hệ giữa trung ương, địa phương và cơ sở, nhất là *vai trò của cấp tỉnh và cấp huyện* trong sản

xuất nông nghiệp, để phát triển và quản lý nông nghiệp theo một cơ cấu kinh tế thống nhất trong cả nước và thích hợp với đặc điểm của từng vùng, để nhanh chóng khai thác tiềm năng của nông nghiệp và thực hiện tích tụ từ dưới lên. Chậm tổ chức điều tra cơ bản để quy hoạch, phân vùng sản xuất và phân công lại lao động theo hướng tập trung, chuyên môn hoá, thực hiện thâm canh, tăng vụ đồng thời mở rộng diện tích canh tác trên địa bàn từng huyện, từng tỉnh, từng vùng và trong phạm vi cả nước. Chậm thấy huyện là đơn vị thích hợp để phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, tổ chức lại sản xuất, tổ chức lại lao động, tổ chức lại đời sống, kết hợp nông nghiệp với công nghiệp, kết hợp kinh tế tập thể với kinh tế toàn dân trong quá trình đi từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, đã duy trì quá lâu tình trạng sản xuất phân tán với năng suất lao động và hiệu quả kinh tế rất thấp trong từng hợp tác xã, trong từng đội sản xuất.

2. Về phương hướng phát triển sản xuất nông nghiệp

Chỉ đạo giải quyết vấn đề *lương thực* thiếu toàn diện. Khuyết điểm lớn nhất trong vấn đề này là *xem nhẹ các loại màu trong cơ cấu lương thực,* do đó đã để diện tích, năng suất, sản lượng màu giảm sút, trong khi ta có điều kiện phát triển mạnh các loại màu ở hầu khắp các vùng.

Thiếu những chủ trương, biện pháp tích cực để thực hiện thâm canh, tăng vụ, mở thêm diện tích, phát huy ưu thế của nông nghiệp nhiệt đới; trình độ thâm canh ở nhiều vùng còn thấp; các biện pháp kỹ thuật thâm canh chưa thành quy chế chặt chẽ trong sản xuất.

Chưa thấy rõ *chăn nuôi là ngành rất quan trọng gắn liền với trồng trọt*, bảo đảm đầy mạnh thâm canh, tăng năng suất cây trồng và năng suất lao động. Do đó, không tích cực thực hiện chủ trương đưa chăn nuôi lên thành ngành sản xuất chính; dành ít đất, đầu tư không thỏa đáng và giải quyết chậm các vấn đề cụ thể về giống, thức ăn, phòng trừ dịch bệnh, kéo dài

tình trạng mất cân đối nghiêm trọng giữa chăn nuôi và trồng trọt.

Về cây công nghiệp, không tổ chức sản xuất theo hướng tập trung, chuyên canh, không giải quyết đồng bộ các khâu quy hoạch phân vùng sản xuất, kỹ thuật, tổ chức và chính sách, cho nên không ổn định được sản xuất cho từng vùng, năng suất cây trồng không tăng và không tạo được khối lượng sản phẩm hàng hoá lớn.

Không coi trọng đúng mức việc phát triển các ngành nghề *thủ công, tiểu công nghiệp* ở nông thôn.

Kết hợp không chặt *lâm nghiệp* với nông nghiệp, bảo vệ, tu bổ, cải tạo, trồng rừng với khai thác rừng, phát triển nghề rừng với phát triển chăn nuôi; thiếu những biện pháp có hiệu quả để ngăn chặn nạn đốt phá rừng.

Chưa đẩy mạnh *sản xuất để xuất khẩu* nhằm nhập khẩu máy móc trang bị nhanh cho nông nghiệp. Thiếu phương hướng cụ thể và biện pháp tích cực để phát triển mạnh nguồn hàng nông sản xuất khẩu.

3. Về xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật trong nông nghiệp

Do chưa tổ chức lại sản xuất theo hướng chuyên canh, phương hướng sản xuất ở nhiều vùng không thật rõ và không ổn định, và do thiếu kết hợp chặt chẽ giữa cải tạo với xây dựng, cho nên việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp vừa qua làm chậm và phát huy hiệu quả kém.

Công tác *thuỷ lợi* thiếu quy hoạch chặt chẽ từ đầu khớp với quy hoạch sản xuất; chậm xây dựng thành hệ thống hoàn chỉnh từ đầu mối đến đồng ruộng; chưa làm tốt việc quản lý, sử dụng công trình.

ở Trung ương cũng như ở từng địa phương, thiếu biện pháp tích cực để tăng nhanh các loại *phân bón*.

Đầu tư không đúng mức cho khâu *giống* và chậm trễ trong việc xây dựng hệ thống quốc gia về các cây, con chín.

Khuyết điểm lớn là để kéo dài tình trạng thiếu *công cụ sản xuất*, nhất là các loại công cụ thường và công cụ cải tiến. Số máy kéo hiện có không được sử dụng tốt, do sử dụng không tập trung, trang bị không đồng bộ, chuẩn bị địa bàn hoạt động kém, phụ tùng và cơ sở sửa chữa thiếu, công nhân lành nghề thiếu và quản lý kém.

Việc nghiên cứu và ứng dụng *khoa học kỹ thuật* trong nông nghiệp tiến hành chậm, chỉ đạo không tập trung, không chặt chẽ.

4. Về tư tưởng và văn hoá

Ba cuộc cách mạng chưa được tiến hành một cách đồng bộ để xây dựng và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, phát triển mạnh mẽ sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Công tác tư tưởng, văn hoá thiếu nội dung sát hợp, thiếu những hình thức và phương pháp có hiệu quả để nâng cao ý thức và quyền làm chủ tập thể của nông dân xã viên trong lao động sản xuất, xây dựng hợp tác xã, làm nghĩa vụ đối với Nhà nước, để nâng cao trình độ hiểu biết về kỹ thuật và quản lý cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, để thực hiện nếp sống mới xã hội chủ nghĩa. Một số hiện tượng tiêu cực như quan liêu, mệnh lệnh, làm dối, báo cáo sai sự thật, tham ô, lăng phí, phân phối không công bằng... chậm được khắc phục làm ảnh hưởng đến tinh thần phấn khởi sản xuất của quần chúng. Nhiều tập tục lạc hậu trong nông thôn ở nhiều nơi, nhất là ở miền núi, chưa bị xoá bỏ đang gây nhiều trở ngại cho sản xuất.

5. Về tổ chức và quản lý

Cách tổ chức và quản lý hiện nay không phát huy đầy đủ hiệu lực chỉ đạo tập trung của Chính phủ, năng lực và trách nhiệm của các ngành ở Trung ương, cũng không phát huy được quyền chủ động và tinh thần sáng tạo của các địa phương và các đơn vị sản xuất. Tình trạng vừa tập trung quan liêu, vừa phân tán, tản漫, tình trạng kém trách nhiệm, cục bộ, bản位 trong quản lý làm cho sự chỉ đạo nông nghiệp kém hiệu lực và công việc tiến hành rất chậm trễ.

Bộ máy trực tiếp chỉ đạo và quản lý nông nghiệp không theo kịp yêu cầu chỉ đạo, quản lý, kinh doanh nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Chậm thực hiện chủ trương phân cấp quản lý và tạo điều kiện vật chất cho tỉnh, huyện để tỉnh, huyện chủ động hơn trong việc chỉ đạo phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp địa phương.

Thiếu kế hoạch và biện pháp tích cực để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý kinh tế nông nghiệp, nhất là chủ nhiệm và trưởng kế toán hợp tác xã. Cán bộ kỹ thuật nông nghiệp đã được đào tạo khá nhiều nhưng yếu về khả năng thực hành, chưa được sử dụng và bồi dưỡng tốt, bố trí về cơ sở sản xuất còn ít.

Chỉ đạo chính sách không kịp thời. Chính sách giá cả, thu mua nông sản, đầu tư, tín dụng, cung ứng vật tư cho nông nghiệp, nhiều chế độ và chính sách trong hợp tác xã chưa có tác dụng thúc đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, khuyến khích các đơn vị thực hiện đúng chế độ kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Phần thứ hai

Phương hướng, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp trong giai đoạn mới

Cả nước đã giành được độc lập, thống nhất, hoà bình và đi lên chủ nghĩa xã hội, sự nghiệp phát triển nông nghiệp có những thuận lợi rất cơ bản.

Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã đề ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội rất đúng đắn và sáng tạo. Đội ngũ cán bộ ta trưởng thành trong 20 năm qua đã có những tri thức và kinh nghiệm cần thiết để cải tạo và xây dựng nền nông nghiệp mới của cả nước theo đường lối của Đại hội. Điều kiện thiên nhiên của nước ta cho phép phát triển nông, lâm, ngư nghiệp với tốc độ nhanh và sản phẩm phong phú. Nước ta có nhiều tiềm năng về đất đai, có nguồn nhân lực dồi dào; nhân dân ta rất cách mạng và cần cù lao động. Ngày nay ta đã có điều kiện để phân bổ lại lao động, bố trí lại sản xuất trên quy mô lớn trong phạm vi cả nước, khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên phong phú và nguồn nhân lực dồi dào nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống nhân dân và xây dựng Tổ quốc giàu mạnh. Ta có điều kiện mở rộng quan hệ kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa anh em và các nước khác dưới nhiều hình thức, có thể phát huy ưu thế của nền nông, lâm, ngư nghiệp nhiệt đới để đẩy mạnh xuất khẩu đổi lấy thiết bị, vật tư nhằm trang bị cho nông, lâm, ngư nghiệp và các ngành kinh tế khác.

Mặt khác, phải ra sức khắc phục nhiều khó khăn. Diện tích đất nông nghiệp và diện tích rừng kinh doanh còn ít; từ Nghĩa Bình trở ra phía Bắc thường bị bão, lũ, hạn, rét; khả năng chống thiên tai còn hạn chế; hậu quả chiến tranh còn nặng nề; cơ sở vật chất kỹ thuật còn ở trình độ thấp. ở miền Nam, nông nghiệp chưa được cải tạo và công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh ở thành thị mới bắt đầu, cuộc đấu tranh chống các thế lực phản động còn diễn ra phức tạp; trong khi đó, cơ sở đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng ở nhiều xã, ấp còn

yếu; ở miền Bắc, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp chưa được củng cố và tăng cường, trình độ quản lý kinh tế còn thấp, quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động chưa được phát huy tốt.

Trong điều kiện đất nước vừa ra khỏi chiến tranh, dân số tăng nhanh, và do thời tiết không thuận lợi cho mấy vụ sản xuất vừa qua, *thiếu hụt về lương thực đang là khó khăn rất lớn ảnh hưởng nhiều đến đời sống nhân dân, đến sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và toàn bộ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.*

Quán triệt đường lối chung về xây dựng chủ nghĩa xã hội và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và công tác quản lý của Nhà nước đối với nông nghiệp, tích cực xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng - cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt - nhằm đưa nông nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xoá bỏ nguồn gốc sinh ra bóc lột, xoá bỏ nghèo nàn và lạc hậu, xây dựng nông thôn mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Tích cực phân bố lại lao động giữa các vùng và trên từng địa bàn, kết hợp tổ chức và sử dụng hợp lý lao động với việc tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nông nghiệp để tăng nhanh năng suất lao động trong nông nghiệp. Đẩy mạnh thuỷ lợi hoá, từng bước thực hiện cơ khí hoá và điện khí hoá, đẩy mạnh việc áp dụng khoa học - kỹ thuật mới vào sản xuất; thực hiện chuyên canh trên từng vùng tập trung; thảm canh trên toàn bộ diện tích và mở rộng diện tích canh tác; cân đối trồng trọt với chăn nuôi; kết hợp nông nghiệp với lâm nghiệp, ngư nghiệp; kết hợp nông nghiệp với công nghiệp; kết hợp cải tạo với xây dựng, xác lập với hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trên cả

nước; kết hợp Nhà nước với nhân dân, trung ương với địa phương và cơ sở, kinh tế và quốc phòng; xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp.

Trong những năm trước mắt, trên mặt trận kinh tế, phải nắm vững *nhiệm vụ hàng đầu* là phát triển vượt bậc sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, *giải quyết cho được vấn đề lương thực thực phẩm*, tạo ra những điều kiện vật chất thuận lợi để thực hiện cùng một lúc *hai yêu cầu cơ bản và cấp bách* là xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân.

Trong cả nước, phải dấy lên *cao trào lao động sản xuất* nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp nhằm ba mục tiêu:

1. *Bảo đảm lương thực, thực phẩm cho toàn xã hội* (bao gồm cả thức ăn cho chăn nuôi) và có *lương thực dự trữ*.
2. *Cung ứng nguyên liệu nông sản, lâm sản, hải sản cho công nghiệp*, trước hết là nguyên liệu cho công nghiệp thực phẩm, công nghiệp dệt và giấy, công nghiệp chế biến cao su, chế biến gỗ và công nghiệp sản xuất một số hàng tiêu dùng thiết yếu.

3. *Tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu* để đổi lấy thiết bị, vật tư nhằm trang bị kỹ thuật mới cho nông, lâm, ngư nghiệp và phát triển công nghiệp.

Ra sức phấn đấu để, trong vòng vài kế hoạch 5 năm, tạo ra được sự chuyển biến cơ bản trong nền nông nghiệp nước ta theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa với trình độ tập trung hoá, chuyên môn hoá, hiệp tác hoá ngày càng cao, với cơ sở vật chất kỹ thuật ngày càng hiện đại, với năng suất lao động và trình độ thâm canh ngày càng tiến bộ, chất lượng sản phẩm ngày càng tốt, giá thành ngày càng hạ, để đáp ứng được yêu cầu về lương thực, thực phẩm và nông sản của toàn xã hội, của sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và nâng cao không ngừng đời sống nhân dân.

Đến năm 1980, phải đạt và vượt những chỉ tiêu sau đây:

- 21 triệu tấn lương thực.

- 16,5 triệu con lợn, 1 triệu tấn thịt hơi, trên 1 triệu tấn cá, 3,5 tỷ quả trứng, 22-25 vạn tấn đường.
- 98 vạn hécta cây công nghiệp và cây ăn quả.
- 50 vạn hécta chuyên sản xuất để xuất khẩu.
- Khai hoang 1 triệu hécta, phục hoá 50 vạn hécta.
- Trồng mới 1,2 triệu hécta rừng, khai thác 3,5 triệu m³ gỗ.
- Đưa 1,8 triệu lao động đi mỏ mang vùng kinh tế mới.
- Đầu tư khoảng 5 tỷ đồng cho thuỷ lợi.
- 50% diện tích gieo trồng được cày bừa bằng máy.
- Một lao động làm từ 1 đến 2 hécta gieo trồng; tiến tới đạt bình quân 3 tấn thóc và 3-4 con lợn/ 1 hécta gieo trồng.

Về phương hướng bố trí sản xuất trong 5 năm trước mắt:

Đẩy mạnh sản xuất lương thực và thực phẩm đi đôi với cải tiến từng bước cơ cấu bữa ăn theo hướng giảm dần tiêu dùng chất bột, tăng dần các loại thức ăn giàu dinh dưỡng, tăng dần các loại thức ăn chế biến sẵn.

Ra sức thâm canh tăng năng suất, tăng vụ và mở rộng diện tích lúa ở những nơi có điều kiện, chú trọng hai vùng trọng điểm là đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng. Tập trung chỉ đạo để tăng nhanh diện tích, năng suất và sản lượng màu ở tất cả các vùng, tổ chức tốt việc chế biến màu, đưa màu vào cơ cấu lương thực chính của người, tăng nguồn thức ăn cho chăn nuôi. Ở đồng bằng, tăng vụ màu trên diện tích lúa theo công thức: 2 lúa + 1 màu hoặc 1 lúa + 2 màu hoặc 1 lúa + 1 màu tùy theo điều kiện từng nơi; tích cực biến vụ đồng thành một vụ sản xuất chính ở đồng bằng Bắc Bộ. Ở Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, duyên hải Trung Bộ và vùng trung du, miền núi Bắc Bộ, đưa tỷ trọng màu trong sản lượng lương thực lên 40 đến 50% vào năm 1980. Hình thành

những vùng chuyên canh màu trong từng huyện, từng tỉnh và những vùng chuyên canh màu tập trung quy mô lớn của cả nước. Chú trọng phát triển ngô, cao lương, sắn, khoai lang, khoai tây, và tận dụng đất để phát triển các loại cây có bột khác. Phát triển mạnh các loại rau, đậu. Hình thành nhanh các vành đai thực phẩm chung quanh thành thị và khu công nghiệp. Phát triển các loại cây cho chất đạm và chất dầu: Tăng nhanh diện tích đậu tương, chủ yếu tập trung ở phía Nam; mở rộng diện tích lạc, vừng, dừa ở duyên hải Trung Bộ và đồng bằng Nam Bộ nhưng không để lấn đất lúa; phát triển sở, cọ dừa ở các vùng trung du và miền núi. Tăng nhanh diện tích mía: hình thành những vùng mía mới gắn liền với xây dựng các nhà máy đường lớn ở Đông Nam Bộ và một số nơi khác; ở những tỉnh có đất đồi, có thể phát triển các vùng mía nhỏ khoảng một vài nghìn hécta để đáp ứng nhu cầu của địa phương. Phát triển dứa, chuối, hình thành nhanh vùng chuyên sản xuất dứa, chuối xuất khẩu, và phát triển các loại cây ăn quả khác theo từng vùng chuyên canh và trồng phổ biến.

Về các loại cây công nghiệp - xây dựng nhanh các vùng trồng bông, chủ yếu tập trung ở Thuận Hải, Phú Khánh, Cheo Reo; mở nhanh diện tích dâu tằm, trồng tập trung ở Lâm Đồng, ở các vùng đất đồi ở một số tỉnh miền Trung và miền Bắc, trồng phân tán rộng rãi trên đất vườn và bờ ruộng. Phát triển hàng chục vạn hécta day, cói ở một số tỉnh phía Bắc và ở đồng bằng sông Cửu Long. Tăng nhanh diện tích trồng cao su, cà phê tập trung ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ; phát triển chè, chủ yếu ở trung du, miền núi Bắc Bộ, Khu IV cũ

và ở Tây Nguyên. Tăng diện tích *thuốc lá*; phát triển cây *hô tiêu* ở Phú Quốc và Đông Nam Bộ; phát triển *ca cao* ở Tây Nguyên. Phát triển mạnh các loại cây làm thuốc để bảo đảm nhu cầu trong nước và tiến tới có một số mặt hàng xuất khẩu có giá trị. Chú trọng phát triển cây *quế* ở Quảng Nam - Đà Nẵng, Nghĩa Bình, Thanh Hoá, Hoàng Liên Sơn. Phát triển các loại cây cho tinh dầu và hương liệu như hồi, sả, bạc hà, hương nhu, v.v. vừa trồng tập trung thành vùng, vừa tận dụng đất trồng phân tán.

Về chăn nuôi - tận dụng mọi khả năng để phát triển mạnh chăn nuôi theo hướng sản xuất lớn. Phải căn cứ vào việc bố trí cơ cấu cây trồng ở từng nơi mà đưa chăn nuôi lên cân đối với trồng trọt ngay trên địa bàn từng huyện, từng vùng và từng tỉnh. Phát triển chăn nuôi ở cả ba khu vực: quốc doanh, tập thể và gia đình; nâng cao dân tỷ trọng chăn nuôi quốc doanh và tập thể. Tăng nhanh đàn lợn cả về số lượng và trọng lượng đầu con; phát triển đàn trâu, bò để cày kéo và lấy thịt; xây dựng các vùng chăn nuôi bò sữa ở Mộc Châu, Lâm Đồng, tích cực chuẩn bị điều kiện để phát triển đàn trâu sữa. Phát triển mạnh chăn nuôi gà tập trung, nhất là ở các vùng chung quanh thành phố, khu công nghiệp; phát triển đàn vịt ở các vùng đồng bằng và ven biển. Phát triển dê, thỏ, ngựa, ong ở những nơi có điều kiện. Phát triển mạnh nghề nuôi cá, tôm trên các mặt nước ở cả đồng bằng, trung du, miền núi và ven biển.

Về lâm nghiệp - kết hợp chặt chẽ lâm nghiệp với nông nghiệp và công nghiệp chế biến ngay trong từng hợp tác xã, nông trường, lâm trường, trên từng huyện, từng vùng ở miền núi,

trung du và bờ biển. Xây dựng lâm nghiệp thành một ngành kinh tế quan trọng, trực tiếp góp phần giải quyết những nhu cầu về xây dựng cơ bản, về ăn, mặc, hàng tiêu dùng của nhân dân và tăng sản phẩm hàng hoá xuất khẩu. Phải kinh doanh rừng một cách tổng hợp, coi trọng cả ba khâu: bảo vệ và tu bổ rừng, trồng rừng, khai thác và chế biến lâm sản.

Phủ kín nhanh các đồi núi trọc và các bãi cát ven biển. Trồng những khu rừng tập trung cho nhu cầu công nghiệp và rừng cây đặc sản theo hướng chuyên môn hoá và thâm canh. Phát động sâu rộng, liên tục phong trào trồng cây gây rừng và bảo vệ rừng. Thông qua việc tổ chức lại sản xuất mà làm tốt cuộc vận động định canh, định cư. Thực hiện nhanh chủ trương giao đất, giao rừng cho các hợp tác xã kinh doanh theo quy hoạch, kế hoạch, chính sách của Nhà nước; phát triển lực lượng lao động làm nghề rừng, xây dựng thêm lâm trường quốc doanh; giải quyết tốt vấn đề lương thực cho những nơi thiếu ăn, nhanh chóng chấm dứt tình trạng phá rừng làm rẫy.

Phải có kế hoạch và biện pháp cụ thể để phát triển rất mạnh sản xuất cho xuất khẩu. Trong việc bố trí sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp, phải tạo ra những vùng chuyên sản xuất để xuất khẩu của cả nước, của từng tỉnh, từng huyện. Phát triển mạnh các loại sản phẩm xuất khẩu có giá trị như rau quả, dứa, chuối, cao su, cà phê, chè, thuốc lá, hồ tiêu, quế, đậu tương, lạc, dược liệu, hương liệu, một số sản phẩm chăn nuôi, tôm, cá, đồ mộc, đồ mây tre mỹ nghệ, gỗ dán, gỗ lạng. Phải đầu tư kỹ thuật và áp dụng khoa học - kỹ thuật tiên tiến để phát triển sản xuất và chế biến sản

phẩm xuất khẩu với chất lượng cao. Có chính sách thoả đáng về đầu tư, về giá cả. Cho phép các tỉnh, các huyện sau khi hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước, được xuất khẩu một số loại sản phẩm để đổi lấy thiết bị, vật tư trang bị cho kinh tế của địa phương.

Phân thứ ba

Những chủ trương và biện pháp lớn

I- Hoàn thành công tác quy hoạch vùng nông, lâm nghiệp

Hoàn thành nhanh công tác quy hoạch tổng thể và quy hoạch cụ thể trên địa bàn từng huyện; xác định rõ địa bàn và phương hướng nhiệm vụ của từng hợp tác xã, nông trường, lâm trường để triển khai việc bố trí lại sản xuất. Trước hết, phải hoàn chỉnh sớm quy hoạch ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.

Hội đồng Chính phủ chỉ đạo, phối hợp các ngành và các địa phương hoàn thành sớm công tác quy hoạch vùng, phân bổ lại sản xuất và lao động trong phạm vi cả nước. Tập trung đủ lực lượng cán bộ và tăng cường phương tiện để làm nhanh, làm tốt việc này ở tất cả các địa phương; có sự phân công và phân cấp hợp lý để duyệt kịp thời các phương án quy hoạch vùng.

Tăng cường công tác quản lý ruộng đất và quản lý rừng. Ban hành pháp lệnh về quản lý ruộng đất, chấn chỉnh công tác quản lý ruộng đất và quản lý rừng từ trên xuống dưới, bảo đảm cho đất đai được sử dụng đúng quy hoạch với hiệu quả

cao, chấm dứt tình trạng lãng phí đất, sử dụng đất một cách tuỳ tiện và chấm dứt tệ nạn đốt phá rừng.

II- Đẩy mạnh thâm canh tăng vụ trên toàn bộ diện tích canh tác

Đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, áp dụng những thành tựu mới về "cách mạng sinh học", đi vào chuyên canh kết hợp với kinh doanh tổng hợp trên từng vùng; thâm canh tăng vụ và bảo vệ, bồi dưỡng, cải tạo đất trên toàn bộ diện tích canh tác.

Tổng kết và phổ biến kịp thời những kinh nghiệm thâm canh của các điển hình tiên tiến hiện có trên các vùng, xác định các công thức thâm canh, luân canh, tăng vụ cho từng vùng, nhằm đạt năng suất cao về các loại cây, con; phấn đấu đưa hệ số sử dụng ruộng đất lên 2 và trên 2, tùy theo tình hình cụ thể từng nơi.

III- Mở thêm diện tích canh tác mới

Trong việc mở thêm diện tích mới, các hướng chính là đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ và Tây Nguyên. Đồng thời, mở thêm diện tích ở các tỉnh duyên hải Khu V cũ, Khu IV cũ, trung du, miền núi và ven biển Bắc Bộ.

Phải chú trọng đầy đủ việc bảo vệ môi trường trong công tác khai hoang. Khai hoang phải đi liền với bảo vệ và cải tạo đất, xây dựng đồng ruộng; khai hoang đến đâu, đưa vào sản xuất đến đấy theo hướng chuyên canh và thâm canh phù hợp với điều kiện đất, nước, khí hậu ở từng vùng. Các lực lượng khai hoang chính là nhân dân các tỉnh đồng bằng đồng dân, quân đội, các nông trường quốc doanh. Sử dụng lao động thủ công đi đôi với tận dụng khả năng cơ giới; chọn nơi dễ làm trước, nơi khó làm sau; phát động cho được phong trào cách

mạng của quân chúng đi mở vùng kinh tế mới. Có kế hoạch triển khai công việc một cách tích cực và vững chắc.

Trên các vùng kinh tế mới, tuỳ theo điều kiện cụ thể mà thành lập nông trường, lâm trường quốc doanh hoặc hợp tác xã, không chia đất cho cá nhân kinh doanh riêng lẻ. Gắn chặt ngay từ đầu kinh tế quốc doanh với kinh tế tập thể và kinh tế phụ gia đình, trồng trọt với chăn nuôi, nông nghiệp với lâm nghiệp, sản xuất với chế biến, nông nghiệp, lâm nghiệp với công nghiệp.

IV- Phân bổ lại lao động và tăng năng suất lao động

Phân bổ lại lao động trong phạm vi cả nước theo yêu cầu tổ chức lại và phát triển sản xuất nông nghiệp. Phân bổ lại lao động và tổ chức tốt lao động trong từng hợp tác xã và trên địa bàn huyện để thâm canh, tăng vụ, phát triển toàn diện trồng trọt, chăn nuôi, thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp, mỏ mang thuỷ lợi, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, xây dựng nông thôn mới.

ở vùng bình quân ruộng đất thấp, *phải khẩn trương đưa lao động đi mở các vùng kinh tế mới*. Nói chung nên đưa lao động trẻ, khoẻ đi trước, và khi sản xuất đã tương đối ổn định sẽ đưa gia đình tới. Phải có tổ chức chuyên trách ở trung ương và ở các địa phương, đồng thời phải huy động các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, thương nghiệp, tài chính, ngân hàng, y tế, giáo dục, văn hoá, v.v. để phục vụ tốt nhiệm vụ này.

Lực lượng lao động được điều đến các vùng kinh tế mới phải gồm: lao động trực tiếp sản xuất, lao động xây dựng cơ bản, lao động làm dịch vụ, có nam, có nữ, có cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật.

Cùng với việc phân bổ lại lao động, phải *làm tốt công tác định canh định cư*. Phải từ phương án tổ chức lại sản xuất

nông, lâm nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và phát triển văn hoá ở các tỉnh, huyện miền núi mà xây dựng kế hoạch định canh định cư ở các vùng cao. Tổ chức đồng bào vào các hợp tác xã nông - lâm nghiệp, thu hút một phần vào các lâm trường, nông trường, xí nghiệp của Nhà nước; giải quyết tốt vấn đề cung ứng lương thực cho những vùng chưa đủ ăn.

Tổ chức *lực lượng học sinh và giáo viên* các trường học tham gia sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, phù hợp với từng lứa tuổi, bảo đảm thực hiện mục đích nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đồng thời góp phần tăng thêm của cải cho xã hội.

Quân đội có nhiệm vụ tham gia xây dựng cơ bản (làm thuỷ lợi, làm đường, khai hoang, xây dựng đồng ruộng, nhà ở...), chuẩn bị địa bàn cho nhân dân mở mang sản xuất nông, lâm nghiệp, chuẩn bị địa bàn cho việc định canh, định cư; đồng thời trực tiếp xây dựng một số nông trường, lâm trường quốc doanh ở một số vùng cần mở nhanh sản xuất trên quy mô lớn. Các nông trường, lâm trường quốc doanh do quân đội phụ trách phải sản xuất, kinh doanh theo đúng quy hoạch, kế hoạch và các chế độ, chính sách của Nhà nước, có quan hệ chặt chẽ với địa phương, thực sự trở thành những đơn vị tiêu biểu cho phong cách sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Chính phủ sẽ quyết định cụ thể về kế hoạch, chỉ tiêu và giải quyết các điều kiện cần thiết để quân đội triển khai công tác.

V- Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp

Để tăng nhanh cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp, phải kết hợp sử dụng lao động thủ công với phương tiện cơ giới, phát huy trách nhiệm và tính chủ động sáng tạo của các địa phương và các ngành trung ương.

Giải quyết tốt vấn đề nước, phân, giống, công cụ, phòng trừ sâu bệnh cho trồng trọt, vấn đề thức ăn, giống, phòng chống dịch bệnh và cơ sở chuồng trại cho chăn nuôi.

Tập trung cao sức của Nhà nước, của nhân dân và của quân đội để *phát triển nhanh thuỷ lợi*. Nhà nước và nhân dân cùng làm; kết hợp lao động thủ công với cơ giới; kết hợp công trình to, vừa và nhỏ; làm đồng bộ từ công trình đầu mối đến kênh mương và xây dựng đồng ruộng; làm tập trung, dứt điểm và tổ chức quản lý tốt để phát huy nhanh hiệu quả.

Ngành thuỷ lợi cần tập trung lực lượng đẩy mạnh công tác khảo sát, thiết kế, thi công; phân cấp và tạo điều kiện cho tỉnh, huyện chủ động thiết kế, thi công các công trình ít phức tạp về kỹ thuật. Phải dành ưu tiên vật tư cho thuỷ lợi và quản lý chặt chẽ vật tư, tiền vốn theo định mức, đơn giá sát hợp. Phát động phong trào quần chúng sôi nổi kết hợp với chỉ đạo chặt chẽ về kinh tế và kỹ thuật.

Đồng bằng sông Cửu Long là địa bàn ưu tiên số một về phát triển thuỷ lợi. Cần nạo vét các hệ thống kênh mương cũ, đào thêm nhiều kênh, rạch tiêu nước, rửa phèn và tưới nước, đắp đập ngăn nước mặn, xây dựng các hệ thống bơm điện và bơm dầu, để đến năm 1980 bảo đảm nước cho 1,1 triệu hécta làm hai vụ lúa/năm và mở thêm hàng chục vạn hécta lúa. Ở đồng bằng sông Hồng, phải làm xong việc hoàn chỉnh công tác thuỷ nông, phát huy tốt công suất các công trình sẵn có, xây dựng thêm các công trình để thu hẹp diện tích còn bị úng, bảo đảm thâm canh tăng năng suất và tăng nhanh diện tích làm vụ đông. Ở miền Đông Nam Bộ, cần xây dựng nhiều hồ, đập chứa nước, nhiều trạm bơm và phát triển nhanh các loại giếng để khai thác nước ngầm nhằm tăng nhanh diện tích ruộng hai vụ lúa, bảo đảm nước cho các vùng chuyên canh quy mô lớn về ngô, đậu tương, mía, chăn nuôi, và phục vụ sinh hoạt của nhân dân. Ở các tỉnh duyên hải Khu V cũ và Tây Nguyên, xây dựng nhanh nhiều hồ, đập, trạm bơm và đào giếng, bảo đảm tưới cho vùng lúa, vùng bông, một số vùng chuyên canh màu và cây công nghiệp, bảo đảm nước

cho chăn nuôi bò và cho sinh hoạt của nhân dân. Chú trọng phát triển thuỷ lợi ở các tỉnh thuộc Khu IV cũ để tạo điều kiện bảo đảm thâm canh, tăng vụ nhanh hơn và mở mang thêm nhiều diện tích mới. Tích cực xây dựng thuỷ nông ở các tỉnh trung du, miền núi Bắc Bộ để mở rộng diện tích tưới nước cho ruộng hai vụ lúa, tưới cho màu, cây công nghiệp, phục vụ chăn nuôi, phục vụ sinh hoạt của nhân dân. Nghiên cứu để xây dựng sớm các hồ chứa nước kết hợp thuỷ lợi với thuỷ điện ở Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và một số nơi khác ở miền núi.

Về *phân bón*, trước hết tăng nhanh phân chuồng, làm cho việc sử dụng phân chuồng trở thành tập quán ở miền Nam. Phát triển mạnh bèo hoa dâu, điền thanh và các loại phân xanh khác. Tận dụng mùn rác và phù sa để bồi dưỡng và cải tạo đất. Cung cấp than đá cho nông thôn làm chất đốt để trả lại rạ cho đồng ruộng và dùng rơm làm thức ăn cho trâu bò. Đẩy mạnh sản xuất vôi, lân, apatít nghiên và cố gắng tăng thêm phân đậm cho nông nghiệp. Khắc phục khó khăn về vận tải để đưa than và phân bón về nông thôn kịp thời vụ. Tận dụng năng lực sản xuất cơ khí trong nước, bao gồm cơ khí quốc doanh trung ương, địa phương, quân đội, hợp tác xã và tư nhân ở miền Nam, đồng thời mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài để *đẩy mạnh tốc độ cơ giới hóa nông nghiệp*. Chú trọng cơ giới hóa trước các khâu làm đất, làm thuỷ lợi, khai hoang, vận chuyển, thu hoạch, phơi sấy, chế biến, nhất là tập trung giải quyết *vấn đề sức kéo*. Trang bị máy nông nghiệp đồng bộ và cơ sở sửa chữa cho một số huyện để rút kinh nghiệm. Bảo đảm cung cấp điện cho nông nghiệp.

Về khâu làm đất, chú trọng sử dụng tốt trâu bò và tận dụng công suất máy kéo hiện có, đồng thời tăng thêm máy kéo cỡ lớn, vừa và nhỏ; quy hoạch và xây dựng các địa bàn cơ giới hóa nông nghiệp, bao gồm quy hoạch sản xuất, xây dựng thuỷ lợi, cải tạo đồng ruộng, mở mang giao thông nông thôn, bố trí lại khu dân cư, v.v. để sử dụng máy một cách tập trung; trang bị đủ máy công tác, tổ chức sản xuất và cung

ứng đủ các loại phụ tùng; xây dựng hệ thống xí nghiệp sửa chữa máy nông nghiệp. Đào tạo nhanh và tốt đội ngũ công nhân, bảo đảm có đủ công nhân làm 2-3 ca/ngày; bồi dưỡng cán bộ, nâng cao tay nghề của công nhân. Tổ chức quản lý chặt chẽ, thực hiện hạch toán kinh tế ở trạm máy kéo. Có tổ chức và chính sách đúng để tận dụng máy nông nghiệp của tư nhân ở miền Nam. Ưu tiên phân phối máy mới cho đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ, Tây Nguyên.

Giải quyết đủ công cụ thường và công cụ cải tiến có chất lượng tốt cho lao động làm thuỷ lợi, khai hoang, làm đất, vận chuyển, thu hoạch, chế biến; tăng nhanh xe bánh lốp do súc vật và người kéo. Phân công rõ giữa cơ khí trung ương và cơ khí địa phương, giữa cơ khí chung và cơ khí chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Bộ Lâm nghiệp, cung ứng đủ vật tư và có chính sách giá cả hợp lý để đẩy mạnh sản xuất các loại công cụ. Khuyến khích phát huy các sáng kiến cải tiến công cụ, kịp thời xác nhận và cho sản xuất hàng loạt những công cụ cải tiến tốt.

Giải quyết tốt vấn đề giống, trước hết là giống những cây, con chính, bảo đảm đến năm 1980 cung ứng đủ giống tốt cho các nông trường, hợp tác xã và nhân dân, loại bỏ những giống xấu.

Nhà nước phải chỉ đạo công tác giống, kết luận các loại giống thích hợp cho từng vùng, *xây dựng hệ thống giống quốc gia* từ trung ương tới cơ sở. Thực hiện phân cấp, phân công hợp lý giữa trung ương, địa phương và cơ sở trong việc sản xuất giống từng loại cây, từng loại con để sớm có đủ giống tốt cho sản xuất đại trà. Riêng về giống lợn, bên cạnh các cơ sở giống của Nhà nước và của tập thể, vẫn phải khuyến khích nhân dân phát triển chăn nuôi lợn giống. Cố gắng đưa nhanh

những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào công tác giống, chú ý các khâu bình tuyển, lai tạo, sản xuất, bảo quản, ngăn ngừa giống thoái hoá và tạo ra những giống mới ổn định thích hợp với điều kiện nước ta. Nhập thêm một số giống cây và giống con cần thiết.

Làm tốt công tác phòng chống sâu, bệnh, bảo vệ cây trồng và gia súc. Củng cố hệ thống bảo vệ cây trồng và hệ thống thú y, mở rộng màng lưới này đến hợp tác xã và nông trường. Chú trọng những vùng sản xuất giống, những vùng chuyên canh quy mô lớn, những xí nghiệp chăn nuôi tập trung, những vùng chuyên sản xuất để xuất khẩu. Phát triển công tác dự báo, theo dõi và kiểm dịch, nhất là đối với giống. Vận động nhân dân nghiêm túc thực hiện những quy chế, thể lệ và biện pháp bảo vệ sản xuất, phòng trừ dịch bệnh. Chú trọng dùng các biện pháp phòng trừ sâu bệnh không gây hại cho người. Phát triển sản xuất thuốc, dụng cụ tiêm phòng, bình bơm thông thường và phụ tùng sửa chữa, từng bước mở rộng sử dụng cơ giới trên những vùng sản xuất tập trung lớn. Nghiên cứu để sớm tổ chức những trung tâm nông hoá ở từng vùng hoặc ở huyện để đảm nhiệm việc bảo quản và hướng dẫn sử dụng các loại phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc thú y và tổ chức phòng trừ sâu bệnh.

Giải quyết tốt vấn đề thức ăn để đưa chăn nuôi lên cán đồi với trồng trọt và phát triển theo hướng sản xuất lớn. Ngoài việc hướng dẫn nông dân sử dụng tốt đất kinh tế phụ gia dinh để sản xuất thức ăn gia súc, phải kiên quyết dành 10-15% diện tích trồng trọt của các hợp tác xã để sản xuất thức ăn gia súc và hình thành ở từng tỉnh, từng huyện những vùng chuyên sản xuất thức ăn gia súc. Quy hoạch lại và cải tạo sớm các đồng cỏ tự nhiên và xây dựng các đồng cỏ thâm canh ở các vùng chăn nuôi quan trọng. Tận dụng đất dưới tán rừng để trồng thức ăn và phát triển chăn nuôi. Phát triển sản xuất bột cá; tận dụng tốt phụ phẩm của trồng trọt. Phát triển hệ thống chế biến thức ăn gia súc ở các cấp, bao

gồm cả các cơ sở chế biến thức ăn tổng hợp, cơ sở sơ chế rau, màu, ủ chua cỏ và thức ăn xanh.

Cần có kế hoạch và biện pháp cụ thể giải quyết tốt yêu cầu *phơi sấy, chế biến màu và các nông sản khác bằng phương tiện thủ công, nửa cơ giới và cơ giới để bảo đảm phát triển mạnh hoa màu và cây công nghiệp*. Trang bị công cụ sơ chế cho các đơn vị sản xuất; xây dựng các cơ sở chế biến màu, sản xuất thức ăn gia súc ở huyện và các xí nghiệp tinh chế ở tỉnh.

Chỉ đạo chặt chẽ và kịp thời các ngành công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, vật tư, nội thương, ngoại thương trong việc trang bị kỹ thuật và cung ứng vật tư kỹ thuật cho nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp.

VI- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật

Các yêu cầu chính đối với công tác khoa học kỹ thuật là:

- Sớm xây dựng một nền nếp quản lý kỹ thuật phù hợp với phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa để bảo đảm đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao trên diện rộng.

- Xác định những khâu kỹ thuật cụ thể đối với những cây con chủ yếu làm cơ sở cho việc xây dựng các quy trình kỹ thuật, các tiêu chuẩn và định mức, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất một cách nhanh chóng và vững chắc, từng bước thực hiện cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, như thuỷ lợi hoá, cơ giới hoá, hoá học hoá, điện khí hoá và áp dụng những thành tựu mới về cách mạng sinh học.

- Xác định được nhanh chóng những căn cứ khoa học (tự nhiên, kinh tế, xã hội) để tổ chức lại nền sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp phù hợp với yêu cầu và đặc điểm của từng địa phương.

- Làm nhanh, làm tốt công tác điều tra cơ bản, góp phần đẩy mạnh việc phân vùng, quy hoạch sản xuất ở từng vùng, từng huyện, đến từng đơn vị sản xuất.

ở miền Bắc, chú trọng các khâu kỹ thuật nhằm bảo đảm làm tốt mạ xuân và giải quyết cơ cấu của bộ giống lúa mùa để cho cả hai vụ lúa xuân và lúa mùa đều có năng suất cao và ổn định, đồng thời tạo điều kiện cho việc mở rộng vụ đông, đưa vụ đông trở thành một vụ sản xuất chính ở đồng bằng. Ở miền Nam, chú trọng xác định cơ cấu các giống lúa, bố trí hợp lý các mùa, vụ sản xuất ở các vùng khác nhau, nhằm phát huy cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, tránh được những mặt không thuận lợi và tận dụng những mặt thuận lợi của khí hậu, thời tiết, thuỷ văn. Trên phạm vi cả nước, cần nghiên cứu giải quyết tốt việc nhân và sản xuất các giống cây lương thực (lúa, ngô, sắn, khoai lang, khoai tây), các loại cây công nghiệp quan trọng (như đậu tương, lạc, cọ dầu, sả, mía, bông, dâu tằm, cao su, cà phê, chè, thuốc lá, cây làm thuốc...). Đặc biệt chú trọng giải quyết giống ngô năng suất cao để phát triển chăn nuôi. Về giống con, chú trọng chọn lọc, lai tạo, nhân và sản xuất giống lợn, giống trâu bò lấy thịt và lấy sữa, giống gia cầm... Làm tốt hơn nữa việc nghiên cứu cải tạo đất chua, mặn, đất bạc màu, kỹ thuật thâm canh trên đất dốc, việc sản xuất và sử dụng các loại phân khoáng, phân hữu cơ, việc chế tạo và sử dụng các loại máy kéo và máy nông nghiệp, việc phòng chống sâu bệnh, chuột và dịch bệnh, việc phơi sấy, chế biến và bảo quản các loại nông sản, nhất là màu.

Củng cố và phát triển mạng lưới viện nghiên cứu chuyên đề và chuyên ngành với cơ sở thực nghiệm bố trí hợp lý ở từng vùng, gắn được việc nghiên cứu với việc ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất. Bố trí, sử dụng tốt đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ khoa học kỹ thuật đi chuyên sâu vào từng cây, từng con, và bám sát từng vùng kinh tế. Thành lập Viện

khoa học và kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam.

Bồi dưỡng kiến thức khoa học kỹ thuật cho cán bộ và nhân dân ở cơ sở, nhằm xây dựng những lực lượng lao động chuyên môn có khả năng nắm vững và thực hiện các biện pháp khoa học kỹ thuật trong các hợp tác xã, nông trường, lâm trường, đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất. Đưa kịp thời khoa học - kỹ thuật nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp vào các trường phổ thông và các lớp bồi túc văn hoá ở nông thôn. Động viên và tổ chức tốt lực lượng cán bộ giảng dạy và học sinh các trường đại học và trung học chuyên nghiệp tích cực tham gia nghiên cứu và thực nghiệm khoa học - kỹ thuật phục vụ nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp.

VII- Củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, cải tạo xã hội chủ nghĩa đổi mới nông nghiệp ở miền Nam

Xác lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đồng nhất trong cả nước dưới hai hình thức sở hữu toàn dân và tập thể để phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Trên cơ sở tổ chức lại nền nông nghiệp trong phạm vi cả nước và trên địa bàn huyện mà tích cực củng cố và tăng cường hợp tác xã và nông trường, lâm trường quốc doanh ở miền Bắc, tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp và đẩy mạnh xây dựng nông trường, lâm trường quốc doanh ở miền Nam, hướng dẫn kinh tế gia đình nông dân, làm cho kinh tế quốc doanh, tập thể và gia đình hỗ trợ nhau cùng phát triển theo quy hoạch của từng vùng và kế hoạch của Nhà nước.

1. *Củng cố hợp tác xã nông nghiệp ở miền Bắc*

Phải từ tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện mà *tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý trong từng hợp tác xã*.

Đưa các hợp tác xã đi vào chuyên canh và thâm canh theo quy hoạch và kế hoạch sản xuất của từng huyện, gắn trồng trọt với chăn nuôi, phát triển ngành nghề; tổ chức và phân công lao động theo hướng chuyên môn hoá để sử dụng tốt đất đai, sử dụng hết lao động và tăng năng suất lao động, xây dựng thêm cơ sở vật chất kỹ thuật, thực hiện tốt quy trình sản xuất, các định mức kinh tế kỹ thuật, đưa công tác quản lý kinh tế và kỹ thuật vào nền nếp. Phát huy quyền làm chủ tập thể của xã viên trong sản xuất và phân phối, khắc phục tình trạng mệnh lệnh, độc đoán, quan liêu; khắc phục tình trạng phân tán, thực hiện việc quản lý tập trung, thống nhất của Ban quản trị hợp tác xã. Cải tiến chế độ quản lý tài vụ; thực hiện chế độ tài chính công khai, có thanh toán quyết toán hàng năm; ngăn ngừa và khắc phục tình trạng tham ô, lãng phí, chi tiêu không có nguyên tắc. Cải tiến công tác phân phối trong hợp tác xã nhằm khuyến khích mọi người tích cực lao động và không ngừng cải thiện đời sống của xã viên. Kết hợp chặt chẽ kinh tế tập thể và kinh tế gia đình. Phải đạt được kết quả: tăng nhanh sản lượng và chất lượng nông sản, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, tăng tích luỹ của hợp tác xã, tăng phần đóng góp cho Nhà nước và tăng thu nhập của xã viên từ kinh tế tập thể.

Từng tỉnh, từng huyện phải củng cố cho được các hợp tác xã yếu, kém, có kế hoạch đưa các hợp tác xã này lên ngang trình độ các hợp tác xã khá và tiên tiến hiện nay trong một thời gian ngắn.

Thông qua việc tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện, tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý hợp tác xã mà mở rộng và ổn định quy mô hợp tác xã ở vùng lúa vào khoảng 300-500 hécta canh tác, và ở vùng trồng cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc lớn và làm nghề rừng vào khoảng một vài ngàn hécta.

Phân cấp cho Uỷ ban nhân dân tỉnh xét duyệt việc điều chỉnh địa giới hành chính xã.

Tăng cường cán bộ kinh tế và kỹ thuật cho hợp tác xã. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật một cách đồng bộ cho các hợp tác xã. Nhà nước cần bổ nhiệm *trưởng kế toán, trưởng kỹ thuật, và quản lý chặt chẽ chủ nhiệm hợp tác xã* để ổn định lâu dài đội ngũ cán của hợp tác xã.

Chuẩn bị ban hành điều lệ mới của hợp tác xã cho thích hợp với tình hình mới.

2. Củng cố và phát triển mạnh nông trường quốc doanh

Nông trường quốc doanh có nhiệm vụ:

- Bảo đảm cho Nhà nước nắm chắc một khối lượng lớn lương thực, thực phẩm để chủ động hơn trong việc đáp ứng nhu cầu của khu vực phi nông nghiệp; sản xuất được một khối lượng quan trọng nông sản làm nguyên liệu cho công nghiệp và làm hàng xuất khẩu.
- Có tích luỹ để tự trang bị lại và tái sản xuất mở rộng và góp phần quan trọng tạo tích luỹ cho Nhà nước.

- Sản xuất và cung ứng một số giống tốt về một số cây, con chính.

- Làm gương mẫu cho các hợp tác xã trên các mặt sản xuất, quản lý, kỹ thuật, và giúp đỡ các hợp tác xã trong vùng cùng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Tích cực củng cố các nông trường quốc doanh đã có. Các nông trường phải sử dụng hết đất đai đã được giao, thâm canh trên toàn bộ diện tích, thực hiện tốt hạch toán kinh tế, giao nộp đủ sản phẩm theo kế hoạch và có lãi.

Mở thêm nhiều nông trường trồng lúa ở Tây Nam Bộ, nhiều nông trường trồng ngô, đậu tương, lạc, mía, cao su, chè, ca cao, chăn nuôi trâu bò lấy thịt, lấy sữa ở Tây Nguyên, trồng

cây ăn quả ở Đông Nam Bộ, trồng săn, cà phê, cao su, bông ở một số tỉnh thuộc Khu V cũ. Các nông trường phải kết hợp chặt chẽ trồng trọt với chăn nuôi, nông nghiệp với lâm nghiệp, sản xuất với chế biến, đi đầu trong việc đưa khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, tổ chức tốt lao động, sử dụng cả công cụ thủ công, cải tiến và cơ giới, thực hiện tốt hạch toán kinh tế, kinh doanh với hiệu quả kinh tế cao.

Nói chung, các nông trường đều do tỉnh hoặc huyện quản lý tuỳ theo nhiệm vụ và quy mô sản xuất của từng nông trường. Các tổng công ty, liên hiệp xí nghiệp, công ty thuộc Bộ Nông nghiệp chỉ trực tiếp quản lý những nông trường sản xuất giống, những cây, con quan trọng, sản xuất những cây, con đòi hỏi kỹ thuật phức tạp, trồng cây đặc sản quý, chuyên sản xuất để xuất khẩu với quy mô lớn.

3. Tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đổi với nông nghiệp ở miền Nam

Mục đích cải tạo xã hội chủ nghĩa là đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xoá bỏ bóc lột và nguồn gốc sinh ra bóc lột, tăng năng suất lao động, phát triển sản xuất, xây dựng cuộc sống mới ở nông thôn. Đó là nguyện vọng chung của nông dân, đồng thời cũng là yêu cầu bức thiết của việc tổ chức lại nền nông nghiệp và của sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa nước nhà.

Trong điều kiện sản xuất hàng hoá trong nông nghiệp đã bước đầu phát triển và từ lâu đã gắn chặt với guồng máy thương nghiệp tư bản chủ nghĩa ở thành thị, trung nông giữ tỷ trọng lớn về ruộng đất và các tư liệu sản xuất khác ở nông thôn, phải kết hợp chặt chẽ cải tạo nông nghiệp với cải tạo công thương nghiệp tư doanh; phải từ tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện, xây dựng huyện thành cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp mà tiến hành hợp tác hoá ở cơ sở; phải kết hợp hợp tác hoá với thuỷ lợi hoá và từng bước cơ giới hoá

nông nghiệp; phải có chủ trương, chính sách đúng, có tổ chức chỉ đạo chặt chẽ, phát động phong trào quần chúng mạnh mẽ để bảo đảm vừa tiến hành hợp tác hoá tốt, vừa phát triển mạnh sản xuất.

Phải làm tốt những việc sau đây:

- Hoàn thành việc quy hoạch, phân vùng ở các tỉnh và các huyện ở miền Nam để bố trí lại nền nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

- Kiện toàn bộ máy cấp huyện và từng bước xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho huyện, làm cho cấp huyện làm được nhiệm vụ cung ứng vật tư, phụ tùng, thiết bị, cung ứng hàng tiêu dùng đến tận tay người nông dân, thực hiện hợp đồng hai chiều để thu mua nông sản, loại trừ hẳn thương nghiệp tư bản chủ nghĩa khỏi thị trường nông thôn, chỉ đạo và hướng dẫn nông dân đi vào sản xuất theo quy hoạch và kế hoạch của huyện.

- Khẩn trương chuẩn bị lực lượng cán bộ bằng nhiều phương thức: tuyển chọn và đào tạo cán bộ địa phương; chuyển ra một số lớn cán bộ quân đội để đào tạo thành cán bộ huyện và cán bộ quản lý hợp tác xã; điều động cán bộ có kinh nghiệm từ miền Bắc vào tăng cường cho các địa phương ở miền Nam.

- Tích cực củng cố cơ sở đảng, chính quyền, nông hội và các đoàn thể quần chúng ở nông thôn, ra sức xây dựng lực lượng cốt cán trong nông dân. Mở đợt giáo dục sâu rộng trong Đảng và trong nhân dân về con đường xã hội chủ nghĩa và hợp tác hoá nông nghiệp, làm cho mọi người, trước hết là cán bộ, đảng viên, thấu suốt đường lối, chủ trương phát triển và cải tạo nông nghiệp của Đảng.

- *Phát động phong trào cách mạng mới của nông dân: phong trào lao động sản xuất tập thể trong các tập đoàn sản xuất và các hình thức tổ chức hiệp tác giản đơn.* Thông qua đó mà hướng nông dân đi vào sản xuất theo đúng quy hoạch và kế hoạch của Nhà nước, đoàn kết tương trợ phát triển sản xuất, làm thuỷ lợi, thảm canh, tăng vụ, phục hoá, khai hoang, làm

nghĩa vụ với Nhà nước; đồng thời tập dượt cho nông dân, cho cán bộ lề lối làm ăn tập thể, chuẩn bị khi có điều kiện thì tiến lên thành lập hợp tác xã.

- Tích cực chỉ đạo làm thí điểm tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện và xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở cơ sở trên các địa bàn kinh tế khác nhau để nắm chắc tình hình, rút kinh nghiệm và lấy thực tế đào tạo cán bộ tại chỗ.

Xúc tiến việc điều tra tình hình nông thôn để *xây dựng các chính sách cụ thể*:

- Có chính sách thoả đáng đồng thời làm tốt công tác chính trị, đẩy mạnh phong trào quần chúng để thu hút được phần lớn nông dân vào hợp tác xã ngay từ đầu, bảo vệ và tiếp tục phát huy hiệu quả của các tư liệu sản xuất hiện có. Ở những nơi ruộng đất của các hộ nông dân lao động chênh lệch nhau nhiều, có thể duy trì việc trả hoa lợi ruộng đất cho phần diện tích chênh lệch trong một thời gian.

Không đưa vào hợp tác xã những vườn cây ăn quả và ao, hồ nhỏ. Ở những nơi có vườn cây ăn quả tập trung thành vùng chuyên canh lớn thì Nhà nước có chính sách thu mua, chính sách thuế thích đáng. Có thể thành lập hợp tác xã chuyên kinh doanh cây ăn quả hoặc kinh doanh nuôi tôm, cá ở những nơi có điều kiện thuận lợi, quần chúng thật sự tự nguyện và đã sẵn sàng có cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật cần thiết; những hợp tác xã này phải hoạt động tốt, bảo đảm phát triển sản xuất và nâng cao từng bước đời sống xã viên.

Đối với máy nông nghiệp cỡ lớn và vừa của tư nhân, Nhà nước có thể mua lại để tổ chức thành các trạm máy nông nghiệp huyện, hoặc tổ chức thành tổ kinh doanh máy nông nghiệp của tư nhân hoạt động dưới sự quản lý của chính quyền địa phương và theo hợp đồng ký kết với các đơn vị sản xuất nông nghiệp. Đối với các loại máy vừa và nhỏ của nông dân, hợp tác xã có thể mua lại và tổ chức những người có tay nghề thành các tổ, đội chuyên sử dụng cơ giới.

- Các chính sách đầu tư, tín dụng, cung ứng vật tư, thu mua, giá, đầu tư phải nhằm phát triển sản xuất và thúc đẩy phong trào hợp tác hoá nông nghiệp.

- Có chính sách phân phối đúng trong hợp tác xã nhằm khuyến khích những xã viên lao động tập thể tích cực, có năng suất cao, đồng thời bảo đảm đời sống của những người già cả, neo đơn, tăng nhanh quỹ tích luỹ và phúc lợi tập thể của hợp tác xã và làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước. Ngay từ đầu một số hợp tác xã có thể thực hiện hạch toán kinh tế, trả công bằng tiền cho lao động, bán lương thực cho gia đình xã viên theo nhu cầu cần thiết.

Mỗi tỉnh phải xây dựng thí điểm một huyện và một vài hợp tác xã vào cuối năm 1977 và đầu năm 1978. Trên cơ sở làm tốt thí điểm mà mở rộng một cách tích cực và vững chắc việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện. Cố gắng hoàn thành về cơ bản việc xác lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn miền Nam trong vài năm đầu của những năm 80.

VIII- Tăng cường công tác tư tưởng và văn hoá

Đi đôi với việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, phải coi trọng việc xây dựng đời sống tinh thần và văn hoá mới ở nông thôn.

Công tác tư tưởng và văn hoá phải được tăng cường để góp phần tạo ra phong trào cách mạng liên tục trong quần chúng nhằm thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ và chỉ tiêu về nông nghiệp do Đại hội Đảng đề ra, đồng thời xây dựng nền văn hoá mới và con người mới.

Công tác tư tưởng và văn hoá hiện nay phải làm tốt bốn nhiệm vụ sau đây: một là, thông qua phong trào cách mạng của quần chúng, ra sức giáo dục cho nông dân tư tưởng xã hội chủ nghĩa, hiểu rõ đường lối, chủ trương, nhiệm vụ, đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, có ý thức và nỗ lực làm chủ tập thể, tinh thần tự lực tự cường, tinh

thần cách mạng tiến công trong sản xuất, tính tổ chức kỹ luật, ý thức cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội và làm tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước, v.v. chống tư tưởng của các giai cấp bóc lột và khắc phục những biểu hiện tiêu cực của người sản xuất nhỏ. Hai là, ra sức nâng cao trình độ văn hoá, trình độ khoa học - kỹ thuật, sức khoẻ và tay nghề của người lao động, nhằm nâng cao năng lực làm chủ tập thể và tăng năng suất lao động. Ba là, mở rộng các hoạt động văn hoá, văn nghệ, truyền thanh, truyền hình, y tế, vệ sinh, thể dục thể thao, v.v. nhằm thoả mãn từng bước những nhu cầu về văn hoá của nhân dân. Bốn là, tích cực đào tạo, bồi dưỡng các loại cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học, kỹ thuật và nghiệp vụ.

Việc xây dựng đời sống tinh thần và văn hoá mới ở nông thôn phải được tiến hành theo kế hoạch ở từng cơ sở và trên địa bàn huyện. Từ nay đến năm 1980, mỗi cơ sở, mỗi huyện tuỳ theo khả năng, cố gắng xây dựng tương đối tốt các cơ sở vật chất sau đây: nhà trẻ, lớp mẫu giáo, trường phổ thông, trường bổ túc văn hoá, trường hoặc lớp dạy nghề, nhà truyền thống, câu lạc bộ, thư viện, trạm truyền thanh; các cơ sở hoạt động văn hoá nghệ thuật, thể dục thể thao, trạm y tế, nhà hộ sinh, bệnh viện, v.v.. Việc xây dựng các cơ sở vật chất nói trên chủ yếu phải dựa vào lao động của hợp tác xã, của địa phương, ngân sách địa phương có đầu tư cần thiết.

Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương, Bộ Văn hoá, Bộ Giáo dục, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Bộ Xây dựng, Bộ Y tế, Bộ Lao động, Tổng cục Thể dục thể thao, các Hội Văn học - nghệ thuật, v.v. chỉ đạo các địa phương làm kế hoạch và giúp đỡ các địa phương một cách thiết thực trong việc xây dựng đời sống tinh thần và văn hoá ở nông thôn ăn khớp với kế hoạch chung.

IX - Xây dựng huyện, tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện

Đại hội Đảng lần thứ IV đã quyết định: "Xây dựng huyện vững mạnh, thực sự trở thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp; lấy huyện làm địa bàn tổ chức lại sản xuất, tổ chức và phân công lại lao động một cách cụ thể và kết hợp công nghiệp với nông nghiệp, kinh tế toàn dân với kinh tế tập thể, công nhân với nông dân. Xây dựng chính quyền cấp huyện thành một cấp kế hoạch toàn diện và có ngân sách, một cấp quản lý sản xuất, quản lý phân phối và đời sống".

Trong điều kiện kỹ thuật và quản lý hiện nay, với quy mô khoảng vài vạn hécta và 15-20 vạn dân ở đồng bằng, 2-5 vạn hécta và 10-15 vạn dân ở trung du, 4-5 vạn hécta đất đai kinh doanh và 5-7 vạn dân ở miền núi, huyện là địa bàn thích hợp để tổ chức lại sản xuất nông, lâm nghiệp, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Mỗi huyện là một tiểu vùng sản xuất nông, lâm nghiệp và công nghiệp trong một tỉnh, có thể tự cân đối được trồng trọt và chăn nuôi, kết hợp tốt nông nghiệp với lâm nghiệp, ngư nghiệp; kết hợp sản xuất với chế biến; mở mang nhiều ngành nghề thủ công nghiệp và tiểu công nghiệp, nhiều xí nghiệp công nghiệp chế biến nông, lâm, hải, thuỷ sản với quy mô thích hợp, sử dụng có hiệu quả các loại máy nông nghiệp. Huyện là địa bàn kết hợp sản xuất với lưu thông phân phối, phát triển văn hoá và xây dựng cuộc sống mới ở nông thôn. Trong mỗi huyện, vừa có kinh tế quốc doanh (nông trường, trạm, trại, nhà máy, cửa hàng...) vừa có kinh tế tập thể. Nơi có điều kiện thì tổ chức những đơn vị sản xuất liên doanh giữa các hợp tác xã, giữa các nông trường, giữa nông trường với hợp tác xã. Huyện cũng là địa bàn để tăng cường an ninh chính trị và củng cố quốc phòng, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng.

Các hợp tác xã, các nông trường, lâm trường quốc doanh,

các xí nghiệp công nghiệp, các cơ sở liên doanh trong huyện liên kết với nhau thành một cơ cấu sản xuất, làm cho huyện trở thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp, trong đó từng xí nghiệp, nông trường, lâm trường và hợp tác xã là những đơn vị hạch toán kinh tế.

Tổ chức lại sản xuất và tổ chức đời sống trên địa bàn huyện một cách toàn diện nhằm giải quyết ngày càng tốt hơn các vấn đề ăn, mặc, ở, đi lại, học hành, bảo vệ sức khoẻ của nhân dân và làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Phải thực hiện những biện pháp sau đây:

- Dựa vào quy hoạch, phân vùng kinh tế chung và điều kiện tài nguyên, đất đai, khí hậu, thời tiết và kinh nghiệm sản xuất của nhân dân từng huyện mà xây dựng quy hoạch tổng thể, quy hoạch cụ thể trên địa bàn huyện, từng vùng nhỏ và từng hợp tác xã, nông trường, lâm trường; xây dựng phương án kinh tế, kỹ thuật bảo đảm phát huy tốt nhất sức lao động và các điều kiện sản xuất. Kết hợp quy hoạch sản xuất với quy hoạch dân cư, xây dựng nông thôn mới.

- Triển khai ngay việc đưa sản xuất đi vào chuyên canh theo từng vùng và nhanh chóng đưa chăn nuôi lên cân đối với trồng trọt.

- Tổ chức và phân công lại lao động trên địa bàn huyện để vừa bảo đảm sản xuất của các hợp tác xã, vừa tạo được một lực lượng lao động do cấp huyện trực tiếp nắm nhằm phục vụ các yêu cầu xây dựng cơ bản và sản xuất công nghiệp. Tạo điều kiện cho huyện có ngân sách và quỹ dự trữ lương thực cần thiết để chủ động sử dụng lao động vào việc xây dựng kinh tế, phát triển văn hoá trong huyện.

- Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết cho huyện: đẩy mạnh công tác thuỷ lợi; phát triển công nghiệp địa phương

bao gồm các ngành nghề thủ công, tiểu công nghiệp có quan hệ đến sản xuất, chế biến, xây dựng và đời sống ở nông thôn, các cơ sở sản xuất công cụ, vật liệu xây dựng, đồ mộc..., các cơ sở sản xuất thức ăn gia súc, chế biến nông sản, lâm sản, thuỷ sản, trạm máy kéo và cơ sở sửa chữa cơ khí. Xây dựng hệ thống giao thông vận tải phục vụ cơ giới hoá nông nghiệp, phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Xây dựng hệ thống kho, mạng lưới cung cấp vật tư kỹ thuật, hàng công nghiệp cho nhân dân thu mua nông sản, lâm sản, hải sản; xây dựng các trại giống cây, giống con, trạm bảo vệ thực vật, trạm thú y và những trạm kỹ thuật khác... Xây dựng các trường lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở và lao động kỹ thuật.

- Uỷ ban nhân dân huyện vừa là cơ quan hành chính, vừa là cơ quan kinh tế, trực tiếp điều hành sản xuất và quản lý các mặt kinh tế, văn hoá, nội chính trên địa bàn huyện, dựa vào các bộ phận chuyên môn mà chỉ đạo và quản lý các hợp tác xã, các nông trường, lâm trường và các cơ quan kinh tế khác trong huyện. Nhà nước cần sớm ban hành quy chế về cấp huyện, định rõ chức năng, nhiệm vụ và tổ chức, biên chế của bộ máy chính quyền cấp huyện, gọn, nhẹ và có hiệu lực.

Tăng cường lực lượng cán bộ một cách đồng bộ và ra sức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho cấp huyện để, trong vòng vài năm, bộ máy cấp huyện có đủ năng lực hoàn thành nhiệm vụ mới.

Các ngành ở Trung ương phải cùng các tỉnh, thành chỉ đạo các huyện triển khai công việc, giải quyết những khó khăn, mắc mưu có liên quan đến công việc và trách nhiệm của ngành mình.

Sơ kết kịp thời kinh nghiệm xây dựng các huyện điểm của Trung ương. Mỗi tỉnh chỉ đạo một huyện điểm đồng thời triển khai việc xây dựng các huyện khác theo kế hoạch.

X- Về kế hoạch hoá và chính sách

1. Phương pháp kế hoạch hoá phải vừa phát huy đầy đủ tính chủ động, sáng tạo của các cấp tỉnh, huyện, cơ sở, vừa bảo đảm sự quản lý tập trung của Trung ương.

Phải xây dựng kế hoạch nông nghiệp, lâm nghiệp từ cơ sở hợp tác xã, nông trường, lâm trường, xí nghiệp và trên địa bàn. Các huyện phải có kế hoạch từng năm, từng vụ và tiến tới có quy hoạch, kế hoạch dài hạn về sản xuất và tổ chức đời sống.

Cải tiến hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh của Nhà nước để cho tỉnh, huyện và cơ sở sản xuất có quyền chủ động hơn trong việc tổ chức lại sản xuất, tổ chức công tác lưu thông phân phối và xây dựng đời sống vật chất và văn hoá trong địa phương.

2. Soát lại hệ chính sách đòn bẩy kinh tế để có sự điều chỉnh, bổ sung cần thiết, nhằm khuyến khích phát triển sản xuất (thâm canh, tăng vụ, khai hoang, thuỷ lợi hoá, cơ giới hoá, tăng năng suất lao động...). Kết hợp đúng đắn kế hoạch hoá với vận dụng quy luật giá trị, để bảo đảm hai yêu cầu cơ bản là tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật và thoả mãn nhu cầu vật chất, văn hoá của nhân dân.

Các chính sách của Nhà nước phải bảo đảm sự nhất trí giữa lợi ích chung của toàn xã hội với lợi ích của từng đơn vị sản xuất và quyền lợi chính đáng của từng người lao động, xây dựng và phát triển quan hệ hợp lý giữa sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể.

ở miền Bắc, cần sớm ổn định nghĩa vụ bán lương thực và nông sản cho Nhà nước. Tiến tới lấy huyện làm đơn vị giao nghĩa vụ. Thực hiện hợp đồng hai chiều và có chính sách khuyến khích bán lương thực, nông sản cho Nhà nước, để thu mua được ngày càng nhiều sản phẩm.

Đối với nông dân cá thể ở miền Nam, ngoài chính sách thu thuế bằng sản phẩm, Nhà nước thông qua hợp đồng hai chiều và làm tốt công tác chính trị tư tưởng để n้อม cho được phần lớn nông sản hàng hoá.

Điều chỉnh sớm một số giá mua nông sản thấy rõ là không hợp lý, như giá mua thóc, mua màu, mua thịt, giá cây giống, con giống... Giá mua phải bao đảm bù đắp đủ chi phí sản xuất hợp lý và có lãi cho người sản xuất.

Tăng cường đầu tư để mở rộng diện tích canh tác và đưa dân ở các vùng quá đồng người đi mở mang các vùng kinh tế mới với phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm". Giảm dần tỷ trọng đầu tư qua ngân sách, mở rộng đầu tư cho nông nghiệp qua *ngân hàng* cho vay vốn.

Phải có chính sách phát triển toàn diện kinh tế miền núi. Phát huy thế mạnh của miền núi về lâm nghiệp, chăn nuôi gia súc lớn và cây công nghiệp dài ngày; nấm vừng diêu kiện địa lý, địa hình, khí hậu, thời tiết ở từng vùng để có sự chỉ đạo thích hợp về phương hướng sản xuất, cơ cấu cây trồng, biện pháp kỹ thuật, về phát triển thuỷ lợi và giao thông vận tải. *Đối với vùng rèo cao, phải tích cực vận động định canh định cư, kết hợp việc bố trí dân cư, phát triển kinh tế với việc cung cố quốc phòng.* Ngoài việc vận động nhân dân tận dụng đất tại chỗ để trồng hoa màu thích hợp, Nhà nước cần cung ứng thêm lương thực để tổ chức nhân dân trồng rừng, bảo vệ rừng, đẩy mạnh chăn nuôi, trồng các cây đặc sản, phát triển thuỷ lợi kết hợp với thuỷ điện, mở rộng hệ thống giao thông vận tải, làm tốt quy hoạch dân cư, nâng cao từng bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân các dân tộc.

Phân thứ tư

Tăng cường tổ chức chỉ đạo của Đảng và nhà nước, làm tốt công tác cán bộ

và động viên cao độ sức mạnh làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân

1. Trước hết, *phải tạo ra sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức, tư tưởng*, làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thấm nhuần đường lối chung và đường lối kinh tế của Đảng, n้อม thật vững nhiệm vụ hàng đầu trong những năm trước mắt, là *phát triển nông nghiệp gắn liền với phát triển lâm nghiệp, ngư nghiệp*. Phát huy cao độ ý thức làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, tinh thần tự lực tự cường, tinh thần cách mạng tiến công và tinh thần khoa học, tạo ra cho được một sự chuyển biến mới về lãnh đạo, chỉ đạo, về tác phong công tác và lề lối làm việc của các cấp, các ngành, tạo ra cho được một phong trào quần chúng hăng hái lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Bộ Chính trị dành thời gian thích đáng cho việc lãnh đạo nông, lâm, ngư nghiệp, có những cuộc họp chuyên đề giải quyết các vấn đề lớn có liên quan đến nông, lâm, ngư nghiệp. Ban Bí thư tăng cường kiểm tra đôn đốc các ngành, các địa phương trong việc thực hiện các chủ trương của Trung ương. Kiện toàn Ban Nông nghiệp của Đảng để giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư nghiên cứu, kiểm tra về mặt nông, lâm nghiệp.

Chính phủ tập trung chỉ đạo nông, lâm, ngư nghiệp, cụ thể hoá kịp thời hơn nữa đường lối chủ trương của Đảng, biến đường lối chủ trương của Đảng thành kế hoạch, pháp lệnh, thể chế, quy định của Nhà nước, ban hành các chính sách cụ thể, tổ chức sự hiệp đồng giữa các ngành, các cấp bảo đảm triển khai nhanh công việc, giải quyết kịp thời những yêu cầu vật chất và những vấn đề mà địa phương và cơ sở đặt ra.

Ban Bí thư cùng với Thường vụ Hội đồng Chính phủ chăm lo việc xây dựng các huyện, chỉ đạo chặt chẽ công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở miền Nam, ngăn ngừa và uốn nắn những lệch lạc làm trở ngại cho sản xuất.

Tăng cường Bộ Nông nghiệp, Bộ Lâm nghiệp, Bộ Hải sản, giao đầy đủ quyền hạn về xây dựng kế hoạch, về vật tư, tiền vốn, điều chỉnh và bổ sung cán bộ, làm cho các bộ ấy có đủ sức thực hiện ba chức năng: hành chính kinh tế; chỉ đạo quản lý kinh doanh; nghiên cứu, ứng dụng, chỉ đạo khoa học kỹ thuật và đào tạo cán bộ.

Phải tăng cường Tổng cục khai hoang, Tổng cục trang bị kỹ thuật của Bộ Nông nghiệp, bố trí cán bộ có năng lực phụ trách và sớm đưa công tác của các tổng cục đi vào nền nếp. Thành lập các tổng công ty, công ty hoặc xí nghiệp liên hợp đối với những cây, con đang phát triển lớn, chuyên môn hóa cao, sản xuất trên những địa bàn tập trung và có quy mô chế biến lớn, như cao su, mía đường, cà phê và chè, chăn nuôi lấy thịt và lấy sữa, chăn nuôi theo phương pháp công nghiệp, các giống cây, giống con và hàng xuất khẩu. Các tổ chức này quản lý cả sản xuất, chế biến, gắn các đơn vị sản xuất và kinh doanh từ Trung ương, tỉnh, huyện đến cơ sở thành hệ thống.

Thành lập Ban Cải tạo nông nghiệp miền Nam, với nhiệm vụ giúp Trung ương Đảng và Chính phủ chỉ đạo việc xây dựng cấp huyện, tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện và tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Nam.

Các bộ, các tổng cục phải đưa nội dung phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp vào *chương trình hoạt động chính của ngành*, phải có kế hoạch và biện pháp cụ thể về từng chuyên đề, phải huy động bộ máy của ngành để phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và có một đồng chí lãnh đạo của ngành phụ trách, bảo đảm thực hiện các hợp đồng đúng kế hoạch, đúng thời gian.

Thực hiện *phân cấp quản lý và tạo điều kiện để phát huy đầy đủ vai trò của cấp tỉnh* trong việc xây dựng kinh tế địa phương thành cơ cấu công - nông nghiệp. Làm cho tỉnh chủ động trong việc bố trí kế hoạch, vừa bảo đảm nhu cầu của địa phương, vừa làm tròn nghĩa vụ do Trung ương giao cho, cùng

với các bộ *xây dựng các huyện thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp*. Cải tiến và tăng cường công tác quản lý ở các đơn vị cơ sở.

2. Ra sức xây dựng, củng cố các đảng bộ và chi bộ ở nông thôn

Qua việc tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện và xây dựng, củng cố, tăng cường hợp tác xã mà nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy đảng, kiện toàn các cấp ủy, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí tốt cán bộ, nâng cao chất lượng của chi bộ và đảng bộ cơ sở về mọi mặt, tiếp tục nâng cao chất lượng đảng viên, đưa những người không đủ tiêu chuẩn ra khỏi Đảng.

ở miền Nam, tính tiên phong, tính chiến đấu của chi bộ, đảng bộ cơ sở ở nông thôn phải thể hiện trong việc kiên quyết lãnh đạo nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể, sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức phát triển sản xuất theo đúng quy hoạch và kế hoạch và hăng hái làm nhiệm vụ với Nhà nước. Giáo dục sâu rộng về chủ nghĩa xã hội trong các đảng bộ ở miền Nam, xây dựng *tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa* và nâng cao kiến thức chính trị, kinh tế, văn hoá, làm cho đảng viên đi đầu và có đủ sức lãnh đạo quần chúng trong phong trào hợp tác hoá và sản xuất nông nghiệp. Qua các phong trào này mà củng cố và tăng cường tổ chức cơ sở, rèn luyện cán bộ, đảng viên, xây dựng cốt cán trong quần chúng, tuyển chọn những người tiên tiến và kiên định để bồi dưỡng và bổ sung vào đội ngũ của Đảng.

3. Đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ

Yêu cầu cấp bách hiện nay là tăng cường cán bộ có chất lượng cho huyện và chuẩn bị cán bộ quản lý và kỹ thuật cho hợp tác xã. Kiên quyết giảm nhẹ biên chế hành chính ở Trung ương, ở tỉnh, đưa một số cán bộ quân đội ra làm kinh tế, tăng cường cán bộ cho huyện, cho các hệ thống kinh

doanh và các đơn vị trực tiếp sản xuất.

Sử dụng tốt cán bộ khoa học kỹ thuật và nghiệp vụ hiện có, nhất là số cán bộ có trình độ trên đại học và đại học, kể cả số cán bộ kinh tế, kỹ thuật đã làm việc dưới chế độ cũ ở miền Nam. Có chính sách khuyến khích cán bộ ngày càng chuyên sâu vào từng cây, từng con, từng ngành nghề, sẵn sàng đi tới những nơi sản xuất cần đến. Có chính sách thích đáng đối với cán bộ xã và cán bộ hợp tác xã.

Triển khai kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ nhằm bảo đảm các yêu cầu về cải tạo nông nghiệp ở miền Nam, tăng cường hợp tác xã ở miền Bắc, phát triển nông trường quốc doanh, xây dựng huyện, v.v..

Tăng cường và nâng cao chất lượng các trường đại học hiện có, từng bước xây dựng các trường cao đẳng bổ trí theo các vùng kinh tế, trước hết ở các tỉnh lớn nhằm đào tạo kỹ sư thực hành và cán bộ quản lý cho hợp tác xã và nông trường, lâm trường quốc doanh; tăng cường các trường trung cấp chuyên nghiệp về kỹ thuật và quản lý ở các tỉnh và mở các lớp bồi dưỡng ngắn ngày cho cán bộ ở cơ sở.

Chú ý phát triển hình thức vừa học, vừa lao động sản xuất, thực nghiệm và nghiên cứu khoa học. Coi trọng tổng kết kinh nghiệm để bồi dưỡng cán bộ một cách thiết thực. Cải tiến công tác tuyển sinh để đưa ngày càng nhiều thanh niên nông dân, nhất là cán bộ, xã viên trẻ vào học ở các trường, sau đó phân công trở về địa phương. Ngoài hình thức đào tạo dài hạn, hết sức coi trọng hình thức đào tạo tại chức và bồi dưỡng ngắn hạn cho cán bộ quản lý và kỹ thuật các cấp.

ở miền Nam, phải chú trọng việc xây dựng, bồi dưỡng cốt cán trong các tầng lớp nhân dân lao động.

4. Phát động quần chúng

Dựa vào các chi bộ và đảng bộ cơ sở, các đoàn thể quần chúng như Nông hội, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Công đoàn, các tổ chức kinh tế cơ sở, huy động tốt các cơ quan tuyên truyền của Đảng và Nhà nước, để tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng trong Đảng, trong nhân dân, phát động phong trào

cách mạng liên tục của nông dân lao động và các tầng lớp nhân dân đi vào công cuộc cải tạo và xây dựng nông nghiệp và phục vụ nông nghiệp với khí thế hào hùng của những người làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh các phong trào thám canh, tăng vụ, làm thuỷ lợi, làm phân bón, khai hoang xây dựng vùng kinh tế mới, tiến quân vào khoa học kỹ thuật, hăng hái gia nhập hợp tác xã, v.v..

Phải thông qua phong trào cách mạng của quần chúng mà giáo dục chính trị, tư tưởng, xây dựng ý thức làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, phát huy lòng tự hào của nông dân lao động nước ta đã từng một lòng một dạ đi theo Đảng đánh thắng những đế quốc mạnh, xoá bỏ giai cấp địa chủ phong kiến. Làm cho mọi người nông dân lao động hiểu con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường xoá bỏ vĩnh viễn ách bóc lột giai cấp, đưa đất nước đến giàu mạnh, đưa nhân dân đến đời sống ấm no, hạnh phúc. Làm cho quần chúng đồng đảo kiên định đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, đoàn kết chặt chẽ, ủng hộ và thực hiện mọi chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước; nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, tinh táo đề phòng và kiên quyết đấu tranh chống lại mọi mưu mô và hành động chia rẽ dân tộc, chia rẽ lương, giáo, và phá hoại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Giáo dục giai cấp công nhân về nhiệm vụ phục vụ nông nghiệp và phát động phong trào công nhân phục vụ nông nghiệp.

Phải có nhiều hình thức tổ chức và động viên phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, như việc mở hội nghị những người tích cực trên từng mặt sản xuất nông nghiệp, kịp thời tổng kết và nêu gương những điển hình tiên tiến, phát động và tổ chức quần chúng học tập và làm theo các điển hình ấy. Ở các tỉnh miền Nam, cần mở Đại hội đại

biểu Nông hội để phát động nông dân thực hiện cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp. Tiếp tục mở các đại hội đại biểu nông dân tập thể ở miền Bắc để vận động các hợp tác xã nông nghiệp củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh sản xuất, chuẩn bị tiến tới Đại hội đại biểu nông dân tập thể toàn quốc.

*

* *

Tiềm lực của đất nước ta về nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp rất to lớn, chúng ta có những thuận lợi rất cơ bản nhưng khó khăn trước mắt cũng không ít. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân hãy ra sức phấn đấu, đưa nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp phát triển vượt bậc, thực hiện đầy đủ những mục tiêu đã được Đại hội lần thứ IV của Đảng đề ra.

Thành công trên mặt trận nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp trong kế hoạch 5 năm 1976 - 1980 hết sức quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta quyết giành cho được những thắng lợi lớn, tạo điều kiện vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và cải thiện một bước đời sống của nhân dân ta.

Hãy kiên quyết tập trung lực lượng của cả nước, phát huy sức mạnh tổng hợp của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, phát động phong trào quần chúng rộng lớn đi vào lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện thành công Nghị quyết của Đại hội lần thứ IV của Đảng về mặt phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, xây dựng nông thôn mới, con người mới xã hội chủ nghĩa!

T/M Ban Chấp hành Trung ương

Lê Duẩn

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 16-TT/TW, ngày 25 tháng 6 năm 1977

**Về việc tăng cường lãnh đạo
công tác thương binh và xã hội**

Từ sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, thực hiện Chỉ thị số 223 của Ban Bí thư¹⁾, công tác thương binh và xã hội được triển khai khá nhanh và đạt kết quả tốt. Công tác này đã được quản lý thống nhất trong cả nước, một số chế độ, chính sách áp dụng cho miền Nam được ban hành kịp thời. Phong trào quần chúng chấp hành chính sách thương binh và xã hội được duy trì, phát triển ở các tỉnh miền Bắc và bước đầu được xây dựng ở các tỉnh miền Nam. Việc xác nhận liệt sĩ, thương binh, công tác cứu tế đột xuất, giải quyết tê nạn xã hội ở miền Nam được tiến hành tích cực.

Vấn đề thương binh và xã hội sau chiến tranh là một vấn đề lớn và phức tạp. Các ngành, các cấp cần nêu cao tinh thần trách nhiệm, phối hợp và cộng tác với nhau chặt chẽ hơn để

1) Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.36, tr.266 (B.T).

phát huy đầy đủ vai trò và khả năng to lớn của quần chúng, giải quyết nhanh hơn, tốt hơn các việc: xác nhận liệt sĩ, thương binh, thi hành chính sách đối với thương binh và gia đình liệt sĩ, giúp đỡ các gia đình có công với cách mạng đang gặp khó khăn về đời sống, sắp xếp việc làm ổn định cho quân nhân phục viên, giúp đỡ hàng chục vạn trẻ mồ côi, đồng bào tàn tật, già yếu không có người nuôi dưỡng, giáo dục, cải hoá những phụ nữ và thanh niên, thiếu niên bị chế độ thực dân mới làm cho sa ngã, hư hỏng.

Nhân dịp tổ chức ngày thương binh liệt sĩ lần thứ 30, Ban Bí thư nhắc các cấp uỷ đảng phải làm cho cán bộ và nhân dân thấu suốt tư tưởng chỉ đạo của Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng về công tác thương binh, liệt sĩ; tăng cường chỉ đạo để thực hiện nghiêm chỉnh các chính sách về thương binh, xã hội.

1. Tổ chức trong cả nước ngày thương binh liệt sĩ lần thứ 30 (27-7-1977) cho thiết thực và chu đáo. Nhân dịp này, nâng cao trách nhiệm của từng ngành, từng cấp, từng đoàn thể nhân dân đối với công tác thương binh và xã hội. Phát triển phong trào quần chúng chăm lo thực hiện chính sách đối với thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ. Có kế hoạch và biện pháp thiết thực để sửa chữa những thiếu sót và giải quyết tích cực những việc cần phải làm.

Vận dụng nhiều hình thức linh hoạt để bồi dưỡng, giáo dục tư tưởng cho thương binh, bệnh binh, quân nhân phục viên, thân nhân liệt sĩ và gia đình có công với cách mạng. Trước hết phải làm tốt công tác tư tưởng đối với thương binh, làm cho anh em nhận thức rõ chính sách và tích cực góp phần với Nhà nước để thực hiện tốt chính sách.

2. Xây dựng tổ chức và cải tiến cách làm việc để giải

quyết tốt và nhanh hơn các vấn đề về thương binh, xã hội ở miền Nam. Cần hoàn thành về cơ bản trong một, hai năm tới việc xác nhận liệt sĩ, thương binh. Để bảo đảm yêu cầu vừa nhanh, vừa chính xác, cần soát lại và vận dụng các quy định đã có về thủ tục làm việc cho sát với hoàn cảnh chiến trường miền Nam; xác nhận đến đâu thì thực hiện chính sách kịp thời, chu đáo đến đó.

Phối hợp các ngành có liên quan và các đoàn thể quần chúng để giải quyết từng bước nhưng rất khẩn trương các vấn đề xã hội.

3. Tổ chức sản xuất để mở rộng dần việc trang bị cho thương binh những công cụ lao động chuyên dùng và công cụ sinh hoạt, tạo điều kiện cho anh chị em lao động có hiệu suất và sinh hoạt thoải mái hơn. Cố gắng áp dụng từng bước khoa học kỹ thuật tiên tiến vào việc phục hồi chức năng lao động cho thương binh.

Đẩy mạnh tốc độ xây dựng các khu an dưỡng, điều dưỡng thương binh, bệnh binh, các cơ sở chỉnh hình và phục hồi chức năng lao động, các cơ sở sản xuất của thương binh, các cơ sở sản xuất của người tàn tật; nâng cao trình độ quản lý và tăng cường trang bị kỹ thuật cho những cơ sở đã có. Xây dựng thêm các nhà dưỡng lão, các trại xã hội. Để làm được nhanh những công việc nói trên, phải có kế hoạch tốt, Nhà nước đầu tư thích đáng cho các công trình phục vụ thương binh, kết hợp với huy động sức dân một cách hợp lý.

T/M Ban Bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Thông Tri
của Ban Bí thư
Số 17-TT/TW, ngày 30 tháng 6 năm 1977

Hướng dẫn một số việc về công tác xây dựng đảng và công tác cán bộ trong quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa

Việc xây dựng, phát triển và củng cố các tổ chức đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, việc lựa chọn và đào tạo cán bộ làm công tác cải tạo và quản lý xí nghiệp là một trong những khâu công tác mấu chốt để bảo đảm thực hiện và phát huy thắng lợi nhiệm vụ cải tạo công thương nghiệp tư doanh.

1. Mỗi ngành, mỗi cấp khi chuẩn bị phương án cải tạo, phải có phương án cán bộ, có kế hoạch tuyển lựa đúng tiêu chuẩn và tổ chức bồi dưỡng đào tạo chu đáo. Trong số cán bộ đi làm công tác cải tạo phải bố trí một số ở lại làm nhiệm vụ quản lý, lựa chọn những cán bộ vững về chính trị, có ý thức tổ chức, có phẩm chất cách mạng, nếu không am hiểu công tác kinh tế thì phải bồi dưỡng. Các ngành, các địa phương cần mở lớp huấn luyện cho số cán bộ đi tham gia công tác cải tạo về đường lối, chính sách, biện pháp, kế hoạch cải tạo công thương nghiệp tư doanh, về các nguyên tắc quản lý các loại xí nghiệp được cải tạo dưới những hình thức khác nhau (công tư hợp doanh, tư doanh theo quy chế tự bản nhà nước, hợp tác xã, v.v.), về công tác giáo dục tổ chức công nhân là lao động, giáo dục cải tạo tư sản; về công tác công đoàn, thanh niên, phụ nữ, và về công tác phát triển Đảng và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ở xí nghiệp. Ở mỗi cơ sở phải bố trí đồng bộ: cán bộ quản lý, cán bộ nghiệp vụ, kỹ thuật, cán bộ làm công tác đảng, đoàn, công tác công đoàn, thanh niên, phụ nữ.

Huy động, tuyển lựa cán bộ từ mấy nguồn sau đây:

- a) *Số cán bộ tại chỗ* gồm cán bộ các cơ quan dân, chính, đảng của các tỉnh, thành miền Nam, các công nhân, lao động cốt cán ở các xí nghiệp quốc doanh hoặc các xí nghiệp, ngành nghề sẽ được cải tạo.
- b) *Số cán bộ đang ở miền Bắc* gồm cán bộ và công nhân quê ở miền Nam nay đang công tác ở các bộ, các ban, ngành trung ương, ở các địa phương, các cơ sở sản xuất, kinh doanh tại miền Bắc. Có thể lựa chọn, điều hẳn số này đi làm việc cải tạo, rồi bố trí ở lại công tác lâu dài tại xí nghiệp.

Số cán bộ quê ở miền Bắc có kinh nghiệm quản lý xí nghiệp, có trình độ nghiệp vụ, kỹ thuật, có kinh nghiệm công tác quần chúng và công tác đảng trong xí nghiệp. Có thể lựa chọn, điều động biệt phái số cán bộ này trong ba năm, hết thời hạn sẽ trở về đơn vị, địa phương cũ, cũng có thể ở lại lâu dài nếu tự nguyện. Số cán bộ này phải làm tốt trách nhiệm được phân công, đồng thời tích cực đào tạo người tại chỗ để thay thế mình.

- c) *Số sĩ quan quân đội nhân dân*, chọn từ cấp thiếu uý đến trung tá, tuổi không quá 50, cho chuyển ngành và được đào tạo trước khi đi làm công tác cải tạo, sau trở thành cán bộ quản lý, cán bộ đảng ở cơ sở sản xuất.

Việc điều động, bố trí, sử dụng cán bộ phải có kế hoạch, có tính toán, tránh tuỳ tiện, lãng phí. Các bộ, tổng cục và các cấp uỷ tỉnh, thành có trách nhiệm cùng nhau xây dựng phương án cán bộ đồng bộ trên cơ sở phương án cải tạo và quy hoạch phát triển toàn ngành và từng địa phương. Bộ và tổng cục phải kiện toàn đủ số cán bộ quản lý, nghiệp vụ, kỹ thuật và phối hợp với địa phương lựa chọn cán bộ chính trị để làm Bí thư Đảng ở những cơ sở thuộc bộ, tổng cục quản lý, đồng thời bổ sung cán bộ cho các cơ sở thuộc ty, sở quản lý nếu địa phương yêu cầu. Về thư ký Công đoàn và bí thư Đoàn Thanh niên ở cơ sở, nên lựa chọn tại chỗ trong số công

nhân ưu tú, trưởng thành trong đấu tranh cải tạo và trong phong trào sản xuất.

Ban Công nghiệp, Ban Kinh tế Trung ương cần kiểm tra, đôn đốc và giúp đỡ các ngành trong khối để thực hiện cho đúng. Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm giúp đỡ các ngành, các tỉnh, thành uỷ trong việc bố trí kiện toàn đội ngũ bí thư đảng ở cơ sở.

2. Cân kiện toàn bộ máy quản lý xí nghiệp, từ cán bộ phụ trách quản lý xí nghiệp đến các phòng, các phân xưởng và tổ sản xuất. Bố trí cán bộ nhà nước phụ trách xí nghiệp công ty hợp doanh, phải chọn người về phẩm chất cách mạng và về năng lực không kém cán bộ phụ trách cơ sở quốc doanh tương đương. Mạnh dạn đề bạt những công nhân có lịch sử chính trị rõ ràng, có tinh thần đấu tranh cải tạo, hăng hái chấp hành các chính sách của Đảng và Nhà nước, am hiểu kỹ thuật, có tín nhiệm trong quần chúng, vào những cương vị phụ trách từ tổ sản xuất đến các phòng, các phân xưởng. Lựa chọn bồi dưỡng những người có khả năng và triển vọng nhất để đề bạt làm phó giám đốc xí nghiệp. Nếu thấy cần thiết thì chỉ định một tư sản (hoặc cổ đông) tiến bộ, có khả năng về quản lý hoặc kỹ thuật làm phó giám đốc, việc bố trí này phải được các cổ đông khác và công nhân đồng tình. Đối với cán bộ, chuyên viên nghiệp vụ, kỹ thuật, cần nắm vững lý lịch và trình độ thực tế của họ, sử dụng hợp lý khả năng chuyên môn của họ. Coi trọng đoàn kết cán bộ, công nhân, nhân viên trong xí nghiệp, tránh định kiến, hẹp hòi, nhưng cũng tránh lơi lỏng trong việc quản lý nội bộ.

Phải mau chóng thành lập và củng cố tổ chức công đoàn ở các xí nghiệp, ngành nghề được cải tạo. Thông qua giáo dục, phát động quần chúng, dân chủ bầu cử mà lựa chọn những quần chúng cốt cán vào Ban Chấp hành, xứng đáng là đại biểu của quần chúng trong nhiệm vụ đấu tranh cải tạo và tham gia quản lý xí nghiệp. Mạnh dạn bố trí những người có năng lực và tín nhiệm giữ cương vị chủ chốt như thư ký, phó thư ký Công đoàn.

Khi bố trí cán bộ đi làm công tác cải tạo và ở lại điều hành quản lý xí nghiệp, chú ý bảo đảm ít nhất có ba đảng viên để hình thành được ở mỗi tổ công tác cải tạo một chi bộ tạm thời trực thuộc đảng uỷ của cơ quan trực tiếp chỉ đạo cải tạo xí nghiệp ngành nghề đó, sau này sang thời kỳ điều hành, quản lý sản xuất sẽ chuyển thành chi bộ của xí nghiệp, ngành nghề đó. Trong khi cải tạo xí nghiệp, chi bộ phải lãnh đạo tổ công tác nắm vững và thực hiện phương án cải tạo đạt thắng lợi. Trong mỗi xí nghiệp và ngành nghề quan trọng, phải xây dựng cho được chi đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. Chi bộ có trách nhiệm thông qua phong trào quần chúng cải tạo và sản xuất mà giáo dục, quản lý cán bộ, đảng viên, đoàn viên; đồng thời nắm vững tình hình quần chúng, phân loại quần chúng, lựa chọn những người có lịch sử chính trị rõ ràng, tích cực thi hành chủ trương, chính sách, có tín nhiệm trong quần chúng để *lập thành nhóm trung kiên*. Việc giới thiệu và kết nạp những quần chúng đó vào Đoàn và vào Đảng, phải có thời gian để thẩm tra kỹ về chính trị, để rèn luyện thử thách và bồi dưỡng hiểu biết về Đảng nhưng không vì thế mà rụt rè, đánh giá con người một cách hời hợt. Trong khi cải tạo, chi bộ và chi đoàn phải phân công đảng viên, đoàn viên phụ trách hướng dẫn, giúp đỡ từng đối tượng, làm công tác tuyên truyền phát triển Đảng, phát triển Đoàn. Sau

này, xét đủ điều kiện thì sẽ kết nạp theo đúng Điều lệ Đảng, Điều lệ Đoàn, đúng thủ tục đã định.

Các đảng uỷ cấp trên phải coi trọng chỉ đạo công tác xây dựng, củng cố chi bộ, chi đoàn phát triển đảng viên, đoàn viên mới, có kế hoạch hướng dẫn cụ thể và đôn đốc kiểm tra chặt chẽ.

3. Qua cải tạo, sẽ xác định rõ quy mô, hình thức tổ chức và chế độ quản lý đối với từng cơ sở, từ đó mà xây dựng tổ chức quản lý với chức năng nhiệm vụ rõ ràng và chế độ công tác cụ thể. Các cơ quan đảng, cơ quan nhà nước và đoàn thể quần chúng cấp trên hướng dẫn, giúp đỡ cho cơ sở xây dựng và thực hiện đúng những quy định đó. Cần chỉ đạo riêng vài ba cơ sở để rút kinh nghiệm. Tổ chức các lớp tập huấn ngắn ngày để bồi dưỡng về nhiệm vụ và phương pháp làm việc, nâng cao trình độ cho cán bộ chủ chốt của xí nghiệp như bí thư Đảng, giám đốc, thư ký Công đoàn, bí thư Đoàn Thanh niên.

Thông tri này được phổ biến đến các đảng uỷ, chi bộ trực tiếp làm công tác cải tạo công thương nghiệp tư doanh.

T/M Ban bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

nước năm 1977.

T/L Ban Bí thư
Chánh Văn phòng

Trần Xuân Bách

Thông báo
của Ban Bí thư
Số 18-TB/TW, ngày 12 tháng 7 năm 1977

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Về Đại hội đại biểu toàn quốc của các đoàn thể nhân dân

Căn cứ vào ý kiến của một số địa phương, một số đồng chí Trung ương và Thường vụ Hội đồng Chính phủ.

Trong phiên họp ngày thứ hai 11-7-1977, Ban Bí thư đã cân nhắc và quyết định hoãn tất cả Đại hội đại biểu toàn quốc của các đoàn thể. Ban Bí thư thấy rằng trong năm nay cần tập trung sức đẩy mạnh phong trào quần chúng ở cơ sở nhằm tăng cường quản lý, phát triển sản xuất, thi hành đầy đủ các Nghị quyết của Đại hội Đảng và Nghị quyết của Trung ương về nông nghiệp.

Ban Dân vận và Mặt trận Trung ương cùng với các đoàn thể ở Trung ương cần hướng dẫn phong trào quần chúng ở các địa phương, đạt những kết quả thiết thực về sản xuất, công tác, cũng như về tổ chức và cán bộ của từng đoàn thể. Từ đó, chuẩn bị tốt hơn về nội dung và về tổ chức để tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc của các đoàn thể vào khoảng quý III, quý IV năm 1978.

Các tỉnh uỷ, thành uỷ cần lãnh đạo các đoàn thể ở địa phương, phát huy mạnh mẽ phong trào quần chúng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, hoàn thành thắng lợi kế hoạch nhà

**Chỉ thị
của Ban bí thư**

Số 12-CT/TW, ngày 14 tháng 7 năm 1977

Về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyển quân và động viên chiến sĩ bồi ngũ trở về đơn vị quân đội đối với các tỉnh phía Nam

Năm 1976, chấp hành chủ trương của Bộ Chính trị và quyết định của Hội đồng Chính phủ, các tỉnh phía Nam lần đầu tiên thực hiện công tác tuyển quân đã thu được kết quả tốt.

Nói chung, các tỉnh đều cố gắng thực hiện kế hoạch, chỉ tiêu đã đề ra, có nơi đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, bước đầu hình thành nền nếp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự và đã có những kinh nghiệm nhất định. Nhiều địa phương không những làm tốt công tác tổ chức, động viên khi tuyển quân mà sau đó còn tiếp tục làm tốt công tác giáo dục quân chúng, giáo dục gia đình tân binh và có biện pháp tích cực giải quyết đúng đắn số tân binh bỏ về.

Kết quả trên đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, đồng thời có tác dụng đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng, thúc đẩy các mặt công tác trước mắt và lâu dài ở địa phương.

Tuy nhiên, một số địa phương còn khuyết điểm như: chưa hoàn thành chỉ tiêu của Chính phủ đề ra; chưa chú trọng đầy đủ đến chất lượng, còn để tỷ lệ sai sót cao về tiêu chuẩn chính trị và sức khoẻ; có nơi tân binh bỏ ngũ về nhiều (có một số gia đình thiếu vắng vàng đã tìm gọi con em mình về), nhưng địa phương chưa có biện pháp tích cực để đưa số này trở về đơn vị, thậm chí một số ít nơi tỏ ra đồng tình với thái độ không đúng của những gia đình có con em trốn về địa phương.

Những thiếu sót trên ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự đối với thanh niên và nhân dân, việc xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, không phù hợp với truyền thống cách mạng và tinh thần yêu nước của nhân dân ta, và ảnh hưởng không tốt đến các mặt xây dựng và củng cố hậu phương về chính trị, kinh tế, trật tự trị an và đời sống...

Có những thiếu sót trên là do quần chúng nhiều năm sống dưới ách thống trị của bọn đế quốc và tay sai, cơ sở chính trị nhiều nơi chưa tiến kịp với tình hình phát triển, do tác động của luận điệu chiến tranh tâm lý, phản tuyên truyền của bọn phản động của tình hình không ổn định ở một số vùng biên giới... Nhưng chủ yếu là do sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp đối với nhiệm vụ tuyển quân, xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng chưa đúng mức. Nhiều nơi chưa coi tuyển quân là một cuộc vận động chính trị, chưa tập trung lãnh đạo, huy động các ngành, các đoàn thể để làm cho tốt. Công tác giáo dục và quản lý tân binh của nhiều đơn vị quân đội chưa chặt chẽ, nhất là trong điều kiện đời sống vật chất còn thiếu thốn, hoạt động và sản xuất ở những khu vực có nhiều khó khăn gian khổ...

Những thiếu sót trên cần phải được kiên quyết và nhanh chóng khắc phục.

Năm 1977 là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội IV của Đảng; để bảo đảm cho quân đội làm tốt nhiệm vụ sẵn sàng

chiến đấu và nhiệm vụ xây dựng kinh tế, các địa phương cần chấp hành nghiêm chỉnh và đầy đủ Quyết định số 245 ngày 9-6-1977 của Thủ tướng Chính phủ về công tác tuyển quân năm 1977.

Ban Bí thư chỉ thị một số điểm sau đây:

1. Các cấp uỷ cần nhận rõ ý nghĩa quan trọng của công tác tuyển quân, nêu cao quyết tâm, khắc phục mọi khó khăn, lãnh đạo thực hiện đầy đủ những yêu cầu của tuyển quân và gắn chặt công tác vận động tuyển quân với việc thúc đẩy phong trào sản xuất, cải thiện đời sống, củng cố an ninh chính trị, củng cố hậu phương vững mạnh.

Phải coi việc thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự để xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, xây dựng kinh tế là một trong những nhiệm vụ cơ bản thường xuyên trước mắt và lâu dài; đặt công tác tuyển quân hiện nay thành một cuộc vận động chính trị sâu rộng để vừa hoàn thành nhiệm vụ tuyển quân, vừa thúc đẩy phong trào quần chúng củng cố chính quyền, xây dựng lực lượng vũ trang quần chúng, củng cố hậu phương một cách toàn diện.

Các cấp uỷ và chính quyền tỉnh cần chủ động cùng với các quân khu uỷ bàn bạc thống nhất, lãnh đạo kiên quyết hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyển quân năm 1977, bảo đảm số lượng, chất lượng, đúng chính sách, đúng thời gian, tuyển người nào được chắc người ấy. Các tỉnh phải cố gắng hoàn thành đợt 1 vào tháng 7-1977 và đợt 2 vào tháng 10-1977, và cùng với các quân khu uỷ tiếp tục xây dựng nền nếp lãnh đạo, chỉ đạo tuyển quân nói riêng và công tác quốc phòng nói chung một cách cơ bản lâu dài.

2. Tổ chức chỉ đạo phải chặt chẽ, chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục trong nhân dân, nhất là trong thanh niên

Cần tăng cường sự lãnh đạo tập thể, sự chỉ đạo và kiểm tra thường xuyên của các cấp uỷ đảng. Sau khi có chủ trương biện pháp, cần phân công một đồng chí thường vụ cấp uỷ

chuyên trách; phát huy chức năng của chính quyền, của Hội đồng nghĩa vụ quân sự các cấp và chức năng tham mưu của cơ quan quân sự địa phương, coi trọng việc giáo dục phát động quần chúng và phát huy khả năng của các ngành, các đoàn thể đối với nhiệm vụ tuyển quân.

Coi trọng công tác tuyên truyền giáo dục về nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ đất nước, thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc trong nhân dân, nhất là trong thanh niên, chú ý cả chiêu rông và chiêu sâu, làm cho mọi người thấy vinh dự và trách nhiệm cù con em tham gia xây dựng quân đội. Đồng thời phải đấu tranh với những nhận thức chưa đúng, những biểu hiện tiêu cực trong nhân dân và thanh niên; kịp thời đập tan những luận điệu phản tuyên truyền và trấn áp kịp thời những hành động phá hoại của bọn phản động. Chú trọng biểu dương những gia đình và thanh niên thực hiện tốt chế độ nghĩa vụ quân sự.

3. Kiên quyết giáo dục nhân dân và thanh niên, động viên số bỏ ngũ trở lại quân đội

Cấp uỷ, chính quyền và các đoàn thể, cơ quan quân sự ở địa phương cần có kế hoạch thống nhất tổ chức giáo dục cho số chiến sĩ bỏ ngũ và gia đình họ. Giáo dục nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, trách nhiệm của thanh niên, bản chất của quân đội cách mạng, động viên niềm phấn khởi và tự hào của gia đình và thanh niên đối với nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng Tổ quốc, không để tình cảm và cuộc sống gia đình chi phối. Trong giáo dục, tránh phê phán nặng nề, bảo đảm đại bộ phận tân binh bỏ ngũ trở lại quân đội với tinh thần tốt; đồng thời có biện pháp thích hợp đối với những thanh niên có tình trống tránh nghĩa vụ quân sự (Bộ Quốc phòng sẽ có hướng dẫn riêng). Tổ chức chỉ đạo chặt chẽ, chu đáo, hết sức tránh những thái độ thô bạo gây phản ứng xấu không có tác dụng giáo dục.

Làm tốt và triệt để việc này sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến việc hoàn thành nhiệm vụ tuyển quân năm 1977 và công tác giáo dục quần chúng. Cùng với công tác giáo dục và tuyển quân, cần kết hợp làm tốt công tác chính sách hậu phương quân đội như chỉ thị của Chính phủ mới ban hành.

Chỉ thị này phải được quán triệt trong các cấp uỷ từ tỉnh, huyện cho tới đảng uỷ và chi bộ cơ sở để bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyển quân năm 1977.

T/M Ban Bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng

**Thông báo
của Ban Bí thư**

Số 18-TB/TW, ngày 15 tháng 7 năm 1977

**Về việc thành lập Đoàn kiểm tra ngành
giao thông vận tải**

Ban Bí thư Trung ương Đảng, trong phiên họp ngày 11-7-1977, đã quyết định lập Đoàn kiểm tra ngành giao thông vận tải, chủ yếu là ngành đường sắt và đường biển, nhằm hiểu rõ những vấn đề sau đây:

1. Đánh giá lại khả năng của ngành giao thông vận tải đáp ứng yêu cầu của các ngành kinh tế, trước mắt là phục vụ nông nghiệp.
2. Công tác quản lý giao thông vận tải.
3. Tình hình tổ chức quản lý và công tác cán bộ, từ bộ, cục, và những cơ sở trọng yếu.

Cần phân tích chỗ mạnh, chỗ yếu, nêu rõ những ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân và đề ra những kiến nghị cụ thể để chấn chỉnh và xây dựng ngành giao thông vận tải đáp ứng yêu cầu của kế hoạch nhà nước 1976-1980.

Đoàn kiểm tra gồm những đồng chí có hiểu biết kinh tế và kỹ thuật về giao thông vận tải, lấy ở Ban Công nghiệp Trung ương, Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính, Văn phòng Thủ tướng, Ban Tổ chức Trung

ương Đảng, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương Đảng, do đồng chí Nguyễn Lam, Bí thư Trung ương Đảng phụ trách. Đồng chí Nguyễn Lam và Ban Công nghiệp Trung ương bàn với các ban và bộ có liên quan để thành lập Đoàn.

Thời gian hoạt động của Đoàn là ba tháng và, khi kết thúc làm báo cáo với Ban Bí thư Trung ương - cứ 15 ngày, Đoàn phải báo cáo một lần lên Ban Bí thư.

T/M Ban bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 18-TT/TW, ngày 23 tháng 7 năm 1977

**Về việc tiếp tục làm đúng chủ trương, chính sách, làm
dứt điểm việc xoá bỏ tàn tích phong kiến
về ruộng đất ở Nam Bộ**

Cuối tháng 3-1977, Ban Bí thư đã nhắc các tỉnh uỷ, thành uỷ thuộc Nam Bộ chỉ đạo chặt chẽ để kết thúc gọn trong quý II năm 1977 việc xoá bỏ tàn dư phong kiến về ruộng đất. Đến nay, tuy vấn đề còn lại không lớn, nhưng việc thi hành chủ trương của Trung ương vẫn chậm, chỉ đạo lại thiếu chặt chẽ. Đã thấy có một số biểu hiện làm sai chính sách như: quy thành phần địa chủ không đúng, có sự tuỳ tiện trong việc xét duyệt các đối tượng, trong việc tịch thu, trưng thu, trưng mua hoặc cho hiến ruộng đất, tài sản khác, có trường hợp bỏ sót đối tượng đang bóc lột bằng ruộng đất. Việc thu hồi ruộng đất công, điều chỉnh, giải quyết ruộng đất xâm canh không đúng làm rung động một bộ phận trung nông và nông dân lao động khác; có những cán bộ và sĩ quan quân đội nhân dân vi phạm chính sách ruộng đất.

Ban Bí thư yêu cầu các tỉnh uỷ, thành uỷ chỉ đạo chặt

chẽ việc xoá bỏ tàn dư thực dân, phong kiến về ruộng đất, tích cực tạo điều kiện thuận lợi cho nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội đối với nông nghiệp.

Phải làm dứt điểm công việc này trong năm nay. Các tỉnh đã làm điểm, cần sơ kết, rút kinh nghiệm, trước khi mở ra diện. Dựa vào nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và thực tế của điểm mà huấn luyện cán bộ, đảng viên về chủ trương chính sách, về cách làm. Lựa chọn một số cán bộ có năng lực, am hiểu vấn đề ruộng đất và tình hình nông thôn để giúp cấp ủy hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tăng cường cho huyện.

Trong khi triển khai Nghị quyết 254 của Bộ Chính trị, Chỉ thị 235 của Ban Bí thư¹⁾, Quyết định 188 của Chính phủ, cần thấu suốt và thi hành nghiêm túc những chủ trương quan trọng:

1. *Tập trung giải quyết những đối tượng hiện còn bóc lột bằng ruộng đất*, bao gồm địa chủ, bọn cầm đầu nguy quân, nguy quyền, một số người l López trên trong tôn giáo và phú nông hoặc tư sản có một phần ruộng đất phát canh thu tò. Phải căn cứ vào tiêu chuẩn cụ thể để xác định những đối tượng còn bóc lột về ruộng đất cần giải quyết, Ban Nông nghiệp Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn để bảo đảm đúng nguyên tắc và phù hợp với tình hình thực tế. Đối với địa chủ thường, tư sản, thành phần khác còn bóc lột về ruộng đất, chỉ xử lý phần ruộng đất, không xử lý tư liệu sản xuất khác đang dùng vào sản xuất, không dụng đến tư liệu sinh hoạt của họ. Thi hành đúng chính sách đối với tư sản kinh doanh nông nghiệp. Ruộng đất của trung nông, nói chung *không dụng đến*. Đối với một số trung nông có nhiều ruộng

¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.37, tr.291 (B.T).

đất, thuê mướn người làm, không bảo đảm thâm canh, tăng vụ, trong khi số đông nông dân thiếu ruộng, không có ruộng, thì có thể vận động, thương lượng để họ nhường lại một phần. Không đặt vấn đề định mức ruộng đất bình quân trong xã, vận động mọi trung nông có ruộng đất cao hơn mức bình quân ấy "hiến" ruộng đất, như có nơi đã chủ trương. Cần làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng hiểu rõ việc giải quyết vấn đề ruộng đất phải nhằm yêu cầu đoàn kết nông thôn, đẩy mạnh sản xuất, tăng cường quan hệ giữa Nhà nước và nông dân, tạo điều kiện đưa nông thôn đi lên hợp tác hoá và sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

2. Việc thu hồi các loại *ruộng đất công*, việc giải quyết vấn đề *ruộng đất xâm canh* phải theo đúng Chỉ thị 235 của Ban Bí thư và Quyết định 188 của Chính phủ, không được tùy tiện.

Thi hành nghiêm túc Nghị quyết 254 của Bộ Chính trị, Chỉ thị 235 của Ban Bí thư, Quyết định 188 của Chính phủ, việc *chia cấp ruộng đất* trước hết phải bảo đảm giải quyết cho những hộ nông dân lao động kể cả gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng hiện không có ruộng đất hoặc thiếu ruộng đất đang cư trú tại các xã, ấp, không nên có sự phân biệt giữa những người nông dân lao động di cư và dịch cư với nông dân lao động địa phương. Cấm ngặt các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể giữ lại một phần ruộng đất để sản xuất, kinh doanh làm quỹ riêng. Cố gắng gắn liền việc chia cấp ruộng đất với tổ chức các tập đoàn sản xuất, nhất là những nơi có số ruộng đất thu hồi ít mà số người không có hoặc thiếu ruộng đất lại đông.

3. Có những vấn đề mới nảy ra, chưa có chủ trương, chính sách của Trung ương, thì phải báo cáo, xin chỉ thị, không được tùy tiện giải quyết.

Một số việc làm sai (như quy nhầm trung nông và những thành phần khác thành địa chủ và xử lý tài sản của họ; tịch thu, nhận hiến cả nhà cửa, tư liệu sinh hoạt của địa chủ thường, phú nông và thành phần khác; một số cán bộ, sĩ quan quân đội nhân dân vi phạm chính sách ruộng đất) thì kiên quyết và bình tĩnh sửa lại. Chỉ đạo chặt chẽ và cụ thể việc sửa chữa những việc làm sai, bàn bạc với cán bộ và quần chúng cách giải quyết cho thỏa đáng. Tỉnh táo đề phòng cả hai phía lèch lạc có thể xảy ra: có sai không chịu sửa hoặc việc đúng sửa thành sai. Cảnh giác ngăn ngừa những kẻ xấu và phản tử địch lợi dụng tình hình, làm rối nòng thôn.

4. Về chỉ đạo, Thường vụ tỉnh ủy, thành uỷ phải trực tiếp sơ kết, rút kinh nghiệm việc làm điểm; hướng dẫn cụ thể việc sửa chữa những sai sót; duyệt chủ trương, kế hoạch, biện pháp mở ra diện; huấn luyện, lựa chọn cán bộ, tổ chức bộ phận giúp việc để hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tăng cường cho huyện. Uỷ ban nhân dân tỉnh, dựa vào tổ chức giúp việc, xét duyệt, phê chuẩn và công bố cho thi hành đúng thủ tục, đúng pháp luật các việc: xác định đối tượng phải thu hồi ruộng đất, phương án thu hồi và chia cấp ruộng đất, quyết định xử lý ruộng đất và các tài sản khác của các đối tượng phải xử lý theo chính sách.

Các tỉnh uỷ, thành uỷ thường xuyên báo cáo với Ban Bí thư và khi kết thúc cần có báo cáo tổng kết. Ban Nông nghiệp Trung ương giúp Ban Bí thư kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn để làm gọn, làm tốt công tác này.

T/M Ban bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Chỉ thị
của Ban Bí thư**

Số 14-CT/TW, ngày 3 tháng 8 năm 1977

**Về việc tổ chức đội ngũ báo cáo viên
và tuyên truyền viên của Đảng**

Thi hành Nghị quyết 210 ngày 29-12-1970 của Ban Bí thư¹⁾ về công tác giáo dục lý luận, chính trị, tư tưởng, mấy năm qua nhiều địa phương và nhiều ngành đã tổ chức đội ngũ báo cáo viên về thời sự, chính sách, do đó việc thông báo cho cán bộ, đảng viên tình hình, nhiệm vụ, các nghị quyết của Trung ương, các vấn đề thời sự lớn, có tiến bộ. Ở một số nơi, công tác thông báo thời sự, chính sách đã có nền nếp. Ở một số địa phương, báo cáo viên đã trở thành lực lượng xung kích của cấp uỷ, bảo đảm truyền đạt nhanh, chính xác, thống nhất những vấn đề quan trọng, cấp bách đến tận đảng viên và quần chúng. Nhiều cán bộ được phân công làm báo cáo viên đã hoạt động tích cực. Ban Tuyên huấn các cấp cũng đã có

¹⁾ Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.31, tr.368 (B.T).

những cố gắng bồi dưỡng và hướng dẫn hoạt động của báo cáo viên.

Tuy nhiên, việc tổ chức và hoạt động của báo cáo viên, tuyên truyền viên còn gặp nhiều khó khăn, có nhiều nhược điểm, khuyết điểm. Nhận thức về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên chưa được đầy đủ và thống nhất. Tổ chức đội ngũ báo cáo viên tuy đã hình thành nhưng còn hẹp và chưa được tổ chức chặt chẽ. Mạng lưới tuyên truyền viên chỉ mới tổ chức ở phạm vi rất hẹp. Hoạt động của báo cáo viên, tuyên truyền viên chưa đều, chưa có quy chế, chưa đáp ứng được yêu cầu hiểu biết nhiều mặt của cán bộ, đảng viên và quần chúng. Các cấp uỷ đảng, các Đảng đoàn chưa thật sự quan tâm đến việc bồi dưỡng và phát huy tác dụng của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên.

Cách mạng nước ta đã chuyển sang giai đoạn mới. Đại hội lần thứ IV của Đảng đã quyết định đường lối chung, đường lối kinh tế và phương hướng, nhiệm vụ của từng ngành, từng mặt công tác. Tình hình và nhiệm vụ mới đó đòi hỏi phải tăng cường công tác tuyên truyền trực tiếp để cán bộ, đảng viên của cả nước nắm được nhanh chóng, chính xác chủ trương, chính sách của Trung ương, tạo ra sự nhất trí cao trong toàn Đảng, toàn dân. Các cấp uỷ đảng, các Ban cán sự các ngành cần nhanh chóng xây dựng, củng cố đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên của địa phương và của ngành. Đó là công cụ quan trọng hàng đầu trong việc tuyên truyền, giáo dục đường lối, chính sách, truyền bá những quan điểm của Đảng về những vấn đề thời sự lớn, về những vấn đề mới đặt ra trong cuộc sống, trong công cuộc xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hoá mới, con người mới; hướng dẫn sự suy nghĩ và hành động của toàn dân theo Nghị quyết của Đại

hội Đảng. Có đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, sẽ giúp cho cán bộ, đảng viên và quần chúng được nghe trực tiếp tiếng nói của các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, được trực tiếp hỏi và giải đáp những vấn đề mà nhiều người đang quan tâm; do đó góp phần tăng cường mối quan hệ trực tiếp, sinh động giữa Đảng và quần chúng, khắc phục được một phần tệ quan liêu, mệnh lệnh, xa rời quần chúng. Đội ngũ báo cáo viên còn góp phần nâng cao chất lượng sinh hoạt chính trị của các tổ chức đảng và các đoàn thể.

Để thống nhất việc tổ chức, lãnh đạo và chỉ đạo lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên, Ban Bí thư quyết định:

1. Báo cáo viên, tuyên truyền viên là lực lượng tuyên truyền miệng có tổ chức của Đảng.

- *Báo cáo viên* được tổ chức ở các cấp: trung ương, tỉnh, thành, huyện, quận và đơn vị tương đương. Báo cáo viên có nhiệm vụ: tuyên truyền, giải thích đường lối, chính sách quan trọng và những quan điểm của Đảng ta đối với những vấn đề thời sự lớn cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên của các đoàn thể quần chúng; giải đáp theo quan điểm của Đảng những vấn đề mà quần chúng quan tâm; báo cáo lại cho cấp uỷ đảng những nguyện vọng, tâm tư, sáng kiến của quần chúng.

Phương thức hoạt động chủ yếu của báo cáo viên là nói chuyện trực tiếp với đông đảo quần chúng trong các cuộc hội họp, sinh hoạt câu lạc bộ...

- *Tuyên truyền viên* được tổ chức ở cơ sở, là lực lượng tuyên truyền miệng của đảng bộ cơ sở và chi bộ đảng, có nhiệm vụ tuyên truyền những nghị quyết, những chủ trương của đảng bộ cơ sở và chi bộ; hướng dẫn sự suy nghĩ và hành động hàng ngày của quần chúng ở bên cạnh mình, thu thập những nguyện vọng, tâm tư, sáng kiến của quần chúng để báo cáo với chi bộ; giải đáp theo chủ trương của chi bộ những vấn đề mà quần chúng quan tâm. Có thể có một số tuyên truyền

viên được phân công phụ trách những đối tượng có những vấn đề riêng biệt cần giáo dục, giúp đỡ.

Phương thức hoạt động chủ yếu là tuyên truyền từng người, từng nhóm trong sinh hoạt thường xuyên hàng ngày của quần chúng.

- Báo cáo viên, tuyên truyền viên đều là của cấp uỷ đảng, do cấp uỷ đảng chỉ định và chi bộ phân công đảng viên. Ban Tuyên huấn Đảng đồng cấp được cấp uỷ uỷ nhiệm quản lý và điều hành các lực lượng này theo chương trình, kế hoạch được cấp uỷ thông qua.

2. *Đội ngũ báo cáo viên* tổ chức như sau:

a) *ở trung ương*: Ban Bí thư sẽ chỉ định một số cán bộ cao cấp làm báo cáo viên của Trung ương. Đối tượng chủ yếu của lực lượng báo cáo viên này là cán bộ cao, trung cấp ở các cơ quan trung ương và các tỉnh, thành. Lực lượng này được tổ chức theo từng tổ chuyên đề: chính trị, kinh tế, văn hoá, thời sự quốc tế... Ban Tuyên huấn Trung ương được uỷ nhiệm giúp Ban Bí thư quản lý và điều hành lực lượng báo cáo viên này theo chương trình hoạt động đã được Ban Bí thư thông qua.

b) *ở thành phố và tỉnh*: các tỉnh uỷ, thành uỷ có lực lượng báo cáo viên của mình, bao gồm các cấp uỷ viên và một số cán bộ chủ chốt của các ngành, được tổ chức theo chuyên đề như ở trung ương. Đối tượng chủ yếu của lực lượng này là cán bộ trung, sơ cấp ở các cơ quan tỉnh, huyện, quận, thị xã. Trong trường hợp cần thiết, theo chủ trương của cấp uỷ, lực lượng này sẽ phối hợp với lực lượng báo cáo viên của huyện, quận báo cáo trực tiếp cho cán bộ, đảng viên và quần chúng ở cơ sở. Các ngành ở trung ương có nhiều đơn vị trực thuộc cũng tổ chức lực lượng báo cáo viên như ở tỉnh, thành.

Lực lượng báo cáo viên này được cấp uỷ tỉnh, thành và Ban Tuyên huấn Trung ương thường xuyên bồi dưỡng.

c) *ở huyện, quận, khu phố, thị xã và các đơn vị tương đương*: các cấp uỷ đều có lực lượng báo cáo viên của mình, bao gồm các đồng chí cấp uỷ viên, một số cán bộ chủ chốt trong các ban, ngành. Trong điều kiện hiện nay, lực lượng này không chia thành các tổ chuyên đề mà chủ yếu là báo cáo về đường lối, chính sách và tình hình, nhiệm vụ. Các chuyên đề do báo cáo viên của tỉnh, thành đảm nhiệm.

Để có thể làm tròn nhiệm vụ báo cáo viên của các cấp uỷ đảng, cần chọn lựa những đồng chí có trình độ tiếp thu và truyền đạt được chính xác, rõ ràng chuyên đề được chỉ định, có ý thức tổ chức kỷ luật, được cán bộ và quần chúng tin cậy, có nhiệt tình và khả năng làm công tác tuyên truyền miệng.

3. *Đội ngũ tuyên truyền viên* tổ chức như sau: lực lượng tuyên truyền viên là tổ chức của đảng uỷ cơ sở và của chi bộ, tổ chức theo đơn vị chi bộ. Mỗi chi bộ tổ chức thành một tổ tuyên truyền viên, mỗi tổ đảng có một hay nhiều tuyên truyền viên. Các tuyên truyền viên được chi uỷ lựa chọn, phân công, đảng uỷ ra quyết định công nhận. Đồng chí bí thư đảng uỷ cùng đồng chí trưởng ban tuyên huấn xã phụ trách lực lượng tuyên truyền viên. Đồng chí bí thư chi bộ hay đồng chí phụ trách tuyên huấn của chi bộ làm tổ trưởng tổ tuyên truyền viên của chi bộ.

Các tuyên truyền viên được đảng uỷ, huyện uỷ và lực lượng báo cáo viên của huyện chăm sóc, bồi dưỡng.

- Tuyên truyền viên phải là những đảng viên trung thành, thật thà, gương mẫu trong công tác và chấp hành chính sách; có ý thức tổ chức kỷ luật; được quần chúng tin

cậy; có trình độ, có nhiệt tình và khả năng tuyên truyền, thuyết phục quần chúng.

4. Để bảo đảm cho hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên đi vào nền nếp, có chất lượng cao, trở thành phương thức tuyên truyền, giáo dục quan trọng của Đảng, các cấp uỷ đảng cần lãnh đạo chặt chẽ về tổ chức và nội dung hoạt động của báo cáo viên, tuyên truyền viên, thông qua đề tài báo cáo hằng năm, từng quý ba tháng và từng tháng, trực tiếp bồi dưỡng lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên, cho phép được dự các cuộc hội nghị cần thiết... tạo mọi điều kiện cho các đồng chí ấy hoạt động. Các đồng chí phụ trách các ngành, có trách nhiệm thông báo cho báo cáo viên những vấn đề của ngành, giải đáp những thắc mắc của cán bộ và quần chúng về những vấn đề thuộc ngành mình phụ trách theo yêu cầu của lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên...

Ban Tuyên huấn Trung ương và Ban Tuyên huấn các cấp được Trung ương và các cấp uỷ đảng uỷ nhiệm phụ trách lực lượng báo cáo viên, cần tổ chức các phòng báo cáo viên, tuyên

truyền viên, có tư liệu và phương tiện cần thiết để tạo mọi điều kiện cho báo cáo viên hoạt động được thuận lợi và có chất lượng. Ban Tuyên huấn Trung ương cùng với Văn phòng Trung ương và các ngành liên quan nghiên cứu các chế độ, chính sách thích đáng để động viên và bồi dưỡng báo cáo viên và tuyên truyền viên.

Nhận được Chỉ thị này, các cấp, các ngành cần tổ chức sơ kết công tác đã qua, có kế hoạch xây dựng và củng cố lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên. Ban Tuyên huấn Trung ương có nhiệm vụ hướng dẫn các cấp, các ngành thực hiện Chỉ thị này và từng thời gian báo cáo kết quả lên Ban Bí thư.

T/M ban bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Về việc làm thí điểm cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở miền Nam

Hội nghị lần thứ hai của Trung ương Đảng đã đề ra những chủ trương và biện pháp cải tạo xã hội chủ nghĩa nền nông nghiệp ở miền Nam.

Để nắm chắc tình hình thực tế ở các vùng khác nhau, rút ra những kinh nghiệm cần thiết cho việc cụ thể hoá chủ trương, chính sách của Trung ương, định bước đi và cách làm thích

**Chỉ thị
của Ban Bí thư**

Số 15-CT/TW, ngày 4 tháng 8 năm 1977

hợp, và cũng để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại chỗ, thuyết phục nông dân đi vào con đường sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, Ban Bí thư quyết định làm thí điểm cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh miền Nam.

1. Các cấp, các ngành cần *quán triệt và nắm vững mục đích, yêu cầu cải tạo xã hội chủ nghĩa* là đưa nông nghiệp đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa về mọi mặt, từng bước công nghiệp hóa nông nghiệp, xoá bỏ bóc lột và mầm mống sinh ra bóc lột, xoá bỏ nghèo nàn và lạc hậu, xây dựng cuộc sống mới ở nông thôn; *trước mắt là đưa nông nghiệp miền Nam đi vào sản xuất theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước, tăng được năng suất lao động, tăng nhanh sản lượng và nông sản hàng hoá, tăng phần đóng góp cho Nhà nước*, cùng với nền nông nghiệp của cả nước đáp ứng được yêu cầu về lương thực thực phẩm, về nguyên liệu cho công nghiệp và hàng xuất khẩu, từng bước cải thiện đời sống nhân dân và phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà. Phải nắm vững và thực hiện tốt chủ trương: kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu nông nghiệp và công nghiệp, xây dựng huyện thành cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp, coi đây là vấn đề có tính chất quyết định để đưa nông nghiệp đi nhanh lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và để thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước 5 năm 1976 - 1980. Trên địa bàn từng huyện và ở từng đơn vị sản xuất, kết hợp chặt chẽ trồng trọt và chăn nuôi, nông nghiệp và lâm nghiệp, ngư nghiệp, sản xuất và chế biến, sản xuất và lưu thông, phân phối, kinh tế và văn hoá. Phải kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng bằng cách tổ chức lại sản xuất theo hướng tập trung, chuyên canh, thâm canh theo quy hoạch từng vùng, đồng thời trang bị kỹ thuật mới thích hợp cho từng vùng, giải quyết quan hệ sở hữu đi đôi với xây dựng chế độ tổ chức quản lý mới và thực hiện chính sách phân phối đúng, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, của tập thể, của từng người lao động. Kết hợp hợp tác hoá với thuỷ lợi hoá, cơ giới hoá nông nghiệp và ứng dụng có hiệu quả kỹ

thuật tiên tiến trong trồng trọt và chăn nuôi; kết hợp cải tạo và phát triển nông nghiệp với xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa. Kết hợp nhà nước và nhân dân cùng làm để đẩy mạnh đồng thời ba cuộc cách mạng - cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt - để xây dựng nông nghiệp và nông thôn mới xã hội chủ nghĩa. Thông qua *phong trào quần chúng sôi nổi thực hiện ba cuộc cách mạng* mà củng cố và tăng cường cơ sở đảng, chính quyền cách mạng và các tổ chức quần chúng ở nông thôn về mọi mặt với chất lượng mới, cao hơn trước.

Phải kết hợp chặt chẽ công cuộc cải tạo và xây dựng ở nông thôn với công cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh và xây dựng công nghiệp, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa. Một mặt, lấy việc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nông thôn để thúc đẩy quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở thành thị. Mặt khác, nhanh chóng xoá bỏ sự lưỡng đoạn của thương nghiệp tư bản chủ nghĩa đối với nông thôn, nhanh chóng làm cho kinh tế quốc doanh thay thế hẳn được tư bản tư doanh trong việc cung cấp tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng, trong việc tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho nông thôn.

Việc làm thí điểm phải thể hiện được đầy đủ mục đích, yêu cầu, nội dung nói trên và nhất thiết phải đưa lại những kinh nghiệm thiết thực, phong phú, thích hợp cho việc tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp một cách đúng đắn, sáng tạo, vững chắc trên diện rộng ở tất cả các vùng có đặc điểm khác nhau trong những năm sắp tới.

2. Lấy huyện làm địa bàn thí điểm cải tạo xã hội chủ nghĩa và trong huyện điểm lấy một vài xã, ấp làm thí điểm xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Phải đi từ tổ chức lại nông nghiệp trên địa bàn huyện theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa mà tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp ở cơ sở.

Những việc phải làm:

a) Mỗi tỉnh tập trung sức giúp một huyện điểm nhanh chóng hoàn chỉnh công tác phân vùng, quy hoạch sản xuất, xác định rõ phương hướng sản xuất, phương hướng trang bị kỹ thuật cho huyện, cho từng tiểu vùng và cho từng cơ sở sản xuất trong huyện; dựa vào đó mà tổ chức lại sản xuất và lao động theo hướng tập trung, chuyên canh, thâm canh theo từng vùng, vận động và tổ chức nông dân ở cơ sở phát triển sản xuất theo đúng quy hoạch, kế hoạch, hăng hái đi vào con đường lao động tập thể dưới nhiều hình thức thích hợp và bán nhiều sản phẩm cho Nhà nước. Xây dựng hợp tác xã thí điểm bắt đầu từ vụ sản xuất đông xuân 1977 - 1978.

b) Khẩn trương tăng cường bộ máy cấp huyện và một số cơ sở vật chất - kỹ thuật cho huyện được chọn làm điểm để cấp huyện có đủ năng lực và điều kiện vật chất cần thiết thực hiện việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp trong huyện và xây dựng hợp tác xã thí điểm.

Từng tỉnh dựa vào khả năng cán bộ, vật tư, tài chính hiện có trong tỉnh là chính để kịp thời tăng cường về mọi mặt cho huyện điểm. Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tổ chức Chính phủ, Ban Nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp, Bộ Lâm nghiệp và các bộ có liên quan đến việc xây dựng huyện, đến cải tạo và phát triển nông nghiệp cần có kế hoạch điều động cán bộ từ các cơ quan trung ương, các tỉnh miền Bắc và từ quân đội ra để kịp thời tăng cường cho các tỉnh, huyện và cơ sở ở miền Nam, trước hết là cho những huyện và hợp tác xã thí điểm. Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Nông nghiệp, Bộ Lâm nghiệp và các bộ, các ngành kinh tế nhà nước phải có kế hoạch cùng các tỉnh xây dựng ngành mìn ở huyện và tăng cường kịp

thời cơ sở vật chất - kỹ thuật cho huyện, trước hết là cho những huyện được chọn làm thí điểm.

c) Mỗi huyện điểm chọn địa bàn xây dựng một hợp tác xã thí điểm. Để có nội dung và kế hoạch động viên chính trị sâu rộng, có hiệu quả và chuẩn bị chính sách cụ thể, nghiên cứu hình thức tổ chức thích hợp với từng vùng có những đặc điểm khác nhau về kinh tế và xã hội, cần tiến hành điều tra nắm vững tình hình nông thôn về mọi mặt ở địa bàn định làm thí điểm hợp tác xã. Có kế hoạch kịp thời củng cố cơ sở đảng, chính quyền, Nông hội, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, chuẩn bị bộ khung quản lý hợp tác xã và cấp tốc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ bằng mọi hình thức.

3. Trung ương phối hợp với một số tỉnh để chỉ đạo thí điểm một số huyện, chú ý các điều kiện sau đây: tiêu biểu cho kinh tế vùng, đảng bộ và chính quyền tương đối mạnh, tình hình chính trị tương đối ổn định (hai huyện ở đồng bằng sông Cửu Long, một huyện ở miền Đông Nam Bộ, một huyện ở duyên hải Trung Trung Bộ, một huyện ở Tây Nguyên). Ở những huyện này, mọi mặt công tác phải đi trước một bước, cố gắng từ nay đến hết vụ đông - xuân 1977 - 1978 sơ bộ hình thành được việc tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trên địa bàn huyện và lập được hợp tác xã thí điểm. Qua từng bước thực hiện, phải có sơ kết để bổ khuyết công tác và kịp thời cung cấp kinh nghiệm cho các tỉnh.

4. Hội nghị lần thứ hai của Trung ương Đảng đã xác định những vấn đề thuộc về tư tưởng chính sách; phải thông qua việc vận dụng vào thực tế ở các thí điểm mà cụ thể hoá và xây dựng chính sách hoàn chỉnh trình Bộ Chính trị quyết định. Phải có chính sách thoả đáng để thu hút được ngay từ đầu đại bộ phận trung nông vào hợp tác xã, giữ gìn và phát huy được tốt nhất ruộng đất, vườn cây, đàn gia súc và các tư liệu sản xuất sẵn có để phát triển sản xuất. Khi mới lập hợp

tác xã, chưa đến vụ thu hoạch hoặc thu hoạch còn quá thấp, chính quyền cần có chính sách giúp đỡ hợp tác xã kết hợp với việc vận động tương trợ trong nội bộ nông dân, bảo đảm đời sống cho những xã viên nghèo, nhất là những người vốn là lao động làm thuê. Chính phủ sẽ quy định chế độ trả lương và giao cho chính quyền tỉnh hoặc huyện bổ nhiệm trưởng kế toán, trưởng kỹ thuật của hợp tác xã. Ban Nông nghiệp Trung ương cùng với Bộ Nông nghiệp và Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu để Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ xét chính sách trợ cấp, đồng thời hướng dẫn các hợp tác xã đài ngộ thỏa đáng đối với cán bộ chủ chốt ở cơ sở. Các chính sách về ổn định nghĩa vụ, thu mua, giá cả, đầu tư, tín dụng cũng như điều lệ về tổ chức cấp huyện và hợp tác xã nông nghiệp cần được ban hành sớm.

5. Cải tạo xã hội chủ nghĩa nền nông nghiệp ở các tỉnh miền Nam, nhất là ở Nam Bộ, là việc làm hết sức phức tạp, vì ở đây kinh tế hàng hoá đã phát triển, từ lâu đã gắn chặt với thương nghiệp tư bản chủ nghĩa ở thành thị, mà đến nay công việc cải tạo chưa làm xong; tình hình kinh tế và xã hội ở mỗi vùng lại có những đặc điểm rất khác nhau, nhất là ở các vùng cơ sở cách mạng non yếu, tập trung các dân tộc và đồng bào các tôn giáo; bộ máy huyện chưa được tăng cường, cơ sở ở nhiều vùng nông thôn chưa được củng cố và phát triển đúng mức. Vì vậy, trong cải tạo và xây dựng nông nghiệp, nhất là trong việc thí điểm, phải có sự chỉ đạo chặt chẽ của các cấp bộ đảng và chính quyền, có sự phối hợp chặt chẽ của các ngành có liên quan, có sự tập trung đúng mức cán bộ của cả nước và ra sức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại chỗ. Phải có kế hoạch tiến hành khẩn trương nhưng thận trọng để làm tốt và làm nhanh gọn, kịp thời phát hiện những nhân tố tích cực để phát huy và khắc phục hiện tượng tiêu cực có thể nảy sinh, bảo đảm cho bằng được mục đích, yêu cầu làm thí điểm, thực

hiện thắng lợi nhiệm vụ mục tiêu phát triển nông nghiệp đã đề ra trong kế hoạch 5 năm 1976-1980. Ban Cải tạo nông nghiệp miền Nam của Trung ương Đảng và Chính phủ có trách nhiệm trực tiếp giúp Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ hướng dẫn các địa phương, phối hợp hoạt động của các ngành, phối hợp với Ban Cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh Trung ương, cùng một số địa phương xây dựng huyện điểm của Trung ương, thường xuyên kiểm tra đôn đốc, nắm chắc tình hình, sơ kết, tổng kết, phổ biến kinh nghiệm, xây dựng chủ trương chính sách, Thường vụ các tỉnh uỷ, thành uỷ và Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phải trực tiếp nắm và chỉ đạo huyện điểm và cùng với huyện xây dựng hợp tác xã thí điểm.

T/M ban bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 20-TT/TW, ngày 4 tháng 8 năm 1977

**Kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám
và Quốc khánh 2-9**

Năm nay, nhân dân ta kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và ngày Quốc khánh sau khi Đại hội lần thứ IV của Đảng đã quyết định đường lối, phương hướng tiến lên chủ nghĩa xã hội của cả nước ta trong giai đoạn mới. Để thực hiện Nghị quyết của Đại hội IV, Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã bàn về phương hướng, nhiệm vụ và những biện pháp chính nhằm phát triển nông nghiệp nước ta; các tổ chức đảng đã họp Đại hội (vòng 2) để biến Nghị quyết của Đại hội toàn quốc thành chương trình hành động cụ thể của địa phương trong những năm trước mắt; chính quyền từ tỉnh, thành đến phường, xã đã được củng cố và tăng cường một bước qua bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp.

Nhân dịp kỷ niệm này, cần tiến hành *một đợt tuyên truyền về những thắng lợi vĩ đại* của nhân dân ta từ sau Cách mạng Tháng Tám, những thành tích to lớn đã giành được trong hơn hai năm nay, từ khi giải phóng hoàn toàn miền Nam;

tình hình và nhiệm vụ mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội IV và Đại hội (vòng 2) của các địa phương, tuyên truyền cho *Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai* của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nhằm tăng cường ý chí phấn đấu cách mạng, tinh thần trách nhiệm, ý thức tự lực tự cường của nhân dân ta trong giai đoạn mới của cách mạng, bồi dưỡng lòng tin sâu sắc vào đường lối, chính sách của Đảng, sức mạnh của nhân dân và tiềm lực kinh tế của nước ta, khắc phục tư tưởng ỷ lại, chờ đợi, động dao trước khó khăn. Trên cơ sở đó, động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đoàn kết một lòng, phát huy quyền làm chủ tập thể, đem hết tinh thần và lực lượng, ra sức khắc phục mọi khó khăn, đẩy mạnh phong trào *lao động sản xuất và tiết kiệm*, tổ chức tốt đời sống của nhân dân, phấn đấu hoàn thành kế hoạch nhà nước năm 1977 và kế hoạch 5 năm 1976-1980.

Nội dung tuyên truyền:

1. Giới thiệu những thành tựu từ Cách mạng Tháng Tám, những cố gắng vượt khó khăn và những thành tích to lớn từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, cả nước thống nhất tiến lên chủ nghĩa xã hội, nêu bật *ý chí phấn đấu cách mạng và tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân cả nước ta*, những bài học kinh nghiệm, những điển hình, gương người tốt việc tốt.

2. Tiếp tục tuyên truyền phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch 5 năm và kế hoạch 2 năm 1977 và 1978, nhất là Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, làm rõ những thuận lợi cơ bản, những khó khăn và những nhiệm vụ cấp bách trước mắt.

3. Tiếp tục tuyên truyền phát huy vai trò làm chủ tập thể của nhân dân và vai trò của Nhà nước chuyên chính vô sản, làm rõ mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý. Các địa phương cần sơ kết những kinh nghiệm về thực hiện và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân để rút ra những bài học và tuyên truyền, giáo dục một cách sinh động, cụ thể.

Một số biện pháp tuyên truyền:

- Tổ chức các cuộc nói chuyện rộng rãi, các cuộc hội thảo trong các tầng lớp quần chúng theo những nội dung trên với những chủ đề thích hợp với từng đối tượng. Các đồng chí phụ trách Đảng và chính quyền các cấp báo cáo trước nhân dân về tình hình và những nhiệm vụ cấp bách của địa phương theo tinh thần Nghị quyết của Đại hội IV và Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, động viên nhân dân phát huy vai trò làm chủ tập thể, sôi nổi tham gia phong trào lao động sản xuất, xây dựng cuộc sống mới. Bồi dưỡng lực lượng báo cáo viên đi tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương, chú trọng nêu cao những điển hình tốt, những nhân tố mới trong địa phương phù hợp với Nghị quyết của Đại hội IV và của Trung ương Đảng.

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cần có những hoạt động để giáo dục truyền thống, bồi dưỡng lý tưởng, ý chí phấn đấu và lối sống cách mạng cho thanh niên, thiếu niên.

- Các báo, đài cẩn cứ vào nội dung trên có kế hoạch tuyên truyền trong khoảng thời gian từ 15-8 đến 15-9-1977.

- Tổ chức các cuộc triển lãm về thành tích của tỉnh, thành, huyện, quận, phường, xã từ lúc miền Nam được hoàn toàn giải phóng.

- Tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ vui tươi, lành mạnh, phù hợp với tình hình sản xuất và đời sống của địa phương, chú trọng đến các vùng giải phóng cũ và vùng miền núi, hải đảo.

T/M ban bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Khẩu hiệu

Kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9

(Kèm theo Thông tri số 20-TT/TW, ngày 4 tháng 8 năm 1977
của Ban Bí thư)

1- Nhiệt liệt chào mừng lễ kỷ niệm lần thứ 32 Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9!

2- Không có gì quý hơn độc lập, tự do!

3- Phát huy tinh thần Cách mạng Tháng Tám, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đoàn kết một lòng, củng cố độc lập, thống nhất và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội!

4- Đời đời nhớ ơn những anh hùng, liệt sĩ, những đồng chí và đồng bào đã hiến dâng đời mình cho độc lập, tự do của Tổ quốc!

5- Tất cả cho sản xuất, tất cả để xây dựng chủ nghĩa xã hội, tất cả vì Tổ quốc giàu mạnh, vì hạnh phúc của nhân dân!

6- Đồng bào cả nước ra sức phát huy quyền làm chủ tập thể, tiến hành ba cuộc cách mạng, lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng!

7- Tập trung cao độ lực lượng cả nước, tạo ra một bước phát triển vượt bậc của nông nghiệp!

8- Hăng hái thi đua đẩy mạnh sản xuất và bảo vệ sản xuất, hoàn thành kế hoạch nhà nước năm 1977!

9- Nhiệt liệt chào mừng kỷ niệm lần thứ 60 Cách mạng Tháng Mười vĩ đại!

10- Tình đoàn kết chiến đấu và hữu nghị anh em giữa nhân dân ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia đời đời bền vững!

- 11- Tăng cường tình đoàn kết chiến đấu và hợp tác hữu nghị giữa Việt Nam và các nước xã hội chủ nghĩa anh em!
- 12- Nhân dân Việt Nam cùng nhân dân thế giới tăng cường đoàn kết, ra sức đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội!
- 13- Chủ nghĩa Mác - Lênin vô địch muôn năm!
- 14- Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam muôn năm!
- 15- Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm!
- 16- Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

**Chỉ thị
của Ban Bí thư**

Số 17-CT/TW, ngày 8 tháng 8 năm 1977

Về việc tăng cường công tác cán bộ bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển nông nghiệp

Nhiệm vụ cấp thiết bậc nhất của công tác cán bộ hiện nay là phải bảo đảm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương về phát triển nông nghiệp. Nhiệm vụ phát triển nông nghiệp đòi hỏi *chuyển hướng mạnh mẽ công tác cán bộ* theo những phương hướng chính sau đây:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với mặt trận nông nghiệp. Kiện toàn cán bộ từ cấp uỷ đảng đến các ngành nông, lâm nghiệp, thuỷ lợi và các ngành khác có liên quan đến nông, lâm nghiệp, cả ở cấp tỉnh, huyện và cơ sở.
2. Tập trung sức kiện toàn các huyện, các công ty chuyên doanh, các nông trường và hợp tác xã, tăng cường cán bộ cho

các tỉnh phía Nam, các vùng trọng điểm cây lương thực và thực phẩm, những vùng chuyên canh lớn, những vùng kinh tế mới.

3. Đẩy mạnh việc bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và cán bộ chủ chốt của hợp tác xã, bảo đảm sự cân đối, đồng bộ hơn giữa các ngành nghề kinh tế kỹ thuật, phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh.

4. Tăng cường công tác quy hoạch cán bộ, nhằm vừa đáp ứng tốt yêu cầu trước mắt, vừa đáp ứng yêu cầu lâu dài.

Theo những phương hướng ấy, cần làm tốt những công việc sau đây:

1- *Tăng cường cán bộ cho huyện một cách toàn diện và đồng bộ*: cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ, từ huyện uỷ đến các ban, ngành, các trạm, trại, các cơ sở sản xuất, kinh doanh và hợp tác xã.

Đưa vào các chức vụ chủ chốt ở huyện (Bí thư, Phó bí thư, Chủ tịch, Chủ nhiệm Uỷ ban Nông nghiệp) những đồng chí đã được rèn luyện và trưởng thành từ phong trào quần chúng, từ thực tiễn sản xuất, nắm vững đường lối của Đảng và có kiến thức về quản lý kinh tế nhất là về nông nghiệp, có tính chiến đấu cao, có tác phong sâu sát. Ở các huyện đồng bằng và trung du phía Bắc, nâng tỷ lệ huyện uỷ viên được đào tạo về lý luận chính trị theo chương trình trung cấp và cao cấp lên 70-80%, số có kiến thức đại học hoặc trung học về quản lý, kỹ thuật, lên 40-50% vào năm 1980. Đối với các huyện miền núi và phía Nam, những tỷ lệ trên có thể thấp hơn. Phấn đấu đưa thêm cán bộ trẻ vào huyện uỷ, giảm tuổi bình quân của huyện uỷ viên xuống dưới 40. Có hướng lựa chọn, đào tạo để từng bước có cán bộ xuất thân từ công nhân tham gia huyện uỷ.

Kiên toàn Uỷ ban nhân dân và đội ngũ cán bộ quản lý các ngành, các trạm, trại của huyện; đối với các ngành quan trọng, các trạm, trại quan trọng, nên bố trí cán bộ phụ trách có trình độ đại học hoặc trung học. Chủ nhiệm Uỷ ban Nông nghiệp huyện cần có trình độ đại học kinh tế hoặc kỹ thuật

nông nghiệp. Cần bố trí đủ số phó chủ nhiệm làm nhiệm vụ kỹ sư trưởng từng mặt: trồng trọt, chăn nuôi, quản lý kinh tế, nghề rừng.

Tăng cường cán bộ kỹ thuật và kinh tế cho huyện theo một cơ cấu hợp lý. Riêng về nông, lâm nghiệp và thuỷ lợi tuỳ theo vị trí và đặc điểm từng nơi, cần bố trí cho mỗi huyện có từ 11-15 kỹ sư và 30-45 cán bộ trung học các loại.

Phấn đấu đến năm 1980 mỗi hợp tác xã có ít nhất 4-5 cán bộ trung học về trồng trọt, chăn nuôi, quản lý kinh tế... ở một số hợp tác xã quy mô toàn xã, có cán bộ đại học.

Chú trọng tăng cường cán bộ cho các huyện thuộc các vùng trọng điểm cây lương thực và thực phẩm, các vùng chuyên canh lớn, các vùng kinh tế mới, các huyện có vị trí xung yếu về chính trị và quốc phòng. Tăng cường cán bộ cho các hợp tác xã yếu kém, nhanh chóng chuyển biến tốt.

Để tăng cường cán bộ cho huyện, phải kết hợp sử dụng tốt ba nguồn cán bộ: lực lượng cán bộ hiện có ở các huyện và hợp tác xã; cán bộ kỹ thuật, chuyên môn từ các ngành trung ương và tỉnh về; cán bộ từ quân đội chuyển ra.

Các tỉnh uỷ cần soát lại và sắp xếp tốt số cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý hiện có ở huyện. Ban Tổ chức Trung ương tham gia ý kiến với các tỉnh uỷ về bố trí các bí thư và chủ tịch huyện. Từng bộ, tổng cục tham gia ý kiến với tỉnh về việc bố trí các trưởng, phó ngành ở huyện; nếu tỉnh không có người thích hợp thì bộ cử cán bộ về, với sự thoả thuận của địa phương. Bộ Nông nghiệp cần có kế hoạch điều chỉnh việc phân bổ đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, chuyển một phần quan trọng cán bộ hiện công tác ở trung ương và tỉnh về huyện và cơ sở, bảo đảm có khoảng 5-6 nghìn cán bộ đại học nông nghiệp hoạt động ở huyện và cơ sở. Các bộ khác cũng phải có kế hoạch điều chỉnh một phần cán bộ ở bộ và ty, sở về tăng cường cho huyện.

Xúc tiến thực hiện kế hoạch điều động trên một vạn cán bộ quân đội chuyển ra tăng cường cho các huyện, nhất là miền Nam và miền núi.

Đi đôi với việc tăng cường cán bộ đáp ứng nhu cầu trước mắt, các tỉnh uỷ cần làm quy hoạch cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý cấp huyện đến 1985, dự kiến nhu cầu thay thế, bổ sung, kiện toàn trong những năm tới; xác định những mục tiêu phấn đấu nâng cao chất lượng cán bộ, lựa chọn đủ cán bộ dự bị; có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo, sử dụng đối với cán bộ đương chức và cán bộ dự bị. Phải làm xong về cơ bản việc điều động cán bộ cho huyện và xong quy hoạch nói trên trong sáu tháng đầu năm 1978; ở một số huyện quan trọng về kinh tế và chính trị, phải tăng cường đủ cán bộ trong năm 1977.

2- Đào tạo và điều động cán bộ bảo đảm cho nhiệm vụ hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Nam. Phải lựa chọn và đào tạo cán bộ tại chỗ ăn khớp với bước đi của cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp.

Việc lựa chọn cán bộ chủ chốt của hợp tác xã phải nhắm vào những người quyết tâm đi vào con đường làm ăn tập thể, có tín nhiệm đối với quần chúng, có kinh nghiệm về sản xuất nông nghiệp, và có khả năng tiếp thu kiến thức về quản lý và kỹ thuật nông nghiệp. Đối với cán bộ không giữ chức vụ chủ chốt thì không đòi hỏi tiêu chuẩn cao về chính trị, miễn là hăng hái làm ăn tập thể, có kinh nghiệm sản xuất và được quần chúng đồng tình.

Tổ chức đào tạo bằng hai cách: đưa ra học và thực tập ở các hợp tác xã tiên tiến của các tỉnh phía Bắc và thành lập ở mỗi tỉnh phía Nam một trường đào tạo các loại cán bộ cho hợp tác xã: chủ nhiệm, kế toán trưởng, kế hoạch, lao động định mức, kỹ thuật, trồng trọt, chăn nuôi...

Điều động một số cán bộ từ miền Bắc vào để giúp phong trào hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Nam. Trước mắt, điều động gấp cho mỗi tỉnh phía Nam một bộ khung cán bộ giảng dạy trường đào tạo - bồi dưỡng cán bộ hợp tác xã, một bộ khung cán bộ xây dựng huyện điểm, và một bộ khung cán bộ quản

lý hợp tác xã điểm. Cách làm là phân công một số tỉnh phía Bắc có khả năng và điều kiện giúp cán bộ cho một hoặc hai tỉnh phía Nam. Nên chọn những tỉnh có điều kiện tự nhiên và phương hướng sản xuất giống nhau, hoặc những tỉnh đã có quan hệ về khai hoang xây dựng vùng kinh tế mới; chú ý đến những tỉnh vốn có quan hệ giúp nhau từ mấy năm nay. Số cán bộ này được điều động đi công tác ở miền Nam trong khoảng ba năm. Các tỉnh phía Bắc phải cùng các tỉnh phía Nam quản lý số cán bộ này, cử cán bộ thay thế những đồng chí ốm đau, không đủ năng lực hoặc kém phẩm chất.

Việc điều động cán bộ theo chỉ tiêu trên đây cần được tiến hành trong năm nay. Ban Nông nghiệp Trung ương cùng Bộ Nông nghiệp, Bộ Lâm nghiệp tổ chức bồi dưỡng trước khi cán bộ đi nhận nhiệm vụ ở miền Nam.

3- Kiện toàn đội ngũ cán bộ chỉ đạo và quản lý các ngành nông, lâm nghiệp và những ngành có quan hệ nhiều đến nông nghiệp

Trên cơ sở xác định rõ nhiệm vụ và tổ chức, phải bố trí cán bộ quản lý ở mỗi ngành, cấp, đơn vị cho đồng bộ.

Từng bộ phải cùng với các tỉnh uỷ soát lại và kiện toàn đội ngũ trưởng, phó ty. Phát hiện và đề bạt những cán bộ ưu tú đã qua công tác quản lý nông nghiệp ở huyện và cơ sở, đồng thời mạnh dạn đề bạt những cán bộ kinh tế và kỹ thuật đã được rèn luyện và có triển vọng. Chú trọng phát hiện và bồi dưỡng cán bộ ở những cơ sở sản xuất tiên tiến. Kiên quyết sắp xếp lại công tác cho những cán bộ không đủ năng lực hoặc sức khoẻ, và nói chung giải quyết về ưu cho những cán bộ đã đến tuổi.

Để chuẩn bị kiện toàn đội ngũ cán bộ một cách cơ bản hơn trong những năm tới, từng ngành, từng cấp theo trách nhiệm về quản lý cán bộ đã được phân cấp, phải xúc tiến làm quy hoạch cán bộ đến năm 1985.

4- Tăng cường bồi dưỡng cán bộ quản lý nông, lâm nghiệp, đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật cho hợp tác xã

Cán bộ lãnh đạo và quản lý nông nghiệp phải được bồi dưỡng về đường lối, về quản lý kinh tế nhất là quản lý nông, lâm nghiệp, về xây dựng huyện, về quản lý hợp tác xã... Phải sớm tổng kết kinh nghiệm của các huyện thí điểm để đưa vào chương trình bồi dưỡng cán bộ. Ban Tuyên huấn Trung ương cùng Ban Nông nghiệp Trung ương chỉ đạo trường Đảng các cấp mở lớp bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo và quản lý nông nghiệp từ trung ương đến cơ sở.

Ngoài các trường đại học nông, lâm nghiệp hiện có, cần được nâng cao chất lượng, cần xây dựng ở mỗi tỉnh, trước hết ở những tỉnh lớn, một trường cao đẳng kỹ thuật và quản lý để đào tạo kỹ sư thực hành và chủ nhiệm hợp tác xã lớn hoặc giám đốc nông trường.

Mỗi tỉnh có trường trung cấp nông nghiệp đào tạo cán bộ kỹ thuật và đào tạo chủ nhiệm hợp tác xã quy mô trung bình.

Cần tích cực thu hút vào các trường nông nghiệp (đại học, cao đẳng, trung học) những thanh niên ưu tú đã trải qua sản xuất nông nghiệp.

Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trung cấp, về nghiệp vụ kế hoạch, tài vụ kế toán, lao động định mức của hợp tác xã, giao cho trường nông nghiệp phụ trách. Các ngành kế hoạch, tài chính, lao động phối hợp về soạn chương trình và cung cấp giảng viên.

Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp và các bộ liên quan có trách nhiệm tổ chức và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công nhân kỹ thuật theo yêu cầu của ngành nông nghiệp.

5- Sửa đổi và bổ sung một số chế độ, chính sách theo phuong hướng sau đây:

Thực hiện chế độ đai ngộ đối với cán bộ quản lý hợp tác xã tương xứng với trách nhiệm được giao, với quy mô sản xuất

và giá trị sản lượng của hợp tác xã, và kết quả hoàn thành kế hoạch nhà nước. Có chính sách khuyến khích cán bộ về công tác ở huyện và hợp tác xã. Đối với cán bộ miền xuôi lên công tác ở miền núi (kể cả miền Bắc và miền Nam), phải thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 216 của Ban Bí thư¹⁾. Có

¹⁾ Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.36, tr. 36 (B.T).

chế độ trợ cấp thoả đáng đối với cán bộ hợp tác xã ở miền Bắc
được điều động vào miền Nam.

Ban Nông nghiệp Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương cùng
Bộ Nông nghiệp, Bộ Lao động nghiên cứu, đề nghị Chính phủ
ban hành những chính sách nói trên.

*
* *

Ban Tổ chức Trung ương cùng Ban Nông nghiệp Trung
ương chịu trách nhiệm đôn đốc các ngành, các địa phương thi
hành Chỉ thị này và từng thời gian báo cáo kết quả cho Ban
Bí thư.

T/M ban bí thư

Tổ Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Chỉ thị
của Ban Bí thư**

Số 16-CT/TW, ngày 10 tháng 8 năm 1977

**Về việc tăng cường lãnh đạo đối với công tác
giáo dục phổ thông và xây dựng đảng
trong các trường học**

Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã đánh giá cao
những thành tựu đạt được trên lĩnh vực giáo dục trong
những năm vừa qua và trong hai năm gần đây kể từ khi giải
phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc; đã xác định rõ vị trí,
nhiệm vụ của công tác giáo dục trong giai đoạn cách mạng xã
hội chủ nghĩa. Đại hội đặc biệt nhấn mạnh phải tiến hành
cải cách giáo dục trong cả nước, làm cho hệ thống giáo dục
quốc dân gắn chặt hơn nữa với sự nghiệp cách mạng xã hội
chủ nghĩa, làm cho giáo dục thấu suốt hơn nữa nguyên lý
"học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất,
nhà trường gắn với xã hội".

Để thực hiện tốt những nhiệm vụ trên đây, cần tăng cường
sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục, trước hết đối
với công tác giáo dục phổ thông và công tác xây dựng đảng
trong các trường học. Trong sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng

đối với công tác này, cần quan tâm giải quyết tốt một số vấn đề như sau:

1. Trên cơ sở nhận thức rõ vị trí và nhiệm vụ của công tác giáo dục trong giai đoạn mới, cần nắm vững tình hình công tác giáo dục ở địa phương quyết định và hướng dẫn, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện những chủ trương và biện pháp nhằm phát triển sự nghiệp giáo dục phổ thông (bao gồm cả xoá nạn mù chữ, bồi túc văn hoá, giáo dục phổ thông, mẫu giáo và sư phạm) ở địa phương trong từng thời gian; những chủ trương và biện pháp để kiện toàn hệ thống tổ chức quản lý giáo dục các cấp, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên, xây dựng cơ sở vật chất của các trường học, đẩy mạnh hoạt động của các đoàn thể quần chúng, nhất là của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Công đoàn giáo dục, và công tác xây dựng đảng trong các trường học, phù hợp với đường lối, chủ trương của Đại hội IV và của Trung ương Đảng.

Trong lúc chưa thực hiện cải cách giáo dục toàn diện, cần hết sức quan tâm lãnh đạo phong trào thi đua "hai tốt" theo gương các điển hình tiên tiến, bảo đảm các trường học thấu suốt hơn nữa nguyên lý "học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn với xã hội", phù hợp với từng lứa tuổi và các địa bàn khác nhau.

2. Tiếp tục kiện toàn cơ quan quản lý giáo dục các cấp và chăm lo xây dựng đội ngũ giáo viên

a) Căn cứ vào các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng và Chính phủ, dựa vào sự hướng dẫn của cơ quan giáo dục cấp trên để có chủ trương, biện pháp tiếp tục kiện toàn cơ quan quản lý giáo dục các cấp từ tỉnh, thành phố trở xuống, nhất là các huyện, quận và các trường học theo đúng tinh thần Nghị quyết 225 của Bộ Chính trị¹⁾; cần chỉ đạo chặt chẽ công tác bồi dưỡng, bảo đảm cho đội ngũ cán bộ giáo dục đáp

¹⁾ Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t. 34, tr. 24 (B.T).

ứng ngày càng tốt yêu cầu quản lý sự nghiệp giáo dục trong giai đoạn mới. Ban Tổ chức và Ban Khoa giáo (hoặc Tuyên giáo) các cấp phải phối hợp chặt chẽ để giúp các cấp ủy đảng bố trí tốt đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục.

Cần thành lập Ban cán sự giáo dục ở các Ty và Sở Giáo dục, ở các Phòng Giáo dục huyện, quận để cùng các ban của Đảng giúp cấp ủy lãnh đạo thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng trong công tác giáo dục, làm công tác tổ chức và cán bộ, công tác xây dựng đảng trong các trường học.

Cần lựa chọn một số cán bộ có phẩm chất chính trị, có hiểu biết cần thiết về chuyên môn để xây dựng hoặc kiện toàn các bộ phận làm công tác chính trị, công tác tổ chức và cán bộ ở các Ty, Sở và Phòng Giáo dục. Ở mỗi trường học cũng phải có một cán bộ phụ trách công tác chính trị, công tác tổ chức và cán bộ. Đối với những nơi chưa có thì cấp trên phải có kế hoạch điều chỉnh hoặc tuyển lựa, và tổ chức bồi dưỡng để bổ sung. Nên tuyển một số cán bộ quân đội là đảng viên, có trình độ văn hoá cần thiết hiện đã chuyển ngành, phục viên và một số cán bộ đoàn thanh niên có trình độ văn hoá, để đào tạo, bồi dưỡng và bố trí vào những công tác này.

b) Đi đôi với việc kiện toàn cơ quan quản lý giáo dục các cấp, cần tiếp tục chăm lo xây dựng đội ngũ giáo viên.

Cần nắm chắc và lãnh đạo chặt chẽ các trường sư phạm, bảo đảm các trường đó làm được tốt cả hai nhiệm vụ: bồi dưỡng số giáo viên hiện có và đào tạo giáo viên mới. Trong công tác tuyển sinh vào các trường sư phạm, nhất là ở các địa phương phía Nam, phải chú ý thu hút được ngày càng nhiều những người đã qua chiến đấu và công tác, những người xuất thân từ các gia đình cách mạng và từ nhân dân lao động, có phẩm chất tốt và có trình độ văn hoá khá, để đào tạo thành giáo viên mới. Cần chăm lo công tác chính trị, tư tưởng và đời sống của giáo viên và học sinh.

ở phía Nam, đối với các giáo viên mới giải phóng, cần tiếp tục giáo dục và động viên anh chị em hăng hái phấn đấu rèn luyện để nhanh chóng trở thành những giáo viên xã hội chủ nghĩa. Đối với số giáo viên mới tạm tuyển thì phải tiếp tục tìm hiểu, xem xét để sớm đưa vào biên chế những người có đủ tiêu chuẩn.

3. Tăng cường chỉ đạo hoạt động của các đoàn thể quần chúng trong ngành giáo dục và trong các trường học

Để phát huy quyền làm chủ tập thể của cán bộ quản lý, giáo viên, công nhân viên và học sinh đối với sự nghiệp giáo dục, công tác vận động quần chúng thông qua các đoàn thể, nhất là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Công đoàn giáo dục, có vị trí hết sức quan trọng. Trong sự lãnh đạo, các cấp uỷ đảng vừa phải thông qua hệ thống quản lý giáo dục của Nhà nước, vừa phải dựa vào các đoàn thể quần chúng để đi sâu giáo dục và phát động quần chúng, gây thành phong trào thi đua sôi nổi, liên tục trong việc thực hiện đường lối, chủ trương, kế hoạch của Đảng và Nhà nước.

Cần phát huy vai trò của công đoàn giáo dục trong việc giáo dục chính trị, tư tưởng đối với cán bộ quản lý, giáo viên, công nhân viên, trong việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của anh chị em, và trong phong trào thi đua "hai tốt".

Cần đặc biệt chú ý xây dựng và phát triển Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong giáo viên và học sinh. Ở các trường cấp I và cấp II, phải chú ý xây dựng tổ chức các Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Phải ra sức cải tiến nội dung và phương pháp công tác của Đoàn, Đội cho phù hợp với yêu cầu giảng dạy và học tập ở nhà trường. Các cán bộ đoàn, đội phải kết hợp chặt chẽ với giáo viên để tăng cường giáo dục lý tưởng và đạo đức cộng sản cho thanh niên, thiếu niên học sinh, xây dựng thái độ và phương pháp học tập đúng đắn, tác phong sinh hoạt lành mạnh, tinh thần đoàn kết giúp

đỡ nhau học tập và rèn luyện.

Ở các địa phương phía Nam, cơ sở đảng trong ngành giáo dục và trong các trường học còn rất yếu, đa số giáo viên là những anh chị em mới giải phóng, vừa mới được tuyển dụng. Vì vậy, công tác vận động quần chúng thông qua các đoàn thể càng quan trọng. Trước mắt, các cấp uỷ cần chỉ đạo thành lập hoặc kiện toàn sớm Ban Chấp hành công đoàn giáo dục các cấp, nhanh chóng phát triển công đoàn giáo dục ở các trường học, thu hút số đông cán bộ quản lý, giáo viên, công nhân viên (kể cả những người trước đây là hội viên của Hội Nhà giáo yêu nước) vào tổ chức này để giáo dục và động viên anh chị em đoàn kết phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục. Phải chú ý lựa chọn đào tạo và bồi dưỡng các cán bộ phụ trách đoàn, đội ở các trường học, nhanh chóng xây dựng các chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và phát triển mạnh các Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

4. Chăm lo xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong các trường học

Để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp giáo dục trong giai đoạn mới, các cấp uỷ đảng phải thường xuyên chăm lo xây dựng các tổ chức cơ sở đảng ở các trường học. Các Ban Tổ chức, Khoa giáo (hoặc Tuyên giáo) các cấp phải phối hợp chặt chẽ để giúp cấp ủy tăng cường chỉ đạo công tác này.

Cần sắp xếp lại tổ chức cơ sở đảng cho phù hợp với hệ thống giáo dục trong giai đoạn mới. Trong các trường học có đủ số lượng đảng viên như Điều lệ Đảng quy định thì được thành lập mỗi nơi một chi bộ hoặc đảng bộ cơ sở. Ở các xã có đồng đảng viên thì tổ chức chi bộ chung cho các trường cấp I, cấp II kể cả các đảng viên chuyên trách công tác bồi túc văn hoá; và chi bộ

của các lớp mẫu giáo trong xã (trường hợp ở mẫu giáo chưa đủ điều kiện thành lập một chi bộ riêng thì đảng viên ở đây tạm sinh hoạt ghép với chi bộ trường phổ thông).

Đối với các trường học đã có chi bộ, đảng bộ cơ sở, các cấp uỷ cần hướng dẫn nội dung nhiệm vụ chính trị hàng năm, giúp các tổ chức cơ sở đảng nắm vững và có kế hoạch tổ chức thực hiện ở từng đơn vị. Đồng thời, cần chỉ đạo kiện toàn các Ban Chấp hành, lựa chọn và bố trí đội ngũ bí thư bảo đảm tiêu chuẩn; có kế hoạch mở lớp bồi dưỡng cho các cán bộ làm công tác đảng và các đảng viên về đường lối, chủ trương của Đảng, về công tác xây dựng đảng và công tác vận động quần chúng trong trường học.

Các chi bộ, đảng bộ trường học phải căn cứ vào quy định của Điều lệ Đảng và sự chỉ đạo của cấp trên để xác định rõ nhiệm vụ, chế độ công tác, sinh hoạt, học tập, và có kế hoạch tổ chức thực hiện các mặt công tác đó đi dần vào nền nếp. Phải chú ý cải tiến và nâng cao chất lượng sinh hoạt của các đảng uỷ và chi bộ, bảo đảm cho sinh hoạt Đảng có nội dung chính trị, có tác dụng thiết thực giáo dục cán bộ, đảng viên và thúc đẩy hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác giáo dục trong từng thời gian.

Các chi bộ, đảng bộ phải bàn biện pháp tăng cường giáo dục, quản lý, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Từng chi bộ, tổ đảng phải có kế hoạch phân công, hướng dẫn và kiểm tra công tác của từng đảng viên một cách cụ thể và chặt chẽ nhằm phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên trong quần chúng, thu hẹp diện đảng viên "trung bình", ngăn ngừa những biểu hiện quan liêu độc đoán, thoái hóa biến chất.

Các cấp uỷ và các chi bộ phải thường xuyên quan tâm chỉ đạo làm tốt công tác phát triển Đảng, nhất là đối với những nơi chưa có hoặc có quá ít đảng viên (như ở miền núi và các

địa phương phía Nam). Phát triển Đảng phải bảo đảm đúng tiêu chuẩn, đúng thủ tục như Điều lệ Đảng quy định. Phải tránh khuynh hướng hẹp hòi, đồng thời hết sức cảnh giác đề phòng những phần tử cơ hội, phản động tìm cách chui vào Đảng. Phải biết kết hợp chặt chẽ giữa việc phát động phong trào quần chúng, kiện toàn Ban Chấp hành các đoàn thể, kiện toàn cơ quan quản lý giáo dục với việc tuyên truyền, lựa chọn, bồi dưỡng những người ưu tú nhất, có đủ tiêu chuẩn đảng viên trong giáo viên, nhân viên, và trong học sinh (ở các trường sư phạm) để kết nạp họ vào Đảng. Ở các trường học trong vùng mới giải phóng phải nhằm phát triển vào những giáo viên, cán bộ, nhân viên ưu tú là những người đã được rèn luyện thử thách trong đấu tranh cách mạng ở miền Nam hoặc những người đã được rèn luyện giáo dục ở miền Bắc, và hiện nay đang phát huy vai trò tích cực trong công tác, được quần chúng tín nhiệm.

Các địa phương cần có kế hoạch kết hợp việc điều chỉnh phân bổ lại lực lượng đảng viên hiện có với việc phát triển đảng viên mới, phấn đấu để đến năm 1980 tất cả các trường phổ thông đều có chi bộ hoặc có đảng viên.

5. Phát động quần chúng nhân dân tham gia xây dựng giáo dục

Công tác giáo dục là sự nghiệp cách mạng của quần chúng, vì lợi ích của quần chúng và phải được đồng đảo quần chúng tham gia xây dựng. Vì vậy, trong việc lãnh đạo thực hiện đường lối, chủ trương giáo dục của Đảng, đặc biệt là trong công tác xoá nạn mù chữ và bồi túc văn hoá, trong việc xây dựng cơ sở vật chất của các trường học, trong việc phối hợp với nhà trường để giáo dục con em học sinh, trong việc chăm

lo đời sống vật chất và tinh thần của giáo viên, các cấp uỷ cần có kế hoạch để phát động quần chúng nhân dân tham gia một cách tự giác và ngày càng rộng rãi.

*

* *

Nhận được Chỉ thị này, các tỉnh uỷ, thành uỷ cần nghiên cứu kỹ và bàn kế hoạch thực hiện.

T/M Ban Bí thư

Tổ hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 21-TT/TW, ngày 10 tháng 8 năm 1977

**Về việc các tỉnh phía Nam tham quan
nông nghiệp ở các tỉnh phía Bắc**

Vừa qua, một số tỉnh phía Nam đã cử các đoàn cán bộ ra tham quan, học tập kinh nghiệm về cải tạo xã hội chủ nghĩa và phát triển nông nghiệp ở các tỉnh phía Bắc cũng đã thu được một số kinh nghiệm bổ ích.

Từ nay trở đi, mỗi tỉnh cử cán bộ ra tham quan học tập kinh nghiệm cải tạo xã hội chủ nghĩa và phát triển nông nghiệp ở miền Bắc cần định rõ mục đích, yêu cầu, thời gian, và lựa chọn cán bộ đi cho phù hợp với mục đích, yêu cầu.

Nếu tham gia học tập kinh nghiệm để vận dụng vào việc lãnh đạo, chỉ đạo của địa phương thì cử những đồng chí lãnh đạo chủ chốt của tỉnh và huyện đi là chủ yếu. Tham quan học tập kinh nghiệm về tổ chức quản lý nghiệp vụ, kỹ thuật thì phải cử cán bộ nghiệp vụ, kỹ thuật là chủ yếu. Tham quan học tập kinh nghiệm để về trực tiếp xây dựng hợp tác xã thí điểm, thì lựa chọn những cán bộ xã có năng lực vận động quần chúng và có khả năng tiếp thu kinh nghiệm tổ chức quản lý hợp tác xã. Để tiện cho việc nghiên cứu học tập kinh

nghiệm cũng như việc tổ chức ăn, ở, đi lại của đoàn, số người trong đoàn không nên ít quá, cũng không nên quá đông.

Về thời gian đi tham quan thì tùy theo yêu cầu và nội dung học tập của từng đoàn mà bố trí cho sát. Đối với những cán bộ cơ sở đi tham quan học tập để về làm thí điểm hợp tác xã thì cần bố trí xuống các hợp tác xã tiên tiến ở các tỉnh phía Bắc học tập thực sự khoảng một vụ sản xuất.

Địa điểm tham quan học tập của các đoàn phải là những hợp tác xã và những huyện có kinh nghiệm tốt về phát triển sản xuất, đã qua tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý nông nghiệp theo Chỉ thị 208 của Ban Bí thư¹⁾ và Nghị quyết 61 của Hội đồng Chính phủ.

Những địa phương phía Bắc được đón những đoàn đến tham quan có trách nhiệm giới thiệu kinh nghiệm của địa phương trong việc lãnh đạo sản xuất và vận dụng các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương vào địa phương mình, đồng thời giúp các đoàn tham quan hoàn thành tốt chương trình.

Các tỉnh phía Nam có thể trực tiếp bàn bạc với các tỉnh phía Bắc để tổ chức việc tham quan, đồng thời liên hệ với Ban Nông nghiệp Trung ương hoặc Bộ Nông nghiệp để có sự hướng dẫn, giúp đỡ.

Về thủ tục đi lại và chế độ chi tiêu thì theo quy định chung do Uỷ ban nhân dân tỉnh thực hiện và quản lý.

T/L Ban Bí thư
phó văn phòng
Minh Châu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

¹⁾ Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.35, tr.132 (B.T).

Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định những vấn đề quan trọng về phương hướng, nhiệm vụ và biện pháp để phát triển nông nghiệp. Hội nghị đã xác định: trong những năm trước mắt, phát triển nông nghiệp gắn liền với phát triển ngư nghiệp và lâm nghiệp là *nhiệm vụ hàng đầu* trên mặt trận kinh tế.

Để thi hành Nghị quyết của Trung ương một cách nghiêm chỉnh, tạo được chuyển biến mạnh mẽ, có hiệu quả thực sự trên mặt trận nông nghiệp, *tất cả các cấp, các ngành phải đặt phục vụ nông nghiệp là nhiệm vụ quan trọng bậc nhất*

**Chỉ thị
của Ban Bí thư**

Số 13-CT/TW, ngày 15 tháng 8 năm 1977

**Hướng dẫn thi hành Nghị quyết của Trung ương về
nông nghiệp**

trong chương trình hành động của mình trong thời gian trước mắt. Phải làm tốt những việc sau đây:

1. Các tỉnh uỷ, thành uỷ họp mở rộng, có các Bí thư và Chủ tịch huyện dự để thảo luận Nghị quyết và bàn kế hoạch thi hành.

Đồng chí Bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ đã dự Hội nghị Trung ương có nhiệm vụ truyền đạt những nội dung chính của Nghị quyết. Ban Thường vụ tỉnh uỷ cùng Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành căn cứ vào nội dung Nghị quyết của Trung ương mà chuẩn bị kế hoạch thi hành phù hợp với tình hình địa phương; soát lại các nhiệm vụ và biện pháp phát triển nông - lâm - ngư nghiệp của địa phương đã được quyết định ở Đại hội vòng 2. Sau đó, các tỉnh uỷ, thành uỷ phải bàn và quyết định những vấn đề cụ thể về nhiệm vụ, chủ trương, biện pháp thi hành Nghị quyết của Trung ương về nông nghiệp với tinh thần rất tích cực và vững chắc, có tính toán cụ thể, và có kế hoạch hướng dẫn các huyện, các ngành, các cơ sở thực hiện nghị quyết của tỉnh uỷ, thành uỷ, tìm mọi cách phát huy triệt để những điều kiện và khả năng thực tế của địa phương. Các đồng chí trong Ban Thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ phân công phụ trách chỉ đạo những vùng trọng điểm về nông nghiệp ở địa phương. Phải tổ chức nắm tình hình thi hành Nghị quyết ở các huyện và cơ sở một cách nhanh chóng và chính xác, giải quyết kịp thời các đề nghị cụ thể của các huyện.

Hàng tháng các tỉnh uỷ, thành uỷ báo cáo với Ban Bí thư những việc đã làm và kết quả thi hành Nghị quyết Trung ương. 2. *ở các ngành trung ương*, các đồng chí Trưởng ban, Bộ trưởng, Tổng cục trưởng và Bí thư Đảng đoàn, Bí thư Ban Cán sự có nhiệm vụ chuẩn bị kế hoạch, rồi họp các cán bộ chủ chốt các cục, vụ, viện để thảo luận và bàn kế hoạch toàn ngành thi hành Nghị quyết của Trung ương.

Từng ban, bộ, tổng cục, đoàn thể nhân dân phải soát lại những công việc cụ thể để phục vụ nông nghiệp đã đề ra, trong kế hoạch năm 1977 và kế hoạch 5 năm của ngành, và quyết định những chủ trương, biện pháp cụ thể để thi hành Nghị quyết Trung ương sát hợp với chức năng và điều kiện của ngành, xây dựng thành một chương trình hành động cụ thể từng năm từ nay đến năm 1980. Kế hoạch phải nêu rõ những việc làm thiết thực của ngành ở cơ quan trung ương, ở các tỉnh, thành, ở huyện và cơ sở. Các đồng chí lãnh đạo ngành phải phân công phụ trách chỉ đạo, kiểm tra những công tác mấu chốt của ngành để phục vụ nông nghiệp, hoặc công tác của ngành ở các vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp.

Trong tháng 8-1977, các bộ, ban, đoàn thể ở trung ương phải báo cáo với Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ kế hoạch của ngành thi hành Nghị quyết Trung ương; Bộ Nông nghiệp và Ban Nông nghiệp Trung ương có nhiệm vụ theo dõi, tổng hợp các kế hoạch đó. Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ sẽ nghe báo cáo về kế hoạch thi hành Nghị quyết của một số tỉnh, thành và một số ngành trung ương.

Các ban của Đảng có trách nhiệm giúp Ban Bí thư kiểm tra các ngành trong việc thi hành Nghị quyết, hàng tháng báo cáo với Ban Bí thư và đề nghị những vấn đề cần giải quyết.

3. *Tuyên truyền, giáo dục sâu rộng về Nghị quyết Hội nghị Trung ương*, làm cho toàn thể cán bộ, đảng viên và quần chúng từ các cơ quan trung ương đến cơ sở hiểu rõ nội dung chính của Nghị quyết, nâng cao ý thức trách nhiệm của mình

đối với một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu hiện nay của toàn Đảng, toàn dân.

Cần nắm vững: đây không phải là một đợt học tập hoặc sinh hoạt chính trị, mà là thảo luận để *nắm được Nghị quyết và tổ chức thi hành Nghị quyết*.

ở cơ quan lãnh đạo cũng như chi bộ đảng, thảo luận Nghị quyết Trung ương phải đi liền với bàn bạc và quyết định kế hoạch thi hành Nghị quyết, định chương trình hành động cụ thể, thiết thực của từng cơ quan, đơn vị.

Khi nghiên cứu, thảo luận Nghị quyết của Trung ương, phải nắm cho được những quan điểm cơ bản của Đảng đối với vấn đề phát triển nông nghiệp ở nước ta trước mắt và lâu dài, từ đó mà hiểu rõ các chủ trương, chính sách, biện pháp và tổ chức thực hiện một cách đúng đắn, sáng tạo, thích hợp với điều kiện và khả năng thực tế của ngành, của địa phương.

Ban Tuyên huấn Trung ương có kế hoạch hướng dẫn cho các cơ quan thông tin tuyên truyền, các báo và các trường Đảng; có đề cương hướng dẫn cơ sở nghiên cứu Nghị quyết Trung ương.

4. Các cấp ủy đảng, nhất là các *huyện ủy và đảng bộ cơ sở*, phải thông qua việc tổ chức thi hành Nghị quyết của Trung ương lần này mà nâng cao thêm một bước công tác giáo dục đảng viên, kiểm tra chất lượng đảng viên, củng cố chi bộ đảng. Việc giải quyết những khó khăn trước mắt về sản xuất

và đời sống, chấp hành những chủ trương, chính sách quan trọng của Đảng và Nhà nước về phát triển sản xuất nông nghiệp, tổ chức lại sản xuất trong nông nghiệp và cải tạo nông nghiệp ở miền Nam, làm nghĩa vụ đối với Nhà nước, xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa, v.v. là cuộc đấu tranh phức tạp về tư tưởng và tổ chức, là thử thách đối với mỗi cán bộ, đảng viên, đối với các chi bộ đảng và các đoàn thể quần chúng. Phải qua những việc làm thực tế để thi hành Nghị quyết Trung ương mà phát hiện những quần chúng tốt, những cán bộ gương mẫu và có năng lực, đồng thời nghiêm khắc phê bình và xử trí những cán bộ, đảng viên vô trách nhiệm, làm trái đường lối, chính sách của Đảng, thiếu ý thức tổ chức và kỷ luật.

Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Ban Tuyên huấn Trung ương hướng dẫn các cấp về công tác xây dựng đảng thông qua việc thi hành Nghị quyết của Trung ương về nông nghiệp.

Chỉ thị này được phổ biến đến chi bộ đảng.

T/M Ban Bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Tăng cường chỉ đạo việc đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng ta, trong phần nói về xây dựng đảng đã ghi: "... Kiên quyết và kịp thời loại ra khỏi Đảng những phần tử thoái hoá, biến chất và những người không đủ tư cách đảng viên...".

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 22-TT/TW, ngày 5 tháng 9 năm 1977

Để nghiêm chỉnh thi hành Nghị quyết của Đại hội, Ban Bí thư yêu cầu các đảng bộ trong toàn quốc *tăng cường chỉ đạo việc nâng cao chất lượng đảng viên về mọi mặt và củng cố các tổ chức cơ sở của Đảng đồng thời kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên theo tinh thần Chỉ thị 192 của Ban Bí thư¹⁾.*

Cần phải làm tốt những việc sau đây:

1. Về mục đích, yêu cầu và những tiêu chuẩn để xem xét, xử trí đối với những người không đủ tư cách đảng viên, vẫn căn cứ vào Chỉ thị 192 ngày 14-4-1970¹⁾, Chỉ thị 236 ngày 18-9-1976, Chỉ thị 237 ngày 24-9-1976 của Ban Bí thư²⁾ và các bản hướng dẫn của Uỷ ban Kiểm tra và Ban Tổ chức Trung ương.

Đối với những đảng viên có vấn đề về chính trị, ở các tỉnh phía Bắc phải giải quyết gọn trong năm 1977 những trường hợp còn để lại khi thi hành Chỉ thị 192. Ở các tỉnh phía Nam, các cấp uỷ cần chỉ đạo chặt chẽ công tác này để làm cho xong trong năm 1979.

Đối với những trường hợp *thoái hóa, biến chất*, cần phối hợp sự kiểm tra của Đảng với sự kiểm tra của các cơ quan nhà nước và các tổ chức quần chúng, để kết luận cho chính xác. Sau khi xem xét một cách toàn diện những trường hợp đó, nếu thấy những người được xem xét thật không còn phẩm chất đảng viên thì kiên quyết đưa ngay ra khỏi Đảng.

Đối với những đảng viên *trình độ giác ngộ chính trị quá thấp*, những đảng viên "trung bình", thực chất là kém, không

¹⁾ Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.32, tr.436 (B.T).

¹⁾ Theo *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t.32, tr.436, thì Chỉ thị này ghi ngày 26-10-1971 (B.T).

²⁾ Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.37, tr.299 (B.T).

đủ tư cách đảng viên, thì cần cố gắng giáo dục, giúp đỡ trong thời gian từ nay đến giữa năm 1978 cho họ trở thành những đảng viên tốt. Nếu tổ chức đảng đã tận tình giúp đỡ mà những người đó không có tiến bộ rõ, thì khuyên họ tự giác xin ra khỏi Đảng, hoặc chi bộ quyết định xoá tên họ trong danh sách đảng viên.

Đối với những đảng viên kém này, ở các tỉnh phía Bắc, những nơi phong trào khá, tổ chức đảng đã tiến hành có nền nếp các biện pháp giáo dục, giúp đỡ đảng viên, thì có thể giải quyết sớm hơn những nơi khác. Ở vùng mới giải phóng, vùng núi cao, đảng viên còn ít được học tập và giúp đỡ trong công tác, thì có thể giải quyết chậm hơn, do tinh uỷ, thành ủy quyết định về thời gian và biện pháp.

2. Nâng cao chất lượng đảng viên, đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng là một công tác quan trọng và cấp thiết để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ cách mạng. Vì vậy, phải xuất phát từ mục tiêu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ IV, Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương và các nghị quyết khác của Đảng và Chính phủ, qua việc vận động đầy mạnh lao động sản xuất và tiết kiệm, thực hiện kế hoạch nhà nước, qua các cuộc vận động quần chúng tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý trong nông nghiệp, hợp tác hoá nông nghiệp và cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Nam mà rèn luyện, giáo dục đảng viên, kiên quyết đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, làm cho Đảng thật sự trong sạch và vững mạnh. Các cấp uỷ đảng phải chỉ đạo chặt chẽ việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, gắn liền với việc củng cố các chi bộ và các tổ chức cơ sở đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng, nhất là gắn với phong trào quần chúng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa trên mọi mặt ở từng đơn vị sản xuất và công tác. Song song với công tác nội

bộ, phải giáo dục vận động quần chúng tích cực tham gia xây dựng đảng, giám sát, phê bình đảng viên.

Trước khi kết luận các trường hợp cần đưa ra khỏi Đảng, phải điều tra nghiên cứu kỹ tình hình, thẩm tra xác minh chu đáo, cân nhắc các mặt theo đúng chính sách xử trí đã có. Tuyệt đối không được thành kiến, thậm chí trù dập những người ngay thẳng, hăng hái đấu tranh bảo vệ đường lối chính sách của Đảng, cũng không được cảm tình bao che người xấu để những người không đủ tư cách đảng viên ở lại trong Đảng.

3. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, các huyện uỷ, thị uỷ và tương đương phải hướng dẫn, giúp đỡ các đảng bộ cơ sở:

- *Danh giá đúng chất lượng của các đảng uỷ, chi uỷ ở tổ chức cơ sở* của Đảng, nhất là xem xét các *cán bộ chủ chốt* có đủ phẩm chất và năng lực hay không? Nếu xét còn yếu, kém về phẩm chất hoặc năng lực, thì có biện pháp tích cực để chấn chỉnh, kiện toàn ngay. Kiên quyết đưa ra khỏi đảng uỷ, chi uỷ những người kém phẩm chất và năng lực, có ảnh hưởng xấu đến chất lượng của đảng bộ.

- *Giáo dục cho toàn thể đảng viên và đồng đảo quần chúng* hiểu rõ nội dung Nghị quyết Đại hội lần thứ IV, Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Trung ương và những vấn đề về tư cách và nhiệm vụ đảng viên, về chính sách xử trí đối với những người không đủ tư cách đảng viên. Đồng thời xây dựng kế hoạch giáo dục đảng viên một cách toàn diện về lý luận chủ nghĩa Mác - Lê nin và đường lối, chính sách của Đảng, về quản lý kinh tế, về văn hoá và khoa học kỹ thuật.

- Làm tốt việc *phân công đảng viên*, để mỗi đảng viên có công tác hợp với trình độ, khả năng, hoàn cảnh của từng người. Sau khi đã phân công, cần thường xuyên kiểm tra, giúp đỡ từng đảng viên giải quyết khó khăn trong công tác và trong đời sống.

- Nâng cao chất lượng *sinh hoạt chi bộ* và tiến hành chặt chẽ *chế độ quản lý đảng viên*. Các chi bộ, đảng bộ cơ sở phải thực hiện nghiêm chỉnh chế độ tự phê bình và phê bình ba tháng

một lần. Sau mỗi đợt công tác, cần kịp thời biểu dương những đảng viên xuất sắc, thi hành kỷ luật cần thiết đối với những đảng viên phạm khuyết điểm nặng.

4. Các tỉnh uỷ, thành uỷ cần phân công một số cấp uỷ viên đi sát kiểm tra, giúp đỡ các huyện, thị, các đảng bộ trực thuộc chỉ đạo công tác này. Kiện toàn các Ban Tổ chức, Kiểm tra, Tuyên huấn ở huyện, thị để giúp cấp uỷ hướng dẫn, kiểm tra cơ sở thực hiện nhiệm vụ chính trị và củng cố tổ chức, đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương, theo chức năng của từng Ban, có nhiệm vụ giúp Ban Bí thư chỉ đạo việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng ở các cấp, các ngành. Ba ban nói trên phải phối hợp với nhau để hướng dẫn cụ thể, theo dõi chặt chẽ việc tiến hành công tác này ở các địa phương, các ngành và thường xuyên báo cáo với Ban Bí thư.

T/m ban bí thư

Nguyễn duy trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Chỉ thị
của Ban Bí thư**

Số 18-CT/TW, ngày 6 tháng 9 năm 1977

Về công tác lương thực trước mắt ở miền Nam

Năm nay, tuy thời tiết không thuận, sản xuất lương thực có khó khăn nhưng với diện tích, năng suất, sản lượng đã đạt được qua vụ mùa năm 1976, vụ đông - xuân 1976-1977 và vụ xuân - hè năm 1977, lương thực dự trữ trong nông dân ở nhiều vùng tương đối khá. Trong mấy tháng qua, việc thu mua lương thực của Nhà nước đạt kết quả thấp, tồn kho lương thực ở thành phố Hồ Chí Minh rất mỏng, giá lương thực ở "thị trường tự do" lên quá cao. Nguyên nhân chính của tình hình không bình thường ấy là do chưa tổ chức thực hiện tốt chủ trương mua, bán theo hợp đồng hai chiều với nông dân; việc quản lý vật tư, hàng hoá để thực hiện mua, bán hai chiều thiếu chặt chẽ; các địa phương chưa làm tốt công tác giáo dục chính trị; một số không ít cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu, không phát động được quần chúng hăng hái bán thóc cho Nhà nước; công tác quản lý lưu thông, phân phối lương thực có nhiều nhược điểm. Việc phân phối hàng tiêu dùng thiết yếu chưa đến tận tay người tiêu dùng theo tiêu chuẩn và chất lượng các loại hàng do trên quy định, có tình trạng phân phối không công bằng. Chính vì vậy mà trong nhu cầu bức thiết về sản xuất và đời sống, có nơi nông dân

phải mua ở thị trường "tự do" với giá rất cao, bọn đầu cơ trực lợi có cơ hội xen vào làm rối thị trường nông thôn, làm cho việc quản lý của Nhà nước thêm khó khăn. Đã có những xã làm tốt việc phân phối cho nên nông dân phấn khởi sản xuất và tín nhiệm đảng bộ và chính quyền cơ sở.

Lương thực (bao gồm thóc gạo và hoa màu) đang là vấn đề rất lớn và cấp bách; toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phải ra sức phấn đấu làm tốt từ khâu sản xuất đến các khâu thu mua, phân phối, tiêu dùng, để sớm giải quyết được nhu cầu lương thực của xã hội như Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Trung ương đã đề ra.

Phải luôn luôn nắm vững khâu cơ bản là *phát triển sản xuất lương thực một cách toàn diện gồm cả lúa và màu* thì mới có cơ sở để giải quyết tốt vấn đề lương thực.

Để đẩy mạnh công tác thu mua và quản lý lương thực đáp ứng được yêu cầu của Nhà nước, phải làm tốt mấy biện pháp chính sau đây:

1. Các tỉnh, huyện phải nắm được tình hình lương thực ở từng xã, ấp để có kế hoạch thu mua lương thực, hướng dẫn sản xuất và tiết kiệm lương thực sát hợp với từng nơi. Các cán bộ, nhân viên nhà nước, các đoàn thể, các lực lượng bộ đội và công an phải nghiêm chỉnh chấp hành chính sách lương thực của Nhà nước, không được giữ lại hoặc mua bán hoặc chuyên chở lương thực trái phép. Uỷ ban nhân dân mỗi cấp, ngành lương thực và từng ngành có trách nhiệm kiểm tra chặt chẽ việc phân phối và tiêu dùng lương thực trong khu vực nhà nước.

2. Làm thật tốt công tác giáo dục cán bộ, đảng viên nhất là cán bộ cơ sở ở nông thôn, phát huy tinh thần gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là của cán bộ chủ chốt, trong việc thực hiện chính sách lương thực. Qua phát động quần chúng làm nghĩa vụ lương thực mà rèn luyện, giáo dục đảng viên, cán bộ và kiện toàn tổ chức đảng, chính quyền và các đoàn thể ở cơ sở.

Giáo dục nông dân về trách nhiệm chung đối với cả nước, phát huy tinh thần làm chủ đất nước, hăng hái bán lương thực cho Nhà nước và có ý thức tiết kiệm lương thực. Cần làm cho nông dân thấy rõ nếu Nhà nước không có lương thực thì không thể phát triển kinh tế, phát triển văn hoá, giáo dục để làm cho nước mạnh, dân giàu. Phải kiên trì thuyết phục, giáo dục nông dân đầy mạnh sản xuất và tiết kiệm lương thực; tích cực vận động quần chúng chăn nuôi bằng hoa màu và bài trừ nạn nấu rượu lậu. Mặt khác phải vạch trần những âm mưu và thủ đoạn của bọn đầu cơ trực lợi và phải có cách xử lý thích đáng.

Các đoàn thể Nông dân, Phụ nữ, Thanh niên, Công đoàn phải tích cực tham gia vận động và làm nòng cốt trong phong trào lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội với ba nội dung chủ yếu: chuyển biến mạnh mẽ về sản xuất và thu mua lương thực; thực hiện toàn diện kế hoạch nhà nước 1977; triển khai ra cả nước việc thi hành Nghị quyết 228 (ngày 12 tháng 1 năm 1974) của Bộ Chính trị¹⁾.

3. Đối với việc thu đầy đủ thuế nông nghiệp bằng sản phẩm, phải thực hiện chu đáo việc hợp đồng kinh tế giữa Nhà nước với nông dân. Trước mỗi đầu vụ, Nhà nước bảo đảm cung ứng phân bón, xăng dầu, thuốc trừ sâu, một số máy và nông cụ, một số hàng tiêu dùng thiết yếu, nông dân bảo đảm bán nông sản cho Nhà nước trước hết là lương thực (ngoài thuế nông nghiệp là nghĩa vụ phải đóng góp) theo giá Nhà nước đã quy định. Việc ký hợp đồng phải được bàn bạc dân chủ; dưới sự lãnh đạo của Đảng, phải phát huy tinh thần làm chủ tập thể của nông dân, nêu cao tinh thần Nhà nước và nông dân cùng ra sức phát triển sản xuất, xây dựng đất

¹⁾ Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.35, tr.1 (B.T).

nước. Cấp huyện chỉ đạo chính quyền xã ký hợp đồng kinh tế với hợp tác xã, với tập đoàn sản xuất, với tổ đoàn kết tương trợ và cả với nông dân cá thể. Qua từng vụ, cần rút kinh nghiệm để việc ký hợp đồng giữa Nhà nước và nông dân ngày càng có cơ sở vững chắc và đạt kết quả tốt hơn. Việc phân phối tư liệu sản xuất và một số hàng tiêu dùng thiết yếu còn nhiều khuyết điểm, làm ảnh hưởng không tốt đến *thời vụ sản xuất* và chưa làm cho nông dân thật sự yên tâm sản xuất. Các ngành có liên quan ở trung ương, như Bộ Vật tư, Bộ Nội thương, Bộ Nông nghiệp, Bộ Lương thực và thực phẩm, Bộ Tài chính, Ngân hàng, cần phối hợp với nhau tốt hơn nữa, tạo thuận lợi để tỉnh và huyện giải quyết tốt việc hợp đồng với nông dân. Từ nay, các cơ quan có trách nhiệm ở trung ương phải đưa hàng về tinh kịp thời vụ. Tỉnh và huyện lên kế hoạch, phân phối cụ thể tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng cho sát với nhu cầu của mỗi xã hoặc ấp, cử cán bộ có năng lực về hướng dẫn xã, ấp tiến hành việc phân phối, kiểm tra việc phân phối, bảo đảm đến tận tay nông dân. Khi phân phối hàng tiêu dùng, cần chú ý trước hết những người đã làm xong thuế nông nghiệp và bán lương thực cho Nhà nước; cũng cần tính toán bán thêm một ít hàng cho những người bán vượt kế hoạch đã định.

Vấn đề giá đang được xem xét và sẽ do Bộ Chính trị quyết định. Trong khi chưa có quyết định mới của Bộ Chính trị, phải ra sức giáo dục chính trị và tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng làm tốt công tác hợp đồng, phân phối tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng đến tận tay nhân dân, phát động nông dân cùng với Nhà nước giải quyết khó khăn, đẩy mạnh sản xuất và tiếp tục góp phần tích cực vào sự nghiệp cách mạng chung, chắc chắn chúng ta sẽ làm chuyển biến tình hình tốt hơn và công tác lương thực có điều kiện làm tốt hơn.

4. Nhà nước phải nắm vững việc thống nhất quản lý lương thực. Phải bảo đảm cung ứng lương thực cho thành phố Hồ Chí Minh một cách ổn định và có dự trữ. Căn cứ vào diễn

biến của tình hình sản xuất và yêu cầu quản lý kinh tế mà định ra những biện pháp *quản lý thị trường một cách thích hợp*; cho phép lưu thông thóc gạo trong nhân dân các địa phương với mức độ nhất định và có giấy phép, đồng thời ngăn ngừa cho được bọn buôn lậu đầu cơ trực lợi. Hiện nay, ta còn duy trì hàng xay hàng xáo, nhưng phải có đăng ký, có kiểm tra và hướng dẫn của chính quyền địa phương. Tổ chức việc kiểm soát theo đúng pháp luật trên đường bộ và đường thuỷ, nhất là đường thuỷ ở một số tỉnh, huyện giáp biển. Hải quân có trách nhiệm kiểm soát trên biển để vừa đối phó với bọn đầu cơ buôn lậu, vừa đối phó với bọn trốn ra nước ngoài.

Nhận được Chỉ thị này, các cấp uỷ và chính quyền tỉnh và thành phố phía Nam đặt kế hoạch cụ thể, tập trung cán bộ bảo đảm thu hoạch và làm công tác lương thực vụ hè - thu cho có kết quả tốt, bảo đảm vụ mùa đạt và vượt kế hoạch đã đề ra.

Quân uỷ Trung ương có chỉ thị hướng dẫn thực hiện tốt công tác này trong các lực lượng vũ trang.

T/m ban bí thư

Nguyễn duy trình

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Nghị quyết

của Bộ chính trị

Số 04-NQ/TW, ngày 12 tháng 9 năm 1977

Về việc thành lập Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập Đảng ta và Mặt trận Dân tộc thống nhất, sáng lập lực lượng vũ trang nhân dân và Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà,

Nhà nước là lãnh tụ vô cùng kính yêu của giai cấp công nhân và nhân dân ta, của toàn thể dân tộc Việt Nam,

Nhà nước là chiến sĩ kiên cường của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế,

Nhà nước đã suốt đời phấn đấu cho sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc và giải phóng loài người, vì độc lập tự

do, vì chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Để tỏ lòng biết ơn và đời đời ghi nhớ công lao to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, để ra sức học tập tư tưởng, đạo đức và tác phong của Người, quyết tâm thực hiện *Di chúc* của Người, đào tạo con người mới, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau, kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Người,

Thê theo nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta,

Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định:

1. Thành lập Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Hội đồng Chính phủ.
2. Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh là cơ quan có chức năng nghiên cứu và giáo dục thông qua những di tích, những tài liệu và hiện vật có quan hệ với cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh có nhiệm vụ:

- a) Tiến hành những công tác cụ thể của Bảo tàng về nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, bảo quản, trưng bày và giới thiệu

ngày càng đầy đủ toàn bộ cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh qua từng giai đoạn lịch sử.

b) Tổ chức hướng dẫn cán bộ và nhân dân đến nghiên cứu và học tập, hướng dẫn khách nước ngoài đến thăm.

c) Quy hoạch hệ thống các chi nhánh của Viện Bảo tàng và các nơi lưu niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chỉ đạo và hướng dẫn về xây dựng, về nghiệp vụ cho các nơi đó.

3. Ban phụ trách xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh có trách nhiệm cùng với Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu những quy định cụ thể về nhiệm vụ và tổ chức của Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh.

Bộ Xây dựng có trách nhiệm cùng với Ban phụ trách xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh xây dựng đề án về nhiệm vụ thiết kế để trình Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ xét duyệt.

4. Các ban, các ngành, các tổ chức đảng trực thuộc Trung ương, các cấp ủy địa phương có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này trong chức năng của mình.

T/m Bộ Chính trị

Lê Duẩn

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Về việc tiếp tục thi hành Nghị quyết 228
của Bộ Chính trị**

Tháng 1-1974, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết 228, chủ trương phát động phong trào quần chúng đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực trong đời sống kinh tế, xã hội đồng thời chủ trương tăng cường các biện pháp quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Nghị quyết đó đã được phổ biến đến cơ sở; các ngành, các cấp đã triển khai thực hiện khá rộng trên miền Bắc và

**Chỉ thị
của Ban Bí thư**

Số 20-CT/TW, ngày 24 tháng 9 năm 1977

đạt được một số kết quả bước đầu. Mật hạn chế đáng chú ý là qua thực hiện nghị quyết chưa đạt được tiến bộ rõ rệt trong quản lý kinh tế và quản lý xã hội; các vụ vi phạm dính đến cán bộ có chức có quyền thường không được xử lý đến nơi đến chốn làm ảnh hưởng đến việc duy trì và phát triển phong trào quần chúng. Từ sau khi miền Nam được giải phóng, có nhiều công việc mới và khẩn trương hơn, việc chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 228 bị buông lơi. Một số kết quả đạt được trong thời gian đầu thực hiện Nghị quyết 228 ở miền Bắc không được tiếp tục phát huy. Hiện nay, kể cả ở miền Nam và miền Bắc, tệ lấy cấp tài sản nhà nước, hối lộ, làm việc trái phép và những biểu hiện tiêu cực khác ở trong cơ quan nhà nước và ngoài xã hội đang có chiều phát triển và có những mặt nghiêm trọng. Công tác quản lý, phân phối vật tư, hàng hoá vẫn có nhiều sơ hở, chế độ thuế lệ đã có vẫn chưa được thực hiện nghiêm chỉnh, những chế độ thuế lệ không còn phù hợp vẫn chậm được sửa đổi. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 228 và mở rộng việc thực hiện Nghị quyết đó trong cả nước là yêu cầu cấp thiết; đó là cuộc đấu tranh trong nội bộ nhân dân để tăng cường quản lý kinh tế, quản lý xã hội, xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, đồng thời là cuộc đấu tranh gay go giữa nhân dân ta với bọn phá hoại chủ nghĩa xã hội, bọn lưu manh, côn đồ.

Tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, tăng cường quản lý kinh tế, quản lý xã hội, chống các biểu hiện tiêu cực trong đời sống kinh tế và xã hội, là một bộ phận nội dung quan trọng của vấn đề tăng cường chuyên chính vô sản. Phải đạt tới kết quả là quản lý kinh tế, quản lý xã hội ngày càng đi vào nền nếp, đời sống ở thành phố và nông thôn lành mạnh, tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng được củng cố, nhân dân lao động thật sự làm chủ, gắn bó với Đảng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Để ngăn chặn các biểu hiện xấu đang phát triển, tạo ra một sự chuyển biến có ý nghĩa chính trị trong xã hội, cần có một đợt chỉ đạo tập trung từ nay đến hết năm 1978, vận động

và tổ chức quần chúng thực hiện Nghị quyết 228, coi là một nội dung của phong trào lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội.

1. Đợt chỉ đạo tập trung này nhằm vào năm yêu cầu được đề ra trong Nghị quyết 228. Miền Nam đang đi vào cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, cần vận dụng Nghị quyết đó cho thích hợp, bảo đảm thực hiện đúng đường lối của Đại hội Đảng là xây dựng kinh tế quốc doanh lớn mạnh nhanh chóng, chiếm ưu thế trong sản xuất và lưu thông, phân phối... Đi đôi với cải tạo quan hệ sản xuất, cần sắp xếp lại lực lượng sản xuất cho hợp lý trong phạm vi toàn ngành và từng địa phương; tăng cường quản lý, bổ sung thiết bị để mở rộng sản xuất.

2. Phát động cho được phong trào quần chúng rộng rãi để phát hiện các sơ hở trong quản lý từ trung ương đến cơ sở và tìm biện pháp chấn chỉnh, tăng cường quản lý nhằm đạt hiệu quả công tác cao hơn, đồng thời tránh được sơ hở, chống lấy cấp tài sản nhà nước, chống làm việc trái phép. Phải bảo vệ có hiệu quả những người phát hiện, tố cáo những người làm bậy, những việc làm trái phép; khen thưởng người có công, nghiêm trị những kẻ cố tình mua chuộc hoặc trả thù những người đã tố giác.

Hướng chính của việc chấn chỉnh và tăng cường quản lý là làm có nền nếp, có hiệu quả việc kiểm kê và kiểm soát trong kinh tế, xây dựng chế độ công tác, sửa đổi các chế độ, thuế lệ không còn phù hợp, định rõ trách nhiệm của từng tổ chức, từng người, thực hiện chế độ thanh tra của cấp trên và của tập thể, giám sát cho hợp lý chứ không được bày ra thêm nhiều thủ tục, giấy tờ làm chậm trễ công việc và gây phiền hà cho dân. Ở từng cơ sở, phải tìm các biện pháp về tổ chức để phát huy và thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; phổ biến rộng rãi các chế độ, thuế lệ và phát động quần chúng thực hiện và giám sát việc thực hiện.

Năm chắc công tác phát động quần chúng để phát hiện và khắc phục các sơ hở đồng thời chú trọng chỉ đạo các tổ chức

chuyên môn đi sâu nghiên cứu, khám phá và ngăn chặn các thủ đoạn lừa cắp, hối lộ, tìm bắt cho được những vụ phạm pháp quan trọng với đầy đủ chứng cứ để xử lý đến nơi đến chốn. Nếu có trường hợp nào xử lý sai thì phải sửa, xử lý oan thì phải xoá án, khôi phục danh dự và quyền công dân cho người bị oan. Ở từng địa phương cần có một số vụ xử lý điển hình nghiêm minh nhằm đề cao kỷ luật của Đảng và kỷ luật của Nhà nước, có nhiều tác dụng giáo dục. Chỉ đạo phối hợp tốt các cơ quan kinh tế tài chính với các cơ quan tổ chức, thanh tra, công an, kiểm sát, tòa án và các tổ chức quần chúng để xác minh, kết luận, xử lý đúng và kịp thời. Nắm vững chỉ đạo, nhằm vào những vụ, việc quan trọng, những vụ, việc hiện hành, tránh sa vào vụn vặt. Phải đề phòng và xử lý kiên quyết bọn phá hoại lợi dụng để gây rối và chia rẽ nội bộ, kích động và lừa mị quần chúng, vu khống và cô lập người tốt.

3. Trong khi chỉ đạo việc chấn chỉnh và tăng cường quản lý trong cơ quan, xí nghiệp của Nhà nước đấu tranh chống tệ lừa cắp và hối lộ, thì ở bên ngoài phải chỉ đạo việc tăng cường quản lý xã hội, đấu tranh chống bọn đầu cơ buôn lậu, chúa chấp của gian, kiên quyết trấn áp bọn lưu manh. Ở các thành phố, nhất là thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, phải làm gọn việc đưa số phần tử phản cách mạng nguy hiểm, số lưu manh chuyên nghiệp hoặc ngoan cố đi cải tạo ở xa thành phố. Bộ Nội vụ cần hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện cho đúng, đạt được kết quả vững chắc. Đối với những người có sức lao động mà lười biếng ngồi không ăn bám, làm nghề trái phép thì phải đưa đến công trường bắt buộc lao động, quản lý chặt chẽ.

4. Diện thực hiện Nghị quyết 228 là tất cả các ngành và các địa phương. Từng ngành, từng địa phương phải xác định những trọng điểm để tập trung chỉ đạo cho có kết quả. Trung ương và Chính phủ sẽ theo dõi, giúp đỡ chỉ đạo ở bốn ngành trọng điểm là giao thông vận tải, nội thương, vật tư, ngân hàng và ba địa bàn trọng điểm là Hà Nội, Hải Phòng, thành

phố Hồ Chí Minh. Quân uỷ Trung ương phải xác định và có kế hoạch chỉ đạo chặt chẽ những trọng điểm trong quân đội. Các cơ quan thông tin, tuyên truyền, các đoàn thể phải có kế hoạch tăng cường giáo dục cán bộ, bộ đội, nhân dân, đề cao người tốt việc tốt, phê phán những việc xấu; chỉ đạo sáng tác nghệ thuật phục vụ tốt phong trào quần chúng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa; hướng dẫn quần chúng nghiêm khắc lên án và kiên quyết đấu tranh chống lấy cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, chống các hình thức hối lộ, chống những biểu hiện thiếu trách nhiệm và làm việc trái phép.

Trách nhiệm chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 228 ở từng ngành, từng cơ quan, từng đơn vị sản xuất và công tác là thủ trưởng, trách nhiệm chỉ đạo ở địa phương là Uỷ ban nhân dân, dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng. Ở ngành và ở địa phương có thể tổ chức một nhóm cán bộ giúp theo dõi, tổng hợp tình hình, không cần tổ chức Ban chỉ đạo; phải huy động và sử dụng các tổ chức sẵn có theo chức năng của từng tổ chức để phục vụ công tác này. Ở Trung ương, Thường vụ Hội đồng Chính phủ cần có quyết định mới về tổ chức chỉ đạo công việc này cho sát với tình hình và nhiệm vụ hiện nay.

5. Các ngành và các địa phương phải nghiên cứu lại Nghị quyết 228 và đặt kế hoạch tiếp tục thực hiện gắn với việc nghiên cứu và triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Trung ương về phát triển nông nghiệp, gắn với việc thực hiện kế hoạch nhà nước và với các phong trào ở từng ngành và từng địa phương. Qua việc thực hiện Nghị quyết 228 và các nghị quyết khác của Đảng và Nhà nước mà xem xét đánh giá cơ sở đảng, đánh giá cán bộ, từ đó tiến hành bồi dưỡng, sắp xếp cán bộ, nâng cao chất lượng của tổ chức đảng và đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên; cũng qua các phong trào này mà kiện toàn chính quyền, củng cố và phát triển các đoàn thể quần chúng. Các ngành và các địa phương thường kỳ hàng tháng báo cáo với Ban Bí thư và Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết 228.

(Chỉ thị này được phổ biến đến đảng uỷ cơ sở)

T/m ban bí thư

Nguyễn duy trình

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Chỉ thị
của Ban Bí thư**

Số 19-CT/TW, ngày 16 tháng 10 năm 1977

**Về việc tăng cường công tác bảo vệ an ninh
trật tự ở thành phố Hồ Chí Minh**

1. Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh có truyền thống cách mạng kiên cường. Đó là thuận lợi rất to lớn để làm tốt công tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự xã hội cũng như các mặt công tác khác. Song dưới chế độ thực dân mới của đế quốc Mỹ, đây cũng là nơi tập trung những thế lực phản động nhất và

những cặn bã xấu xa nhất của xã hội. Sau ngày giải phóng, bọn CIA và mọi loại gián điệp, phản động tay sai đế quốc, bọn ngụy quân, ngụy quyền tan rã tại chỗ khá đông. Ở đây, cũng là nơi tập trung số đông côn đồ, lưu manh, gái mồi dâm, thanh niên hư hỏng vì xì ke, ma tuý, trẻ em bụi đời, bọn buôn bán lậu. Hiện nay, các bọn đế quốc đang lợi dụng những cặn bã đó của xã hội để hoạt động chống và phá ta, làm cho tình hình trật tự xã hội ở thành phố hết sức phức tạp. Tình hình thiếu việc làm và đời sống có nhiều khó khăn sau chiến tranh mà ta chưa thể khắc phục được hết trong một thời gian ngắn càng làm cho tình hình trật tự xã hội thêm phức tạp.

Từ ngày giải phóng đến nay, thành phố Hồ Chí Minh đã có nhiều cố gắng và đạt được những thành tích lớn trong việc tăng cường công tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự xã hội, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở thành phố.

Trật tự xã hội đã được từng bước ổn định rõ rệt. Tuy vậy, đến nay tình hình vẫn còn rất phức tạp và nghiêm trọng. Các vụ giết người, cướp của, trộm cắp vẫn còn xảy ra nhiều; các tệ nạn xã hội khác có giảm nhưng vẫn còn nặng; tình hình đó đang làm cho nhân dân lo lắng và gây trở ngại cho việc đẩy mạnh các công tác trước mắt.

Vì vậy, *một trong những nhiệm vụ quan trọng và cấp bách nhất* của thành phố Hồ Chí Minh là đi đôi với việc giữ gìn an ninh chính trị *phải khẩn trương tăng cường công tác bảo vệ trật tự xã hội*. *Phải kiên quyết tập trung chỉ đạo và sử dụng tổng hợp mọi biện pháp*, để sớm ổn định tình hình trật tự xã hội, đưa lại cuộc sống yên ổn cho nhân dân và tạo thuận lợi cho việc đẩy mạnh công cuộc cải tạo và xây dựng thành phố về mọi mặt.

Cần phát động và phát triển tốt bốn phong trào của quần chúng: phong trào xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; phong trào thi đua lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội; phong trào xây

dựng cuộc sống tinh thần và văn hoá lành mạnh; phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc nhằm giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội. Đồng thời thực hiện tốt cuộc vận động thi hành Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị trong các cơ quan xí nghiệp nhà nước và tăng cường công tác củng cố tổ chức đảng, củng cố và phát triển các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ... Qua đó mà tăng cường công tác trị an một cách có hiệu quả.

2. Trong khi phải hết sức chú trọng không ngừng đề cao cảnh giác, chống lại mọi hoạt động phản cách mạng của bọn gián điệp, phản động tay sai của mọi loại đế quốc, tăng cường giữ gìn an ninh chính trị, trước mắt phải *tập trung sức quét sạch bọn lưu manh, phấn đấu giảm đến mức thấp nhất và tiến tới loại trừ những vụ trọng án về hình sự để đến hết năm 1978, căn bản ổn định được tình hình trật tự xã hội ở thành phố, làm cho mọi người được thực sự yên ổn sinh sống, làm ăn, vững tin và phấn khởi tham gia vào mọi hoạt động cải tạo và xây dựng thành phố*.

Bọn lưu manh chuyên nghiệp là kẻ thù của cách mạng; phải kiên quyết và kịp thời tập trung hết và tập trung cải tạo lâu dài. Phải nghiêm trị những tên cầm đầu các băng cướp, các ổ trộm cắp và những tên giết người cướp của tàn bạo, kể cả xử tử hình một số tên, để răn đe bọn khác. Để cho việc xét xử, bắt bớ, tập trung cải tạo được kịp thời, Nhà nước nên giao thêm quyền hạn xử án cho toà án các quận và thành phố, có thể cho thành phố được thành lập một hình thức tổ chức toà án thích hợp hoặc giao cho toà án thành phố một quyền hạn đặc biệt để kịp xét xử tại chỗ những vụ trọng án hình sự nghiêm trọng.

Đối với bọn lưu manh khác, thì tuỳ từng trường hợp cụ thể mà hoặc tiến hành tập trung cải tạo ở những nơi xa thành phố, hoặc tiến hành cải tạo tại chỗ dưới sự kiểm soát chặt chẽ của nhân dân, cơ quan công an và chính quyền cơ sở.

Đối với gái mãi dâm, thanh niên nghiện xì ke, ma tuý, trẻ em bụi đời, cũng phải tập trung lại để vừa chữa bệnh, giáo dục cải tạo, dạy nghề và tạo công việc làm cho họ, vừa để thanh toán cơ sở xã hội làm nảy sinh ra nạn trộm cắp, cướp của, giết người. Đồng thời ngành y tế cần tập trung số người bị bệnh cùi hủi để chữa bệnh cho họ, không để bệnh cùi hủi lây lan trong thành phố.

Cần chăm sóc các trẻ mồ côi không nơi nương tựa; tổ chức cho các cháu có nơi ăn học, trở thành người lao động tốt.

Phải xuất phát đầy đủ từ tình thương dân tộc và lao động mà có biện pháp chữa bệnh, giáo dục và tạo công việc làm thích hợp với từng loại người để cải tạo họ thành những người có ích cho xã hội. Đồng thời phải có biện pháp kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ, không cho bọn lưu manh trốn chạy từ nơi này sang nơi khác để chống cản cải tạo và tiếp tục hoạt động quấy phá trật tự xã hội.

3. Cần thực hiện tốt các *biện pháp* sau đây:

- Phải phát huy đầy đủ sức mạnh làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát động cho được phong trào "bảo vệ an ninh Tổ quốc", huy động cho được quần chúng rộng rãi tham gia công tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự xã hội. Củng cố chính quyền quận, phường và các đoàn thể nhân dân; phát huy cho được vai trò của chính quyền cơ sở và của các đoàn thể Công đoàn, Thanh niên, Phụ nữ trong công tác này. Tăng cường và sử dụng tốt lực lượng quần chúng có tổ chức trực tiếp làm công tác bảo vệ trật tự xã hội.

- Tăng cường lực lượng công an chuyên nghiệp ở thành phố và có thể sử dụng một bộ phận lực lượng quân đội thích đáng trong một thời gian nhất định (có thể vài năm) để làm cho bằng được việc ổn định tình hình trật tự xã hội

ở thành phố.

- Kết hợp chặt chẽ hoạt động nghiệp vụ của ngành công an với phong trào quần chúng tham gia công tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự xã hội mà phát hiện, nắm chắc tình hình từng đối tượng ngay từ sào huyệt của chúng, nắm chắc địa bàn và quy luật hoạt động của chúng; do đấy mà giám sát và quản lý được chúng chặt chẽ từ gốc, không để cho chúng có thể hoạt động và gây ra tội ác.

- Sử dụng tốt cả lực lượng công an, bộ đội và quần chúng có tổ chức để tăng cường canh gác, tuần tra suốt ngày đêm trên các đường phố, các khu nhà, nhất là ở các địa bàn trọng điểm, để giữ gìn trật tự xã hội, kịp thời phát hiện và nghiêm trị bọn phạm pháp, quả tang, không cho chúng tẩu thoát, làm cho bọn lùu manh phải khiếp sợ mà không dám hoạt động.

- Phải kết hợp chặt chẽ việc tăng cường công tác bảo vệ trật tự xã hội hàng ngày với việc tổ chức các đợt truy quét tập trung trong từng thời gian ở từng vùng để phát hiện và xử lý kịp thời các loại đối tượng.

- Các ngành công an, lao động, thương binh xã hội, giáo dục, y tế, Đoàn Thanh niên Cộng sản và Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố cần kết hợp chặt chẽ với nhau để phát triển các loại cơ sở tập trung và làm tốt công tác cải tạo, chữa bệnh, dạy nghề, dạy văn hoá và tạo việc làm cho các đối tượng.

4. Để làm tốt công tác bảo vệ trật tự xã hội, Đảng bộ và chính quyền thành phố Hồ Chí Minh phải phát huy cao độ nỗ lực chủ quan, huy động cho được mọi lực lượng sẵn có trong thành phố là chính và có kế hoạch cụ thể triển khai kịp thời mọi việc phải làm. Mặt khác, Nhà nước phải dành một khoản ngân sách và vật tư thích đáng trong kế hoạch nhà nước cuối năm 1977 và cả năm 1978 cho nhiệm vụ tăng cường công

tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự xã hội ở thành phố Hồ Chí Minh. Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng cần kịp thời tăng cường thêm lực lượng công an, quân đội cho thành phố, cho phép thành phố được sử dụng một số trại giam cũ để làm nơi tập trung cải tạo. Riêng Bộ Nội vụ cần làm tốt việc giam giữ, cải tạo các đối tượng loại A theo đúng sự phân công đã có từ trước. Các bộ có liên quan phải tích cực giúp đỡ thành phố về kế hoạch cụ thể, về phương tiện vật chất và về cán bộ cần thiết. Các tỉnh ở phía Nam có trách nhiệm sẵn sàng tiếp nhận những người do thành phố cho dân dân về quê sản xuất, cấp đất đai và cung cấp một phần vật tư, phương tiện để lập các cơ sở tập trung cải tạo và cưỡng bức lao động, nhằm giúp đỡ thành phố triển khai nhanh chóng và thực hiện có hiệu quả tốt nhất những chủ trương biện pháp đã được đề ra; đồng thời tăng cường công tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự xã hội ở địa phương mình, kịp thời ngăn chặn và trừng trị bọn tội phạm ở địa phương cũng như những đối tượng ở thành phố Hồ Chí Minh chuyển địa bàn, tới hoạt động phá rối trật tự xã hội ở địa phương mình.

Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh cần chỉ đạo Uỷ ban nhân dân và các cơ quan có liên quan ở thành phố lập kế hoạch cụ thể, tính toán những nhu cầu cần thiết về lực lượng, về cán bộ, về ngân sách, về vật tư, v.v. để báo cáo lên Chính phủ và các bộ, các ngành có liên quan giải quyết nhằm triển khai kịp thời Chỉ thị này.

T/M ban bí thư

Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

Chỉ thị
của Ban Bí thư

Số 21-CT/TW, ngày 18 tháng 10 năm 1977

**Về việc tăng cường quan hệ đặc biệt
Việt Nam - Lào**

Qua mấy chục năm đoàn kết đấu tranh giành thắng lợi trọn vẹn trong cách mạng dân tộc dân chủ, Đảng ta và Đảng Nhân dân Cách mạng Lào đã khẳng định mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào không những là một truyền thống quý báu, một nhân tố bảo đảm thắng lợi, mà còn là một quy luật phát triển của cách mạng mỗi nước.

Bước vào giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta cũng như Đảng Nhân dân Cách mạng Lào càng chú trọng tăng cường quan hệ đoàn kết hữu nghị đặc biệt giữa hai Đảng và hai dân tộc. Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta đã ra Nghị quyết số 251 ngày 30-4-1976, nhấn mạnh trong giai

đoạn mới Đảng, Chính phủ và nhân dân ta phải tăng cường đoàn kết, tích cực giúp đỡ và hợp tác với Đảng, Chính phủ và nhân dân Lào trong sự nghiệp bảo vệ thành quả cách mạng đã giành được, củng cố độc lập chủ quyền dân tộc, xây dựng, phát triển kinh tế, văn hoá và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội; phải cố gắng đáp ứng các yêu cầu của bạn với hiệu quả cao nhất.

Từ đó đến nay, mối quan hệ hữu nghị đặc biệt giữa hai Đảng và hai Chính phủ tiếp tục gắn bó và phát triển trên nhiều mặt. Tiếp theo cuộc đi thăm chính thức nước ta của Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Lào tháng 2-1976, cuộc đi thăm hữu nghị chính thức nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào của Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ ta gần đây với việc ký kết các văn kiện quan trọng, đặc biệt là Hiệp ước hữu nghị và hợp tác và Hiệp ước hoạch định biên giới giữa hai nước đã phản ánh một cách đầy đủ và nổi bật mối quan hệ đặc biệt, trong sáng giữa cách mạng hai nước, là những sự kiện có ý nghĩa lịch sử trọng đại, đánh dấu bước phát triển mới trong quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, mở ra triển vọng rất tốt đẹp cho các quan hệ giúp đỡ, hợp tác giữa hai Đảng và hai Nhà nước, nhằm xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và Lào. Việc ký các Hiệp ước đó còn có ý nghĩa quốc tế quan trọng, nêu cao tinh thần đoàn kết quốc tế trong sáng giữa hai nước xã hội chủ nghĩa và phát huy ảnh hưởng tích cực trong khu vực Đông Nam châu Á và trên thế giới.

Đảng và Chính phủ ta coi việc ký kết và thực hiện các Hiệp ước nói trên vừa là nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng

Lào, vừa là lợi ích thiết thân trước mắt và lâu dài của cách mạng nước ta. Độc lập, tự do và hạnh phúc của hai dân tộc gắn bó chặt chẽ với nhau. Thắng lợi và sự phát triển của cách mạng hai nước hiện nay và sau này không thể tách rời nhau.

Các ngành, các địa phương và nhân dân ta cần quán triệt sâu sắc Nghị quyết 251 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về tăng cường mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào trong giai đoạn mới, phải thật sự tôn trọng bạn, hết sức bảo đảm quyền lợi của bạn, ngăn ngừa mọi biểu hiện tư tưởng nước lớn. Các ngành của ta phải tăng cường việc giúp đỡ và hợp tác với các ngành của bạn, theo phương thức ngành giúp ngành như Bộ Chính trị đã quy định. Giữa các ngành với sự hướng dẫn của Ban Cán sự Đảng về công tác C cần có sự phối hợp chặt chẽ, tránh tình trạng chồng chéo, giẫm đạp nhau, vừa gây khó khăn cho bạn, vừa hạn chế hiệu quả giúp bạn. Ban Bí thư Trung ương Đảng đề ra mấy công tác lớn sau đây cho các ngành, các cấp trong việc thực hiện các hiệp ước vừa ký kết nhằm tiếp tục tăng cường mối quan hệ hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào.

1. *Tích cực giúp đỡ bạn tăng cường các lực lượng an ninh quốc phòng và phối hợp với bạn bố trí kế hoạch phòng thủ chung bảo vệ đất nước và bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước*

Việt Nam và Lào đều ở vị trí tiên đôn của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Đông Nam châu Á, nền an ninh của hai nước có liên quan chặt chẽ với nhau. Mọi âm mưu và hoạt động phá hoại của bọn đế quốc và bọn phản động đối với Lào, không chỉ nhằm chống lại cách mạng Lào mà còn nhằm gây súc ép với Việt Nam. Vì vậy mỗi nước phải tự bảo vệ mình là chính,

đồng thời giúp đỡ bảo vệ lẫn nhau. Ta giúp đỡ và hợp tác với bạn để bạn đủ sức tự bảo vệ vững chắc đất nước và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Lào, cũng là để bảo đảm nền an ninh của nước ta, hạnh phúc của nhân dân ta.

Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ ta sẽ bàn bạc và thoả thuận với Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ nước Cộng hoà Dân chủ nhân dân Lào về các vấn đề có liên quan đến việc củng cố an ninh, tăng cường quốc phòng của hai nước, trên cơ sở đó cùng nghiên cứu và triển khai các công tác liên quan đến việc phòng thủ chung của hai nước.

Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ ta tích cực giúp bạn xây dựng và tăng cường các lực lượng an ninh, quốc phòng; hợp tác và giúp bạn xây dựng một số cơ sở vật chất kỹ thuật bảo đảm quốc phòng; cố gắng đáp ứng yêu cầu của bạn về trang bị, hậu cần theo khả năng của ta; chú trọng giúp bạn xây dựng hệ thống tổ chức lãnh đạo, chỉ huy có hiệu lực; trước mắt giúp bạn đủ sức đập tan mọi âm mưu phá hoại của địch, ổn định tình hình; về lâu dài đủ sức đối phó trong mọi tình huống.

2. *Tăng cường giúp đỡ và hợp tác về kinh tế, văn hoá với bạn*

Sau khi đất nước được giải phóng, ta và bạn đều có yêu cầu xây dựng đất nước giàu mạnh. Trong điều kiện hai nước đã gắn bó với nhau, việc hợp tác và giúp nhau xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan và có nhiều thuận lợi. Về phía ta, tuy trước mắt có một số khó khăn về kinh tế, nhưng các ngành, các địa phương phải cố gắng hết sức mình dành vật tư và lực lượng thoả đáng để giúp bạn,

phải thực hiện đến mức tốt nhất các việc mà hai bên đã ký kết.

Những năm trước mắt, chú trọng giúp bạn kinh nghiệm cài tạo và xây dựng kinh tế, phát triển văn hoá; giúp bạn đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật, tiến hành điều tra cơ bản, giúp một số hàng tiêu dùng; giúp bạn xây dựng một số cơ sở công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông vận tải, kho tàng, bệnh viện, trường học... với quy mô thích hợp, nhằm phục vụ kịp thời cho phát triển sản xuất, bảo đảm đời sống nhân dân.

Về quan hệ kinh tế, ta cần tổ chức tốt việc quá cảnh hàng hoá xuất, nhập khẩu của bạn qua cảng Đà Nẵng, giúp bạn có đường thông ra biển qua Việt Nam.

Từng bước mở rộng diện hợp tác khai thác tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế và xuất khẩu của bạn.

Mở rộng quan hệ ngoại thương giữa hai nước, giúp bạn có điều kiện tăng nhanh xuất, nhập khẩu có lợi cho bạn để bạn có thể giải quyết được các nhu cầu về sản xuất, xây dựng và bảo đảm đời sống nhân dân.

Coi trọng việc mở rộng quan hệ kinh tế, văn hoá giữa các địa phương ở sát hai bên biên giới. Các tỉnh phải xem đây vừa là nhiệm vụ quốc tế, vừa là lợi ích kinh tế, chính trị của địa phương mình để cố gắng hết sức giúp đỡ và hợp tác với tỉnh bạn theo đúng chính sách, chủ trương của Trung ương. Các ngành ở trung ương cần giúp đỡ các tỉnh trong nhiệm vụ này.

3. *Cùng bạn xây dựng biên giới hữu nghị lâu dài*

Việc ký Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa hai nước là một thắng lợi quan trọng, nêu cao mấu mực của tình đoàn kết quốc tế và láng giềng anh em trong sáng; tạo cơ sở pháp lý cho việc xây dựng đường biên giới hữu nghị lâu dài, góp phần củng cố, tăng cường quan hệ đoàn kết hữu nghị đặc

biệt giữa hai nước, hai dân tộc. Để thực hiện tốt Hiệp ước biên giới, nhân dân ta cần nêu cao tinh thần quốc tế vô sản, nêu cao truyền thống thương yêu, dùm bọc, quý trọng lẫn nhau giữa hai dân tộc, vừa xây dựng tình cảm tốt đẹp giữa nhân dân hai bên biên giới, vừa bảo đảm tôn trọng độc lập, chủ quyền, lãnh thổ của mỗi nước.

Ban Biên giới Trung ương cùng các ngành, các địa phương hữu quan của ta cần dựa trên tinh thần đó làm tốt mấy việc:

- + Cùng bạn bàn bạc để sớm thực hiện việc phân định ranh giới trên thực địa, cắm mốc và xác định các cửa khẩu; xây dựng, củng cố tốt các cửa khẩu qua lại giữa hai nước.
- + Cùng bạn nghiên cứu và sớm ban hành bản quy chế biên giới hữu nghị Việt - Lào.
- + Giáo dục cán bộ, bộ đội, nhân dân ta, nhất là nhân dân dọc biên giới, tôn trọng và nghiêm túc tuân thủ quy chế biên giới hữu nghị.

4. *Tích cực giúp bạn bồi dưỡng đào tạo cán bộ*

Việc giúp bạn bồi dưỡng, đào tạo cán bộ là khâu then chốt. Chú trọng giúp bạn có quy hoạch đào tạo cán bộ lâu dài. Vừa giúp bạn đào tạo tại chỗ, qua trường lớp, qua rèn luyện trong thực tế công tác, vừa sẵn sàng tiếp nhận và tổ chức thật tốt việc nuôi dưỡng, đào tạo toàn bộ lực lượng cán bộ, công nhân, lưu học sinh bạn gửi sang học ở nước ta; bảo đảm đào tạo cho bạn những cán bộ có chất lượng tốt, làm nòng cốt trong các cấp, các ngành của bạn. Các ngành có trách nhiệm làm công tác này cần xem xét, kiểm tra và có kế hoạch khắc phục kịp thời mọi thiếu sót lêch lạc, không ngừng cải tiến việc nuôi dưỡng, nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ bạn.

*

* *

Nhận được Chỉ thị này,

- Ban Cán sự Đảng về công tác C giúp Ban Bí thư Trung ương Đảng tổ chức việc phổ biến trong các ngành, các đoàn thể, các địa phương và các lực lượng ta có nhiệm vụ giúp bạn theo nội dung Nghị quyết 251 và bản Chỉ thị này, nội dung Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào.

- Các ngành, các địa phương có trách nhiệm giúp bạn cần tuỳ theo nhiệm vụ và khối lượng công tác được Trung ương Đảng và Chính phủ giao và có sự phân công chuyên trách trong lãnh đạo và kiện toàn bộ môn giúp cấp uỷ và thủ trưởng theo dõi, nghiên cứu, chỉ đạo công tác giúp đỡ, hợp tác với cách mạng Lào. Ban Cán sự Đảng về công tác C và Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu và hướng dẫn cụ thể việc kiện toàn tổ chức chuyên gia của các ngành, các địa phương, bảo đảm gọn nhẹ và có hiệu lực.

- Ban Cán sự Đảng về công tác C phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung các chế độ chính sách đối với các lực lượng cán bộ, bộ đội, công nhân ta sang làm nhiệm vụ giúp bạn cho phù hợp với tình hình mới.

- Ban Tuyên huấn Trung ương có kế hoạch tổ chức tuyên truyền giáo dục sâu rộng trong cán bộ, bộ đội, nhân dân ta về mối quan hệ đặc biệt Việt - Lào và Bản tuyên bố chung, nhằm làm cho mọi người nhận rõ và quyết tâm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Lào, khắc phục mọi thái độ ngai khó khăn, gian khổ, mọi biểu hiện tư tưởng và

hành động không đúng.

- Các ngành, các địa phương có lực lượng đang công tác trên đất bạn cần tiến hành một đợt giáo dục sâu rộng trong các lực lượng đó về những nội dung trên, có kiểm điểm sâu sắc, đồng thời cần phối hợp với Uỷ ban Liên lạc kinh tế với nước ngoài tiến hành kiểm tra, xử lý kịp thời những hành động vi phạm luật pháp của hai nước làm ảnh hưởng xấu đến quan hệ Việt - Lào.

- Các ngành, các đoàn thể nhân dân, các địa phương của ta cần chủ động phát triển các hình thức tổ chức và hoạt động hữu nghị với bạn, có nội dung thiết thực, như: tổ chức các cuộc gặp gỡ trao đổi tình hình, ý kiến, kinh nghiệm với các ngành, các đoàn thể nhân dân và các địa phương hữu quan của bạn; mời bạn sang thăm và nghỉ ngơi; phát triển các chi nhánh Hội Việt - Lào hữu nghị, tổ chức kết nghĩa giữa tỉnh, huyện, thành phố, trường học, bệnh viện, xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường của ta với bạn.

Bộ Ngoại giao ta cần kịp thời nghiên cứu để cùng bạn giải quyết tốt vấn đề kiều dân ta trên đất bạn.

T/M ban bí thư

Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

chỉ thị
của Ban Bí thư

Số 22-CT/TW, ngày 21 tháng 10 năm 1977

Về một số việc cần làm ngay ở biên giới
phía tây nam

Do âm mưu và hành động của bọn phản động từ phía bên kia biên giới sang lảnh thổ nước ta khiêu khích, xâm lấn, phá hoại, đốt phá nhà cửa, giết hại đồng bào ta, tình hình vùng biên giới phía tây nam nước ta đã trở nên căng thẳng, phức tạp.

Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương của Trung ương về việc bảo vệ vùng biên giới, trong thời gian qua, các lực lượng vũ trang nhân dân và đồng bào vùng biên giới đã nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, đoàn kết chặt chẽ, khắc phục mọi khó khăn, trở ngại, anh dũng chiến đấu, cắn bản đánh bại các cuộc tấn công, lấn chiếm, khiêu khích của đối phương, giữ vững được vùng biên giới của nước ta.

Tuy nhiên, do những ý đồ đen tối của bọn phản động ở bên kia biên giới, tình hình vùng biên giới phía tây nam nước ta còn có thể căng thẳng, phức tạp trong một thời gian dài.

Bảo vệ từng tấc đất của Tổ quốc, bảo vệ biên giới, bờ biển, hải đảo, bảo vệ tính mạng, tài sản của đồng bào ta là một nhiệm vụ hết sức thiêng liêng. Phải tăng cường chỉ đạo, tăng cường lực lượng hoàn thành cho kỳ được nhiệm vụ thiêng liêng ấy. Để bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của ta, bảo vệ một cách có hiệu quả tính mạng, tài sản của nhân dân, ổn định tư tưởng, sinh hoạt của nhân dân, giữ vững sản xuất ở vùng biên giới, các tỉnh uỷ phải phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư lệnh Quân khu, Quân đoàn sở tại, để xây dựng và thực hiện một kế hoạch toàn diện và thống nhất về biên giới. Cần đặc biệt chú trọng lãnh đạo làm tốt những việc dưới đây:

1. Tổ chức việc tuyên truyền, giải thích sâu rộng trong Đảng, trong lực lượng vũ trang, trong nhân dân ở vùng biên giới, làm cho mọi người nhận rõ âm mưu, thủ đoạn và ý đồ đen tối của bọn phản động ở bên kia biên giới, hiểu rõ chủ trương của ta là luôn luôn tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nước láng giềng, kiên trì xây dựng tình đoàn kết, hữu nghị giữa nhân dân hai nước và giữa hai Đảng, nhưng kiên quyết bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của ta, kiên quyết trừng trị những hành động xâm phạm lãnh thổ, vi phạm chủ quyền, làm thiệt hại đến tính mạng, tài sản của nhân dân ta; làm cho mọi người thấy rõ hành động bảo vệ biên giới của nhân dân ta là chính nghĩa và việc bọn phản động ở bên kia biên giới dùng lực lượng vũ trang xâm phạm lãnh thổ, chủ quyền của ta, tàn sát nhân dân ta, gây hận thù, chia rẽ giữa hai dân tộc là không chính nghĩa, là phá hoại tình đoàn kết, hữu nghị lâu dài giữa hai dân tộc. Đồng thời kiên quyết đập tan những luận điệu xuyên tạc của bọn phản động.

Đi đôi với việc tuyên truyền giáo dục, làm cho quân và dân ta ở vùng biên giới thấu suốt chủ trương của Trung ương, phải ra sức phát động quần chúng, động viên quần chúng kiên quyết vượt mọi khó khăn, trở ngại, làm tốt nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, giữ vững sản xuất ở vùng biên giới. Qua phong trào đấu tranh của quần chúng mà ra sức xây dựng các tổ chức chính

trị, các tổ chức vũ trang, chú trọng giáo dục, bồi dưỡng những người tốt đã qua rèn luyện, thử thách.

2. Về quân sự, phải kịp thời phát hiện mọi hành động của địch, có biện pháp kiên quyết đánh bại ý đồ và hành động của chúng, kết hợp biện pháp quân sự với tấn công chính trị và đấu tranh ngoại giao. Phải tìm cách tiêu diệt gọn những lực lượng địch xâm nhập vào lãnh thổ ta, bắt tù binh, thu vũ khí, để đập tan âm mưu xâm lấn bằng quân sự. Các lực lượng vũ trang phải chấp hành nghiêm chỉnh các chỉ thi và mệnh lệnh của Quân uỷ Trung ương, các Đảng uỷ Quân khu, Đảng uỷ Quân đoàn, của Bộ chỉ huy quân sự do Quân uỷ Trung ương chỉ định. Để bảo đảm thực hiện các yêu cầu nói trên, cần làm một số việc cụ thể sau đây:

a) Các đơn vị bộ đội chủ lực có nhiệm vụ bảo vệ biên giới phải kiểm tra chặt chẽ trình độ và tổ chức sẵn sàng chiến đấu, có kế hoạch tác chiến cụ thể, gồm nhiều phương án khác nhau đối với những tình huống khác nhau; theo dõi sát tình hình địch để kịp thời tiêu diệt các lực lượng lấn chiếm, bảo vệ lãnh thổ, bảo vệ tính mệnh, tài sản của nhân dân ở vùng biên giới. Kiểm tra lại và xúc tiến khẩn trương kế hoạch xây dựng tuyến phòng thủ biên giới một cách vững chắc và lâu dài.

Chủ động phối hợp với các tỉnh uỷ và lực lượng vũ trang địa phương trong kế hoạch tác chiến cũng như trong kế hoạch xây dựng tuyến phòng thủ, trong mọi công tác chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Các đơn vị chủ lực đóng quân ở địa phương nào đều phải làm tốt nhiệm vụ giúp địa phương ấy xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng ấp xã chiến đấu, tuyên truyền giáo dục và phát động quần chúng xây dựng cơ sở chính trị, nhằm giữ gìn trật tự an ninh, kịp thời phát hiện và trừng trị bọn phản cách mạng hiện hành và bọn gián điệp, góp phần bảo đảm ổn định sản xuất và đời sống nhân dân.

b) Các Tỉnh uỷ, Đảng uỷ Quân khu phải đặc biệt chú trọng:

- Khẩn trương, kiên quyết chỉ đạo xây dựng các ấp, xã chiến đấu ở vùng sát biên giới, kết hợp với việc xây dựng các trận

địa, hệ thống công sự, vật cản, đường cơ động... thành một hệ thống liên hoàn, hình thành tuyến phòng thủ biên giới vững chắc, để kịp thời phát hiện, ngăn chặn những hoạt động thâm nhập, phá hoại của địch và đánh bại những cuộc tấn công của chúng. Phải tổ chức tốt hệ thống thông tin và trinh sát. Chú ý hướng dẫn nhân dân đào công sự và tổ chức các buổi diễn tập sau khi đã xây dựng xong ấp, xã chiến đấu, để nhân dân quen với nếp chiến đấu, giảm bớt thương vong khi bị tấn công, tập kích.

Cần tổ chức tốt công tác phòng không nhân dân ở những thị xã, thị trấn và những khu đông dân gần biên giới.

- Tích cực xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang, hết sức chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang quần chúng (dân quân và tự vệ). Xây dựng bộ đội địa phương tỉnh, huyện, lực lượng công an nhân dân vũ trang có số lượng thích hợp và có chất lượng cao; giáo dục, rèn luyện cho các lực lượng này có tinh thần cảnh giác cách mạng, có quyết tâm và ý chí chiến đấu cao, sử dụng thành thạo các loại vũ khí được trang bị, thông thạo các cách đánh thích hợp, có khả năng đánh địch một cách tích cực, chủ động, tiêu diệt gọn được lực lượng của chúng, đập tan các cuộc tấn công xâm lấn của chúng.

- Phát huy vai trò tham mưu của cơ quan quân sự địa phương và có kế hoạch bảo đảm sự chỉ huy thống nhất, hiệp đồng chặt chẽ giữa lực lượng dân quân, du kích tại chỗ với bộ đội địa phương, công an nhân dân vũ trang và các lực lượng khác làm nhiệm vụ bảo vệ biên giới.

Việc chỉ huy các hoạt động vũ trang phải tập trung thống nhất vào cơ quan quân sự địa phương dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ. Trong trường hợp có bộ đội chủ lực tác chiến ở địa phương, thì các hoạt động vũ trang sẽ đặt dưới quyền chỉ huy thống nhất của Bộ Tư lệnh do Quân uỷ Trung ương chỉ định.

- Căn cứ vào chính sách đã có trong thời kỳ kháng chiến vừa qua mà giải quyết chu đáo các vấn đề về thương binh, liệt sĩ và các vấn đề về cứu tế đặc biệt ở vùng có chiến sự.

3. Cân có kế hoạch, nội dung tuyên truyền, vận động trong binh lính K.¹⁾ và nhân dân K.²⁾ ở vùng biên giới, làm cho họ thấy được âm mưu đen tối của bọn phản động đối với vùng biên giới giữa hai nước; hiểu rõ chủ trương đúng đắn của ta và khuyên họ không làm trái luật lệ quốc tế về biên giới giữa các nước, trái với tinh thần đoàn kết, hữu nghị giữa hai dân tộc, trái với tinh thần nhân đạo và lương tâm con người.

Cần chú trọng kịp thời thu thập các tư liệu, tài liệu về những hành động dã man, tàn bạo của đối phương để phục vụ cho đấu tranh ngoại giao.

4. Âm mưu của bọn phản động ở bên kia biên giới là kết hợp hoạt động phá hoại vùng biên giới của ta từ phía ngoài vào với hoạt động phá hoại của bọn phản động ở nội địa. Vì vậy, đi đôi với việc chỉ đạo đối phó với những hành động phá hoại từ bên ngoài vào, các cấp uỷ cần có kế hoạch và biện pháp cụ thể nhằm kịp thời phát hiện và đánh bại những âm mưu, thủ đoạn câu kết đó, đồng thời có kế hoạch kịp thời trấn áp bọn phản động bên trong.

5. Cần chú trọng giữ vững sản xuất, ổn định đời sống của nhân dân. Kiên quyết đập tan âm mưu của kẻ địch phá hoại sản xuất, làm trở ngại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta.

Cấp uỷ và chính quyền các tỉnh cần giải quyết việc sơ tán nhân dân vùng biên giới một cách tích cực, chặt chẽ và có kế hoạch sát hợp với tình hình cụ thể từng nơi:

a) Những nơi đã xây dựng được ấp, xã chiến đấu và xây dựng được dân quân du kích, bộ đội địa phương thì nói chung không sơ tán nhân dân, mà cần động viên nhân dân kiên quyết bám trụ địa phương, để vừa sản xuất, vừa chiến đấu bảo vệ biên giới.

b) Những nơi chưa lập được ấp, xã chiến đấu, thì có thể tạm thời sơ tán nhân dân, nhất là người già và trẻ em, về phía

¹⁾, ²⁾ K. : Campuchia (B.T).

sau; động viên những thanh niên trai, gái ở lại bám trụ địa phương để vừa sản xuất, vừa xây dựng ấp, xã chiến đấu và chiến đấu bảo vệ biên giới. Cần tổ chức lực lượng bám trụ một cách chặt chẽ, tổ chức tốt đời sống, học tập, sinh hoạt cho những người bám trụ ở địa phương, giúp cho anh chị em bám trụ được lâu dài. Khi đã xây dựng được ấp, xã chiến đấu, sẽ đưa dân trở về bám trụ địa phương, tiếp tục sản xuất và bảo vệ biên giới, bảo vệ quê hương.

c) Những nơi vì tình hình xã hội, điều kiện địa lý, kinh tế... không lập được ấp, xã chiến đấu thì phải tổ chức sơ tán nhân dân về phía sau, giúp đỡ nhân dân nhanh chóng ổn định đời sống và sản xuất. Đồng thời phải có kế hoạch thích hợp để giữ vững sản xuất và bảo vệ địa phương.

d) Các thị xã, thị trấn đông dân ở sát biên giới, dễ bị địch uy hiếp và đánh phá, phải tích cực sơ tán nhân dân theo kế hoạch của tỉnh; kết hợp việc sơ tán với việc thực hiện kế hoạch tổ chức chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, với việc thực hiện kế hoạch sản xuất, xây dựng kinh tế của địa phương.

e) Đối với những người cần sơ tán về nơi an toàn ở phía sau, chính quyền và các đoàn thể quần chúng ở địa phương phải tổ chức đưa đến nơi sơ tán một cách nhanh gọn, chu đáo. Phải chuẩn bị tốt về tư tưởng và vật chất một cách có kế hoạch để khi nhân dân đến địa điểm mới, có thể nhanh chóng ổn định đời sống và sản xuất. Đồng bào sơ tán cần được giúp đỡ theo chính sách đối với đồng bào ở các vùng có chiến tranh trước đây phải sơ tán đến nơi khác. Cần có kế hoạch theo dõi và ngăn ngừa những phần tử xấu phá hoại, tuyên truyền xuyên tạc gây hoang mang trong nhân dân.

g) Để giữ vững sản xuất ở những vùng sát biên giới, cần hướng dẫn quần chúng đi vào sản xuất có tổ chức chặt chẽ, sản xuất tập thể. Tuỳ tình hình cụ thể ở từng địa phương mà tổ chức các hợp tác xã nông nghiệp hoặc thành lập các nông trường, lâm trường quốc doanh, hoặc nông trường, lâm trường quân đội.

6. Những tháng gần đây, số người bên kia biên giới chạy

sang ta hoặc bị bắt trong tác chiến ngày càng tăng. Trước đây, có một số người chạy sang được ta giải thích và trao trả lại nước họ nhưng khi về nước thì họ bị sát hại. Vì vậy, từ nay ta chủ trương không trả lại.

Đối với những người chạy sang ta hoặc bị bắt trong chiến đấu, các tỉnh uỷ cần phân biệt đó là những người chân chính, vì mục đích chính trị đúng đắn, vì lý tưởng cách mạng mà sang ta để tìm sự giúp đỡ, hay là những phần tử có âm mưu chính trị xấu hoặc gián điệp; đó là những người tự chạy sang ta hay là những người bị bắt trong chiến đấu; cũng cần phân rõ những quân nhân, cán bộ, đảng viên hoặc là dân thường.

Đối với những người là quân nhân chạy sang ta thì giao cho cơ quan quân sự địa phương quản lý, thẩm tra, nuôi dưỡng, giáo dục. Những người là quân nhân bị bắt trong chiến đấu, cơ quan quân sự địa phương cũng có trách nhiệm giam giữ, khai thác phục vụ cho tác chiến, giáo dục giác ngộ họ. Những quân nhân này sẽ được chuyển đến cơ quan quân sự cấp trên khi có lệnh.

Đối với cán bộ, nhân viên các ngành, các đảng viên chạy sang ta, Ban Đội ngoại Trung ương cần thống nhất với Bộ Nội vụ, có kế hoạch hướng dẫn cho các địa phương biết cách tổ chức quản lý, giáo dục, bồi dưỡng lâu dài.

Đối với nhân dân lao động chạy sang ta, kể cả Việt kiều, Hoa kiều, thì các tỉnh uỷ giao trách nhiệm cho các địa phương ra sức giúp đỡ, tạo điều kiện cho họ ổn định đời sống, tham gia sản xuất ở nơi an toàn.

Đối với những người không phải là quân nhân, sang ta với ý đồ chính trị xấu, hoặc hoạt động gián điệp thì giao cho

ngành an ninh giam giữ, khai thác, quản lý và giáo dục.

7. Hết sức coi trọng công tác xây dựng, củng cố tổ chức đảng và xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là ở các huyện, xã, áp sát biên giới để có đủ khả năng lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ biên giới, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, giữ vững sản xuất và ổn định đời sống.

Các cơ quan có trách nhiệm ở mỗi tỉnh, mỗi Quân khu phải nêu cao tinh thần chủ động phối hợp để giải quyết các việc trên đây cho tốt. Chính phủ sẽ dành một khoản tiền và quy định những chính sách cụ thể để giải quyết những vấn đề nói trên. Bộ Thương binh xã hội nghiên cứu trình ra Chính phủ quyết định chính sách cần áp dụng ở những vùng biên giới có chiến sự.

Chỉ thị này cần được phổ biến toàn văn trong cấp uỷ tỉnh và huyện; trong bộ đội chủ lực *khi được điều động đi làm nhiệm vụ chiến đấu* thì được phổ biến Chỉ thị này đến cấp trung đoàn. Các đảng bộ cơ sở cũng cần được quán triệt tinh thần của Chỉ thị này.

Trong quá trình thực hiện Chỉ thị này, các tỉnh uỷ và các đảng uỷ Quân khu, Quân đoàn cần tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện ở cấp dưới cho chặt chẽ và báo cáo kết quả lên Trung ương Đảng.

T/M ban bí thư

Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương;

Ban bí thư trung ương đảng quyết định:

**Quyết định
của Ban Bí thư**

Số 03-QĐ/TW, ngày 2 tháng 11 năm 1977

Chuẩn y mẫu thẻ đảng viên và in thẻ đảng viên

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng;

- Trang 4: phía trên có dòng chữ: thẻ đảng viên, ở giữa có ảnh, chữ ký của đảng viên và đóng dấu của Ban Chấp hành Trung ương.

- Trang 5: ghi họ và tên, ngày tháng năm sinh, quê quán, ngày vào Đảng, ngày chính thức của đảng viên; ở dưới có dòng chữ cấp tại: tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc cấp tương đương và ngày, tháng, năm được cấp, đóng dấu của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, thành phố hoặc cấp ủy tương đương.

- Trang 6 và 7: trích Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV nói về tư cách đảng viên.

- Trang 8 và 9: để dự phòng gia hạn sử dụng thẻ đảng viên (xét cân).

- Trang 10: Quy định về sử dụng và bảo quản thẻ Đảng.

1. Thẻ đảng viên hình chữ nhật, chiều dài 10 cm, chiều rộng 6,9 cm, bìa màu đỏ tươi, phía trên có dòng chữ: Đảng cộng sản việt nam, ở giữa có búa liềm, phía dưới có dòng chữ: thẻ đảng viên. Ở trong đó có 10 trang giấy màu hồng nhạt, nhiều vân.

- Trang 1: phía trên có dòng chữ: "vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại", ở giữa là búa liềm và hình địa cầu.

- Trang 2: ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh và trích lời *Di chúc* của Người.

- Trang 3: hình bản đồ Việt Nam trên bông sen.

2. Số thẻ đảng viên được in ba triệu (2.200.000 thẻ đảng viên chính thức + 800.000 thẻ đảng viên dự bị). Thẻ Đảng phải in đúng mẫu đã duyệt và phải bảo đảm kỹ thuật để dùng trong khoảng mười năm (10 năm).

3. Đảng đoàn các Bộ Công nghiệp nhẹ, Bộ Văn hoá, Bộ Nội vụ theo chức năng của mình phụ trách việc sản xuất, cung cấp nguyên liệu, tổ chức việc in và bảo vệ thẻ Đảng.

4. Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm theo dõi quản lý việc in và làm thẻ đảng viên để chuẩn bị phát thẻ đảng viên vào cuối năm 1978.

T/M Ban bí thư

Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**quyết định
của ban bí thư**

Số 04-QĐ/TW, ngày 7 tháng 11 năm 1977

**Về nhiệm vụ, quyền hạn và chế công tác
của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương**

Theo quyết định của Bộ Chính trị thành lập Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương;
Theo đề nghị của đồng chí Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương;

Ban Bí thư quyết định:

I- Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương là cơ quan trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Hội đồng Chính phủ.

Viện tương đương như một ban của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và như một bộ của Hội đồng Chính phủ.

II- Viện có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Nghiên cứu hệ thống quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa trong cả nước, bao gồm các vấn đề: tổ chức lại nền sản xuất xã hội, phương thức quản lý kinh tế lấy kế hoạch làm chính, bộ máy quản lý kinh tế.

Dự thảo các đề án về quản lý kinh tế có nội dung tổng hợp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực để trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Hội đồng Chính phủ.

Phát biểu ý kiến với Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Hội đồng Chính phủ về những đề án quản lý kinh tế do các Ban và các Bộ trình ra Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Hội đồng Chính phủ.

2. Tổng kết thực tiễn quản lý kinh tế ở nước ta, nghiên cứu vận dụng các quy luật kinh tế vào công cuộc xây dựng và quản lý kinh tế trong quá trình phát triển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; nghiên cứu kinh nghiệm tổ chức và quản lý kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa và các nước khác; từng bước xây dựng khoa học về quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

3. Tổ chức việc bồi dưỡng cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước về quản lý kinh tế; hướng dẫn các viện, các trường bồi dưỡng cán bộ về quản lý kinh tế của các bộ, các tỉnh, thành phố.

4. Hướng dẫn, giúp đỡ về nội dung và phương pháp nghiên cứu đối với các tổ chức nghiên cứu quản lý kinh tế của các bộ, các tỉnh, thành phố.

**III- Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương
có quy chế công tác như sau:**

1. Trên cơ sở chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội đồng Chính phủ, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương xây dựng chương trình công tác của Viện và thực hiện chương trình công tác đó, phục vụ yêu cầu công tác của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Hội đồng Chính phủ.

2. Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương được mời dự các Hội nghị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội đồng Chính phủ, Thường vụ Hội đồng Chính phủ bàn về các vấn đề quản lý kinh tế.

3. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương được cung cấp đầy đủ thông tin cần cho công tác nghiên cứu, gồm những nghị quyết, chỉ thị, thông báo... của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội đồng Chính phủ, những báo cáo về kinh tế và quản lý kinh tế của các bộ và các tỉnh, thành phố gửi lên Trung ương Đảng và Chính phủ.

4. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương có quan hệ công tác chặt chẽ với các Ban Kinh tế và các ban khác của Trung ương Đảng, với Văn phòng Trung ương Đảng và Văn phòng Thủ tướng.

5. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương có quan hệ cộng tác chặt chẽ với các bộ, các tỉnh, thành phố, cũng như với các tổ chức chuyên nghiên cứu quản lý kinh tế theo một chương trình phân công, phối hợp chung.

6. Trong công tác nghiên cứu, Viện có một lực lượng cộng tác viên gồm những cán bộ đảng, cán bộ quản lý nhà nước và quản lý kinh tế, cán bộ lý luận, chuyên gia giỏi về khoa học - kỹ thuật và về quản lý kinh tế ở các ngành, các địa phương và các cơ sở.

7. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương có quan hệ hợp tác, trao đổi kinh nghiệm với các Viện quản lý kinh tế có chức năng tương đương của các nước xã hội chủ nghĩa anh

em, theo đúng đường lối đối ngoại của Đảng và những quy định về quan hệ quốc tế của Đảng và Nhà nước.

IV- Cơ cấu tổ chức của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương gồm:

- Vụ nghiên cứu tổng hợp.
- Vụ nghiên cứu quản lý công nghiệp (bao gồm cả xây dựng, giao thông vận tải).
- Vụ nghiên cứu quản lý nông nghiệp (bao gồm cả lâm nghiệp và ngư nghiệp).
- Vụ nghiên cứu quản lý lưu thông, phân phối.
- Ban quản lý các lớp bồi dưỡng cán bộ cao cấp về quản lý kinh tế.
- Văn phòng (bao gồm các bộ phận tổ chức, cán bộ, quản trị, văn thư, thư viện, tư liệu ...).

Viện có một Hội đồng khoa học quản lý kinh tế làm chức năng tư vấn về khoa học quản lý kinh tế cho Viện trưởng.

Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương là một đơn vị ngân sách. Biên chế cán bộ và kinh phí hằng năm của Viện do Chính phủ duyệt.

Trên cơ sở Quyết định này, Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương ban hành nội quy công tác cụ thể của Viện.

V- Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương do một Viện trưởng điều khiển, có một số Phó Viện trưởng giúp Viện trưởng trong việc chỉ đạo công tác chung và được Viện trưởng uỷ nhiệm chỉ đạo từng phần công việc của Viện.

Viện trưởng, các Phó Viện trưởng của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương do Bộ Chính trị quyết định. Các thành viên của Hội đồng khoa học và Tổng Thư ký khoa học do Ban Bí thư quyết định.

Quyết định này thay thế những quy định về tổ chức nghiên cứu quản lý kinh tế ghi trong điều 4, mục III, Nghị quyết số 243-NQ/TW ngày 30-6-1975 của Ban Bí thư¹⁾.

T/M ban bí thư

Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

¹⁾ Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.36, tr.261 (B.T).

ban bí thư trung ương đảng quyết định:

1. Giao cho Ban Cán sự Đảng về công tác C quản lý Trường Nguyễn ái Quốc X về các mặt: tổ chức biên chế, cơ sở vật chất của trường, thực hiện chế độ sinh hoạt đối với học viên bạn.
2. Ban Tuyên huấn Trung ương phối hợp với Ban Cán sự Đảng về công tác C tổ chức việc học tập cho bạn, soạn thảo chương trình học tập, sắp xếp việc giảng dạy để thực hiện chương trình đó, bảo đảm yêu cầu học tập do Trung ương Đảng bạn đề ra.
3. Ban Cán sự Đảng về công tác C, Uỷ ban Liên lạc kinh tế với nước ngoài, Ban Tuyên huấn Trung ương, Văn phòng Trung ương và Trường Nguyễn ái Quốc X có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/m ban bí thư

Nguyễn duy trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Quyết định

Số 05-QĐ/TW, ngày 14 tháng 11 năm 1977

Về việc quản lý Trường Nguyễn ái Quốc X

Trong Quyết định số 02-QĐ-NS/TW ngày 30-12-1976 của Ban Bí thư "Về nhiệm vụ của trường Đảng miền Tây trong giai đoạn cách mạng mới" điểm 4 và điểm 5 đã quy định: "kinh phí hoạt động của trường do Văn phòng Trung ương thống nhất quản lý, cung cấp các khoản kinh phí của trường và quản lý các cơ sở, vật chất hiện có".

Nay, theo văn bản đã ký kết giữa Chính phủ ta và Chính phủ nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào về viện trợ cho bạn, thì chi phí về đào tạo cán bộ lý luận cho bạn do kinh phí của Nhà nước ta viện trợ bạn.

Để thống nhất việc chỉ đạo công tác giúp bạn đã được ghi trong Quyết định số 02-QĐ/TW về việc thành lập Ban Cán sự Đảng về công tác C; để thống nhất kế hoạch tài chính về viện trợ cho bạn,

**Chỉ thị
của Ban Bí thư**

Số 23-CT/TW, ngày 15 tháng 11 năm 1977

**Về công tác dân tộc ít người ở các tỉnh miền Nam
trong tình hình hiện nay**

ở các tỉnh miền Nam, các dân tộc ít người cư trú tại những vùng quan trọng về các mặt chính trị, kinh tế và quốc phòng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, truyền thống đoàn kết dựng nước và giữ nước của đồng bào ngày càng được phát huy. Trong Cách mạng Tháng Tám và trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, các dân tộc ít người ở miền Nam đã có những đóng góp rất to lớn; có những vùng trong suốt mấy chục năm qua là căn cứ cách mạng, căn cứ kháng chiến. Song ở những vùng tạm bị địch chiếm trước đây, bọn thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đã thi hành chính sách chia rẽ các dân tộc và thực hiện chủ nghĩa thực dân mới, để lại những hậu quả rất tai hại về chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội.

Từ ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, công tác của ta trong các dân tộc đã đạt được những thành tích to lớn, nhưng cũng còn nhiều khuyết điểm và nhược điểm.

Để tiến hành tốt các mặt công tác ở những vùng dân tộc ít người ở miền Nam, các cấp, các ngành cần nắm vững và thực hiện đầy đủ chính sách dân tộc của Đảng đề ra trong Nghị

quyết Đại hội Đảng lần thứ IV và những nhiệm vụ của công tác dân tộc ở miền Nam trong tình hình hiện nay.

Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ IV ghi rõ:

"Giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc là một trong những nhiệm vụ có tính chất chiến lược của cách mạng Việt Nam.

Phải tăng cường khối đoàn kết không gì lay chuyển nổi giữa các dân tộc trong cả nước, phát huy tinh thần cách mạng và năng lực sáng tạo của các dân tộc ít người trong sự nghiệp xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Chính sách dân tộc của Đảng là thực hiện triệt để quyền bình đẳng về mọi mặt giữa các dân tộc, tạo những điều kiện cần thiết để xoá bỏ tận gốc sự chênh lệch về trình độ kinh tế, văn hoá giữa dân tộc ít người và dân tộc đông người; đưa miền núi tiến kịp miền xuôi, vùng cao tiến kịp vùng thấp; làm cho tất cả các dân tộc đều có cuộc sống ấm no, văn minh và hạnh phúc, đoàn kết giúp nhau tiến bộ, cùng làm chủ tập thể Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa".

Nhiệm vụ chung của công tác dân tộc ở các tỉnh miền Nam là:

Quán triệt chính sách dân tộc của Đảng, ra sức phát động quần chúng xây dựng vững chắc cơ sở chính trị, giữ vững trật tự an ninh, đẩy mạnh sản xuất, phát triển văn hoá, cải thiện một bước đời sống nhân dân, nhanh chóng ổn định tình hình các mặt, tạo điều kiện thuận lợi để cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội với bước đi và phương pháp thích hợp, xây dựng các vùng dân tộc vững chắc về chính trị, giàu có về kinh tế, vững mạnh về quốc phòng, cùng cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Những công tác chính là:

1. *Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chính sách dân tộc của Đảng*

Muốn làm tốt công tác dân tộc, trước hết phải làm cho cán bộ và đảng viên quán triệt chính sách dân tộc của Đảng, trên cơ sở đó, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục trong quần chúng những điểm cơ bản của chính sách dân tộc, chống lại những luận điệu lừa bịp, xuyên tạc của Mỹ - ngụy trước đây, đánh bại những âm mưu hoạt động phản cách mạng của địch, xoá bỏ những thành kiến dân tộc do lịch sử để lại, tăng cường đoàn kết giữa các dân tộc.

Ban Tuyên huấn và Ban Dân tộc Trung ương phối hợp biên soạn tài liệu học tập phù hợp với từng đối tượng, hướng dẫn các địa phương tổ chức tuyên truyền, giáo dục chính sách dân tộc trong nhân dân.

2. Ra sức khôi phục và phát triển sản xuất, ổn định và cải thiện một bước đời sống của nhân dân

Cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của quần chúng là một trong những nội dung cơ bản của chính sách dân tộc, là mối quan tâm thường xuyên của Đảng và Nhà nước ta.

Trước mắt phải ra sức giúp đỡ nhân dân khôi phục và phát triển sản xuất, tận dụng mọi khả năng sản xuất lương thực, thực phẩm để bảo đảm đời sống, mau chóng chấm dứt nạn thiếu đói.

ở vùng dọc Trường Sơn và Tây Nguyên phải tích cực thực hiện định canh định cư kết hợp với việc xây dựng các vùng kinh tế mới; chú trọng giải quyết tốt mối quan hệ giữa đồng bào địa phương với đồng bào nơi khác đến, giữa đồng bào địa phương với các nông trường, lâm trường quốc doanh, với lực lượng quân đội làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế ở địa phương. Các nông trường, lâm trường, các lực lượng quân đội và đồng bào miền xuôi lên miền núi xây dựng kinh tế có nhiệm vụ giúp đỡ đồng bào địa phương trong sản xuất và đời sống.

ở vùng dân tộc Chăm và dân tộc Khơme, phải tích cực giúp đồng bào khai hoang, phục hoá, làm thuỷ lợi, thực hiện thám canh đồng thời tăng vụ, mở rộng diện tích, khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp và các ngành thủ công truyền

thống. Chú ý giải quyết tốt những vụ tranh chấp về ruộng đất theo tinh thần Nghị quyết 254 của Bộ Chính trị.

Phải làm tốt công tác lưu thông phân phối, hướng dẫn khai thác và thu mua những nông, lâm, thổ sản, đi đôi với cung ứng những công cụ lao động và các nhu yếu phẩm cho nhân dân. Cần nấm vững phương châm "lấy lãi bù lỗ, lấy gần bù xa". Phải nói rõ cho quần chúng biết những khó khăn chung trước mắt và thực hiện việc phân phối công bằng, hợp lý, trước hết nhằm thù lao thích đáng cho người lao động sản xuất, đồng thời tăng cường phúc lợi tập thể; đối với những người mất sức lao động, gia đình neo đơn, cần tổ chức việc cứu tế để bảo đảm đời sống. Trong chính sách huy động sức dân, cần quán triệt tinh thần lời dạy của Hồ Chủ tịch: "Đối với các dân tộc ít người, có vùng bồi dưỡng đi đôi với động viên, có vùng bồi dưỡng nhiều, động viên ít, có vùng trước mắt bồi dưỡng chưa động viên".

Cần nghiên cứu những đặc điểm của những vùng có dân tộc ít người để tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và công thương nghiệp cho thích hợp.

3. Phát động quần chúng vạch mặt và thanh toán các tổ chức phản động, củng cố vững chắc an ninh chính trị

Tiếp tục thi hành Chỉ thị 04-TW của Trung ương, thanh toán các tổ chức phản động còn lại để nhanh chóng ổn định tình hình, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng và phát triển các vùng dân tộc. Kiên trì phát động quần chúng, phân rõ bọn đầu sỏ phản động ngoan cố với những người làm đường, bị lừa gạt đi theo bọn phản động, thực hiện tốt chính sách khoan hồng đối với những người đã hối cải trở về với nhân dân, đồng thời bao vây truy quét bọn đầu sỏ ngoan cố. Tích cực xây dựng và củng cố cơ sở chính trị (cơ sở đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng, công an, dân quân...) và đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân.

Các địa phương không trực tiếp thi hành Chỉ thị 04-TW cũng phải n้อม vững tinh thần Chỉ thị, đề cao cảnh giác, giữ vững và củng cố an ninh chính trị và trật tự an toàn giới.

4. Công tác văn hóa, giáo dục, y tế, xã hội

+ Về văn hóa: Phát triển các hoạt động văn hóa, thông tin, đẩy mạnh phong trào văn hóa quần chúng. Tăng cường các hình thức hoạt động văn hóa như phát hành sách báo, phát thanh, triển lãm, văn công, điện ảnh, đèn chiếu...; chú ý sử dụng tiếng nói, chữ viết dân tộc và các hình thức hoạt động lưu động để đi sâu vào các vùng cao, xa xôi, hẻo lánh.

Phát huy những phong tục tập quán tốt, tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo nhưng kiên quyết vạch mặt và trừng trị bọn phản động đội lốt tôn giáo. Vận động đồng bào các dân tộc ít người tự giác cải tạo những phong tục tập quán có hại cho sức khoẻ, cho sản xuất, cho nòi giống; đấu tranh xoá bỏ những ảnh hưởng của văn hóa thực dân đồi trụy; vận động xây dựng nếp sống mới: ăn sạch, uống sạch, ở sạch.

+ Về giáo dục: Yêu cầu cấp bách là nhanh chóng đào tạo và bồi dưỡng cán bộ để đáp ứng nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đẩy mạnh phong trào xoá nạn mù chữ, làm tốt công tác bồi dưỡng văn hóa cho cán bộ, đảng viên.

Phát triển giáo dục phổ thông bằng những hình thức trường lớp phù hợp, chú ý mở loại trường thanh niên vừa học vừa làm, trường thiếu nhi vùng cao. Nhanh chóng mở các loại trường chuyên nghiệp và trường đại học ở Tây Nguyên.

+ Đối với tiếng nói và chữ viết dân tộc:

Chính sách của Đảng và Nhà nước ta là tôn trọng tiếng nói, chữ viết của tất cả các dân tộc, và tất cả các dân tộc sống trên lãnh thổ Việt Nam đều phải học và dùng tiếng phổ thông và chữ quốc ngữ là ngôn ngữ chung của cả nước, để có điều kiện mau chóng tiếp thu kiến thức văn hóa, khoa học kỹ thuật.

Đối với những dân tộc ít người đã có chữ viết riêng, các ngành có trách nhiệm và các địa phương phải thực hiện những điều đã được quy định trong Nghị quyết 153-CP của Hội đồng Chính phủ phù hợp với tình hình miền Nam.

+ Về y tế: Trước mắt phải phòng và chống các dịch bệnh, hạn chế tiến tới xoá bỏ những bệnh nguy hiểm như sốt rét cơn, bệnh đường ruột, lao phổi, ghẻ cóc, hoa liễu... Đối với những người mắc bệnh hủi, cần khẩn trương cách ly hoặc tập trung lại ở một chỗ riêng.

Phát động phong trào vệ sinh phòng bệnh trong nhân dân, chú ý xây dựng các công trình vệ sinh: hố xí, giếng nước, nhà tắm...; củng cố các cơ sở y tế hiện có; tổ chức mạng lưới trạm y tế, hộ sinh xã; khuyến khích khai thác và sử dụng thuốc địa phương; vận dụng thực hiện Nghị quyết 156-CP đối với các vùng cao, xa xôi, hẻo lánh.

+ Về công tác xã hội: Kịp thời giúp đỡ về đời sống cho nhân dân những vùng còn nhiều khó khăn, các vùng căn cứ cũ, săn sóc chu đáo thương binh, gia đình liệt sĩ và gia đình có công với cách mạng. Quan tâm đầy đủ đến các trẻ mồ côi, những người già yếu neo đơn, những người tàn tật và những nạn nhân chiến tranh khác.

5. Ra sức củng cố các tổ chức cơ sở và đào tạo bồi dưỡng cán bộ dân tộc

Phải thông qua phát động quần chúng khôi phục và phát triển sản xuất, thực hiện định canh định cư, trấn áp phản cách mạng để phát hiện và bồi dưỡng những người ưu tú đưa vào các tổ chức cơ sở, mặt khác làm trong sạch và củng cố các tổ chức chính quyền, đoàn thể quần chúng và tổ chức đảng.

Đối với những cơ quan có tính chất tiêu biểu, có nhiều quan hệ với quần chúng, cần bố trí cán bộ dân tộc ít người tham gia.

Cần nấm vững và làm tốt công tác dân vận và mặt trận, phát huy vai trò các tổ chức Mặt trận, Nông hội, Thanh niên, Phụ nữ, Phụ lão, các tổ chức tôn giáo yêu nước.

Đối với các tổ chức cơ sở đảng, cần phân loại chi bộ và đảng viên để có kế hoạch nâng cao trình độ văn hoá, trình độ chính trị, nâng cao năng lực công tác. Những nơi chưa có hoặc còn ít đảng viên, phải đưa cán bộ có năng lực về xây dựng và củng cố cơ sở đảng một cách khẩn trương và vững chắc.

Then chốt của việc xây dựng và củng cố cơ sở chính trị là vấn đề cán bộ. Nấm vững tinh thần Chỉ thị 216 của Trung ương, phấn đấu "xây dựng cho từng dân tộc có một số cán bộ cốt cán vững về chính trị, tuyệt đối trung thành và chấp hành đường lối chính sách của Đảng, có năng lực lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện".

Trước mắt phải hết sức coi trọng việc xây dựng cốt cán ở cơ sở. Đối với những người còn trẻ tuổi và đã qua chiến đấu hoặc công tác cần có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng thành cán bộ lãnh đạo, quản lý hoặc chuyên môn. Tích cực đào tạo cán bộ dân tộc ở địa phương, đồng thời điều thêm cán bộ nơi khác tăng cường cho các vùng dân tộc. Tiếp tục lựa chọn, giáo dục và sử dụng hợp lý những công chức và trí thức dân tộc ít người do chế độ cũ để lại.

6. Tăng cường chỉ đạo công tác dân tộc

Thực hiện chính sách dân tộc là trách nhiệm của các cấp uỷ đảng, các cấp chính quyền và đoàn thể quần chúng. Các cấp uỷ và Uỷ ban nhân dân các cấp phải trực tiếp chỉ đạo công tác dân tộc ở địa phương. Các ngành chuyên môn, các đoàn thể quần chúng phải chỉ đạo thực hiện tốt chính sách dân tộc trong công tác của mình ở các vùng dân tộc.

Về tổ chức cơ quan giúp cấp uỷ và Uỷ ban nhân dân chỉ đạo công tác dân tộc ít người, nay tạm thời quy định như sau:

- ở những tỉnh đã có tổ chức làm công tác dân tộc thì giữ nguyên tổ chức đó. ở những tỉnh có Ban Khơme vận thì đổi thành Ban Dân tộc.

- ở những tỉnh chưa có tổ chức làm công tác dân tộc thì giao cho Ban Dân vận và Mặt trận giúp cấp uỷ làm công tác dân tộc.

Ban Dân tộc Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn về nội dung và phương pháp công tác cho các ban hoặc bộ phận làm công tác dân tộc ở các tỉnh miền Nam thi hành Chỉ thị này.

T/m ban bí thư

Nguyễn duy trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

đó về việc thu chi ấy là trái phép thì Uỷ ban Kiểm tra có trách nhiệm yêu cầu đình chỉ việc thu, chi đó và báo cáo với cấp uỷ và Uỷ ban Kiểm tra cấp trên để xem xét, xử lý.

4. Quyết định này được phổ biến tới các tổ chức cơ sở của Đảng.

**Quyết định
của Ban Bí thư**

Số 06-QĐ/TW, ngày 18 tháng 11 năm 1977

Về việc kiểm tra tài chính của Đảng

- Để thực hiện đúng quy định trong chương X của Điều lệ Đảng,
- Để bảo đảm nguyên tắc thu, chi, quản lý tài chính của Đảng một cách chặt chẽ,

Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định:

1. Từ nay, mỗi khi tổ chức đảng cấp dưới báo cáo tình hình tài chính bằng văn bản với tổ chức đảng cấp trên thì đồng gửi cho Uỷ ban Kiểm tra cấp trên và đồng cấp mỗi nơi một bản để tiện theo dõi và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra như Điều lệ đã quy định.
2. Các cơ quan tài chính của Đảng có trách nhiệm cung cấp tình hình theo yêu cầu của Uỷ ban Kiểm tra cấp trên hoặc đồng cấp khi Uỷ ban Kiểm tra tiến hành kiểm tra tài chính của Đảng ở đảng bộ đó.
3. Uỷ ban Kiểm tra cấp trên hoặc đồng cấp khi tiến hành kiểm tra, phát hiện, xác minh, kết luận là có thu, chi trái phép tài chính của Đảng và sau khi đã nhất trí với cấp uỷ ở

T/M Ban Bí thư
Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 23-TT/TW, ngày 30 tháng 11 năm 1977

**Về việc Trường Đảng cao cấp Nguyễn ái Quốc
cơ sở 2 mở lớp một năm bồi dưỡng cán bộ
đương chức**

Căn cứ vào Quyết định số 214-NQ-NS/TW ngày 20-8-1977 của Ban Bí thư Trung ương về việc thành lập cơ sở 2 Trường Đảng cao cấp Nguyễn ái Quốc tại thành phố Hồ Chí Minh, và để thực hiện quy hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, bắt đầu từ năm 1978 Trường Đảng cao cấp Nguyễn ái Quốc cơ sở 2 mở lớp một năm bồi dưỡng cho cán bộ đương chức ở các tỉnh phía Nam.

Nội dung bồi dưỡng: một số vấn đề về lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, về đường lối chính sách của Đảng và một số vấn đề về quản lý nhà nước, quản lý kinh tế.

Đối tượng đi học: các đồng chí trưởng ty, phó trưởng ty, trưởng, phó ban, ngành của tỉnh, thành; các đồng chí bí thư, phó bí thư, chủ tịch huyện, quận, thị xã tuổi trên dưới 50, sức khoẻ yếu, cán bộ nghiên cứu từ cán sự 6 trở lên công tác ở các tỉnh, thành và các cơ quan trung ương đóng ở các tỉnh, thành phía Nam.

Còn những đồng chí là tỉnh uỷ viên và những đồng chí khác tuổi còn trẻ hơn, có sức khoẻ hơn sẽ học lớp 1 năm và 2 năm tại Trường Đảng cao cấp Nguyễn ái Quốc cơ sở 1 (Hà Nội).

Thời gian khai giảng lớp: 16-2-1978.

Ban Tổ chức Trung ương và Ban Giám đốc Trường Đảng cao cấp Nguyễn ái Quốc có trách nhiệm phân phối và xét duyệt cán bộ đi học.

Danh sách cán bộ được cử đi học cần gửi về Ban Tổ chức Trung ương và Trường Đảng cao cấp Nguyễn ái Quốc trước ngày 31-12-1977.

T/L Ban Bí thư
Chánh Văn phòng
Trần Xuân Bách

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Báo cáo
của Bộ Chính trị
tại Hội nghị lần thứ ba
Ban Chấp hành Trung ương khoá IV
(Từ ngày 6 đến ngày 16 tháng 12 năm 1977)

Về kế hoạch phát triển và cải tạo kinh tế,
văn hoá, xã hội năm 1978 và mức phấn đấu
đến năm 1980

Bản báo cáo gồm năm phần:

I- Nhận định về tình hình kinh tế qua hai năm 1976-1977.
II- Nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm (1976-1980) và kế
hoạch năm 1978.

III- Nhiệm vụ cụ thể của các ngành kinh tế, văn hoá
và xã hội trong kế hoạch năm 1978 và mức phấn đấu đến
năm 1980.

IV- Những biện pháp chính để bảo đảm thực hiện kế hoạch.

V- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng
và Chính phủ đối với công tác quản lý kinh tế.

Phân thứ nhất

**Nhận định về tình hình kinh tế qua hai năm 1976 -
1977**

Qua hai năm thực hiện kế hoạch 5 năm (1976 - 1980) và
trong năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của
Đảng, nhân dân cả nước ta đã nêu cao khí thế cách mạng
tiến công, thi đua lao động sản xuất và xây dựng, ra sức khắc
phục các khó khăn sau chiến tranh, vượt qua thiên tai, bước
đầu tổ chức lại nền kinh tế thống nhất của cả nước.

Hai năm qua, trong nhiều ngành, nhiều địa phương và đơn vị
cơ sở, đã có những tiến bộ, những nhân tố mới, trong đó nổi
bật nhất là những cố gắng bước đầu trong việc phân bổ lại và
sử dụng lực lượng lao động xã hội để giải quyết những nhiệm
vụ kinh tế cấp bách.

Các ngành kinh tế, văn hoá đã thu hút trong hai năm
gần 4 triệu lao động (kể cả 43 vạn người được tuyển vào học
các trường đào tạo cán bộ và công nhân), đã sắp xếp việc làm
cho 20 vạn người thất nghiệp ở các thành thị miền Nam.
Trên 50 vạn lao động với 1 triệu nhân khẩu ở các thành thị,
các vùng đồng dân đã di dời mang các vùng kinh tế mới. Lực
lượng quân đội xây dựng kinh tế đã triển khai hoạt động trên
nhiều địa bàn và nhiều lĩnh vực.

Trên mặt trận nông nghiệp, phong trào quần chúng làm
thuỷ lợi, phục hoá, khai hoang, thâm canh, tăng vụ, v.v. đã
phát triển với khí thế cách mạng ở hầu khắp các địa phương.
Gần 45 vạn hécta ruộng đất bô hoá trong chiến tranh đã
được phục hồi sản xuất; diện tích khai hoang đạt 30 vạn ha;
diện tích có nước tưới được mở rộng ở cả hai miền.

Việc tổ chức lại sản xuất nông nghiệp và điều hành lao động
trên địa bàn huyện ở một số địa phương và việc sử dụng lực

lượng quân đội xây dựng kinh tế đã làm rút ngắn thời gian xây dựng nhiều công trình thuỷ lợi và khai hoang.

Nhờ có những tiến bộ đó, giá trị tổng sản lượng nông nghiệp năm 1976 đã tăng 10,2% so với năm 1975, riêng sản lượng lương thực đạt 13,6 triệu tấn, tăng 2 triệu tấn (tăng 17%). Năm 1977, mặc dù thời tiết khắc nghiệt, diện tích lúa đông xuân vẫn được mở rộng hơn năm trước; sản xuất màu phát triển khá ở nhiều vùng, đặc biệt là diện tích gieo trồng vụ đông ở miền Bắc tăng nhanh.

Các ngành công nghiệp, tuy có khó khăn lớn về nguyên liệu, phụ tùng và còn phải khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh, nói chung vẫn giữ được nhịp độ phát triển bình thường và đã bước đầu tập trung sức phục vụ những nhiệm vụ kinh tế cấp bách, đặc biệt là về nông nghiệp và thuỷ lợi. Nhiều ngành và nhiều loại sản phẩm quan trọng tăng khá so với trước, trong đó có một số đạt và vượt mức kế hoạch như: than, xi măng, công cụ lao động, bơm thuỷ lợi, động cơ điện, máy biến thế điện, phương tiện vận tải đường thuỷ, khai thác gỗ, muối, đường mía... Với tinh thần phấn đấu tự lực, cán bộ và công nhân, dựa trên những điều kiện sản xuất trong nước, đã đem lại cho nền kinh tế quốc dân thêm một số sản phẩm mới như: máy bơm thuỷ lợi loại lớn, tàu hút bùn, tàu đánh cá 400 sức ngựa, máy biến thế điện và động cơ điện loại lớn, bơm thuốc trừ sâu, máy bay, v.v., thiết bị toàn bộ cho các nhà máy cỡ nhỏ và cỡ vừa sản xuất gạch, xi măng, đồ sứ, xay xát, sản xuất đường, bột ngọt, v.v.. Việc chế thủ và sản xuất một số loại nguyên liệu, vật liệu trước đây hoàn toàn đưa vào nhập khẩu như tanh xe đạp, thép lõi que hàn, dầu tùng tiêu và một vài loại hoá chất khác, v.v. đã chỉ ra khả năng to lớn về mặt này.

Công tác xây dựng cơ bản tuy không đạt kế hoạch, nhưng khối lượng thực hiện hàng năm tăng 30-40% so với năm trước, đã bước đầu tập trung xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nông nghiệp, lâm nghiệp (thuỷ lợi, khai hoang, trồng rừng).

Nhiều nơi mở công trường xây dựng, chủ yếu dùng lực lượng thủ công, đã hoàn thành kế hoạch trước thời hạn.

Ngành giao thông vận tải đã cố gắng khôi phục và mở rộng hệ thống giao thông vận tải trong cả nước.

Công tác khoa học - kỹ thuật bước đầu phát triển trong một số ngành.

Công tác xuất khẩu đã hoàn thành kế hoạch cả hai năm với nhịp độ tăng tương đối khá.

Việc củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, việc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam đang được xúc tiến.

Các hoạt động thông tin tuyên truyền, giáo dục, văn hoá, xã hội, y tế, thể dục thể thao, v.v. được đẩy mạnh, góp phần nâng cao trình độ chính trị và văn hoá của nhân dân, đẩy lùi một bước ảnh hưởng của văn hoá nô dịch, ngăn chặn các bệnh dịch và bảo vệ sức khoẻ của nhân dân.

Về đời sống nhân dân, tuy còn nhiều khó khăn, ta đã vượt qua được thiên tai và hai vụ giáp hat, đã tích cực giải quyết tình trạng thiếu hụt lớn về lương thực bằng các biện pháp cấp bách.

Sự chuyển biến bước đầu về nhận thức, về công tác chỉ đạo và quản lý của các cấp bộ đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IV của Đảng, Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, là nhân tố quan trọng đối với việc thực hiện kế hoạch nhà nước trong thời gian qua.

Tuy nhiên, những kết quả và tiến bộ đạt được chưa toàn diện, còn thấp xa so với yêu cầu và so với tiềm lực của nền kinh tế quốc dân.

Sản xuất lương thực và thực phẩm hụt nhiều so với kế hoạch. Năm 1977, do thời tiết bất thường, sản lượng lương thực đạt kém năm 1976. Công chung cả hai năm 1976-1977, sản lượng lương thực hụt kế hoạch trên 4 triệu tấn; lương thực Nhà nước huy động hụt khoảng 3,5 triệu tấn. Do đó, ta phải sử

dụng phần lớn lương thực dự trữ và phải nhập khẩu gần 1,8 triệu tấn lương thực (quy ra gạo), nhưng vẫn chưa đáp ứng đủ các nhu cầu. Những kế hoạch có liên quan đến việc Nhà nước cung cấp lương thực như: phân bổ lại lao động, đưa dân đi xây dựng vùng kinh tế mới, khai hoang, trồng rừng, phát triển cây công nghiệp, chăn nuôi, đều chịu ảnh hưởng trực tiếp và đạt mức thấp.

Một số ngành và sản phẩm công nghiệp quan trọng không đạt kế hoạch như: một số loại sản phẩm cơ khí, hoá chất, vật liệu xây dựng (trù xi măng) đã hạn chế việc bảo đảm công cụ và vật liệu để tận dụng lực lượng lao động và phát huy năng lực sản xuất sẵn có. Công nghiệp thực phẩm và công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng gặp khó khăn về nguyên liệu do chưa khai thác tốt nguồn nguyên liệu trong nước, nguyên liệu nhập khẩu lại giảm sút. Hàng hoá khan hiếm hơn trước.

Nhiệm vụ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế trong hai năm mới thực hiện được 25% mức dự kiến về khối lượng xây lắp của kế hoạch 5 năm. Khối lượng công tác thuỷ lợi, khai hoang và trồng rừng còn lại trong ba năm tới rất nặng. Hầu hết công trình công nghiệp, giao thông đều không thực hiện đúng tiến độ thi công và đưa vào sử dụng. Tình trạng xây dựng kéo dài và phân tán làm cho hiệu quả của vốn đầu tư càng giảm sút và nền kinh tế chậm có thêm cơ sở sản xuất mới để tăng nhanh sản lượng và thu hút thêm lực lượng lao động.

Giao thông vận tải là khâu rất yếu của nền kinh tế, đã gây trở ngại lớn cho sản xuất, xây dựng và giao lưu kinh tế giữa các vùng, giữa trong nước và ngoài nước.

Nhìn chung nền kinh tế cả nước ta, tiềm lực kinh tế khá lớn, nhu cầu ngày càng nhiều, dân số tăng nhanh, nhưng sản phẩm xã hội tăng chậm. Điều đáng quan tâm nhất là: *lực lượng lao động dồi dào của xã hội chưa được dùng hết và*

dùng tốt, trong khi đất đai, rừng, biển và các tài nguyên khác chưa được khai thác tốt, cơ sở vật chất - kỹ thuật đã có chưa được tận dụng có hiệu quả.

Hiện nay, số người chưa có việc làm ở các thành thị còn trên 64 vạn người. Nếu tính cả số người đang làm việc, nhưng thời gian lao động chỉ mới được sử dụng ở mức thấp và những người chưa có việc làm ổn định ở thành thị cũng như ở nông thôn, thì sức lao động của nước ta đang bị lãng phí rất lớn. Trong nông nghiệp ở miền Bắc, diện tích gieo trồng bình quân cho một lao động trồng trọt năm 1975 là 0,77 ha, năm 1977 sụt xuống là 0,69 ha, trong đó ở vùng đồng bằng là 0,5 ha. Trong ngành công nghiệp nhẹ, kể cả công nghiệp địa phương và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, còn khoảng 20 - 30% số người lao động thiếu việc làm. Tỷ lệ ngày công và giờ công có ích trong các ngành kinh tế quốc doanh đều rất thấp. Lực lượng cán bộ và công nhân kỹ thuật phát triển thiếu cân đối giữa các ngành, chưa tập trung được vào những nhiệm vụ kinh tế then chốt, chưa tăng cường được cho các huyện và các đơn vị kinh tế cơ sở, chưa được sử dụng và phát huy tốt cả về thời gian lao động cũng như về hiệu suất làm việc.

Năng lực sản xuất hiện có của các ngành mới được sử dụng ở mức thấp. Tỷ lệ sử dụng máy móc, thiết bị của các xí nghiệp công nghiệp trung ương năm 1976 mới đạt gần 60%, thậm chí có nhiều loại máy đạt dưới 50%. Trong công nghiệp địa phương, tỷ lệ này càng thấp hơn. Mức sử dụng máy kéo nông nghiệp, xe máy thi công trong xây dựng cơ bản, phương tiện vận tải trong ngành giao thông còn kém hơn nữa. Nhiều chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chưa đạt mức trước thời kỳ chiến tranh, trong đó năng suất của phương tiện vận tải chỉ bằng khoảng một nửa mức của năm 1964. Tính chung, thu nhập quốc dân trên một đồng tài sản cố định sản xuất chỉ bằng 52% so với trước thời kỳ chiến tranh.

Trong xây dựng cơ bản, tỷ lệ huy động tài sản cố định rất thấp, chỉ đạt khoảng 45% vốn đầu tư. Nhiều công trình đã hoàn thành cũng chậm phát huy công suất.

Mặt khác, tình hình sử dụng vật tư còn rất lãng phí; tình trạng phô biến là tiêu dùng vượt định mức, vật tư và thiết bị tồn kho ứ đọng quá lớn trong khu vực quốc doanh. So với trước thời kỳ chiến tranh (tính cho 1 đơn vị sản phẩm), mức tiêu hao than trong vận tải đường sắt tăng 14%, trong sản xuất gach tăng 20%, mức tiêu hao xăng dầu trong vận tải tăng 14%, mức tiêu hao bông cho kéo sợi tăng 1,5%, v.v.. Trong các ngành công nghiệp và xây dựng, mức tiêu hao nhiều loại vật tư cũng vượt định mức và cao hơn so với trước thời kỳ chiến tranh. Việc thu hồi, sử dụng lại phế liệu, phế phẩm còn bị xem nhẹ. Tình trạng ỷ lại vào nhập khẩu rất nặng, thiếu tích cực khai thác nguyên liệu, vật liệu trong nước. Nạn ăn cắp vật tư và hàng hoá lan rộng và nghiêm trọng, chưa bị ngăn chặn, trừngh trị đúng mức và kịp thời.

Kết quả cuối cùng là giá thành của nhiều loại sản phẩm cao hơn mức trước thời kỳ chiến tranh, như: giá thành về nhiệt điện tăng 35%, về than tăng 54%, về xi măng tăng 8%, về quặng apatít tăng gấp hai lần, về đường (Nhà máy Vạn Điểm) tăng 50%; giá thành về vận tải hàng hoá đường sắt tăng 62%, về đường sông tăng 14%; phần lớn công trình xây dựng đều vượt nhiều so với giá dự toán.

Công tác lưu thông phân phối tiến bộ rất chậm và có nhiều khuyết điểm. Đến nay, Nhà nước chưa nắm được khối lượng lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng tương ứng với khối lượng vật tư, hàng hoá cung ứng cho nông nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp. Cách tổ chức phân phối hàng hoá của Nhà nước còn có nhiều điều không hợp lý và thiếu sót. Thị trường trong nước bị phá rối, giá cả biến động lớn, nhất là ở các tỉnh miền Nam. Các hiện tượng tiêu cực trong xã hội như: móc ngoặc, cửa quyền, ăn hiếp, tham ô, hối lộ, trộm cắp... chậm được khắc phục, có mặt, có nơi lại phát triển hơn trước.

Đời sống nhân dân chậm giảm bớt khó khăn và thiếu thốn, nhất là đối với những người lao động, những người làm ăn lương thiện; nhiều nơi bị khó khăn thêm mà đáng lẽ không đáng có.

Tóm lại, hai năm qua, nền kinh tế cả nước ta chuyển biến quá chậm và đang đứng trước nhiều khó khăn lớn, nhiều mặt mất cân đối gay gắt, thể hiện trên mấy chỉ tiêu cân đối tổng hợp như sau: thu nhập quốc dân năm 1977 tăng chậm hơn tốc độ phát triển dân số và chỉ đủ bù đắp quỹ tiêu dùng với mức sống còn nhiều khó khăn, thiếu thốn; xuất khẩu chỉ trang trải được 31% kim ngạch nhập khẩu vật tư, thiết bị lẻ và hàng hoá; thu ngân sách trong nước chỉ bảo đảm được khoảng 63% số chi trong năm.

Đối chiếu với nhiệm vụ và những chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm (1976-1980) mà Đại hội lần thứ IV của Đảng đã quyết định, thì mức đạt được còn rất thấp, khối lượng dồn lại cho ba năm sau rất lớn.

Những khó khăn lớn và những mất cân đối lớn của nền kinh tế, về *nguyên nhân khách quan*, bắt nguồn từ nền sản xuất nhỏ, chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh và của chủ nghĩa thực dân mới. Nền kinh tế đang trong quá trình tổ chức lại sản xuất và chậm hoàn chỉnh việc thống nhất quản lý trong cả nước để phát huy các tiềm năng sẵn có, thì đã phải dựa ngay vào sức mình là chính để tự đáp ứng các nhu cầu về sản xuất, xây dựng và đời sống đang tăng lên gấp bội trên quy mô cả nước. Trong một thời gian ngắn, sản xuất trong nước chưa vươn lên kịp để bù đắp mức thiếu hụt lớn về lương thực mà hai miền trước đây phải nhập khẩu, thay thế khối lượng rất lớn về vật tư, hàng hoá mà trước đây đế quốc Mỹ đưa vào miền Nam.

Thiên tai nặng năm 1977 càng làm cho nền kinh tế thêm khó khăn.

Nhưng ta phải nghiêm khắc thấy rõ và kiên quyết khắc phục *nguyên nhân chủ quan* và trực tiếp là ở khâu tổ chức quản lý

kinh tế và chỉ đạo thực hiện, từ trên xuống dưới, trong các ngành, các cấp và các đơn vị cơ sở.

Các ngành, các cấp chưa nhận thức và quán triệt đầy đủ Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương Đảng vào công tác xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện kế hoạch. Trước hết là chưa nắm chắc nguồn lao động xã hội dồi dào và các năng lực sản xuất hiện có để khai thác tốt đất đai, các tài nguyên rừng, biển, khoáng sản phong phú của nước ta. Chưa nhận thức đầy đủ vị trí chiến lược của nông nghiệp và chưa thật sự tập trung cao độ lực lượng của toàn Đảng, toàn dân và của các ngành, các cấp đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất lương thực; chưa coi trọng đúng mức sản xuất màu. Tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào bên ngoài và bên trên còn nặng; nhiều ngành, nhiều địa phương và đơn vị cơ sở chưa ra sức khai thác nguồn nguyên liệu, vật liệu trong nước, tự sản xuất lấy máy móc, thiết bị và phụ tùng để thay thế hàng nhập khẩu, chưa chú ý thu hồi và sử dụng phế liệu, phế phẩm để tăng thêm của cải vật chất; chưa nhận rõ ý nghĩa bức thiết của nhiệm vụ xuất khẩu để tích cực tổ chức khai thác tốt các khả năng xuất khẩu.

Việc bố trí các cân đối kế hoạch thường xuất phát từ các điều kiện về vật tư, thiết bị, hàng hoá gắn liền với các khả năng về ngoại tệ, vốn đầu tư, là những mặt đang có nhiều khó khăn, mà chưa coi trọng việc khai thác, liên kết các thế mạnh của ta về lao động, đất đai, rừng, biển và các tài nguyên khác để tạo ra thế đi lên vững chắc, chủ động và tích cực vượt các khó khăn. Kế hoạch chưa cân đối được chặt chẽ các điều kiện, biện pháp để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ. Việc cân đối xuất nhập khẩu thiếu vững chắc, dự kiến mức thiếu hụt ngoại tệ cần phải tìm cách trang trải trong kỳ kế hoạch tương đối lớn làm cho việc thực hiện các kế hoạch sản xuất và xây dựng liên quan đến nguồn hàng ngoài nước thường bị động.

Trong kế hoạch của các ngành, các cấp và các đơn vị cơ sở, chưa hạch toán chặt chẽ chi phí về lao động, vật tư, thiết bị, vốn đầu tư với hiệu quả kinh tế.

Công tác quản lý kinh tế và chỉ đạo thực hiện trong thời gian qua chuyển biến rất chậm; tình trạng trì trệ kéo dài, sức ỳ khá lớn, bệnh quan liêu còn nặng.

Việc cải tiến quản lý kinh tế và thống nhất quản lý trong cả nước thực hiện chậm trễ, dừng lại ở những nguyên tắc chung. Các ngành, các địa phương và đơn vị cơ sở chưa lấy việc kiểm kê, kiểm soát thường xuyên, có hệ thống và vận dụng các kết quả đó để nắm chắc lực lượng lao động xã hội, đất đai, các tài nguyên, các cơ sở vật chất - kỹ thuật, các máy móc, vật tư nhằm đưa vào sử dụng có hiệu quả và tiết kiệm.

Nhiều chiến lợi phẩm thu được của Mỹ - ngụy như: máy móc, thiết bị, vật tư, hàng hoá bị phân tán và sử dụng tuỳ tiện, bừa bãi, hiện nay còn để ứ đọng ở nhiều nơi (cả trong quân đội) chưa sử dụng, để hư hỏng và lãng phí lớn.

Công tác chỉ đạo, quản lý kinh tế chưa gắn chặt với kế hoạch nhà nước và chưa theo kịp yêu cầu của nhiệm vụ kế hoạch. Nền kinh tế quốc dân chưa được thật sự chỉ đạo và quản lý bằng kế hoạch; có trường hợp chỉ tiêu kế hoạch đã được duyệt bị thay đổi một cách tuỳ tiện. Việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch, từ trên xuống dưới chưa toàn diện, thường chỉ chú ý sản lượng, chưa coi trọng các chỉ tiêu chất lượng. Cho đến nay, các chỉ tiêu về năng suất lao động, hiệu suất sử dụng máy móc, thiết bị, tiêu hao vật tư, giá thành sản phẩm, phí lưu thông... của nhiều ngành, nhiều đơn vị cơ sở vẫn chưa trở lại mức trước thời kỳ chiến tranh.

Các chính sách, chế độ quản lý chưa được chấp hành đầy đủ. Pháp chế kinh tế không được tôn trọng. Việc thực hiện hợp đồng kinh tế còn lỏng lẻo. Một số chính sách và chế độ quản lý chậm được sửa đổi, bổ sung. Công tác tiêu chuẩn định mức bị buông lỏng, cả trong việc xây dựng cũng như trong việc tổ chức thực hiện.

Việc chậm hoàn chỉnh chế độ quản lý thống nhất nền kinh tế trong cả nước đã gây trở ngại lớn cho công tác kế hoạch hoá và công tác chỉ đạo thực hiện kế hoạch, nhất là ở miền Nam. Ở miền Nam, nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa chưa kết hợp chặt chẽ với xây dựng chủ nghĩa xã hội; lực lượng kinh tế quốc doanh phát triển chậm và công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa chưa được tiến hành khẩn trương. Do đó Nhà nước không làm chủ được một bộ phận tư liệu sản xuất quan trọng trong nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, vận tải; Nhà nước không tập trung được đúng mức nguồn hàng nông sản, hải sản, lâm sản và hàng công nghệ để làm chủ thị trường và khâu lưu thông phân phối. Nhà nước chưa nắm chắc được các phương tiện sản xuất và nguồn vật tư sinh hoạt cần thiết để chủ động tổ chức và phân bố lại lao động xã hội, điều hành guồng máy kinh tế theo đúng quy đao của kế hoạch.

Bộ máy quản lý nhà nước, quản lý kinh tế công kền, kém hiệu lực, không nắm vững chuyên chính vô sản và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Chế độ trách nhiệm không rõ, kỷ luật không nghiêm, không kiên quyết đấu tranh loại trừ những hiện tượng tiêu cực trong công tác quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, văn hoá và trong đời sống xã hội.

Chức năng chỉ đạo, quản lý theo ngành và theo cấp đều không thực hiện tốt. Quan hệ về phân công, phân cấp quản lý giữa trung ương và địa phương cũng như giữa các ngành trung ương, giữa cấp tỉnh và cấp huyện còn có nhiều vướng mắc chưa được giải quyết kịp thời. Khuynh hướng cục bộ, bản vị, chủ nghĩa địa phương còn nặng. Những việc phải có sự phối hợp giữa các ngành và các địa phương thường hay bị trực trặc.

Bộ máy chỉ đạo và quản lý của các ngành, các cấp chậm được chấn chỉnh và không ổn định đã ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện nhiệm vụ ở nhiều địa phương, nhiều ngành quan trọng.

Công tác xây dựng đảng, công tác tư tưởng, công tác tổ chức và cán bộ, công tác vận động quần chúng đều chưa theo kịp tình hình, không bảo đảm tốt yêu cầu quản lý kinh tế trong thời kỳ mới, chưa tích cực nêu cao tư tưởng, phẩm chất và tác phong cách mạng, gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong việc chấp hành đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước.

Đánh giá đúng tình hình hai năm qua, thấy rõ hơn nữa những thuận lợi cơ bản và các thế mạnh của nền kinh tế, nhìn thẳng vào những khó khăn lớn của nền kinh tế hiện nay, dự phòng cả những khó khăn to lớn đột xuất, đồng thời thấy đầy đủ những chỗ yếu, kém trong công tác quản lý kinh tế và chỉ đạo thực hiện, Đảng ta, Nhà nước ta cùng với nhân dân phải thực sự chuyển mạnh trong tư tưởng và trong hành động ngay từ năm 1978, năm có ý nghĩa hết sức quan trọng để tiến lên đạt những mục tiêu lớn mà Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã đề ra.

Phân thứ hai

Nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm (1976-1980) và của kế hoạch năm 1978

I- Nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm 1976 - 1980

Đại hội lần thứ IV của Đảng đã quyết định đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới ở nước ta, nhằm phấn đấu hoàn thành về cơ bản quá trình đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong khoảng 20 năm.

Trong quá trình đó, *khoảng 10 năm đầu (1976 - 1985) là thời kỳ tạo ra cơ cấu ban đầu của sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa*, tuy chưa hoàn chỉnh nhưng đã có cơ sở để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế bằng sức trong nước là chính. Nền kinh tế nước ta phải giải quyết được về cơ bản nhu cầu lương thực, thực phẩm trong mấy năm trước mắt và tiếp tục bảo đảm vững chắc hơn, dồi dào hơn trong những năm sau; đến khoảng năm 1985, có thể tự đáp ứng được các nhu cầu về nhiên liệu, một phần quan trọng nguyên liệu, vật liệu; có sức tự giải quyết một phần yêu cầu trang bị kỹ thuật ở trình độ cơ giới hoá cho các ngành kinh tế, đồng thời có năng lực xuất khẩu bảo đảm được nhu cầu nhập thiết bị, kỹ thuật và vật tư mà ta còn thiếu. Từ đó, có điều kiện vững chắc để triển khai mạnh mẽ việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội trên quy mô lớn, đồng thời nâng cao nhanh chóng và toàn diện đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, hoàn thành nhiệm vụ công nghiệp hoá, đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong khoảng 10 năm tiếp theo.

Trong quá trình tạo nên cơ cấu ban đầu của sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, kế hoạch 5 năm (1976 - 1980) là kế hoạch mở đầu giai đoạn cách mạng mới, khi đất nước ta vừa ra khỏi cuộc chiến tranh lâu dài, ác liệt, với những hậu quả nặng nề của chiến tranh và của chủ nghĩa thực dân mới.

Đại hội lần thứ IV của Đảng đã xác định rõ "kế hoạch 5 năm (1976 - 1980) phát triển và cải tạo kinh tế, văn hoá, phát triển khoa học - kỹ thuật phải nhằm cùng một lúc hai mục tiêu vừa cơ bản, vừa cấp bách: xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân".

Hướng vào thực hiện hai mục tiêu đó trong điều kiện cụ thể của nước ta hiện nay, Đại hội Đảng đã đề ra những *nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm (1976 - 1980)* như sau:

- Tập trung cao độ lực lượng của cả nước, của các ngành, các cấp, tạo ra một bước phát triển vượt bậc về *nông nghiệp*; ra sức đẩy mạnh *lâm nghiệp, ngư nghiệp*; phát triển *công*

nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm (bao gồm cả thủ công nghiệp và tiểu công nghiệp), nhằm giải quyết vũng chắc nhu cầu của cả nước về lương thực, thực phẩm và một phần quan trọng hàng tiêu dùng thông thường; cải tiến một bước *đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân*, tạo tích luỹ cho công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

- Phát huy năng lực sẵn có và xây dựng thêm nhiều cơ sở mới về *công nghiệp năng*, đặc biệt là *cơ khí*, nhằm phục vụ trước hết cho nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và công nghiệp nhẹ, chuẩn bị cho bước trang bị kỹ thuật trong thời kỳ tiếp theo; tích cực mở mang *giao thông vận tải*, tăng nhanh năng lực *xây dựng cơ bản*; đẩy mạnh công tác *khoa học - kỹ thuật*. Chuẩn bị về mọi mặt để triển khai xây dựng lớn trong những kế hoạch dài hạn sau này.

- Sử dụng hết lực lượng *lao động xã hội*; tổ chức và quản lý tốt lao động; phân bố lại lao động giữa các vùng và các ngành trong cả nước nhằm tăng rõ rệt năng suất lao động xã hội, hình thành bước đầu cơ cấu kinh tế mới công - nông nghiệp kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương, từng bước xây dựng *huyện* thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp (đối với miền núi là đơn vị lâm - nông - công nghiệp); kết hợp kinh tế với quốc phòng *tăng cường nền quốc phòng toàn dân*.

- Hoàn thành về cơ bản *cải tạo xã hội chủ nghĩa* ở miền Nam, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, cải tiến mạnh mẽ công tác *thương nghiệp, giá cả, tài chính, ngân hàng*.

- Tăng mạnh nguồn hàng *xuất khẩu*, trước hết là sản phẩm nông nghiệp và công nghiệp nhẹ; mở rộng *quan hệ kinh tế* với *nước ngoài*.

- Ra sức phát triển sự nghiệp *giáo dục, văn hoá, xã hội*, tiến hành cải cách giáo dục, đẩy mạnh đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật, thanh toán hậu quả của chiến tranh và ảnh hưởng của chủ nghĩa thực dân mới.
- Thực hiện một sự chuyển biến sâu sắc trong *tổ chức và quản lý kinh tế*, xây dựng hệ thống mới về quản lý kinh tế trong cả nước.

Đại hội Đảng đã quyết định đến năm 1980 phải đạt một số chỉ tiêu lớn: 21 triệu tấn lương thực, 1 triệu tấn cá biển, 1 triệu hécta khai hoang, 1 triệu 200 nghìn hécta rừng mới trồng, 16 triệu 500 nghìn con lợn, sản lượng cơ khí tăng 2 lần rưỡi so với năm 1975, 10 triệu tấn than sạch, 5 tỷ kWh điện, 2 triệu tấn xi măng, 1 triệu 300 nghìn tấn phân hoá học, 250-300 nghìn tấn thép; 3,5 triệu m³ gỗ, 450 triệu mét vải, 130 nghìn tấn giấy, 14 triệu m² nhà ở (không kể phần của nhân dân tự làm).

Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã cụ thể hoá thêm một bước phương hướng, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp trong giai đoạn mới và đã xác định thêm một số chỉ tiêu đến năm 1980 phải đạt và vượt: 1 triệu tấn thịt hơi, 3,5 tỷ quả trứng, 22 - 25 vạn tấn đường, 98 vạn hécta cây công nghiệp và cây ăn quả, 50 vạn hécta chuyên sản xuất để xuất khẩu, đưa 1,8 triệu lao động đi mở mang vùng kinh tế mới, 50% diện tích gieo trồng được cày bừa bằng máy, 1 lao động làm từ 1 đến 2 hécta gieo trồng; tiến tới đạt bình quân 3 tấn thóc và 3 - 4 con lợn trên một hécta gieo trồng.

II- Nhiệm vụ của kế hoạch nhà nước năm 1978

Qua hai năm 1976-1977, nhiều chỉ tiêu quan trọng của kế hoạch 5 năm mới được thực hiện ở mức thấp; những mặt mất cân đối lớn của nền kinh tế chưa được thu hẹp lại; đời sống của nhân dân lao động chưa giảm bớt khó khăn; công tác quản lý kinh tế chưa thoát khỏi tình trạng trì trệ từ nhiều năm nay.

Để thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ và chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm mà Đại hội Đảng đã quyết định, *năm 1978 phải tạo ra cho được một bước chuyển biến mạnh mẽ của nền kinh tế*, làm đà cho việc thực hiện kế hoạch trong mấy năm còn lại. Kết quả phấn đấu của năm 1978 sẽ tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của nền kinh tế trong hai năm sau. Do đó, *năm 1978 có một vị trí đặc biệt quan trọng, mang tính chất một năm bản lề đối với sự chuyển biến của tình hình kinh tế và có ý nghĩa quyết định đối với việc hoàn thành kế hoạch 5 năm 1976-1980*.

Tình hình đòi hỏi cấp bách phải có chuyển biến; điều kiện và khả năng tạo nên chuyển biến cũng đã rõ ràng. Chuyển biến đó phải bắt đầu từ việc chuyển hướng công tác kế hoạch hoá, lấy việc khai thác tiềm năng lao động, đất đai, rừng, biển, các tài nguyên khác và cơ sở vật chất - kỹ thuật đã có làm chỗ dựa chính để khắc phục các khó khăn, tạo nên thế và lực mới đưa nền kinh tế tiến lên mạnh mẽ.

Kế hoạch nhà nước năm 1978 phải *quán triệt và thực hiện một cách toàn diện những nhiệm vụ cơ bản mà Đại hội Đảng đã đề ra cho thời kỳ kế hoạch 5 năm 1976-1980*.

Trong những nhiệm vụ đó, nổi lên một số vấn đề kinh tế cấp bách mà năm 1978 phải giải quyết được một bước tích cực, đạt được chuyển biến rõ rệt để thúc đẩy và tạo điều kiện cho việc thực hiện các nhiệm vụ khác. Những vấn đề đó là:

1. *Tích cực và chủ động giải quyết nhu cầu lương thực của xã hội và cân đối lương thực khu vực nhà nước*. Tập trung sức đẩy mạnh sản xuất lương thực, đặc biệt tăng nhanh sản lượng màu, đồng thời tổ chức thực hiện tốt công tác thu mua, huy động lương thực. Trên cơ sở đó, xác định rõ cân đối lương

thực trên địa bàn từng huyện, từng tỉnh cho đến toàn quốc, chủ động bố trí nhập khẩu lương thực còn thiếu. Phân phối lương thực một cách chặt chẽ và tiết kiệm, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng thường xuyên và bảo đảm lương thực cho việc huy động lao động đi khai hoang, làm thuỷ lợi, trồng rừng, xây dựng vùng kinh tế mới, và cho việc đẩy mạnh nghề cá, phát triển cây công nghiệp, chăn nuôi.

2. *Đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng*, khắc phục một bước tích cực tình trạng khan hiếm hàng tiêu dùng, mất cân đối giữa hàng hoá và lưu thông tiền tệ, góp phần tăng thu cho ngân sách nhà nước.

Phải ra sức khai thác khả năng tiềm tàng về sức lao động và nguồn nguyên liệu trong nước để phát triển mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, đặc biệt là sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, đáp ứng nhu cầu trong nước và tăng thêm xuất khẩu.

3. *Tăng nhanh số lượng và mặt hàng xuất khẩu*, tích cực giải quyết phần còn chênh lệch trong cân đối thanh toán quốc tế. Phải mau chóng tổ chức sản xuất, thu mua và chế biến hàng xuất khẩu, khai thác mọi khả năng để đẩy mạnh xuất khẩu nông sản, hải sản, lâm sản, hàng tiêu dùng và hàng mỹ nghệ, khai thác khoáng sản, phát triển mạnh việc làm hàng gia công cho nước ngoài, đồng thời mở rộng các hoạt động khác để có thể tăng nguồn thu ngoại tệ.

4. *Bảo đảm cung cấp điện ổn định cho các ngành sản xuất* trên cơ sở điều hoà nguồn điện, quản lý tốt việc vận hành, phân phối và sử dụng điện một cách hợp lý và tiết kiệm. Khẩn trương bổ sung nguồn điện và hệ thống dẫn điện để đáp ứng được nhu cầu mở rộng sản xuất và xây dựng trong những năm sau.

5. *Tập trung thi công hoàn thành dứt điểm các công trình đang xây dựng dở dang, đưa vào sử dụng trong năm 1978 và khởi công một số công trình có quy mô lớn của kế hoạch 5 năm*. Từ năm 1978, phải cố gắng khắc phục một bước tình trạng đầu tư và xây dựng phân tán, kéo dài, kiên quyết gác lại những công trình chưa đủ điều kiện khởi công, đồng thời đẩy mạnh công tác chuẩn bị đầu tư để bảo đảm tốt cho việc xây dựng các công trình mới trong những năm sau.

6. *Đẩy mạnh giao thông vận tải*, giải quyết cho được việc tiếp nhận tốt hàng nhập khẩu, đặc biệt là ở khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh và nhiệm vụ vận tải Bắc - Nam; nâng cao năng lực vận chuyển apatít phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Đi đôi với các biện pháp cấp bách để giải quyết các vấn đề trên, cần phải xúc tiến việc chấn chỉnh, tăng cường một cách cơ bản công tác giao thông vận tải để phục vụ tốt cho việc giao lưu hàng hoá và đi lại của nhân dân.

7. *Gấp rút chấn chỉnh và tăng cường công tác thu mua, phân phối hàng hoá*, trước hết là lương thực, thực phẩm và các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu. Phải gắn chặt sản xuất với thu mua và phân phối. Thương nghiệp quốc doanh phải vươn lên rất mạnh để nắm nguồn hàng, đi đôi với tăng cường quản lý thị trường, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thương nghiệp tư bản tư doanh, sắp xếp lại những người buôn bán nhỏ. Mặt khác, phải mau chóng chấn chỉnh công tác phân phối hàng hoá, bảo đảm công bằng, hợp lý, thuận tiện cho người tiêu dùng, trước hết là nhân dân lao động.

*

* *

Từ những nhiệm vụ và chỉ tiêu lớn mà Đại hội Đảng và Hội nghị Trung ương lần thứ hai đã quyết định, các chỉ tiêu tổng hợp chủ yếu của kế hoạch nhà nước từ năm 1978 đến năm 1980 được bố trí như sau:

	Đơn vị tính	Thực hiện		Kế hoạch			Tốc độ bình quân hàng năm (%)
		Năm 1976	Năm 1977 (ước tính)	1978	1979	1980	
1	2	3	4	5	6	7	8
Dân số	Triệu người	49,0	50,3	51,58	52,84	54,1	2,4
Lực lượng lao động xã hội	"	22,4	23,5	24,5	25,6	26,7	4,4
Trong đó ở độ tuổi lao động	"	21,4	22,4	23,5	24,5	25,6	4,6
Sử dụng lao động xã hội	"	20,7	22,1	23,6	24,9	26,4	6,4
Tổng sản phẩm xã hội ⁽¹⁾	Tỷ đồng	26,4	28	34,1	42,1	48,9	16,7
Thu nhập quốc dân sản xuất ⁽¹⁾	"	14,5	14,8	18,0	22,5	25,9	15,7
Thu nhập quốc dân sử dụng ⁽¹⁾	"	17,9	18,3	22,2	25,7	28,3	12,0
Trong đó:							
Quỹ tiêu dùng	"	14,6	14,5	15,7	16,5	17,5	4,6
Quỹ tích luỹ	"	3,2	3,6	5,8	8,2	9,5	31,6
Giá trị tổng sản lượng công nghiệp ⁽¹⁾	"	8,3	9,3	11,2	13,6	16,4	18,7
Giá trị tổng	"	7,2	6,9	9,0	10,7	13,1	15,9

sản lượng nông nghiệp ⁽¹⁾							
Khối lượng xây dựng cơ bản (phần đầu tư tập trung của Nhà nước)	"	3,0	3,9	5,9	7,7	9,3	32,7
Trong đó: Xây lắp	"	1,8	2,4	3,2	3,98	5,2	30,0
Khối lượng vận tải hàng hoá trong nước	Tr.tấn	48,8	59,1	69,1	75,3	83,1	14,3
	Tr.t.km	4.860	5.350	6.630	7.590	9.330	17,7
Giá trị xuất khẩu	Tr.rúp và đôla	220	310	420	550	700	33,5
Giá trị nhập khẩu (không kể thiết bị toàn bộ)	"	782	995	905	857	800	
Mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ trong thị trường xã hội	Tỷ đồng	12	13,7	14,9	16,3	16,95	9,0
Trong đó: Thị trường có tổ chức		6,4	7,2	9	11,3	13,5	20,5
Năng suất lao động xã hội trong khu vực sản xuất vật chất	đồng	882	832	940	1.120	1.220	8,4

Với các chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm, nhiệm vụ đặt ra cho ba năm còn lại (1978, 1979, 1980) rất nặng:

⁽¹⁾ Theo giá hiện hành.

⁽¹⁾ Theo giá cố định.

Phải bố trí sử dụng thêm được 4,3 triệu lao động, đưa tiếp 1,3 triệu lao động đi mỏ mang vùng kinh tế mới, khai hoang thêm 90 vạn ha ruộng đất, trồng thêm 96 vạn ha rừng, thực hiện khối lượng xây dựng cơ bản (thuộc nguồn vốn tập trung của Nhà nước) 23,6 tỷ đồng, trong đó xây lắp 12,8 tỷ, xây dựng thêm 11,7 triệu m² nhà ở. Để đạt được các chỉ tiêu đã đề ra cho năm 1980, trong ba năm tới, bình quân mỗi năm phải tăng thêm 2,3 triệu tấn lương thực, 20 vạn ha cây công nghiệp, cây ăn quả, 10 vạn ha chuyên sản xuất để xuất khẩu, 2,5 triệu con lợn, 21 vạn tấn thịt hơi, 13 vạn tấn cá biển; sản lượng công nghiệp phải đạt nhịp độ tăng bình quân hằng năm 21%, trong đó công nghiệp nặng 20,5%, công nghiệp hàng tiêu dùng 21,3%, than 21,4%, điện 13,6%, sản xuất cơ khí 20%, ximăng 33,9%, phân hoá học 36,6%, thép 43,6%, gỗ khai thác 26,9%, vải 15,2%, đường 19,9%, giấy 22,4%, khối lượng vận chuyển hàng hoá trong nước tăng bình quân hằng năm 20,5%; nguồn hàng trong nước do Nhà nước huy động tăng hằng năm 26%, trong đó hàng nông sản, hải sản tăng 58%, riêng lương thực 51% (mỗi năm tăng gần 1,5 triệu tấn), mức lưu chuyển hàng hoá của thị trường có tổ chức tăng 23,4%.

Nhiệm vụ hoàn thành về cơ bản cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, từng bước xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp cũng phải xúc tiến rất khẩn trương, mạnh mẽ thì mới thực hiện được.

Phải phấn đấu với cố gắng vượt bậc theo các nhịp độ nêu trên thì đến năm 1980 thu nhập quốc dân sản xuất mới có thể bảo đảm quỹ tiêu dùng và bù đắp được 2/3 quỹ tích luỹ; xuất khẩu mới trang trải được gần 90% kim ngạch nhập khẩu (chưa kể phần nhập khẩu thiết bị toàn bộ); ngân sách nhà nước mới cân bằng được thu và chi. Trên cơ sở đó mới tăng được quỹ tiêu dùng bình quân đầu người 20% so với năm 1977, thực hiện được mức tăng lương cho công nhân viên

chức và mới có điều kiện đẩy mạnh hơn nữa việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Rõ ràng là phải thoát được tình trạng trì trệ trong những năm qua, đạt được chuyển biến thực sự mạnh mẽ từ năm 1978 thì mới có thể hoàn thành được nhiệm vụ của ba năm còn lại. Chuyển biến đó không những thể hiện ở nhịp độ phát triển cao trong tất cả các mặt hoạt động, mà điều quan trọng trước hết là ở cách suy nghĩ, cách làm ăn của tất cả các ngành, các cấp từ trên xuống dưới. Để khởi động và tạo nên một đà mạnh mẽ cho sự chuyển biến đó, năm 1978 phải ráo riết bắt tay vào xây dựng nền nếp làm ăn có trách nhiệm, có kỷ luật, có tính toán hiệu quả, theo tiêu chuẩn, định mức tiên tiến, đồng thời mở cuộc tiến công quyết liệt vào những hiện tượng tiêu cực, hư hỏng từ trong nội bộ Đảng, cơ quan nhà nước cho đến các tầng lớp nhân dân.

III- Các quan điểm cơ bản cần quán triệt trong việc xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch 5 năm 1976-1980 và kế hoạch hằng năm

Vận dụng đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa vào việc thực hiện những nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm và kế hoạch năm 1978, chúng ta cần nắm vững những *quan điểm cơ bản* dưới đây:

- Kết hợp ngay từ đầu một cách chặt chẽ sự phát triển của nông nghiệp và công nghiệp, kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, kinh tế và quốc phòng, hình thành từng bước cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp trong phạm vi cả nước và trên địa bàn từng tỉnh, từng huyện. Đặc biệt coi trọng việc xây dựng một bước các huyện thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp.

Trong khi tập trung cao độ vào nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, phải đồng thời triển khai một bước tích cực xây dựng

và phát triển các ngành công nghiệp nặng, trước hết là cơ khí, điện, bảo đảm quan hệ tỷ lệ hợp lý giữa các ngành trong nền kinh tế quốc dân, nhằm trước hết phục vụ tốt cho sự phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và công nghiệp nhẹ.

- Dựa vào nguồn vốn dồi dào và quý nhất của chúng ta là lực lượng lao động, kết hợp với khai thác nhanh nhất, tốt nhất đất, rừng, biển, các tài nguyên khác cùng với cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có và sắp có để tạo ra nhiều giá trị sử dụng theo yêu cầu phát triển kinh tế, đẩy mạnh xuất khẩu và cải thiện đời sống nhân dân. Từ đó mà hình thành sự bố trí chiến lược trong nền kinh tế quốc dân, tạo nên thế và lực mới để đưa nền kinh tế từng bước vượt qua khó khăn, tiến lên mạnh mẽ. Mọi sự tính toán, lựa chọn phương án kinh tế tối ưu lúc này đều phải dựa vào tiêu chuẩn quan trọng nhất là tận dụng được sức lao động, tăng nhanh năng suất lao động xã hội.

- Chủ động và tích cực trong việc bố trí kế hoạch phát triển kinh tế và trong quan hệ kinh tế với nước ngoài, trên cơ sở phát huy mạnh mẽ mọi năng lực và khả năng tiềm tàng của nền kinh tế trong nước. Kế hoạch phải xuất phát từ khả năng hiện thực; đặc biệt là kế hoạch nhập khẩu và kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản phải chặt chẽ, nhằm vào những yêu cầu có tác dụng nhanh chóng nâng cao trình độ kỹ thuật hiện đại, tăng cường khả năng tự lực, tự cường và thế chủ động của nước ta.

- Tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, kết hợp thật chặt chẽ việc cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa với việc phát triển lực lượng sản xuất và tổ chức lại sản xuất theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Phải nắm vững chuyên chính vô sản trong công tác cải tạo và phát triển kinh tế, tăng cường vai trò chỉ đạo, quản lý của Nhà nước trong các khâu sản xuất, thu mua, phân phối gắn chặt với nhau, trong việc sử dụng phân bố lực lượng lao động xã hội, điều hành guồng máy kinh tế thống nhất trong cả nước.

- Thực hành chính sách tiết kiệm một cách triệt để và toàn diện trong sản xuất, xây dựng và đời sống, trước hết là trong việc sử dụng thiết bị, vật tư. Mau chóng xây dựng nền nếp làm ăn theo tiêu chuẩn, định mức chặt chẽ và tiến bộ trong tất cả các ngành kinh tế. Tích cực phấn đấu giảm mức hao phí vật tư, tăng mức sử dụng công suất và tăng tuổi thọ của máy móc, tăng năng suất lao động, hạ giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng hiệu quả đồng vốn, đặc biệt là vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

- Đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng thành một động lực mạnh mẽ để chuyển biến tình hình kinh tế, thúc đẩy việc cải tiến công tác quản lý kinh tế, biến đường lối, chủ trương của Đảng và kế hoạch nhà nước thành hiện thực. Phát huy ý thức làm chủ tập thể của mọi người lao động, xây dựng phong cách làm việc có kỷ luật, có kỹ thuật; đồng thời bảo đảm điều kiện làm việc, chăm sóc đời sống vật chất và văn hoá của quần chúng, đưa phong trào thi đua lao động sản xuất vào bề sâu, với hiệu quả lớn và thiết thực.

- Tích cực chuẩn bị các mặt cho sự phát triển sản xuất và xây dựng trên quy mô lớn hơn trong các năm sau, đặc biệt là việc đào tạo công nhân kỹ thuật và cán bộ, tăng cường công tác quy hoạch, khảo sát, thiết kế, công tác nghiên cứu khoa học - kỹ thuật và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật.

IV- phương hướng bố trí các cân đối lớn của kế hoạch 5 năm 1976-1980 và kế hoạch năm 1978

Thể hiện các quan điểm nêu trên vào các kế hoạch phát triển kinh tế, cần phải chuyển mạnh công tác kế hoạch hoá theo hướng phát huy cao nhất mọi năng lực hiện có và khả năng tiềm tàng của nền kinh tế trong nước, trước hết là lực lượng lao động, đất đai và tài nguyên thiên nhiên phong phú là các thế mạnh nhất của ta để khắc phục các khó khăn, các

mặt chưa cân đối của nền kinh tế. Phương pháp làm kế hoạch phải lấy cân đối sức lao động xã hội làm căn cứ xuất phát. Mọi cân đối khác của kế hoạch đều phải xoay quanh cân đối cơ bản này, phải tạo điều kiện và phục vụ tốt cho việc sử dụng và phân bổ sức lao động, khai thác tốt mọi tiềm lực trong nước. Một mặt, phải tận dụng sức lao động (kể cả thời gian lao động) cùng với các cơ sở sản xuất đã có nhằm phát huy hết năng lực sản xuất của từng đơn vị cơ sở, từng huyện, từng ngành, từng địa phương và của toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Mặt khác, phải phân bổ lại sức lao động kết hợp với khai thác đất, rừng, biển và các tài nguyên khác để tạo ra các cơ sở sản xuất mới. Cả hai mặt đều nhằm tăng nhanh năng suất lao động xã hội, tạo điều kiện cơ bản để tích luỹ, mở rộng sản xuất và cải thiện đời sống của nhân dân. Đó là quan điểm đúng nhất, tốt nhất để bố trí kế hoạch vừa tích cực, vừa vững chắc.

Từ quan điểm đó, hướng bố trí các cân đối lớn của kế hoạch 5 năm (1976-1980) và kế hoạch năm 1978 như sau:

a) Về *cân đối sức lao động xã hội*: phải đầu tư mạnh sức lao động vào những lĩnh vực có sẵn đối tượng lao động, kết hợp công cụ thủ công, nửa cơ giới và cơ giới, kết hợp quy mô lớn, vừa và nhỏ để mau chóng tạo ra của cải vật chất, đáp ứng những nhu cầu cấp bách của sản xuất, đời sống và xuất khẩu mà không đòi hỏi nhiều điều kiện phải phụ thuộc vào bên ngoài.

Từ nay đến năm 1980, yêu cầu *cân đối sức lao động theo ngành* phải nhằm: mau chóng khai thác tốt đất đai còn bị bỏ hoang và thâm canh cao độ đối với đất thuộc; mở rộng nhanh diện tích rừng trồng và khai thác gỗ, lâm sản; đẩy mạnh nghề cá, trước hết là đánh cá biển; phát triển các ngành công nghiệp (kể cả thủ công nghiệp) để sử dụng tốt các cơ sở sản xuất hiện có và sắp đưa vào hoạt động, mở rộng việc khai

thác tài nguyên, chế biến nông sản, lâm sản, hải sản, làm hàng hóa công cho nước ngoài, tận thu và chế biến để sử dụng lại phế liệu, phế phẩm; tăng nhanh lực lượng xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng; mở rộng mạng lưới các cơ sở hậu cần cho sản xuất, phục vụ đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.

Gắn liền với việc phân bổ theo ngành, hướng sử dụng lao động nêu trên dẫn tới kế hoạch *phân bổ lại sức lao động trên quy mô lớn theo vùng lãnh thổ* cho phù hợp với sự phân bố đất đai và các tài nguyên khác trong cả nước.

Trong cơ cấu lao động, phải *tăng nhanh tỷ trọng lao động kỹ thuật* đối với tất cả các ngành nghề, đặc biệt là công nhân kỹ thuật cơ khí (bao gồm cả cơ khí nông nghiệp).

Phải lấy huyện làm địa bàn để cân đối và điều hành lao động ở nông thôn nhằm bảo đảm tốt nhiệm vụ sản xuất, xây dựng và tổ chức đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân trong huyện, nhiệm vụ đẩy mạnh xuất khẩu, nhiệm vụ phục vụ cho tỉnh và trung ương. Trên cơ sở đó, huyện sẽ xác định số lao động điều khỏi địa bàn huyện đi xây dựng vùng kinh tế mới và đáp ứng yêu cầu về tuyển quân, tuyển sinh, tuyển dụng của các ngành. Huyện phải phát huy chức năng điều hành, sử dụng lao động, nhằm xây dựng các công trình sản xuất, công trình phúc lợi công cộng chung cho huyện hoặc cho nhiều xã, và nhằm bảo đảm thời vụ sản xuất nông nghiệp, khắc phục thiên tai, thời tiết bất thường.

Từng ngành kinh tế - kỹ thuật phải bố trí cân đối lao động toàn ngành (bao gồm cả lực lượng lao động do trung ương quản lý và lực lượng lao động thuộc các cơ sở cùng ngành do địa phương quản lý, kể cả các cơ sở hợp tác xã, sản xuất tư nhân), gắn liền với kế hoạch huy động đến mức tối đa năng lực sản xuất hiện có và sắp đưa vào sử dụng, theo định mức chặt chẽ về hao phí lao động, vật tư và sử dụng thiết bị. Trên cơ sở đó, tìm biện pháp tích cực tự mình giải quyết công cụ lao động, thiết bị, vật tư và đề ra yêu cầu cần giải quyết để

tận dụng sức lao động hiện có, thu hút thêm lao động và tận dụng năng lực sản xuất.

Theo tinh thần đó, từng *đơn vị cơ sở* phải đi từ kế hoạch cụ thể sử dụng từng loại lao động một cách hợp lý, tận dụng thời gian lao động kết hợp với vận dụng năng lực sản xuất mà bố trí các mặt kế hoạch khác nhằm bảo đảm thực hiện nhiệm vụ sản xuất, xây dựng với chất lượng tốt, năng suất lao động tăng nhanh, giá thành hạ. Đối với số lao động dôi ra, cần tích cực tổ chức và sử dụng vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh khác và phần này được hạch toán riêng để khỏi ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất chính.

b) Về *cân đối công cụ lao động và vật tư* cho sản xuất và xây dựng: phải dựa trước hết vào tận dụng sức lao động và điều kiện trong nước để tạo ra nguồn nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, công cụ lao động, thiết bị, phụ tùng đi đôi với thực hành tiết kiệm triệt để trong việc sử dụng vật tư, thiết bị. Khả năng tự lực của ta hiện nay không nhỏ, nhưng vừa qua chưa được khai thác tốt. Theo tinh thần mới, những thứ trong nước đã sản xuất hoặc có thể sản xuất được, dù chất lượng chưa cao, cũng kiên quyết phát triển mạnh để bảo đảm nhu cầu, không dựa vào nhập khẩu. Những việc có thể huy động sức lao động làm thì không trông chờ, ỷ lại vào máy. Phải giải quyết một cách khẩn trương, tích cực việc bảo đảm công cụ lao động với chất lượng tốt cho mọi người lao động trong các ngành nghề. Việc xúc tiến cơ giới hóa nông nghiệp và các ngành đang dùng nhiều lao động thủ công cũng nhằm thúc đẩy sự phân công lao động mới và tận dụng sức lao động. Việc nhập khẩu vật tư, thiết bị vẫn có vị trí quan trọng, song cần cố gắng bố trí cho phù hợp với khả năng thanh toán. Với số ngoại tệ có hạn, cơ cấu nhập khẩu phải nhằm phát huy được tốt nhất sức lao động, tài nguyên và cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có và sắp có. Do đó, phải ưu tiên đáp ứng những nhu cầu nhập khẩu bảo đảm thực hiện những chỉ tiêu chủ yếu mà Đại hội Đảng đã quyết định. Biện pháp tích cực nhất để bảo đảm cân đối ngoại tệ là đầu tư mạnh lao động vào

những việc có thể làm ra ngoại tệ nhanh và nhiều, để có vốn nhập thêm thiết bị, vật tư.

c) Về *cân đối đầu tư xây dựng cơ bản*: phải lựa chọn cơ cấu đầu tư nào sử dụng được tốt nhất sức lao động, đất, rừng, biển, các tài nguyên khác và cơ sở vật chất - kỹ thuật đã có. Mặc dù nhiều dự án xây dựng đều có ý nghĩa bức thiết, nhưng chúng ta không bị động bố trí kế hoạch đầu tư khi chưa nắm chắc được khả năng cung cấp vật liệu xây dựng, điều kiện thi công và chưa làm tốt công tác chuẩn bị. Hướng bố trí chủ động như vậy dẫn đến cơ cấu đầu tư phù hợp với những nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch 5 năm mà Đại hội Đảng đã quyết định: Ưu tiên đáp ứng yêu cầu đầu tư cho nông nghiệp (kể cả thuỷ lợi), lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng thiết yếu và hàng xuất khẩu; đối với công nghiệp nặng, phải chú trọng đầu tư cho cơ khí, điện, luyện kim, dầu khí. Đối với các ngành công nghiệp khác và giao thông vận tải, phải đầu tư thích đáng để phục vụ tốt cho nông nghiệp và bảo đảm quan hệ cân đối giữa các ngành kinh tế. Phải coi trọng đầu tư theo chiều sâu, trước hết nhằm đồng bộ hoá để phát huy được công suất của các cơ sở sản xuất hiện có. Chủ trương đầu tư tập trung (cả sức lao động, vật tư, thiết bị thi công) để mau chóng đưa công trình vào sử dụng, phải thể hiện rõ nét hơn trong kế hoạch. Trong công tác thiết kế công trình phải tiết kiệm diện tích xây dựng, tiết kiệm sắt thép, xi măng, gỗ, tích cực sử dụng vật liệu trong nước, vật liệu địa phương, không xây dựng phô trương, hình thức. Trong việc bố trí thi công, phần việc nào có thể làm thủ công thì phải tích cực huy động sức lao động dưới hình thức công trường thủ công, để tập trung máy và lực lượng công nhân kỹ thuật vào những phần việc cần thiết.

d) Về *các mặt cân đối bảo đảm đời sống*: phải xem xét cụ thể nhu cầu rất đa dạng về đời sống vật chất và văn hoá của các tầng lớp nhân dân ở thành thị và nông thôn, trước hết là những người lao động, để bố trí kế hoạch sản xuất, xây dựng, thu mua, phân phối nhằm đáp ứng những nhu cầu ấy, bảo

đảm cho được những nhu cầu bức thiết để tái sản xuất sức lao động. Những nhu cầu nào có thể dùng sức lao động và điều kiện trong nước để giải quyết, thì nhất thiết không để thiếu. Từng huyện, thành phố, thị xã phải bố trí đủ lao động cho các mặt phục vụ đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, kể cả trong khâu lưu thông, phân phối và các hoạt động dịch vụ khác, cũng như trong việc phát triển y tế, giáo dục, nhà trẻ, mẫu giáo và các hoạt động văn hoá quần chúng. Một yêu cầu rất quan trọng trong kế hoạch về đời sống là phải tạo nên chuyển biến có ý nghĩa cách mạng trong khâu phân phối, từ tiêu chuẩn, chế độ và phương thức phân phối, đến tổ chức và con người làm công tác này, bảo đảm công bằng, hợp lý, thuận tiện, đem lại sự thoái mái, yên tâm, phấn khởi cho đời sống của mọi người lao động.

*

* *

Đi từ thế mạnh nhất của ta là nguồn lao động dồi dào, đất đai và tài nguyên thiên nhiên phong phú, kết hợp với tận dụng cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có và sắp có, gắn chặt với việc đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam và củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc để bố trí các cân đối kế hoạch theo phương hướng nêu trên, chúng ta mới có thể tạo nên thế chủ động với bước đi tích cực và vững chắc cho nền kinh tế trong mấy năm tới, chuẩn bị tốt các điều kiện cho bước phát triển mạnh mẽ hơn trong những năm sau.

Sự chuyển hướng công tác kế hoạch hoá theo tinh thần nêu trên, phải kết hợp và thúc đẩy việc cải tiến một cách toàn diện các mặt khác của công tác kế hoạch hoá, trước hết là việc kết hợp kế hoạch hóa theo ngành với kế hoạch hóa theo địa phương và vùng lanh thổ; không những chuyên về nhận thức mà còn phải thể hiện rõ trong nội dung kế hoạch, trong việc bố trí các cân đối cụ thể và phải giải quyết hàng loạt vấn

đề về nghiệp vụ, về tổ chức bộ máy. Đồng thời, công tác quản lý kinh tế, công tác chỉ đạo thực hiện kế hoạch cũng phải chuyển theo quan điểm mới.

Sự chuyển hướng này phải quán triệt từ trên xuống dưới và chỉ khi nào kế hoạch được xây dựng theo quan điểm mới từ dưới lên, trước hết là từ hợp tác xã và cấp huyện, từ các xí nghiệp, liên hiệp xí nghiệp, công ty thì mới bảo đảm được cân đối tích cực và vững chắc.

Làm như vậy, phải có thời gian. Vì vậy, trước mắt, cần quán triệt quan điểm mới vào việc bố trí một số mặt cân đối chung và các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm và kế hoạch năm 1978, nhằm tạo được chuyển biến rõ rệt trong các mặt hoạt động kinh tế. Trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 1978, sẽ tổ chức lại việc xây dựng kế hoạch từ dưới lên theo tinh thần mới để có cơ sở điều chỉnh kế hoạch năm 1978 và xây dựng kế hoạch hằng năm. Từ năm 1979, phải thực sự xây dựng được kế hoạch quán triệt các quan điểm của Đảng.

Phần thứ ba

Nhiệm vụ cụ thể của các ngành kinh tế, văn hoá và xã hội trong kế hoạch năm 1978 và mức phấn đấu đến năm 1980

Quán triệt quan điểm và phương hướng bố trí các cân đối lớn đã trình bày ở phần trên, yêu cầu đầu tiên phải đạt được để chuyển biến tình hình kinh tế là phải mau chóng sử dụng hết và sử dụng tốt lực lượng lao động xã hội; do đó, phải đi từ kế hoạch sử dụng sức lao động xã hội mà bố trí kế hoạch cụ thể của các ngành trong nền kinh tế quốc dân.

Kế hoạch sử dụng sức lao động xã hội phải phân bố hợp lý lao động trong các ngành giữa các vùng, phù hợp với các nhiệm vụ đã được xác định, phải phát triển mạnh đội ngũ lao động kỹ thuật và tăng nhanh năng suất lao động xã hội.

Tổng số lao động xã hội năm 1978 sẽ có khoảng 24,5 triệu người (trong đó 23,5 triệu người trong độ tuổi lao động), đến năm 1980 sẽ lên tới 26,7 triệu người (25,6 triệu người trong độ tuổi lao động). Bố trí sử dụng hết và sử dụng tốt lực lượng lao động to lớn này là một yếu tố quyết định để phát triển kinh tế, đồng thời là một nhiệm vụ rất phức tạp, khó khăn, không thể giải quyết gọn trong một thời gian ngắn.

Năm 1978, dự kiến bố trí vào các ngành kinh tế quốc dân 23,6 triệu lao động, và đến năm 1980: 26,4 triệu người; cố gắng về cơ bản bố trí được hết số người trong độ tuổi lao động với mức sử dụng thời gian lao động khá hơn.

Số lao động đó được phân bố theo ngành như sau:

Khu vực sản xuất vật chất năm 1978: 19,1 triệu người (tăng 1,3 triệu người so với năm 1977), đến năm 1980 là 21,2 triệu người. Ngành nông nghiệp từ 11,5 triệu người năm 1977 tăng lên 11,8 triệu người năm 1978 và 12,6 triệu người năm 1980, trong đó lao động chăn nuôi tăng nhanh, còn lao động trồng trọt giữ ngang số hiện nay. Ngành lâm nghiệp sẽ tăng nhanh số lao động chuyên làm nghề rừng từ 38 vạn người năm 1977 lên 51 vạn người năm 1978 và 78 vạn người năm 1980, chưa kể đồng đảo lao động nông nghiệp miền núi có kết hợp làm nghề rừng và nông dân trồng cây phân tán ở các vùng đồng bằng và ven biển. Ngành ngư nghiệp năm 1978 dự kiến bố trí 55 vạn người, tăng 4 vạn so với năm 1977 và đến năm 1980 sẽ có 69 vạn người. Số người sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp (không kể ngư nghiệp) từ 1,69 triệu người năm 1977 sẽ tăng lên 2 triệu người năm 1978 và 2,61 triệu người năm 1980; phần tăng nhiều nhất là thủ công nghiệp (tăng 70 vạn người so với năm 1977), trong đó gần 2/3 ở nông thôn và phần đông vẫn nằm trong hợp tác xã nông nghiệp. Trong ngành xây dựng, số lao động sẽ tăng từ 1,8

triệu người năm 1977 lên 2,33 triệu người năm 1978 và 2,69 triệu người năm 1980, trong đó lực lượng xây dựng của hợp tác xã và nhân dân từ 1 triệu người năm 1977 tăng lên 1,5 triệu người năm 1978 và 1,7 triệu người năm 1980.

Ngành giao thông vận tải năm 1978 có 52 vạn lao động (tăng 2 vạn người so với năm 1977) và năm 1980 có 62 vạn người. Lao động trong các ngành phục vụ cần được tổ chức lại và một số mặt hoạt động phục vụ công cộng, phục vụ sinh hoạt phải được tăng thêm lao động để đáp ứng tốt hơn nhu cầu về đời sống của nhân dân thành thị và nông thôn.

Khu vực các ngành không sản xuất vật chất, kể cả lực lượng vũ trang thường trực và số học sinh trong tuổi lao động, từ 4,3 triệu người năm 1977 tăng lên 4,5 triệu người năm 1978 và 5,2 triệu người năm 1980. Trong khu vực này, các ngành khoa học, văn hoá, giáo dục, y tế sẽ tăng nhanh, năm 1978 là 1,02 triệu người (tăng gần 8 vạn so với năm 1977), năm 1980 là 1,23 triệu người. Do thực hiện cải cách giáo dục và mở rộng công tác đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật, số học sinh trong tuổi lao động từ 1,3 triệu người năm 1977 sẽ tăng lên 1,38 triệu người năm 1978, 1,75 triệu người năm 1980, trong đó có một bộ phận vừa học vừa làm.

Theo hướng phân bố nêu trên, cơ cấu lao động theo ngành sẽ biến đổi như sau: tỷ trọng lao động công nghiệp, xây dựng cơ bản tăng nhanh, từ 15,7% năm 1977 lên 18,21% năm 1978 và 20,1% năm 1980; lao động lâm nghiệp, ngư nghiệp cũng từ 4,1% năm 1977 tăng lên 4,5% năm 1978, 5,6% năm 1980; lao động nông nghiệp tuy tăng về số tuyệt đối nhưng tỷ trọng giảm từ 52,2% năm 1977 xuống 50,2% năm 1978 và 47,5% năm 1980. Do chuyển những người buôn bán nhỏ sang sản xuất nên số lao động trong ngành thương nghiệp sẽ giảm cả số tuyệt đối và tỷ trọng, từ 6,1% năm 1977 xuống 5,5% năm 1978, 4,4% năm 1980. Tỷ trọng lao động trong khu vực không sản xuất vật chất chỉ thay đổi ít: năm 1977 19,4%, năm 1978 18,9%, năm 1980 19,7%; trong đó các ngành khoa học, văn hoá, giáo dục, y tế (kể cả học sinh trong tuổi lao

động) tăng tỷ trọng, còn bộ máy quản lý nhà nước giảm tỷ trọng từ 1,8% năm 1977 xuống 1,7% năm 1978 và 1,6% năm 1980.

Sự bố trí lao động theo ngành như trên phải gắn liền với việc phân bổ lại một bước trên quy mô lớn lao động giữa các vùng; trong 5 năm điều 1,8 triệu lao động với 4 triệu nhân khẩu ở các thành phố và đồng bằng dân đi mở mang vùng kinh tế mới. Nhiệm vụ này vừa là một cuộc vận động cách mạng to lớn, phải thành một phong trào quần chúng sôi nổi với ý thức giác ngộ sâu sắc vì lợi ích của Tổ quốc và tương lai hạnh phúc của con em mình, vừa đòi hỏi một công tác tổ chức rất khoa học, rất chu đáo đi liền với các chính sách hợp lý và cụ thể thì mới thực hiện được. Hai năm 1976-1977 mới thực hiện được 27,5% kế hoạch điều lao động trong 5 năm; ba năm tới còn phải điều 1,3 triệu lao động với 2,9 triệu nhân khẩu, riêng năm 1978 46 vạn lao động (90 vạn nhân khẩu) đi xây dựng vùng kinh tế mới, ở miền núi Bắc Bộ 1,4 vạn người, Tây Nguyên 15,2 vạn, miền Đông Nam Bộ 11,2 vạn, đồng bằng sông Cửu Long 9,8 vạn, và các vùng còn đất khai hoang ở các tỉnh khác gần 9 vạn người. Kế hoạch điều lao động năm 1978 xấp xỉ hai năm trước cộng lại được thực hiện tốt sẽ tạo nên một đà mạnh mẽ cho phong trào đi xây dựng quê hương mới trong những năm sau, bảo đảm hoàn thành kế hoạch điều lao động trong 5 năm. Đạt được như vậy, đến năm 1980 mật độ dân số của những vùng thưa dân, nhiều đất sẽ tăng lên khá: miền núi Bắc Bộ 57 người/km² (năm 1976: 49 người), Tây Nguyên 42 người/km² (năm 1975: 26 người), miền Đông Nam Bộ 121 người/km² (1975: 91 người), đồng bằng sông Cửu Long 302 người/km² (1975: 258 người); đồng thời giảm được một phần tình trạng dân số tập trung quá mức ở các thành phố phía Nam và bước đầu hạ thấp mật độ dân số ở các vùng đồng bằng đông dân cư.

Đi đôi với việc phân bố lao động theo ngành và theo vùng, phải phấn đấu tăng nhanh tỷ trọng của lao động kỹ thuật, nhất là công nhân kỹ thuật trong tổng số lao động xã hội. Đây là một nhiệm vụ quan trọng và cấp bách, không những

để tăng năng suất và chất lượng hoạt động của mọi ngành kinh tế mà còn nhằm tạo nên một lực lượng khoa học - kỹ thuật mạnh mẽ, đồng bộ để mau chóng nâng cao khả năng tự lực, tự cường của nền kinh tế nước ta. Trong 5 năm, phải tăng số lao động kỹ thuật từ 1,4 triệu người, chiếm tỷ trọng 7% tổng số lao động xã hội năm 1975 lên 1,93 triệu người năm 1978 (tỷ trọng 8%) và 2,5 triệu người năm 1980 (tỷ trọng 10%). So với năm 1975, số lượng cán bộ và công nhân kỹ thuật (kể cả trong quân đội) các năm 1978 và 1980 sẽ tăng lên như sau: cán bộ đại học và trên đại học 16,3 vạn người lên 20,5 vạn người và 25,5 vạn người; cán bộ trung học chuyên nghiệp từ 34 vạn người lên 45 vạn người và 56 vạn người; số công nhân kỹ thuật từ 93 vạn người lên 1,26 triệu người và 1,76 triệu người. Để tăng nhanh đội ngũ lao động kỹ thuật, trong 5 năm, cần tuyển sinh đào tạo 1.500 cán bộ theo trình độ trên đại học, 18,7 vạn học sinh đại học (năm 1978: 3,7 vạn), 38 vạn học sinh trung học chuyên nghiệp (năm 1978: 8,1 vạn), 1,2 triệu công nhân kỹ thuật (năm 1978: 25,5 vạn); bổ túc và nâng cao tay nghề theo lối kèm cặp cho 62 vạn công nhân (năm 1978: 11 vạn, trong đó bổ túc tập trung 5 vạn). Hướng đào tạo phải chú trọng đào tạo cả cán bộ kỹ thuật và cán bộ quản lý, bảo đảm quan hệ cân đối giữa cán bộ và công nhân kỹ thuật, giữa các ngành nghề; chú trọng các ngành nông nghiệp, thuỷ lợi, lâm nghiệp, ngư nghiệp, xây dựng và phải tích cực chuẩn bị cán bộ và công nhân cho việc phát triển mạnh một số ngành công nghiệp chủ chốt như cơ khí, khai thác dầu khí và công nghiệp hoá dầu, luyện kim, điện tử... cũng như cho công tác thăm dò địa chất, khảo sát, thiết kế và nghiên cứu khoa học - kỹ thuật, ngoại ngữ, pháp chế, pháp luật quốc tế. Phải quy hoạch, sắp xếp lại các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và trường dạy nghề hiện có, xây dựng thêm trong 5 năm 18 trường đại học, 27 trường trung học chuyên nghiệp và 50 trường công nhân kỹ thuật (không kể những trường nhỏ của địa phương và xí nghiệp), tăng cường giáo viên, mở rộng và trang bị thêm cơ sở học tập, thực tập, thí nghiệm, bảo đảm tốt điều kiện ăn, ở

của học sinh. *Đối với một số ngành nghề lâu nay phải đưa đi đào tạo công nhân kỹ thuật ở nước ngoài thì nay phải tích cực tổ chức đào tạo trong nước* (nếu cần thì mời một số chuyên gia nước ngoài) để mau chóng đưa công tác đào tạo công nhân kỹ thuật phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng. *Đi đôi với việc đẩy mạnh và nâng cao chất lượng đào tạo, phải chú trọng sử dụng tốt và bồi dưỡng tốt lực lượng lao động kỹ thuật hiện có, sắp xếp đúng ngành nghề, tăng cường cho các nhiệm vụ kinh tế và khoa học - kỹ thuật then chốt, cho các huyện và các đơn vị cơ sở, nhất là ở các tỉnh phía Nam.*

Kết quả cuối cùng của việc phân bố và sử dụng lao động, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công nhân kỹ thuật, phải thể hiện ở mức tăng năng suất lao động trong từng đơn vị kinh tế, từng ngành và trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Năng suất lao động xã hội quá thấp đang là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới những khó khăn về nhiều mặt của nền kinh tế cũng như của đời sống nhân dân. Quan điểm tận dụng sức lao động xã hội phải bao hàm cả yêu cầu tăng năng suất lao động. Năng suất lao động là thước đo trực tiếp tinh thần làm chủ và năng lực của mỗi người lao động, mức độ chuyển biến trong công tác chỉ đạo và quản lý của từng đơn vị cơ sở, từng ngành, từng địa phương.

Với nhận thức đó, từ năm 1978, phải đặt vấn đề tăng năng suất lao động thành yêu cầu chính, quan trọng nhất trong phong trào thi đua của quần chúng ở tất cả các ngành, các cấp. Phải tiến hành một cuộc vận động vừa rộng vừa sâu, trong đó mỗi người, mỗi đơn vị, mỗi ngành, mỗi địa phương phải phân tích sâu sắc năng suất lao động của mình, tìm nguyên nhân và đề ra biện pháp thiết thực, cụ thể phấn đấu tăng nhanh năng suất lao động. Tính chung trong toàn bộ nền kinh tế, mức phấn đấu là đưa năng suất bình quân của một lao động trong các ngành sản xuất vật chất từ 832 đồng thu nhập quốc dân năm 1977 tăng lên 940 đồng năm 1978 và 1.220 đồng năm 1980. Như vậy, thu nhập quốc dân tính bình quân cho một lao động xã hội sẽ từ 630 đồng năm 1977 tăng

lên 730 đồng năm 1978 và 970 đồng năm 1980, trong đó phần tăng dựa vào tăng năng suất lao động trong khu vực sản xuất chiếm khoảng 80%, còn 20% là dựa vào yếu tố sử dụng thêm được lực lượng lao động xã hội.

Theo hướng cân đối lao động nêu trên, kế hoạch tận dụng sức lao động kết hợp với khai thác đất đai, các tài nguyên khác, với cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có và sắp có trong kế hoạch năm 1978 và đến năm 1980 sẽ được bố trí cụ thể trong từng ngành, từng địa phương.

Sau đây là nhiệm vụ cụ thể của các ngành:

I- Nông nghiệp

Quán triệt Nghị quyết Đại hội lần thứ IV và Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, năm 1978 phải tập trung hơn nữa sức lực của toàn Đảng, toàn dân, của các ngành, các cấp quyết tâm tạo nên một bước phát triển mạnh mẽ trong nông nghiệp, tăng nhanh sản lượng lương thực, thực phẩm, sản phẩm cây công nghiệp, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Để thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ và chỉ tiêu lớn mà Đại hội Đảng và Hội nghị Trung ương lần thứ hai đã quyết định, phải sử dụng tốt khả năng lao động dồi dào cùng với cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có và sẽ được tăng thêm trong nông nghiệp nhằm đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ trên đất thuộc hiện có, đồng thời tổ chức tốt lao động đi khai hoang mở mang thêm đất trồng trọt, xây dựng vùng kinh tế mới.

Nguồn lao động nông thôn hiện nay chưa được tổ chức sử dụng tốt, còn để lãng phí nhiều, trung bình mỗi lao động mới làm được 200 ngày công và 0,6 hécta gieo trồng.

Từ năm 1978, ở miền Bắc, mỗi lao động nông nghiệp phải

phấn đấu làm được 250 ngày công/năm, mỗi ngày làm cho tập thể 8 giờ, lúc thời vụ khẩn trương thì làm nhiều hơn. Đến năm 1980 thực hiện cho được 1 lao động trồng trọt làm 1 hécta gieo trồng. Vùng cơ giới hóa cao thì đạt trên 1 hécta đến 2 hécta gieo trồng. Phải đầu tư thêm lao động để đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất cây trồng trên mỗi đơn vị diện tích, đồng thời bố trí hợp lý sức lao động để mở rộng việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật trong nông nghiệp, đặc biệt là công tác thuỷ lợi, kiến thiết đồng ruộng, cải tạo đất, làm phân bón... Tập trung sức lao động vào sản xuất lương thực, đồng thời cần dành sức lao động thích đáng cho chăn nuôi, trồng cây công nghiệp, cây xuất khẩu và mở rộng các ngành nghề tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp phục vụ nông nghiệp, chế biến nông sản, sản xuất vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu... Thực hiện việc phân bổ lại lực lượng lao động giữa các vùng, năm 1978 đưa tiếp 46 vạn lao động đi khai hoang xây dựng vùng kinh tế mới.

Việc sử dụng hợp lý lao động trong nông nghiệp trước hết nhằm khai thác và sử dụng tốt nhất nguồn đất nông nghiệp. Đất nông nghiệp của ta hiện có 5 triệu hécta, mới chiếm khoảng 1/2 khả năng đất nông nghiệp trong nước, bình quân đầu người mới đạt gần 1.000m², nhưng mới quay vòng trong một năm được 1,3 lần (miền Bắc trên 1,6 lần, miền Nam gần 1,1 lần). Đáng chú ý là còn 2,3 triệu hécta ruộng mới cấy một vụ lúa, trong đó miền Nam gần 2 triệu hécta. Năng suất cây trồng còn thấp: lúa bình quân 1 vụ 22-23 tạ/ha, ngô 10-11 tạ, khoai lang 50-55 tạ, đỗ tương 5-6 tạ, bông 4-5 tạ, đay 20-21 tạ... Vì vậy, chúng ta có yêu cầu cấp bách và hiện thực là vừa phải tăng vụ và tăng năng suất cây trồng trên đất thuộc, vừa phải đẩy mạnh khai hoang mở rộng diện tích để tăng nhanh sản lượng nông nghiệp. Nhìn xa, đất nông nghiệp của ta

không nhiều, dù có khai thác hết vào những năm 1985-1990, thì bình quân diện tích canh tác cho một đầu người vẫn ở loại thấp (6-7 người/1ha), không tăng được nhiều so với hiện nay. Do đó, *phải rất coi trọng việc khai hoang mở rộng thêm diện tích đất trồng trọt, đồng thời phải tập trung vào vấn đề có tính chất quyết định, là thâm canh, tăng vụ và sử dụng hợp lý đất thuộc cũng như đất mới khai hoang để thu được nhiều sản phẩm trên mỗi đơn vị diện tích.*

Nhằm mục đích đó, phải đẩy mạnh *xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật trong nông nghiệp*. Năm 1978, dự kiến đầu tư cho nông nghiệp, thuỷ lợi 1.984 triệu đồng, tăng 69% so với năm 1977 và chiếm 33,7% tổng số vốn đầu tư tập trung của Nhà nước, trong đó vốn xây lắp là 1.320 triệu đồng, tăng 48%:

- *Về thuỷ lợi:* Phải tập trung làm mạnh hơn và tốt hơn nữa vừa nhằm đáp ứng yêu cầu thâm canh, vừa nhằm tăng vụ, mở rộng diện tích gieo trồng.

Năm 1978, đầu tư cho thuỷ lợi 1.114 triệu đồng, trong đó vốn xây lắp 740 triệu đồng, tăng 82% về vốn đầu tư và 51% về vốn xây lắp. Ở miền Bắc, tập trung sức tiếp tục hoàn chỉnh thuỷ nông 90 vạn hécta, bảo đảm đồng bộ cả phần xây đúc, hệ thống kênh mương, cống tưới đến khoảnh ruộng; khẩn trương xây dựng thêm và hoàn chỉnh các công trình chống úng. Ở miền Nam, tập trung sức xây dựng các công trình phục vụ việc mở rộng nhanh diện tích lúa vụ đông xuân và hè thu, đặc biệt ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Từ năm 1978, công tác thuỷ lợi phải chú trọng giải quyết yêu cầu nước tưới cho các vùng trồng cây công nghiệp và trồng hoa màu tập trung.

Tiếp tục phát động và tổ chức tốt phong trào quần chúng làm thuỷ lợi. Tổ chức tốt lao động trên địa bàn huyện, xã và hợp tác xã để đẩy mạnh công tác thuỷ lợi, kiến thiết đồng ruộng. Tăng cường công tác quản lý thuỷ nông để phát huy tốt năng lực của các công trình thuỷ lợi đã có.

- *Về khai hoang, xây dựng vùng kinh tế mới:* Năm 1978 dự kiến khai hoang 30 vạn hécta, tăng 62% so với năm 1977;

phấn đấu hoàn thành khai hoang trong 5 năm 1,1-1,2 triệu hécta. Diện tích khai hoang năm 1978 được phân bố trên các địa bàn như sau: đồng bằng sông Cửu Long 10 vạn hécta, các tỉnh miền Đông Nam Bộ 6,5 vạn hécta, các tỉnh Tây Nguyên 7 vạn hécta, các tỉnh duyên hải Trung Bộ 2,5 vạn hécta, các tỉnh Khu IV cũ 3,8 vạn hécta, các tỉnh miền núi Bắc Bộ 1,4 vạn hécta và diện tích có thể khai hoang thêm thuộc các tỉnh, huyện vùng đồng bằng 8.000 hécta.

Kế hoạch đưa lao động đi xây dựng các vùng kinh tế mới được bố trí tương ứng với kế hoạch khai hoang và đã thoả thuận giữa các tỉnh bố trí người đi với các tỉnh nhận người đến (các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ đi 18,5 vạn lao động, trong đó 17,5 vạn đi các tỉnh phía Nam; các tỉnh Trung Bộ đi 11,8 vạn lao động, trong đó 6,2 vạn đi Tây Nguyên, số còn lại khai hoang trong tỉnh; thành phố Hồ Chí Minh chuyển đi 10 vạn lao động, trong đó 2 vạn ra ngoại thành, 8 vạn đi các tỉnh, chủ yếu là các tỉnh miền đông; các tỉnh khác điều 5 vạn lao động khai hoang trong tỉnh).

Trên các vùng khai hoang, phải tổ chức ngay thành các nông trường hoặc hợp tác xã. Bộ Nông nghiệp cần quy hoạch thiết kế cụ thể các vùng đất khai hoang, giao rõ địa bàn cho quân đội, cho quốc doanh trung ương và địa phương, cho các tỉnh. Xác định rõ phương hướng sản xuất ngay từ đầu, tổ chức sản xuất theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Phải nghiêm ngặt thực hiện quy trình kỹ thuật khai hoang để bảo vệ đất, chống xói mòn, cải tạo đất chua mặn, thực hiện thảm canh từ đầu.

Năm 1978, dự kiến dành 8,5 vạn tấn lương thực (quy gạo), tăng 5 vạn tấn so với năm 1977, gần 350 triệu đồng vốn đầu tư, 130 triệu đồng chi phí khác, cùng với số vật tư tương ứng để bảo đảm nhiệm vụ khai hoang, xây dựng vùng kinh tế

mới. Bộ Nông nghiệp phải cùng các địa phương tổ chức tốt việc đưa dân đi, các ngành phải phối hợp chặt chẽ giải quyết tốt các yêu cầu về đời sống và về sản xuất ở các vùng kinh tế mới (nhà ở, nước uống, bệnh xá, trường học, hàng hoá, phương tiện đi lại, công cụ lao động...); chú ý phòng chống sốt rét ở vùng Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ. Phải quy hoạch ngay từ đầu các khu dân cư, sớm tạo thành những làng kiểu mới, phù hợp với yêu cầu đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, *kết hợp chặt chẽ với nhiệm vụ phát triển và cải tạo kinh tế, văn hoá, xã hội ở miền núi*, cải thiện đời sống của đồng bào các dân tộc.

Trên cơ sở tăng vụ và khai hoang, phải đưa diện tích gieo trồng năm 1978 lên đạt 8,3 triệu hécta, đến năm 1980 phải đạt 10,36 triệu hécta.

- *Về hệ thống giống và trại nông nghiệp:* Phải đặc biệt coi trọng giải quyết tốt vấn đề giống, trước hết là giống những cây, con chính. Đưa nhanh những tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào công tác giống, và thực hiện một cách đồng bộ từ bình tuyển, lai tạo đến sản xuất và bảo quản. Từ năm 1978, chỉ tiêu bảo đảm giống cây, giống con phải được ghi vào kế hoạch nhà nước. Ngành nông nghiệp phải mau chóng xây dựng hệ thống giống từ trung ương đến cơ sở, bảo đảm đến năm 1980 cung ứng đủ giống tốt cho các đơn vị sản xuất, loại bỏ những giống xấu.

Hệ thống các trại, trại nông nghiệp chưa được phân bố hợp lý và chưa phát huy hiệu quả tốt. Trong mấy năm tới, đi đôi với việc củng cố và phát triển các viện nghiên cứu, phải có quy hoạch sắp xếp lại các cơ sở thực nghiệm, tiếp tục xây dựng thêm các cơ sở cần thiết, đồng thời bổ sung phương tiện, điều kiện cần thiết cho các cơ sở đã có thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, làm cầu nối liên công tác nghiên cứu khoa học - kỹ thuật với hoạt động trồng trọt, chăn nuôi của quân chúng.

Mở rộng mạng lưới thú y và bảo vệ cây trồng, chú trọng công tác dự báo, theo dõi và kiểm dịch, xây dựng và tổ chức

thực hiện nghiêm chỉnh những quy tắc, biện pháp phòng, trừ sâu, dịch bệnh cho cây trồng và gia súc. Đẩy mạnh sản xuất thuốc trừ sâu, thuốc thú y, và dụng cụ tiêm phòng, bơm thuốc.

- *Về vật tư, thiết bị cung cấp cho nông nghiệp:* Phải bảo đảm cung cấp đủ công cụ cầm tay, công cụ cải tiến, sử dụng tốt số máy kéo hiện có và cỗ gắng trang bị thêm máy kéo và máy nông nghiệp khác, trước hết cho các vùng thiếu sức kéo và các vùng có điều kiện tăng vụ, mở rộng diện tích, tăng nhanh nông sản hàng hoá và có thể rút bớt sức lao động đi khai hoang và làm các việc khác. Kết hợp sử dụng tốt lao động thủ công với một phần cơ giới, nhưng không ỷ lại, chờ đợi cơ giới. Mặt khác, phải chấn chỉnh việc quản lý sử dụng máy móc trong nông nghiệp, nâng cao hiệu suất sử dụng máy lên rõ rệt so với hiện nay, bố trí đủ thợ lái máy kéo để tăng thêm ca làm việc của máy; tăng cường việc sửa chữa, bảo dưỡng máy, tăng cung cấp phụ tùng, bảo đảm cho máy hoạt động tốt, bền.

Cùng với việc nâng cao hiệu suất sử dụng số máy kéo và máy móc nông nghiệp hiện có (gần 17.500 máy kéo lớn, 22.400 máy kéo nhỏ), năm 1978 sẽ cung cấp thêm 4.155 máy kéo 50 sức ngựa trở lên, 6.500 máy công tác theo sau máy kéo và 6.220 máy kéo Bông Sen... để bảo đảm đạt diện tích cơ giới hoá khâu làm đất 2,83 triệu hécta, chiếm 34% diện tích gieo trồng, trong đó vùng đồng bằng Bắc Bộ 32%, vùng đồng bằng sông Cửu Long 50%.

Bảo đảm sản xuất và cung cấp cho nông nghiệp 100 bộ thiết bị cho các xưởng cơ khí huyện, 20 triệu công cụ lao động, 6.500 bơm thuỷ lợi, 7,5 vạn bơm thuốc trừ sâu, 94 tàu hút bùn, 250 máy ủi, 70 máy cày, 80 máy xúc.

Cung cấp cho nông nghiệp 432 triệu kWh điện, tăng 57% so với năm 1977; phân đạm 1,1 triệu tấn, phân lân 74 vạn tấn, thuốc trừ sâu 2,6 vạn tấn... Phải phát động mạnh phong trào

khai thác và tận dụng mọi nguồn phân hữu cơ, nhất là phân chuồng và phân xanh, khắc phục tư tưởng ỷ lại vào phân hoá học.

Trên cơ sở cân đối sức lao động, đất đai, cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có và sẽ bổ sung thêm như trên, sẽ phấn đấu tăng giá trị tổng sản lượng nông nghiệp năm 1978 lên xấp xỉ 9 tỷ đồng, tăng 30,4% so với năm 1977 (đến năm 1980: 13 tỷ đồng); giá trị nông sản và nông sản chế biến xuất khẩu 140 triệu rúp và đôla, tăng 55% (năm 1980: 260 triệu rúp và đôla). Nhiệm vụ kế hoạch cụ thể về từng mặt như sau:

1- *Về sản xuất lương thực:* Từ năm 1978, phải đẩy mạnh tăng năng suất trên toàn bộ diện tích lúa, đồng thời phải nhận thức đầy đủ tầm quan trọng đặc biệt và khả năng to lớn của việc phát triển các loại hoa màu.

Phấn đấu đạt sản lượng lương thực 16,5 triệu tấn năm 1978, tăng hơn 3,5 triệu tấn so với năm 1977; thóc đạt 13,5 triệu tấn, tăng 20%, hoa màu (quy thóc) 3 triệu tấn, tăng 67%. Đến năm 1980 đạt 21-22 triệu tấn lương thực, trong đó thóc 15-16 triệu tấn, màu quy thóc 6 triệu tấn.

đối với lúa, phải đạt 5,8 triệu hécta diện tích gieo cấy, tăng 46 vạn hécta so với năm 1977, chủ yếu là dựa vào tăng vụ ở các tỉnh phía Nam, phấn đấu đạt năng suất lúa bình quân cả năm 23,5 tạ/ha, tăng 12% so với năm 1977, riêng lúa đông xuân 26,5 tạ/ha, tăng 25%, lúa hè thu 25,4 tạ/ha, tăng 7%, lúa mùa 21 tạ/ha, bằng năm 1977. Phải rất coi trọng tăng năng suất lúa ở các vùng năng suất hiện nay còn quá thấp, khắc phục một bước tình trạng không đồng đều về năng suất lúa giữa các vùng có điều kiện tự nhiên giống nhau. Mặt khác, củng cố các vùng đã có năng suất cao (miền Bắc 30 huyện, miền Nam 25 huyện) để đạt năng suất cao hơn và ổn định hơn, tiến tới đạt 8-10 tấn/ha/năm.

Đối với hoa màu, phải tăng nhanh cả diện tích và năng suất. Năm 1978, dự kiến hoa màu trồng 1,43 triệu hécta, tăng 44% so với năm 1977; năng suất bình quân chung (quy ra thóc) 21 tạ/ha, tăng 15%. Đến năm 1980, diện tích đưa lên 2,2 triệu hécta, năng suất 27,2 tạ/ha. Chú trọng phát triển sắn, khoai lang... ở các tỉnh miền núi, trung du Bắc Bộ, các tỉnh Khu IV, Khu V cũ; xây dựng và mở rộng nhanh vùng ngô, sắn ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ, Tây Nguyên...; phát triển cao lương, ngô, khoai lang... ở các tỉnh Nam Bộ. Các tỉnh miền Bắc phải bố trí chặt chẽ diện tích lúa mùa sớm để tăng nhanh diện tích vụ đông. Riêng khoai tây, năm 1978 dự kiến 7,2 vạn hécta, tăng 2 vạn hécta so với năm 1977, bảo đảm đủ giống để đưa lên 14 vạn hécta năm 1979 và 20 vạn hécta năm 1980 (chú ý phát triển việc gây giống theo phương pháp tiên tiến).

Diện tích các cây thực phẩm dự kiến là 31 vạn hécta, tăng 6,5 vạn hécta so với năm 1977, trong đó diện tích rau các loại 18 vạn hécta, riêng vùng rau tập trung 3,4 vạn hécta; đậu các loại 1,3 vạn hécta, tăng 5 vạn hécta. Tăng nhanh diện tích đậu các loại ở các tỉnh Nam Bộ bằng tăng vụ và trên diện tích mới trồng cây công nghiệp lâu năm. Tăng diện tích rau xuất khẩu lên 7.300 hécta, nhất là hành tây, ớt, tỏi...

2. Về cây công nghiệp và cây ăn quả: Trong hai năm qua, các cây công nghiệp phát triển chậm không đạt kế hoạch, nhất là ở miền Nam. Kế hoạch năm 1978 bố trí 74 vạn hécta cây công nghiệp và cây ăn quả, tăng gần 30% so với năm 1977, nhưng so với mục tiêu năm 1980 phải đạt 1,15 triệu hécta cây công nghiệp và cây ăn quả thì còn thấp xa. Năm 1978, một mặt phải phấn đấu bảo đảm đạt kế hoạch về diện tích, sản lượng đã bố trí, mặt khác phải tích cực chuẩn bị tốt các điều kiện phát triển cho các năm sau. Chú ý giải

quyết sớm các vấn đề về chính sách đối với người trồng cây công nghiệp.

Dự kiến năm 1978 trồng 18.500 hécta bông, tăng 8.900 hécta so với năm 1977; đay 17.000 hécta, tăng 2.000 hécta; đỗ tương 84.400 hécta, tăng 18.000 hécta; mía 80.500 hécta, tăng 15.200 hécta; thuốc lá 32.000 hécta, tăng 8.200 hécta; cói 16.000 hécta, tăng 3.900 hécta; dâu tằm 8.700 hécta, tăng 2.200 hécta; chè 53.500 hécta, tăng 8.500 hécta; cà phê 20.000 hécta, tăng 7.200 hécta; cao su 100.000 hécta, tăng 12.000 hécta...

Đối với cây lâu năm, cần chú trọng đầu tư vào việc khôi phục, chăm sóc và khai thác diện tích cây trồng hiện có (1,2 vạn ha cà phê, 6 vạn ha cao su, 3,2 vạn ha chè...) để sớm có 1 vạn tấn cà phê, 5,4 vạn tấn cao su mủ khô, 3 vạn tấn chè khô, bảo đảm nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Mặt khác, phải hết sức đẩy mạnh việc trồng mới và phải thực hiện đúng quy trình kỹ thuật thảm canh từ đầu, mở rộng diện tích một cách tích cực và vững chắc.

3. Về chăn nuôi: Chú trọng phát triển cả chăn nuôi của gia đình, chăn nuôi của tập thể và của quốc doanh, từng bước đưa chăn nuôi lên thành ngành chính.

Phát triển mạnh đàn lợn, trong đó chăn nuôi lợn của gia đình nông dân chiếm phần quan trọng, khuyến khích và tạo điều kiện cho tất cả các gia đình nông dân đều nuôi được nhiều lợn. Tăng nhanh đàn lợn của hợp tác xã nông nghiệp, trước hết là các trại lợn giống. Đẩy mạnh chăn nuôi trâu, bò sinh sản ở miền núi, trung du, Khu IV cũ và các tỉnh miền Nam, nhất là các vùng có đồng cỏ lớn, vùng mía, vùng ngô tập trung. Tích cực phát triển đàn trâu sữa, bò sữa, trước mắt hoàn chỉnh các vùng bò sữa cao sản ở Mộc Châu, Lâm Đồng, các trung tâm giống trâu sữa Phùng Thượng, Sông Bé.

Phát triển mạnh nuôi gia cầm, nuôi cá. Cố gắng giải quyết thúc ăn cho gia súc, giải quyết tốt vấn đề giống, tăng nhanh đàn lợn nái, tích cực phòng chống dịch bệnh, bảo đảm sản xuất đủ thuốc thú y.

Dự kiến năm 1978, sản lượng thịt hơi các loại 61 vạn tấn, tăng 28% so với năm 1977; đến năm 1980: 1,1 triệu tấn, đàn lợn năm 1978 11 triệu con, tăng 21% so với năm 1977, sản lượng thịt lợn hơi 39 vạn tấn, tăng 38%; đàn trâu 2,37 triệu con, tăng 3%; đàn bò 1,8 triệu con, tăng 6%; đàn gia cầm 102 triệu con, tăng 17%; sản lượng trứng 1,55 tỷ quả, tăng 39%, sản lượng cá nước ngọt, nước lợ 20 vạn tấn, tăng 11%.

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ trên đây, từ năm 1978, về mặt chỉ đạo đối với nông nghiệp, chúng ta phải tập trung làm tốt các vấn đề sau đây:

- Trong xây dựng và thực hiện kế hoạch nông nghiệp, *phải chuyển mạnh theo hướng sử dụng tốt nguồn lao động và đất đai, lấy huyện làm địa bàn cơ sở để cân đối và điều hành lao động gắn liền với việc quy hoạch và tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện.*

Phải khẩn trương tiến hành việc xây dựng và xét duyệt quy hoạch của từng huyện, làm cơ sở cho việc tổ chức và phân bố lại lao động. Từng huyện phải cân đối sức lao động và quỹ thời gian lao động, bảo đảm đủ cho yêu cầu phát triển nông nghiệp và các ngành nghề sản xuất khác, và cho việc tổ chức đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân trong huyện. Những huyện có dư lao động thì điều bớt đi xây dựng vùng kinh tế mới. Phải tổ chức phong trào lao động sản xuất sôi nổi ở nông thôn, lao động với năng suất cao, quyết tâm đạt và vượt các chỉ tiêu chủ yếu mà Đại hội Đảng đã quyết định.

- *Kiện toàn sớm bộ máy quản lý và chỉ đạo nông nghiệp* ở các cấp như Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định.

Về mặt chỉ đạo, ngoài kế hoạch chung, cần có chương trình hành động cụ thể đi đôi với bố trí cán bộ có năng lực, có đủ thẩm quyền điều hoà, phối hợp các ngành, các địa phương để

chỉ đạo thực hiện theo từng mục tiêu lớn và từng vùng lớn, như sản xuất lương thực, khai hoang, kế hoạch cây chuyên canh xuất khẩu, cây nguyên liệu cho công nghiệp (như cao su, cà phê, chè, dỗ tương, bông, mía, dứa, chuối, v.v.), kế hoạch xây dựng hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật và nghiên cứu khoa học - kỹ thuật, từng vùng lớn như đồng bằng Bắc Bộ, đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên.

- *Tăng cường thật sự công tác chỉ đạo và quản lý nông nghiệp, tập trung đầu tư đúng mức và các ngành tích cực phục vụ nông nghiệp.*

Đi đôi với việc Nhà nước đầu tư và bảo đảm điều kiện cần thiết cho việc thực hiện các mục tiêu của nông nghiệp, các ngành, nhất là cơ khí, hoá chất, điện, than, ngoại thương, giao thông vận tải... cần có kế hoạch tích cực phục vụ nông nghiệp.

Bổ sung và sửa đổi một số chính sách để khuyến khích phát triển sản xuất, chú ý chính sách đầu tư, chính sách khai hoang và xây dựng vùng kinh tế mới, chính sách đổi mới người trồng cây công nghiệp, giá cả nông sản, v.v..

Ngành nông nghiệp và thuỷ lợi phải nỗ lực vượt bậc, củng cố và tăng cường nhanh chóng tổ chức của ngành trong phạm vi cả nước, đặc biệt chú ý tăng cường lực lượng điều tra quy hoạch, khảo sát thiết kế, lực lượng thi công, chấn chỉnh kịp thời công tác quản lý kinh tế kỹ thuật và tổ chức chỉ đạo thực hiện, quản lý và sử dụng tốt cơ sở vật chất - kỹ thuật, thiết bị hiện có và sẽ được trang bị thêm, phát huy đầy đủ khả năng của đội ngũ cán bộ; nêu cao tinh thần tự lực, ý thức tiết kiệm, khắc phục tư tưởng ỷ lại, trông chờ việc cung cấp thiết bị, vật tư, nhưng quản lý sử dụng chưa tốt.

- *Xúc tiến việc hợp tác hoá và đưa lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở miền Nam; hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc:* Hợp tác hoá phải gắn chặt với thuỷ lợi hoá và từng bước cơ giới hoá. Chú ý hoàn thành sớm việc hợp tác hoá ở các vùng kinh tế mới, các vùng

trọng điểm lương thực, các vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp và xuất khẩu.

Đẩy mạnh việc xây dựng cấp huyện, tổ chức lại sản xuất nông nghiệp, mở rộng và ổn định quy mô các hợp tác xã ở miền Bắc, củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn.

Định hình sớm các nông trường, nhất là các nông trường trồng cây công nghiệp dài ngày và cây ăn quả để có sớm và có nhiều sản phẩm xuất khẩu (cà phê, chè, cao su, cam, dứa...). Xây dựng các nông trường mới nhất thiết phải có hiệu quả kinh tế, định hình sớm và chỉ nên xây dựng những nông trường đã rõ phương hướng, có đủ bộ khung cán bộ quản lý. Mỗi nông trường quốc doanh phải thực sự là một trung tâm kỹ thuật và quản lý kiểu mẫu, một cứ điểm xã hội chủ nghĩa trên vùng kinh tế mới.

II- Lâm nghiệp

Với 7 triệu hécta đất trồng, đồi trọc cần trồng rừng và 9,5 triệu hécta đất còn rừng cần tổ chức tu bổ và khai thác, ngành lâm nghiệp có yêu cầu và có khả năng thu hút nhiều lao động; nhưng hiện nay lao động chuyên nghề rừng mới có khoảng 17 vạn người, chỉ chiếm 0,8% lao động xã hội và 1,5% lao động nông, lâm nghiệp. Trong năm 1978, cần đưa số lao động chuyên làm nghề rừng lên 27 vạn người, chưa kể đồng đảo lao động nông nghiệp miền núi có kết hợp làm nghề rừng và hàng chục vạn nông dân trong các đội trồng cây phân tán ở vùng đồng bằng và ven biển. Hướng chính là sử dụng tốt lao động tại chỗ ở miền núi vào nghề rừng và bổ sung thêm lao động từ nơi khác đến những địa bàn cần thiết.

Bảo đảm cung cấp đủ công cụ thường, công cụ cải tiến cho lao động nghề rừng, trang bị thêm trong năm 1978 cho ngành

lâm nghiệp 100 máy ủi, 80 máy kéo loại 50 sức ngựa trở lên, 10 máy xúc, 10 máy san, 700 xe vận tải loại 4-6 tấn, 50 xe tự đổ; xây dựng 1.300 km đường mới cho ôtô, nâng cấp 440 km đường, làm 713 km đường xe trâu.

Trên cơ sở cân đối sức lao động, công cụ lao động và đất rừng, trong năm 1978 phải trồng được 25 vạn hécta rừng tập trung, tăng 9 vạn hécta so với năm 1977, trong đó rừng nguyên liệu giấy, sợi 7,3 vạn hécta, rừng gỗ trụ mỏ 4 vạn hécta, tu bổ 11 vạn hécta rừng, tập trung khoanh nuôi, bảo vệ khu vực 2 triệu hécta rừng đầu nguồn, rừng cấm, khu di tích lịch sử...; khai thác 2 triệu m^3 gỗ tròn, tăng 17% so với năm 1977, trong đó miền Bắc 1,1 triệu m^3 và miền Nam 90 vạn m^3 , đồng thời tích cực chuẩn bị điều kiện để đẩy nhanh hơn nữa việc trồng rừng và khai thác gỗ trong những năm sau, nhằm hoàn thành nhiệm vụ trồng 1,2 triệu hécta rừng, tu bổ 80 vạn hécta trong kế hoạch 5 năm và tiến tới khai thác 3,5 triệu m^3 gỗ tròn năm 1980.

Giá trị lâm sản xuất khẩu năm 1978 phải đạt 20 triệu rúp và đôla, đến năm 1980 lên 40 triệu rúp và đôla.

Từ năm 1978, phải sử dụng tốt lao động tại chỗ, gắn liền với công tác định canh, định cư, kiên quyết ngăn chặn nạn phá rừng, cháy rừng, đưa phần lớn lao động ở vùng rẽo cao vào làm nghề rừng. Phát triển cơ sở quốc doanh lâm nghiệp ở những huyện có rừng, đồng thời triển khai mạnh việc giao đất, giao rừng cho hợp tác xã; tổ chức lại lao động trong hợp tác xã, dành đủ lao động cho nghề rừng. Xây dựng tổ chức lâm nghiệp cấp huyện đủ sức chỉ đạo sản xuất, kinh doanh nghề rừng, gắn với việc xây dựng các huyện miền núi thành những đơn vị sản xuất lớn kết hợp lâm nghiệp với nông nghiệp và công nghiệp, kinh doanh tổng hợp nghề rừng. Đối với các tỉnh phía Nam, đi đôi với việc phát triển quốc doanh trồng rừng, khai thác lâm sản, cần xúc tiến việc cải tạo xã

hội chủ nghĩa, tổ chức lại sản xuất nông, lâm nghiệp, có kế hoạch thu hút nhân dân trồng rừng bằng nhiều hình thức, sử dụng tốt lực lượng khai thác gỗ của tư nhân, sớm cải tạo và quản lý các cơ sở có phương tiện cơ giới chuyên dùng khai thác gỗ; quản lý chặt nguồn gỗ và bảo vệ rừng.

Năm 1978, Nhà nước sẽ dành 4,5 vạn tấn lương thực cho công tác định canh, định cư và trồng rừng (tăng gấp ba lần năm 1977) ngành lâm nghiệp phải chăm lo tổ chức giải quyết tốt hơn đời sống của công nhân lâm nghiệp và nhân dân lao động làm nghề rừng.

Khẩn trương hoàn thành việc phân vùng đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện, xã. Đẩy mạnh việc khảo sát, quy hoạch, xác định cây trồng chính trên từng vùng cụ thể, thiết kế các lâm trường trồng và bảo vệ rừng. Tập trung làm nhanh việc điều tra tài nguyên rừng và quy hoạch thiết kế khai thác gỗ ở các vùng trọng điểm như tây sông Hiếu, tây nam Nghệ Tĩnh, tây nam Quảng Bình, Kong Hà Nùng, Gia Nghĩa, v.v..

Tổ chức quản lý tốt công tác giống và ươm cây con. Trước mắt, Bộ Lâm nghiệp cần tập trung chỉ đạo việc bảo vệ và tận thu giống các loại cây trồng chính như thông, mõ, bồ đề...; tổ chức sản xuất và phân phối giống cho các nơi trồng rừng tập trung. Mặt khác, hướng dẫn các tỉnh tận dụng các giống cây ở địa phương, đáp ứng yêu cầu trồng cây phân tán ở các nơi. Về khai thác, hướng chính là tập trung khai thác các khu rừng có trữ lượng lớn ở các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ để tăng nhanh sản lượng gỗ. Các tỉnh phía Bắc từ Thanh Hoá trở ra thì đi dần vào kinh doanh ổn

định trên rừng tự nhiên và bước đầu khai thác rừng trồng phục vụ yêu cầu nguyên liệu giấy và gỗ trụ mỏ.

Cùng với việc đẩy mạnh khai thác gỗ, phải từng bước thống nhất quản lý lực lượng xẻ gỗ, tổ chức lại để sử dụng tốt các cơ sở cưa xẻ hiện có ở miền Nam và xây dựng thêm các liên hợp gỗ ở các vùng tập trung để chế biến và tận dụng tổng hợp gỗ, ngâm tẩm gỗ. Tổ chức các cơ sở xẻ lưu động ở các khu vực khai thác, các cơ sở sơ chế và sản xuất phụ của các lâm trường để tận dụng gỗ cành, ngọn. Đẩy mạnh khai thác và chế biến các lâm sản khác như mây, song, tre, các đặc sản: dược liệu, quế, cánh kiến, v.v.. Ban hành các quy định và áp dụng những biện pháp toàn diện về quản lý nhằm tiết kiệm gỗ trong các khâu: khai thác, vận chuyển, bảo quản, chế biến, phân phối và sử dụng gỗ. Đặc biệt phải hết sức chú ý công tác tiêu chuẩn hóa các loại gỗ dùng trong xây dựng và sản xuất.

Phải gắn việc phát triển nghề rừng với toàn bộ quy hoạch phát triển và cải tạo kinh tế, văn hoá, xã hội ở các tỉnh miền núi; tổ chức lại sản xuất đi đôi với tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho miền núi nhằm đưa miền núi từng bước đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa với cơ cấu kinh tế lâm - nông - công nghiệp; chăm lo tổ chức giải quyết những khó khăn riêng của miền núi, từng bước nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân các dân tộc ít người; thúc đẩy nhanh quá trình đưa miền núi tiến kịp miền xuôi.

III- Ngư nghiệp

Ngư nghiệp là một trong những ngành mũi nhọn của nền kinh tế nước ta. Phải phát động phong trào quần chúng, tổ chức quần chúng làm chủ vùng biển, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, tổ chức lại sản xuất, tăng cường cơ sở vật

chất - kỹ thuật cho ngành hải sản, tăng cường công tác tổ chức chỉ đạo và quản lý, phấn đấu năm 1978 đạt sản lượng cá biển 70 vạn tấn, thu mua và giao nộp cho Nhà nước 44 vạn tấn, giá trị hải sản xuất khẩu 50 triệu rúp và đôla, sản xuất 125 triệu lít nước mắm, 15.000 tấn bột cá; đưa sản lượng cá nước ngọt, mặn, lợ lên 20 vạn tấn và thu mua cho được 2,6 vạn tấn để cung cấp cho các thành phố và khu công nghiệp. Đồng thời phải tích cực chuẩn bị điều kiện để thực hiện mục tiêu của kế hoạch 5 năm, đến năm 1980 khai thác được 1 triệu tấn hải sản (miền Bắc 20 vạn tấn, miền Nam 80 vạn tấn), trong đó Nhà nước nắm được 84 vạn tấn và tổ chức đưa được 10 vạn tấn (quy tươi) từ miền Nam ra hỗ trợ cho các tỉnh miền Bắc, nuôi và đánh bắt 30-35 vạn tấn cá nước ngọt, nước lợ, sản xuất được 200 triệu lít nước mắm, 3 vạn tấn bột cá, xuất khẩu 4 vạn tấn hải sản ướp đóng trứ lên, trong đó ít nhất có 2 vạn tấn tôm.

Để thực hiện được các chỉ tiêu đó, phải phát triển nghề cá quốc doanh trung ương và địa phương (kể cả quân đội), đồng thời mở rộng nghề cá của nhân dân.

Lực lượng đánh cá của khu vực quốc doanh (kể cả của quân đội) hiện nay có 160 tàu cá từ 90 đến 1.000 sức ngựa, với công suất chung 3,7 vạn sức ngựa, có 3.500 lao động, nhưng tàu cũ và hỏng nhiều, chỉ thường xuyên hoạt động được một nửa. Năm 1976 đánh bắt được 2,1 vạn tấn cá, năng suất bình quân một công nhân trực tiếp sản xuất đạt 16,5 tấn/năm, năng suất bình quân của phương tiện đánh bắt tính cho 1 sức ngựa chỉ đạt 0,55 tấn.

Từ nay đến năm 1980 phải xây dựng xong xí nghiệp đánh cá Hạ Long (5 vạn tấn/năm), khởi công xây dựng xí nghiệp đánh cá Chiến Thắng (3 vạn tấn/năm) và một số cơ sở đánh cá quốc doanh địa phương với năng lực đánh bắt 1-2 vạn

tấn/năm ở các tỉnh ven biển và một số cơ sở quốc doanh đánh cá huyện. Hải quân phải xây dựng xong cơ sở đánh cá Hạ Đoạn (2 vạn tấn/năm); phục hồi và mở rộng cơ sở Cát Lở (3 vạn tấn/năm).

Trong năm 1978, sẽ tăng thêm cho khu vực quốc doanh (bao gồm cả hải quân) 175 tàu, thuyền cá cỡ 90-135 sức ngựa, 2 tàu cá cỡ 400 sức ngựa, đồng thời phát triển các đội thuyền đánh cá thủ công ở các cơ sở quốc doanh địa phương. Trên cơ sở đó, tăng sản lượng nghề cá quốc doanh năm 1978 lên 5,5 vạn tấn (năm 1980: 18 vạn tấn), đưa năng suất lao động của công nhân sản xuất lên 17,3 tấn/năm.

Nghề cá của nhân dân hiện nay có khoảng 50 vạn lao động, trong đó có 23 vạn lao động đánh bắt, với tổng số tàu, thuyền cá gần 5 vạn chiếc lớn, nhỏ, miền Bắc có 8.000 thuyền, trong đó số được lắp máy mới chiếm 10%, các tỉnh miền Nam có 4,1 vạn thuyền, trong đó khoảng 70% được lắp máy. Số phương tiện cơ giới trong nghề cá của nhân dân đang giảm sút vì thiếu phụ tùng và máy để thay thế. Lực lượng lao động ven biển ở cả hai miền hiện chưa được tổ chức và sử dụng tốt, có hàng chục vạn người sống về nghề buôn đi bán lại hải sản.

Để đạt sản lượng nghề cá của nhân dân năm 1978 64 vạn tấn, và năm 1980 82 vạn tấn, một mặt phải củng cố các hợp tác xã cá ở miền Bắc, tiến hành mạnh việc cải tạo xã hội chủ nghĩa, tổ chức lại và quản lý tốt nghề cá ở miền Nam bằng các hình thức thích hợp, sử dụng hợp lý lao động vùng ven biển; mặt khác, phải tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nghề cá của nhân dân. Trong các năm tới, sẽ tăng nhập động cơ thuỷ cỡ 16 - 135 sức ngựa và phụ tùng cần thiết để đầy

mạnh trang bị cơ giới cho các hợp tác xã nghề cá ở miền Bắc, đáp ứng tốt hơn nhu cầu về phụ tùng và động cơ thuỷ cho ngư dân ở miền Nam, trước hết là cho các cơ sở đã được tổ chức, quản lý tốt, các cơ sở đánh tôm, mực xuất khẩu. Tăng cường thêm mạng lưới cơ sở sửa chữa tàu, thuyền cá. Khả năng trang bị cơ giới chưa nhiều, nên phải phát triển thêm thuyền cá thủ công. Xây dựng các bến cá ở các tỉnh, huyện ven biển, các xí nghiệp liên hiệp hải sản, các trạm thu mua, cung ứng dịch vụ, sửa chữa, chế biến... phục vụ nghề cá của nhân dân. Dành một số tàu, thuyền, trong đó có một số được trang bị bảo quản lạnh để cung cấp dịch vụ và tổ chức thu mua cá ngoài khơi, tạo điều kiện cho ngư dân kéo dài thời gian bám biển sản xuất, nâng cao hiệu suất phương tiện đánh bắt và năng suất lao động. Trên cơ sở đó, thu hút thêm lao động vào nghề cá. Nhà nước phải thực hiện tốt chế độ hợp đồng hai chiều với nhân dân, quản lý tốt việc phân phối lương thực, vật tư, xăng dầu, phụ tùng máy, bảo đảm thu mua cho được 62% sản phẩm nghề cá năm 1978 và nâng lên 80% năm 1980.

Ưu tiên dành đủ gỗ cho việc đóng tàu, thuyền cá (năm 1978 11 vạn m³) và một số vật liệu cho tàu, thuyền xi măng lưới thép. Tổ chức nhiều cơ sở đóng thuyền ở các tỉnh miền Nam. Một số tỉnh ở miền Bắc cần đưa lực lượng thợ vào miền Nam để xây dựng cơ sở đóng thuyền ở gần nguồn gỗ.

Xây dựng thêm cơ sở sản xuất nước đá, ướp đông, phát triển nhiều cơ sở làm chượp và nước mắm, phơi sấy cá khô ở các tỉnh. Ở miền Nam, chú trọng tăng các loại cá chế biến bằng nhiều cách nhất là cá khô cung cấp cho Nhà nước.

Việc giải quyết tốt công việc làm cho nhân dân lao động ở ven biển, đặc biệt là đối với các tỉnh miền Nam, là một vấn đề có ý nghĩa quyết định trong việc tổ chức lại nghề cá, thu hẹp thị trường tự do buôn bán cá, tạo điều kiện để Nhà nước nắm được sản phẩm nghề cá của nhân dân. Cần thu hút thêm lao động vào các ngành nghề: đóng và sửa chữa tàu, thuyền, đan lưới, chế biến cá, phục vụ bốc xếp, vận chuyển, làm lưu thông phân phối dưới sự lãnh đạo và quản lý của Nhà nước, xây dựng các công trình phục vụ nghề cá và phục vụ đời sống, phát triển các ngành nghề thủ công hoặc các nghề nông nghiệp ở ven biển.

Phải tận dụng những điều kiện rất thuận lợi của nước ta để phát triển mạnh nghề nuôi trồng thuỷ sản, vừa nhằm góp phần cải thiện bữa ăn của nhân dân, vừa để tăng mặt hàng xuất khẩu (tôm, lươn, cá trê, cá chép...).

ở khu vực nhà nước, sẽ chú trọng xây dựng một số cơ sở nuôi trồng thuỷ sản lớn, chủ yếu là những cơ sở để cung cấp sản phẩm cho các thành phố, khu công nghiệp và cho xuất khẩu, những cơ sở sản xuất cá giống. Đồng thời phải tổ chức lao động của nhân dân, làm nhiều công trường thủ công đắp đê, cống, đào vét ao, hồ... làm rộng khắp ở những nơi có điều kiện các cơ sở nuôi cá của tập thể và gia đình, với nhiều hình thức nuôi khác nhau phù hợp hoàn cảnh từng địa phương (nuôi trong ao, hồ, nuôi bè, nuôi lồng, v.v.). Trên cơ sở đó, năm 1978 sẽ đưa diện tích nuôi thuỷ sản ở mặt nước mặn, nước lợ lên 3,5 vạn hécta, tăng 1 vạn hécta so với năm 1977, đạt sản lượng 8.000 tấn tôm, cá, trong đó có 3.500 tấn tôm; diện tích nuôi cá nước ngọt lên 18 vạn hécta, tăng 2,5 vạn

hécta, đạt sản lượng khai thác cá sông và nuôi cá nước ngọt 20 vạn tấn. Đến năm 1980, đưa tổng diện tích nuôi cá lên trên 40 vạn hécta, đạt sản lượng cá nước ngọt, nước lợ 30-35 vạn tấn, trong đó tôm, cá nuôi khoảng 17-18 vạn tấn, riêng tôm là một vạn tấn. Từ nay đến năm 1980, sẽ hoàn chỉnh xây dựng 130 cơ sở giống cá, để đến năm 1980 sản xuất được 700 triệu cá giống.

Phải quản lý tốt việc giao nộp toàn bộ sản phẩm cá của các cơ sở quốc doanh cho cơ quan thương nghiệp địa phương và thực hiện tốt hợp đồng hai chiều giữa Nhà nước với các hợp tác xã trong việc phát triển sản xuất và thu mua nguồn cá nước ngọt.

IV- Công nghiệp

Nhiệm vụ của các ngành công nghiệp trong mấy năm tới là: tổ chức lại sản xuất theo ngành chuyên môn hoá, phát triển công nghiệp trung ương đi đôi với phát triển công nghiệp địa phương và phát huy khả năng tiềm tàng của thủ công nghiệp trong cả nước; tận dụng năng lực sản xuất, tăng cường trang bị và mở rộng các cơ sở công nghiệp hiện có, hoàn chỉnh nhanh các cơ sở công nghiệp mới xây dựng để huy động vào sản xuất; cố gắng đến mức cao nhất tự sản xuất lấy máy móc, thiết bị, phụ tùng và khai thác tốt nguồn vật tư, nguyên liệu trong nước, tận dụng phế liệu, phế phẩm... để tăng nhanh tốc độ phát triển, phục vụ tốt nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và các ngành kinh tế, tăng nhanh sản xuất hàng tiêu dùng đáp ứng yêu cầu của đời sống nhân dân và xuất khẩu. Đi đôi với phát triển sản xuất, cần tiến hành tốt cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công nghiệp tư bản tư doanh, mau chóng tổ chức lại và quản lý tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp ở miền Nam theo quỹ đạo của kế hoạch nhà nước.

Tổng số lao động trong ngành công nghiệp (không kể

nghề đánh cá) từ 1,7 triệu người năm 1977 tăng lên 2 triệu người năm 1978 (trong đó công nghiệp quốc doanh 64,5 vạn người), đến năm 1980 là 2,6 triệu người (công nghiệp quốc doanh 80 vạn người).

Năm 1978 sẽ đưa giá trị tổng sản lượng công nghiệp lên 11,14 tỷ đồng, tăng 20,5% so với năm 1977, trong đó nhóm A: 3,89 tỷ đồng, tăng 21,6%, nhóm B: 7,25 tỷ đồng, tăng 22%; riêng tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp: 3,95 tỷ đồng, tăng 19,6%.

Phấn đấu đến năm 1980 sẽ đưa giá trị tổng sản lượng công nghiệp lên 16,43 tỷ đồng, nhịp độ tăng bình quân hàng năm trong kế hoạch 5 năm là 18,5%; trong đó, các ngành công nghiệp nhóm A đạt 5,73 tỷ đồng, bình quân hàng năm tăng 15,9%, các ngành công nghiệp nhóm B đạt 10,7 tỷ đồng, bình quân hàng năm tăng 20,5%, riêng tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp 5,63 tỷ đồng, bình quân hàng năm tăng 17,4%.

1. Về công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng

Hiện nay, cả nước có khoảng trên 80 vạn lao động trong các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng (khu vực quốc doanh gần 20 vạn người và khu vực công nghiệp tư doanh và tiểu, thủ công nghiệp trên 60 vạn người), nhưng chưa được quản lý và phát huy tốt. Nhiều ngành, nhiều cơ sở quan trọng chỉ mới huy động 40-60% năng lực thiết bị; nhiều người lao động chưa làm hết thời gian lao động, chủ yếu do thiếu nguyên liệu và phụ tùng thay thế. (Năm 1977, khoảng 60-65% nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng còn dựa vào nhập khẩu).

Từ năm 1978, phải tích cực xây dựng các vùng trồng cây làm nguyên liệu cho công nghiệp, tổ chức tốt việc khai thác và thu mua nguyên liệu nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, phát triển các loại nguyên liệu, vật liệu trong nước thay thế nhập khẩu và tổ chức tốt việc thu hồi, tận dụng phế liệu, phế

phẩm, bảo đảm nguồn nguyên liệu cho công nghiệp thực phẩm và công nghiệp nhẹ. Đối với các loại nguyên liệu, vật liệu còn phải nhập khẩu, phải tính toán một cách chắc chắn để tránh bị động.

Về xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, từ năm 1978, bên cạnh các công trình lớn, nhập thiết bị của nước ngoài, chú trọng xây dựng nhiều nhà máy cỡ nhỏ, phân tán ở các tỉnh, huyện, dùng thiết bị sản xuất trong nước, trang bị máy móc, công cụ cho tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, nhằm tận dụng nguyên liệu phân tán và thu hút được nhiều lao động, đáp ứng nhu cầu tại chỗ, giảm bớt vận chuyển.

Công nghiệp chế biến lương thực và thực phẩm.

Về *chế biến lương thực* ngoài việc xây dựng những nhà máy xay xát gạo cỡ 15-30 tấn/ca bằng thiết bị sản xuất trong nước, sẽ xây dựng nhiều cơ sở xay xát nhỏ ở các huyện để xay xát số thóc còn lại của khu vực nhà nước. Xây dựng một số cơ sở xay xát số lúa mì nhập khẩu và tăng thêm năng lực chế biến bột mì. Cùng với việc đẩy mạnh sản xuất hoa màu, phải coi trọng việc chế biến màu, hướng chính là trang bị rộng rãi công cụ và máy móc đơn giản cho các địa phương và các hợp tác xã sơ chế và chế biến phân tán tại chỗ. Nhà nước sẽ xây dựng các cơ sở chế biến màu theo phương pháp công nghiệp ở vùng trồng màu tập trung. Theo hướng đó, năm 1978 đưa sản lượng gạo, ngô xay máy lên 1,5 triệu tấn; xay bột mì 18,2 vạn tấn; sản xuất mì, mì sợi và màu sợi 50 vạn tấn.

Về *công nghiệp nước giải khát* (nước chanh, nước cam, nước chuối, nước dứa, nước bưởi, nước mía, v.v.) phải phát triển mạnh để cung cấp rộng rãi cho nhân dân, tiến tới mỗi tỉnh ít nhất phải có một nhà máy. Cần tổ chức khai thác và chế biến nước khoáng ở những nơi có nguồn nước này. Năm 1978 dự kiến sản xuất 100 triệu lít bia, 60 triệu lít nước giải khát...

Về *công nghiệp đường*:

Xúc tiến bố trí đủ diện tích trồng mía tập trung (2,8 vạn ha) phục vụ các nhà máy đường lớn, đồng thời xây dựng nhiều cơ sở đường địa phương cỡ từ vài chục đến 100 tấn mía/ngày dựa vào các vùng mía từ vài trăm đến 1.000 ha sẽ phát triển ở các tỉnh và những vùng trồng mía tập trung chưa kịp xây dựng nhà máy lớn. Xây dựng một số nhà máy đường cỡ 300-500 tấn mía/ngày ở Tây Nguyên, Phú Khánh. Phát triển các loại đường tinh bột từ các loại hoa màu và tăng thêm sản lượng bánh kẹo từ nguyên liệu trong nước cung cấp rộng rãi cho nhân dân. Dự kiến năm 1978 sản xuất 16,1 vạn tấn đường, trong đó quốc doanh sản xuất 5,2 vạn tấn. Phấn đấu đến năm 1980 đạt chỉ tiêu sản xuất 22 vạn tấn đường.

Về chế biến chè, thuốc lá và các thực phẩm khác:

Tích cực giải quyết nguồn nguyên liệu nông sản để tận dụng tốt hơn năng lực sản xuất của công nghiệp chế biến chè, thuốc lá, mở rộng nhanh sản xuất đồ hộp và rau quả ướp đông phục vụ xuất khẩu, năm 1978 đưa sản lượng chế biến chè lên 1,8 vạn tấn, thuốc lá lên 600 triệu bao, đồ hộp lên 1,8 vạn tấn và rau quả ướp đông lên 6.500 tấn. Phấn đấu đến năm 1980 đạt sản lượng 2,2 vạn tấn chè máy, 800 triệu bao thuốc lá, 6,8 vạn tấn rau quả hộp và rau quả ướp đông. Các địa phương cần tận dụng năng lực hiện có và trang bị thêm thiết bị ép dầu và tinh chế dầu, tổ chức tốt việc thu mua nguyên liệu để ép dầu lạc, dầu bông, dầu dừa,... và tổ chức ép dầu cám ở các nhà máy xay, tăng nhanh sản lượng dầu thực vật, năm 1978 đạt 1,8 vạn tấn và đến năm 1980 lên khoảng 3 vạn tấn.

Tổ chức rộng rãi việc chế biến nước chấm, thức ăn sẵn,... ở các thành phố và khu công nghiệp. Xây dựng thêm các cơ sở sản xuất mì chính loại nhỏ sản xuất mì chính bột và mì chính dạng nước ở các tỉnh có nhiều sắn và mở rộng công suất một số cơ sở hiện có để tăng sản lượng mì chính, năm 1978 lên 4.000 tấn, đến năm 1980 đạt 5.300 tấn.

Xúc tiến xây dựng các tổ chức liên hiệp sản xuất công nông nghiệp kết hợp chặt chẽ nông nghiệp sản xuất nguyên liệu với công nghiệp chế biến, bảo đảm vững chắc nguyên liệu cho chế biến và xuất khẩu.

Về dệt, hướng chính trước mắt là tận dụng công suất máy dệt hiện có của quốc doanh và tư nhân. Cần cải tạo và tổ chức, sắp xếp lại lực lượng dệt của tư nhân ở miền Nam hiện nay, bổ sung phụ tùng và sửa chữa máy dệt để huy động hết số máy và làm ít nhất 1,5 ca/ngày. Mặt khác, tích cực tự sản xuất máy dệt và khung dệt gỗ có dùng động cơ. Khẩn trương xây dựng nhanh các nhà máy sợi đã có nguồn thiết bị. Phấn đấu năm 1978 sản xuất 370 triệu mét vải, lụa, 42 nghìn tấn sợi; năm 1980 sẽ nâng lên 450 triệu mét và 53 nghìn tấn.

Hoàn thành xây dựng các nhà máy kéo sợi đay, sợi len; mở rộng sản xuất thảm đay, thảm len, các hàng đan, dệt cói, các loại hàng mây, tre và thủ công mỹ nghệ để xuất khẩu. Phát triển nghề may mặc, thêu ren,... để mở rộng gia công với nước ngoài, chú trọng các thành phố lớn để thu hút sức lao động nữ còn nhàn rỗi. Có chính sách và biện pháp tổ chức tích cực để tận thu thêm nguồn da súc vật, đặc biệt là da lợn để mở rộng nghề thuộc da và làm đồ dùng bằng da.

Để đưa sản lượng giấy lên 8 vạn tấn năm 1978 và 13 vạn tấn năm 1980, ngoài việc khẩn trương hoàn thành xây dựng Nhà máy giấy Vĩnh Phú, trang bị thêm năng lực sản xuất bột giấy cho các nhà máy hiện có ở miền Nam, phải xây dựng các cơ sở vừa và nhỏ làm bột giấy từ rơm, rạ và các nguồn nguyên liệu khác ở các địa phương và tổ chức thu hồi triệt để giấy vụn. Có chính sách tiết kiệm giấy trong tất cả các ngành.

Về đồ gỗ, năm 1978 sẽ dùng 26 vạn m³ gỗ tròn và tận dụng thêm gỗ bìa bắp, cành ngọn để tăng sản lượng đồ gỗ, bảo đảm khá hơn nhu cầu đồ gỗ thông thường của nhân dân. Phát triển nghề thủ công sản xuất đồ dùng bằng gỗ, tre, mây có sẵn ở các địa phương. Các ngành lâm nghiệp, công nghiệp nhẹ cần bàn với các địa phương tổ chức việc sơ chế tại chỗ gỗ, tre, trúc... thành những nửa thành phẩm được tiêu chuẩn hóa để tiện vận chuyển đi các nơi gia công thêm thành đồ gỗ cung cấp cho nhân dân.

Xây dựng nhiều bộ thiết bị sản xuất đồ sứ cỡ 5 triệu cái/năm ở các tỉnh và những cơ sở nhỏ hơn ở một số huyện; xây dựng một số thiết bị sản xuất đồ thủy tinh cỡ vừa ở các tỉnh ven biển; tổ chức cơ sở làm men sứ ở Hải Dương, Sông Bé, khai thác và lọc cao lanh ở Vĩnh Phú, Lào Cai, Lâm Đồng; hoàn thành xây dựng Nhà máy phích nước Đông Triều, nhập máy chân không để tự mở rộng Nhà máy phích nước Rạng Đông và xây thêm phân xưởng ruột phích nước cạnh Nhà máy thuỷ tinh Đà Nẵng. Năm 1978 tăng sản lượng đồ sứ lên 250 triệu chiếc, và đồ dùng bằng thuỷ tinh lên 6,5 vạn tấn; phấn đấu đến năm 1980 đạt 400 triệu chiếc đồ sứ, 8 vạn tấn đồ dùng thuỷ tinh, 3 triệu cái phích nước, bảo đảm đủ nhu cầu với mặt hàng ngày càng phong phú và có chất lượng tốt hơn.

Về dược phẩm, nhu cầu thuốc chữa bệnh, thuốc bổ rất lớn, và rất cấp bách. Phải gấp rút xây dựng một số xí nghiệp dược phẩm chuyên sản xuất các loại thuốc chữa bệnh, thuốc bổ bằng nguồn dược liệu trong nước; tận lực phát triển công nghiệp địa phương và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp chế biến thuốc Nam, đồng thời xây dựng nhanh Nhà máy thuốc kháng sinh Việt Trì (55 tấn/năm). Giá trị sản lượng thuốc

chữa bệnh năm 1978 là 240 triệu đồng, tăng 12,5 so với năm 1977; đến năm 1980 đạt 340 triệu đồng.

Về đồ điện và kim khí tiêu dùng: mở rộng hai nhà máy bóng đèn ở thành phố Hồ Chí Minh, năm 1978 sản xuất 7,5 triệu bóng đèn, đến năm 1980 sản xuất 9 triệu bóng, đáp ứng một phần nhu cầu. Hoàn thành Nhà máy xe đạp Xuân Hòa, mở rộng các cơ sở sản xuất phụ tùng, tăng nhanh sản xuất xe đạp, tiến tới bán bình thường phụ tùng xe đạp. Năm 1978 sản xuất 24 vạn xe đạp, 7,8 nghìn tấn phụ tùng xe đạp. Đến năm 1980 sẽ sản xuất khoảng 50 vạn chiếc xe đạp và 1,2 vạn tấn phụ tùng xe đạp.

Mở rộng sản xuất quạt điện, máy thu thanh, máy thu hình, máy khâu, đồng hồ để bàn và các mặt hàng tiêu dùng khác như đồ dùng học tập, đồ dùng giảng dạy, đồ chơi cho trẻ em, các đồ dùng gia đình bằng kim khí, bằng sắt tráng men, các đồ tiểu ngũ kim, v.v..

Về các mặt hàng tiêu dùng khác: về các mặt hàng đồ nhựa, đồ giả da còn phụ thuộc chất dẻo nhập khẩu; từ năm 1978 đến năm 1980 chỉ có khả năng nhập mỗi năm 1,1 vạn tấn chất dẻo và hoá dẻo, ưu tiên dành nhựa sản xuất các sản phẩm thiết yếu như vải che mưa, bao bì xuất khẩu, phụ tùng máy, dây điện, đồ chơi cho trẻ em; thay thế các loại rổ rá, chiếu nhựa bằng đồ tre, mây, cói. Tranh thủ hợp tác với nước ngoài làm hàng nhựa xuất khẩu để có thêm nguồn nguyên liệu, tận dụng được công suất chế biến nhựa hiện có.

Tổng cục Hoá chất, Bộ Công nghiệp nhẹ và các địa phương phải giải quyết cho được việc mở rộng sản xuất phân lớn hoá chất làm bột giặt ở trong nước, thu mua đủ dầu dừa và tổ chức sản xuất dầu từ các loại hạt khác cho sản xuất xà

phòng, đáp ứng yêu cầu tiêu dùng của nhân dân. Năm 1978 sản lượng xà phòng và bột giặt là 35 nghìn tấn, năm 1980 tăng lên 45 nghìn tấn.

Trong việc tổ chức sản xuất hàng tiêu dùng các ngành và các địa phương phải phân công cụ thể cho các cơ sở quốc doanh và đặc biệt chú trọng quản lý và phát triển lực lượng của tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, chú trọng tăng thêm lao động, dành vật tư cần thiết và có chính sách thích đáng để khuyến khích và thúc đẩy mở rộng sản xuất, tăng thêm mặt hàng, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm, đáp ứng được nhu cầu đa dạng và ngày càng tăng của nhân dân. Nhất thiết không để thiếu những mặt hàng có thể sản xuất bằng nguyên liệu trong nước.

2. Công nghiệp nặng

Phải quán triệt nhiệm vụ đã được Đại hội Đảng xác định: "Phát huy năng lực sẵn có và xây dựng thêm nhiều cơ sở mới về công nghiệp nặng, đặc biệt là cơ khí, nhằm phục vụ trước hết cho nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và công nghiệp nhẹ, chuẩn bị cho bước trang bị kỹ thuật trong thời kỳ tiếp theo".

Cơ khí:

Hiện nay, lực lượng cơ khí quốc doanh (kể cả cơ khí phòng) có 7 vạn công nhân kỹ thuật với 35.000 máy công cụ, gần 800 triệu đồng tài sản cố định. Do cơ cấu trang bị chưa đồng bộ, trình độ kỹ thuật còn hạn chế, tổ chức và phân công sản xuất chưa hợp lý, vật tư và nguồn điện cung ứng chưa đủ và chưa ổn định, các công trình phục vụ sản xuất và đời sống của công nhân ở nhiều khu vực chưa được giải quyết tốt, nên năng lực sản xuất chưa được phát huy hết. Tính bình quân 1 đồng tài sản cố định mới làm ra được 1,2 đồng sản phẩm, năng suất lao động bình quân 1 công nhân sản xuất mới đạt 13.500 đồng.

Lực lượng tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp của ngành cơ khí năm 1977 ước làm ra được 360 triệu đồng sản phẩm,

trong đó một phần quan trọng là hàng kim khí tiêu dùng, những năng lực đó chưa được sử dụng hết.

Trong năm 1978 và những năm tới phải ra sức phát triển ngành cơ khí để đáp ứng nhu cầu trang bị công cụ lao động cho các ngành kinh tế. Đặc biệt coi trọng từng bước hoàn chỉnh việc tổ chức sắp xếp lại và phân công sản xuất trong toàn ngành cơ khí theo hướng chuyên môn hoá và hợp tác hoá, kết hợp năng lực cơ khí quốc doanh trung ương và địa phương, cơ khí quốc phòng, cơ khí hợp tác xã và lực lượng cơ khí của tư nhân. Vừa cải tạo và mở rộng cơ sở hiện có, vừa hoàn thành xây dựng đưa vào sản xuất một số cơ sở mới, và chú ý giải quyết tốt hơn các điều kiện bảo đảm sản xuất và phục vụ đời sống công nhân.

Dự kiến đầu tư cho ngành cơ khí quốc doanh để tăng tài sản cố định của ngành lên 1,4 tỷ đồng năm 1980, đưa tổng số máy công cụ lên gần 6 vạn chiếc, tăng thêm 7 vạn công nhân kỹ thuật; đồng thời thu hút thêm nhiều lao động vào khu vực cơ khí tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp.

Trong ba năm tới, sẽ hoàn thành dứt điểm các công trình trên hạn ngạch hiện đang xây dựng dở dang, khởi công xây dựng mới một số công trình quan trọng, xây dựng thêm các cơ sở cơ khí tinh ở miền Nam, các trạm cơ khí huyện, nhiều trạm sửa chữa, bảo dưỡng tàu thuyền cá, bổ sung hoàn chỉnh và cải tạo, mở rộng các nhà máy cơ khí của các ngành, hình thành thêm một bước hệ thống cơ khí ngành và mạng lưới cơ khí địa phương từ tỉnh đến huyên. Riêng năm 1978 phải hoàn thành 25 công trình cơ khí trên hạn ngạch, trong đó có các nhà máy: cơ khí Hà Nội mở rộng, cụm cơ khí Gò Đầm, Nhà máy cơ khí Trung tâm Cẩm Phả, Nhà máy khí cụ điện I, Nhà máy xe đạp Xuân Hoà, Nhà máy sửa chữa xe máy, thiết bị, dụng cụ, bốn nhà máy cơ khí tinh... Tuy nhiên các công trình then chốt về cơ khí chế tạo tăng thêm không nhiều; việc cải thiện các khâu yếu trong sản xuất cơ khí hiện nay như năng lực đúc thép, tạo phôi, năng lực và chất lượng gia công bề mặt (mài, nhiệt luyện, v.v.), trang bị thêm dụng cụ đo và kiểm tra cơ khí... còn phụ thuộc vào việc nhập thiết bị lẻ. Vì

vậy, cần chuẩn bị xây dựng một số công trình then chốt mới về cơ khí khi có điều kiện và phải tích cực tạo ra những điều kiện này.

Dự kiến giá trị tổng sản lượng toàn ngành cơ khí năm 1978 là 1.534 triệu đồng, tăng 27% so với năm 1977, năm 1980 là 2.350 triệu đồng, gấp 2,5 lần năm 1975.

Để tích cực phục vụ nông nghiệp, thuỷ lợi năm 1978 phải sản xuất 100 bộ thiết bị cho xưởng cơ khí huyện, 3.000 máy kéo bông sen, gấp hai lần năm 1977; 7.000 máy công tác theo sau máy kéo lớn tăng 84%; 21,6 triệu công cụ lao động, tăng 68% (có 2,6 triệu cuốc bàn, 41 vạn xe cải tiến); 6.060 bơm thuỷ lợi các loại, tăng 15% (có 10 cái loại 8.000m³/giờ là sản phẩm mới, 210 cái loại 4.000m³/giờ, 390 cái loại 2.500 m³/giờ; 1.350 cái loại 1.000m³/giờ...), 1.500 máy bơm rửa chuồng trại và các loại bơm khác; 7,6 vạn bơm thuốc trừ sâu gấp gần hai lần năm 1977; 85 tàu hút bùn, tăng 31%; 2 tàu ngoạm; 5.000 máy đóng mỏ cửa cống, tăng 82%... Tính chung trong ba năm 1978-1980, sản xuất cơ khí phải bảo đảm đủ nông cụ cầm tay với chất lượng ngày càng tốt, đáp ứng phần lớn nhu cầu máy bơm, tàu hút bùn, máy nông nghiệp đi sau máy kéo, một phần quan trọng nhu cầu máy kéo nhỏ và các máy khác phục vụ nông nghiệp, thuỷ lợi.

Về phục vụ hải sản năm 1978 sản xuất 244 tàu cá các loại với trên 3 vạn sức ngựa gấp hơn hai lần năm 1977, trong đó có 92 cái loại 90 sức ngựa, 150 cái loại 135 sức ngựa, 2 cái loại 400 sức ngựa (sản phẩm mới). Tính chung ba năm tới, có thể đáp ứng về cơ bản nhu cầu tàu thuyền cá loại 135 sức ngựa trở xuống và một phần tàu cá 400 sức ngựa.

Về phục vụ giao thông vận tải, năm 1978 sản xuất 150 canô, tàu kéo, tàu đẩy với 2,4 vạn sức ngựa; 7,5 vạn tấn sà lan vận tải, tăng 37%, 13 tàu khách và tàu du lịch, 320 xe ca, 1.220 rơ moóc, tăng 66%; 325 toa xe, tăng 30%; đại tu 55 đầu máy xe lửa, 410 toa xe, tăng 21%, trung đại tu 11 vạn ô tô, tăng 49%... Trong mấy năm tới, phải cố gắng bảo đảm nhu cầu về sà lan vận tải và đẩy mạnh sản xuất phụ tùng ô tô để tăng năng lực sửa chữa trong nước. Dự kiến năm 1978 sản xuất

1.780 tấn phụ tùng, tăng 15% so với năm 1977, đến năm 1980 tăng lên 2.520 tấn, nhưng mới đáp ứng khoảng 25% nhu cầu, cần phải tiếp tục tìm biện pháp đạt mức sản xuất phụ tùng cao hơn.

Về phục vụ xây dựng cơ bản và sản xuất vật liệu xây dựng, năm 1978 sản xuất 300 máy trộn bê tông, 380 máy trộn vữa, 149 máy nghiền và 210 quạt gió cho xi măng lò nhỏ, 9 bộ thiết bị sản xuất gạch loại 20 triệu viên/năm, 45 bộ loại 7 triệu viên/năm, khẩn trương chuẩn bị để mấy năm sau đưa vào sản xuất thử các loại máy xúc đá, tời điện 3 - 5 tấn, máy cào, băng tải.

Sản xuất đủ yêu cầu máy lẻ của hệ thống thiết bị sàng rửa than 2 triệu tấn/năm, và tăng sản xuất tời, búa, chèn, máng cào, quạt gió, băng tải, toa xe, goòng,... cho ngành than, chế tạo thiết bị sản xuất phân lân nung chảy, nghiền apatít,... cho ngành hoá chất.

Sản xuất nhiều công cụ và thiết bị cho công nghiệp thực phẩm và công nghiệp nhẹ như công cụ và máy chế biến màu, xay xát gạo, thiết bị cho các nhà máy cỡ nhỏ chế biến đường, mì chính, sản xuất giấy, đồ sứ, thuỷ tinh, máy dệt, khung dệt có động cơ.

Về cơ khí thông dụng, năm 1978 chế tạo 2.180 máy cắt gọt kim loại, tăng 35% (1.120 máy tiện, 780 máy khoan, 550 máy mài hai đá), 548 máy đột, rèn, dập kim loại...; đến năm 1980 tăng sản lượng các loại máy này lên gấp rưỡi năm 1978. Chế tạo 5.500 động cơ điện 12 sức ngựa, tăng 30% so với năm 1977 đến năm 1980 đưa lên 12.000 cái; 3,1 vạn động cơ điện các loại, tăng 65% (năm 1980: 4,2 vạn cái); 1.001 máy biến thế điện với 32 vạn kVA, tăng 33% về số máy và 48% về công suất (năm 1980: 51 vạn kVA).

Phải bảo đảm cung cấp đủ vật tư, thiết bị cho ngành cơ khí, thực hiện được các chỉ tiêu sản xuất. Mặt khác, các cơ sở sản xuất cần thực hiện triệt để tiết kiệm vật tư, tận dụng công suất thiết bị để tăng thêm sản lượng. Cần bổ sung, sửa đổi và ban hành sớm các định mức tiêu hao vật tư, sử dụng thiết bị trong ngành cơ khí. Các ngành, các cơ sở sản xuất phải thực

hiện và chấp hành tốt các hợp đồng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Bộ Cơ khí luyện kim cần tiến hành quy hoạch, phân công và chỉ đạo tốt việc sản xuất các loại phụ tùng ô tô, máy kéo, cùng các ngành nghiên cứu để đẩy mạnh việc tự sản xuất các loại máy móc, thiết bị và phụ tùng đáp ứng yêu cầu của các ngành, giảm bớt nhập khẩu. Có biện pháp thu hồi các loại động cơ 20-24 sức ngựa đã bị hỏng ở các địa phương về để khôi phục trang bị lại. Ngành cơ khí phải tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm.

Công nghiệp điện tử:

Với các cơ sở sản xuất bóng bán dẫn và linh kiện thụ động đang xây dựng, đến năm 1979 - 1980, có thể tự giải quyết được một phần nhu cầu linh kiện cho lắp ráp và sửa chữa máy thu thanh và một số thiết bị điện tử khác. Tuy nhiên, số chủng loại linh kiện điện tử sản xuất được còn ít và ta chưa có cơ sở sản xuất linh kiện cơ khí và vật liệu điện. Cần tích cực nghiên cứu, chuẩn bị điều kiện để giải quyết các nhu cầu này trong những năm sau. Trước mắt, sẽ hợp tác với nước ngoài nhập linh kiện và tự sản xuất một số bộ phận để lắp ráp máy thu thanh, máy thu hình. Trong 5 năm, sẽ tự sản xuất đáp ứng được một phần nhu cầu về máy điện thoại từ thạch, tổng đài điện thoại từ thạch và một số ít máy điện thoại tự động.

Năm 1978, sản xuất và lắp ráp 2 vạn máy thu thanh, 5.000 máy thu hình, 1.750 máy tăng âm, đến năm 1980 sẽ tăng lên 10 vạn máy thu thanh, 2 vạn máy thu hình.

Công nghiệp năng lượng:

- *Ngành điện:* hiện nay có 1,5 vạn lao động, với công suất phát điện chung là 1,6 triệu kW. Do năng lực phát điện phân bổ không tương ứng với nhu cầu về điện giữa các vùng, mạng lưới điện chưa đủ và chưa hợp lý, thiếu phụ tùng thay thế cho các tổ máy phát điện điện và do một số vấn đề kỹ thuật khác nên hiệu suất sử dụng còn thấp, tổn thất điện trên lưới

tới 17,5%, năng suất một công nhân sản xuất mới đạt trên dưới 30 vạn kWh/năm. Hiện nay, cân đối điện ở miền Bắc và một số tỉnh miền Trung đang rất căng thẳng, nhưng thiếu công suất bổ sung. Sau khi hoàn thành xây dựng và huy động tốt công suất của Nhà máy điện Uông Bí và một số cơ sở nhỏ khác, hai năm trước mắt chưa có công suất điện quan trọng nào tăng thêm.

Vì vậy, để đáp ứng nhu cầu về điện trong những năm tới, phải tìm cách nhập thiết bị để xây dựng gấp khoảng 10 vạn kW tuyểcbin khí; xây dựng nhanh Nhà máy điện Phả Lại và cố gắng hoàn thành một tổ máy vào năm 1980. Đồng thời phải sử dụng tốt hơn năng lực phát điện hiện có ở cả hai miền. Thực hiện các biện pháp nâng cao công suất của các nhà máy điện hiện có, huy động thêm các máy phát điện diéden của các bộ và địa phương đến nay còn có khả năng sử dụng được; huy động một phần điện diéden của quân đội ra phục vụ kinh tế ở khu vực miền Trung; bố trí lại một số cụm điện diéden ở các tỉnh miền Nam để phục vụ nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long, tăng cường thêm một phần cho Khu V và Bắc Bộ; đẩy mạnh xây dựng mạng lưới phân phối điện. Trên cơ sở đó, phấn đấu đưa tỷ lệ huy động công suất chung của tất cả các nguồn điện từ 44,7% năm 1977 lên 48,3% năm 1978, và 56,7% năm 1980, giảm tỷ lệ điện hao hụt trên lưới khoảng 3% so với mức hiện nay, đưa năng suất lao động ngành điện năm 1978 tăng 7% và năm 1980 tăng 25% so với năm 1977.

Với những biện pháp trên, sản lượng điện năm 1978 phải đạt 3,9 tỷ kWh, tăng 14,5% so với năm 1977. Năm 1980 đạt 5,1 tỷ kWh (từ Bình Trị Thiên trở ra 2,95 tỷ kWh và miền Nam 2,15 tỷ kWh). Trong ba năm 1978 - 1980 sản xuất điện chưa đủ đáp ứng tất cả các nhu cầu, nhất là ở miền Bắc. Vì vậy, cần triệt để tiết kiệm điện, ưu tiên điện cho sản xuất và cho những nhu cầu thiết yếu nhất. Mặt khác, khi xét các chủ trương về xây dựng công trình và đẩy mạnh sản xuất trong các ngành kinh tế, cần phải tính toán kỹ khả năng cân đối

điện cho thi công cũng như cấp điện cho công trình hoạt động khi hoàn thành xây dựng.

Để chuẩn bị nguồn điện cho kế hoạch 5 năm sau, ngoài việc khởi công xây dựng các Nhà máy điện Phả Lại, Đông Hà, Nhà máy thuỷ điện Hoà Bình, phải tranh thủ mọi điều kiện, đẩy mạnh công tác chuẩn bị để xây dựng một số cơ sở lớn về nhiệt điện và thuỷ điện vào thời gian thuận lợi. Đồng thời chú ý xây dựng một số thuỷ điện nhỏ, vừa ở miền núi.

- *Ngành than:* hiện có gần 2,8 vạn lao động, với tổng số tài sản cố định 560 triệu đồng.

Trong năm 1978 đầu tư cho ngành than là 180 triệu đồng (gấp ruồi năm 1977), tăng khá các loại thiết bị chủ yếu như máy xúc, máy khoan, ô tô tự đổ; đưa số lao động lên gần ba vạn người. Tiếp tục tự xây dựng một số mỏ nhỏ và vừa, đi đôi với tập trung xây dựng nhanh các mỏ lớn đang xây dựng dở dang, xây dựng đồng bộ thêm các công trình phục vụ như cơ sở sửa chữa thiết bị mỏ, cơ sở sàng rửa than, đường giao thông và bến cảng phục vụ vận chuyển bốc rót than, v.v. và chăm lo giải quyết tốt hơn đời sống của công nhân mỏ. Trên cơ sở đó, phấn đấu tăng rõ rệt hiệu suất sử dụng thiết bị và năng suất lao động của công nhân khai thác (năm 1978 tăng 9% so với năm 1977). Năm 1978, đạt sản lượng than sạch 7 triệu tấn, tăng 14% so với năm 1977, phấn đấu đến năm 1980 đạt 11 triệu tấn than sạch, vượt chỉ tiêu Đại hội Đảng đề ra cho ngành than.

Ngành than cần nghiên cứu khả năng và biện pháp dùng thêm lao động thủ công, kết hợp với một phần trang bị cần thiết để làm thêm các mỏ nhỏ (như Núi Ba Cô, Nông Sơn, Khe Bố...), khai thác thêm than nhiệt lượng thấp ở các mỏ lớn, và chế biến than để có thêm than phục vụ nông thôn và sản xuất vật liệu xây dựng.

- *Về dầu mỏ và khí thiên nhiên:* tích cực đẩy mạnh công tác thăm dò, tranh thủ khả năng khai thác dầu, khí vào đầu thời kỳ kế hoạch sau. Hướng quan trọng nhất là xúc tiến việc hợp tác, thuê khoan thăm dò khai thác ở vùng biển

miền Nam, đồng thời đẩy mạnh việc thăm dò ở vùng trũng sông Hồng. Mặt khác, phải có kế hoạch cụ thể để tăng nhanh khả năng tự lực của ta trong lĩnh vực thăm dò, khai thác dầu, khí.

Các ngành công nghiệp nguyên liệu, vật liệu:

- Về *luyện kim*: tiếp tục hoàn chỉnh xây dựng khu gang thép Thái Nguyên, cải tạo cơ sở luyện thép ở miền Nam, tăng thêm một số lò điện trong các nhà máy cơ khí ở khu vực Thái Nguyên tiếp tục giải quyết đồng bộ các cơ sở hạ tầng về giao thông, nhà ở, công trình phục vụ đời sống, v.v.. Tích cực thu hồi sắt thép và kim loại phế thải để luyện lại.

Xem xét toàn diện để quyết định tiến độ chuẩn bị đầu tư và thời gian khởi công nhà máy thép 25 vạn tấn/năm.

Mở rộng sản xuất crômít, thiếc, xây dựng một số cơ sở nhỏ luyện chì, kẽm; tìm khả năng tận dụng công suất của nhà máy kéo dây đồng ở miền Nam (gia công xuất khẩu và sản xuất cho nhu cầu trong nước).

Theo hướng trên, kế hoạch năm 1978 bố trí sản xuất 14 vạn tấn gang, tăng 16% so với năm 1977, 13 vạn tấn thép cán, tăng 55%, 350 tấn thiếc thỏi, tăng 17%, 1,3 vạn tấn quặng crôm khô, tăng 25%. Đến năm 1980 sẽ đưa sản lượng thép cán lên 23 vạn tấn, thép đúc 2 vạn tấn, 550 tấn thiếc thỏi, 2 vạn tấn quặng crôm khô.

Công nghiệp hóa chất: hiện có 6,5 vạn lao động, trong đó lực lượng của tư nhân và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp chiếm 2,5 vạn người, giữ một vị trí quan trọng trong việc sản xuất các hóa chất thông thường. Trong kế hoạch 5 năm, dự tính thu hút thêm vào công nghiệp hóa chất 3,6 vạn lao động phục vụ các hướng phát triển sau đây:

Đẩy mạnh xây dựng công trình mở rộng khai thác apatít và làm giàu quặng, đẩy mạnh sản xuất apatít nghiên, mở rộng Nhà máy Supe lân Lâm Thao. Tăng sản xuất vôi, đá vôi nghiên cho bón ruộng.

Tăng năng lực chế biến cao su, ngoài Nhà máy cao su Sao Vàng, sẽ mở rộng cơ sở Đại Nam Cô (thành phố Hồ Chí Minh). Mở rộng sản xuất sắm lốp xe đạp bảo đảm đủ dùng trong nước và có xuất khẩu. Phát triển sản xuất các mặt hàng cao su (ống dẫn, băng tải, dây cua roa, gioăng, các mặt hàng tiêu dùng bằng cao su, v.v.).

Nghiên cứu sản xuất các nguyên liệu thay thế làm bột giặt, thuốc nhuộm, than hoạt tính, v.v. để giảm nhập khẩu.

Ra sức phát triển công nghiệp địa phương, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp sản xuất các loại hóa chất công nghiệp thông thường như gia công thuốc nổ, keo, phèn chua, mực in, thuốc bảo quản gỗ.

Cần sớm giải quyết dứt điểm các chủ trương kỹ thuật và những công tác chuẩn bị để có thể khởi công trong kế hoạch 5 năm này Nhà máy phân đạm 600 tấn NH₃/ngày, Nhà máy sợi vítscô 2 vạn tấn/năm và Nhà máy xút cốt tích 6,6 vạn tấn/năm.

Theo hướng trên, kế hoạch năm 1978 bố trí sản xuất 74 vạn tấn phân lân các loại, tăng 49% so với năm 1977 (trong đó apatít nghiên 39,3 vạn tấn, tăng 107%); 11,5 vạn tấn phân đạm, tăng 67%; 2,3 vạn tấn thuốc trừ sâu, tăng 15%, 5.800 tấn xút cốt tích, 6 vạn bộ sắm lốp ôtô, 6 triệu bộ sắm lốp xe đạp, 9 vạn lốp ôtô đắp lại, 6.000 tấn đất đèn, 6.300 tấn que hàn, khai thác 3 vạn tấn pirít,... Phấn đấu đến năm 1980 sẽ đưa sản lượng phân lân các loại lên 1,3 triệu tấn, phân đạm 16 vạn tấn, thuốc trừ sâu 3,8 vạn tấn, xút 7.800 tấn, lốp ôtô đắp lại 12,5 vạn cái, sắm lốp xe đạp 10 triệu bộ, tiếp tục tìm biện pháp giải quyết nguyên liệu để tận dụng được năng lực sản xuất sắm lốp ôtô.

- *Công nghiệp vật liệu xây dựng*: hiện có 27 vạn lao động, trong đó khu vực tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp chiếm gần 19 vạn người. Trong ba năm tới, sẽ thu hút thêm 15 vạn lao động (riêng năm 1978: 3,5 vạn người) để phát triển mạnh

sản xuất vật liệu xây dựng cả trong khu vực quốc doanh và trong khu vực nhân dân, đáp ứng nhu cầu trước mắt và tạo điều kiện mở rộng quy mô xây dựng trong các năm sau. Huy động lao động để mở rộng nhanh sản xuất, bảo đảm cho được nhu cầu về các loại vật liệu thông thường như vôi, đá, cát, sỏi cho các công trường xây dựng.

Về xi măng: cần tập trung xây dựng dứt điểm, hoàn thành nhanh những nhà máy xi măng lớn, có thể huy động trong kế hoạch 5 năm này như xi măng Hải Phòng (mở rộng), xi măng Hoàng Thạch, xi măng Bỉm Sơn. Đồng thời xây dựng những cơ sở xi măng nhỏ đã có chuẩn bị tốt, có điều kiện thuận lợi về nguồn nguyên liệu và nguồn điện. Kế hoạch năm 1978 bố trí sản xuất trên 1 triệu tấn xi măng, tăng 22% so với năm 1977, trong đó Nhà máy xi măng Hải Phòng 5 vạn tấn, Hà Tiên 31 vạn tấn và xi măng địa phương 12,6 vạn tấn; đến năm 1980 đạt 1,7 - 2 triệu tấn.

Về gạch ngói: ngoài một số ít nhà máy lớn, chủ yếu sẽ phát triển xây dựng nhiều nhà máy gạch cỡ 7 triệu viên/năm trở xuống ở các địa phương, bằng thiết bị sản xuất trong nước. Coi trọng việc tổ chức sản xuất và thu mua gạch của hợp tác xã và nhân dân. Phát triển rộng rãi việc sản xuất các loại vật liệu xây dựng không nung ở các địa phương như đá chẻ, đá ong, tường trình, gạch xỉ, v.v.. Năm 1978 đưa sản lượng gạch xây lên 3,5 tỷ viên, tăng 12% (đến năm 1980: 6 tỷ viên); gạch chịu lửa 1,3 vạn tấn, tăng 21% (năm 1980: 2,6 vạn tấn); ngói 504 triệu viên, tăng 20%.

+ Chất lợp: ngoài việc sản xuất ngói, cần tận dụng năng lực sản xuất của Nhà máy phibrô ximăng hiện có ở miền Nam và xây dựng gối đầu một Nhà máy phibrô xi măng ở miền Bắc. Sản lượng tấm lợp phibrô xi măng năm 1978: 4,4 triệu m², tăng 68% so với năm 1977, đến năm 1980 lên 7,2 triệu m².

Mở rộng và xây dựng thêm những cơ sở khai thác đá, phát triển nhiều cơ sở vôi địa phương ở các vùng có nguồn đá, san hô. Năm 1978 đưa sản lượng khai thác đá lên 10,2 triệu m³, sản lượng vôi cho xây dựng và cho bón ruộng cải tạo đất lên 2

triệu tấn, phấn đấu đến năm 1980 đạt 14 triệu m³ đá, 3 triệu tấn vôi.

Phát triển sản xuất đồ gốm, sứ vệ sinh, các loại gạch hoa, gạch lát, ống nước bằng sành, các sản phẩm granitô. Xây dựng Nhà máy kính xây dựng ở Đáp Cầu.

Xây dựng các Nhà máy bê tông đúc sẵn ĐạiThanh, Thượng Lý, Xuân Mai. Do nguồn thép cho sản xuất bê tông và phương tiện vận chuyển, lắp ghép bê tông đúc sẵn còn có hạn, các cơ sở bê tông đúc sẵn khác có thể lùi chậm thời gian khởi công. Sản lượng bê tông đúc sẵn trong kế hoạch 1978 là 6 vạn m³, tăng 36% so với năm 1977, đến năm 1980 là 1,5 vạn m³.

V- Đầu tư và xây dựng cơ bản

Hướng đầu tư xây dựng cơ bản năm 1978 và đến năm 1980 là tiếp tục tập trung cao cho nông nghiệp, thuỷ lợi, lâm nghiệp, ngư nghiệp, chú trọng các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, công nghiệp tạo nguồn hàng xuất khẩu, phát triển công nghiệp năng lượng, công nghiệp cơ khí, vật liệu xây dựng, tăng năng lực cho ngành giao thông vận tải, dành tỷ trọng thích đáng để đầu tư xây dựng nhà ở, cơ sở nghiên cứu khoa học. Đối với các ngành khác cũng phải đầu tư thích đáng để bảo đảm quan hệ hợp lý giữa các ngành kinh tế và phục vụ cho việc phát triển nông nghiệp. Soát xét và thực hiện các biện pháp đầu tư chiêu sâu để nâng cao mức sử dụng công suất các cơ sở sản xuất đã có, nhất là các xí nghiệp cơ khí, chế biến thực phẩm nông sản, các nông trường quốc doanh. Sẽ không hạn chế đầu tư với những công trình xét có hiệu quả kinh tế nhanh, sử dụng được nhiều lao động và dùng vật tư trong nước là chủ yếu, để vừa tăng nhanh tốc

độ xây dựng, vừa thu hút lao động, nhưng phải thực hiện đúng các quy định về thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản.

Theo tinh thần đó, dự kiến vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 1978 khoảng 5.910 triệu đồng, tăng 49,6% so với năm 1977, trong đó vốn xây lắp 3.220 triệu đồng, tăng 34,7%, bảo đảm các mục tiêu sau đây:

- Tập trung hoàn thành dứt điểm và đưa vào sử dụng trong năm 1978 nhiều công trình chủ yếu như: 18 công trình nông nghiệp và thuỷ lợi, trong đó có kênh Cẩm Sơn (Hà Bắc), hồ Kẻ Gỗ (Nghệ Tĩnh), hồ Tiên Lãng (Bình Trị Thiên), Trung tâm giống lợn lang Móng Cá (Vĩnh Phú), Xí nghiệp gà sinh sản Lương Mỹ (Hà Sơn Bình), Trạm giống bông Thanh Sơn (Thuận Hải), Trại gà trứng Bình Trị Thiên...; trên 50 cơ sở công nghiệp quan trọng, trong đó có đường dây điện 110 kV An Lạc - Thái Bình, Nhà máy cơ khí Hà Nội mở rộng, đóng tàu Bến Kiên, động cơ điện Việt Hung, chế tạo bơm Hải Dương, mỏ pirít Giáp Lai, Nhà máy thuốc kháng sinh, Nhà máy sản xuất phích nước Hải Hưng, Nhà máy chỉ khâu và Nhà máy dệt vải công nghiệp Hà Nội; 12 cơ sở đông lạnh cho hải sản...; một số công trình về lưu thông phân phối, giao thông vận tải trong đó có 85 km đường sắt, 52 km đường ống, 9,5 vạn m³ kho xăng dầu, một số phòng lạnh và kho hàng xuất khẩu; các công trình phục vụ có 6 bệnh viện tỉnh và trung ương, 21 bệnh viện huyện, 13 nhà trẻ, 2 trường đại học...

- Đẩy mạnh tiến độ thi công các mỏ than Cao Sơn, Mông Dương, Nhà máy đóng tàu Giếng Đáy, các nhà máy xi măng Hoàng Thạch, Bỉm Sơn, Bút Sơn, Nhà máy giấy Vĩnh Phú...

- Khởi công xây dựng một số công trình lớn như Nhà máy điện Phả Lại, thuỷ điện Hoà Bình, đường dây điện 220 kV Hà Đông - Hoà Bình, Thanh Hoá - Vinh, Nhà sàng tuyển than Hồng Gai, Nhà máy cao su Đại Nam Cô (thành phố Hồ Chí Minh), mỏ apatít và Nhà máy làm giàu quặng, Nhà máy xi măng Hà Tiên mở rộng, Nhà máy kéo sợi Nghệ Tĩnh.

- Đẩy mạnh công tác chuẩn bị đầu tư đối với các công trình dự định khởi công năm 1979-1980 và thời kỳ đầu kế hoạch 5 năm sau, đặc biệt là các công trình công nghiệp then chốt về cơ khí, gang, thép, điện, hoá chất.

Để thực hiện được khối lượng vốn đầu tư trong 5 năm 30 tỷ đồng, trong đó 16,5 tỷ xây lắp, và đến năm 1980, khối lượng vốn đầu tư sẽ lên tới 9,1 tỷ đồng với 5,1 tỷ đồng xây lắp. Ngay từ năm 1978 phải sử dụng tốt và phát triển thêm lực lượng xây dựng. Lực lượng xây dựng của toàn xã hội năm 1975 có khoảng 95 vạn người, dự kiến năm 1978 đưa lên trên 2,3 triệu người, chiếm 10% lao động xã hội (trong đó lực lượng của quốc doanh 82 vạn người, của hợp tác xã và nhân dân 1,5 triệu người) đến năm 1980 đưa lên 2,7 triệu người. Ngoài ra, để tăng cường công tác chuẩn bị đầu tư, sẽ bổ sung thêm trong 5 năm khoảng 3 vạn người làm công tác khảo sát, thiết kế. Lực lượng xây dựng được tổ chức thành ba loại:

- Lực lượng chủ lực của các ngành trung ương (gồm cả lực lượng của quân đội xây dựng kinh tế) bảo đảm xây dựng các công trình lớn có yêu cầu kỹ thuật phức tạp.

- Lực lượng của các ngành thuộc tỉnh và thành phố bảo đảm xây dựng các công trình loại vừa, làm nòng cốt cho lực lượng xây dựng của địa phương, và hỗ trợ đắc lực cho các ngành của trung ương.

- Lực lượng xây dựng của các huyện và của hợp tác xã do huyện điều hành, chủ yếu bảo đảm xây dựng các công trình trong địa bàn huyện, tham gia xây dựng các công trình trong tỉnh và một số hạng mục công trình của trung ương không đòi hỏi kỹ thuật phức tạp. Lực lượng này phần lớn vẫn do hợp tác xã nông nghiệp trực tiếp quản lý và phân phối thu nhập, được trả công và trợ cấp phần chênh lệnh về lương thực khi đi làm cho Nhà nước.

Ban hành các chính sách nhằm sử dụng tốt lao động xã hội tham gia xây dựng, trước hết có chính sách sử dụng thợ trong nông thôn; tổ chức lại và sử dụng lực lượng của các nhà thầu xây dựng ở miền Nam.

Yêu cầu xây dựng tăng nhanh, khả năng trang bị cơ giới còn có hạn, vì vậy phải kết hợp tốt lao động thủ công với cơ giới, không y lại, trông chờ vào cơ giới; tổ chức các công trường thủ công lớn được quản lý và chỉ đạo chặt chẽ để xây dựng các công trình thuỷ lợi, giao thông, khai hoang trên quy mô lớn và tham gia xây dựng từng phần các công trình công nghiệp và dân dụng, đặc biệt là xây dựng nhà ở. Đi đôi với việc tiếp tục trang bị đủ công cụ lao động, từng bước trang bị nửa cơ giới và cơ giới cho ngành xây dựng. Cải tiến tổ chức quản lý để sử dụng tốt các máy móc, thiết bị (hiện nay ở nhiều bộ, sở ngày máy thực tế làm việc chỉ đạt khoảng 50% so với ngày dương lịch).

Phải xúi tiến việc cải tiến tổ chức và quản lý ngành xây dựng, từng bước thực hiện việc phân công xây dựng chuyên môn hoá theo ngành. Quản lý thống nhất lực lượng thi công cơ giới trên địa bàn từng khu vực đối với loại xe máy cỡ lớn. Cải tiến việc cung ứng vật liệu xây dựng trên từng khu vực. Nâng cao trình độ công nhân và quan tâm tổ chức đời sống của công nhân xây dựng. Bằng các biện pháp đó, phấn đấu đưa năng suất lao động của lực lượng xây dựng quốc doanh năm 1978 tăng 7% và đến năm 1980 tăng 22,4% so với năm 1977.

Tăng cường quản lý tiến độ xây dựng, quản lý chất lượng công trình, quản lý định mức vật liệu, đơn giá và dự toán trong xây dựng. Phải tập trung lực lượng làm dứt điểm và đồng bộ từng công trình, nhất là những công trình quan trọng, khắc phục tình trạng phân tán vốn, vật tư và lực lượng thi công gây lãng phí, kéo dài thời gian xây dựng và chậm phát huy hiệu quả trong công tác xây dựng hiện nay.

Phải kiểm tra chặt chẽ khâu thiết kế (kể cả những thiết kế nhò nước ngoài làm), chống lại mọi sự lãng phí phô

trương, không hợp lý, tìm cách giảm bớt đến mức tối đa mà kỹ thuật cho phép về khối lượng xây dựng các công trình bao che, về mức sử dụng vật liệu xây dựng, nhất là thép, xi măng, gỗ... Bộ Xây dựng cần phối hợp với các ngành chủ quản ban hành gấp các quy định và hướng dẫn cụ thể về mặt này, có chính sách sử dụng vật liệu cho từng loại công trình, lập các thiết kế mẫu hợp lý và kiểm tra chặt chẽ việc thi hành của các ngành, các địa phương.

Dưa nhanh các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào ngành xây dựng để tiết kiệm vật liệu, xây dựng nhanh, tốt và rẻ.

VI- giao thông vận tải và bưu điện

Ngành giao thông vận tải hiện có 47 vạn lao động, trong đó lực lượng quốc doanh có 15 vạn người, lực lượng của hợp tác xã và tư nhân có 32 vạn người. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của ngành giao thông vận tải còn nhiều mặt yếu, lại không cân đối, đồng bộ và nhất là còn nhiều thiếu sót, bất hợp lý trong khâu tổ chức quản lý. Công tác quản lý trong ngành giao thông vận tải ở miền Bắc chưa được củng cố, lực lượng vận tải của tư nhân ở miền Nam chưa được cải tạo và quản lý tốt, nên hiệu suất sử dụng phương tiện vận tải hiện nay kém nhiều so với mức đã đạt được ở miền Bắc trước chiến tranh. Năng suất bình quân của phương tiện vận tải đường sắt, đường ôtô chỉ còn bằng trên dưới 1/2, thời gian chờ bốc xếp chiếm 40-50% thời gian hoạt động của phương tiện, phần lớn phương tiện vận tải đường bộ và đường sông chỉ hoạt động một ca/ngày... Những sự chậm trễ và ách tắc về giao thông vận tải, đặc biệt là trong việc tiếp nhận hàng nhập, trong

vận chuyển Bắc - Nam đang gây trở ngại lớn cho các hoạt động kinh tế.

Để khắc phục một bước cơ bản tình trạng yếu, kém của giao thông vận tải hiện nay, đáp ứng các nhu cầu của sản xuất, của đời sống nhân dân và của quốc phòng, kế hoạch giao thông vận tải năm 1978 và các năm sau sẽ tập trung nâng cao năng lực vận tải của đường biển, đường sắt, đường sông và trực đường bộ chính, chú trọng giải quyết tốt các trọng điểm: tiếp nhận hàng ở khu vực Hải Phòng, bảo đảm yêu cầu vận tải Bắc - Nam, nâng cao năng lực vận chuyển trên tuyến đường sắt Lào Cai, giải quyết giao thông ở khu đầu mối Hà Nội và một số khu công nghiệp quan trọng, nâng cao năng lực của đường sắt Vinh - Đà Nẵng. Chú trọng tăng phương tiện bốc xếp và kho tàng; phát triển mạnh phương tiện vận tải thô sơ để phục vụ vận tải trên đường ngắn ở các địa phương, dùng thêm lao động để hỗ trợ các khâu còn thiếu máy và để dùng phương tiện cơ giới được nhiều ca.

Mặt khác, phải đẩy mạnh việc cải tạo xã hội chủ nghĩa lực lượng vận tải của tư nhân ở miền Nam, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong các tổ chức vận tải trên cả nước; coi trọng cải tiến quản lý và tổ chức lại mạng lưới vận tải, tạo mọi điều kiện đưa nhanh đến nơi tiêu thụ, nâng cao năng suất của phương tiện vận tải, đạt và vượt các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật trước chiến tranh. áp dụng những biện pháp kiên quyết nhất để chặn đứng tình trạng lấy cắp vật tư, hàng hoá trong khâu vận tải, đặc biệt là ở cảng.

Tổng khối lượng hàng hoá vận tải trong nước năm 1978 khoảng 69 triệu tấn, tăng 17% so với năm 1977 và 6,7 tỷ tấn km, tăng 26%. Tiếp nhận và vận chuyển hàng nhập khẩu 6

triệu tấn; hàng hoá thông qua cảng Hải Phòng 3,35 triệu tấn, vận tải Bắc - Nam 1 triệu tấn; vận chuyển than Quảng Ninh 5,2 triệu tấn; vận chuyển apatít 85 vạn tấn, vận chuyển gỗ Khu IV và Khu V ra 34 vạn m³; vận chuyển cho nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào 8,5 vạn tấn... Khối lượng vận chuyển hành khách năm 1978 là 17,9 tỷ hành khách km. Dự kiến đến năm 1980 tổng khối lượng vận chuyển hàng hoá trong nước sẽ lên tới 9,3 tỷ tấn km, khối lượng vận chuyển hành khách 19,4 tỷ hành khách km.

Để giải quyết cho được việc tiếp nhận hàng nhập khẩu và vận tải Bắc - Nam, trong ba năm tới quan trọng nhất là phải tập trung sức đẩy mạnh tốc độ xây dựng cảng ở khu vực Hải Phòng, Quảng Ninh, tăng cường lực lượng sang mạn, tổ chức cảng tiếp nhận gỗ, phát triển nhanh lực lượng vận tải ven biển bằng sà lan, tàu đẩy, nâng cao công suất tiếp nhận xăng dầu... Ngay từ năm 1978 phải đạt được chuyển biến rõ rệt trong việc tiếp nhận hàng nhập khẩu ở khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh, tăng mức tiếp nhận bình quân một ngày từ 7.500 tấn năm 1977, lên 1 vạn tấn, mức rút hàng bình quân một ngày từ 7.000 tấn lên 1 vạn tấn. Nhằm mục đích đó, trong năm 1978 phải xây dựng xong thêm hai bến ở cảng Hải Phòng và cảng Chùa Vẽ, cải tạo cảng than Vật Cánh, nạo vét luồng lạch vào các cảng, tăng thêm 2 vạn tấn sà lan sang mạn. Ở miền Trung, hoàn thành việc mở rộng cảng Bến Thuỷ, cảng Đà Nẵng, tăng cường kho bãi, thiết bị cho các cảng Quy Nhơn, Nha Trang và một số cảng địa phương khác. Chú trọng tăng năng lực tiếp nhận hàng nhập của cảng Đà Nẵng để vừa phục vụ yêu cầu giao thông vận tải ở miền Trung, góp phần giảm bớt khối lượng hàng qua cảng Hải Phòng, vừa tiếp nhận hàng phục vụ cho Lào.

Ở miền Nam, cần tăng phương tiện bốc xếp hàng rời và bãi chuyên dùng cho cảng thành phố Hồ Chí Minh để tiếp nhận than, apatít...

Về đường sắt, tiếp tục củng cố đường sắt Vinh - thành phố Hồ Chí Minh, trước hết tập trung làm tốt đoạn Vinh - Đà Nẵng để cùng với đường biển đảm nhận việc vận chuyển đường dài Bắc - Nam thay vận chuyển ôtô. Hoàn thành xây dựng đường sắt Kép - Uông Bí, Phủ Lý - Kiện Khê, cầu Việt Trì. Khởi công cải tạo đường sắt Hà Nội - Lào Cai, đường sắt Đông Triều - Phả Lại, cầu Đò Lèn. Tiếp tục thi công cầu Thăng Long...

Về đường sông, tiếp tục xây dựng các cảng Hà Nội, Hòn Gai, Nam Định, tăng cường trang bị phương tiện bốc dỡ và kho bãi cho các cảng sông ở địa phương.

Về đường bộ, tập trung khôi phục và cải tạo, mở rộng một số trục đường chính và các khu vực trọng điểm như đường 1A từ Bến Thuỷ vào Đông Hà, đường số 6 từ Hà Nội đi Hoà Bình, một số tuyến chính ở nội, ngoại thành Hà Nội, đường ôtô trong khu công nghiệp Bắc Thái... xây dựng và mở rộng nhiều tuyến đường đến các vùng kinh tế mới, đường xuống huyện và đường biên giới. Dựa vào sức dân là chính, Nhà nước hỗ trợ một phần để phát triển mạng lưới giao thông ở địa phương.

Phải quản lý, điều phối và sử dụng hợp lý số phương tiện vận tải hiện có (kể cả phương tiện của tư nhân) nhanh chóng giảm bớt việc dùng ôtô vào vận tải đường dài, vào các hoạt động của tư nhân không phù hợp với lợi ích của nền kinh tế chung.

Trong những năm tới, từng bước mở rộng hoạt động của ngành hàng không dân dụng để phục vụ việc đi lại trong nước và với các nước ngoài. Nâng cao chất lượng phục vụ và bảo đảm an toàn cho các chuyến bay. Xúc tiến việc cải tạo và mở rộng sân bay Nội Bài theo tiêu chuẩn sân bay quốc tế, củng cố sân bay Cát Bi. Tăng cường phương tiện vận chuyển, đồng thời phải rất quan tâm chỉnh sửa và tăng cường công

tác quản lý của ngành hàng không về mọi mặt. Đẩy mạnh việc đào tạo đội ngũ lái và sửa chữa máy bay.

Đi đôi với việc cải tiến quản lý, sử dụng tốt các phương tiện hiện có, trong năm 1978 sẽ tăng cho ngành giao thông vận tải 42 đầu máy xe lửa, 640 toa xe chở hàng, 7.000 tấn trọng tải tàu biển, 1,4 vạn mã lực tàu kéo tàu đẩy, gần 6 vạn tấn sà lan, 100 xe ôtô tự đổ, 360 xe vận tải, 12 xe cần trục 12-15 tấn...

Về thông tin bưu điện: Cố gắng đáp ứng nhu cầu về thông tin liên lạc của Nhà nước, của các ngành, các cấp, đồng thời đáp ứng nhu cầu hằng ngày về đời sống văn hoá và tình cảm của nhân dân.

Trong ba năm tới cần quy hoạch lại mạng lưới thông tin bưu điện trong cả nước, phối hợp chặt chẽ giữa hệ thống thông tin bưu điện với hệ thống thông tin quân sự và hệ thống phát thanh, truyền hình.

Cải tạo hệ thống thông tin hữu tuyến ở miền Bắc, xây dựng mạng lưới thông tin hữu tuyến ở miền Nam. Xây dựng trực thông tin hữu tuyến từ Hà Nội qua thành phố Hồ Chí Minh đến Minh Hải.

Ra sức phát huy năng lực của những trang bị kỹ thuật thông tin hiện có ở miền Nam. Tận dụng các thiết bị thông tin quân sự để phục vụ kinh tế và quốc phòng. Cần chuyển bớt một số thiết bị và phương tiện thông tin liên lạc do quân đội quản lý sang phục vụ kinh tế.

Tăng cường mạng lưới thông tin trong các thành phố và khu công nghiệp. Cải tạo, mở rộng và xây dựng mạng lưới điện thoại tự động nội hạt ở các thành phố và khu công nghiệp, trước hết ở Thủ đô Hà Nội. Trang bị thêm máy điện thoại đến các cơ sở sản xuất, kể cả các cơ sở sản xuất lớn

trong nông nghiệp, đến các xã ở đồng bằng và trung du. Củng cố và mở rộng các đài thông tin quốc tế. Dự kiến giá trị sản lượng của nghiệp vụ bưu điện năm 1978 khoảng 73 triệu đồng tăng 11% so với năm 1977, đến năm 1980 tăng lên 90 triệu đồng.

VII- Quân đội xây dựng kinh tế

Theo phương hướng chung của kế hoạch nhà nước trong năm 1978 và những năm tới, lực lượng quân đội làm kinh tế cần tiếp tục phát huy thế mạnh của mình, tiến công mạnh mẽ vào mặt trận nông nghiệp, xây dựng cơ bản và đẩy mạnh các mặt hoạt động khác.

1. Lực lượng quân đội chuyên làm kinh tế

Năm 1978 sẽ đưa tổng số lực lượng quân đội chuyên làm kinh tế lên 32 vạn quân, trong đó 22 vạn quân làm nông nghiệp bao gồm cả khai hoang và làm thuỷ lợi. Lực lượng còn lại sẽ làm đường giao thông, xây dựng cơ bản, làm vật liệu xây dựng, đánh cá...

Với lực lượng đó, quân đội sẽ đảm nhiệm trong năm 1978 khai hoang thêm 23.000 ha, đưa diện tích canh tác lên 53.000 ha, diện tích gieo trồng lên 68.000 ha, sản xuất 100.000 tấn lương thực. Về chăn nuôi đưa đàn trâu lên 5.000 con, đàn bò 5.300 con, đàn lợn trên 1,6 vạn con. Về lâm nghiệp sẽ trồng thêm 5.500 ha rừng, khai thác 10 vạn m³ gỗ. Phấn đấu tới năm 1980 hoàn thành mục tiêu khai hoang trong 5 năm 16 vạn ha, đạt diện tích canh tác 12 vạn ha, diện tích gieo trồng 15 vạn ha, sản xuất 22 vạn tấn lương thực. Về chăn nuôi sẽ đưa đàn trâu lên 1 vạn con, bò 1 vạn con, lợn 6,2 vạn con. Về lâm nghiệp sẽ trồng thêm mỗi năm 1 vạn ha rừng, năm 1980 khai thác trên 50 vạn m³ gỗ.

Quân đội thực hiện các nhiệm vụ về sản xuất nông, lâm nghiệp nêu trên, theo ba loại hình:

- Xây dựng các vùng kinh tế nông - công nghiệp hoàn chỉnh với 37 nông trường quân đội làm ăn theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

- Làm thuỷ lợi và khai hoang xây dựng đồng ruộng, chuẩn bị địa bàn cho Nhà nước di dân xây dựng các vùng kinh tế mới ở các tỉnh phía Nam; đảm nhiệm xây dựng các công trình thuỷ lợi lớn ở vùng Hà Tiên, Đồng Tháp, Tây Ninh, Thuận Hải và Tây Nguyên.

- Tiếp thu và quản lý kinh doanh 5 khu lâm nghiệp lớn là Hàm Yên, Bắc Quang, Sông Đà, Nam Long đại, Kong Hà nừng, Gia Nghĩa.

Về ngư nghiệp, bộ đội hải quân và các quân khu ven biển sẽ tận dụng các tàu thuyền đã có và đóng mới thêm một số, phấn đấu đánh bắt trong năm 1978: 6.000 tấn hải sản, năm 1980 trên 3 vạn tấn. Hải quân phải đẩy mạnh năng lực sửa chữa và đóng tàu của mình, cố gắng đóng những loại tàu 400 sức ngựa trở lên, từng bước xây dựng những hạm đội đánh cá kết hợp với việc bảo vệ vùng biển 200 hải lý.

Tổng khối lượng xây lắp của các công trình xây dựng cơ bản trong giao thông, công nghiệp, nhà ở, kho tàng do quân đội đảm nhiệm trong năm 1978, kể cả công trình nhận thầu sẽ đạt 252 triệu đồng, trong đó có những công trình quan trọng như: đường Trường Sơn, đường số 6, đường 48b, đường quốc lộ 7, khu nhà ở Xuân Mai, Hà Nội, làm đường ở mỏ apatít, làm kho vật tư ở Hà Nội, Hải Phòng, v.v..

Ngoài ra còn sản xuất: 41 triệu viên gạch, 10 triệu viên ngói, 40 vạn m³ đá, 40 vạn viên đá chẻ, v.v..

Tính chung lại giá trị sản lượng của quân đội chuyên xây dựng kinh tế trong kế hoạch năm 1978 tăng gấp ba lần so với năm 1977.

2. Quân đội thường trực chiến đấu tham gia sản xuất

Lực lượng quân đội thường trực chiến đấu cũng sẽ dành một phần thời gian nhất định để tăng gia sản xuất, tận dụng những đất đai còn bỏ hoang hoá ở các địa phương, tranh thủ những đất bỏ hoang khác ở các doanh trại, sân bay để sản xuất lương thực, thực phẩm.

Trong năm 1978 sẽ tranh thủ mở rộng diện tích trồng trọt lên 33.000 ha, sản xuất 40.000 tấn lương thực, 6.000 tấn thịt, bảo đảm đến năm 1980 sản xuất 60.000 tấn lương thực, 8.000 tấn thịt.

3. Các xí nghiệp công nghiệp quốc phòng sản xuất hàng kinh tế

Các xí nghiệp công nghiệp quốc phòng, ngoài việc bảo đảm các yêu cầu về sản xuất, sửa chữa của lực lượng quân đội chiến đấu, cần dành khoảng 60% năng lực của mình để sửa chữa và sản xuất cho bộ đội làm kinh tế và cho các ngành kinh tế.

Trong năm 1978, sẽ tập trung sản xuất các mặt hàng chủ yếu như: cải tạo xe ôtô Dodge và máy kéo pháo ATL thành máy kéo (400 cái), cải tạo máy kéo pháo ATC 55 thành máy có ba tác dụng ủi, san, ngoạm (100 cái), sản xuất máy công tác đi sau máy kéo (3.000 cái), máy tiện (150 cái), động cơ điện các loại (15.000 cái), dụng cụ quang học (750 cái).

Hợp tác với các xí nghiệp cơ khí của các ngành kinh tế để sản xuất tàu hút bùn 160 m³/giờ, thiết bị xi măng 2 vạn tấn/năm, bộ hộp số và hệ chuyển hướng của máy kéo 24 sức ngựa, chế thử radar đánh cá, thiết bị dùng trong khai thác dầu khí, v.v..

Giá trị tổng sản lượng của các xí nghiệp công nghiệp quốc

phòng trong kế hoạch năm 1978 là 260 triệu, tăng 32% so với năm 1977. Dự kiến đến năm 1980 sẽ đưa lên 365 triệu (trong 5 năm 1976-1980 tăng bình quân hằng năm 18%).

Các ngành kinh tế phải phối hợp và giúp đỡ quân đội thực hiện nhiệm vụ xây dựng kinh tế. Đồng thời, quân đội, trước hết là các đơn vị chuyên xây dựng kinh tế phải vươn lên đạt mức tiên tiến về năng suất lao động, hiệu suất sử dụng máy móc, thiết bị và nguyên vật liệu, chất lượng sản phẩm và giá thành, nêu gương tốt về tổ chức quản lý kinh tế.

VIII- Công tác điều tra cơ bản, thăm dò tài nguyên, công tác khoa học kỹ thuật

Kế hoạch khoa học kỹ thuật năm 1978 và ba năm tới nhằm đạt hai yêu cầu lớn:

- Ra sức phát triển và sử dụng khoa học kỹ thuật phục vụ các nhiệm vụ kinh tế và quốc phòng, trước mắt và trong 5-10 năm tới.

- Xây dựng một bước tiềm lực khoa học kỹ thuật, tích cực chuẩn bị cho các kế hoạch phát triển kinh tế dài hạn và xây dựng nền khoa học kỹ thuật tiên tiến của đất nước.

1. Công tác điều tra cơ bản, thăm dò tài nguyên

Công tác địa chất: trong ba năm tới phải đẩy mạnh công tác nghiên cứu, điều tra địa chất để bước đầu làm rõ quy luật địa chất và phân bố khoáng sản ở nước ta, xác định có hệ thống các tiền đê địa chất cho công tác tìm kiếm, thăm dò tài nguyên. Đến năm 1980, cần chỉnh lý xong bản đồ địa chất 1/500.000 phần phía Nam, đo vẽ xong bản đồ địa chất 1/200.000 phần phía Bắc và một số khu vực phía Nam, bản đồ 1/50.000 ở một số vùng có triển vọng khoáng sản; hoàn thành bản đồ địa chất thuỷ văn - địa chất công trình 1/500.000 của cả nước, thực hiện được một số công tác địa vật lý quan trọng.

Xúc tiến công tác tìm kiếm, thăm dò khoáng sản, nhất là các đối tượng quan trọng, bảo đảm đủ trữ lượng cho kế hoạch

khai thác và công tác thiết kế. Đến năm 1980, phải có trữ lượng thăm dò tỷ mỷ 1.018 triệu tấn than, 300 triệu tấn quặng sắt, 160 triệu tấn apatít (47 triệu tấn loại I và II), 16 ngàn tấn thiếc, 700 triệu tấn đá vôi, 148 triệu tấn sét cho gạch, ngói, 120 nghìn tấn ôxít đất hiếm; và thăm dò sơ bộ 80 triệu tấn bôxít, 100 nghìn tấn quặng đồng, 300 nghìn tấn quặng chì, kẽm ...

Các công tác điều tra cơ bản khác:

Khẩn trương hoàn thành các công tác điều tra đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, tài nguyên rừng, nguồn lợi hải sản để đáp ứng yêu cầu quy hoạch sử dụng đất đai và trồng rừng của từng huyện, phục vụ kế hoạch khai thác gỗ, nuôi trồng và khai thác hải sản. Xúc tiến các công tác điều tra thuỷ văn, khí tượng, đo đạc bản đồ, trước hết phục vụ tốt nông nghiệp, thuỷ lợi.

Tập trung lực lượng khoa học - kỹ thuật, tổ chức thực hiện chương trình trọng điểm của Nhà nước về điều tra, nghiên cứu dầu khí, điều tra tổng hợp một số vùng kinh tế phục vụ công tác quy hoạch, sử dụng và bảo vệ tài nguyên, phát triển sản xuất và quốc phòng.

Chú ý công tác điều tra nghiên cứu về động đất và nứt đất.

2. *Đưa công tác quản lý kỹ thuật trong sản xuất và xây dựng vào nền nếp*

Xây dựng nền nếp quản lý kỹ thuật theo tiêu chuẩn và định mức trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, đưa quản lý kỹ thuật thành một nội dung, một kỷ luật trong điều lệ xí nghiệp quốc doanh, điều lệ hợp tác xã.

Tăng cường các mặt công tác tiêu chuẩn hoá, quản lý chất lượng và đo lường. Năm 1978 sẽ xúc tiến xây dựng trên 600 tiêu chuẩn cấp nhà nước, hơn 800 tiêu chuẩn ngành, 250 quy trình kỹ thuật và hoàn thành một phần trong số này, phấn đấu đến năm 1980 hoàn thành toàn bộ việc xây dựng 940 tiêu chuẩn cấp nhà nước, 1.450 tiêu chuẩn ngành, và 370 quy

trình kỹ thuật đề ra trong kế hoạch 5 năm. Các sản phẩm mới bắt đầu sản xuất đều phải xây dựng tiêu chuẩn. Các sản phẩm quan trọng đều được quản lý chất lượng theo cấp nhà nước và cấp ngành. Từ năm 1978, bắt đầu cấp dấu chất lượng sản phẩm. Về đo lường, cần đầu tư thích đáng cho việc trang bị chuẩn cho các cơ quan đo lường của Nhà nước. Đẩy mạnh sản xuất thiết bị, dụng cụ đo thông thường và bắt đầu sản xuất một số loại chính xác.

Tiến hành gấp việc bổ sung, điều chỉnh các định mức kinh tế kỹ thuật trong tất cả các ngành các đơn vị kinh tế cơ sở. Phải tổ chức thực hiện và kiểm tra chặt chẽ để mau chóng đưa việc thực hiện các định mức về hao phí lao động, tiêu hao vật tư, sử dụng thiết bị trở lại mức đã đạt được trước chiến tranh và cố gắng đạt mức tiến bộ hơn.

3. *Sử dụng rộng rãi các thành tựu khoa học - kỹ thuật có thể áp dụng được vào sản xuất và xây dựng*

Về *sản xuất nông nghiệp*, áp dụng rộng rãi các tiến bộ kỹ thuật trong trồng trọt và chăn nuôi, nhất là về giống, chú trọng đưa đồng bộ các yếu tố kỹ thuật tiến bộ tác động cùng một lúc vào một số vùng thâm canh và chuyên canh lớn, xây dựng những điển hình kiểu mẫu trong từng vùng.

Về *thuỷ lợi*, áp dụng các kỹ thuật tiến bộ về điều tra, khảo sát thiết kế phục vụ cho công tác quy hoạch và thiết kế các công trình thuỷ lợi. Trên cơ sở thuỷ lợi hoá (hoàn chỉnh), năm 1978 sẽ áp dụng quy trình tưới tăng sản cho khoảng 50 vạn ha lúa.

Về *cơ giới hoá*: Trên cơ sở nghiên cứu, chọn và xác định hợp lý các kiểu máy nông nghiệp, thực hiện cơ giới hoá đồng bộ ở một số địa bàn chuyên canh sản xuất tập trung và ở một số huyện làm thí điểm.

Nghề biển: Đẩy mạnh cơ giới hoá các phương tiện đánh bắt; phổ biến rộng kỹ thuật nuôi cá, tôm, rau câu, và các đặc sản khác ở vùng nước lợ.

Nghề cá nước ngọt: Tiếp tục làm mạnh hơn việc sản xuất cá giống có dùng kích dục tố, các phương thức nuôi cá có năng suất cao.

Nghề rừng: Trên cơ sở có quy hoạch và thiết kế lập địa đi trước, làm mạnh việc chọn và giữ giống tốt để có đủ giống, phát triển kỹ thuật trồng cây con trong bầu đất. áp dụng kỹ thuật khai thác hợp lý, bảo đảm tái sinh rừng.

Dưa kỹ thuật tiến bộ tác động vào việc tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu, tao nguồn nguyên liệu, vật liệu thay thế

Về kim loại: Để giảm tiêu hao sắt thép trong sản xuất, tích cực cải tiến công nghệ đúc, giảm tỷ lệ phế phẩm từ trên 20% hiện nay xuống khoảng 10% năm 1978; áp dụng các biện pháp kỹ thuật sử dụng tiết kiệm thép trong xây dựng; tự sản xuất hợp kim cứng làm dao cụ, mũi khoan, cối tuốt dây đồng... Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về sử dụng sắt thép và kim loại khác trong xây dựng và sản xuất.

Về nhiên liệu: Đẩy mạnh sản xuất than gầy ôxy hoá và cốc hoá, năm 1978 làm thử, tiến tới sản xuất quy mô công nghiệp vào năm 1979-1980; dùng 70% than Vàng Danh thay than cốc trong sản xuất phân lân với lò cốt 1 vạn tấn; tuyển than Phấn Mẽ để luyện cốc, năm 1978 phấn đấu dùng được 5-7 vạn tấn cường hoá lò cao để giảm tiêu hao than cốc trong sản xuất gang và nâng hệ số sử dụng dung tích lò tăng lên rõ rệt so với hiện nay. Giảm tiêu hao xăng dầu trong vận tải. Phổ biến phương pháp và quy trình hợp lý trong việc nung gạch, nung vôi để giảm bớt tiêu hao về than.

Về vật liệu xây dựng: Mở rộng sản xuất gạch không nung lên hàng tỷ viên vào năm 1980. Phát triển dùng các chất kết dính cấp thấp. Dùng phụ gia để tăng thêm sản lượng xi măng mỗi năm khoảng 5 vạn tấn. Thực hiện các quy định đã ban hành về sử dụng hợp lý và tiết kiệm xi măng.

Về gỗ: Ngâm tẩm gỗ xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn hoá và các biện pháp chế biến và sử dụng tổng hợp gỗ, đưa hệ số sử dụng gỗ từ khoảng 30% hiện nay lên trên 50% năm 1980.

Về hoá chất và nguyên liệu công nghiệp: Từ năm 1978 sử dụng khoảng 30% pirít Giáp Lai trong sản xuất supe lân. Làm giàu graphite Yên Bái cho sản xuất pin. Đẩy mạnh sản xuất than hoạt tính, dùng quả mắc nưa làm thuốc nhuộm; sản xuất phèn cao cấp từ bôxít Lâm Đồng; dùng đất bentônít chế biến chất tẩy rửa; sản xuất thoi dệt bằng gỗ nén; mở rộng sản xuất thêm nhiều loại hoá chất công nghiệp khác.

Sản xuất nhiều sản phẩm mới, trong đó về sản phẩm cơ khí có:

Tàu hút bùn 300 m³/h, tàu cá 400 sức ngựa, tàu vận tải ven biển cỡ 1.000 tấn, tuyểcbin và máy phát thuỷ điện 1.000 KW, máy ép thủy lực 630 tấn, lò nấu thép hồ quang 0,5 tấn, động cơ 3 pha 200 KW, cần cẩu tháp, một số loại máy công cụ (mài, phay, dọc), vòi phun cho bơm cao áp của máy diêden 12 sức ngựa, một số thiết bị toàn bộ cho các nhà máy sản xuất đường, xay xát gạo, chế biến mầu...

Nâng cao hiệu suất sử dụng thiết bị, bằng cách áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, làm thêm nhiều phụ tùng mới và ra sức khôi phục các phụ tùng cũ, tổ chức tốt hơn lao động ở các nông trường xí nghiệp...

4. *Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học - kỹ thuật ở trung ương và địa phương, tập trung cao lực lượng, phương tiện của cả nước vào việc thực hiện các chương trình lớn của Nhà nước*

Ngoài các chương trình trọng điểm về điều tra cơ bản đã nêu ở trên, tổ chức thực hiện chín chương trình lớn khác về sinh học phục vụ nông nghiệp, về cải tiến bữa ăn, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân, về nhà ở, về vật liệu kim loại và không kim loại, về cơ khí, về công nghiệp điện tử, về năng

lượng, về toán học và điều khiển học phục vụ sản xuất và quản lý kinh tế.

Ngoài ra, còn thực hiện hơn 70 đề tài cấp nhà nước và hơn 1.000 đề tài cấp ngành.

Xây dựng tiềm lực khoa học kỹ thuật: Tăng một bước khá đầu tư xây dựng cơ bản và chi phí cho khoa học - kỹ thuật lên khoảng 1% thu nhập quốc dân để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ nêu ở trên và để xây dựng sớm tiềm lực khoa học - kỹ thuật của đất nước. Dành thích đáng ngoại tệ để mua thiết bị và bảo đảm khối lượng xây lắp của các công trình khoa học - kỹ thuật.

Sử dụng thật tốt đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật hiện có; ra sức thu hút lực lượng Việt kiều đóng góp trí tuệ vào sự nghiệp xây dựng đất nước; tranh thủ sự hợp tác, giúp đỡ của các nhà khoa học nước ngoài. Muốn vậy, phải tạo điều kiện vật chất cần thiết, tổ chức lại và tăng cường chỉ đạo, quản lý công tác khoa học - kỹ thuật để đạt hiệu quả cao. Tiếp tục đẩy mạnh đào tạo và bồi dưỡng cán bộ khoa học - kỹ thuật, đặc biệt chú ý đào tạo cho được những nhà khoa học, kỹ sư và công nhân giỏi.

IX- Xuất khẩu và nhập khẩu

Nhiệm vụ của công tác *xuất khẩu* là ra sức khai thác mọi khả năng để tăng nhanh khối lượng và mặt hàng xuất khẩu đi đôi với mở rộng và tranh thủ thị trường buôn bán có lợi nhất; trên cơ sở đó tăng nguồn thu ngoại tệ với mức cao nhất nhằm đáp ứng yêu cầu về nhập vật tư kỹ thuật cho các ngành kinh tế, đồng thời tích cực tạo cơ sở để phát triển mạnh xuất khẩu trong những năm sau.

Dự kiến giá trị xuất khẩu năm 1978 khoảng 420-450 triệu rúp và đôla, tăng 45% so với năm 1977, trong đó xuất sang các nước ngoài xã hội chủ nghĩa 150-180 triệu đôla, tăng 50%; đến năm 1980 ít nhất phải đạt 700 triệu rúp và đôla,

trong đó 330 triệu đôla xuất sang các nước ngoài xã hội chủ nghĩa.

Trong điều kiện hiện nay, để tăng nhanh hàng xuất khẩu, phải ra sức phát huy các thế mạnh của nước ta là có nền nông nghiệp nhiệt đới và nguồn lao động dồi dào. Trong năm 1978 và một số năm sau, việc tăng nguồn hàng xuất khẩu chủ yếu phải dựa vào nông nghiệp, nghề cá, nghề rừng, công nghiệp nhẹ, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp.

Về mặt hàng công nghiệp nặng, khả năng trước mắt chưa có nhiều, chủ yếu là phải đẩy mạnh khai thác một số khoáng sản như than, apatít, quặng crôm, thiếc... và dành một phần thích đáng cho xuất khẩu.

Về nông sản và nông sản chế biến: Phải chú trọng phát triển các cây ngắn ngày như dứa, chuối, hành tây, tỏi, đậu các loại, sắn, thâu dầu, cây thuốc, cây tinh dầu...; đối với cây công nghiệp dài ngày như cao su, cà phê, chè... cần đầu tư theo chiều sâu, bố trí đủ lao động chăm sóc, thảm canh, thu hoạch để tăng sản lượng trên diện tích hiện có, đồng thời tích cực mở rộng diện tích, tạo cơ sở cho các năm sau. Năm 1978 phấn đấu xuất khẩu chè 1 vạn tấn, tăng 10% so năm 1977; cà phê 8.000 tấn, gấp hơn hai lần năm 1977; lạc 1,5 vạn tấn, tăng trên 50%; dứa (kể cả dứa ướp đông) 2,1 vạn tấn, gấp hơn hai lần; chuối 1,5 vạn tấn, tăng 50%; rau quả hộp 1,2 vạn tấn, đậu các loại 4 vạn tấn, hành tây 5 vạn tấn... Tổng trị giá nông sản (kể cả nông sản chế biến) xuất khẩu năm 1978 là 140-150 triệu rúp và đôla; đến năm 1980 tăng lên 260 triệu rúp và đôla.

Hết sức đẩy mạnh sản xuất hàng công nghiệp tiêu dùng xuất khẩu dùng nguyên liệu trong nước như hàng mây, tre, cói, thảm đay, hàng thủ công mỹ nghệ... Bộ Ngoại thương cần tích cực tìm thêm thị trường tiêu thụ, nghiên cứu kỹ yêu cầu về khối lượng, phẩm chất, thị hiếu để hướng dẫn các địa phương tổ chức tốt việc sản xuất.

Mặt khác, cần đặc biệt tranh thủ mở rộng quy mô hợp tác gia công với các nước về may mặc, cơ khí, lắp ráp đồ điện tử, đồ chơi trẻ em... Mạnh dạn nhập nguyên liệu cho các cơ sở sản xuất có thể làm được hàng xuất khẩu. Các địa phương, trước hết là Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Huế, sắp xếp lại và tận dụng các cơ sở hiện có của quốc doanh cũng như của tư nhân, thợ thủ công cá thể và thu hút thêm lao động vào việc làm hàng gia công xuất khẩu.

Dự kiến giá trị xuất khẩu hàng công nghiệp nhẹ và thủ công nghiệp năm 1978 khoảng 160-170 triệu rúp và đôla, tăng 14-20% so với năm 1977; đến năm 1980 tăng lên 220 triệu rúp và đôla. Các mặt hàng xuất khẩu chính năm 1978 là: hàng may mặc 82 triệu rúp, hàng thêu 20 triệu rúp, thảm len, thảm đay 1,05 triệu m², hàng mây, tre 10 triệu rúp, hàng cói 12 triệu rúp, hàng da, cao su 11 triệu rúp...

Tích cực thu mua hải sản và phát triển các cơ sở đông lạnh... để năm 1978 xuất khẩu khoảng 2 vạn tấn tôm, mực, cá ướp đông, trị giá 50 triệu rúp và đôla, đến năm 1980 đưa lên 95 triệu rúp và đôla.

Tận dụng mọi năng lực sản xuất hiện có, kể cả thủ công để khai thác và chế biến các mặt hàng về gỗ, tổ chức việc khai thác đặc sản và sản phẩm phụ của rừng để xuất khẩu. Phấn

đầu năm 1978 xuất khẩu 5 vạn m³ gỗ ván sàn, 2 vạn m³ gỗ thông xẻ, 40 vạn m³ gỗ lạng..., tổng trị giá 20 triệu rúp và đôla; đến năm 1980 đưa lên 40 triệu rúp và đôla.

Đối với các hàng công nghiệp nặng, dự kiến giá trị xuất khẩu năm 1978 khoảng 50-55 triệu rúp và đôla, tăng 25-37% so với năm 1977, chủ yếu là than đá 1,6 triệu tấn trở lên, apatít 13 vạn tấn, crômít 1,3 vạn tấn, thiếc 250 tấn... Đến năm 1980 tăng lên 85 triệu rúp và đôla.

Về nhập khẩu: Với khả năng xuất khẩu còn thấp, mức độ tranh thủ nguồn vốn bên ngoài, nhất là ngoại tệ tư bản còn nhiều hạn chế, nên việc nhập khẩu phải hết sức tiết kiệm, chặt chẽ, thực hiện nghiêm ngặt các định mức tiêu hao vật tư, động viên đến mức cao nhất các vật tư, thiết bị tồn kho hoặc chưa dùng hết năng lực để tránh bị động. Ngoài phần nhập thiết bị toàn bộ, phải dành phần lớn ngoại tệ nhập nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu và phụ tùng để bảo đảm thực hiện các chỉ tiêu sản xuất và xây dựng đã bố trí, cố gắng bảo đảm các nhu cầu thiết yếu nhất về máy móc trang bị cho nông nghiệp, thuỷ lợi, lâm nghiệp, ngư nghiệp, một phần cho giao thông vận tải, xây dựng cơ bản...

Dự kiến giá trị nhập khẩu thiết bị, vật tư và hàng hoá năm 1978 khoảng 905 triệu rúp và đôla, giảm 9% so với năm 1977, trong đó nhập từ các nước ngoài xã hội chủ nghĩa 472 triệu đôla, chiếm 52%. Đến năm 1980, giá trị nhập khẩu thiết bị, vật tư và hàng hoá giảm xuống còn 800 triệu rúp và đôla, trong đó nhập từ các nước ngoài xã hội chủ nghĩa 486 triệu đôla.

Bắt đầu từ năm 1978, sẽ giảm mạnh việc nhập các nguyên liệu như dầu mỏ làm xà phòng, bột giấy, chất dẻo và hoá

dẻo... tiến tới thôii không nhập, giao trách nhiệm cho các ngành và các địa phương tổ chức sản xuất trong nước cho bằng được, hoặc gia công với bên ngoài để duy trì các cơ sở sản xuất đã có.

Nhằm thực hiện các mục tiêu của kế hoạch và phát huy hiệu quả của vật tư, thiết bị nhập khẩu, Bộ Ngoại thương, Bộ Vật tư, cùng các ngành, các địa phương phối hợp chặt chẽ bảo đảm đưa hàng về đồng bộ, kịp thời, đúng quy cách, phẩm chất, có kế hoạch tiếp nhận cụ thể, kiên quyết không để thiếu hoặc gây đọng, lãng phí hàng nhập.

Coi trọng việc mở rộng các hoạt động kinh doanh du lịch, vận tải đường biển, đường hàng không và bưu điện ra nước ngoài, cung ứng tàu biển, dịch vụ, v.v. để tăng thêm nguồn thu ngoại tệ.

Với dự kiến xuất khẩu và nhập khẩu như trên, cân đối ngoại tệ đối với thị trường xã hội chủ nghĩa đã giải quyết được nhưng về ngoại tệ tư bản năm 1978 vẫn còn nhiều khó khăn:

Nhu cầu chi ngoại tệ tư bản là 697 triệu đôla, gồm nhập khẩu 472 triệu đôla, trả nợ 165 triệu, vận tải 40 triệu, chi về phi mậu dịch và các khoản chi khác 20 triệu đôla.

Trong khi đó, nguồn thu ngoại tệ tư bản mới có 340-370 triệu đôla, gồm xuất khẩu 150-180 triệu, vận tải 30 triệu, vay và viện trợ đã ký kết 140 triệu đôla, thu về phi mậu dịch và các khoản khác 20 triệu. Như vậy còn thiếu 327-357 triệu đôla.

Dự kiến có thể tranh thủ thêm được nguồn vốn vay, viện trợ và mua chịu một số mặt hàng (như thép, xi măng,

than cốc, phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc nhuộm...) được tương đối chắc khoảng 202 triệu rúp và đôla; còn thiếu 125-155 triệu rúp và đôla phải tìm biện pháp tăng thêm xuất khẩu và vay thêm.

X- Thương nghiệp - tài chính - giá cả

1. Toàn bộ hoạt động của các ngành *lưu thông phân phối* phải nhằm phục vụ tốt đời sống nhân dân lao động, góp phần tích cực thúc đẩy việc phân bổ lại, tận dụng sức lao động và tăng năng suất lao động, đẩy mạnh sản xuất và cải tạo xã hội chủ nghĩa. Cần khắc phục quan điểm kinh doanh đơn thuần và tư tưởng trông chờ vào nguồn hàng nhập khẩu. Phải nhanh chóng phát triển lực lượng thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán, tích cực xúc tiến cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thương nghiệp tư nhân ở miền Nam, kiên quyết chống đầu cơ tích trữ, nắm phần lớn nguồn hàng vào tay Nhà nước, đẩy mạnh giao lưu hàng hoá có tổ chức trong cả nước, tăng cường quản lý thị trường; đồng thời cải tiến phương thức phân phối cho công bằng, hợp lý, thuận tiện cho người tiêu dùng, quản lý tốt thị trường và giá cả.

Mức huy động nguồn hàng trong nước năm 1978 khoảng 7,7 tỷ đồng, tăng 37% so với năm 1977, trong đó hàng nông, lâm, hải sản 2,8 tỷ đồng, gấp hai lần và hàng công nghiệp 4,8 tỷ đồng, tăng 14%. Dự kiến đến năm 1980 sẽ đưa mức huy động nguồn hàng trong nước lên 12,0 tỷ đồng, trong đó hàng nông, lâm, hải sản 5,7 tỷ đồng, hàng công nghiệp khoảng 6,3 tỷ đồng. Các cơ sở quốc doanh và những cơ sở sản xuất bằng nguyên liệu do Nhà nước cung cấp phải giao nộp 100% sản phẩm. Đối với nông dân, ngư dân và những người sản xuất thủ công nghiệp, đi đôi với việc giáo dục, động viên, cần quy định rõ nghĩa vụ bán sản phẩm cho Nhà nước, đồng thời cải

tiến chính sách giá cả, thực hiện tốt hợp đồng hai chiều và cải tiến tổ chức, phương thức thu mua để bảo đảm thực hiện kế hoạch huy động sản phẩm. Phải quy định ngay những loại hàng do Nhà nước độc quyền thu mua, kiên quyết thu hẹp thị trường tự do.

Các hợp tác xã mua bán ở xã, huyện phải được củng cố và mở rộng, trở thành nơi chủ yếu cung cấp hàng hoá cho nông thôn, đồng thời là người đại lý thu mua sản phẩm phụ và sản phẩm thừa của gia đình nông dân cũng như hàng hoá tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp ở nông thôn.

Tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ xã hội năm 1978 14,9 tỷ đồng, tăng 9% so với năm 1977, trong đó thị trường có tổ chức 9 tỷ đồng, tăng 26%, chiếm tỷ trọng trên 60%. Dự kiến đến năm 1980 tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ xã hội sẽ tăng lên 17,0 tỷ đồng, trong đó thị trường có tổ chức phải tiếp tục tăng nhanh hơn để đạt trên 13 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng khoảng 80%. Trong tình hình một số hàng hoá còn chưa cân đối được với nhu cầu, việc phân phối phải hết sức chặt chẽ, cần tập trung hơn cho những người lao động sản xuất ở các khu công nghiệp, các vùng nông thôn và vùng kinh tế mới. Tuy nhiên còn phải duy trì chế độ bán theo định lượng về một số hàng, có phân biệt đúng mức theo loại lao động nặng nhọc, đặc điểm ngành nghề và điều kiện khí hậu các vùng, nhưng phải đơn giản bớt cấp, loại. Đối với những mặt hàng có khả năng sản xuất nhiều bằng nguyên liệu trong nước thì cố gắng bán bình thường. Đối với những mặt hàng còn thiếu nhiều (vải, thịt), cần nói rõ chủ trương tiết kiệm tiêu dùng, tạm thời giảm tiêu chuẩn khi cần thiết, song phải có phương thức phân phối đều đặn theo kế hoạch, tránh gây tình trạng căng thẳng giả tạo. Cần tăng thêm hàng công nghệ tiêu dùng và tư liệu sản xuất để thu mua nông sản, tổ chức phân phối phải gắn với tổ chức thu mua theo hợp đồng hai chiều, tránh rót hàng hoá và vật tư vào tay thương nhân hoặc các tầng lớp trung gian ở nông thôn, đồng thời phải tránh gây phiền hà cho nông dân.

Năm 1978 sẽ tăng thêm khoảng 4,3 vạn lao động (dự tính chung trong 5 năm sẽ tăng 23 vạn lao động) để phát triển mạnh thương nghiệp quốc doanh, củng cố và mở rộng mạng lưới hợp tác xã mua bán, mạng lưới bán lẻ, thu mua, dịch vụ, sửa chữa phục vụ nhân dân thành thị và nông thôn, chú ý các vùng kinh tế mới. Đặc biệt chú trọng phát triển các hình thức đặt mua hàng hoá, chế biến thức ăn sẵn và tổ chức nhiều quầy hàng lưu động đưa thực phẩm, hàng hoá đến tận xí nghiệp, công trường, phục vụ công nhân viên chức.

Đi đôi với công tác giáo dục tư tưởng và quan điểm phục vụ, huấn luyện nghiệp vụ cho nhân viên thương nghiệp, cần tăng cường cơ sở vật chất để nâng cao chất lượng phục vụ của ngành thương nghiệp. Mặt khác, cần tổ chức tốt việc kiểm tra, nhất là việc kiểm tra thường xuyên của quần chúng nhân dân đối với công tác thương nghiệp.

Tích cực thực hiện với mức kiên quyết hơn Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị, thi hành kỷ luật nghiêm ngặt đối với những người tham ô, móc ngoặc.

2. Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất và lưu thông, ngành *tài chính* cần ra sức khai thác và nắm vững các nguồn tích luỹ từ nội bộ nền kinh tế quốc dân. Phấn đấu đưa các nguồn thu trong nước năm 1978 tăng 16,4% so với năm 1977, trong đó thu tích luỹ từ khu vực kinh tế quốc doanh tăng 24,5% (ngành công nghiệp tăng 25%, thương nghiệp tăng 37%, giao thông vận tải tăng 20,5%...). Biện pháp quan trọng nhất để tăng thu tích luỹ là tất cả các ngành kinh tế, các cơ sở sản xuất và lưu thông nhất thiết phải làm tốt việc hạch toán kinh tế, soát xét chặt chẽ lại hệ thống định mức, tiêu chuẩn, phấn đấu nâng cao hiệu suất sử dụng tài sản cố định, máy móc, thiết bị, giảm tiêu hao nguyên, nhiên, vật liệu, tăng năng suất lao động; trên cơ sở đó, hạ giá thành sản phẩm, mau chóng trả lại mức giá thành đã đạt được trước chiến tranh. Đối với một số mặt hàng công nghiệp tiêu dùng có tỷ lệ tích luỹ cao, cần phải tìm mọi biện pháp tăng nhanh sản lượng, vừa để góp phần giải quyết cân đối tiền hàng, vừa

tăng thu cho ngân sách nhà nước. Quân đội chuyên xây dựng kinh tế phải chú ý làm tốt công tác hạch toán và quản lý ngay từ đầu, triển khai thực hiện tốt kế hoạch sản xuất, xây dựng để mau chóng lấy thu bù chi, và tích luỹ thêm cho Nhà nước. Phải có biện pháp tích cực để khắc phục tình trạng thất thu nghiêm trọng về thuế công thương nghiệp, nhất là ở phía Nam, tăng số thu đối với kinh tế cá thể và tập thể thêm 30% so với năm 1977. Quản lý chặt chẽ tất cả các nguồn vốn tài chính trong nước và ngoài nước để bảo đảm nhu cầu chi tiêu của Nhà nước, nhất là cấp phát vốn để mở rộng sản xuất, thu hút thêm lao động. Hết sức chặt chẽ và tiết kiệm các khoản chi. Chi phí xây dựng cơ bản đang có nhiều lỗ phí cả trong việc sử dụng lao động, thiết bị thi công cũng như sử dụng vật liệu. Ngay từ năm 1978, phải đề ra mức giảm chi ít nhất 5%, tiết kiệm cho ngân sách khoảng 150 triệu đồng, nhưng vẫn bảo đảm khối lượng xây dựng cơ bản theo kế hoạch. Chi phí quản lý hành chính phải chặt chẽ hơn, và phải thống nhất chế độ chi tiêu trong cả nước; giảm nhẹ biên chế và giảm chi phí mua sắm của các cơ quan hành chính quản lý cũng có thể tiết kiệm trên 100 triệu đồng cho ngân sách. Để quản lý tốt việc cấp phát tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, cần chuyển mạnh sang phương thức tín dụng đối với vốn lưu động và một phần vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Ngoài ra, có thể phát hành thêm tiền với điều kiện tiền đưa thêm vào lưu thông phải có tác dụng mở rộng sản xuất, thu hút thêm được lao động để tạo ra nguồn thu mới, tạo thêm nguồn hàng hoá, bảo đảm cân đối với số lượng tiền trong lưu thông.

Nhanh chóng thống nhất các chính sách, chế độ tài chính và kế toán, chế độ hạch toán kinh tế trong cả nước, thực hiện việc phân cấp quản lý tài chính giữa trung ương và địa phương, nhất là đối với cấp huyện.

Thực hiện tốt các biện pháp nêu trên, thu ngân sách nhà nước có thể bảo đảm được 97,4% kế hoạch chi (tỷ lệ này năm 1977 là 96,6%), còn bội chi khoảng 300 triệu đồng.

Ngân hàng: Tăng cường quản lý tiền tệ, tạo điều kiện sớm giải quyết vấn đề thống nhất tiền tệ để khắc phục các trở ngại trong sự giao lưu kinh tế và thanh toán giữa hai miền. Kết hợp với việc đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, tăng cường quản lý thị trường, quản lý tiền mặt để ổn định và nâng cao sức mua của đồng tiền.

Phải làm tốt công tác tín dụng nhằm thúc đẩy sản xuất và xây dựng, thông qua công tác tín dụng mà giám đốc các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là hướng dẫn, kiểm tra khu vực kinh tế tư doanh làm ăn theo quy đao của kế hoạch nhà nước. Cần đẩy mạnh công tác huy động gửi tiền tiết kiệm và các nguồn vốn rõ ràng khác để hỗ trợ cho tài chính nhà nước, phấn đấu huy động thêm trong năm 1978 khoảng 250 triệu đồng. Cần phát huy tốt chức năng trung tâm thanh toán trong nước và với nước ngoài, mở rộng việc thanh toán không dùng tiền mặt ở các tỉnh miền Nam; làm tốt việc giám sát kiểm tra bằng đồng tiền đối với mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Giá cả: Trong mấy năm tới, cần tiếp tục nghiên cứu, cải tiến hệ thống giá cả, nhằm phát huy được tác dụng đòn bẩy của giá cả đối với sản xuất, lưu thông phân phối và đời sống, thúc đẩy cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Trước mắt, cần xúc tiến sớm việc ban hành giá điều chỉnh về thu mua lúa, màu, lợn và một số cây công nghiệp để có thể áp dụng ngay từ đầu năm 1978. Thực hiện quản lý thống nhất từng bước giá cả trong nước, cần điều chỉnh hợp lý giá bán tư liệu sản xuất phục vụ nông nghiệp và giá bán lẻ một số hàng tiêu dùng trong cả nước, phù hợp với khả năng của tài chính nhà nước.

Để thúc đẩy việc chấn chỉnh công tác quản lý kinh tế theo tiêu chuẩn định mức ở các đơn vị sản xuất, kinh doanh, cần phải khôi phục chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh về hạ giá thành, xúc tiến việc kế hoạch hoá giá cả (giá thu mua, giá bán tư liệu sản xuất, giá bán lẻ hàng tiêu dùng), tiếp tục xây dựng giá bán buôn xí nghiệp và phát huy tác dụng của nó trong

công tác quản lý xí nghiệp. Xây dựng và ban hành bảng giá cố định mới để phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch 5 năm lần thứ ba; quy định lại cho hợp lý giá kết toán nội bộ đối với thiết bị, vật tư, hàng hoá nhập khẩu.

Các ngành thương nghiệp, tài chính, ngân hàng và các địa phương cần tăng cường quản lý giá cả, đi đôi với quản lý thị trường, kết hợp các biện pháp kinh tế và hành chính để kéo giá thị trường tự do xuống, góp phần ổn định sản xuất và đời sống của nhân dân lao động.

XI- Cải thiện đời sống của nhân dân

Đi đôi với việc cố gắng giải quyết việc làm cho người lao động và đẩy mạnh tăng năng suất lao động, cần tổ chức tốt đời sống và đáp ứng tốt hơn nhu cầu về sinh hoạt vật chất và văn hoá của nhân dân, trước hết là của những người lao động sản xuất. Bằng cách kết hợp sự chăm lo của Đảng, Nhà nước với việc động viên công sức của hợp tác xã và nhân dân, các ngành, các cấp phải tập trung giải quyết cho được những vấn đề cấp bách về ăn, mặc, ở, chữa bệnh, học tập và đi lại của nhân dân.

Về *ăn*: Đối với nông dân, đạt được kế hoạch sản xuất nông nghiệp theo các chỉ tiêu trên, mức tiêu dùng lương thực, thực phẩm năm 1978 và các năm sau tăng khá so với năm 1977, tuy không đều nhau giữa các vùng. Dự kiến mức lương thực còn lại trong nông dân (sau khi Nhà nước thu mua và đã trừ hao hụt, trừ phần dành cho chăn nuôi và để giống) năm 1978 khoảng 250 kg/đầu người, trong đó các tỉnh phía Bắc 230 kg (tỉnh cao nhất 250 kg, tỉnh thấp nhất ở miền núi 190 kg), các tỉnh phía Nam 280 kg (các tỉnh Nam Bộ 300-330 kg, Tây

Nguyên 260 kg, duyên hải miền Trung 210 kg). Cần khuyến khích đẩy mạnh trồng rau, chăn nuôi gia đình để tự túc rau, thịt, cá, trứng và có thêm thực phẩm bán cho Nhà nước; Nhà nước sẽ cung cấp muối, một phần nước chấm, đường và một số thực phẩm chế biến khác như cá khô, mắm tôm, mì chính, v.v..

Trong khu vực nhà nước cần đổi lương thực còn khó khăn. Một mặt, phải hết sức chặt chẽ trong phân phối và tiết kiệm tiêu dùng, mặt khác phải tổ chức tốt việc cung cấp, bảo đảm phân phối đều đặn theo tiêu chuẩn định lượng, không để nhân dân phải xếp hàng chờ đợi nhiều. Đồng thời, dành 17 vạn tấn lương thực quy gạo (gấp đôi năm 1977) cho các vùng kinh tế mới, công tác định canh, định cư, lâm nghiệp, thuỷ lợi để thực hiện việc điều động, phân bố lao động trong năm 1978. Bảo đảm nhu cầu lương thực cần thiết cho vùng đánh cá, trồng cây công nghiệp, vùng rau, cho trại, trại chăn nuôi; riêng vùng chuyên canh cây công nghiệp và rau được dành 15 vạn tấn lương thực quy gạo (gấp đôi năm 1977).

Trong năm 1978, đưa mức cung cấp *rau* cho công nhân, viên chức bình quân từ 58 kg năm 1977 lên 82 kg; *cá biển* từ 7,3 kg lên 12 kg; *nước mắm* từ 9 lít lên 10 lít/năm, *trứng* từ 16 quả lên 19 quả/năm; cố gắng bảo đảm đủ tiêu chuẩn định lượng *thịt* cho các đối tượng; phấn đấu đến năm 1980 tăng lên: rau 100-120 kg, cá biển 15-18 kg, nước mắm 12 lít, thịt 12-15 kg, trứng 50-60 quả...

Phải tổ chức tốt việc bảo quản, chế biến, phân phối lương thực, thực phẩm. Phát triển và nâng cao chất lượng phục vụ của ngành ăn uống công cộng, tổ chức tốt việc phục vụ bữa ăn giữa ca và bồi dưỡng ca ba.

Về *nhà ở*, dự kiến diện tích nhà ở xây dựng năm 1978 khoảng 1,55 triệu m², trong đó các thành phố, khu công nghiệp tập trung 90 vạn m², các nông trường, lâm trường 40 vạn m² và các công trường xây dựng cơ bản, các trường đào tạo cán bộ, công nhân 25 vạn m². Với mức xây dựng này cộng với diện tích đã xây dựng các năm trước, đến năm 1978 bình quân đầu người ở Hà Nội được 3,2 m², Hải Phòng 2,3 m², Bắc Thái 3 m², Quảng Ninh 2,2 m²... Phấn đấu đến hết năm 1980 hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nhà ở trong 5 năm 14 triệu m², trong đó có 6 triệu m² nhà ở các thành phố và khu công nghiệp tập trung, đưa diện tích ở bình quân của một người dân ở thành phố lên 3,5 m² và bảo đảm được nhu cầu nhà ở cho nhân dân đi khai hoang xây dựng vùng kinh tế mới, cho các nông trường, lâm trường...

Trước mắt, ta còn phải xây dựng nhiều nhà loại 1-2 tầng bằng gạch và các vật liệu thông thường khai thác ở địa phương. Riêng ở các thành phố lớn, tỷ lệ nhà lắp ghép và cao tầng sẽ nhiều hơn để tiết kiệm đất xây dựng.

Phải chú ý hơn nữa việc xây dựng đồng bộ các công trình công cộng như nhà trẻ, cửa hàng, trường học, công trình cấp nước... cho từng khu vực, nhất là ở các huyện, các vùng kinh tế mới.

Ngoài việc phát triển mạnh các lực lượng xây dựng thường trực, cần kết hợp với việc phân công lại lao động trên địa bàn huyện mà đưa thêm nhiều lao động vào sản xuất vật liệu xây dựng, xây dựng nhà ở và các công trình công cộng khác. Cần tổ chức những đội xây dựng không chuyên trong các cơ quan, xí nghiệp, khu phố và huy động lao động xã hội chủ nghĩa để xây dựng nhà ở. Phát triển hình thức cơ quan, xí nghiệp

dùng lao động của mình để xây dựng nhà ở với sự giúp đỡ về vật liệu xây dựng của Nhà nước. Khuyến khích và tạo điều kiện giúp đỡ các hình thức hợp tác xây dựng nhà ở của tập thể và của nhân dân.

Về *mặc*: Trong ba năm tới, cần nâng cao chất lượng vải, cải tiến cách may mặc đẹp và tiết kiệm hơn; tăng hàng may sẵn với nhiều cỡ, loại, kiểu; chú ý quần áo đồng phục cho trẻ em. Tăng thêm các loại hàng dệt kim mặc ngoài.

Trước mắt, vì nguồn bông, sợi còn khó và năng lực dệt trong nước có hạn, ta vẫn phải tiết kiệm tiêu dùng vải, nhưng từ năm 1978 sẽ cố gắng trở lại bán vải bình thường theo tiêu chuẩn cho nhân dân; đến năm 1980 sẽ bảo đảm mức bán bình quân đầu người trên 5 mét. Ưu tiên dành vải cho quần áo bảo hộ lao động (kể cả cho phụ nữ đi cấy).

Về *hang tiêu dùng*: Thực hiện tốt kế hoạch sản xuất và nấm nguồn hàng, trong ba năm tới sẽ có thể từng bước đáp ứng nhu cầu được khá hơn và tiến tới bán bình thường những hàng tiêu dùng thông thường, sản xuất bằng nguyên liệu trong nước như: đồ sành, sứ, thuỷ tinh, chiếu, giấy viết, xà phòng, sắm lốp xe đạp, đồ chơi của trẻ em, v.v. và tăng mức bán cho nhân dân các mặt hàng về đồ gỗ, đồng hồ để bàn, quạt điện, phương tiện nghe dài, xe đạp và phụ tùng.

Về *thuốc chữa bệnh*: Phải bảo đảm đủ các loại thuốc thông thường cho nhân dân, nâng mức bán lẻ thuốc chữa bệnh năm 1978 lên 415 triệu đồng (bình quân đầu người 8 đồng), tăng 11 so với năm 1977; năm 1980 tăng lên 520 triệu đồng (bình quân đầu người 9,6 đồng).

Về *đi lại*, dự kiến năm 1978 tăng thêm cho ngành giao thông vận tải 225 toa xe khách, 350 ôtô khách, tăng chuyến tàu hỏa Bắc - Nam, mở thêm tuyến tàu hỏa chở khách Hà Nội - Uông Bí và tăng ôtô khách cho các khu công nghiệp như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Nguyên, Việt Trì...

Tiền lương và thu nhập: Trên cơ sở tăng năng suất lao động, cần thực hiện việc cải tiến chế độ tiền lương (bao gồm cả tiền thưởng) và tăng lương cho công nhân, viên chức, nhằm thể hiện tốt hơn nguyên tắc phân phối theo lao động, khuyến khích lao động trong các ngành kinh tế trọng yếu, bồi dưỡng thích đáng cho những người lao động nhiều và lao động giỏi, có năng suất cao. Kế hoạch 5 năm dự kiến sẽ cố gắng thực hiện mức tăng lương 25%. Đồng thời tăng các quỹ phúc lợi, ổn định giá hàng tiêu dùng và nghiên cứu hạ giá một số loại hàng có điều kiện. Những vấn đề này cần được tiếp tục làm rõ hơn khi xây dựng kế hoạch hằng năm và sẽ giải quyết tích cực phù hợp với lực lượng hàng hoá và khả năng tài chính của Nhà nước.

Tăng thêm ngày công và giá trị ngày công trong các hợp tác xã, khuyến khích phát triển chăn nuôi và nghề phụ gia đình, đồng thời Nhà nước cải tiến giá thu mua, tăng chi về phúc lợi công công, bảo đảm nâng cao không ngừng thu nhập của nông dân và thợ thủ công.

Kết hợp với đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa và quản lý lao động chặt chẽ, cần có biện pháp tích cực để điều tiết một cách hợp lý thu nhập của những người còn buôn bán, làm ăn cá thể.

Về *bảo vệ sức khoẻ và đời sống văn hoá* của nhân dân, cần phải phấn đấu thực hiện cho được các chỉ tiêu và biện pháp nêu ở phần giáo dục, văn hoá, y tế và xã hội.

Về mẫu giáo: Tiếp tục phát triển mạnh trong cả nước, trọng tâm là các thành phố, thị xã, cơ quan, các công, nông, lâm trường, xí nghiệp, các vùng kinh tế mới. Năm 1978 thu hút 1,1 triệu cháu vào các lớp, tăng 10 vạn cháu so với năm 1977. Tăng thêm 4.500 lớp học và 9.000 giáo viên mẫu giáo. Phấn đấu đến năm 1980 ở các tỉnh miền Bắc thu hút được 47% số cháu trong độ tuổi vào các lớp mẫu giáo, ở các tỉnh miền Nam đạt tỷ lệ 23%, riêng ở các thành phố, thị xã và các vùng kinh tế mới đạt 70%.

Về giáo dục phổ thông, huy động 100% số trẻ em đến tuổi đi học ở các tỉnh phía Bắc và 80% ở các tỉnh phía Nam vào học lớp 1. Cố gắng thu nhận 100% số trẻ em đã học xong cấp I ở các tỉnh phía Bắc và 70-80% ở các tỉnh phía Nam vào học cấp II. Mở rộng giáo dục cấp III, phát triển các trường vừa học vừa làm. Tiếp tục chuẩn bị điều kiện để trong những năm cuối kế hoạch 5 năm tiến hành cải cách giáo dục. Số học sinh phổ thông có mặt đầu năm học 12,5 triệu người, tăng 65 vạn so với năm 1977, trong đó các trường vừa học vừa làm 9 vạn, tăng 3 vạn; số học sinh bổ túc văn hoá 1,9 triệu người, tăng 53 vạn. Số lớp học 31 vạn, tăng 1,7 vạn so với năm 1977. Số giáo viên phổ thông 36 vạn người, tăng 2,1 vạn người.

Năm 1978, xây dựng thêm 3,5 vạn phòng học (trong đó Nhà nước đầu tư xây dựng 5.000 phòng; số còn lại dựa vào huy động sức dân và các quỹ phúc lợi, quỹ công ích của hợp tác xã để xây dựng). Khẩn trương biên soạn và in đủ sách giáo khoa theo chương trình cải cách giáo dục; tổ chức tốt tủ sách giáo khoa dùng chung, đồng thời trang bị thêm và phát động phong trào tự làm lấy các đồ dùng dạy học.

Căn bản hoàn thành việc thanh toán nạn mù chữ (chú ý các tỉnh miền núi) và đẩy mạnh phong trào bổ túc văn hoá bằng hình thức học tại chức cũng như học tập trung (chú ý các tỉnh miền Nam).

Có kế hoạch thu hút hết số học sinh đến tuổi lao động

không có điều kiện học hết cấp III, tổ chức thành các trường lao động vừa học vừa làm ở tất cả các huyện, các vùng kinh tế mới.

Về công tác văn hoá, thông tin: Để nâng cao đời sống văn hoá của nhân dân, nhất là ở nông thôn, các vùng kinh tế mới và các khu công nghiệp, nhằm xây dựng con người mới, nếp sống mới, đấu tranh xoá bỏ tàn dư văn hoá nô dịch, điều chủ yếu là phải tổ chức thật tốt phong trào văn hoá quần chúng. Đẩy mạnh các hoạt động xuất bản, thư viện, triển lãm, phát thanh, truyền hình, nghệ thuật, điện ảnh, bảo tàng...

Năm 1978 phát hành 235 triệu bản báo chí, tập san, xuất bản 68 triệu bản sách (trong đó 42 triệu bản sách cho giáo dục), sản xuất 142 bộ phim; bảo đảm bình quân mỗi người dân được xem 5 lượt chiếu bóng và biểu diễn nghệ thuật.

Về y tế, thể dục, thể thao: Quán triệt phương châm phòng bệnh là chính, đáp ứng tốt hơn nhu cầu khám bệnh và chữa bệnh, thực hiện tốt chế độ chữa bệnh cho nhân dân không phải trả tiền, bảo đảm nâng cao sức khoẻ và giảm tỷ lệ ốm đau trong công nhân, viên chức để tăng thêm ngày công, giờ công và năng suất lao động.

Phát triển rộng rãi phong trào thể dục, thể thao, vệ sinh phòng bệnh kết hợp với ban hành và thực hiện nghiêm chỉnh các điều lệ vệ sinh thực phẩm, vệ sinh lao động và vệ sinh công cộng, chống ô nhiễm môi trường. Tích cực thực hiện các biện pháp phòng dịch, tổ chức tiêm phòng rộng rãi, phấn đấu không để xảy ra dịch và kịp thời dập tắt các ổ dịch khi chớm phát hiện.

Mở rộng mạng lưới khám bệnh và điều trị ở các khu công nghiệp, thành phố và các khu kinh tế mới, chú trọng hoàn chỉnh mạng lưới y tế ở các cơ sở, nhất là tuyến huyện. Số giường điều trị, điều dưỡng năm 1978 khoảng 18,7 vạn, đưa mức bình quân trên 1 vạn dân từ 31 giường hiện nay lên 35 giường năm 1978; đến năm 1980 tăng lên 38 giường.

Đào tạo và bồi dưỡng một đội ngũ đông đảo thày thuốc giỏi, biết kết hợp tây y với những phương pháp chữa bệnh có hiệu quả của y học dân tộc, nhất là thuốc nam, châm cứu. Trong năm 1978 tăng thêm 5.000 y sĩ, bác sĩ, đưa số y sĩ, bác sĩ trên 1 vạn dân từ 9 người hiện nay lên 10 người năm 1978; đến năm 1980 dự kiến tăng lên 13 người.

Tập trung sức diệt trừ bệnh sốt rét, trước hết ở các vùng kinh tế mới. Tập trung những người lao ở thời kỳ phát triển để điều trị tại các bệnh viện. Tập trung những người mắc bệnh phong ở thể ác tính để chữa; đổi với những người mắc bệnh ở thể nhẹ có thể tổ chức cho họ sinh sống, làm ăn tại các khu vực biệt lập. Bộ Y tế và Bộ Thương binh và Xã hội cần có sự phân công cụ thể trong việc này. Tiếp tục điều tra, phát hiện bệnh hoa liễu ở các thành phố miền Nam, tổ chức việc điều trị, kết hợp với phát triển các trại phục hồi nhân phẩm.

Chăm sóc bà mẹ và trẻ em: Tích cực thực hiện các biện pháp (kể cả thuốc gia truyền) về sinh đẻ có kế hoạch để hạ thấp mức tăng dân số xuống dưới 2,5% và đến năm 1980 xuống 2%.

Phấn đấu nâng tổng số các cháu được thu nhận vào nhà trẻ từ 76 vạn cháu hiện nay lên 87,5 vạn cháu năm 1978; đến năm 1980 đưa lên 1,35 triệu cháu, chiếm 50% số cháu trong độ tuổi, riêng ở miền Bắc đạt 70%. Ngoài phần Nhà nước đầu tư xây dựng, cần huy động rộng rãi các nguồn vốn, vật tư và lao động của các xí nghiệp và hợp tác xã để xây dựng thêm nhiều nhà trẻ.

Nhà trẻ cần tổ chức theo khu dân cư để thuận tiện cho việc gửi. Tổ chức ăn trưa cho các cháu và cố gắng tăng thêm nhiều nhà trẻ có tổ chức ăn cả ngày; tiến tới trông trẻ cả buổi tối. Ở nông thôn, phát triển nhà trẻ theo thời vụ.

Công tác thương binh, chăm sóc gia đình liệt sĩ: Để thực hiện tốt các chính sách đối với thương binh, cần củng cố và mở rộng các trại thương binh, các trung tâm phục hồi chức năng để điều trị, ổn định thương tật và giúp đỡ thương binh tham gia hoạt động kinh tế, xã hội tuỳ theo khả năng lao động. Xây dựng các trại nuôi dưỡng thương binh không còn khả năng lao động và tự giải quyết sinh hoạt (khoảng 1 vạn người). Thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ chăm sóc bố, mẹ, vợ, con liệt sĩ không còn người nuôi dưỡng. Xây dựng và tu bổ các nghĩa trang liệt sĩ (tránh chiếm nhiều đất canh tác).

*

* *

Thực hiện được những nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 1978 như trên, nền kinh tế nước ta sẽ đạt được một bước tiến mạnh mẽ, thực hiện như sau:

- Tổng sản phẩm xã hội tăng 22% và thu nhập quốc dân tăng 21% so với năm 1977. Thu nhập quốc dân sản xuất trong nước bảo đảm được quỹ tiêu dùng xã hội và bắt đầu có tích luỹ từ nội bộ nền kinh tế khoảng 1.400 triệu đồng, chiếm 24% tổng quỹ tích luỹ.
- Cơ cấu kinh tế trong thu nhập quốc dân bắt đầu có chuyển biến. Tỷ trọng của ngành công nghiệp từ 25% năm 1976 lên 26,5% năm 1978, ngành nông nghiệp vẫn giữ tỷ trọng 42%, ngành xây dựng từ 6,8% lên 8,1%...
- Cơ sở vật chất - kỹ thuật của các ngành kinh tế được tăng lên khá:

Tính chung, tài sản cố định của khu vực sản xuất vật chất năm 1978 đạt trên 21 tỷ đồng, tăng 12% so với năm 1977, trong đó công nghiệp gần 8,2 tỷ đồng, tăng 12,4%; nông nghiệp 7,3 tỷ đồng, tăng 14,4%; xây dựng 1,68 tỷ đồng, tăng 11%...

Công suất sản xuất của một số ngành công nghiệp được

tăng thêm đáng kể: công suất phát điện tăng 5,4 vạn kW, đường dây điện cao thế tăng 121 km, công suất khai thác than tăng hơn 1 triệu tấn, tài sản cố định của ngành cơ khí tăng 130 triệu đồng, công suất ximăng tăng 20 vạn tấn, năng lực sản xuất gạch ngói quốc doanh tăng 600 triệu viên, công suất dệt vải tăng 30 triệu mét, công suất đồ hộp tăng 5.500 tấn...

Nông nghiệp được trang bị kỹ thuật khá hơn: công cụ lao động thông thường được bảo đảm, tỷ lệ cơ giới hóa khâu làm đất từ 32% năm 1977 tăng lên khoảng 34% năm 1978, trong đó đồng bằng Bắc Bộ từ 25% lên 32%, đồng bằng sông Cửu Long từ 45% lên 50%... Công suất đào đắp bằng cơ giới của ngành thuỷ lợi từ 12,4 triệu m³ năm 1977 lên 20 triệu m³ năm 1978.

- Quỹ tiêu dùng xã hội năm 1978 tăng 8,5% so với năm 1977, trong đó tiêu dùng có tính chất xã hội tăng 8,3%, tiêu dùng cá nhân tăng 8,5% và mức tiêu dùng bình quân đầu người năm 1977 là 287 đồng, năm 1978 lên 304 đồng. Đời sống của nhân dân lao động ở thành thị và nông thôn sẽ giảm bớt khó khăn, trước hết là về lương thực, thực phẩm.

- Các ngành đã vươn lên để đáp ứng khá hơn các yêu cầu của nền kinh tế:

Tỷ lệ xuất khẩu so với nhập khẩu năm 1975 là 20%, năm 1976 29%, năm 1977 31% và năm 1978 lên 50%.

Nguồn thu ngoài nước so với tổng số thu ngân sách năm 1976 chiếm 45%, năm 1977 còn 35% và đến năm 1978 còn 30%.

- Công tác quản lý kinh tế cũng bắt đầu có những chuyển biến:

Hiệu suất sử dụng công suất máy móc, thiết bị của các ngành công nghiệp được nâng cao một bước như tỷ lệ huy động công suất phát điện từ 44,7% năm 1977 lên 48,3% năm 1978, xi măng từ 87% lên 91%, gạch xây từ 81% lên 92%, xay xát gạo từ 71% lên 93%, đường mía từ 42% lên 58%, mì chính từ 55% lên 59%, vải lụa từ 90% lên 97%, thuỷ tinh từ 69% lên 80%...

Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế sẽ có một bước tiến mới, thành phần kinh tế quốc doanh sẽ được phát triển và các thành phần kinh tế không xã hội chủ nghĩa sẽ thu hẹp dần, đặc biệt tỷ trọng thị trường tự do trong tổng mức lưu chuyển hàng hoá của thương nghiệp xã hội thu hẹp rõ rệt: năm 1976 là 46,6%, năm 1977 là 47,6% và năm 1978 giảm xuống 39,5%.

Tuy nhiên, tình hình các mặt cân đối lớn của nền kinh tế năm 1978 vẫn còn khẩn trương, đòi hỏi phải tiếp tục giải quyết trong các năm sau:

- Việc phân bố và sử dụng lao động xã hội đã bắt đầu có chuyển biến từ công tác kế hoạch và sẽ tác động đến việc thực hiện của các ngành, các cấp, nhưng dự kiến đến cuối năm 1978 vẫn còn khoảng trên 30 vạn lao động ở các thành phố lớn chưa sắp xếp được việc làm; mức tận dụng mọi khả năng lao động ở nông thôn cũng chưa cao.

- 1/3 nhu cầu lương thực trong khu vực nhà nước còn phải dựa vào bên ngoài.

- Các cân đối vật tư chủ yếu vẫn căng thẳng, 70% tổng mức nhập khẩu về nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu còn phải nhập khẩu ở thị trường tư bản, trong khi cân đối ngoại tệ tư bản còn thiếu hụt.

- Cân đối điện ở miền Bắc và ở các tỉnh miền Trung còn rất căng thẳng.

- Cân đối giữa khối lượng nhiệm vụ xây dựng với sức xây dựng chưa thật vững chắc (cả về khả năng chuẩn bị đầu tư, bảo đảm vật liệu xây dựng và năng lực thi công). Do còn phải tiếp tục giải quyết khối lượng xây dựng dở dang rất lớn của các năm trước nên tình trạng xây dựng phân tán chưa khắc phục được bao nhiêu.

Kế hoạch năm 1978 được thực hiện tốt thì cộng chung ba năm 1976-1977-1978 cũng mới đạt được trên dưới 50% những chỉ tiêu lớn của kế hoạch 5 năm. Vì vậy, phải coi những chỉ tiêu kế hoạch nêu trong các phần trên đây là mức tối thiểu phải phấn đấu đạt cho được. Các ngành, các địa phương và các đơn vị cơ sở cần phát huy trí tuệ của toàn thể cán bộ, đảng viên và quần chúng, tìm mọi biện pháp cụ thể nhằm sử dụng hết lực lượng lao động (kể cả thời gian lao động), đẩy mạnh tăng năng suất lao động, khai thác mọi tiềm năng và nguồn dự trữ của ngành mình, địa phương mình, đơn vị mình để xây dựng những kế hoạch tích cực và có căn cứ vững chắc hơn nữa, bảo đảm thực hiện vượt mức kế hoạch năm 1978, tạo nên một đà mới, mạnh mẽ cho việc hoàn thành kế hoạch 5 năm trong hai năm còn lại.

Phần thứ tư

Những biện pháp chính để bảo đảm thực hiện kế hoạch năm 1978

Để bảo đảm thực hiện thắng lợi kế hoạch năm 1978, phải có quyết tâm cao và nỗ lực rất lớn, từ trên xuống dưới, trong các ngành, các cấp và các đơn vị cơ sở, làm chuyển biến thật mạnh toàn bộ công tác quản lý kinh tế, đặc biệt là tăng

cường sự chỉ đạo thực hiện của các cơ quan quản lý từ trung ương đến địa phương và cơ sở.

Vấn đề cải tiến quản lý kinh tế rất rộng và phức tạp, cần được xúc tiến chuẩn bị để Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng thảo luận trong kỳ họp riêng. Sau đây, chỉ nêu những biện pháp chính để bảo đảm thực hiện kế hoạch năm 1978:

1. Tổ chức lại lao động, phân bố lại một bước lực lượng sản xuất trên cơ sở điều tra, kiểm kê, nắm chắc một cách có hệ thống lực lượng lao động xã hội, đất đai và cơ sở vật chất - kỹ thuật

Điều tra, đánh giá đúng, nắm chắc các năng lực và khả năng tiềm tàng trong từng đơn vị cơ sở, từng địa phương, từng ngành và trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân là yêu cầu đầu tiên để tiến hành việc tổ chức lại lao động, phân bố lại một bước lực lượng sản xuất, phân vùng, quy hoạch và xây dựng kế hoạch nhằm khai thác, sử dụng tốt lao động xã hội cùng với đất đai và cơ sở vật chất - kỹ thuật. Để tổng hợp được tình hình theo ngành, theo địa phương và vùng lãnh thổ, cũng như để theo dõi được chặt chẽ quá trình biến đổi của lực lượng sản xuất (gắn bó chặt chẽ với quan hệ sản xuất), cần phải tổ chức nắm một cách có hệ thống, theo một nội dung điều tra, kiểm kê được tiến hành bằng phương pháp khoa học, được chỉ đạo một cách tập trung, thống nhất.

Điều quan trọng không chỉ là ở chỗ nắm được tài liệu, số liệu chính xác, cụ thể mà còn phải phân tích sâu sắc tình hình sử dụng lao động, đất đai và cơ sở vật chất - kỹ thuật trong từng đơn vị cơ sở, từng địa phương, từng ngành và trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân, chỉ ra các khả năng tiềm tàng có thể khai thác, nhất là những khả năng có thể huy động ngay trong thời gian trước mắt để bổ sung vào kế hoạch năm 1978,

1979, 1980 và để có thêm biện pháp thực hiện vượt mức kế hoạch.

Các cơ quan thống kê, tài chính, kế hoạch cùng với Uỷ ban Phân vùng kinh tế phải lập ngay chương trình, kế hoạch tiến hành công việc cấp bách này, đáp ứng yêu cầu của công tác kế hoạch hoá và quản lý, theo các quan điểm cơ bản đã nêu ở phần II của báo cáo này, trình Chính phủ quyết định để chỉ đạo tất cả các ngành, các cấp thực hiện.

Đây là một công tác lớn, phức tạp, cần được đồng đảo cán bộ và quần chúng tham gia với ý thức thực hiện nghĩa vụ và quyền làm chủ tập thể của người lao động. Cần tập trung cán bộ của các ngành, các cấp để hoàn thành công tác này càng sớm càng tốt, kịp thời phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch mấy năm tới và kế hoạch 5 năm sau.

Từng đơn vị cơ sở phải căn cứ vào nhiệm vụ sản xuất và xây dựng, định mức công việc, và dựa vào yêu cầu sử dụng hết công suất của thiết bị, máy móc hiện có và sẽ được huy động (kể cả công cụ lao động cải tiến và nửa cơ giới) để bố trí lao động theo đúng nhu cầu của sản xuất và xây dựng.

Các ngành kinh tế cũng như các địa phương phải soát xét kỹ nhu cầu phát triển sản xuất của mình để quyết định việc mở rộng hoặc duy trì các hoạt động đã có, giúp cho các đơn vị cơ sở các điều kiện cần thiết để sắp xếp và sử dụng hết lao động trong quá trình tổ chức lại sản xuất.

Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước và Uỷ ban Phân vùng kinh tế Trung ương nghiên cứu, hướng dẫn việc làm quy hoạch mẫu cho các huyện theo các loại hình khác nhau và cùng với các tỉnh giúp đỡ các huyện phân bố lại lực lượng sản xuất trong huyện.

2. Chấn chỉnh và cải tiến quản lý sản xuất, quản lý lao động từ đơn vị cơ sở theo tiêu chuẩn và định mức tiến bộ

Quản lý chặt chẽ theo tiêu chuẩn và định mức tiến bộ, đó là biện pháp đầu tiên để chấn chỉnh và cải tiến quản lý sản xuất, quản lý lao động, tạo nên cách làm ăn có kỷ luật, có kỷ

thuật, nâng cao năng suất lao động, giảm hao phí vật chất và hạ giá thành trong mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh. Làm được việc này, các đơn vị kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể mới phát huy được tính hồn hảm của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Công tác tiêu chuẩn và định mức phải gắn liền với việc củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và xúc tiến cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế tư nhân.

Các ngành, các địa phương có nhiệm vụ chỉ đạo các đơn vị cơ sở soát xét lại và xây dựng, bổ sung hệ thống định mức lao động, định mức tiêu hao vật tư, định mức và chế độ sử dụng máy móc, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm trong phạm vi từng đơn vị, từng ngành, trước hết là trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng và vận tải. Đối với các cơ sở sản xuất ở miền Nam, phải dựa vào các tiêu chuẩn, định mức đã thực hiện trước ngày giải phóng để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp tình hình mới. Không chấp nhận những tiêu chuẩn, định mức lạc hậu hơn mức đã đạt trước thời kỳ chiến tranh mà không có lý do chính đáng. Bằng các biện pháp về tổ chức kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, các ngành và các đơn vị cơ sở phải đạt và vượt mức năng suất lao động và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật trong việc sử dụng công suất máy móc, thiết bị, vật tư.

Trong các ngành không trực tiếp sản xuất, phải xác định tiêu chuẩn công việc, chức năng rõ ràng để có mức định biên hợp lý, giảm nhẹ biên chế hành chính.

Các cơ quan tài chính, kế hoạch, lao động, khoa học kỹ thuật phải cùng với các Bộ quản lý ngành giúp Chính phủ chỉ đạo khẩn trương và chặt chẽ công tác này. Kiên quyết tập

trung lực lượng cán bộ kinh tế và kỹ thuật để xây dựng, xét duyệt và ban hành các tiêu chuẩn, định mức, phục vụ ngay cho việc xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch năm 1978. Hằng năm, sẽ điều chỉnh, bổ sung thêm cho các tiêu chuẩn và định mức ngày càng hoàn chỉnh và tiến bộ. Tổ chức chặt chẽ việc áp dụng và thực hiện các tiêu chuẩn, định mức đã ban hành, từ việc xây dựng kế hoạch, làm thiết kế cho đến việc hạch toán, kiểm tra kết quả thực hiện. Bổ sung và thực hiện nghiêm chỉnh chế độ khen thưởng, xử phạt theo kết quả thực hiện các tiêu chuẩn, định mức.

3. Chuyển hướng công tác kế hoạch hóa và đổi mới phương pháp làm kế hoạch

Chuyển hướng công tác kế hoạch hóa và đổi mới phương pháp làm kế hoạch theo phương hướng và nội dung đã trình bày ở phần II của báo cáo là một việc lớn và phức tạp, phải tiến hành có hệ thống, phải giải quyết nhiều khâu thì mới thoát ra được cách làm theo đường mòn quen thuộc từ nhiều năm nay. Phải thay đổi phương pháp cân đối kế hoạch theo quan điểm mới, thực hiện tốt việc kế hoạch hóa theo ngành với kế hoạch hóa theo địa phương và vùng lãnh thổ, thực sự tiến hành tốt việc xây dựng kế hoạch từ dưới lên, đưa công tác kế hoạch hóa vào nền nếp, tiến lên xây dựng hoàn chỉnh pháp chế về kế hoạch hóa. Những việc đó không chỉ là công tác nghiệp vụ đơn thuần của một ngành chuyên môn mà đòi hỏi kết hợp chặt chẽ tính cách mạng và tính khoa học. Do đó thuộc trách nhiệm chung của tất cả các ngành, các cấp trong bộ máy nhà nước, dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của các cấp uỷ đảng, với sự tham gia rộng rãi của cán bộ và quần chúng lao động.

Năm 1978, phải tập trung làm tốt mấy việc dưới đây để tạo nên sự đổi mới trong công tác kế hoạch hóa, từ đó mà khơi động sự chuyển biến trong các mặt hoạt động kinh tế:

- Tất cả các ngành, các cấp phải soát xét lại các phương án kế hoạch năm 1978 từ đơn vị cơ sở và từ cấp huyện trở lên theo quan điểm mới. Kết hợp chặt chẽ và phát huy ngay từng bước kết quả của việc điều tra, kiểm kê lực lượng lao động, đất đai, cơ sở vật chất - kỹ thuật và của việc xây dựng, áp dụng các tiêu chuẩn, định mức đã nói trên để bổ sung, điều chỉnh kế hoạch từng quý, từng tháng với tinh thần: không để một người lao động không có việc làm, một tấc đất bị bỏ hoang, một cỗ máy phải nằm im, một nguồn vật tư, dù là phế liệu để ứng dụng, mất mát, bô phí. Đó là yêu cầu đầu tiên và cũng là biện pháp quan trọng nhất để thực hiện vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1978 và để xây dựng kế hoạch năm 1979 khi Nhà nước giao số kiểm tra.

- Tập trung làm tốt công tác kế hoạch hoá ở cấp huyện và ở các xí nghiệp, liên hiệp xí nghiệp, công ty. Đây là khâu đầu tiên, rất quan trọng trong việc thực hiện sự chuyển hướng công tác kế hoạch hoá.

Việc cải tiến công tác kế hoạch hoá ở cấp huyện, xây dựng huyện thành cấp kế hoạch toàn diện phải gắn liền với việc xây dựng và xét duyệt quy hoạch huyện mà Ủy ban Phân vùng kinh tế có trách nhiệm chỉ đạo hoàn thành trong năm 1978. Đối với các xí nghiệp và liên hiệp xí nghiệp, việc xây dựng kế hoạch theo quan điểm mới phải gắn chặt với quy hoạch phát triển các ngành kinh tế - kỹ thuật và quy hoạch phát triển của từng vùng lãnh thổ.

Vì vậy, các cơ quan tổng hợp, các ngành ở trung ương và ở tỉnh, thành phố phải hướng về cấp huyện và xí nghiệp, hướng dẫn, giúp đỡ việc xây dựng kế hoạch và kiện toàn bộ máy, bồi dưỡng cán bộ làm kế hoạch ở cấp huyện và xí nghiệp. Các cơ quan ở trung ương phải nắm tới kế hoạch của cấp huyện (đặc biệt là các huyện trọng điểm), và của các xí nghiệp, liên hiệp xí nghiệp để làm tốt việc tổng hợp kế hoạch toàn ngành và kế hoạch tổng hợp kinh tế quốc dân.

- Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các chế độ, phương pháp nghiệp vụ theo yêu cầu chuyển hướng công tác kế hoạch hoá và đổi mới phương pháp làm kế hoạch. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước phải chủ động nghiên cứu các vấn đề cần sửa đổi, bổ sung, cùng với các ngành và một số tỉnh, thành phố nghiên cứu để ban hành hoặc trình Chính phủ ban hành, kịp thời đáp ứng việc xây dựng kế hoạch hàng quý của các ngành và các địa phương trong năm 1978 và xây dựng kế hoạch năm 1979.

4. Cải tiến và thực hiện nghiêm chỉnh các chính sách, chế độ quản lý kinh tế

- Vấn đề cấp bách hàng đầu hiện nay là làm rõ trách nhiệm của từng ngành, từng cấp, từng người trong hệ thống quản lý kinh tế, quy định cụ thể chế độ công tác và đề cao kỷ luật trong việc thực hiện các chính sách, chế độ đã ban hành và trong việc thực hiện kế hoạch nhà nước.

Thực hiện tốt điều lệ về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chính phủ, của các Bộ và Tổng cục, của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố. Ban hành sớm các quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của chính quyền cấp huyện, cấp xã. Triển khai việc xây dựng và thực hiện điều lệ xí nghiệp. Trên cơ sở các quy định đã ban hành, phải khẩn trương giải quyết vấn đề phân công, phân cấp quản lý kinh tế giữa các ngành, giữa trung ương và địa phương, giữa tỉnh và huyện.

Trong từng đơn vị, từng cơ quan, phải đề cao kỷ luật lao động, chấp hành đúng các quy định trong sản xuất và công tác, các tiêu chuẩn và định mức. Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ thủ trưởng, chế độ trách nhiệm cá nhân.

- Các chính sách quản lý kinh tế phải được soát xét lại, sửa đổi, bổ sung và hệ thống hoá để thực sự phát huy tác dụng đòn bẩy trong việc thực hiện kế hoạch nhà nước, phục vụ tốt

yêu cầu cải tiến công tác quản lý kinh tế theo các quan điểm cơ bản đã nêu ở phần trên.

Cần phải có quan điểm hệ thống, xem xét các vấn đề trong mối quan hệ nhiều mặt, làm cho chính sách và chế độ quản lý ăn khớp với nhau. Một khía cạnh khác, phải tránh khuynh hướng cầu toàn, ngại "rút dây động rừng", không mạnh dạn sửa đổi những chỗ không hợp lý trong chính sách và chế độ quản lý.

Trong năm 1978, phải tập trung giải quyết những chính sách, chế độ mà việc cải tiến mang tính chất cấp bách và chín muồi, như: các chính sách về nghĩa vụ lao động, di xây dựng vùng kinh tế mới, thu mua nông sản, khuyến khích đẩy mạnh xuất khẩu; các chính sách về giá cả, tiền lương và tiền thưởng, lưu thông tiền tệ, giao lưu vật tư hàng hoá trong cả nước, v.v.. Xoá bỏ những tiêu chuẩn, chế độ cung cấp không hợp lý, không công bằng.

Phải bổ sung các chính sách cụ thể về kinh tế, văn hoá, xã hội và tạo những điều kiện thiết thực để giúp đồng bào các dân tộc ít người tổ chức lại sản xuất và cải thiện đời sống.

5. Chấn chỉnh và kiện toàn một bước bộ máy quản lý kinh tế

Kiện toàn sớm bộ máy quản lý và tăng cường cán bộ cho một số ngành trọng điểm và những ngành đang yếu (nông nghiệp, lâm nghiệp, hải sản, công nghệ nhẹ, xây dựng, giao thông vận tải, vật tư, nội thương, ngoại thương, ngân hàng). Sắp xếp lại cán bộ, thực hiện một bước mạnh mẽ việc tăng cường cán bộ cho cấp huyện, cho các đơn vị cơ sở.

Trên những địa bàn có điều kiện thuận lợi, tiến hành tổ chức thủ những liên hiệp xí nghiệp nông - công nghiệp sản xuất và chế biến một số nông sản tập trung theo quy mô lớn, để rút kinh nghiệm, mở rộng việc chỉ đạo trong các năm sau.

Khẩn trương chuẩn bị các điều kiện cần thiết để sớm tổ chức việc bồi dưỡng các cán bộ quản lý kinh tế trong các ngành, các cấp và các đơn vị cơ sở.

Trong quá trình chỉ đạo thực hiện kế hoạch, các bộ và tổng cục, các tỉnh, thành phố phải đi sát các huyện và đơn vị cơ sở, tăng cường kiểm tra đôn đốc, nắm vững tình hình sản xuất kinh doanh, đồng thời chủ động gặp nhau bàn bạc, giải quyết kịp thời những vướng mắc, những mất cân đối phát sinh trong khi thực hiện kế hoạch.

Tăng cường công tác thông tin kinh tế trong xí nghiệp, hợp tác xã và trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân, bảo đảm cho sự chỉ đạo của các ngành, các cấp được nhạy bén và chính xác.

6. Cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa

ở miền Nam, kết hợp chặt chẽ với nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, xúc tiến mạnh mẽ việc cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp và các ngành kinh tế khác, với các hình thức thích hợp, kể cả các hình thức thấp, theo đúng các nghị quyết của Trung ương Đảng và Chính phủ. Phát triển lực lượng kinh tế quốc doanh, các tổ chức thương nghiệp và hợp tác xã mua bán để Nhà nước có thể tác động mạnh và trực tiếp đến sản xuất, huy động được phần lớn sản lượng hàng hoá.

ở miền Bắc, củng cố và tăng cường các cơ sở kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, chỉ đạo sát sao việc thi hành điều lệ xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, đẩy mạnh việc cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp đi đôi với việc xây dựng cấp huyện, tổ chức lại sản xuất nông nghiệp.

Ra sức phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh trong nền kinh tế cả nước.

Khẩn trương đào tạo và tăng cường cán bộ cho các tổ chức kinh tế tập thể. Coi trọng công tác giáo dục xã hội chủ nghĩa, tăng cường công tác thanh tra, hướng dẫn của Nhà nước, kịp thời uốn nắn các sai lệch trong quá trình thực hiện kế hoạch.

7. Đấu tranh mạnh mẽ chống các hiện tượng tiêu cực, hư hỏng trong xã hội

Đi đôi với việc xây dựng tư tưởng và tác phong làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa trong lao động sản xuất và trong đời sống hằng ngày, phải tiến hành cuộc đấu tranh quyết liệt chống những hiện tượng tiêu cực đang có chiều hướng lan rộng. Trước hết, tiến hành đấu tranh từ trong Đảng ra ngoài nhân dân, từ các tổ chức kinh tế của Nhà nước trở đi, trong các ngành, các cấp và các đơn vị, kiên quyết và nhanh chóng ngăn chặn tệ nạn ăn cắp của công, móc ngoặc, hối lộ, đầu cơ, tích trữ, ăn hiếp người lương thiện, v.v.. *Cuộc đấu tranh này nằm trong phong trào cách mạng của quần chúng, kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống*, trong đó xây là chủ chốt, đồng thời nhấn mạnh nhiệm vụ chống.

Các cấp ủy đảng và cơ quan chính quyền phải thi hành nghiêm chỉnh, đến nơi đến chốn Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị. Tập trung bộ máy kiểm tra của Đảng cùng với cơ quan thanh tra và các cơ quan có chức năng điều tra, xét xử của Nhà nước vào làm việc này để thu được kết quả tốt, có tác dụng quyết định trong mấy năm trước mắt. Phải kiên quyết khắc phục những hiện tượng thoái hoá, biến chất trong tổ chức của Đảng, của chính quyền, quân đội, công an và các đoàn thể quần chúng, đồng thời đẩy mạnh việc nêu gương người tốt, việc tốt để tạo nên dư luận xã hội mạnh mẽ lên án, ngăn chặn và bài trừ những hiện tượng tiêu cực trong xã hội,

tất cả nhằm xây dựng và phát huy những mặt tích cực, tốt đẹp của con người mới xã hội chủ nghĩa.

Các tổ chức của Đảng ở các cấp phải thường xuyên thực hành tự phê bình và phê bình, nêu cao tinh thần phong, gương mẫu của người đảng viên. Cán bộ có trách nhiệm, cương vị càng cao, càng phải nghiêm khắc với mình và phải nêu gương tốt cho cấp dưới.

Trong xã hội, phải sử dụng sức mạnh của bộ máy chuyên chính vô sản, đi đôi với việc tổ chức lại sản xuất, xoá bỏ các hiện tượng làm ăn phi pháp, buộc những người có sức lao động phải tham gia lao động và các hoạt động có ích. Phát động và tổ chức quần chúng ở cơ sở tham gia bảo vệ trật tự an ninh.

8. Phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, tổ chức phong trào cách mạng của quần chúng đồng khởi thi đua xã hội chủ nghĩa, lao động sản xuất với năng suất cao

Để dấy lên trong năm 1978 phong trào đồng khởi thi đua xã hội chủ nghĩa, lao động sản xuất đạt năng suất cao với khí thế cách mạng, phải kết hợp chặt chẽ các biện pháp kinh tế, giáo dục và hành chính, không thể chỉ hô hào, kêu gọi, mà phải lãnh đạo chặt chẽ, thường xuyên, không chỉ phát động trong từng đợt rồi buông trôi. Phải kết hợp chặt chẽ cuộc vận động tăng năng suất lao động, thực hành tiết kiệm với cuộc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, hư hỏng trong xã hội. Phải giải quyết cho được mấu vấn đề cấp thiết:

- Tổ chức tốt với mức cố gắng cao nhất việc cung ứng đều đặn năng lượng, vật tư, các dịch vụ sửa chữa và công việc phục vụ cho các chỗ làm việc của người lao động. Hiện nay, đây là mặt khó khăn nhất của ta, cho nên một nội dung quan trọng của phong trào lao động với năng suất cao là thi đua tiết

kiêm năng lượng, giảm mức tiêu hao vật tư, nâng cao chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật trong việc sử dụng thiết bị, máy móc, thi đua tìm nguyên liệu, vật liệu thay thế hàng nhập khẩu.

- Thực sự chăm lo đời sống của những người lao động sản xuất, nhất là những người lao động nặng nhọc. Mặc dù trong hoàn cảnh khó khăn và thiếu thốn chung, vẫn phải bảo đảm cho người lao động được ăn no và phải dành những điều kiện khá hơn về sinh hoạt (nhà ở, hàng tiêu dùng, đi lại, bảo vệ sức khoẻ...) cho những khu vực công nhân sản xuất và xây dựng, cho quân đội xây dựng kinh tế, cho lao động ở các vùng kinh tế mới, bảo đảm khả năng phục hồi sức khoẻ và làm việc bền bỉ, với năng suất cao.

- Khuyến khích lao động giỏi và có năng suất cao, thực hiện đúng đắn chế độ phân phối theo lao động, cải tiến chế độ tiền lương và tiền thưởng, áp dụng chế độ trả lương theo sản phẩm trên cơ sở định mức lao động tiến bộ; thực hiện các quy định của Nhà nước về giá cả thu mua, hợp đồng hai chiều, v.v. khuyến khích nông dân làm nghĩa vụ và bán nhiều nông sản cho Nhà nước.

- Nâng cao ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa của người lao động, đồng thời thường xuyên tổ chức việc bồi dưỡng tay nghề và kiến thức khoa học - kỹ thuật cho công nhân, nông dân, thợ thủ công, quân đội xây dựng kinh tế...; tổ chức hội thao diễn kỹ thuật để trao đổi kinh nghiệm, áp dụng sáng kiến và tiến bộ kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, tổ chức lao động khoa học, để nâng cao năng suất lao động của mọi người.

Các đoàn thể quần chúng (Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Mặt trận Tổ quốc...) có vai trò lớn trong việc giáo dục tư tưởng làm chủ tập thể và phát động phong trào quần chúng thi đua. Trong năm 1978, sẽ mở Đại hội anh hùng, chiến sĩ thi đua; các đoàn thể quần chúng sẽ tổ chức Đại hội

của đoàn thể mình, tất cả đều hướng vào quyết tâm hoàn thành toàn diện và vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1978.

Phân thứ năm

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng và chính phủ đối với công tác quản lý kinh tế

Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Hội đồng Chính phủ cần tập trung mạnh hơn nữa vào công tác lãnh đạo và quản lý kinh tế, thể hiện một cách toàn diện trong việc xây dựng các quy hoạch, kế hoạch và chính sách kinh tế, trong việc tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ, trong chế độ công tác của các cấp bộ đảng và chính quyền.

Sau đây là một số vấn đề chính cần được giải quyết tốt:

1. *Tăng cường sự lãnh đạo và chỉ đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ về kinh tế*, có quyết định cụ thể dành thời gian thích đáng cho các vấn đề kinh tế, đúng với tầm quan trọng của nó trong chương trình làm việc của các cấp bộ đảng và chính quyền, từ trên xuống dưới.

Các kỳ họp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tập trung giải quyết các vấn đề mấu chốt để tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ về kinh tế, nhằm thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội Đảng.

Bộ Chính trị lãnh đạo thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng và của Ban Chấp hành Trung ương Đảng một cách sát sao, nhạy bén, nhất là việc cụ thể hoá các nghị quyết đó và bố trí cán bộ chủ chốt để bảo đảm kết quả thực hiện.

Ban Bí thư tăng cường lãnh đạo công tác tư tưởng, công tác xây dựng đảng, công tác cán bộ, công tác vận động quần chúng, tăng cường kiểm tra việc chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Đảng trong các ngành, các cấp.

Hội đồng Chính phủ cần được kiện toàn để thực sự là Bộ Tổng tư lệnh trên mặt trận kinh tế, các đồng chí Bộ trưởng là Tư lệnh các binh chủng. Theo phương hướng tăng cường trách nhiệm quản lý và quyền chủ động của các Bộ, Tổng cục và các Uỷ ban nhân dân địa phương, Hội đồng Chính phủ với bộ phận thường trực là Thường vụ Hội đồng Chính phủ cần tập trung vào việc chỉ đạo công tác xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch, tổ chức hiệp đồng tác chiến của các lực lượng trên mặt trận kinh tế, xây dựng các chính sách và chế độ quản lý, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch nhà nước và các chính sách, chế độ quản lý.

Để xúc tiến gấp việc cải tiến các chính sách và chế độ quản lý, đổi mới những vấn đề cần trình Bộ Chính trị hoặc cần được Hội đồng Chính phủ quyết định, nên thành lập các tiểu ban với các thành viên được chỉ định cụ thể, quy định rõ nội dung và thời hạn nghiên cứu, bảo đảm cho các vấn đề đó thu thập được ý kiến của những người am hiểu nhất và có trách nhiệm nhất trước khi trình cơ quan lãnh đạo quyết định.

Một trách nhiệm quan trọng của Thường vụ Hội đồng Chính phủ là điều hoà, phối hợp hoạt động của các bộ, các ngành, các địa phương trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của nhiều ngành, nhiều địa phương. Đổi mới những việc cần điều hoà thường xuyên, nên dùng hình thức ban phối hợp gồm các ngành có liên quan trực tiếp để giúp Thường vụ Hội đồng Chính phủ

chủ động giải quyết những việc nảy sinh trong quan hệ phối hợp công tác, và chuẩn bị tốt những quyết định kịp thời, đúng đắn về những vấn đề chưa nhất trí giữa các bên có liên quan, trình cơ quan lãnh đạo giải quyết.

Đi đôi với việc nhanh chóng xây dựng và thực hiện chế độ quản lý kinh tế thông suốt, thống nhất trong cả nước, bảo đảm sự chỉ đạo tập trung của Trung ương, cần kiên quyết khắc phục một thiếu sót lâu nay trong cách làm việc của Hội đồng Chính phủ và Thường vụ Hội đồng Chính phủ là ít nám sát, ít làm việc trực tiếp với các tỉnh, thành phố, nhất là các tỉnh miền núi, các tỉnh miền Nam.

Các cơ quan trung ương phải có bộ phận chịu trách nhiệm làm việc với cán bộ của các địa phương và các cơ sở, nhanh chóng xoá bỏ tình trạng cán bộ bên dưới có công việc về xin ý kiến Trung ương thì phải "chạy vạy bốn phương", không biết quyền lực tập trung ở đâu. Văn phòng Trung ương Đảng và Văn phòng Hội đồng Chính phủ dứt khoát phải là đầu mối giúp cho việc tập trung quan hệ với các ngành và các địa phương.

2. Để tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Chính phủ trong lĩnh vực kinh tế, cần *cải tiến chế độ làm việc*. Trước hết, phải nghiêm chỉnh thực hiện những nguyên tắc nền tảng của chế độ làm việc như: tập trung dân chủ, chế độ thủ trưởng, chế độ trách nhiệm cá nhân, chế độ kỷ luật, v.v.. Từng bước, nâng cao trình độ khoa học, vận dụng các công cụ và phương pháp khoa học, hiện đại trong cách làm việc.

Phải bảo đảm cho các cấp uỷ đảng nắm được đầy đủ các thông tin, có thể thảo luận đều tay về các vấn đề kinh tế. Cách thức chuẩn bị và tiến hành những cuộc hội nghị của các cấp uỷ đảng về kinh tế cần được cải tiến mạnh mẽ. Từng

đồng chí phải có thời gian chuẩn bị, nghe báo cáo, đọc tài liệu, xem xét thực tế và có thời giờ suy nghĩ để khi họp có chất lượng cao và nhanh chóng đi đến quyết định.

Chấn chỉnh và tăng cường các ban kinh tế của Đảng, chú trọng kiểm tra việc chấp hành các chính sách và thi hành các nghị quyết của Đảng, tránh khuynh hướng hoặc làm phình to bộ máy, hoặc giảm đạp công việc của chính quyền.

Việc chấn chỉnh, kiện toàn bộ máy của Đảng và Nhà nước phải đi đôi với sửa đổi tác phong lãnh đạo và cách làm việc, bảo đảm cho guồng máy kinh tế hoạt động đều đặn, công việc giải quyết đúng đắn và kịp thời, không chạy vòng quanh, không qua nhiều tầng nấc. Mỗi khi quyết định về chủ trương, phải bàn cả biện pháp thực hiện, định rõ trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân có liên quan đến công việc đó, định rõ kỳ hạn thi hành và báo cáo, có chế độ kiểm tra chặt chẽ để bảo đảm việc gì đã bàn, đã quyết thì nhất định phải thực hiện.

Trung ương Đảng và Chính phủ, các ngành, các cấp cần *tập trung chỉ đạo vào trọng điểm*: chọn trọng điểm về việc, về ngành, về địa phương để có thể chỉ đạo sát sao, đạt kết quả tốt và vững chắc, rút được kinh nghiệm và *phát huy tác dụng chung của trọng điểm*.

Mặt khác, phải đề cao tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; mỗi công việc đều phải có người chịu trách nhiệm rõ ràng; kết quả công việc tốt hay xấu phải được kiểm tra, kết luận dứt khoát. Mỗi công việc phải giao cho một cán bộ có năng lực phụ trách, biết lắng nghe ý kiến của người khác và dám giải quyết, dám chịu trách nhiệm thì công việc sẽ chạy đều, giảm bớt được giấy tờ và hội họp.

Việc cải tiến tổ chức và chế độ làm việc của các cơ quan trung ương sẽ nêu một tấm gương về tinh thần và về thực tiễn hoạt động, thúc đẩy và hướng dẫn các cấp bộ đảng, chính quyền cải tiến tổ chức và chế độ làm việc của mình.

3. *Cần nắn vũng và giải quyết kịp thời vấn đề cán bộ* trong quản lý kinh tế. Đối với yêu cầu trước mắt cũng như lâu dài, đây là một điểm *mấu chốt*. Trong các mặt: bồi dưỡng, đào tạo, sắp xếp, sử dụng, khen thưởng, kỷ luật, v.v. đều phải có sự cố gắng rất lớn và phải chuyển biến thật sự.

Tích cực bồi dưỡng, đào tạo hàng loạt giám đốc xí nghiệp, bí thư đảng uỷ và thư ký công đoàn, không nên chỉ thiên về bồi dưỡng và đào tạo giám đốc. Cân lựa chọn, điều động cán bộ để hỗ trợ và tăng cường cho các cấp uỷ đảng và chính quyền ở các tỉnh, huyện miền Nam nhanh chóng đảm đương tốt nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, quản lý kinh tế, quản lý nhà nước.

Điều chỉnh, bố trí cán bộ cốt cán của Đảng, tăng cường cho lĩnh vực kinh tế, đưa cán bộ giỏi vào nắm những ngành kinh tế then chốt, những địa phương và cơ sở trọng yếu, đặc biệt coi trọng việc tăng cường cán bộ cho nông nghiệp. Kiên quyết thay thế những người thực sự không đảm đương nổi nhiệm vụ.

Cần có kế hoạch nâng cao một cách có hệ thống năng lực tổ chức và quản lý kinh tế của từng ngành, từng cấp, của từng cán bộ, nhanh chóng khắc phục sự chênh lệch hiện nay giữa yêu cầu của nhiệm vụ với trình độ hiểu biết, năng lực tổ chức và kinh nghiệm thực hành của cán bộ trong lĩnh vực xây dựng và quản lý kinh tế.

4. Để nâng cao hiệu lực lãnh đạo và quản lý, phải hết sức coi trọng *công tác kiểm tra* việc chấp hành các nghị quyết, và chính sách, kiểm tra cán bộ trong công tác.

Trong việc tăng cường công tác kiểm tra, cần thực hiện thành nền nếp một số điểm như sau:

- Trước hết, tiến hành thường xuyên việc tự kiểm tra của tất cả cán bộ, đảng viên, bất kỳ ở cương vị nào. Mỗi người phải tự kiểm tra thường xuyên và có định kỳ tự kiểm điểm trong chi bộ, trong đơn vị công tác. Cán bộ ở cương vị lãnh đạo phải có định kỳ tự kiểm điểm về trách nhiệm công tác lãnh đạo và quản lý của mình.

- Phát huy vai trò kiểm tra của tập thể, của quần chúng, trước hết là trong phạm vi từng đơn vị công tác. Hình thức tổ chức cho quần chúng trực tiếp kiểm tra và phê bình công tác của các tổ chức phục vụ đời sống vừa qua được áp dụng ở nhiều nơi đã thu được kết quả tốt. Cần rút kinh nghiệm, tích cực mở rộng và nâng cao thêm hiệu lực, tác dụng của hình thức kiểm tra quần chúng và thanh tra nhân dân. Cách tổ chức kiểm tra lẫn nhau giữa các đơn vị kết nghĩa, giao uốc thi đua hoặc giữa các đơn vị cùng ngành cũng có nhiều tác dụng tích cực, cần được khuyến khích thực hiện.

- Tăng cường sự kiểm tra của cấp trên bằng nhiều hình thức, trong đó hình thức kiểm tra trực tiếp tại chỗ phải trở thành một chế độ công tác. Các cơ quan chức năng phải có chế độ kiểm tra về những mặt công tác thuộc phạm vi của mình, như: kiểm tra tài chính, kiểm tra công tác hạch toán, thanh tra lao động, v.v.. Cách kiểm tra phải làm bất kỳ, tránh bị rơi vào một sự bố trí trước của đơn vị cần kiểm tra. Kiểm tra phải gắn liền với hướng dẫn, giúp đỡ nhằm phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, cải tiến công tác, đẩy mạnh sản xuất.

- Kiện toàn tổ chức và nâng cao trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan thanh tra nhà nước, tập trung vào việc thanh tra tình hình thực hiện kế hoạch nhà nước, đặc biệt là các nhiệm

vụ kinh tế then chốt ở các ngành, các địa phương, các đơn vị trọng điểm.

Mọi công tác kiểm tra cần phải đi tới kết luận đúng đắn, rõ ràng và phải xử lý kịp thời để phát huy tác dụng và hiệu lực của kiểm tra.

*

* *

Đoàn kết nhất trí trên cơ sở đường lối và nhiệm vụ cách mạng đã được Đại hội lần thứ IV của Đảng quyết định, chúng ta quyết lãnh đạo và tổ chức lực lượng của các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở cùng với quần chúng nhân dân trong cả nước, làm cho có sự *chuyển biến vượt bậc trong năm 1978, tạo điều kiện tốt nhất để tiến lên đạt các mục tiêu của kế hoạch 5 năm (1976-1980)*.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**báo cáo bổ sung
tại hội nghị lần thứ ba
Ban Chấp hành Trung ương Đảng
khoá IV
Tháng 12 năm 1977**

**Về tình hình thực hiện kế hoạch tài chính
và ngân sách nhà nước năm 1977 và dự kiến
kế hoạch tài chính năm 1978**

I- Những nét chính về tình hình thực hiện
kế hoạch tài chính và ngân sách nhà nước
năm 1977

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, còn sản xuất và lưu thông hàng hoá, sản phẩm của xã hội biểu hiện bằng hiện vật đồng thời biểu hiện bằng giá trị tiền tệ; lợi ích vật chất của cá nhân được bảo đảm bằng phân phối sản phẩm tiêu dùng theo số lượng và chất lượng lao động của mỗi người: cán bộ, công nhân, nhân viên nhà nước dựa vào đồng lương để bảo đảm nhu cầu về đời sống vật chất và văn hoá cho bản thân và gia đình; các hợp tác xã, các cơ sở sản xuất tập thể hoặc cá nhân bán sản phẩm của mình để thu tiền và dùng tiền đó để bù

đắp chi phí vật chất, tiêu hao lao động... mở rộng sản xuất. Chủ nghĩa tư bản dùng đồng tiền làm phương tiện sản xuất và lưu thông để tước đoạt giá trị thặng dư của nhân dân lao động, chúng ta dùng đồng tiền làm phương tiện tính toán, phương tiện để tổ chức sản xuất, tổ chức đời sống của nhân dân, phục vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa và góp phần củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Chúng ta có sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và một phần sở hữu cá thể, toàn bộ sản phẩm làm ra đều biểu hiện bằng tiền, qua đó chúng ta có thể đánh giá được kết quả sản xuất và kinh doanh, năng suất và hiệu quả lao động, tiền vốn... và biết được cần làm gì để phát huy khả năng lao động, đất đai và tài nguyên, tài sản và tiền vốn để làm ra khối lượng sản phẩm ngày càng lớn có giá trị sử dụng cao, và với sản phẩm làm ra, phải làm thế nào để thoả mãn nhu cầu về vật chất và văn hoá của nhân dân và để mở rộng sản xuất mà không lọt vào tay của bọn đầu cơ lũng đoạn chống lại chủ nghĩa xã hội.

Đó là nội dung của công tác tài chính xã hội chủ nghĩa, là yêu cầu đối với kế hoạch tài chính, một mặt không thể thiếu được của kế hoạch xí nghiệp, hợp tác xã, một địa phương, một ngành hay trong cả nước. Thông qua biểu hiện bằng tiền người quản lý phải xét xem mình có những khả năng gì và phải làm gì để phát huy những khả năng ấy? Kết quả làm ra đã đáp ứng những yêu cầu về sản xuất và đời sống hay không và để làm ra một giá trị sản phẩm, đã phải tiêu phí đi bao nhiêu? Một chế độ xã hội ưu việt hơn chế độ khác là ở chỗ nó có khả năng mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

Thông qua biểu hiện bằng giá trị tiền tệ, chúng ta có thể xem xét các mặt cân đối của kế hoạch và hiệu quả của sản xuất kinh doanh. Và nhằm vào đó mà tổ chức và tiến hành công tác quản lý tài chính.

Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ:

"Nhiệm vụ cơ bản về tài chính là làm chủ các nguồn vốn, để bảo đảm thực hiện đường lối và kế hoạch phát triển kinh tế; xây dựng một quan hệ hợp lý giữa quỹ tiêu dùng và quỹ tích

luỹ. Tài chính phải làm tốt vai trò kiểm tra mọi hoạt động sản xuất và kinh doanh, phát huy tác dụng tích cực của tài chính thúc đẩy phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động xã hội. Xây dựng một ngân sách tích cực, nhằm bảo đảm tốt kế hoạch phát triển kinh tế, mở mang các hoạt động văn hoá xã hội, bảo đảm quốc phòng và giữ gìn an ninh. Quản lý chặt chẽ việc thu chi tài chính thống nhất trong các cấp ngân sách, đồng thời xác định đúng đắn quyền hạn về thu, chi tài chính của cấp chính quyền địa phương, tương ứng với nhiệm vụ về quản lý kinh tế, quản lý nhà nước của mỗi cấp.

"Nhiệm vụ cơ bản về ngân hàng là thông qua hoạt động tín dụng, tiền tệ mà tham gia xây dựng và thúc đẩy thực hiện kế hoạch kinh tế, cung ứng vốn tín dụng, kiểm soát bằng đồng tiền các hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhằm thúc đẩy sản xuất và tăng cường chế độ hạch toán kinh tế. Phát triển mạnh tín dụng, bảo đảm vốn sản xuất kinh doanh đối với khu vực kinh tế quốc doanh; mở rộng việc cho vay đối với kinh tế tập thể để phát triển sản xuất theo kế hoạch nhà nước. Thu hút tiền tiết kiệm và vốn nhàn rỗi trong xã hội. Xây dựng ngân hàng thành trung tâm thanh toán có hiệu lực. Quản lý chặt chẽ tiền mặt và lưu thông tiền tệ".

Năm 1977 là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng và là năm thứ hai thực hiện kế hoạch 5 năm (1976-1980), mặc dầu thời tiết có những diễn biến phức tạp gây thêm nhiều khó khăn cho sản xuất và đời sống, các ngành, các cấp và các đơn vị đã cố gắng khắc phục khó khăn, phấn đấu thực hiện các nhiệm vụ của kế hoạch nhà nước. Sau đây chúng tôi báo cáo với Hội nghị Trung ương một số nét về tình hình thực hiện kế hoạch tài chính và ngân sách nhà nước năm 1977.

1. Tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 1977

Đơn vị: triệu đồng miền Bắc

	Thực hiện 1976	Uớc thực hiện 1977	Uớc 1977 so với	
			Ngân sách trình Quốc hội	Thực hiện 1976
A- Tổng số thu	9.208	9.800	96,5	106,4
1. <i>Thu trong nước</i>	5.070	5.700	104,5	112,4
- Thu nhập thuần tuý từ kinh tế quốc doanh	2.842	3.217	110,7	113,1
- Thuế tập thể và cá thể	676	747	85,9	110,4
- Thu khấu hao, thu hồi vốn lưu động	1.109	1.235	104,6	102,0
2. <i>Thu tiền vay và viện trợ</i>	4.138	4.100	87,2	99,0
Trong đó: Chuyển cho Ngân hàng Nhà nước cho vay dài hạn	-	1.100	-	-
B- Tổng số chi	9.433	10.103	99,5	107,1
1. <i>Chi về tích luỹ (kể cả ngân hàng cho vay)</i>	4.595	4.765	98,5	103,6
- Chi xây dựng cơ bản	-	4.050	96,5	-

+ Ngân sách cấp phát	3.553	2.950	-		
+ Chuyển cho ngân hàng cho vay	-	1.100	-	114,0	
- Chi về vốn lưu động và dự trữ	1.042	712	-		
<i>2. Chi có tính chất tiêu dùng</i>	<i>4.800</i>	<i>5.189</i>	<i>102,1</i>	<i>108,1</i>	
C- Cân đối thu, chi	-225	-300	-	-	

A- Tổng số thu năm 1977 ước đạt 9.800 triệu đồng đạt 96,5% kế hoạch thu, bằng 106,4% số thu năm 1976

Số thu trong nước ước đạt 5.700 triệu, vượt kế hoạch 4,5% và tăng 12,4% so với năm 1976, riêng thu nhập thuần tuý từ kinh tế quốc doanh tăng 13,1%.

Số thu nhập thuần tuý từ kinh tế quốc doanh tăng hơn 13,1% so với năm 1976 chủ yếu nhờ thu các khoản tồn đọng của năm trước; số thực thu từ thu nhập quốc dân sáng tạo trong năm 1977 chỉ tăng khoảng 100 triệu, tăng 3,9% so với năm 1976. So với số tài sản cố định, vốn lưu động, biên chế và tiền lương tăng lên trong khu vực kinh tế quốc doanh, số thu tăng lên như vậy là quá thấp.

Số thu về thuế đối với kinh tế tập thể và cá thể chỉ đạt 85,9% và tăng 10,4% so với năm 1976. Thuế nông nghiệp hụt kế hoạch 36 triệu bằng 13%, vì nhiều nơi bị mất mùa phải miễn giảm nhiều. Thuế công thương nghiệp hụt kế hoạch 86 triệu bằng 14,6%, chủ yếu là không thu được lợi tức siêu ngạch và thất thu đối với tư thương ở các tỉnh phía Nam. Trong điều kiện các thành phần kinh tế chưa được cải tạo, công tác thuế có tác dụng tích cực góp phần vào việc quản lý thị trường, điều tiết một phần thu nhập không hợp lý trong một số

ngành sản xuất kinh doanh phục vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa. Muốn như vậy, bản thân ngành thuế phải cố gắng rất lớn; mặt khác công tác thuế phải được kết hợp chặt chẽ với các biện pháp và chính sách quản lý: quản lý giá cả, quản lý thu mua phân phôi, quản lý thị trường... và phải được sự chỉ đạo chặt chẽ kiên quyết của chính quyền các cấp... Nhưng vừa qua, chúng ta làm chưa tốt.

Số thu về tiền vay nước ngoài ước đạt 4.100 triệu bằng 87,2% dự toán đầu năm. Số thu về tiền vay hụt kế hoạch 12,8% là vì một số khoản tiền vay không sử dụng được hoặc tính không sát. Tuy vậy số tiền vay của nước ngoài chiếm gần 42% tổng số thu của ngân sách.

B- Tổng số chi của ngân sách nhà nước năm 1977 ước 10.103 triệu, đạt 99,5% dự toán đầu năm và bằng 107,1% so với năm 1976. Phần chi về đầu tư xây dựng cơ bản và tăng vốn lưu động, bao gồm cả số vốn dành cho Ngân hàng Nhà nước cho vay dài hạn đạt 98,5% dự toán đầu năm, tăng 3,6% so với năm 1976. Các nhiệm vụ chi về chuyển dân đi vùng kinh tế mới, thăm dò khai thác, và các hoạt động khác của Nhà nước, được bảo đảm theo nhiệm vụ kế hoạch nhà nước.

Mặc dù số tiền vay nước ngoài chiếm gần 42% tổng số thu của ngân sách nhà nước, năm 1977 ngân sách nhà nước bội chi 300 triệu. Hai năm liền ngân sách nhà nước tiếp tục bội chi: năm 1976: 225 triệu, 1977: 300 triệu. Cân đối tiền mặt năm 1976 bội chi: 162 triệu, năm 1977 bội chi trên 470 triệu. Đó là mức bội chi lớn nhất từ trước đến nay.

C- Tình hình mất cân đối về tài chính nhà nước và về tiền tệ một mặt nói lên những nhược điểm và thiếu sót trong công tác quản lý tài chính và ngân hàng cần phải ra sức khắc phục, một mặt khác, nó phản ánh những mặt mất cân đối lớn trong nền kinh tế quốc dân, trong hai năm đầu của kế hoạch 5 năm lần thứ hai:

- Giá trị tổng sản lượng của nền kinh tế quốc dân không đạt kế hoạch, và tăng chậm so với năm trước. Riêng giá trị tổng sản lượng ngành công nghiệp (bao gồm cả thủ công

nghiệp) năm 1977 đạt khoảng 93% kế hoạch, so với năm 1976 tăng khoảng 12,2%, trong đó các xí nghiệp quốc doanh đạt 92,6% và so với năm 1976 ước tăng 11,9%. Thu nhập quốc dân sản xuất năm 1977 chỉ tăng 2,2% thấp hơn tỷ lệ tăng dân số (+2,6%). Thu nhập quốc dân bình quân đầu người giảm xuống: năm 1976: 295đ,7, năm 1977 chỉ còn 294đ,6 đầu người (tính cả quân đội).

- Xuất khẩu năm 1976 mới bảo đảm được 22% tổng mức nhập khẩu, năm 1977: 29%; thu chi ngoại tệ không cân đối, nợ vay nước ngoài tăng lên. Năm 1977 số thiếu hụt ngoại tệ ở khu vực I: 285 triệu rúp được bù đắp bằng vốn vay, số thiếu hụt ở khu vực II: 566 triệu đôla được bù đắp một phần bằng vốn vay, còn thiếu phải mua chịu hoặc đi vay thêm chuyển qua 1978 phải trả.

- Hai năm 1976-1977 tiền hàng không cân đối với nhau làm cho lương thực tế của cán bộ, công nhân viên chức, và sức mua của đồng tiền tiếp tục giảm xuống. Năm 1977 theo tính toán của Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước, nhu cầu hàng hoá của dân cư thiếu gần 1.000 triệu đồng.

2. Những nhược điểm và khó khăn về kinh tế tài chính hiện nay

Sản phẩm làm ra quá ít so với yêu cầu tiêu dùng, thu không đủ chi, xuất khẩu chỉ bằng 1/4 nhập khẩu... là những khó khăn và mất cân đối lớn hiện nay. Bản báo cáo về kế hoạch nhà nước đã phân tích một cách toàn diện những nguyên nhân làm cho chúng ta có nhiều khó khăn. Qua các công tác tài chính, tiền tệ, giá cả, tiền lương, tôi nói rõ thêm những nguyên nhân trực tiếp như sau:

1- Nguyên nhân lớn và bao trùm là chúng ta chưa phát huy được khả năng to lớn về lao động, đất đai và tài nguyên, tài sản và tiền vốn để làm ra sản phẩm cần thiết ngày càng lớn cho nhu cầu sản xuất và đời sống. Trong từng đơn vị sản xuất kinh doanh, trên từng địa bàn, từng địa phương, từng

ngành phải soát lại xem: với lao động, tiền vốn và kinh nghiệm tăng lên đã có gì tiến bộ so với trước:

- Một là tổng sản phẩm làm ra quá thấp, thu nhập quốc dân năm 1977 chỉ tăng 2,2% so với 1976 trong khi lao động xã hội tăng 4% và dân số tăng 2,6%, quỹ tích luỹ của xã hội tăng 15%. Trong số sản phẩm làm ra một số quan trọng không huy động vào sản xuất và đời sống được: như công trình xây dựng dở dang, hàng vật tư ứ đọng... với cơ cấu của nó, phải đáp ứng tốt nhất yêu cầu về đời sống của dân, yêu cầu của Nhà nước, yêu cầu xuất khẩu và mở rộng sản xuất.

- Tiêu hao lao động, tiền vốn, phí tổn vật chất để làm ra một đơn vị sản phẩm không giảm xuống tương xứng với tài sản cố định tăng lên, trong nhiều ngành, nhiều địa phương lại tăng lên nhiều so với trước: tiêu hao than cho 1.000 kw điện, nhiên liệu cho vận tải, phí lưu thông cho thương nghiệp đều tăng lên.

- Chưa nấm phân lớn sản phẩm hàng hoá trong tay Nhà nước, tổ chức tốt việc phân phối bảo đảm yêu cầu sản xuất và nhu cầu tối thiểu về đời sống của nhân dân lao động, không để lọt vào tay bọn đầu cơ, lũng đoạn, bọn ăn cắp... Tư thương không những còn nấm phân quan trọng nông, lâm, hải sản mà còn buôn bán cả những sản phẩm Nhà nước nhập khẩu, quốc doanh sản xuất.

Đã đến lúc chúng ta không thể trông chờ vào đâu hơn là vào khả năng lao động và tiết kiệm từng giờ, từng đồng vốn, từng cân sản phẩm... Bất cứ một nước nào sau chiến tranh, người ta làm việc rất giữ và hết sức tiết kiệm... Những khó khăn của một nền sản xuất nhỏ lẻ hậu, bị chiến tranh tàn phá chỉ có thể khắc phục được với những nỗ lực lao động của nhân dân ta, làm ra nhiều mà tiêu phí tiết kiệm nhất. Trong thời gian qua và trong năm 1977, nhiều đơn vị cơ sở, nhiều địa phương và nhiều ngành chưa tính toán làm ăn theo kinh doanh xã hội chủ nghĩa, trong nhiều trường hợp còn theo lối hành chính cung cấp... làm ăn không tính toán.

2- Hiệu quả của vốn tích luỹ trong nền kinh tế quốc dân nói chung và riêng trong các ngành kinh tế quốc doanh chưa được phát huy

Đến cuối năm 1977, tài sản cố định trong khu vực kinh tế quốc doanh trên 17.000 triệu đồng. Để có số tài sản cố định nói trên (ngoài số tài sản cố định ở miền Nam khoảng 5 tỷ), Nhà nước đã đầu tư để xây dựng cơ bản từ 1955 đến 1977... hơn 25 tỷ đồng. Nhưng tính chung, mới sử dụng khoảng 45-50% công suất, 1 đồng tài sản cố định 1965 làm ra bình quân 0đ,48 thu nhập quốc dân, năm 1977 làm ra 0đ,28.

Tài sản lưu động trong các ngành kinh tế quốc doanh đến năm 1977 có trên 10 tỷ, nhưng luân chuyển quá chậm, trong nhiều ngành, nhiều công ty, xí nghiệp... mức dự trữ, tồn kho quá lớn. Riêng số thiết bị, vật tư, phụ tùng hàng hoá ứ đọng và chậm luân chuyển trong ngành cung ứng vật tư của các bộ ở Trung ương đã hơn 1.000 triệu; có những xí nghiệp vật tư dự trữ và ứ đọng lớn hơn giá trị sản lượng của xí nghiệp trong một năm... Tình hình ấy làm cho hiệu quả của vốn lưu động quá thấp, gây ra căng thẳng về vốn trong nhiều ngành sản xuất và kinh doanh, trong khi đó một số vốn rất lớn còn mắc kẹt trong tồn kho, ứ đọng, dự trữ quá định mức ở các xí nghiệp, các ngành...

Trong lúc chúng ta thiếu vốn phải đi vay nước ngoài, lãi vay hằng năm phải trả cứ tăng lên; với vốn vay về đầu tư vào xây dựng cơ bản và vốn lưu động... lại không phát huy được hiệu quả. Để trong kho bị rỉ sét, hư hỏng và bị mất cắp.

3- Nhiều định mức về lao động, tiêu hao vật chất trong sản xuất và kinh doanh, không được quản lý chặt chẽ, năng suất lao động trong nhiều ngành kinh tế không tăng lên tương ứng với trang bị kỹ thuật và tài sản cố định tăng lên,

giá thành nhiều sản phẩm không giảm xuống mà còn tăng lên so với trước. Cho đến nay trong nhiều ngành kinh tế vẫn chưa đạt được những định mức trước chiến tranh.

Trong những năm chống Mỹ, cứu nước, do ảnh hưởng trực tiếp của chiến tranh, việc quản lý lao động tiền lương và những định mức kinh tế, kỹ thuật bị buông lỏng, đến nay vẫn chưa được khắc phục có hiệu quả: Tổng quỹ tiền lương năm 1976 tăng lên 2,1 lần so năm 1965, trong khi thu nhập quốc dân trong kinh tế quốc doanh chỉ tăng 1,8 lần. Năm 1977 thu nhập quốc dân chỉ tăng 1,9 lần, tổng quỹ tiền lương tăng lên 2,5 lần... (miền Bắc). Điều đó cho thấy rằng: năng suất lao động và hiệu quả lao động trong nền kinh tế quốc doanh tiếp tục giảm xuống.

4- Hiệu quả vốn đầu tư xây dựng cơ bản đạt quá thấp... Hàng năm ngân sách nhà nước dành một số tiền rất lớn trên dưới 40% ngân sách để đầu tư xây dựng cơ bản, nhằm xây dựng những cơ sở vật chất kỹ thuật cho các ngành kinh tế quốc dân. Riêng trong 5 năm từ 1973 đến 1977, vốn đầu tư vào xây dựng cơ bản đạt trên 13 tỷ đồng trong đó có 7,5 tỷ xây lắp... Nhưng trong 5 năm chỉ huy động vào sản xuất và sử dụng chỉ đạt hơn 7 tỷ... các công trình dở dang kể cả dở dang những năm trước hơn 4,4 tỷ, trong đó có 1,2 tỷ là thiết bị và 3,2 tỷ xây lắp... Tình trạng phân tán vốn, không tập trung dứt điểm, ít chú ý đầu tư để hoàn chỉnh từng công trình đầu tư vào chiều sâu, đầu tư vào khôi phục, mở rộng những công trình sẵn có hoặc còn dở dang, mà nặng về đầu tư để xây dựng mới...

Một mặt khác, đơn giá xây dựng cơ bản đã không ngừng tăng lên, càng làm cho hiệu quả vốn đầu tư xây dựng cơ bản bị hạn chế. Giá mua vật liệu, định mức sử dụng vật liệu xây dựng, giá thuê mướn nhân công, giá thu phương tiện thi công... không được quản lý chặt chẽ... trong nhiều trường hợp

đã tăng gấp rưỡi, gấp 2,3 lần hay nhiều hơn so với giá chỉ đạo và đơn giá của Nhà nước.

5- Công tác quản lý tài chính còn nhiều nhược điểm và thiếu sót

Sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới, đòi hỏi nhân dân ta phải có những nỗ lực cao độ vừa phải ra sức khắc phục hậu quả rất nặng nề của chiến tranh, của thực dân kiểu mới đồng thời xây dựng những cơ sở vật chất và kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội và từng bước cải thiện đời sống của nhân dân. Tất cả đều phải dựa vào lao động sản xuất và tiết kiệm của nhân dân ta. Nhưng vì lâu ngày buông lỏng quản lý, nhiều ngành, nhiều địa phương, xí nghiệp, cơ quan... vẫn còn theo cách làm ăn không tính toán trong thời kỳ chiến tranh, ý lại vào cấp trên, ý lại vào Nhà nước. Tình hình ấy đòi hỏi ngành tài chính và ngân hàng phải vươn lên làm chủ nguồn tài sản của xã hội, phục vụ sự chỉ đạo và quản lý có hiệu lực của Đảng của Nhà nước. Từ vị trí của mình mà yêu cầu các ngành, các cấp, các đơn vị nâng cao trách nhiệm và bảo đảm hiệu quả các tài sản Nhà nước giao cho từng ngành, từng cấp, từng đơn vị kết hợp chặt chẽ quản lý về tài chính với quản lý kinh tế kỹ thuật, bảo vệ và sử dụng các loại tài sản có hiệu quả.

Nhưng trong thời gian qua, ở nhiều xí nghiệp địa phương, trong nhiều ngành cũng như trong cả nước công tác tài chính còn thụ động, tự giới hạn trong công tác quản lý thu, chi đơn thuần. Ngành tài chính và ngân hàng chưa phát huy vị trí, chức năng của mình, tác động tích cực đến việc kế hoạch hóa và quản lý kinh tế quốc dân, chưa tác động đến việc tính toán chi phí trong sản xuất, kinh doanh và trong các ngành hoạt động của Nhà nước, so sánh chi phí cá biệt với mức xã hội cần thiết, so sánh chi phí và thu nhập, chi phí và hiệu quả, nhằm thúc đẩy chi phí ít nhất, đạt hiệu quả cao nhất. Công tác tài chính xí nghiệp, cũng như công tác kế toán xí nghiệp, chưa tác động mạnh đến giá thành, phí lưu thông, chưa hạch toán chặt chẽ lao động và năng suất lao động, chi phí vật tư và định mức... Thu tài chính nhà nước và quản lý tiền tệ

thanh toán của ngân hàng tiến hành thiếu chặt chẽ, tác dụng thúc đẩy và kiểm tra rất yếu. Việc thu thuế, chưa phát huy tác dụng kiểm tra chặt chẽ đối với hoạt động kinh tế tư nhân - nhất là thuế công thương nghiệp ở miền Nam thì lại càng rất yếu.

Việc chỉ đạo thống nhất trong cả nước về các chế độ chính sách tài chính làm chậm, chưa kịp thời hướng dẫn các cấp, các ngành đi dần vào chế độ quản lý thống nhất của Nhà nước, chậm hướng dẫn và giúp các huyện từng bước xây dựng kế hoạch tài chính và ngân sách cấp huyện. Việc tăng cường cán bộ và củng cố bộ máy quản lý tài chính ở các tỉnh phía Nam chưa làm tốt.

II- Phương hướng nhiệm vụ kế hoạch tài chính và dự kiến ngân sách nhà nước năm 1978

Tình hình trên đây đòi hỏi chúng ta phải đánh giá đầy đủ khả năng và thuận lợi to lớn của nền kinh tế quốc dân, đồng thời phải thấy hết tính nghiêm trọng và cấp bách của tình hình kinh tế tài chính, tập trung mọi cố gắng tạo nên những chuyển biến mạnh mẽ trong sản xuất, kinh doanh và quản lý từ trung ương đến cơ sở. Tất cả đều phải nhằm:

- Với khả năng lao động, đất đai, tài nguyên, tài sản cố định và vốn sẵn có, phải làm ra khối lượng sản phẩm lớn gấp bội với chi phí vật chất thấp nhất và năng suất lao động không ngừng tăng lên;
- Cơ cấu của sản phẩm làm ra ở từng cơ sở sản xuất, từng địa phương... phải nhằm bảo đảm thiết thực những nhu cầu về sản xuất và đời sống của dân, để xuất khẩu, cung cấp sản phẩm ngày càng nhiều cho Nhà nước;
- Nhà nước phải nắm phần lớn sản phẩm hàng hoá của xã hội, tổ chức và quản lý phân phối theo nguyên tắc phân phối xã hội chủ nghĩa... không để lọt vào tay bọn: đầu cơ, lũng đoạn, phá rối thị trường, bọn ăn cắp.

Chỉ trên cơ sở đó mới bảo đảm một cách vững chắc cân đối của kế hoạch, mới có điều kiện để cải thiện đời sống của nhân dân và mở rộng sản xuất, mới có một nền tài chính và tiền tệ xã hội chủ nghĩa vững vàng. Theo tính toán đó, chúng tôi đã cùng với các ngành và một số địa phương tính toán kế hoạch tài chính và ngân sách nhà nước năm 1978, và những năm sau. Kết quả tính toán đến nay, đã được phản ánh trong báo cáo của Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước trước Ban Chấp hành Trung ương.

Sau đây chúng tôi báo cáo với Trung ương kết quả tính toán đến nay và những đề nghị của chúng tôi:

1. Theo chỉ tiêu kế hoạch nhà nước đã trình bày với Trung ương và kế hoạch tài chính của các bộ, các ngành, các địa phương... Bộ Tài chính tổng hợp lại thì thu chi ngân sách 1978 như sau:

Về thu: (Biểu 1)

- Số thu trong nước năm 1978 đạt 6.072 triệu tăng 6,8% so với 1977.

Riêng do thu nhập thuần tuý từ kinh tế quốc doanh đạt 3.615 triệu tăng 12,3%.

- Số thu về tiền vay dự tính 4.500 triệu tăng 9,7% so với 1977.

- Tổng số thu ngân sách 1978 đạt 10.572 triệu tăng 7,8% so với 1977.

- Số thu tiền vay chiếm 45% tổng số thu ngân sách 1978.

Về chi, theo yêu cầu của các bộ, các địa phương là:

- Chi về xây dựng cơ bản 5.880 triệu tăng 45,1% so với 1977.

- Chi về hành chính, văn xã 3.452 triệu tăng 16,5% so với 1977.

- Tổng cộng chi ngân sách 1978 13.970 triệu tăng 38,3% so với 1977.

Thu chi không cân đối nghiêm trọng, ngân sách bội chi 3.398 triệu đồng.

Số bội chi tiền mặt sẽ lên khoảng 800 triệu đồng.

Bội chi về tài chính và tiền mặt như vậy là quá lớn. Nguyên nhân chính là vì các ngành, các địa phương tính toán về thu thiếu chặt chẽ, chưa tính đến những biện pháp có hiệu lực chỉ đạo và kiểm tra các xí nghiệp sản xuất, kinh doanh, quản lý chặt chẽ, chống lãng phí, tham ô, khắc phục những sơ hở... kiên quyết đưa quản lý từ cơ sở vào nguyên tắc, vào chế độ ngày càng chặt chẽ. Về chi nhàn chung thì quá rộng rãi, chưa phải dựa trên sự phân tích, đánh giá hiệu quả của các khoản chi từ những năm trước, phát hiện những sơ hở, những lãng phí trong quản lý chi cần được khắc phục, những khả năng tiết kiệm chi có thể thực hiện được... để tiết kiệm chi cho ngân sách. Riêng về chi tích luỹ, thì phô biến là chưa có kế hoạch tập trung sức vào các công trình còn dở dang, đầu tư bổ sung cho những tài sản sẵn có, huy động thiết bị vật tư trong kho... tính toán vốn đầu tư chưa phải dựa trên những đơn giá định mức chặt chẽ và chưa chú ý động viên tham gia lao động của dân mà chủ yếu dựa vào cấp phát của Nhà nước với giá thuê mướn nhân công tăng lên rất nhiều so với quy định của Nhà nước. Vì những lẽ nói trên, số thu và chi chênh lệch thiếu quá lớn.

2. Dựa vào những chỉ tiêu kế hoạch nhà nước đã trình bày trước Trung ương, Bộ Tài chính dựa trên những khả năng có thể tiết kiệm để tăng thu, tiết kiệm chi và tính toán chặt chẽ hơn thì kết quả sẽ như sau: (Biểu 1).

Về thu:

- Số thu trong nước năm 1978 đạt 6.120 triệu tăng 7,3% so với 1977.

Riêng số thu nhập thuần tuý từ kinh tế quốc doanh đạt 3.700 triệu.

- Số thu về tiền vay nước ngoài ước tính 3.700 triệu.

- Tổng số thu của ngân sách 9.820 triệu.

- Số tiền vay chiếm 38% tổng số thu ngân sách.

Về chi:

- Chi về xây dựng cơ bản 4.800 triệu tăng 20% so với 1977.
- Chi về hành chính văn xã 3.264 triệu tăng 10% so với năm 1977.
- Tổng cộng chi của ngân sách 1978: 11.790 triệu.

Cân đối ngân sách: còn bội chi 1.970 triệu.

Tiền mặt sẽ bội chi 600 triệu.

Con số bội chi ngân sách và tiền mặt như vậy cũng là quá lớn. Những mặt không cân đối về tài chính tiền tệ như trên đòi hỏi chúng ta phải tính toán mọi khả năng có thể tăng thu và tiết kiệm chi chặt chẽ hơn. Một mặt khác, nó cho thấy rằng: nhiều mặt không cân đối trong nền kinh tế quốc dân, theo các chỉ tiêu kế hoạch trình bày ở đây, chưa được giải quyết. Chúng tôi đề nghị Trung ương giao trách nhiệm cho các ngành, các cấp phải tính toán lại chặt chẽ hơn.

Lấy năm 1976 là năm sản xuất và đời sống ít có những biến động hơn năm 1977 thì trong các chỉ tiêu của kế hoạch lần này, có những điểm về cân đối cần được giải quyết như:

- Tổng quỹ tiêu dùng xã hội năm 1978 tăng 7,5% so với năm 1976.

Trong khi năng suất lao động chỉ tăng 6,5%.

- Vốn kiến thiết cơ bản so với 1976 tăng 96,6%.

Trong khi thu nhập quốc dân sản xuất chỉ tăng 24,1%, tiền vay chỉ bằng 90% so với 1976 và chúng ta phải chi để trả nợ nước ngoài phần ngân sách là 200 triệu đồng, Ngân hàng Nhà nước 552 triệu. Tất cả đều phải lấy từ thu nhập quốc dân sản xuất để trả.

- Số thu về ngoại tệ năm 1978 còn thiếu hụt từ 386 đến 416 triệu rúp, đôla tương đương với 1.600 đến 1.800 triệu đồng tiền trong nước, đó là một số thiếu rất lớn. Nó có thể làm đảo

lộn các mặt cân đối của nền kinh tế. Trong 5 năm tổng số tiền vay và viện trợ là 2.087 triệu rúp và đôla, riêng 2 năm 1976-1977 chi hết 1.334 triệu. Còn lại 3 năm 1978-1979-1980 được 753 triệu trong khi đó, phải trả nợ mất 580 triệu chỉ còn lại 173 triệu. Vừa chỉ để viện trợ không có gì để tăng thêm cân đối trong nước.

Những số liệu nói trên cho thấy rằng việc tính toán còn phải chặt chẽ hơn, phải kiểm tra đi lại nhiều lần về nhiều mặt để *thấy hết* những khả năng và những khó khăn phức tạp cần phải giải quyết là một việc không thể thiếu được. Việc quan trọng và cấp bách hơn là phương hướng và biện pháp giải quyết. Từ trước mỗi lần ở cơ sở, ở địa phương còn thiếu cái gì, thì biện pháp duy nhất là yêu cầu cấp trên chỉ viễn, trong nước có khó khăn thì xin viện trợ, vay nước ngoài. Ngày nay, nếu không kiên quyết có sự chuyển biến mạnh mẽ về mặt này thì rất khó... Biện pháp cơ bản và cấp bách trước mắt cũng như lâu dài về sau là phải đề cao tinh thần tự lực tự cường của nhân dân ta, phát huy đến cao độ khả năng lao động, đất đai, tài nguyên, tài sản và tiền vốn... sử dụng hợp lý và tiết kiệm từng giờ lao động, từng thước đất, từng đồng tài sản và tiền vốn, để làm ra sản phẩm cho nhu cầu về đời sống, để mở rộng sản xuất, để trả nợ... Muốn được như vậy, phải rất chặt chẽ từ đầu: Từ việc tính toán và xác định chủ trương, phương hướng, nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị, từng cơ sở sản xuất và kinh doanh; đến việc tổ chức chỉ đạo quản lý và trách nhiệm quyền hạn cụ thể... vừa phải tạo điều kiện cần thiết để phát triển sản xuất kinh doanh, vừa phải ràng buộc đòi hỏi "không làm không được". Chúng tôi đề nghị Trung ương đặt rõ trách nhiệm cho các ngành, các cấp, cho cán bộ, đảng viên và nhân dân phán đấu hết sức mình để góp phần vượt qua những khó khăn và thử thách trong bước đầu đưa nền kinh tế trong cả nước từ sản xuất nhỏ, lạc hậu lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa...

Nhằm bảo đảm thực hiện tốt và vượt mức những nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch năm 1978 và những năm tới, giải quyết

những mất cân đối trong nền kinh tế quốc dân, chúng tôi đề nghị:

1- Đặt rõ trách nhiệm của các cấp và ngành trong việc tổ chức sản xuất, tổ chức đời sống và đóng góp với sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Trong một tỉnh, một thành phố, một huyện cũng như một ngành; với lao động, đất đai, tài nguyên, tài sản, tiền vốn... phải có kế hoạch và biện pháp tổ chức và quản lý sản xuất kinh doanh có kết quả để làm ra sản phẩm cho đời sống... của dân, để mở rộng sản xuất, để xuất khẩu và đóng góp ngày càng nhiều vào sự nghiệp xã hội chủ nghĩa trong cả nước. Việc tính toán yêu cầu về vốn đầu tư, về máy móc, thiết bị, vật tư... phải nhầm vào những yêu cầu ấy: kế hoạch sản xuất, kế hoạch đầu tư, kế hoạch cung ứng vật tư hàng hoá từng địa phương, phải gắn với kế hoạch bảo đảm đời sống của dân, cung cấp hàng xuất khẩu và cung cấp sản phẩm cho Nhà nước. Những địa phương từ trước sản xuất đã đủ để tiêu dùng và có phần giao nộp sản phẩm cho Trung ương nhiều hơn giá trị vật tư hàng hoá Trung ương đưa về, phải cố gắng để tăng phần giao nộp cho Trung ương nhiều hơn. Những địa phương sản xuất chưa đủ để tiêu dùng phải phấn đấu để bảo đảm nhu cầu tại chỗ và cung cấp sản phẩm cho Trung ương... Các ngành có trách nhiệm ở Trung ương phải giúp các địa phương phát huy mọi khả năng tại chỗ giải quyết những khó khăn cụ thể, để đưa trình độ sản xuất, đời sống và khả năng xuất khẩu và đóng góp với sự nghiệp của cả nước, gắn kế hoạch của ngành với kế hoạch địa phương và từ cơ sở.

Với sự nỗ lực sản xuất và tiết kiệm của 500 huyện, 38 tỉnh, thành phố, chúng ta có thể giải quyết được nhiều khó khăn.

2- Xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, cán bộ nhà nước từ trung ương đến cơ sở trong việc sử dụng tiền vốn và tài sản của Nhà nước, bao gồm cả tài sản cố định, vốn lưu động, vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Cho đến nay, phần lớn vốn đầu tư vào xây dựng cơ bản và vốn lưu động là vốn đi vay. Có những khoản tiền vay lãi suất hằng năm từ 8 đến 10% sau 7 - 8

năm, 1 tỷ tiền vay sẽ thành 2 tỷ. Để làm cho có ăn, mở rộng sản xuất và có để trả nợ, phải sử dụng vốn, quản lý và sử dụng tài sản có hiệu quả phải cao hơn nhiều so với lãi vay. Muốn như vậy, phải gắn kế hoạch đầu tư hàng năm với kế hoạch huy động đến mức cao nhất tài sản cố định và tài sản lưu động trong từng xí nghiệp, từng địa phương, từng ngành... phải nhằm đưa nhanh được từng công trình, từng phần công trình vào sản xuất hoặc phục vụ... rút khối lượng dở dang đến mức thấp nhất... trên cơ sở đó mà nâng hiệu quả của tài sản và vốn đầu tư lên.

Chúng tôi đề nghị giao trách nhiệm cho các ngành, các địa phương, các xí nghiệp... phải nâng hiệu quả của tài sản cố định (làm ra thu nhập quốc dân bình quân) và tăng vòng quay vốn lưu động chí ít phải ngang với mức đã đạt được trước chiến tranh (1964-1965). Những xí nghiệp, cơ quan, ngành hoặc địa phương có những tài sản cố định không sử dụng hết, hoặc vật tư, thiết bị phụ tùng không sử dụng được phải nộp lại cho Nhà nước để huy động sử dụng. Phải cố gắng huy động được từ 25 đến 30% thiết bị vật tư, phụ tùng, thiết bị lẻ... còn ứ đọng vào xây dựng cơ bản và vào sản xuất, giảm bớt vốn phải đầu tư vào xây dựng cơ bản và giảm vốn lưu động ở các ngành. Phải cố gắng giảm đơn giá xây dựng cơ bản khoảng 10-15% trong xây lắp.

3- Tập trung sức giải quyết ăn khớp giữa tổ chức sản xuất nông nghiệp với chế biến nông sản, giữa kế hoạch sản xuất, nắm nông sản và cải tạo tiểu thủ công, giữa quản lý chuyên môn theo ngành với quản lý của địa phương, đẩy mạnh sản xuất những mặt hàng tiêu dùng bảo đảm nhu cầu cấp bách về sản xuất và đời sống của nhân dân, phục vụ xuất khẩu, mở rộng giao lưu giữa các ngành, giữa công và nông, ngư nghiệp; chú trọng những loại sản phẩm sản xuất với nguyên liệu trong nước, những sản phẩm mà các nhà máy sẵn có còn thừa công suất, những sản phẩm có khả năng và giá trị xuất khẩu cao... như vật liệu xây dựng, đồ dùng trong

nhà, các công cụ cầm tay, đường mía, giấy, mì chính, thuốc lá, chè, sắm lốp, phụ tùng xe đạp, rau quả để xuất khẩu...

Các ngành có trách nhiệm phải kết hợp chặt chẽ với các địa phương, có kế hoạch phát huy mạnh mẽ khả năng lao động, đất đai tại chỗ và công suất máy móc thiết bị sẵn có ở từng vùng, nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao nhất giải quyết tốt lợi ích chung với lợi ích riêng, yêu cầu của Trung ương với yêu cầu của địa phương, không để vì lợi ích cục bộ mà làm thiệt hại đến lợi ích chung (1 ha mía, thực hiện thâm canh, giống tốt, được đưa vào nhà máy hiện đại, có thể làm ra sản phẩm có ích gấp 5 lần 1 ha mía giống xấu, ép thủ công... Nếu kết hợp tốt thủ công với cơ giới, có thể làm tăng sản phẩm lên gấp bội). Đối với nhiều sản phẩm khác cũng vậy.

Chúng tôi đề nghị các địa phương và các ngành có kế hoạch tập trung sức, ngay trong năm 1978, đẩy mạnh sản xuất những mặt hàng, mà các địa phương có nhiều ưu thế lên gấp bội, không đợi đến năm 1980.

4- Tăng cường quản lý lao động tiền lương, gắn chặt kế hoạch lao động tiền lương trong từng xí nghiệp, từng địa phương, từng ngành với kế hoạch sản xuất, kế hoạch xây dựng, kế hoạch cung cấp nguyên liệu, vật liệu, kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, nhằm không ngừng tăng năng suất và hiệu quả lao động. Trước mắt, phải kiểm tra và xác định định mức hợp lý trong từng ngành, lấy đó làm căn cứ để soát lại và chấn chỉnh biện chế cho từng cơ sở, từng ngành, từng địa phương.

Một mặt khác, phải mở rộng việc trả lương theo sản phẩm, dựa trên những định mức đã được xác định lại, gắn việc quản lý tiền lương với trách nhiệm bảo đảm nhiệm vụ kế hoạch trong từng cơ sở sản xuất kinh doanh, làm cho tiền lương thể hiện tốt hơn nguyên tắc phân phối theo lao động.

Những công tác trên đây phải đi liền với việc bảo đảm cung cấp vật phẩm tiêu dùng cho công nhân viên chức, nhất là bảo đảm bữa ăn, đủ bù lại hao phí lao động và tái sản xuất sức lao động, đồng thời bố trí sắp xếp công việc kịp thời và thích

hợp cho những người có sức lao động dôi ra sau khi sắp xếp lại biên chế...

Bằng những biện pháp hết sức tích cực và kiên quyết, có thể tăng năng suất lao động xã hội nói chung và riêng trong khu vực kinh tế quốc doanh lên 10 - 15% hay hơn nữa, đẩy năng suất lao động của xã hội tăng nhanh hơn yêu cầu tiêu dùng.

5- Tăng cường công tác thu mua, nắm nguồn hàng tổ chức tốt việc phân phối, thực hiện một cách phổ biến hợp đồng hai chiều với các cơ sở sản xuất quản lý chặt chẽ thị trường, loại bỏ quan hệ giữa tư thương với các cơ sở sản xuất. Nhiều chỉ tiêu thu mua đề ra trong kế hoạch nhà nước tăng lên nhiều so với mức thực hiện trong năm 1977 và trước đây, tuy vậy vẫn chưa đủ cho nhu cầu phân phối trong nước và xuất khẩu. Tình hình ấy đòi hỏi phải nỗ lực sản xuất cao hơn, càng đòi hỏi phải tăng cường tổ chức và phân phối lên gấp bội. Làm tốt công tác này Nhà nước vừa bảo đảm một cách vững chắc cho sản xuất, bảo đảm phân phối vì lợi ích của nhân dân lao động và theo nguyên tắc xã hội chủ nghĩa, vừa thúc đẩy và phục vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa. Bất cứ một chế độ xã hội nào, muốn tồn tại và phát triển, phải nắm chắc sản xuất và phân phối trong tay của giai cấp lãnh đạo. Muốn làm tốt, phải kết hợp rất chặt chẽ giữa các ngành, phải có sự chỉ đạo có hiệu lực và kiên quyết của Đảng của Nhà nước, phải rất nhất trí trong Đảng, trong cán bộ, kết hợp chặt chẽ giữa việc xây dựng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa với việc cải tạo tư thương, quản lý thị trường và chống ăn cắp, chống xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa. Yêu cầu của sản xuất và đời sống nhân dân lao động, đòi hỏi Đảng và Nhà nước phải tập trung sức tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ về phương diện này.

6- Thực hành chính sách tiết kiệm nghiêm ngặt trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, đời sống... tăng cường quản lý kinh tế tài chính...

Từ một nền sản xuất nhỏ lén sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chúng ta thiếu những kinh nghiệm cần thiết về quản lý sản xuất kinh doanh, mà một người quản lý kinh tế phải biết. Hơn nữa, trong những năm chiến tranh chống Mỹ, vì yêu cầu chiến đấu, nhiều nguyên tắc, định mức và chế độ quản lý được xây dựng từ 1965 về trước, phần lớn bị phá vỡ. Ngày nay đi vào quản lý sản xuất kinh doanh trên quy mô và khối lượng lớn gấp hàng chục lần so với trước. Tình hình mới đòi hỏi phải quản lý rất chặt chẽ, trái lại theo đà bao cấp và dựa vào viện trợ bên ngoài, từ nhiều năm, vì vậy, tình trạng không tránh được là phổ biến trong các ngành, các cấp, các cơ sở là quản lý rất lỏng lẻo, trách nhiệm về kinh tế không rõ, lãng phí, tham ô xảy ra một cách phổ biến.

Chúng tôi đề nghị Trung ương và Chính phủ cho áp dụng chính sách tiết kiệm bắt buộc đối với từng cơ sở và tất cả các ngành, các địa phương. Bằng những biện pháp tăng năng suất lao động, tiết kiệm vật tư, vật liệu xây dựng, vật liệu tiêu dùng, giảm những khoản chi có tính chất hình thức phô trương... tiết kiệm cho được từ 5 đến 10% trong các quỹ tiêu dùng.

Bằng những biện pháp như trên và để bảo đảm cân đối của kế hoạch ngay từ trong việc tính toán, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1978 và chuẩn bị tốt cho những năm sau, bảo đảm cân đối tích cực về ngân sách nhà nước năm 1978, chúng tôi đề nghị: (xem Biểu 2)

1) Trên cơ sở tính toán chặt chẽ hơn các chỉ tiêu tổng hợp và các mặt cân đối của kế hoạch nhà nước, giao trách nhiệm cho các ngành, các địa phương và cơ sở, đẩy mạnh sản xuất, quản lý chặt chẽ thu mua phân phối, hết sức tiết kiệm trong sản xuất, kinh doanh phấn đấu tăng thu trong nước trên 22% so với năm 1977 đạt 7.000 triệu đồng.

Nguồn thu chủ yếu nêu là từ kinh tế quốc doanh, bằng

những biện pháp quản lý chặt chẽ lao động tiền lương, tiêu hao nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm, sử dụng một cách hợp lý công suất của thiết bị, phấn đấu tăng thu 25% so với năm 1977.

- Sản xuất công nghiệp tăng 25,6%
- Thương nghiệp tăng 20%
- Vận tải tăng 20%
- Ngoại thương tăng 33%.

Về thuế tập thể và cá thể, cần kết hợp thu thuế công thương nghiệp với cải tạo, kết hợp thu thuế nông nghiệp với chính sách lương thực và thu mua nông sản, phấn đấu tăng thu 24,4% so với 1977.

Số thu về viện trợ và vay chỉ bằng 90% năm 1977... *Tổng công số thu của ngân sách nhà nước 1978 đạt 10.700 triệu tăng 9,1% so với 1977.*

2) Về chi - Việc tính toán chi, phải căn cứ vào tổng số thu có thể thực hiện được, kể cả thu trong nước với tinh thần tích cực nhất và vay. Năm 1978 chúng ta phải chi thêm cho việc điều chỉnh giá nông sản và một số mặt hàng tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng hết 434 triệu, các khoản chi về quốc phòng an ninh chưa rút xuống được bao nhiêu mà còn có yêu cầu tăng thêm, chi về văn hoá xã hội tăng 300 triệu (10% so với 1977). Số thu về tiền vay không tăng lên, trong khi chúng ta phải chi 200 triệu để trả nợ ngân sách, 552 triệu để trả nợ ngân hàng cho nước ngoài (xem Biểu 3).

Tình hình trên đây cho thấy là không thể tăng vốn đầu tư xây dựng cơ bản với tốc độ nhanh được. Theo tính toán của kế hoạch tổng hợp yêu cầu của các ngành, các địa phương thì năm 1978 vốn đầu tư xây dựng cơ bản tăng 51% so với 1977, đó là một tốc độ quá lớn, trong điều kiện bình thường cũng không làm được, huống nữa hiện nay có nhiều mặt mặn cần đổi chưa giải quyết. Trong điều kiện ở các địa phương và các ngành đang có khoảng 4.400 triệu khối lượng xây dựng dở dang, riêng xây lắp trên 3.200 triệu, và phần rất lớn tài sản cố định chưa được huy động sử dụng hết công suất, hướng

đầu tư phải nhằm vào phát huy những khả năng đó. Chúng tôi đề nghị khống chế mức đầu tư xây dựng cơ bản trong phạm vi vốn vay và vốn trong nước có thể huy động được. Trong tình hình kinh tế 1978, tổng mức đầu tư không thể quá 5.000 triệu về khối lượng công trình, chiếm gần 50% ngân sách và tăng 25% so với năm 1977.

Phải tập trung sức huy động thiết bị, tiền vốn đã được cấp phát còn nằm trong kho, còn mắc kẹt, trong các công trình xây dựng dở dang... để đưa vào xây dựng, nhằm đưa nhanh một phần quan trọng các công trình vào sản xuất phục vụ.

3) Với mức phấn đấu tăng thu trong nước, và phân bổ các khoản chi như trên, thu chi ngân sách vẫn còn bội chi lớn. Chúng tôi đề nghị áp dụng những biện pháp tăng thu và tiết kiệm chi như sau:

- a) Đối với kiến thiết cơ bản, phải đi vào tính toán và quản lý chặt chẽ đơn giá, chí ít phải tiết kiệm 10% giá xây lắp.
- b) Đối với các ngành hành chính, sự nghiệp quốc phòng, an ninh... phải kiểm tra chặt chẽ cẩn cứ tính toán và quản lý chặt chẽ chi tiết kiệm từ 3 đến 5%.

c) Các lực lượng bộ đội xây dựng, phải có kế hoạch bố trí sản xuất, lao động, quản lý thu chi chặt chẽ bảo đảm trong năm 1978, thu đủ chi và cố gắng có phần để mở rộng sản xuất.

Những biện pháp trên đây là rất cần thiết và cấp bách để giải quyết một cách tích cực những mặt cân đối, đã kéo dài từ lâu và ngày càng nghiêm trọng hơn. Trên cơ sở tổ chức sản xuất và phát triển sản xuất, quản lý chặt chẽ việc phân phối sản phẩm, thực hành tiết kiệm một cách phổ biến, chúng ta mới có khả năng tạo ra giá trị thặng dư ngày càng lớn cho đời sống ngày càng cải thiện, để công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Từ hành chính bao cấp đi vào kinh doanh xã hội chủ nghĩa, trước hết phải hạch toán các mặt cân đối trong nền kinh tế, trong một đơn vị hợp tác xã, một xí nghiệp quốc

doanh, một địa phương, một ngành... quy luật kinh tế buộc ta phải hạch toán xem ta làm ăn đang khấm khá lên hay thua lỗ. Với các chủ trương và biện pháp như trên, với việc bố trí các chỉ tiêu của kế hoạch nhà nước 1978 một cách tích cực và vững chắc hơn, khai thác tốt hơn nữa năng lực sẵn có của nền kinh tế quốc dân - thì chúng ta có thể bảo đảm các mục tiêu chủ yếu của kế hoạch nhà nước 1978 với mức cân đối tài chính và tiền tệ hợp lý, chúng tôi kiến nghị ngân sách nhà nước 1978 như sau:

Tổng số thu ngân sách nhà nước 1978:	10.700 triệu (tăng 9,1%)
Trong đó: - <i>Thu trong nước</i>	7.000 triệu (tăng 22,8%)
- Thu nhập thuần tuý từ kinh tế quốc doanh	4.008 triệu (tăng 24,5%)
- Thuế tập thể, cá thể và tư doanh	930 triệu (tăng 24,4%)
- <i>Tiền vay nước ngoài</i>	3.700 triệu (bằng 90%)
Tổng số chi ngân sách nhà nước 1978:	10.990 triệu (tăng 8,8%)
Trong đó: - Cấp phát đầu tư xây dựng cơ bản	4.000 triệu bảo đảm khối lượng đầu tư 5.000 triệu
Phần ngân sách nhà nước	3.000 triệu
Phần Ngân hàng Nhà nước	1.000 triệu
- Hành chính sự nghiệp	3.264 triệu (tăng 10%)
- Bù giá	1.000 triệu (tăng 76%)
- Trả nợ	200 triệu
- Dự phòng	450 triệu
<i>Bội chi ngân sách nhà nước 1978:</i>	290 triệu
<i>Số bội chi tiền mặt ước thực hiện:</i>	300 - 350 triệu

Biểu 1. Dự kiến thu chi ngân sách năm 1978

Đơn vị: triệu đồng miền Bắc

	Uớc	Dự kiến năm 1978
--	-----	------------------

	thực hiện 1977	Tính theo chỉ tiêu UBKH ¹⁾ và yêu cầu của các ngành	Tính theo chỉ tiêu KH ²⁾ có yêu cầu chặt chè	Phương pháp kiến nghị			
				Triệu đồng	1978 1977	Triệu đồng	1978 1977
A - Tổng số thu	9.800	10.57	107,8	9.820	10.700	109,	
1. Thu trong nước	5.700	6.072	106,8	6.120	7.000	122,	
Thu nhập thuần tuý từ kinh tế quốc doanh	3.217	3.615	112,3	3.700	4.008	124,	
Thuế tập thể và tư doanh	747	908	121,5	908	930	5	
						124,	
						4	
Thu nhập thuần tuý khác	139	142	102,1	150	150	-	
2. Thu vay nợ nước ngoài	4.100	4.500	109,7	3.700	3.700	90%	
Trong đó: Chuyển cho Ngân hàng đầu tư dài hạn	1.100	1.500	-	1.000	1.000	-	
B- Tổng số chi	10.10	13.97	138,3	11.79	10.990	108,	
Trong đó:	4.050	5.880	145,1	4.800	4.000(-	

1. Cấp phát đầu tư XDCB ³⁾					1)	
Ngân sách cấp phát	2.950				3.000	3.000
Ngân hàng cho vay	1.100				1.500	1.000
2. Chi về vốn lưu động và dự trữ	712	483			186	186
3. Chi hành chính sự nghiệp	2.963	3.452	116,5	3.264	3.264	110,
4. Chi về bù giá	566	1.185	209,3	1.000	1.000	176,
5. Chi trả nợ	30	200		200	200	6
6. Dự phòng	39	450		450	450	
<i>Cân đối</i>	<i>-300</i>	<i>3.398</i>	<i>-</i>	<i>1.970</i>	<i>-290</i>	<i>-</i>

(1) Kiến nghị khôi lượng đầu tư năm 1978 từ 5.900 triệu xuống 5.000 triệu

Tài chính cấp phát 4.000 triệu để bảo đảm khôi lượng 5.000 triệu

**Biểu 2. Ngân sách nhà nước
Dự toán thu năm 1978
(Phương án kiến nghị)**

Đơn vị: triệu đồng miền Bắc

Nội dung các khoản THU	Thực hiện 1976	Ước 1977	Dự kiến 1978	1978 1977
Tổng số thu	9.208	9.800	10.700	109,1%
A- Thu trong nước	5.070	5.700	7.000	122,8
I- Thu từ kinh tế quốc	4.034	4.561	5.638	123,6

¹⁾ UBKH: Uỷ ban Kế hoạch (B.T).

²⁾ KH: kế hoạch (B.T).

³⁾ XDCB: xây dựng cơ bản (B.T).

<i>doanh</i>				
<i>1. Thu nhập thuần tuý</i>				
<i>tập trung</i>	2.842	3.217	4.008	124,5
- Ngành công nghiệp	1.432	1.862	2.339	125,6
- Ngành thương nghiệp	641	620	744	120,0
- Ngành cung tiêu	46	20	30	150,0
- Ngành vận tải	97	141	170	120,5
- Ngành tín dụng	104	77	114	148,0
- Các ngành khác	372	317	371	117,0
- Chênh lệch ngoại thương	150	180	240	133,3
<i>2. Thu về biện pháp giá</i>	-	-	450	-
<i>3. Khấu hao cơ bản và các khoản thu khác của xí nghiệp</i>	1.109	1.235	1.060	-
- Khấu hao cơ bản	537	717	920	128,3
- Biến giá tài sản cố định	12	20	40	-
- Hoàn vốn	507	498	100	-
<i>4. Thu sự nghiệp</i>	83	109	120	110,0
<i>II- Thu từ kinh tế tập thể và kinh tế tư doanh</i>	676	747	930	124,4
- Thuế công thương nghiệp	442	506	607	120,0
- Thuế nông nghiệp	234	241	323	134,0
<i>2- Chi chuyển dân đi vùng kinh tế</i>				
	80	90	112,5	
<i>3- Vốn lưu động cấp thêm</i>	208	170	81,7	
<i>4- Vốn dự trữ vượt định mức</i>	2	-	-	
<i>5- Vốn dự trữ thiết bị lẻ và phụ tùng</i>	497	-	-	
<i>6- Vốn dự trữ vật tư nhà nước</i>	5	16	-	
<i>7- Chi về sự nghiệp kinh tế</i>	685	790	115,3	
<i>8- Chi về nghiên cứu khoa học</i>	40	56	140,0	

<i>III- Thu khác</i>	360	392	432	110,2
B- Thu viện trợ và vay	4.138	4.100		
Trong đó: Chuyển cho Ngân hàng Nhà nước cho vay	-	+ 1.100t	3.700	90%

Biểu 3. Ngân sách nhà nước
Dự toán chi năm 1978

Đơn vị: triệu đồng miền Bắc

Nội dung các khoản CHI	Ước thực hiện 1977	Dự kiến 1978	<u>1978</u> <u>1977</u>
Tổng số chi	10.100	10.990	108,8
Trong đó:			
1- Cấp phát về đầu tư kinh tế - văn hoá	4.000(1) 4.050)	4.000(1) 4.050)	123,4(1) 123,4(1)
Trong đó:			
- Ngân hàng Nhà nước cho vay	1.100	1.000	

<i>9- Chi về đào tạo</i>	376	426	113,2
<i>10- Chi về sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hoá, xã hội</i>	1.162	1.330	114,4
Trong đó: - Giáo dục phổ thông	377	410	108,7
- Y tế	281	320	113,8
- Các sự nghiệp xã hội	428	500	116,8
<i>11- Chi về hành chính</i>	370	377	101,8
<i>12- Chi khác</i>	330	285	86,3
<i>13- Bù giá, bù lỗ</i>	566	1.000	176,6

- Bù giá gạo, thịt lợn	295	734	248,8
- Bù giá khác	271	266	98,1
14- Chi trả nợ	30	200	666,6
15- Dự bị phí	39	450	-

(1) Bảo đảm khối lượng 5.000 triệu.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Đề cương kết luận
của đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn
tại Hội nghị lần thứ ba
Ban Chấp hành Trung ương Khoá IV
(Từ ngày 6 đến ngày 16 tháng 12 năm 1977)***

Thưa các đồng chí Trung ương,

Hôm nay, Hội nghị Trung ương lần thứ ba kết thúc công việc, tôi xin trình bày bản kết luận của Bộ Chính trị để Trung ương xem xét.

Hơn hai năm qua, sau khi tiếng súng giải phóng đất nước vừa chấm dứt, được sự chỉ đạo kịp thời của các nghị quyết của Bộ Chính trị, đặc biệt của Nghị quyết lần thứ 24 của Ban Chấp hành Trung ương, nhân dân ta trên cả hai miền Nam Bắc đã dấy lên một khí thế mới: hàn gắn vết thương chiến tranh, cải tạo và phát triển kinh tế, văn hoá, ổn định và sắp xếp lại đời sống sau chiến tranh, chuẩn bị điều kiện để tiến lên xây dựng lại đất nước trên quy mô lớn. Nhưng cũng chính trong thời gian đó, nền kinh tế vốn còn thấp kém của nước ta đã trải qua những thử thách nghiêm trọng. *Một là*, thời tiết khắc nghiệt suốt mấy vụ liền trên cả nước đã làm giảm sút gần bốn triệu tấn lương thực, gây đảo lộn lớn trong đời sống nhân dân và trong nhiều hoạt động kinh tế của Nhà nước.

* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

Hai là, nạn thất nghiệp gồm mấy triệu người ở các thành thị miền Nam, sự cắt giảm đột ngột hàng tỷ đôla viện trợ đã đưa đến không biết bao nhiêu khó khăn cho sản xuất, đời sống và trật tự xã hội. *Ba là*, bản chất phản động và những thủ đoạn nham hiểm của bọn tư sản mại bản và các phần tử gian thương khác đã lợi dụng những thiếu sót của chúng ta trong công tác tiền tệ và quản lý hàng hoá, để vừa tích trữ hàng hoá, vừa nắm lấy một khối lượng lớn tiền tệ làm công cụ lũng đoạn thị trường, đầu cơ giá cả, gây rối cho việc quản lý của Nhà nước, tác động xấu đến lợi ích của quần chúng cơ bản. *Bốn là*, tuy chỉ có một số lượng ngoại tệ ít ỏi, nhưng chúng ta đã phải dành ra 700 triệu rúp và đôla để nhập xăng dầu nhiều gấp bảy lần số nhập lương thực, do đó đã hạn chế rất lớn việc nhập khẩu nguyên liệu, phụ tùng, phân bón và các vật tư khác, gây khó khăn cho việc ổn định sản xuất, bảo đảm việc làm của công nhân, cung cấp sản phẩm cho xã hội. Thêm vào đó, những khuyết điểm và sai lầm trong công tác tổ chức và quản lý kinh tế cùng những hậu quả nặng nề khác của chiến tranh, đã đặt chúng ta trước một tình hình kinh tế xã hội có nhiều mặt phức tạp. *Một mặt*, những nhân tố tích cực không ngừng nảy nở; những điển hình tốt tiêu biểu cho sự đi lên, không ngừng xuất hiện; nền kinh tế xã hội tiến triển từng bước vững chắc, cơ sở vật chất kỹ thuật được dần dần tăng cường; sự hiểu biết về kinh tế kỹ thuật cũng như năng lực lãnh đạo, quản lý kinh tế của Đảng, Nhà nước và đồng đảo cán bộ có sự trưởng thành nhất định. *Mặt khác*, sản xuất không đủ tiêu dùng, thu không đủ chi, xuất không đủ nhập; nhiều hoạt động kinh tế và nhiều mặt công tác trì trệ kéo dài; các hiện tượng tiêu cực có chiều hướng phát triển.

Tình hình đó đòi hỏi có sự đánh giá nhất trí về các mặt: ưu điểm, khuyết điểm cũng như nguyên nhân. Đồng thời yêu cầu chúng ta phải đề ra những *chủ trương, biện pháp cụ thể, thiết thực*, để nhanh chóng khắc phục những mặt yếu,

kém, hư hỏng, phát huy đến mức cao nhất những tiềm năng sẵn có.

Sự đánh giá đúng đắn tình hình có ý nghĩa rất quan trọng. Chúng ta khẳng định những thành tựu to lớn, những nhân tố tích cực trên mặt trận lao động sản xuất, nhưng không được quá say sưa trước những việc đã làm được. Chúng ta cần thấy rõ những khó khăn và thiếu sót trong sản xuất, trong quản lý kinh tế và quản lý xã hội, nhưng không được nôn nóng mất bình tĩnh, đi đến bi quan trước những hiện tượng tiêu cực, trì trệ.

Nhưng chúng ta đều biết, những vấn đề cơ bản về lý luận, quan điểm xây dựng nền kinh tế mới ở nước ta đã được giải quyết trong các Văn kiện của Đại hội IV. Tuy hiện nay có một số cán bộ chưa thật sự thấu hiểu và vận dụng tốt Nghị quyết của Đại hội, song muốn giải quyết tình hình đó, *chủ yếu phải thông qua thực tiễn*. Nghĩa là, phải bắt tay làm đi, phải vạch ra cho được những chính sách, biện pháp cụ thể để giải quyết rất cụ thể những vấn đề thực tiễn cụ thể, đạt được kết quả rõ rệt về từng mặt công tác, lấy đó làm cơ sở để giáo dục, giác ngộ cán bộ, làm cho toàn thể cán bộ, đảng viên nhất trí sâu sắc với đường lối của Đảng.

Với tinh thần đó, Hội nghị Trung ương lần này phải nêu lên những việc đã làm thành công, những tiến bộ đã đạt được, những vấp váp, sai lầm trong thực tiễn, những nguyên nhân cụ thể của các mặt trì trệ, tiêu cực, từ đó chỉ ra phương hướng, nhiệm vụ của năm 1978 và những biện pháp cấp bách có tác dụng làm chuyển biến tình hình trong thời gian ngắn nhất.

I- Tình hình kinh tế trước mắt

Trong hai năm qua, chúng ta đã làm được những việc gì để vừa khắc phục hậu quả của chiến tranh, những khó khăn

của nền kinh tế phụ thuộc, vừa tạo dần điều kiện để tiến lên xây dựng kinh tế trên quy mô lớn?

Về nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp đã có những chuyển biến rõ rệt theo hướng tổ chức lại sản xuất, bố trí lại mùa vụ; vừa tiếp tục đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, vừa khẩn trương phục hoá (50 vạn ha), khai hoang (30 vạn ha), phân bố lại lao động giữa các vùng. Sản xuất màu đã có chuyển biến bước đầu, nhất là ở các tỉnh Khu IV, Khu V cũ và một số tỉnh trung du, miền núi phía Bắc. Phong trào thuỷ lợi ở nhiều địa phương đã có tính chất quần chúng sâu rộng, được tiến hành theo một phương thức mới, thể hiện tốt sự kết hợp giữa Nhà nước với nhân dân, giữa trung ương với địa phương, cho phép đẩy nhanh tốc độ xây dựng gấp 2,3 lần so với tốc độ bình thường. Việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công tác giống, phòng trừ sâu bệnh và các biện pháp thâm canh khác đã hạn chế được một phần những khó khăn của thời tiết. ở miền Nam, các hình thức ban đầu của lối làm ăn tập thể đã hình thành phổ biến, nói lên tính chủ động, sáng tạo của các địa phương miền Nam trong việc vận dụng đường lối của Đảng về cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp.

Về công nghiệp, nhiều ngành đạt được kế hoạch sản xuất: than, thép, xi măng, gỗ, cơ khí trung ương... trong điều kiện có nhiều khó khăn về nguyên liệu, vật liệu, năng lượng và đời sống của công nhân. Một số mặt hàng mới về cơ khí bắt đầu được sản xuất, chứng minh khả năng tiềm tàng của ngành cơ khí nước ta. Nếu có hướng phát triển đúng, nhất là có tổ chức, quản lý tốt thì chắc chắn còn có thể làm ra sản phẩm nhiều hơn với chất lượng cao hơn. Khối lượng xây dựng cơ bản hàng năm tăng 30-40%, đã tăng cường đáng kể cơ sở vật chất kỹ thuật của các ngành kinh tế.

Trên cơ sở phát triển nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng cơ bản và các ngành văn hoá, xã hội, đã bảo đảm được việc làm cho hơn bốn triệu người, giải quyết được một bước nạo thắt nghiệp do chế độ cũ để lại, phân bổ được một phần lao động giữa các vùng.

Trong lúc đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, Nhà nước ta đã bằng nhiều biện pháp cấp bách, tích cực giải quyết tình hình thiếu lương thực ở nhiều vùng, bảo đảm không để xảy ra những đợt biến lớn, hạn chế một phần những khó khăn trong đời sống. Công tác văn hoá, giáo dục, y tế có nhiều tiến bộ; các tệ nạn xã hội ở miền Nam được khắc phục từng bước, thể hiện tính ưu việt của chế độ mới.

Tóm lại, trong hai năm qua, Đảng ta, Nhà nước ta và nhân dân ta đã cố gắng rất nhiều và đã giành được những thành tựu to lớn trong việc hàn gắn vết thương chiến tranh, phát triển sản xuất, ổn định dần đời sống nhân dân, giảm dần tình trạng phụ thuộc. Nền kinh tế quốc dân và toàn bộ đời sống xã hội vẫn *đang vững và có nhiều mặt phát triển khá* trong điều kiện không còn có sự viện trợ của bên ngoài (gần 2 tỷ đôla/năm). Đó là điều đáng phấn khởi, đáng tự hào! Đó là những cơ sở ban đầu chứng minh đường lối của Đảng rất đúng, khả năng phát triển của nền kinh tế nước ta rất lớn.

*

* *

Khó khăn và khuyết điểm:

1. *Cơ sở vật chất kỹ thuật yếu, không đồng bộ, còn thiếu rất nhiều cả trong công nghiệp và nông nghiệp; riêng trong giao thông vận tải, sự tàn phá của chiến tranh cùng những sự thiêng thốn về đường sá, phương tiện, nhiên liệu đang ảnh hưởng nghiêm trọng đến năng lực vận chuyển.* Song, *điều cần nhấn mạnh là số cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có đó chưa được sử dụng tối mức cần thiết.* Nói chung, thiết bị máy móc mới sử dụng được khoảng gần 1/2 công suất. Cơ khí có khả năng bảo đảm được một phần quan trọng phụ tùng, nhưng việc sản xuất phụ tùng chuyển biến rất chậm. Có hàng tỷ đồng thiết bị tồn kho chưa sử dụng. Đó là kết quả của những khuyết điểm kéo dài trong kế hoạch xây dựng, trong phân công, hiệp tác sản xuất, cung cấp vật tư, năng lượng, tổ chức quản lý của Nhà nước.

2. *Lao động* chưa đủ việc làm, chưa được tổ chức hợp lý; việc phân bổ lại lao động tiến hành không tích cực; công tác quản lý lao động rất lỏng lẻo, trong khu vực nhà nước cũng như trong khu vực hợp tác xã, mỗi người chỉ mới làm khoảng 5, 6 giờ/ngày. Kết quả là lãng phí sáu triệu lao động; năng suất lao động xã hội rất thấp, thấp đến mức làm không đủ ăn và không có tích luỹ. Đây là một tình trạng rất không bình thường, là một trong những nguyên nhân cơ bản của những khó khăn trước mắt trong kinh tế và đời sống, của những sự lộn xộn trong trật tự trị an xã hội.

3. *Sản xuất* phát triển chậm, có mặt trì trệ. Khó khăn nổi bật là thiếu lương thực, thiếu hàng tiêu dùng; giao thông vận tải quá lạc hậu so với yêu cầu vận chuyển; xây dựng cơ bản kéo dài, chậm phát huy hiệu quả công trình; xuất khẩu không bảo đảm yêu cầu nhập khẩu. Năm 1977, thu nhập quốc dân chỉ tăng 2,2% trong khi dân số tăng 2,6%.

- Về *lương thực*, hụt gần bốn triệu tấn so với kế hoạch. Nguyên nhân là do có khó khăn về thời tiết, do chưa tập trung lực lượng đúng mức cho sản xuất lương thực thực phẩm, do có những khuyết điểm trong chỉ đạo thời vụ, giống má... Tình hình lương thực vừa qua càng chứng minh rằng: vừa phải đẩy mạnh thâm canh lúa, vừa phải hết sức coi trọng màu. Các tỉnh miền Trung sở dĩ vượt qua được tình trạng thiếu lương thực, một phần rất quan trọng là nhờ phát triển màu.

- Sản xuất *hang tiêu dùng*, về số lượng cũng như chất lượng và chủng loại mặt hàng, đều không hoàn thành kế hoạch, ảnh hưởng nhiều đến đời sống nhân dân, có tác động xấu đến lưu thông, cân đối tiền hàng, quản lý thị trường. Nguyên nhân chủ yếu là những khuyết điểm về tổ chức chỉ đạo: chậm sáp xếp lại các ngành sản xuất hàng tiêu dùng, không coi trọng lực lượng tiêu thủ công nghiệp, không tích cực khai thác các nguồn nguyên liệu sẵn có trong nước, không kịp thời phân cấp cho các địa phương.

- Về *giao thông vận tải*, các kế hoạch vận chuyển quan trọng đều thực hiện với mức thấp; việc tiếp nhận hàng nhập khẩu ở cảng Hải Phòng chậm tiến bộ. Trong chín tháng vừa qua, bình quân một tháng chỉ tiếp nhận được 14,2 vạn tấn, thấp hơn cả mức đã thực hiện trong thời kỳ chiến tranh. Việc trì trệ ở cảng Hải Phòng là vấn đề nghiêm trọng kéo dài mấy năm nay, tác động xấu đến kế hoạch sản xuất, xây dựng và bảo đảm đời sống, ảnh hưởng không tốt đến giao dịch ngoại thương của nước ta.

- Về *xây dựng cơ bản*, kế hoạch bố trí phân tán; số vốn đầu tư năm nay ước thực hiện 3,7 tỷ, nhưng công trình dở dang chiếm trên 2 tỷ đồng. Trong 128 công trình trên hạn ngạch ghi kế hoạch phải hoàn thành trong năm, chỉ có 15 công trình hoàn thành. Việc quản lý xây dựng cơ bản còn nhiều sơ hở, chất lượng công trình thấp, giá thành đất, lực lượng xây dựng sử dụng lãng phí (bình quân làm bốn ngày nghỉ một ngày).

4. Về *lưu thông phân phối* (giá cả, thị trường, tiền tệ, phân phối...) có nhiều mặt không hợp lý, có những bộ phận bị đảo lộn lớn, gây khó khăn, trở ngại cho sản xuất và đời sống. Hợp đồng hai chiều, phương thức thu mua chủ yếu, không được thực hiện tốt, thậm chí hoàn toàn không thực hiện. Giá cả chậm điều chỉnh, không bảo đảm yêu cầu khuyến khích sản xuất. Thị trường bất hợp pháp có chiều hướng phát triển. Nguyên tắc phân phối bị vi phạm: người làm ăn phi pháp có thu nhập cao, người lao động trung thực thì đời sống khó khăn.

Những khó khăn và khuyết điểm trên đây có những nguyên nhân sâu xa, đòi hỏi phải có thời gian và điều kiện mới giải quyết được một cách triệt để. Song, tình trạng sản xuất trì trệ kéo dài, lãng phí nghiêm trọng lao động, thiết bị, máy móc, tổ chức quản lý không tốt, sự kém hiệu lực, thậm chí bất lực của bộ máy nhà nước, v.v. phải nghiêm khắc thửa

nhận rằng: đó là hậu quả của những *khuyết điểm chủ quan* sau đây:

1- *Không nắm vững và quán triệt sâu sắc vào thực tiễn đường lối phát triển kinh tế* trong giai đoạn trước mắt là: tập trung sức phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; nắm vững hai cái vốn quý nhất của nước ta lúc này là lao động và đất đai, rừng, biển; tích cực phát triển cơ khí, năng lượng... nhằm phục vụ trước hết cho nông nghiệp; kết hợp đúng đắn kinh tế trung ương với kinh tế địa phương, tạo điều kiện cho các địa phương phát huy hết mọi khả năng; đẩy mạnh cải tạo kết hợp với xây dựng, để sớm xoá bỏ tư sản thương nghiệp, xây dựng thương nghiệp quốc doanh phát triển sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

2- Công tác tổ chức, quản lý kinh tế chậm được cải tiến

Những *thủ tục, thể lệ* bất hợp lý không được sửa đổi, hạn chế tính tích cực, sáng tạo của các ngành, nhất là các cấp địa phương. Chính phủ chưa phân công, phân nhiệm đúng mức cho các bộ, các ngành. Các cơ quan trung ương ôm đodom quá nhiều việc, không phân công, phân cấp cho địa phương. Do đó, những việc lớn không có người lo, nhiều việc nhỏ kéo dài hàng năm, không được giải quyết kịp thời.

Về mặt *chính sách*, khuyết điểm biểu hiện ở chỗ: không đồng bộ, cái này mâu thuẫn với cái kia; không kịp thời cụ thể hoá đường lối chung, thậm chí có một số chính sách trái với tinh thần của đường lối chung; nhiều chính sách lạc hậu, không phù hợp với tình hình mới, không được kịp thời điều chỉnh, bổ sung. Điều đáng chú ý là những khuyết điểm, thiếu sót trong lĩnh vực chính sách, thủ tục đã được nêu ra từ lâu, đã có quyết định cần sửa đổi; nhưng việc thực hiện hết sức chậm chạp, biểu hiện thái độ bảo thủ, trì trệ.

Công tác *kế hoạch hoá* làm theo đường mòn, rập khuôn kinh nghiệm nước ngoài, không thể hiện đầy đủ đường lối kinh tế của Đảng. Việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch giảm chân tại chỗ, có mặt còn lỏng lẻo hơn những năm trước.

Chế độ trách nhiệm và kỷ luật nhà nước lỏng lẻo, pháp luật bị coi thường. Năm vừa qua, không thiếu những việc trì trệ hoặc làm sai hỏng mà không được xem xét trách nhiệm như: tình trạng tiếp nhận, vận chuyển chậm chạp hàng nhập khẩu; tình trạng ăn cắp, móc ngoặc trong ngành nội thương, vật tư; việc ngành điện không quản lý chặt chẽ để cho nhiều nơi thiếu điện sản xuất, trong khi đó lại cung cấp quá mức ở nơi khác. Việc kiểm tra, thanh tra không được chú trọng, nên không có kết luận rõ ràng về trách nhiệm người thừa hành. Tình trạng xuê xoa, nể nang, ngại "va chạm", tác phong quan liêu, đại khái khá nghiêm trọng.

Nhiều *bộ máy* quản lý xộc xệch, không đủ năng lực quản lý, không tương xứng với nhiệm vụ, không được kịp thời kiện toàn, củng cố. Việc tổ chức bộ máy quản lý kinh tế không theo đúng nội dung, đặc điểm của kinh tế, kỹ thuật, lại cho lối hành chính, quan liêu với số biên chế ngày càng lớn. Cấp trung gian nhiều; thích nói chủ trương chung, ít giải quyết việc cụ thể. Làm việc nhiều giấy tờ, qua nhiều cửa, ai cũng tự cho mình có quyền, nhưng không ai chịu trách nhiệm rõ ràng, chờ đợi nhau, sinh ra trì trệ.

Công tác *cán bộ*, công tác *tư tưởng* không bão dảm được nhiệm vụ kinh tế, không sát sản xuất. Nhiều cán bộ kém năng lực, kém tinh thần trách nhiệm không được thay thế kịp thời. Công tác tư tưởng thiếu tính chiến đấu sắc bén, kịp thời.

Những khuyết điểm và thiếu sót nói trên, tồn tại phổ biến ở nhiều ngành, nhiều cấp, nhưng *trước hết ở cấp trung ương*. Vì vậy, việc cải tiến, sửa chữa phải được tiến hành đều khắp trong các ngành, các cấp, nhưng trước hết ở các ngành trung ương từ bên Đảng cho đến bên Nhà nước.

Tình hình có những mặt nghiêm trọng. Nhưng không nên bi quan, dao động, mà phải nhận rõ khả năng thực tế là ta có thể đưa nền kinh tế tiến lên mạnh mẽ, vì năng lực máy móc, thiết bị, phương tiện chỉ mới sử dụng 1/2; đất đai, rừng, biển chưa sử dụng bao nhiêu; năng suất lao động xã hội chỉ mới phát huy 1/2. Khả năng tiềm tàng, quả thực còn rất lớn! Chỉ cần chúng ta kiên quyết khắc phục những mặt kém cỏi, những khuyết điểm được nêu ra trong Hội nghị này - và đó là điều hoàn toàn có thể làm được - thì nhất định chúng ta có thể, trong một thời gian ngắn, làm chuyển biến tình hình, đẩy mạnh được sản xuất, cải tiến được lưu thông phân phối, ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân, xoá bỏ tận gốc mọi hiện tượng tiêu cực, xấu xa đương đục khoét cơ thể lành mạnh của chế độ chúng ta.

II- Nhiệm vụ kinh tế năm 1978

Hai năm qua, các mục tiêu của kế hoạch 5 năm do Đại hội quyết định, thực hiện chưa được nhiều (mới đạt gần 1/3). Vì vậy, kế hoạch năm 1978 có vai trò hết sức quan trọng, nó vừa phải hoàn thành một phần nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm, vừa phải tạo tiền đề cho hai năm 1979 và 1980 tiến lên hoàn thành kế hoạch 5 năm. Muốn vậy, trong năm 1978, phải thật sự tạo ra chuyển biến lớn về hai mặt:

- a) Tận dụng lao động, đất đai, rừng, biển và các cơ sở vật chất hiện có để làm ra nhiều giá trị sử dụng.
- b) Cải tiến mạnh mẽ công tác tổ chức, quản lý kinh tế và kế hoạch hoá, khắc phục những thiếu sót và trì trệ kéo dài, tạo ra một phong trào cách mạng thực sự có tính chất quần chúng của nhân dân lao động làm chủ tập thể, đẩy lùi và thanh toán các hiện tượng tiêu cực.

Hai sự chuyển biến trên đây liên quan chặt chẽ với nhau và quyết định lẫn nhau. Nói đúng hơn, về thực chất, đây là một sự chuyển biến thống nhất bao gồm hai mặt từ quan điểm chiến lược đến chỉ đạo thực hiện, từ chủ trương đến biện pháp và việc làm.

Trong bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ, khi mà cơ sở vật chất kỹ thuật còn thấp kém, năng lực công nghiệp còn hạn chế, tình trạng phụ thuộc còn nặng nề, muốn thực hiện hai nhiệm vụ kinh tế cơ bản: bảo đảm đời sống nhân dân và tiến hành tích luỹ để công nghiệp hóa, thì vấn đề đặt ra là phải bằng mọi cách sử dụng hết mọi nguồn lao động xã hội, khai thác tốt nhất những tài nguyên đất đai, rừng, biển và các tư liệu sản xuất khác hiện có, trong phạm vi cả nước cũng như trong từng địa phương, từng cơ sở, để tạo ra nhiều của cải vật chất cho xã hội. Đó là cách đi hợp lý nhất, vì nó cho phép phát huy được *thể mạnh* của nền kinh tế, giải quyết được khâu yếu nhất và chỗ mất cân đối lớn nhất của nền kinh tế, *giành lấy thể chủ động* để tiến lên.

Để thực hiện những điều nói trên, cần phải:

Một là, trong phương hướng sản xuất và bố trí kế hoạch kinh tế, phải lấy việc tận dụng lao động, phân công lại lao động nhằm đạt năng suất ngày càng cao làm nội dung quan trọng

hàng đầu; phải xuất phát từ việc khai thác tài nguyên đất đai, rừng biển, từ việc tận dụng những thiết bị, máy móc hiện có, từ việc tạo tiền đề công nghệ để đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Hai là, đi đôi với việc quản lý thống nhất những vấn đề kinh tế có tính chiến lược, phải giao đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm cho các địa phương, phải ra sức phát triển kinh tế địa phương đi đôi với xây dựng kinh tế trung ương. Một sự quản lý tập trung quá mức, hạn chế sáng kiến và tính chủ động của các địa phương, gây tâm lý ỷ lại của các địa phương, không tránh khỏi dẫn tới chở lảng phí lao động, ruộng đất, rừng, biển, hạn chế khả năng sản xuất của cải, hạn chế việc thoả mãn nhu cầu đời sống và tích tụ vốn cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, phải đẩy mạnh việc xây dựng huyện, có phương án tốt nhất để sử dụng lao động và đất đai trên từng huyện; tổ chức điều hành lao động trên quy mô toàn tỉnh, toàn huyện đi đôi với tổ chức và phân công lại lao động ở hợp tác xã, xí nghiệp, nông trường, công trường...

Ba là, phải đi sâu vào công tác tổ chức, quản lý lao động, xây dựng và hoàn thiện không ngừng các tiêu chuẩn, định mức; phải củng cố kỷ luật lao động, đấu tranh kiên quyết với mọi biểu hiện chây lười, làm dối, làm ẩu. Phát động trong cả nước, từ nông thôn đến thành thị, từ ngoài quần chúng đến các cơ quan nhà nước, một phong trào lao động có tính chất cách mạng với khẩu hiệu "Mọi người phải lao động, lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất ngày càng cao".

Trên cơ sở của những sự chuyển biến về các mặt nói trên, trong năm 1978, phải phấn đấu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ về phát triển nông nghiệp một cách toàn diện, từ lương thực, thực phẩm cho đến chăn nuôi, cây công nghiệp đã

đề ra trong kế hoạch. Phải tập trung sức đẩy mạnh sản xuất lương thực, tích cực phát triển chế biến để tăng nhanh sản lượng màu nhằm đạt 16,5 triệu tấn trong năm 1978. Từng địa phương, dựa trên kế hoạch chung của trung ương, phải đặt kế hoạch sản xuất lương thực nhằm tạo sự cân đối về lương thực trên địa bàn từng địa phương, đồng thời hết sức cố gắng góp phần của mình vào quỹ lương thực chung của cả nước. Xét tình hình đất đai và phương hướng sản xuất lương thực, thực phẩm như Nghị quyết Trung ương lần thứ hai đề ra, thì rõ ràng là tất cả các địa phương, trừ mấy thành phố lớn, đều phải và có thể tự bảo đảm được lương thực cho mình. Vì vậy, phải sớm chấm dứt tình trạng tinh nông nghiệp lại đi xin lương thực của trung ương, phải phấn đấu ngày càng có nhiều tinh đóng góp lương thực cho trung ương, và những tinh đã từng làm nghĩa vụ lương thực thì phải phấn đấu nâng cao mức đóng góp hơn nữa. Như thế hoàn toàn không có nghĩa là đi vào tự túc lương thực một cách hẹp hòi, hạn chế sự phát triển của chăn nuôi, cây công nghiệp, nghề rừng, nghề cá... Vấn đề là cần tiến hành phân vùng, quy hoạch cụ thể, nhằm bảo đảm chuyên canh trên quy mô lớn và thâm canh ngày càng cao theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Vùng nào sản xuất lương thực, phải gắng sức đạt sản lượng cao nhất, để không những bảo đảm được nhu cầu lương thực trong vùng mà còn trở thành vùng lương thực hàng hoá quan trọng của cả nước. Còn những vùng chuyên canh cây công nghiệp, nhất là cây công nghiệp xuất khẩu, phải được Nhà nước cung cấp lương thực đầy đủ.

Phát triển sản xuất hàng tiêu dùng là một mục tiêu quan trọng của năm 1978 và các năm tới, để có hàng hoá cung cấp cho nhân dân, trao đổi hai chiều với nông dân và tăng thêm nguồn xuất khẩu. Kiên quyết không để thiếu những hàng tiêu dùng thông dụng phục vụ nhu cầu hàng ngày của nhân dân. Muốn thế, các ngành có quan hệ với sản xuất hàng tiêu dùng phải cùng với các địa phương tiến hành quy hoạch, sắp xếp, mở rộng các cơ sở sản xuất hàng tiêu dùng, phân cấp rõ

rệt quyền hạn và trách nhiệm giữa trung ương và địa phương, *tích cực khai thác, sử dụng các nguồn nguyên liệu trong nước*, đồng thời phải biết tiến hành xuất nhập, tranh thủ khả năng gia công xuất khẩu để tạo thêm nguyên liệu. Phải nắm chắc lực lượng tiểu, thủ công nghiệp hiện có để có kế hoạch sử dụng triệt để; phát triển mạnh các ngành nghề thủ công ở trong hợp tác xã và trên từng huyện. Đây là những khả năng rất lớn mà chúng ta hoàn toàn có thể biến thành hiện thực.

Để phục vụ đắc lực cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, phải rất coi trọng cơ khí và các ngành năng lượng. *Cơ khí* phải vươn lên cung cấp đầy đủ công cụ cho các loại lao động, phải đẩy mạnh sản xuất phụ tùng và năng lực sửa chữa, để nâng cao việc lợi dụng công suất máy móc, thiết bị. Phải tăng nhanh tốc độ thi công, để sớm đưa vào sử dụng các nhà máy cơ khí hiện đang xây dựng dở dang. Điều hoà nguồn điện đến những vùng thiếu điện như Nghệ Tĩnh, Bình Trị Thiên, Quảng Nam, Đà Nẵng, quản lý tốt việc vận hành, phân phối và sử dụng điện một cách hợp lý và tiết kiệm, đồng thời khẩn trương chuẩn bị, để có thể sớm khởi công xây dựng các công trình điện lực lớn đã ký kết. Đó là yêu cầu cấp bách của năm 1978. Ngành than phải phối hợp với ngành nông nghiệp và giao thông, đưa về nông thôn hàng triệu tấn than phục vụ nhu cầu thâm canh sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn.

Về *giao thông vận tải*, một mặt phải đầu tư thích đáng để mở rộng mảng lưới, nâng cấp mặt đường và tăng thêm phương tiện vận tải. Mặt khác, phải ra sức cải tiến tổ chức, quản lý, khắc phục những thiếu sót, non kém, để hợp lý hoá việc vận tải, sớm đạt và vượt các định mức và năng suất trước chiến tranh, bảo đảm hoàn thành kế hoạch vận chuyển, nhất là vận chuyển Bắc Nam. Đặc biệt phải tập trung sức để trong một thời gian ngắn, chấm dứt tình trạng trì trệ trong việc tiếp nhận hàng ở cảng Hải Phòng.

Gấp rút chấn chỉnh và tăng cường công tác *lưu thông phân phối* nhằm phục vụ đắc lực cho sản xuất và đời sống, loại trừ các tệ nạn làm ăn phi pháp.

Phải làm tốt *hợp đồng hai chiều*, xây dựng mối quan hệ trực tiếp giữa Nhà nước với nông dân và tiểu, thủ công nghiệp, nhằm tập trung các nguồn hàng vào tay Nhà nước, để phân phối có kế hoạch, hạn chế thị trường tự do, chống đầu cơ tích trữ.

Ban hành sớm chính sách *giá* mới, tiếp tục nghiên cứu để hoàn chỉnh hệ thống giá cả và cải cách tiền lương nhằm phát huy tác dụng kích thích, điều tiết của giá cả và tiền lương.

Trong tình hình hàng hoá chưa cân đối được với nhu cầu, phải ưu tiên *phân phối* cho người lao động sản xuất, trước hết bảo đảm đời sống của một triệu công nhân công nghiệp. Phải cải tiến chế độ, tiêu chuẩn phân phối, bảo đảm công bằng hợp lý; kiên quyết trừ bỏ tệ ăn cắp, móc ngoặc. Các cơ quan nội thương, vật tư, giao thông vận tải phải cùng với Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Phụ nữ và các cơ quan chuyên chính của Nhà nước, đặt một chương trình hành động cụ thể nhằm chặn đứng các tệ nạn xấu xa đang có chiều hướng phát triển.

Việc *cải tạo xã hội chủ nghĩa* ở miền Nam, trong năm 1978 phải đạt cho được các yêu cầu chủ yếu sau đây:

- Xoá bỏ tư sản thương nghiệp; sắp xếp lại tiểu thương, chuyển một bộ phận sang sản xuất; xây dựng thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã đủ sức nắm vững đại bộ phận hàng hoá trong xã hội tiến hành phân phối một cách có tổ chức, có kế hoạch đến tận tay người tiêu dùng với giá cả ổn định.
- Cải tạo và tổ chức lại một bước tiểu, thủ công nghiệp và công nghiệp tư nhân nhằm phát huy hết năng lực sản xuất,

loại trừ những lề thói tiêu cực như làm hàng gian dối, ăn cắp nguyên liệu, tuồn hàng ra thị trường tự do.

- Nhanh chóng hoàn thành việc xoá bỏ triệt để các tàn tích bóc lột phong kiến; đẩy mạnh phong trào đổi công, tập đoàn sản xuất; tiến hành thí điểm xây dựng hợp tác xã kết hợp với xây dựng huyệ, tích cực chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết như đào tạo cán bộ, xây dựng huyệ... để mở rộng phong trào hợp tác hoá trong thời gian tới.

Thưa các đồng chí,

Trong Hội nghị này, các đồng chí Trung ương đã phát biểu nhiều ý kiến quan trọng, nêu lên những việc làm thành công, những kinh nghiệm hay của các ngành, các địa phương, đồng thời cũng phê phán nghiêm khắc những thiếu sót, sai lầm trong thực tiễn, nhất là trong lĩnh vực tổ chức, quản lý, điều hành cụ thể. Bộ Chính trị đề nghị:

- Các ngành, các cấp sau Hội nghị này, phải kiểm điểm sâu sắc mọi mặt công tác của mình, đề ra những *bíen pháp cụ thể, thiết thực* để giải quyết những vấn đề đặt ra cho ngành mình, cấp mình.
- Về chỉ tiêu kinh tế, tạm thời chấp nhận những đề nghị của Uỷ ban Kế hoạch được trình bày trong báo cáo của đồng chí Lê Thanh Nghị. Nhưng trong quá trình thực hiện, phải cố gắng hết sức vượt các chỉ tiêu đó từ sản xuất cho đến thu mua, từ bảo đảm đời sống trước mắt của nhân dân cho đến việc chuẩn bị xây dựng lớn trong kế hoạch sau.
- Đối với những đề nghị của các đồng chí về cải tiến tổ chức, quản lý, về điều chỉnh một số chỉ tiêu đầu tư, sau đây Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Hội đồng Chính phủ sẽ xem xét và giải quyết.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Nghị quyết
Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành
Trung ương Đảng (khoá IV)**

Số 06-NQ/TW, ngày 7 tháng 1 năm 1978*

Về nhiệm vụ kinh tế năm 1978

I- Về tình hình kinh tế qua hai năm 1976-1977

Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đang thúc đẩy mạnh mẽ mọi mặt hoạt động sản xuất và công tác. Qua hai năm thực hiện kế hoạch 5 năm 1976-1980, tình hình kinh tế bước đầu có chuyển biến tốt, có những nhân tố tích cực mới xuất hiện, cho thấy thêm những khả năng mới để vượt qua khó khăn và đưa sản xuất tiến lên mạnh mẽ. Nổi bật nhất là khí thế cách mạng của quần chúng làm thuỷ lợi và phục hoà, khai hoang, thâm canh và tăng vụ. Tổng diện tích gieo trồng tăng thêm một triệu hécta. Sản xuất nông nghiệp năm 1976 tăng 10,2% so với năm 1975; thời tiết năm 1977 rất khắc nghiệt nhưng diện tích gieo trồng vẫn tăng,

* Để tiện theo dõi các Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương (khoá IV), chúng tôi đưa Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Trung ương vào tập này (B.T).

màu phát triển khá. Công nghiệp cố gắng phục vụ nông nghiệp, có một số mặt hàng mới về cơ khí; giá trị tổng sản lượng công nghiệp trong hai năm qua, mỗi năm tăng 12-13%. Công cuộc phát triển sản xuất và xây dựng trong hai năm qua đã thu hút khoảng 4 triệu lao động vào các ngành kinh tế và văn hoá; đã đưa nửa triệu lao động với một triệu nhân khẩu ở thành thị và vùng đồng dân đi xây dựng các vùng kinh tế mới, giải quyết một phần nựcn thất nghiệp ở các thành thị miền Nam, bước đầu phân bố lại lao động và tổ chức lại sản xuất trên quy mô cả nước. Về đời sống nhân dân, tuy còn nhiều khó khăn do thiên tai, nhưng ta đã tích cực giải quyết tình trạng khẩn trương về lương thực bằng những biện pháp cấp bách. Vươn lên trong khó khăn, nhân dân và quân đội ta trong cả nước đã chủ động, sáng tạo lập được những thành tích bước đầu có ý nghĩa quan trọng, mở ra triển vọng tiến lên cho những năm sau. Một số huyện, qua việc tổ chức lại sản xuất và đời sống, thực hiện phân công lại lao động, điều hành lao động trên địa bàn huyện, đã làm được một số công việc lớn trong một thời gian ngắn, tạo điều kiện thuận lợi để phát huy tác dụng của ba cuộc cách mạng, từng bước đưa nông nghiệp đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và xây dựng nông thôn xã hội chủ nghĩa. Việc chế tạo thủ và sản xuất trong nước một số thiết bị, máy móc, nguyên liệu, vật liệu trước đây vẫn phải nhập của nước ngoài, những cố gắng của hàng chục vạn chiến sĩ quân đội nhân dân làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế cũng là những nhân tố tích cực trong công cuộc xây dựng kinh tế của nước ta.

Trong điều kiện nền kinh tế sau chiến tranh có nhiều khó khăn và chưa ổn định, miền Bắc lại gặp thiên tai lớn, những thắng lợi và những nhân tố tích cực trong sản xuất và xây dựng nói trên là rất quý. Đó là xu thế chủ yếu của sự nghiệp xây dựng nước nhà. Song những kết quả và tiến bộ đạt được trong hai năm qua còn thấp so với yêu cầu và tiềm lực của nền kinh tế quốc dân.

Việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế trong hai năm 1976-1977 mới thực hiện được 25% mức dự kiến về khối lượng xây lắp của kế hoạch 5 năm. Khối lượng công tác thuỷ lợi, khai hoang và trồng rừng còn lại trong ba năm tới rất nặng. Hầu hết công trình công nghiệp, giao thông đều không thực hiện đúng tiến độ thi công và thời hạn đưa vào sử dụng. Tình trạng xây dựng kéo dài và phân tán làm cho hiệu quả của vốn đầu tư càng giảm sút và nền kinh tế chậm có thêm cơ sở sản xuất mới để tăng nhanh tổng sản phẩm xã hội. Giao thông vận tải vẫn là khâu rất yếu làm trở ngại lớn đến sản xuất, xây dựng và giao lưu kinh tế giữa các vùng, giữa trong nước và ngoài nước. Sản xuất phát triển chậm, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam tiến hành chậm, tổ chức lưu thông phân phối lại có nhiều khuyết điểm càng làm cho giá cả, thị trường, tiền tệ biến động, tác động tiêu cực đến sản xuất và đời sống.

Nhìn chung, tiềm lực kinh tế cả nước khá lớn, số dân tăng nhanh, nhưng sản phẩm xã hội tăng chậm. Điều đáng quan tâm nhất là: năng suất lao động xã hội rất thấp, *lực lượng lao động dồi dào của xã hội chưa được dùng hết, trong khi đất, rừng, biển và các tài nguyên khác chưa được khai thác tốt, cơ sở vật chất - kỹ thuật đã có chưa được tận dụng có hiệu quả*. Những khuyết điểm kéo dài trong khâu tổ chức quản lý kinh tế và chỉ đạo thực hiện, từ các cơ quan ở trung ương, các địa phương đến các đơn vị cơ sở, vẫn chậm được sửa chữa.

Các ngành, các cấp chưa nhận thức đầy đủ và vận dụng tốt Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương Đảng vào công tác xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện kế hoạch. Trước hết là chưa nắm chắc nguồn lao động xã hội dồi dào và các năng lực sản xuất hiện có để khai thác tốt đất đai, rừng, biển và các tài nguyên khác của nước ta. Chưa thật sự tập trung cao độ lực lượng của toàn Đảng, toàn dân, các ngành, các cấp đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất

lương thực; còn xem nhẹ sản xuất và chế biến màu. Tinh thần tự lực, tự cường chưa cao, tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào bên ngoài và bên trên còn nặng. Nhiều ngành ở trung ương, nhiều địa phương và đơn vị cơ sở chưa ra sức khai thác nguồn nguyên liệu, vật liệu trong nước, tự sản xuất lấy máy móc, thiết bị và phụ tùng để thay thế hàng nhập khẩu, chưa chú ý thu hồi và sử dụng phế liệu, phế phẩm để sản xuất và tăng thêm của cải vật chất. Chưa tích cực tổ chức khai thác tốt các khả năng xuất khẩu.

Việc cải tiến quản lý kinh tế và thống nhất quản lý trong cả nước thực hiện chậm trễ, nghiên cứu cải tiến chậm và thiếu cu thể, thi hành những điều đã quyết định không nghiêm chỉnh, không đến nơi đến chốn.

Các ngành, các địa phương, các đơn vị cơ sở chưa hạch toán chặt chẽ và kiểm kê, kiểm soát thường xuyên các chi phí về lao động, vật tư, thiết bị, vốn đầu tư, nhằm sử dụng tiết kiệm với hiệu quả kinh tế cao; chưa coi trọng các chỉ tiêu chất lượng. Cho đến nay, nhiều ngành, nhiều đơn vị vẫn chưa đạt được mức chỉ tiêu về năng suất lao động, hiệu suất sử dụng máy móc, thiết bị, tiêu hao vật tư như trước chiến tranh.

Các chính sách và chế độ quản lý kinh tế chưa được chấp hành đầy đủ. Pháp chế kinh tế còn thiếu nhiều và không được tôn trọng. Việc thực hiện hợp đồng kinh tế còn lỏng lẻo. Một số chính sách và chế độ quản lý không phù hợp với thực tế chậm được sửa đổi, bổ sung. Công tác xây dựng và thực hiện các tiêu chuẩn, định mức về kinh tế, kỹ thuật bị buông lỏng.

Chức năng chỉ đạo, quản lý theo ngành và theo cấp đều không được thực hiện tốt. Quan hệ về phân công, phân cấp quản lý giữa trung ương, địa phương và cơ sở, giữa các ngành trung ương, giữa cấp tỉnh, cấp huyện còn có nhiều vướng mắc chưa được giải quyết đúng đắn và kịp thời.

Bộ máy quản lý nhà nước, quản lý kinh tế công kềnh, kém hiệu lực, chưa thật sự phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Chế độ trách nhiệm không rõ, chế độ làm việc và kỷ luật không nghiêm, thiếu kiên quyết đấu tranh loại trừ những hiện tượng tiêu cực trong công tác quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, văn hóa và trong đời sống xã hội. Bộ máy chỉ đạo và quản lý của các ngành, các cấp chậm được chấn chỉnh và không ổn định đã ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện nhiệm vụ.

Công tác xây dựng đảng, công tác tư tưởng, công tác tổ chức và cán bộ, công tác vận động quần chúng đều chưa theo kịp tình hình, không bảo đảm tốt nhiệm vụ chính trị và yêu cầu quản lý kinh tế trong thời kỳ mới, chưa tích cực nêu cao tư tưởng, phẩm chất và tác phong cách mạng, gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

ở miền Nam, nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa chưa được tiến hành khẩn trương và chưa kết hợp chặt chẽ với xây dựng chủ nghĩa xã hội; lực lượng kinh tế quốc doanh phát triển chậm. Nhà nước chưa làm chủ được một bộ phận tư liệu sản xuất quan trọng trong nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp, vận tải; không tập trung được đúng mức nguồn hàng nông sản, hải sản, lâm sản và công nghiệp phẩm để làm chủ thị trường, nắm chắc khâu lưu thông phân phối, điều hành guồng máy kinh tế theo đúng các yêu cầu của kế hoạch.

II- Nhiệm vụ kinh tế cấp bách của kế hoạch nhà nước năm 1978

Đại hội lần thứ IV của Đảng đã quyết định 15 chỉ tiêu lớn của kế hoạch 5 năm (1976-1980) phát triển và cải tạo kinh tế, văn hóa, phát triển khoa học - kỹ thuật, nhằm hai mục tiêu vừa cơ bản, vừa cấp bách: xây dựng cơ sở vật chất - kỹ

thuật của chủ nghĩa xã hội, cải thiện một bước đột sóng vật chất và văn hoá của nhân dân.

Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã cụ thể hoá thêm một bước phương hướng, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp trong giai đoạn mới và đã xác định thêm một số chỉ tiêu về nông nghiệp đến năm 1980 phải đạt cho được.

Năm 1978 là năm bản lề của kế hoạch 5 năm 1976-1980. Kế hoạch nhà nước năm 1978 phải *quán triệt và thực hiện một bước quan trọng những nhiệm vụ cơ bản mà Đại hội Đảng đã đề ra cho kế hoạch 5 năm 1976-1980. Năm 1978 phải tạo ra cho được một bước chuyển biến mạnh mẽ của nền kinh tế, làm đà cho việc thực hiện kế hoạch trong những năm còn lại của kế hoạch 5 năm lần thứ hai này.* Kết quả phấn đấu của năm 1978 sẽ tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của nền kinh tế trong hai năm sau. Do đó, năm 1978 có một vị trí đặc biệt quan trọng đối với sự chuyển biến của tình hình kinh tế và đối với việc hoàn thành kế hoạch 5 năm 1976-1980.

Phải phấn đấu để khắc phục cho được tình trạng trì trệ trong những năm qua, đạt được chuyển biến thực sự mạnh mẽ từ năm 1978 để hoàn thành nhiệm vụ của ba năm còn lại. Chuyển biến đó phải thể hiện ở *tinh thần phấn đấu và cách làm việc mới của tất cả các ngành, các cấp, của tất cả cán bộ, đảng viên, sự tiến bộ về chỉ đạo và quản lý của Nhà nước, phong trào cách mạng của quần chúng ở khắp các ngành, các địa phương,* làm cho năng suất lao động xã hội tăng lên nhanh, mang lại nhịp độ phát triển cao trong tất cả các mặt hoạt động.

Để thực hiện sự chuyển biến đó, công tác lãnh đạo và quản lý kinh tế cần nắm vững *quan điểm của Đại hội lần thứ IV của Đảng:*

"Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa có cơ sở kinh tế của nó là *nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.* Việc xây dựng và phát triển nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa phải nhằm mục đích *thoả mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và văn hoá ngày càng tăng của toàn xã hội, bằng cách không ngừng phát triển và hoàn thiện sản xuất, trên cơ sở chế độ làm chủ tập thể và một nền khoa học kỹ thuật hiện đại.*

"Muốn thế, điều có ý nghĩa quyết định là phải thực hiện *công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa*, tạo ra một *cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp hiện đại...* công nghiệp là nền tảng chủ yếu của nền kinh tế quốc dân, đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, và nông nghiệp là cơ sở để phát triển công nghiệp.

Cơ cấu kinh tế ấy là cơ cấu thống nhất cả nước bao gồm *kinh tế trung ương và kinh tế địa phương.* Phải tập trung cao độ năng lực của cả nước để xây dựng kinh tế trung ương bao gồm những ngành và những cơ sở kinh tế then chốt có tác dụng quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế quốc dân; đồng thời, phát triển mạnh kinh tế địa phương; làm cho mỗi tỉnh, thành phố có một cơ cấu kinh tế hợp lý, một bộ phận cấu thành của nền kinh tế quốc dân, từng bước xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp (ở miền núi và miền biển thì huyện có cơ cấu kinh tế phù hợp với điều kiện của địa phương) theo quy hoạch của cả nước và của tỉnh.

"Phải kết hợp đúng đắn *kinh tế với quốc phòng.* Xây dựng

đất nước phải đi đôi với bảo vệ đất nước...

"Dựa vào sức mình là chính, thực hiện phân công lao động hợp lý, nâng cao hiệu quả lao động và phát huy năng lực sản xuất trong nước; đồng thời *tăng cường quan hệ kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa anh em*, thực hiện sự phân công, hợp tác, tương trợ trên tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa. *Phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác* trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền và các bên cùng có lợi. Thông qua các quan hệ quốc tế mà tranh thủ kỹ thuật tiên tiến.

"Quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất luôn luôn gắn bó với nhau, thúc đẩy nhau cùng phát triển..."

"Xây dựng mối quan hệ đúng đắn giữa tích luỹ và tiêu dùng, để vừa bảo đảm xây dựng nhanh chóng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, vừa cải thiện từng bước đời sống của nhân dân. *Tiết kiệm* phải trở thành một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, thành hành động cách mạng của đồng bào quần chúng..."

"Nâng cao không ngừng *năng suất lao động xã hội, chất lượng* sản phẩm, *hiệu quả* sản xuất và kinh doanh..."

"Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa đòi hỏi có những *con người mới* phù hợp với nó... Con người mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam có những đặc trưng nổi bật là: làm chủ tập thể, lao động, yêu nước xã hội chủ nghĩa và có tinh thần quốc tế vô sản"¹⁾.

Kế hoạch kinh tế năm 1978 phải thể hiện tinh thần chủ động và tích cực, dựa vào nguồn vốn dồi dào và quý nhất của chúng ta là lực lượng lao động, kết hợp với khai thác nhanh nhất, tốt nhất đất, rừng, biển, các tài nguyên khác cùng với cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có và sắp có, ra sức phấn đấu tăng năng suất lao động, để tạo ra nhiều giá trị sử dụng theo

yêu cầu phát triển kinh tế, đẩy mạnh xuất khẩu và cải thiện đời sống nhân dân.

Tập trung cao độ vào nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, đồng thời ra sức phát triển công nghiệp nhẹ và thủ công nghiệp, tích cực xây dựng và phát triển các ngành công nghiệp nặng, trước hết là điện, cơ khí, luyện kim, giao thông vận tải, bảo đảm các quan hệ tỷ lệ hợp lý giữa các ngành kinh tế trong tình hình hiện nay của nền kinh tế quốc dân, nhằm phục vụ tốt cho sự phát triển của nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng.

Từng đơn vị sản xuất, từng ngành phải nắm chắc lao động và các phương tiện vật chất của mình, căn cứ vào nhiệm vụ sản xuất và yêu cầu phát huy tốt năng lực sản xuất, mà chủ động, tích cực sắp xếp và sử dụng hợp lý lao động theo các định mức tiến bộ để đạt năng suất cao. Ở nông thôn, lấy huyện làm địa bàn để cân đối sử dụng lao động và phân bố lại lao động, bảo đảm các nhiệm vụ sản xuất, xây dựng và tổ chức đời sống tại địa phương đồng thời bảo đảm các nhu cầu phát triển kinh tế chung.

Dựa vào việc đẩy mạnh khai thác đến mức cao nhất nguyên liệu, vật liệu trong nước, phát triển mạnh sản xuất cơ khí, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật để sản xuất máy móc, phụ tùng thay thế. Bảo đảm tốt việc cung ứng vật tư và công cụ lao động cho các cơ sở sản xuất, trước hết là cho các cơ sở đang hoạt động để phát huy hết năng lực sản xuất hiện có.

Ra sức khai thác mọi khả năng trong nước nhằm tăng mạnh xuất khẩu và mở rộng quan hệ kinh tế với các nước để bảo đảm nguồn nhập khẩu cần thiết cho sự phát triển của các ngành sản xuất và xây dựng của nước ta.

¹⁾ Trích Nghị quyết Đại hội IV.

Tích cực chuẩn bị các mặt cho sự phát triển sản xuất và xây dựng trên quy mô lớn trong những năm sau, đặc biệt coi trọng đào tạo công nhân và cán bộ, tăng cường công tác quy hoạch, khảo sát, thiết kế, công tác nghiên cứu khoa học - kỹ thuật và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật.

Nhiệm vụ đặt ra cho ba năm còn lại (1978, 1979, 1980) của kế hoạch 5 năm rất lớn:

Phải đưa tiếp 1,3 triệu lao động đi mở mang vùng kinh tế mới, khai hoang thêm trên 70 vạn hécta ruộng đất, trồng thêm 96 vạn hécta rừng, thực hiện khối lượng xây dựng cơ bản từ 21 đến 23 tỷ đồng. Trong ba năm tới, tốc độ tăng bình quân hàng năm về sản lượng lương thực phải đạt 17,3%, về chăn nuôi lợn phải đạt 21,9%, về đánh cá biển phải đạt 18,6%, về sản lượng công nghiệp phải đạt 18-20%, về khối lượng vận chuyển hàng hoá trong nước phải đạt 20%; nguồn hàng trong nước do Nhà nước huy động năm 1980 tăng 1,25 lần so với 1977, mức lưu chuyển hàng hoá của thị trường có tổ chức năm 1980 tăng hơn 85% so với năm 1977.

Nhiệm vụ hoàn thành về cơ bản cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc phải được đẩy mạnh.

Cố gắng vượt bậc để đến năm 1980 thu nhập quốc dân sản xuất có thể bảo đảm quỹ tiêu dùng xã hội và đáp ứng được phần quan trọng quỹ tích luỹ; xuất khẩu bảo đảm trang trải phần lớn kim ngạch nhập khẩu; ngân sách nhà nước cân bằng được thu và chi; trên cơ sở đó thực hiện được việc cải tiến chế độ tiền lương cho công nhân viên chức, nâng cao một bước đời sống của nhân dân, đồng thời có điều kiện đẩy mạnh hơn nữa việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Năm 1978, phải tập trung lực lượng thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế cấp bách sau đây:

1. *Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, trước hết là lương thực và thực phẩm*

Động viên sức của cả nước đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là *sản xuất lương thực, tăng nhanh sản lượng màu*. Bằng mọi biện pháp thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích, bảo đảm cho kỳ được kế hoạch sản xuất từ 16 đến 16,5 triệu tấn lương thực trong năm 1978. Giải quyết kịp thời các vấn đề về chính sách và tổ chức tốt công tác thu mua để Nhà nước nắm cho được trên 3 triệu tấn lương thực quy ra thóc.

Từng huyện xác định kế hoạch sản xuất và cân đối lương thực trên địa bàn huyện, từng tỉnh phải thực hiện nhiệm vụ điều hoà và cân đối lương thực trong tỉnh. Các vùng sản xuất lương thực hàng hoá lớn phải phấn đấu tăng mức huy động và giao nộp đầy đủ cho trung ương. Trung ương phụ trách điều hoà và cân đối lương thực cho các thành phố lớn, khu công nghiệp lớn, vùng khai hoang lớn, vùng chuyên canh cây công nghiệp, vùng định cư và chuyển sang lâm nghiệp,... và nhu cầu của quân đội.

Tổ chức tốt việc chế biến màu và phân phối lương thực một cách chặt chẽ, tiết kiệm, vừa bảo đảm nhu cầu tiêu dùng thường xuyên, vừa bảo đảm các nhu cầu về điều động lao động đi xây dựng các vùng kinh tế mới, về khai hoang, làm thuỷ lợi, trồng rừng, phát triển cây công nghiệp, chăn nuôi, đẩy mạnh nghề cá và các ngành nghề khác.

2. *Ra sức phát triển sản xuất hàng tiêu dùng*

Tất cả các địa phương, các ngành công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, các cơ sở sản xuất của quốc phòng đều có nhiệm vụ tham gia khai thác các nguồn nguyên liệu, vật liệu có thể khai thác và tận dụng để làm ra thật nhiều hàng tiêu dùng, không để thiếu những hàng tiêu dùng thiết yếu hàng ngày của nhân dân. Phải quy hoạch, sắp xếp, mở rộng các cơ sở sản xuất hàng tiêu dùng, tổ chức và sử dụng tốt lực lượng thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp để tăng sản xuất, phục vụ

nhu cầu trong nước và nhu cầu xuất khẩu; tranh thủ cao nhất khả năng làm gia công xuất khẩu. Phát triển mạnh các cơ sở chế biến thực phẩm, nhất là ở các thành phố lớn.

Từ năm 1978, ngoài các công trình lớn, nhập thiết bị của nước ngoài, chú trọng xây dựng nhiều xí nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng cỡ nhỏ ở các tỉnh, huyện, dùng thiết bị sản xuất trong nước; trang bị máy móc, công cụ cho tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, nhằm tận dụng nguyên liệu phân tán và thu hút được nhiều lao động, đáp ứng nhu cầu tại chỗ, giảm bớt vận chuyển.

3. Phát triển thêm nguồn điện, bảo đảm ổn định, điều hòa nguồn điện; đẩy mạnh sản xuất cơ khí

Đẩy mạnh xây dựng các xí nghiệp nhiệt điện và điện tuốc bin khí, điều hòa nguồn điện giữa các vùng, quản lý tốt việc vận hành các nhà máy, kiểm tra chặt chẽ việc phân phối, sử dụng để triệt để tiết kiệm điện, bảo đảm cung cấp điện cho các cơ sở sản xuất và xây dựng, đồng thời khẩn trương chuẩn bị để sớm khởi công xây dựng các công trình lớn về điện lực đã ký kết.

Tập trung chỉ đạo việc sắp xếp lực lượng, phân công và hiệp tác sản xuất, kết hợp các lực lượng cơ khí quốc doanh, (kể cả cơ khí quốc phòng) cơ khí hợp tác xã và các cơ sở cơ khí của tư nhân, để phát triển mạnh sản xuất cơ khí nhằm phục vụ đắc lực cho nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và công nghiệp nhẹ, bảo đảm cung ứng đủ công cụ lao động thông thường cho các ngành kinh tế; tăng cường cơ khí sửa chữa, sản xuất phụ tùng, phục hồi hoạt động các máy hỏng.

Vừa cải tạo và mở rộng cơ sở hiện có, vừa hoàn thành nhanh việc xây dựng và đưa vào sản xuất một số cơ sở mới, chú trọng các cơ sở cơ khí của thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Nam, chăm lo tốt hơn các điều kiện bảo đảm sản xuất của các xí nghiệp đó. Đồng thời phải coi trọng ngành luyện

kim, bảo đảm thực hiện chỉ tiêu kế hoạch nhà nước về sản lượng thép và gang.

4. Tăng nhanh số lượng và mặt hàng xuất khẩu

Đẩy mạnh xuất khẩu trên cơ sở tổ chức lại các khâu sản xuất, thu mua, chế biến, bảo quản và vận chuyển. Hết sức coi trọng nâng cao chất lượng hàng xuất khẩu. Quản lý và chỉ đạo tốt các vùng sản xuất tập trung cây công nghiệp, rau quả, hải sản, lâm sản và gỗ chế biến để tăng nhanh nguồn hàng trong thời gian trước mắt, phát triển mạnh việc làm hàng mỹ nghệ, hàng gia công, tăng thêm hàng khoáng sản cho xuất khẩu. Dưa kim ngạch xuất khẩu năm 1978 tăng 45% so với năm 1977. Phấn đấu giảm sự chênh lệch trong cân đối thanh toán quốc tế đến mức thấp nhất.

Xác định trách nhiệm của từng ngành, từng cấp, từng đơn vị cơ sở đối với nhiệm vụ xuất khẩu. Động viên nhân dân hết sức tiết kiệm tiêu dùng những thứ hàng có giá trị xuất khẩu và những hàng phải nhập khẩu. Ban hành trong thời hạn sớm nhất các chính sách khuyến khích xuất khẩu đối với các ngành, địa phương, đơn vị sản xuất.

Đi đôi với tăng xuất nhập, phải soát lại chặt chẽ các nhu cầu về hàng nhập khẩu.

5. Phát triển giao thông vận tải; giải quyết tốt việc tiếp nhận hàng nhập khẩu và vận tải Bắc Nam

Tập trung sức để trong thời gian ngắn nhất giải quyết xong việc chấn chỉnh tổ chức, cải tiến quản lý trong giao thông vận tải, đồng thời khẩn trương tăng cường cơ sở vật chất, tăng thêm phương tiện vận tải của đường biển, đường sắt, đường sông và đường bộ, để bảo đảm vững chắc việc tiếp nhận hàng nhập khẩu và nhiệm vụ vận tải Bắc Nam. Ngay từ đầu năm 1978, phải đạt được chuyển biến rõ rệt trong việc tiếp nhận

hàng nhập khẩu ở khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh, tăng nhanh hiệu suất sử dụng các phương tiện vận tải.

Phát triển mạnh giao thông vận tải địa phương, tăng cường các phương tiện vận tải thô sơ trên đường bộ, đường thuỷ. Hết sức hạn chế tình trạng ách tắc trong vận chuyển. Nhà nước và nhân dân ra sức phát triển giao thông vận tải ở miền núi.

Nâng cao năng lực vận chuyển vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp. Tổ chức những chiến dịch vận chuyển lao động đi xây dựng các vùng kinh tế mới kịp thời vụ sản xuất.

áp dụng những biện pháp kiên quyết để chặn đứng tình trạng lấy cắp vật tư, hàng hoá trong khâu vận tải, đặc biệt là ở các cảng và dọc các đường vận chuyển quan trọng.

6. Chấn chỉnh và đẩy mạnh công tác xây dựng cơ bản

Tập trung thi công và hoàn thành dứt điểm các công trình đến thời hạn phải huy động trong năm 1978. Cố gắng khắc phục nhanh tình trạng đầu tư phân tán, xây dựng kéo dài đã gây nhiều lãng phí lớn trong thời gian qua. Hết sức coi trọng đầu tư chi tiêu sâu để tăng nhanh năng lực sản xuất của các cơ sở hiện có. Bảo đảm các điều kiện vật chất cho các công trình xây dựng mới. *Kiên quyết khôi phục lại các định mức về xây dựng cơ bản trước chiến tranh và ban hành các đơn giá vật liệu xây dựng; ban hành các quy định về thiết kế, các thiết kế mẫu và chính sách sử dụng vật liệu cho từng loại công trình, quản lý chặt các quy định về trình tự đầu tư và xây dựng cơ bản, đấu tranh chống hiện tượng lãng phí lao động và lãng phí nguyên liệu, vật liệu trong công tác xây dựng.* Coi trọng việc áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật để bảo đảm xây dựng nhanh, tốt và rẻ. *Phát huy mạnh lực lượng quân đội làm công tác xây dựng cơ bản.*

Chỉ đạo chặt công tác chuẩn bị đầu tư để khởi công sớm một số công trình có quy mô lớn của kế hoạch 5 năm này và kế hoạch 5 năm sau.

7. Cải tiến và tăng cường công tác lưu thông phân phối

Phát triển nhanh thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán, tăng cường quản lý thị trường, xoá bỏ tư sản thương nghiệp ở miền Nam, cải tạo thương nghiệp và tiểu thương, chống đầu cơ, buôn bán trái phép.

Tăng cường thu mua nắm nguồn hàng, bảo đảm Nhà nước nắm toàn bộ sản phẩm của các xí nghiệp quốc doanh và các cơ sở sản xuất bằng nguyên liệu do Nhà nước cung ứng. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và cải tiến phương thức thu mua, giải quyết kịp thời vấn đề giá cả, thực hiện tốt hợp đồng kinh tế hai chiều đối với nông dân, ngư dân, thợ thủ công để có thể thu mua đại bộ phận sản lượng hàng hoá.

Cải tiến và chấn chỉnh công tác phân phối hàng hoá, thực hiện ưu tiên thích đáng cho người sản xuất, nhất là các ngành nghề nặng nhọc và phải tiếp xúc với môi trường độc hại, mở rộng mạng lưới bán lẻ, mạng lưới phục vụ sinh hoạt thuận tiện cho nhân dân lao động ở thành thị và các vùng nông thôn, vùng kinh tế mới. Kiên quyết loại trừ nạn ăn cắp, móc ngoặc, cửa quyền trong việc thu mua và phân phối hàng hoá.

Đề cao tiết kiệm trong sản xuất và đời sống.

Thống nhất chế độ tài chính, thực hành nghiêm chỉnh chế độ hạch toán kinh tế, nhanh chóng khắc phục chế độ bao cấp tài chính. Thực hiện ngay trong năm 1978 việc phân cấp quản lý tài chính đối với các huyện.

Cải tiến công tác ngân hàng, công tác tiền tệ, tín dụng và mở rộng việc cho vay trong xây dựng cơ bản.

8. Xúc tiến cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Tăng cường và cải tiến quản lý kinh tế trong cả nước

Tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, kết hợp chặt chẽ việc cải tạo xã hội chủ nghĩa, cung cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa với việc phát triển lực lượng sản xuất và tổ chức lại sản xuất theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

ở miền Nam, xúc tiến mạnh mẽ công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa trong tất cả các ngành kinh tế, theo đúng các nghị quyết của Trung ương Đảng và Chính phủ. Từng ngành phải nắm chắc công tác cải tạo thuộc ngành mình để kết hợp chặt chẽ với xây dựng, thực hiện được yêu cầu phát triển sản xuất và quản lý toàn ngành.

Tích cực chuẩn bị cho việc mở rộng phong trào hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Nam; làm thật tốt các thí điểm hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, đồng thời nhanh chóng đưa đại bộ phận nông dân đi vào các hình thức hiệp tác lao động sản xuất quá độ (tổ đổi công, vần công, tổ đoàn kết sản xuất, tập đoàn sản xuất).

Phát triển lực lượng kinh tế quốc doanh, đặc biệt là các tổ chức thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán, để Nhà nước có thể tác động mạnh và trực tiếp đến sản xuất, lưu thông, phân phối, huy động được đại bộ phận sản lượng hàng hoá.

ở miền Bắc, cung cố và tăng cường các cơ sở kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh trong nền kinh tế cả nước. Kiên quyết đấu tranh bằng các biện pháp kinh tế, giáo dục, hành chính để quản lý thị trường, loại trừ mọi hành động phi pháp trong các hoạt động kinh tế.

Khẩn trương đào tạo và tăng cường cán bộ cho các tổ chức kinh tế tập thể.

Việc hợp nhất các hợp tác xã thành hợp tác xã lớn ở miền Bắc phải làm đúng theo những điều kiện mà Trung ương đã đề ra và phải có sự lãnh đạo chặt chẽ của cấp trên. Khi hợp nhất hợp tác xã phải hợp nhất cả quỹ không chia, tuyệt đối không được phân tán quỹ không chia. Phải chấm dứt việc lấy đất tập thể khoán cho hộ xã viên, có kế hoạch thu hồi, quản lý và sử dụng tốt những đất ấy.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa phải dựa trên phong trào cách mạng của quần chúng, thúc đẩy sự phát triển của phong trào quần chúng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, thi đua lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất lao động và hiệu quả kinh tế ngày càng cao, kiên quyết đấu tranh xoá bỏ những hiện tượng tiêu cực, hư hỏng trong hoạt động kinh tế và trong đời sống xã hội.

Cải tiến một số khâu quan trọng và cấp bách trong công tác quản lý kinh tế, tăng cường sự lãnh đạo và quản lý kinh tế của các cấp, các ngành đi đôi với tổ chức và đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng. Coi trọng công tác giáo dục xã hội chủ nghĩa, tăng cường công tác thanh tra, hướng dẫn của Nhà nước, kịp thời uốn nắn những lệch lạc trong quá trình thực hiện kế hoạch.

III- Những biện pháp chính về lãnh đạo và quản lý để bảo đảm thực hiện kế hoạch năm 1978

1. Cải tiến một số khâu quan trọng và cấp bách trong công tác quản lý kinh tế

a) Năm 1978, phải đổi mới ngay công tác kế hoạch hoá theo hướng phát huy cao nhất mọi năng lực hiện có và khả năng tiềm tàng trong nước, trước hết là lực lượng lao động, đất đai, tài nguyên thiên nhiên phong phú, các cơ sở vật chất, kỹ thuật, công cụ sản xuất và vật tư sẵn có của ta, để khắc phục các khó khăn và các mặt mâu thuẫn của nền kinh tế.

Tất cả các ngành, các cấp phải soát lại phương án kế hoạch năm 1978 từ đơn vị cơ sở và từ cấp huyện trở lên. Phải căn cứ vào kết quả điều tra, kiểm kê lực lượng lao động, đất đai, lực lượng vật chất - kỹ thuật và áp dụng các tiêu chuẩn định mức tiến bộ mà xây dựng, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch cả năm và từng quý, từng tháng một cách tích cực và vững chắc.

Tập trung làm tốt công tác kế hoạch hoá ở cấp huyện và ở các xí nghiệp, các liên hiệp xí nghiệp, các công ty, các hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Phải hoàn thành trong năm 1978 việc cải tiến công tác kế hoạch hoá ở cấp huyện, xây dựng cấp huyện thành cấp kế hoạch toàn diện, có ngân sách gắn liền với việc xây dựng và xét duyệt quy hoạch huyện. Đổi với các xí nghiệp và các liên hiệp xí nghiệp, việc xây dựng kế hoạch gắn chặt với quy hoạch phát triển của từng ngành kinh tế - kỹ thuật và từng vùng lãnh thổ, từng địa phương.

Phải thực hiện nghiêm chỉnh việc *xây dựng kế hoạch từ dưới lên, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, nâng cao trách nhiệm và quyền chủ động của các ngành, các địa phương và cơ sở trong việc xây dựng kế hoạch*. Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước và các cơ quan chủ quản ngành trung ương, các tỉnh, thành phố phải xuống các huyện và các đơn vị cơ sở, nắm chắc kế hoạch của các huyện và các xí nghiệp, liên hiệp xí nghiệp để làm tốt việc tổng hợp kế hoạch từng ngành, từng địa phương, trên cơ sở đó mà xây dựng kế hoạch tổng hợp của nền kinh tế quốc dân.

b) Trong năm 1978, Trung ương Đảng và Chính phủ phải tập trung giải quyết việc bổ sung, sửa đổi một số *chính sách, chế độ cấp thiết trong quản lý kinh tế* như:

- Chính sách về nghĩa vụ lao động.

- Quy chế cụ thể về phân cấp quản lý kinh tế giữa trung ương và địa phương trong các lĩnh vực: sản xuất, xây dựng cơ bản, quản lý xí nghiệp, quản lý thị trường, ngân sách, giá cả, đời sống...

- Chính sách thu mua bằng hợp đồng kinh tế hai chiều nhằm bảo đảm cho Nhà nước nắm được đại bộ phận hàng hoá nông sản và công nghiệp phẩm, đồng thời kích thích người sản xuất hăng hái lao động sản xuất.

- Chính sách khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu và làm gia công xuất khẩu.

- Một số vấn đề cấp bách về chính sách giá cả, chế độ tiền lương, tiền thưởng, tiêu chuẩn cung ứng lương thực thực phẩm, nhằm thực hiện tốt nguyên tắc phân phối xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành sản phẩm.

- Chính sách về tín dụng, đầu tư xây dựng cơ bản.

- Chính sách về phát triển kinh tế và văn hoá ở miền núi.

- Chính sách cán bộ đối với miền núi.

Trung ương Đảng và Chính phủ phân công một đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ, trực tiếp chỉ đạo Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế và các ngành ở trung ương tiến hành khẩn trương việc nghiên cứu bổ sung, sửa đổi một số chính sách và chế độ quản lý kinh tế. Ngay từ đầu năm 1978, phải soát lại các chính sách, chế độ quản lý kinh tế hiện hành, sửa ngay những chính sách, chế độ đã ban hành từ lâu không còn phù hợp với tình hình mới hoặc mới ban hành nhưng không sát, không đúng; huỷ bỏ ngay những thủ tục, thể lệ không hợp lý, phiền hà, gò bó, đang gây trở ngại cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Từng bộ, uỷ ban, tổng cục có trách nhiệm kiểm tra lại các chính sách, chế độ thuộc phạm vi hoạt động của mình, chủ động nghiên cứu

và kiến nghị cụ thể với Trung ương Đảng và Chính phủ về những vấn đề cấp thiết nói trên.

c) *Thực hiện tốt việc phân cấp quản lý kinh tế, tăng cường trách nhiệm và quyền hạn quản lý của các ngành, các địa phương và các đơn vị cơ sở*

Trước mắt, phải làm gấp một số việc sau đây:

- Các bộ, uỷ ban, tổng cục phải căn cứ vào phương hướng và nhiệm vụ chung của kế hoạch nhà nước, chịu trách nhiệm toàn diện về xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch của toàn ngành trong cả nước, bao gồm cả các xí nghiệp do trung ương trực tiếp quản lý và các xí nghiệp do địa phương quản lý. Đối với các xí nghiệp do địa phương quản lý, các bộ, uỷ ban, tổng cục phải cùng các uỷ ban nhân dân địa phương bàn bạc, phối hợp chặt chẽ để có sự chỉ đạo thống nhất về xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch.

- Hoàn thành nhanh việc xây dựng quy chế về quan hệ chỉ đạo của Thường vụ Hội đồng Chính phủ đối với các ngành, về quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tổng hợp, nhất là Uỷ ban Kế hoạch, Bộ Tài chính, với các cơ quan chủ quản các ngành sản xuất theo hướng tôn trọng và mở rộng quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan chủ quản, đồng thời phát huy chức năng của các cơ quan tổng hợp, bảo đảm các cân đối chung.

- Mở rộng quyền hạn cho các địa phương quản lý các cơ sở sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp chế biến và công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, những xí nghiệp vận tải nhỏ, những xí nghiệp thương nghiệp phục vụ, xí nghiệp xây dựng, v.v.. Trong khi quản lý, các địa phương phải chấp hành đúng các chính sách, các chỉ tiêu kế hoạch,

các tiêu chuẩn về kinh tế và kỹ thuật do Chính phủ và các ngành ở trung ương quy định, đồng thời các địa phương có trách nhiệm cùng với các bộ, tổng cục quản lý tốt các cơ sở trực thuộc trung ương.

- Trong công nghiệp, ở những ngành có điều kiện, cần tổ chức các *liên hiệp xí nghiệp* có đủ quyền hạn và trách nhiệm là những đơn vị kế hoạch, đơn vị kinh doanh của ngành. Chính phủ sẽ có chỉ thị hướng dẫn cụ thể về việc này.

d) *Chấn chỉnh việc quản lý sản xuất, quản lý lao động ở cơ sở*

Tất cả các xí nghiệp quốc doanh và các hợp tác xã phải kiểm kê lại tài sản, tổ chức lại sản xuất và lao động, để phát huy hết các tiềm năng về lao động, thiết bị, máy móc, vật tư, ruộng đất. Các cơ quan chủ quản ngành cấp trên phải giải quyết kịp thời những yêu cầu thiết thực về điều kiện sản xuất của xí nghiệp và hợp tác xã, hết sức khuyến khích và thúc đẩy các đơn vị cơ sở phấn đấu phát triển sản xuất.

Biện pháp quan trọng để chấn chỉnh và cải tiến quản lý sản xuất, quản lý lao động là quản lý chặt theo tiêu chuẩn và định mức tiến bộ, thực hiện tốt công tác hạch toán kinh tế, tạo nên tác phong lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng năng suất lao động, giảm hao phí vật chất và hạ giá thành sản phẩm. Thực hiện tốt điều lệ xí nghiệp quốc doanh và các chế độ quản lý xí nghiệp ban hành kèm theo điều lệ đó. Hoàn thành trong sáu tháng đầu năm 1978 việc kiểm kê vật tư, thiết bị và các phương tiện vật chất khác hiện có; tiến hành kiểm tra tài chính gắn liền với kiểm kê vật tư hàng hoá.

Các ngành ở trung ương và các địa phương có nhiệm vụ chỉ đạo các đơn vị cơ sở soát lại và xây dựng, bổ sung hệ thống định mức lao động, định mức tiêu hao vật tư, định mức và chế độ sử dụng máy móc, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm trong phạm vi từng đơn vị, từng ngành. Đối với các đơn vị sản xuất ở miền Nam, phải xem xét các tiêu chuẩn, định mức đã thực hiện trước ngày giải phóng để sửa đổi, bổ sung cho

phù hợp với tình hình mới. Bằng mọi biện pháp quản lý và kỹ thuật, trong năm 1978, tất cả các ngành và các cơ sở sản xuất phải phấn đấu đạt và vượt các tiêu chuẩn, định mức về năng suất lao động và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của thời kỳ trước chiến tranh; đặc biệt chú trọng tiết kiệm thời gian lao động.

Các cơ quan kế hoạch, tài chính, lao động, vật tư, khoa học kỹ thuật phải hướng dẫn và kiểm tra các bộ chủ quản các ngành sản xuất thực hiện khẩn trương và chặt chẽ. Cần tập trung một lực lượng cán bộ kinh tế và kỹ thuật cần thiết để xây dựng, xét duyệt và ban hành nhanh các tiêu chuẩn, định mức, phục vụ ngay cho việc thực hiện kế hoạch năm 1978 và chuẩn bị cho kế hoạch năm sau. Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ khen thưởng, xử phạt theo kết quả thực hiện các tiêu chuẩn, định mức.

Trong các ngành không trực tiếp sản xuất, phải xác định tiêu chuẩn công việc, chức năng rõ ràng để định mức biên chế hợp lý, kiên quyết giảm nhẹ biên chế hành chính, giảm bớt khâu trung gian, chuyển một bộ phận lao động sang khu vực sản xuất hoặc làm các việc khác.

e) Trong năm 1978, phải làm gấp việc *kiện toàn bộ máy quản lý và tăng cường cán bộ cho một số ngành và địa phương trong điểm* như: nông nghiệp, lâm nghiệp, hải sản, giao thông vận tải, xây dựng, nội thương, ngoại thương, vật giá, lao động, Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh, thành ở miền Nam.

Thường vụ Hội đồng Chính phủ và Bộ Nông nghiệp, Ban Nông nghiệp Trung ương phải cùng các ban, các ngành ở trung ương và các tỉnh, thành khẩn trương *xây dựng các huyện thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp*, hoàn thành nhanh việc xây dựng kế hoạch và ngân sách năm 1978 của các huyện, tăng cường ngay cho các huyện một số cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết trước mắt để bảo đảm nhiệm vụ sản xuất và tổ chức đời sống, bổ sung cán bộ để kiện toàn huyện ủy, Uỷ ban nhân dân huyện, các đoàn thể quần chúng và các

cơ quan chuyên môn của Đảng và chính quyền, nhất là các tổ chức kinh tế, kỹ thuật của huyện. Đặc biệt chú trọng xây dựng nhanh những huyện có vị trí quan trọng về kinh tế và quốc phòng.

2. *Phát động phong trào cách mạng của quần chúng, tiến hành cuộc vận động tăng năng suất lao động, kết hợp với thực hành tiết kiệm, ra sức xây dựng nền nếp quản lý mới, tác phong lao động và nếp sống mới, kiên quyết đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, hư hỏng trong tất cả các đơn vị cơ sở, các ngành và các địa phương, trong các tổ chức của Đảng, của Nhà nước, của các đoàn thể nhân dân, của quân đội và trong xã hội*

Trong tình hình hiện nay, muôn khắc phục những khó khăn trước mắt, hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ kinh tế của năm 1978 và những năm sau, nhất thiết phải *phát động cho được phong trào cách mạng của quần chúng, phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động*. Cao trào quần chúng lao động sáng tạo với ý thức làm chủ tập thể cao là kết quả tổng hợp của công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, công tác quản lý kinh tế và công tác tuyên truyền, giáo dục, tổ chức quần chúng. Mục tiêu cụ thể trước mắt của phong trào quần chúng trong cả nước là thi đua lao động với năng suất cao, chất lượng tốt, thực hành tiết kiệm triệt để trong sản xuất và đời sống, xây dựng nền nếp quản lý, tác phong lao động và nếp sống mới của những con người mới xã hội chủ nghĩa, kiên quyết đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong các tổ chức của Đảng, của Nhà nước, của các đoàn thể nhân dân, của quân đội và trong xã hội.

Để bảo đảm và thúc đẩy phong trào thi đua lao động với năng suất cao, tất cả các ngành ở trung ương và các tỉnh, thành phải tổ chức với mức cố gắng cao nhất việc cung ứng kịp thời, đều đặn năng lượng, nguyên liệu, vật liệu, phụ tùng sửa chữa và lương thực, thực phẩm cho các cơ sở sản xuất. Phải nêu rõ yêu cầu tiết kiệm năng lượng, giảm mức tiêu hao vật tư, nâng cao hiệu suất sử dụng và bảo quản tốt thiết bị,

máy móc, tìm nguyên liệu, vật liệu thay thế, bảo đảm các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm.

Phải kịp thời ban hành và thực hiện chính sách giải quyết việc làm và đời sống đối với số lao động dôi ra ngoài dây chuyền sản xuất ở các đơn vị cơ sở, khi phát động phong trào tăng năng suất lao động.

Các cơ quan lãnh đạo và quản lý phải *thực sự chăm lo đời sống của những người sản xuất*, nhất thiết phải bảo đảm trước hết cho những người lao động có kỹ thuật cao, tay nghề giỏi, những người lao động nặng nhọc và phải tiếp xúc với môi trường độc hại, được ăn đủ no, mặc đủ ấm và có điều kiện khá hơn về nhà ở, hàng tiêu dùng, về đi lại và bảo vệ sức khoẻ. Chăm lo tổ chức tốt đời sống ở các khu vực tập trung công nhân sản xuất và xây dựng, các đơn vị quân đội làm nhiệm vụ ở những địa bàn xung yếu, các lực lượng lao động ở những vùng kinh tế mới.

Từng ngành phải *đi sâu vào công tác khoa học kỹ thuật*, làm tốt công tác thông tin khoa học và kỹ thuật, phát động phong trào quần chúng học tập về khoa học kỹ thuật, kịp thời áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và công tác. *Khuyến khích lao động giỏi và có năng suất cao*, sử dụng đúng lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật và nghiệp vụ, kể cả những anh chị em đã làm việc dưới chế độ cũ ở miền Nam.

Thực hiện đúng đắn chế độ phân phối theo lao động, xoá bỏ các chế độ cung cấp không công bằng, không hợp lý. Trong năm 1978, phải khẩn trương sửa đổi, cải tiến một số điểm cấp bách về chế độ tiền lương và tiền thưởng, áp dụng phổ biến trong các cơ sở sản xuất chế độ lương theo sản phẩm dựa trên những định mức tiến bộ. Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về giá thu mua, về hợp đồng kinh tế hai chiều, nhằm khuyến khích nông dân hăng hái sản xuất, làm nghĩa vụ và bán nhiều nông sản cho Nhà nước.

Ra sức làm tốt công tác tư tưởng nhằm làm quát triệt sâu sắc đường lối, chính sách, quan điểm của Đảng từ trên

xuống dưới, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, tinh thần tự lực tự cường và ý thức trách nhiệm, xây dựng tư tưởng và tác phong làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nghiêm khắc phê phán và khắc phục thái độ hoài nghi, tư tưởng thụ động, ỷ lại, trông chờ trước những khó khăn trước mắt, tư tưởng cá nhân chủ nghĩa, cục bộ, bản位, đấu tranh kiên quyết chống những hiện tượng tiêu cực đang có chiều hướng lan rộng. Phải tiến hành cuộc đấu tranh này từ trong Đảng ra ngoài nhân dân, trong các tổ chức đảng, chính quyền, quân đội, đoàn thể quần chúng ở tất cả các ngành, các cấp và đơn vị cơ sở.

Các tổ chức của Đảng ở các cấp phải tăng cường công tác kiểm tra nội bộ, thường xuyên thực hành *tự phê bình và phê bình*, nêu cao tính tiên phong gương mẫu của đảng viên. Các cơ quan của Đảng và Chính phủ ở trung ương, các cán bộ có trách nhiệm lãnh đạo và quản lý ở các cấp, các ngành phải nghiêm khắc với mình và phải nêu gương tốt cho cấp dưới.

Tăng cường chỉ đạo việc xây dựng, củng cố các tổ chức cơ sở đảng trong cả nước. Nâng cao chất lượng của chi bộ và đảng bộ cơ sở về mọi mặt, khẩn trương đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, kiện toàn các đảng uỷ và chi uỷ, làm tốt công tác phát triển Đảng và kiên quyết đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

Các cấp uỷ đảng và cơ quan chính quyền phải thi hành đến nơi đến chốn *Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị*. Tập trung bộ máy kiểm tra của Đảng cùng với cơ quan thanh tra và các cơ quan có chức năng điều tra, xét xử của Nhà nước về thực hiện có kết quả tốt, có tác dụng rõ rệt ngay trong năm 1978. Nghiêm khắc thi hành kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với những phần tử ăn cắp của công, móc ngoặc, hối lộ, lợi dụng chức vụ úc hiếp quần chúng, vi phạm nghiêm trọng pháp chế xã hội chủ nghĩa và quyền dân chủ thông

thường của người dân và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, bất kỳ những phần tử ấy ở trong tổ chức của Đảng hoặc chính quyền, trong quân đội, công an hoặc đoàn thể quần chúng. Động viên dư luận mạnh mẽ lên án, xoá bỏ các hiện tượng làm ăn phi pháp, buộc những người có sức lao động phải lao động, ngăn chặn và bài trừ những hiện tượng tiêu cực trong xã hội, đồng thời đẩy mạnh việc nêu gương người tốt, việc tốt.

Phát động và tổ chức tốt lực lượng đảng viên, đoàn viên thanh niên và nhân dân tham gia bảo vệ trật tự an ninh ở đường phố và xã, ấp.

3. Tiếp tục cải tiến và tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác kinh tế của Đảng và Nhà nước

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư cần dành phần lớn thời gian trong chương trình hoạt động của mình để giải quyết các vấn đề kinh tế, tài chính.

Trước mắt, sự lãnh đạo của *Bộ Chính trị* phải tập trung nhiều hơn, mạnh hơn nữa vào việc giải quyết một cách toàn diện và kịp thời các vấn đề quan trọng về xây dựng các kế hoạch kinh tế, về chính sách kinh tế, về tổ chức bộ máy quản lý kinh tế, về bố trí cán bộ lãnh đạo và quản lý để bảo đảm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế.

Ban Bí thư cần tăng cường đôn đốc và kiểm tra các ngành các cấp thực hiện nghị quyết của Đảng, tăng cường lãnh đạo công tác tư tưởng, công tác xây dựng đảng, công tác cán bộ, công tác vận động quần chúng, chỉ đạo chặt chẽ cuộc vận động tăng năng suất lao động, thực hành tiết kiệm và chống các hiện tượng tiêu cực, hư hỏng trong Đảng và trong nhân dân. Các cấp uỷ đảng phải đặc biệt nắm vững công tác xây dựng tổ chức cơ sở của Đảng gắn chặt với nhiệm vụ kinh tế và văn hoá, dựa trên phong trào cách mạng của quần chúng

mà củng cố chi bộ, rèn luyện đảng viên, phát triển Đảng và đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

Hội đồng Chính phủ với bộ phận thường trực là Thường vụ Hội đồng Chính phủ cần tập trung vào việc chỉ đạo xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch kinh tế, tổ chức hiệp đồng tác chiến của các lực lượng trên mặt trận kinh tế, điều hành công việc sát sao, giải quyết kịp thời các mâu thuẫn của các ngành các cấp, tổ chức việc nghiên cứu khẩn trương và ban hành kịp thời các chính sách và chế độ quản lý kinh tế, dự thảo những dự án pháp luật đề nghị với Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Để phát huy hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ trong lĩnh vực kinh tế, phải tiếp tục *xây dựng và cải tiến chế độ làm việc*. Ở tất cả các cấp và các ngành, phải thực hiện nghiêm chỉnh nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ làm việc tập thể và chế độ trách nhiệm cá nhân, chế độ thủ trưởng và chế độ kỷ luật trong công tác quản lý kinh tế, chế độ chuẩn bị chu đáo, đúng thời hạn đã quy định để cơ quan có thẩm quyền có cơ sở quyết định đúng đắn, kịp thời và dứt khoát các vấn đề kinh tế, kỹ thuật quan trọng.

Phải đặc biệt đề cao *chế độ trách nhiệm cá nhân*. Mỗi khi quyết định về chủ trương, phải quyết định ngay các biện pháp cụ thể để thực hiện, định rõ trách nhiệm của các tổ chức và các cá nhân, định rõ thời gian phải hoàn thành. Mỗi công việc đều phải có người chịu trách nhiệm rõ ràng, kết quả công việc tốt hay là xấu phải được kiểm tra và kết luận dứt khoát.

Việc thực hiện chế độ trách nhiệm cá nhân, chế độ kỷ luật phải đi đôi với việc chấn chỉnh, kiện toàn bộ máy lãnh đạo và quản lý, giải quyết tốt vấn đề cán bộ trong quản lý kinh tế.

Kiên quyết *điều chỉnh, tăng cường cán bộ cho các ngành kinh tế*; bố trí những cán bộ thực sự có ý thức trách nhiệm và có năng lực, biết lắng nghe ý kiến của quần chúng và dám giải quyết, dám chịu trách nhiệm phụ trách những ngành kinh

tế, những địa phương và cơ sở kinh tế quan trọng; kịp thời thay thế những cán bộ không đảm đương nổi nhiệm vụ.

Từ đầu năm 1978, *mở những lớp bồi dưỡng ngắn hạn có tính chất tập huấn về cải tiến quản lý kinh tế* cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý, chú trọng các lớp của bộ trưởng, thứ trưởng, chủ tịch và phó chủ tịch tỉnh, cán bộ lãnh đạo cấp huyện, giám đốc xí nghiệp. Bằng cách mở lớp liên tục và cử cán bộ luân phiên đi học, bảo đảm trong một thời gian ngắn, mọi cán bộ thuộc diện nói trên đều được qua huấn luyện về quản lý kinh tế.

Việc cải tiến tác phong lãnh đạo và chế độ làm việc của bộ máy đảng và nhà nước phải nhằm bảo đảm cho guồng máy kinh tế từ trung ương đến cơ sở hoạt động có hiệu quả cao, công việc được giải quyết nhanh, không qua nhiều tầng nấc trung gian. *Tăng cường hệ thống thông tin về kinh tế* từ cơ sở lên trung ương để nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện và giải quyết các vấn đề về sản xuất và đời sống. Thường vụ Hội đồng Chính phủ và các cơ quan nhà nước ở trung ương phải làm việc trực tiếp nhiều hơn nữa với các tỉnh và thành phố, phải *giải quyết nhanh, trả lời nhanh các yêu cầu, kiến nghị của các địa phương và cơ sở*. Trong công tác chỉ đạo cụ thể, phải thực hiện đúng phương hướng tăng cường trách nhiệm quản lý và quyền chủ động của các bộ, uỷ ban, tổng cục, các uỷ ban nhân dân địa phương và các đơn vị cơ sở.

Ban Bí thư, Thường vụ Hội đồng Chính phủ và các ngành ở trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ cần làm tốt hơn việc *chỉ đạo trọng điểm*, trực tiếp chỉ đạo cụ thể một số huyện và đơn vị cơ sở để đạt cho được kết quả vững chắc, có những kết luận rõ ràng về ưu điểm và khuyết điểm của các trọng điểm và các đơn vị điển hình, rút được những kinh nghiệm tốt cho sự chỉ đạo chung. *Tăng cường công tác kiểm tra* việc chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Chính phủ ở tất cả các ngành, các cấp, đặc biệt chú ý hình thức cấp trên kiểm tra trực tiếp tại chỗ. Việc kiểm tra phải nhằm đạt hiệu quả thiết thực, rõ

rệt, có kết luận chính xác, xử lý kịp thời, đi tới nhanh chóng phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, cải tiến công tác, đẩy mạnh sản xuất.

Hội nghị toàn thể lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IV) nhiệt liệt biểu dương đồng bào, chiến sĩ và cán bộ cả nước đang nỗ lực thi hành Nghị quyết Đại hội Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Trung ương, đang phấn đấu hết sức mình để đạt năng suất lao động và hiệu quả kinh tế ngày càng cao, đang kiên cường tiến lên giành thắng lợi mới trên mặt trận lương thực, trên mọi mặt hoạt động sản xuất và công tác.

Hội nghị Trung ương lần này đặc biệt tỏ thái độ trân trọng đối với những nhân tố tích cực và những tấm gương sáng về tinh thần tự lực tự cường, dám nghĩ, dám làm theo đường lối của Đảng, về ý thức tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động.

Đứng trước những nhiệm vụ kinh tế cấp bách của năm 1978, nhằm những mục tiêu quan trọng mà Đại hội Đảng đã đề ra, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta hãy hăng hái vươn lên, đạt những thành tích mới trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa yêu quý của chúng ta!

Các cấp uỷ và các tổ chức đảng, các cơ quan chính quyền các cấp hãy luôn luôn ghi lòng tạc dạ và nghiêm chỉnh làm theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại: "Đảng phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hoá nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân"! Phải ra sức phát huy ưu điểm, có thái độ nghiêm khắc đối với khuyết điểm và

quyết tâm khắc phục khuyết điểm, nêu cao kỷ luật trong sản xuất và công tác.

Tất cả cho sản xuất, tất cả để xây dựng chủ nghĩa xã hội, tất cả vì Tổ quốc giàu mạnh, vì hạnh phúc của nhân dân!

T/M Ban Chấp hành Trung ương
Tổng Bí thư

Lê Duẩn

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Chỉ thị
của Ban Bí thư**

Số 24-CT/TW, ngày 12 tháng 12 năm 1977

Về việc tăng cường công tác nông hội ở các tỉnh miền Nam

Từ ngày miền Nam được giải phóng, Nông hội phát triển đều khắp, đã tích cực vận động nông dân, thi hành các chính sách của Đảng và Nhà nước ở nông thôn, góp phần đẩy mạnh phong trào thủy lợi, phát triển sản xuất, làm nghĩa vụ đối với Nhà nước, tăng cường đoàn kết trong nông dân, xây dựng chính quyền, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội ở nông thôn.

Tuy vậy, công tác nông hội chưa có chuyển biến mạnh mẽ gắn liền với nhiệm vụ cải tạo và phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Các cấp uỷ chưa chú trọng xây dựng tổ chức Nông hội và chưa chỉ đạo thật chặt chẽ công tác nông hội.

Cần tăng cường chỉ đạo công tác nông hội để đáp ứng yêu cầu cải tạo và phát triển nông nghiệp, thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội IV của Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương.

1. Từ nay cho đến khi hoàn thành cải tạo nông nghiệp, đưa giai cấp nông dân cá thể tiến lên thành giai cấp nông dân tập

thể xã hội chủ nghĩa, *Nông hội có vị trí rất quan trọng*. Nông hội là tổ chức chính trị của giai cấp nông dân; Đảng thông qua tổ chức Nông hội để vận động nông dân tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa. Nông hội là tổ chức nòng cốt để vận động nông dân tăng cường đoàn kết, nâng cao ý thức và phát huy quyền làm chủ tập thể, thực hiện ba cuộc cách mạng trong nông thôn.

Nông hội có nhiệm vụ giáo dục nâng cao lòng yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, vận động nông dân ra sức khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng lại xã ấp, tổ chức tốt đời sống và làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước; xoá bỏ các tàn dư phong kiến và các thủ đoạn bóc lột, đầu cơ trong nông thôn, vận động và tổ chức nông dân đi vào các hình thức làm ăn tập thể, đưa nông thôn tiến nhanh và tiến vững chắc trên con đường hợp tác hoá nông nghiệp và sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

2. Phải phát huy vai trò của Nông hội trong công tác tư tưởng, làm cho nông dân thấy rõ tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội, thấy rõ bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa thực dân mới, vạch rõ những nhược điểm cơ bản của kinh tế cá thể, chống những luận điệu xuyên tạc của bọn phản động, xây dựng ý thức làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa trong sản xuất, trong đời sống ở nông thôn; đề cao vinh dự và nghĩa vụ lao động xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; làm cho nông dân hiểu rõ và tin tưởng vào cách làm ăn tập thể, thông suốt đường lối chính sách của Đảng, phấn khởi ra nhập và kiên trì xây dựng hợp tác xã, dứt khoát đưa tư liệu sản xuất chủ yếu vào hợp tác xã, tập trung sức lao động cho kinh tế tập thể, khắc phục khó khăn để xây dựng và quản lý tốt hợp tác xã.

3. *Tích cực xây dựng và củng cố Nông hội về tổ chức*, trước hết đẩy mạnh việc phát triển hội viên, thu hút được *đại bộ phận nông dân lao động vào Hội*. Cần kết nạp vào Hội tất cả

nông dân lao động và những người lao động khác ở nông thôn (có quyền công dân) tán thành mục đích của Hội và sẵn sàng hoạt động cho Hội. Chú trọng bảo đảm sinh hoạt của tiểu tổ Nông hội; thông qua phát động quần chúng tham gia phong trào hợp tác hoá và lấy sinh hoạt tiểu tổ của Hội để giáo dục rèn luyện cán bộ và hội viên. Các tiểu tổ của Nông hội cần lồng vào các tổ chức sản xuất ở cơ sở, gắn chặt hoạt động của Nông hội với hoạt động sản xuất và tổ chức đời sống của nông dân. Rất chú trọng củng cố và tăng cường Ban cán sự ấp, Ban Chấp hành Nông hội xã, huyện và tỉnh. Ban cán sự ấp và Ban Chấp hành Nông hội các cấp phải bao gồm những nông dân lao động có lịch sử chính trị rõ ràng, nhất là những người đã tích cực tham gia kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, kiên định con đường làm ăn tập thể, không tham ô, lợi dụng, có năng lực vận động quần chúng, được quần chúng tín nhiệm.

4. Cân tổ chức tốt *Đại hội đại biểu Nông hội từ cơ sở đến cấp tỉnh*, nhằm kiện toàn cơ quan lãnh đạo các cấp của Nông hội, phát động phong trào nông dân đi vào làm ăn tập thể, chuẩn bị tiến tới cao trào hợp tác hoá nông nghiệp, thi đua lao động sản xuất, tiết kiệm, thực hiện tốt nghĩa vụ bán lương thực, thực phẩm cho Nhà nước và các chủ trương, chính sách khác của Đảng và Nhà nước ở nông thôn, hoàn thành tốt kế hoạch nhà nước.

Trong bầu cử, phải phát huy quyền làm chủ tập thể để chọn vào các cơ quan lãnh đạo của Hội những người xứng đáng, đúng tiêu chuẩn được cấp trên hướng dẫn.

Cần làm xong Đại hội đại biểu Nông hội ở các tỉnh miền Nam vào cuối quý II năm 1978.

5. Công tác nông vận là một công tác lớn, tất cả các ngành của chính quyền và các đoàn thể quần chúng đều có trách nhiệm thực hiện theo chức năng của mình, nhưng Nông hội có vị trí nòng cốt. Các cấp uỷ đảng phải tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo Nông hội, phối hợp chặt chẽ Nông hội với các ngành có liên quan để thực hiện tốt công tác nông vận của Đảng. Phải phân công một cấp ủy viên chuyên trách công tác nông

hội. Phải tăng cường cán bộ có phẩm chất tốt, có năng lực, có tác phong thích hợp làm công tác nông hội. Ở cấp tỉnh, thành, cần gắn cơ quan thường trực của Ban Chấp hành Nông hội với Ban Nông nghiệp của tỉnh uỷ, thành uỷ về quan hệ công tác và lề lối làm việc để giúp cấp ủy thống nhất lãnh đạo việc tiến hành cuộc vận động cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong nông nghiệp.

Ban Nông nghiệp Trung ương và Ban trù bị Đại hội đại biểu nông dân tập thể trung ương có kế hoạch hướng dẫn thi hành Chỉ thị này, theo dõi, kiểm tra và báo cáo kết quả lên Ban Bí thư.

T/M Ban Bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 24-TT/TW, ngày 13 tháng 12 năm 1977

Về kỷ niệm Ngày toàn quốc kháng chiến (19-12-1946) và Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22-12-1944)

Năm nay, chúng ta kỷ niệm Ngày toàn quốc kháng chiến (19-12-1946) và Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22-12-1944) trong lúc toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đang ra sức thực hiện những Nghị quyết lịch sử của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về phát triển nông nghiệp. Phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa đang có khí thế tốt, nhất là sau đợt thi đua chào mừng kỷ niệm 60 năm Cách mạng Tháng Mười Nga, có tác dụng thúc đẩy việc hoàn thành kế hoạch nhà nước năm 1977 và chuẩn bị điều kiện bước vào kế hoạch năm 1978. Tuy nhiên, trước mắt quân và dân ta còn phải vượt qua nhiều khó khăn, trở ngại. Tình hình và nhiệm vụ mới đòi hỏi ở mỗi người một sự nỗ lực cao hơn nữa trong nhiệm vụ xây dựng đất nước và bảo vệ đất nước. Vì vậy, nhân ngày kỷ niệm này cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục và các hoạt động thông tin, báo chí, văn hoá, văn nghệ nhằm:

1. Tiếp tục nêu cao truyền thống anh hùng, quyết chiến quyết thắng của nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân ta, động viên toàn dân, toàn quân ra sức thi đua thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng và các Nghị quyết của Trung ương, hoàn thành tốt kế hoạch nhà nước năm 1978 và kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ hai (1976-1980).
2. Động viên cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân đẩy mạnh phong trào thi đua quyết thắng, ra sức xây dựng quân đội, đề cao kỷ luật, cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, tích cực lao động sản xuất xây dựng kinh tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội, hoàn thành thắng lợi hai nhiệm vụ chính trị mà Đảng và Nhà nước giao cho quân đội ta.
3. Động viên, giáo dục các tầng lớp thanh niên nhận rõ vinh dự và trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc, hăng hái thực hiện nghĩa vụ quân sự kết hợp với nghĩa vụ lao động. Tổ chức kỷ niệm cần làm giản đơn, tiết kiệm. Ở trung ương, tổ chức mít tinh kỷ niệm trọng thể tại Hà Nội. Nhân dịp này, các địa phương tổ chức tuần "Đoàn kết quân dân", giúp đỡ lẫn nhau trong các nhiệm vụ sản xuất ở địa phương; động viên, chăm sóc, giúp đỡ gia đình liệt sĩ, thương binh, và các gia đình có công với cách mạng.

T/M ban bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Quy định cụ thể
của Ban Bí thư**

Số 07-QĐ/TW, ngày 16 tháng 12 năm 1977

Một số điểm về thi hành kỷ luật trong Đảng

- Căn cứ quyết định của Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng giao cho Ban Chấp hành Trung ương quy định một số điểm cụ thể trong chương IX Điều lệ Đảng;
- Căn cứ tình hình xét xử kỷ luật trong Đảng hiện nay,

Ban bí thư trung ương đảng quy định:

I- Phân biệt phạm vi sai lầm để xác định thẩm quyền thi hành kỷ luật đối với đảng viên là cán bộ do cấp uỷ cấp trên quản lý

Phân biệt phạm vi sai lầm khuyết điểm như sau:

1. Sai lầm trong việc thực hiện nhiệm vụ của đảng viên và chấp hành các nguyên tắc sinh hoạt đảng, như: thực hiện nghị quyết của chi bộ, chấp hành các chính sách, chế độ, pháp luật, giữ gìn đạo đức cách mạng, tham gia sinh hoạt chi

bộ, đóng đảng phí...

2. Sai lầm về công tác khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ do cấp uỷ cấp trên giao cho người cán bộ.

Đối với sai lầm, khuyết điểm thuộc phạm vi 1, hội nghị chi bộ quyết định kỷ luật theo thẩm quyền đã được quy định ở điểm 1, Điều 50 của Điều lệ Đảng.

Đối với sai lầm, khuyết điểm thuộc phạm vi 2, việc thi hành kỷ luật thuộc quyền quyết định của cấp uỷ quản lý người cán bộ đó. Chi bộ có thể xem xét, phát biểu ý kiến hoặc đề nghị với cấp uỷ cấp trên về mức độ, hình thức kỷ luật.

Nói chung, cấp uỷ quản lý cán bộ tham khảo ý kiến của chi bộ trước khi quyết định kỷ luật nhưng cũng có trường hợp xem xét, quyết định kỷ luật rồi thông báo cho chi bộ.

II- Phạm vi quyền hạn của uỷ ban kiểm tra các cấp trong việc chuẩn y, thay đổi hoặc xoá bỏ quyết định của các tổ chức Đảng cấp dưới về kỷ luật đối với đảng viên

1. Uỷ ban Kiểm tra các cấp được quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xoá bỏ quyết định của tổ chức đảng cấp dưới trong hai trường hợp dưới đây:

a) Khi giải quyết các vụ khiếu nại về kỷ luật do tổ chức đảng cấp dưới quyết định đối với đảng viên (kể cả cấp uỷ viên và cán bộ do cấp uỷ cấp dưới quản lý).

b) Khi kiểm tra việc thi hành kỷ luật của các tổ chức đảng cấp dưới, thấy có trường hợp thi hành kỷ luật chưa đúng.

2. Uỷ ban Kiểm tra Trung ương được chuẩn y, thay đổi hoặc xoá bỏ quyết định của tổ chức đảng cấp dưới về kỷ luật dưới mọi hình thức, trừ trường hợp kỷ luật đối với uỷ viên và uỷ viên dự khuyết Ban Chấp hành cấp tỉnh, thành. Uỷ ban Kiểm tra tỉnh uỷ, thành uỷ (hoặc cấp tương đương) được chuẩn y, thay đổi hoặc xoá bỏ quyết định của tổ chức đảng

cấp dưới về kỷ luật dưới mọi hình thức, trừ trường hợp kỷ luật đối với uỷ viên và uỷ viên dự khuyết Ban Chấp hành cấp huyện.

Uỷ ban Kiểm tra huyện uỷ (hoặc tương đương) và Uỷ ban Kiểm tra ở tổ chức cơ sở đảng (nơi đủ điều kiện và được phép thành lập) thực hiện đúng quyền hạn đã quy định trong Điều lệ Đảng.

3. Đối với uỷ viên hoặc uỷ viên dự khuyết Ban Chấp hành các cấp:

- Uỷ ban Kiểm tra Trung ương được uỷ nhiệm chuẩn y, thay đổi, xoá bỏ quyết định kỷ luật của các tổ chức đảng cấp dưới đối với Uỷ viên và Uỷ viên dự khuyết Ban Chấp hành cấp huyện (hoặc tương đương) trở xuống.

- Uỷ ban Kiểm tra tỉnh uỷ, thành uỷ (hoặc tương đương) được uỷ nhiệm chuẩn y, thay đổi, xoá bỏ quyết định kỷ luật của các tổ chức đảng cấp dưới đối với uỷ viên và uỷ viên dự khuyết Ban Chấp hành tổ chức cơ sở của Đảng.

Việc chuẩn y, thay đổi, xoá bỏ quyết định kỷ luật đối với uỷ viên và uỷ viên dự khuyết Ban Chấp hành tỉnh, thành do Ban Bí thư quyết định; riêng đối với Bí thư và Chủ tịch tỉnh, thành thì trình lên Bộ Chính trị quyết định.

4. Qua công tác kiểm tra, nếu Uỷ ban Kiểm tra cấp trên thấy những đảng viên (kể cả cấp uỷ viên do cấp uỷ cấp dưới quản lý) phạm sai lầm, khuyết điểm cần phải thi hành kỷ luật nhưng tổ chức đảng cấp dưới chưa hoặc không thi hành kỷ luật, thì Uỷ ban Kiểm tra cấp trên yêu cầu và đôn đốc cấp uỷ cấp đó thi hành kỷ luật, rồi báo cáo cho cấp uỷ và Uỷ ban Kiểm tra cấp trên.

5. Uỷ ban Kiểm tra Trung ương phụ trách giải thích rõ tinh thần, nội dung và hướng dẫn thực hiện những vấn đề cụ thể khác trong chương IV và chương IX của Điều lệ Đảng.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

T/M Ban bí thư

Nguyễn Duy Trinh

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 25-TT/TW, ngày 21 tháng 12 năm 1977

Về việc đáp ứng yêu cầu cử chuyên gia sang giúp Lào

Đáp ứng yêu cầu của bạn, cách đây mấy tháng, một số bộ, ngành đã thi hành Thông tri số 13-TT/TW của Ban Bí thư, cử một số tổ cán bộ sang công tác ở Lào.

Sau khi tìm hiểu tình hình của bạn, các tổ cán bộ đã trao đổi ý kiến với các đồng chí lãnh đạo các ngành của bạn về yêu cầu chuyên gia cho mỗi ngành để giúp bạn triển khai công tác từ năm 1978.

Thực hiện Nghị quyết 251 của Bộ Chính trị, và tiếp theo Chỉ thị 21 của Ban Bí thư; để đáp ứng yêu cầu của bạn, Ban Bí thư thông tri các Đảng đoàn các bộ, ngành thi hành một số việc sau đây:

1. Nghiên cứu yêu cầu cụ thể của bạn về chuyên gia, nhất là chuyên gia giúp cho lãnh đạo các ngành của bạn và thống nhất với Ban Cán sự Đảng về công tác C về số lượng chuyên gia ngành mình cử sang giúp bạn.

2. Lựa chọn những cán bộ có phẩm chất tốt, có khả năng phù hợp với yêu cầu cụ thể của bạn để cử làm chuyên gia giúp bạn và phải trao đổi thống nhất ý kiến với Ban Tổ chức Trung ương và Ban Cán sự Đảng về công tác C. Ban Cán sự Đảng về công tác C sẽ thông báo danh sách đến các ngành.

3. Các chuyên gia được cử sang giúp bạn trước khi đi phải được bồi dưỡng cẩn thận để tư tưởng thông suốt, nắm được tình hình Lào và đường lối của Đảng bạn, nắm được phương châm thái độ, phương pháp giúp bạn và quy chế công tác của chuyên gia. Ban Cán sự Đảng về công tác C có trách nhiệm phối hợp với các ngành trong việc này.

4. Cán bộ ngành nào cử đi giúp bạn vẫn thuộc biên chế của ngành ấy. Ban Tổ chức Chính phủ sẽ dựa trên đề nghị của các ngành, có sự nhất trí của Ban Cán sự Đảng về công tác C, xét duyệt thêm số biên chế này cho các ngành.

5. Để cho công tác của các tổ chuyên gia được thuận lợi, Ban Cán sự Đảng về công tác C phối hợp với các bộ và ngành của ta, trao đổi ý kiến với lãnh đạo các ngành của bạn và Trung ương Đảng bạn về nội dung công tác, chương trình công tác từng thời gian, và có trách nhiệm thường xuyên hướng dẫn nội dung công tác cho các tổ chuyên gia.

T/L ban bí thư
Chánh Văn phòng
Trần Xuân Bách

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Chỉ thị
của Ban Bí thư**

Số 25-CT/TW, ngày 23 tháng 12 năm 1977

Về việc tăng cường tổ chức văn phòng tỉnh uỷ, thành uỷ

Hiện nay, các tỉnh uỷ, thành uỷ đang kiện toàn tổ chức và cải tiến phương pháp công tác nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng. Để cải tiến công tác lãnh đạo, phải kiện toàn và đổi mới bộ máy giúp việc cấp uỷ, trong đó có văn phòng.

Các tỉnh uỷ, thành uỷ cần tăng cường văn phòng cấp uỷ theo hướng sau đây:

I- Chức năng, nhiệm vụ của văn phòng tỉnh uỷ, thành uỷ

Văn phòng là một cơ quan chuyên môn *trực tiếp giúp cấp uỷ*, trước hết là giúp đồng chí Bí thư, Phó Bí thư thường trực và Ban Thường vụ cấp uỷ *điều hành công việc hằng ngày*. Về phương diện thông tin, văn phòng là một *trung tâm thông tin tổng hợp* của cấp uỷ.

Văn phòng tỉnh uỷ, thành uỷ có *nhiệm vụ*:

1. Giúp cấp uỷ nắm tình hình toàn diện ở địa phương một cách chính xác, nhạy bén, kịp thời để có những quyết định

đúng, làm các báo cáo gửi lên Trung ương và gửi tổ chức đảng cấp dưới theo chế độ đã quy định.

2. Giúp cấp uỷ ấn định và tổ chức thực hiện tốt chương trình công tác, lịch làm việc và các chế độ công tác trong từng thời gian; phối hợp với các ban, các ngành chuẩn bị tốt các cuộc hội nghị của cấp uỷ, triển khai kế hoạch tổ chức thực hiện các nghị quyết quan trọng của cấp uỷ, theo dõi và kiểm tra đôn đốc các cấp, các ngành thi hành các nghị quyết, chỉ thị của cấp uỷ.

3. Dự thảo hoặc chỉnh lý các dự thảo nghị quyết, chỉ thị, thông tri, báo cáo của tỉnh uỷ, thành uỷ; làm biên bản các cuộc hội nghị của cấp uỷ.

Tổ chức phát hành các văn kiện chính thức của cấp uỷ và lưu trữ các văn kiện của Đảng.

4. Bảo đảm các điều kiện vật chất và kỹ thuật cần thiết cho sự làm việc và sự chỉ đạo hằng ngày của cấp uỷ.

5. Hướng dẫn về nghiệp vụ công tác văn phòng cho các văn phòng huyện uỷ, thị uỷ, quận uỷ và cơ sở; chấp hành đầy đủ những quy định về nghiệp vụ do Văn phòng Trung ương hướng dẫn.

II- Tổ chức và cách làm việc của văn phòng tỉnh uỷ, thành uỷ

Văn phòng tỉnh uỷ, thành uỷ cần tổ chức hợp lý, có chất lượng công tác cao.

Bộ máy của Văn phòng gồm có:

- Chánh Văn phòng và hai Phó Văn phòng giúp việc.

- Một tổ tổng hợp.

- Một phòng hành chính và lưu trữ.

- Một phòng quản trị và tài vụ.

Tổ tổng hợp giúp Chánh, Phó Văn phòng làm công tác thông tin, theo dõi và tổng hợp tình hình, chuẩn bị chương trình

công tác và lịch làm việc của cấp uỷ, làm biên bản Hội nghị cấp uỷ, chỉnh lý và soạn thảo các văn kiện của cấp uỷ.

Tổ tổng hợp do một đồng chí Phó Văn phòng trực tiếp làm tổ trưởng. Các cán bộ trong tổ (tuỳ từng tỉnh, thành, có thể có từ 8 đến 10 cán bộ) được phân công theo dõi các ngành theo từng khối kinh tế, văn xã, nội chính, công tác quần chúng, công tác đảng và theo dõi các huyện, quận, thị uỷ; làm công tác biên tập; theo dõi việc giải quyết đơn khiếu tố của cán bộ, đảng viên, nhân dân gửi cấp uỷ đảng.

Cấp uỷ tỉnh, thành cần tăng cường cán bộ có chất lượng cho văn phòng. *Cán bộ làm công tác nghiên cứu tổng hợp ở văn phòng tỉnh uỷ* phải là đảng viên có tinh thần trách nhiệm cao, có thái độ trung thực và ý thức tổ chức kỷ luật, có khả năng tiếp thu và nắm vững đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, có trình độ văn hoá và kiến thức cần thiết tương ứng với nhiệm vụ được giao.

Phòng hành chính và lưu trữ, phòng quản trị và tài vụ phải được tổ chức chặt chẽ, bảo đảm được nhiệm vụ, gọn, nhẹ, có chất lượng công tác cao.

Văn phòng cấp uỷ làm việc theo *chế độ thủ trưởng*. Đồng chí Chánh Văn phòng chịu trách nhiệm trước cấp uỷ về mọi mặt công tác của văn phòng. Các cán bộ tổng hợp làm việc dưới sự chỉ đạo thường xuyên của Chánh, Phó Văn phòng, đồng thời được trực tiếp làm việc với đồng chí Phó Bí thư thường trực, và khi cần thiết với đồng chí Bí thư.

Văn phòng cấp uỷ phải phối hợp chặt chẽ với các ban chuyên môn của Đảng, với văn phòng Uỷ ban nhân dân và các ngành có liên quan để làm tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Trong công tác thông tin, phải kết hợp tốt việc khai thác tài liệu của các nơi gửi tới với việc đi sát thực tế để nắm tình hình được chính xác, kịp thời và để thẩm tra lại những tin quan trọng.

III- Kiện toàn văn phòng các huyện uỷ và văn phòng đảng uỷ cơ sở

Cấp huyện là một cấp quan trọng trong hệ thống tổ chức quản lý kinh tế, quản lý nhà nước và trong hệ thống tổ chức lãnh đạo của Đảng. Để tăng cường công tác lãnh đạo của các huyện uỷ, thị uỷ, quận uỷ, cần kịp thời kiện toàn Văn phòng các huyện uỷ, thị uỷ và quận uỷ.

Văn phòng huyện uỷ, thị uỷ, quận uỷ nên có một Chánh Văn phòng phụ trách tổng hợp và biên tập, một Phó Văn phòng làm công tác hành chính quản trị, hai hoặc ba cán bộ giúp Chánh Văn phòng làm công tác theo dõi, tổng hợp tình hình, và một số cán bộ nhân viên làm công tác hành chính, lưu trữ, quản trị, tài vụ.

Đảng uỷ cơ sở nên có đồng chí đảng ủy viên chuyên trách công tác văn phòng để giúp Ban Thường vụ làm báo cáo lên cấp trên và lưu trữ hồ sơ tài liệu.

*

* *

Các tỉnh uỷ, thành uỷ căn cứ vào Chỉ thị này để quy định cụ thể hơn về nhiệm vụ, tổ chức và biên chế của Văn phòng tỉnh uỷ, thành uỷ, Văn phòng các huyện uỷ, thị uỷ, quận uỷ và Văn phòng các đảng uỷ cơ sở.

T/M ban bí thư

Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Chỉ thị
của Ban Bí thư**

Số 26-CT/TW, ngày 24 tháng 12 năm 1977

**Về việc truyền đạt và tổ chức thực hiện
Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba
của Ban Chấp hành Trung ương**

Hội nghị lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương đã quyết định phương hướng, nhiệm vụ kinh tế năm 1978 và các biện pháp lớn để thực hiện.

1. Việc truyền đạt Nghị quyết phải nhằm đạt ba yêu cầu

- Đánh giá đúng tình hình khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hoá của cả nước và của ngành, địa phương, đơn vị mình trong hai năm qua, khẳng định những nhân tố mới và những thành tựu đã đạt được, thấy rõ những thiếu sót, những chỗ yếu và những vấn đề phải tiếp tục giải quyết, nâng cao thêm tinh thần trách nhiệm đối với việc thực hiện kế hoạch nhà nước trong năm 1978.

- Trên cơ sở thấu suốt phương hướng, nhiệm vụ và các mục tiêu chủ yếu của kế hoạch kinh tế và văn hoá của cả nước,

xây dựng kế hoạch của ngành, của địa phương, của đơn vị một cách tích cực và vững chắc, xác định những biện pháp mấu chốt để thực hiện kế hoạch.

- Trên cơ sở nâng cao ý thức làm chủ tập thể, tinh thần tự lực tự cường, cách mạng tiến công, ý thức tổ chức kỷ luật, phấn đấu để *đạt một chuyển biến mạnh mẽ và sâu sắc về tổ chức và quản lý* và phát động cho được ngay từ đầu năm 1978 một phong trào quần chúng sôi nổi, liên tục bảo đảm thực hiện thắng lợi kế hoạch nhà nước.

2. Nội dung truyền đạt Nghị quyết phải đầy đủ đồng thời tập trung vào ba trọng điểm

- Quan điểm về quản lý và kế hoạch hoá: dựa vào lực lượng lao động dồi dào của đất nước ta, khai thác nhanh nhất, tốt nhất đất, rừng, biển, các tài nguyên khác cùng với cơ sở vật chất - kỹ thuật mà ta có để phát triển kinh tế, đẩy mạnh xuất khẩu và cải thiện đời sống... ở nông thôn, lấy huyện làm địa bàn để cân đối sử dụng lao động và phân bố lại lao động, bảo đảm các nhiệm vụ sản xuất, xây dựng và tổ chức đời sống tại chỗ, đồng thời bảo đảm các nhu cầu phát triển kinh tế chung. Phải truyền đạt cho tốt nội dung này để phát huy tính tích cực, sáng tạo của ngành, cấp, đơn vị trong việc xem xét lại, bổ sung kế hoạch năm 1978 và xây dựng kế hoạch 5 năm.

- Tám nhiệm vụ kinh tế cấp bách của năm 1978 trong đó nhiệm vụ hàng đầu là đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, tập trung sức giải quyết vấn đề lương thực và thực phẩm. Khi truyền đạt về nhiệm vụ nông nghiệp là lương thực phải gắn chặt với nội dung Nghị quyết Trung ương lần thứ hai và

không được xa rời cách nhìn toàn diện, đặt nông nghiệp và lương thực trong kế hoạch 5 năm, và trong cơ cấu chung, cơ cấu công - nông nghiệp của nền kinh tế quốc dân.

- Nhấn mạnh *trách nhiệm phải vươn lên nhanh về tổ chức quản lý và chỉ đạo thực hiện* theo hướng đã xác định trong Nghị quyết Đại hội IV. Mỗi ngành, mỗi cấp, mỗi cơ sở phải bắt tay vào những việc làm thiết thực, có hiệu lực, sửa ngay những việc thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của mình, không chờ đợi. Trong công việc này, phải nêu cao tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa, luôn luôn kết hợp xây và chống, tiến hành trong Đảng, trong cơ quan nhà nước, trong các tổ chức quần chúng.

3. Về phương pháp tiến hành

a) Các tỉnh uỷ, thành uỷ họp mở rộng đến bí thư, chủ tịch huyện; các ngành ở trung ương họp hội nghị cán bộ để truyền đạt Nghị quyết và bàn kế hoạch thực hiện. Chuẩn bị chu đáo để làm việc có chất lượng, tránh họp kéo dài và bàn không thiết thực. Căn cứ vào Nghị quyết của Trung ương, soát lại và bổ sung kế hoạch của ngành, địa phương, chú trọng các biện pháp tổ chức và chỉ đạo thực hiện. Cần thông qua việc thảo luận, vận dụng Nghị quyết mà quán triệt thêm một bước đường lối, quan điểm của Đảng, uốn nắn những nhận thức lệch lạc. Phát huy dân chủ, đề cao phê bình và tự phê bình, đánh giá đúng những việc làm được, những việc chưa làm được, kết luận rõ những kinh nghiệm thành công, những thiếu sót, vận dụng những kinh nghiệm thành công để khắc phục những thiếu sót. Dựa trên kế hoạch cả năm, mỗi tỉnh uỷ, thành

uỷ, mỗi ngành, phải có chương trình cụ thể trong quý I hoặc trong sáu tháng đầu năm, triển khai các công việc một cách toàn diện đồng thời tổ chức thực hiện dứt điểm một số việc quan trọng.

Hội nghị tỉnh uỷ, thành uỷ và hội nghị cán bộ từng ngành ở trung ương cần làm xong trong 15 ngày đầu năm, sau đó triển khai nhanh xuống huyện và xuống cơ sở làm cho xong trong tháng 1-1978. Cần nắm vững đây không phải là một đợt học tập mà là truyền đạt nghị quyết và thảo luận việc tổ chức thực hiện nghị quyết. Mỗi huyện, mỗi cơ sở đều phải xây dựng tốt kế hoạch của địa phương, đơn vị mình, có chương trình hành động cụ thể, phát huy vai trò làm chủ tập thể của quần chúng, động viên quần chúng "hiến kế" và ra sức thực hiện tốt kế hoạch ngay từ tháng đầu, quý đầu.

b) Sử dụng tốt các phương tiện và các hình thức thông tin tuyên truyền để làm cho toàn dân và toàn quân hiểu rõ những nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu của kế hoạch nhà nước năm 1978, hăng hái tham gia xây dựng và thực hiện kế hoạch của ngành mình, địa phương, đơn vị mình. Chú trọng sử dụng tốt lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên; mỗi tỉnh uỷ, thành uỷ, huyện uỷ cử một số cấp uỷ viên đi báo cáo ở cơ sở Nghị quyết của Trung ương và kế hoạch thi hành của địa phương, cùng với tổ chức đảng và đoàn thể ở đó chọn vấn đề đưa ra quần chúng thảo luận, thu thập ý kiến của quần chúng và trả lời những vấn đề quần chúng yêu cầu giải đáp. Sau kỳ họp Quốc hội và các kỳ họp của Hội đồng nhân dân bàn về kế hoạch nhà nước, cần tổ chức cho các đại biểu nhân dân về tham gia thảo luận, xây dựng kế hoạch ở địa phương, đơn vị mình.

Các cơ quan thông tin tuyên truyền phải chú trọng thông qua giới thiệu các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt mà phổ biến và phát huy những kinh nghiệm, sáng kiến

trong phong trào quần chúng. Đẩy mạnh hoạt động văn hoá quần chúng ở cơ sở để giới thiệu người tốt, việc tốt, giới thiệu những sáng kiến và kinh nghiệm hay đã được đúc kết, xác nhận. Biểu dương là chính nhưng cũng chú ý đúng mức phê bình trên báo, góp phần đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực trong hoạt động kinh tế và trong sinh hoạt xã hội.

Ban Tuyên huấn Trung ương có kế hoạch đưa nội dung Nghị quyết vào chương trình giảng dạy và học tập trong các trường, lớp chính trị, lý luận của Đảng, các ngành và các đoàn thể quần chúng.

c) Các cấp uỷ chú trọng chỉ đạo các cơ quan nhà nước và các đoàn thể quần chúng xây dựng các phương án công tác nhằm thực hiện các nhiệm vụ đề ra trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương.

Trong việc thực hiện các phương án công tác và tăng cường tổ chức và quản lý, từng ngành, từng địa phương, từng cơ sở phải kết hợp thực hiện tốt Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị về chống các biểu hiện tiêu cực và Nghị quyết 225 của Bộ Chính trị về công tác cán bộ.

Các tỉnh, thành ở miền Nam phải chú trọng xúc tiến việc cải tạo xã hội chủ nghĩa kết hợp chặt chẽ với xây dựng chủ nghĩa xã hội, và phải đặt đúng mức, có yêu cầu rõ cho năm 1978 về cải tạo và thu hẹp thị trường phi xã hội chủ nghĩa, về bảo vệ an ninh chính trị và an toàn xã hội.

Mỗi ngành, mỗi địa phương, mỗi cơ sở phải bàn và quyết định cụ thể việc cải tiến chế độ làm việc của mình bảo đảm chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương. Phải sửa chữa bệnh quan liêu bằng sự chuyển biến trong chế độ làm việc, đề cao tinh thần thi hành Nghị quyết đến nơi đến chốn, tăng cường công tác kiểm tra và thanh tra của cơ quan lãnh đạo, của người lãnh đạo kết hợp với công tác thanh tra nhân dân, kịp thời biểu dương mặt tốt, đề phòng và khắc phục mặt lêch lạc, xử trí kịp thời và nghiêm minh những hành động vô kỷ luật, thiếu trách nhiệm.

Trong khi tổ chức truyền đạt Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương, các địa phương phải nắm vững những công tác khẩn trương trước mắt: chỉ đạo thu hoạch vụ mùa, chuẩn bị vụ sản xuất đông xuân đi đôi với tổ chức thật tốt công tác thu mua lương thực, thực phẩm và các loại hàng xuất khẩu.

T/m ban bí thư

Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Chỉ thị
của Ban Bí thư**

Số 27-CT/TW, ngày 24 tháng 12 năm 1977

Về chính sách, chế độ đối với cán bộ, đảng viên hoạt động lâu năm

Từ trước đến nay, đối với cán bộ, đảng viên hoạt động cách mạng lâu năm, Đảng đã có chính sách bồi dưỡng, đào tạo, sử dụng đúng đắn, có chế độ săn sóc đời sống tinh thần, vật chất, nhằm tạo điều kiện để các đồng chí đó đem hết khả năng cống hiến cho sự nghiệp cách mạng.

Tiếp tục thể hiện sự quan tâm săn sóc của Đảng, Ban Bí thư quyết định một số điểm cụ thể về *chính sách, chế độ đối với cán bộ, đảng viên đã tham gia hoạt động cách mạng trước ngày 31-12-1944 hoặc được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương trước ngày 19-8-1945, đã hoàn thành nhiệm vụ được giao, không phạm sai lầm nghiêm trọng*.

1. Các tổ chức đảng và nhà nước cần chú trọng hơn nữa và chấp hành đúng các chính sách, chế độ bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ cán bộ, đảng viên hoạt động lâu năm nhằm tiếp tục phát huy khả năng của mỗi đồng chí, coi đó là biện pháp cơ bản để bảo đảm cho cán bộ, đảng viên nói trên phát huy đầy đủ vai trò tích cực của mình trong đội ngũ cán bộ của Đảng và Nhà nước.

Trong việc bồi dưỡng về kiến thức cho cán bộ, đảng viên hoạt động lâu năm cần có nội dung chương trình và phương pháp phù hợp với trình độ và sức khoẻ của các đồng chí đó.

Đối với cán bộ đang công tác mà tuổi chưa cao, sức khoẻ tương đối tốt, có thể tiếp tục dự các lớp học tập trung ngắn hạn tại trường hoặc tại chức.

Đối với những đồng chí có trình độ, năng lực hạn chế hoặc sức khoẻ yếu, thì một mặt phải tích cực bồi dưỡng, mặt khác phải nghiên cứu để điều chỉnh công tác cho phù hợp với trình độ và sức khoẻ, có chế độ nghỉ ngơi thích đáng để bồi dưỡng về sức khoẻ.

Trường hợp chưa đến tuổi về hưu nhưng ốm đau luôn ảnh hưởng nhiều đến công tác thì có thể được giải quyết theo chế độ hưu.

Đối với các đồng chí đến tuổi về hưu thì để nghỉ hưu, trừ một số ít trường hợp thật cần thiết do yêu cầu công tác. Những đồng chí đã về hưu, tuỳ theo trình độ, khả năng và sức khoẻ mà tham gia những công việc thích hợp. Từng địa phương nên giao những công việc như công tác giáo dục thanh thiếu nhi, công tác xây dựng tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng ở cơ sở, công tác xã hội như các tổ kiểm tra nhân dân, tổ hoà giải; tránh giao giữ chức vụ chủ chốt hoặc chủ trì những công việc không phù hợp làm ảnh hưởng không tốt đến sức khoẻ của các đồng chí đó và công việc chung của tổ chức nơi đồng chí đó hoạt động. Việc bồi dưỡng về thời sự và chính sách, nghị quyết của Đảng cho các đồng chí nghỉ hưu phải được tiến hành chu đáo hơn bằng các hình thức phù hợp như nghe báo cáo thời sự, giới thiệu sách báo, tổ chức xem phim ảnh, vô tuyến truyền hình, tổ chức sinh hoạt giải trí bổ

ích ở câu lạc bộ. Những nơi và lúc có điều kiện thì cố gắng tổ chức cho các đồng chí đó đi tham quan.

2. Về chế độ đãi ngộ đối với cán bộ, đảng viên hoạt động lâu năm đã về hưu và cán bộ, đảng viên hoạt động lâu năm vẫn công tác ở cơ sở nhưng không ở trong biên chế nhà nước, ngoài việc thực hiện chế độ bồi dưỡng như trên, cần thi hành tốt các chế độ sau đây:

a) Tổ chức tốt việc chăm sóc sức khoẻ, quy định chế độ cho các bệnh viện, bệnh xá, trạm xá thực hiện. Các đồng chí khi về hưu vẫn hưởng các tiêu chuẩn khám bệnh, chữa bệnh, điều dưỡng, cấp tem phiếu thực phẩm theo chế độ hiện hành như khi đang công tác; nếu không có thân nhân trực tiếp săn sóc thì có thể vào ở các nhà an dưỡng ở những địa phương có điều kiện tổ chức. Các đồng chí lâu nay công tác ở xã, hợp tác xã, phường, thị trấn, không hưởng chế độ tiền lương, khi ốm đau cũng được hưởng tiêu chuẩn khám bệnh, chữa bệnh như cán bộ xã.

b) Để bảo đảm ổn định đời sống, những cán bộ, đảng viên hoạt động lâu năm khi về hưu được trợ cấp không quá 95% lương chính và cứ có một năm công tác trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thì hàng tháng được hưởng thêm hai đồng về thâm niên, nhưng cộng lại không quá mức tổng thu nhập khi đang công tác.

Những đồng chí khi đang công tác có tiêu chuẩn sử dụng người phục vụ thì khi về hưu được phụ cấp 35 đồng một tháng.

Các đồng chí cán bộ, đảng viên hoạt động cách mạng lâu năm lâu nay công tác ở xã, phường, thị trấn... không hưởng chế độ tiền lương hoặc trợ cấp định xuất, nửa định xuất thì hàng tháng được trợ cấp 12 đồng cộng với tiền phụ cấp thâm

niên của mỗi đồng chí; nếu là cán bộ đang công tác đã hưởng định xuất hoặc nửa định xuất thì chỉ hưởng khoản phụ cấp này và thêm khoản phụ cấp thâm niên.

c) Cán bộ khi về hưu được bố trí nhà ở theo tiêu chuẩn như khi còn công tác và được cấp hẳn tủ, giường, bàn ghế theo tiêu chuẩn đang dùng; tạo điều kiện thuận lợi hơn trong việc mua lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng cần thiết cũng như trong việc đi lại như mua vé tàu, xe v.v.. Nếu về hưu ở nông thôn mà có khó khăn về nhà ở thì được ưu tiên giúp đỡ trong việc vay tiền mua sắm vật liệu làm nhà theo chế độ do Nhà nước quy định.

d) Đối với gia đình, khi cán bộ từ trần sẽ thực hiện theo chế độ bảo hiểm xã hội hiện hành; nếu hoạt động ở xã, phường, thị trấn... không ở trong biên chế thì áp dụng các chế độ như đối với cán bộ xã. Bộ Thương binh và Xã hội và Bộ Lao động cần nghiên cứu để cải tiến chế độ này đối với cán bộ từ trần nói chung cho phù hợp với điều kiện mới. Trong khi chưa có quy định mới, nếu hoàn cảnh gia đình (như bố, mẹ, vợ, con...) cán bộ lâu năm có nhiều khó khăn thì được trợ cấp thường xuyên hoặc bất thường.

d) Nghiên cứu hình thức khen thưởng đối với cán bộ, đảng viên hoạt động cách mạng lâu năm, cũng như nghiên cứu chế độ khen thưởng đối với cán bộ, đảng viên có thành tích khác. Nên mời những đồng chí tiêu biểu dự các ngày lễ lớn, các kỳ Đại hội Đảng bộ các cấp.

3. Tổ chức tốt việc quản lý cán bộ, đảng viên hoạt động lâu năm về hưu, mất sức. Nhà nước cần quy định tổ chức việc quản lý cán bộ về hưu, kể cả cán bộ, đảng viên hoạt động lâu năm về hưu.

Ban Tổ chức Trung ương giúp Ban Bí thư quản lý một số cán bộ cao cấp tiêu biểu của Đảng đã về hưu theo danh sách do

Ban đề nghị. Tất cả cán bộ, đảng viên hoạt động lâu năm khác khi đã về hưu đều do các Ban Tổ chức tỉnh uỷ, thành uỷ trực tiếp giúp cấp uỷ quản lý. Cán bộ, đảng viên hoạt động cách mạng lâu năm ở cơ sở do các huyện uỷ, quận uỷ, thị uỷ và đảng uỷ khu phố quản lý. Các đảng uỷ, chi uỷ, công đoàn và cơ quan nhà nước nơi cán bộ, đảng viên hoạt động lâu năm về hưu hoặc nghỉ công tác đều có trách nhiệm chăm sóc, giúp đỡ các đồng chí và phối hợp với cấp trên trong việc quản lý. Ban Tổ chức Trung ương bàn với Tổng Công đoàn, Ban Tổ chức của Chính phủ, Bộ Lao động, Bộ Thương binh và Xã hội để xác định rõ trách nhiệm của từng ngành, từng cơ quan trong công tác nói trên.

Việc tổ chức sinh hoạt chi bộ đối với các đồng chí về hưu, mất sức, ốm đau do Ban Bí thư quy định và hướng dẫn trong một văn bản nói về vấn đề này đối với cán bộ, đảng viên nói chung.

4. Chỉ thị này có hiệu lực thi hành từ ngày 1-1-1978 và thay thế tất cả các thông tri trước đây về chính sách, chế độ đối với cán bộ, đảng viên hoạt động cách mạng lâu năm. Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương, các Ban cán sự Đảng ở các Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Tài chính, Ngân hàng, Nội thương, Y tế, Xây dựng và Đảng đoàn Tổng Công đoàn... có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành theo chức trách của từng ban, ngành trên cơ sở phối hợp thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương.

T/m ban bí thư

Tổ hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Quyết định
của Ban Bí thư
Số 08-QĐ/TW, ngày 25 tháng 12 năm 1977

**Về việc tổ chức xây dựng mạng dài thông tin
liên lạc đối ngoại thành một hệ thống hoàn chỉnh và
riêng biệt**

- Để tăng cường việc chỉ đạo và quản lý thống nhất mạng thông tin liên lạc đối ngoại, nhằm làm tốt công việc chuyển, nhận điện của Trung ương Đảng, Chính phủ, Bộ Ngoại giao và các ngành đến các cơ quan đại diện của ta ở ngoài nước và ngược lại;
- Xét đề nghị của Đảng đoàn Bộ Ngoại giao, Đảng đoàn Tổng cục Bưu điện và Văn phòng Trung ương Đảng;

Ban Bí thư Trung ương quyết định:

1. Trao cho Bộ Ngoại giao nhiệm vụ tổ chức, xây dựng, quản lý và chỉ đạo mạng thông tin liên lạc giữa Trung ương Đảng, Chính phủ, Bộ Ngoại giao và các ngành với các cơ quan đại diện của ta ở ngoài nước thành một hệ thống hoàn chỉnh và riêng biệt.
2. Bộ Ngoại giao có nhiệm vụ:
 - Xây dựng và quản lý đài thu và phát tín hiệu, quản lý đội ngũ cán bộ, nhân viên thông tin liên lạc của các đài thuộc hệ thống thông tin của Bộ Ngoại giao.
 - Xây dựng và quản lý cơ sở kỹ thuật thông tin thuộc các cơ quan đại diện của ta ở nước ngoài.
3. Nay bãi bỏ những điểm quy định trước đây về mạng thông tin liên lạc đối ngoại không phù hợp với văn bản này.

4. Các Đảng đoàn Bộ Ngoại giao, Tổng cục Bưu điện và Văn phòng Trung ương Đảng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/m Ban Bí thư

Nguyễn duy trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Quyết định
của Ban Bí thư**

Số 09-QĐ/TW, ngày 26 tháng 12 năm 1977

**Về việc xây dựng mới Trường Tổ chức
và Kiểm tra Trung ương tại Hà Nội**

- Căn cứ vào yêu cầu đào tạo và bồi dưỡng cán bộ tổ chức và kiểm tra trong giai đoạn mới;
- Xét tình hình cơ sở vật chất của Trường Tổ chức và Kiểm tra Trung ương hiện nay;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương và Uỷ ban Kiểm tra Trung ương,

Ban bí thư trung ương quyết định:

1. Cho xây dựng lại Trường Tổ chức và Kiểm tra Trung ương tại địa điểm hiện nay ở Chèm thuộc địa phận Hà Nội để mở rộng việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ tổ chức và kiểm tra trong tình hình mới.
2. Quy mô: xây dựng nhà cao tầng, đủ chỗ cho 900 học viên và cán bộ nhân viên của Trường ăn, ở, làm việc và học tập.

3. Ban Tổ chức Trung ương, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương, Trường Tổ chức và Kiểm tra Trung ương cùng với các cơ quan có liên quan bàn kế hoạch thực hiện Quyết định này.

T/M ban bí thư

Tổ Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Chỉ thị
của Ban Bí thư**

Số 28-CT/TW, ngày 26 tháng 12 năm 1977

**Hoàn thành việc xoá bỏ triệt để tàn tích
phong kiến về ruộng đất, phát triển các hình thức
tổ chức hiệp tác lao động sản xuất, xây dựng huyệ
trọng điểm và hợp tác xã thí điểm
ở miền Nam**

**I- Hoàn thành việc xoá bỏ triệt để tàn tích
phong kiến về ruộng đất**

Đến nay, các tỉnh từ Bình Trị Thiên tới Thuận Hải đã làm xong và các tỉnh ở Nam Bộ đã thực hiện được một phần quan trọng việc xoá bỏ triệt để tàn tích phong kiến về ruộng đất. Một số địa phương đã thiếu tập trung chỉ đạo cho nên công việc kéo dài hoặc để xảy ra một số lách l&Wacute trong việc quy định thành phần, xử lý tài sản, chia cấp ruộng đất, v.v..

Tỉnh, huyện cần kiên quyết tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện và uốn nắn những sai sót để kết thúc công tác này trong vòng vài tháng trước mắt.

1. Phải quy thành phần địa chủ cho đúng; kịp thời thu hồi ruộng đất phát canh và ruộng hiến của các tôn giáo và chia cấp công bằng hợp lý cho nông dân không có ruộng và thiếu ruộng. Đối với địa chủ kiêm tư sản công thương nghiệp hoặc tư sản công thương nghiệp kiêm địa chủ, chỉ xử lý phần ruộng đất dùng để bóc lột theo lối phong kiến. Không coi là bóc lột và không xử lý ruộng đất của những người neo đơn, những người lao động làm nghề khác, hoặc công chức có ít ruộng đất cho người khác làm và thu một ít hoa lợi. Trong

chia cấp ruộng đất, cố gắng giữ nguyên canh; đối với một số nông hộ sử dụng ruộng đất vượt quá nhiều mức ruộng đất bình quân ở địa phương thì vận động họ nhường ra một phần để chia cấp cho người khác.

Phải trả lại ruộng đất và tài sản đã xử lý cho những nông dân lao động đã bị quy sai là địa chủ. Đối với những người thuộc thành phần bóc lột đã bị quy làm là địa chủ, thì nói chung không trả lại những ruộng đất và tài sản đã xử lý, nhưng phải nói rõ: họ không phải là địa chủ; trường hợp họ không còn điều kiện làm ăn sinh sống, cần trả lại cho họ một phần theo chính sách quy định.

2. Những ruộng đất vừa qua chia cấp không đúng đối tượng cần được thu hồi để chia cấp cho nông dân không có ruộng và thiếu ruộng. Những vườn cây lâu năm đã chia cấp không đúng đối tượng, nay vẫn để cho người được chia tiếp tục chăm sóc hưởng lợi, nhưng họ không được phá hoại cây cối hoặc biến vườn cây thành đất ở, chờ khi hợp tác xã được thành lập, sẽ giao cho hợp tác xã quản lý.

3. Giữ nguyên quyền sử dụng ruộng đất canh tác của các hộ nông dân lao động, bất cứ nguồn gốc ruộng đất ấy như thế nào.

Kết hợp chặt chẽ với việc tổ chức nông dân vào các hình thức tổ chức hiệp tác lao động sản xuất và hợp tác xã mà giải quyết vấn đề tranh chấp ruộng đất giữa nông dân lao động với nhau một cách nhẹ nhàng, tránh rủi ro, gây thêm phức tạp. Cũng có thể vận động số nông hộ có quá nhiều ruộng đất, không đủ sức thâm canh, tăng vụ, nhường bớt một phần ruộng đất cho người khác. Trường hợp có nông hộ đã khai phá nhiều ruộng đất không thuộc quyền sở hữu của mình, có thể định một mức để lại thoả đáng cho nông hộ đó và giao phần ruộng đất còn lại cho tập thể, nhưng tập thể phải tính công hợp lý cho người đã khai phá.

II- Phát triển mạnh mẽ, rộng khắp các hình thức tổ chức hiệp tác lao động sản xuất, xây dựng huyện trọng điểm và hợp tác xã thí điểm, tích cực chuẩn bị cho phong trào hợp tác hoá nông nghiệp

Hiện nay, việc hiệp tác lao động sản xuất ở trình độ thấp với nhiều hình thức tổ chức phong phú (tổ đổi công, tổ đoàn kết sản xuất, tập đoàn sản xuất, tổ máy, v.v.) phát triển ở các vùng và bắt đầu trở thành phong trào quần chúng rộng rãi. Một số tỉnh đã xây dựng hợp tác xã thí điểm; có hợp tác xã làm tốt, bắt đầu tỏ rõ tính hơn hẳn của lối làm ăn tập thể. Nhìn chung, phong trào phát triển lành mạnh, đã có tác dụng thiết thực đẩy mạnh công tác thuỷ lợi, phát triển sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân và vận động nông dân đóng góp cho Nhà nước. Tuy vậy, các hình thức hiệp tác lao động sản xuất phát triển chưa rộng khắp, chất lượng còn thấp, tổ chức và quản lý còn yếu. Trong việc xây dựng hợp tác xã thí điểm, có nơi nóng vội, không bảo đảm điều kiện, mệnh lệnh, gò ép, làm sai chính sách. Ngược lại, có địa phương lại thiếu khẩn trương chuẩn bị các điều kiện cần thiết để kịp thời xây dựng các hợp tác xã thí điểm. Các ngành trung ương chưa có kế hoạch để tích cực tham gia công việc cải tạo nông nghiệp ở miền Nam.

1. Cân nấm vững mục đích yêu cầu, nội dung cải tạo xã hội chủ nghĩa nông nghiệp ở miền Nam là: xây dựng nền nông nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa với năng suất lao động cao, xây dựng ngay từ đầu cơ cấu nông - công nghiệp trên địa bàn huyện, xây dựng chế độ làm chủ tập thể, xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa, nhằm nâng cao đời sống nhân dân về mọi mặt và làm cho nông nghiệp thực sự trở thành cơ sở để

phát triển nông nghiệp. Do đó phải kết hợp chặt chẽ việc tổ chức lại sản xuất, tổ chức tốt đời sống trên địa bàn huyện với việc phát triển mạnh mẽ phong trào hiệp tác lao động sản xuất và xây dựng hợp tác xã ở cơ sở, kết hợp hợp tác hoá với thuỷ lợi hoá và cơ giới hoá, kết hợp cải tạo và xây dựng nông nghiệp với cải tạo và xây dựng công thương nghiệp, kết hợp kinh tế với văn hoá, thực hiện tốt phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm.

2. Phát triển mạnh mẽ và rộng khắp các hình thức tổ chức hiệp tác lao động sản xuất là một cuộc vận động nông dân rộng lớn để phát triển sản xuất và thiết thực chuẩn bị cho phong trào hợp tác hoá nông nghiệp

a) Cần thông qua các hình thức tổ chức hiệp tác lao động sản xuất mà quản lý và hướng dẫn chặt chẽ việc sử dụng tốt ruộng đất, máy, trâu bò, vật tư, lao động, từng bước phân công lại lao động và tăng năng suất lao động để phát triển sản xuất nông nghiệp theo đúng quy hoạch và kế hoạch, cải thiện đời sống nhân dân, vận động nông dân thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng góp cho Nhà nước và thực hiện tốt hợp đồng mua bán hai chiều giữa Nhà nước và nông dân. Đồng thời tập dượt nông dân quen dần với tổ chức lao động sản xuất tập thể và đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý tại chỗ, chuẩn bị cho việc xây dựng hợp tác xã.

b) Chính quyền xã phối hợp với các tổ chức Nông hội, Thanh niên, Phụ nữ thành lập các ban chỉ đạo sản xuất xã, các ban chỉ đạo sản xuất áp để chỉ đạo, hướng dẫn và phối hợp hoạt động các hình thức tổ chức hiệp tác lao động sản xuất ở địa phương.

c) Phải coi trọng việc giáo dục phát động tư tưởng cán bộ, đảng viên, nhân dân và có chính sách bảo đảm lợi ích chính

đáng của mọi tầng lớp nông dân lao động để làm cho mọi người thực sự tự giác tự nguyện tham gia các hình thức tổ chức hiệp tác lao động sản xuất, nâng cao không ngừng ý thức và năng lực làm chủ tập thể. Chú trọng nâng dần trình độ tổ chức và quản lý của các hình thức tổ chức này từ thấp lên cao, tạo ra điều kiện chín muồi cho việc thành lập hợp tác xã. Phải kết hợp chặt chẽ việc xây dựng, củng cố và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất với việc mở mang thuỷ lợi, tăng vụ, phục hoá, khai hoang mở rộng diện tích, sử dụng giống mới, cơ giới hoá, đưa khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất, xây dựng nông thôn mới, v.v.. Kết hợp chặt chẽ mọi việc kể trên với việc củng cố và tăng cường cơ sở chính trị, nhằm tạo ra khí thế cách mạng sôi nổi và phong trào cách mạng liên tục ở nông thôn.

d) Các cấp tỉnh, huyện, xã cần tăng cường chỉ đạo cuộc vận động này, thường xuyên đi sát thực tế, kiểm tra, đôn đốc, giúp đỡ cụ thể, phát hiện điển hình tốt, uốn nắn những lệch lạc và đúc kết kinh nghiệm để đưa phong trào các nơi tiến lên mạnh mẽ, đồng đều và đúng hướng.

3. Xây dựng hợp tác xã thí điểm một cách tích cực, vững chắc, và làm thật tốt ngay từ đầu

a) Các cơ sở được chọn để xây dựng hợp tác xã thí điểm phải có đủ những điều kiện sau đây:

- Có điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội tiêu biểu cho vùng và tương đối thuận lợi cho việc mở mang sản xuất. Đã có quy hoạch và phương án kinh tế, kỹ thuật, làm cơ sở cho việc tổ chức lại sản xuất, phù hợp với quy hoạch kinh tế chung của huyện.

- Đại bộ phận quần chúng nông dân, trong đó có phần lớn trung nông, đã được tập dượt trong các hình thức tổ chức hiệp tác lao động sản xuất quá độ hoặc đã được giáo

dục chu đáo, thật sự tự giác tự nguyện tham gia hợp tác xã ngay từ đầu và sẵn sàng làm chủ tập thể mọi công việc của hợp tác xã.

- Có chi bộ vững hoặc có cán bộ lãnh đạo, có chính quyền, nông hội và các đoàn thể quần chúng khác đã được củng cố.

Cán bộ quản lý hợp tác xã đã được đào tạo, bồi dưỡng.

- Đã chuẩn bị tốt về mặt chính sách, nhất là chính sách tập thể hóa tư liệu sản xuất và chính sách quản lý, phân phối trong hợp tác xã; vận dụng chính sách chung được áp dụng ở các hợp tác xã thí điểm cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

b) Ban Cải tạo nông nghiệp miền Nam của Trung ương cùng các tỉnh kiểm tra lại các hợp tác xã đã được xây dựng để có kế hoạch củng cố, nâng cao các hợp tác xã thành hợp tác xã tiên tiến, củng cố kịp thời các hợp tác xã yếu kém. Các tỉnh cần kiểm tra lại chặt chẽ các điểm định xây dựng hợp tác xã thí điểm; chỉ sau khi được *tỉnh ủy xét duyệt cẩn thận*, các điểm mới được tiến hành xây dựng hợp tác xã.

Từ nay trở đi, các tỉnh, huyện định xây dựng hợp tác xã ở đâu, cần báo cáo cho Ban Cải tạo nông nghiệp Trung ương biết.

4. Xây dựng tốt huyện trọng điểm

Mỗi tỉnh, thành lập trung tâm xây dựng tốt một huyện trọng điểm theo đúng tinh thần và nội dung Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Trung ương về "tổ chức lại sản xuất, tổ chức tốt đời sống trên địa bàn huyện và xây dựng cấp huyện", và chỉ thị của Bộ Chính trị và quy định của Chính phủ về "xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện".

5. Tích cực chuẩn bị cho việc mở rộng phong trào hợp tác hoá nông nghiệp

Ngay từ nay cho đến hết năm 1978, cần làm tốt mấy việc sau đây:

a) Phát động phong trào quần chúng phát triển mạnh mẽ thủy lợi, cải tiến công cụ và sử dụng tốt công cụ cơ giới sẵn có, áp dụng khoa học kỹ thuật nhằm tăng vụ, phục hoá,

khai hoang, mở rộng diện tích để thực hiện thắng lợi kế hoạch 1978.

b) Phát triển rộng khắp các hình thức tổ chức hiệp tác lao động sản xuất (đoàn công, đoàn kết sản xuất, tập đoàn sản xuất, v.v.). Nơi nào còn tàn tích bóc lột phong kiến, phải xoá ngay cho xong.

c) Xây dựng huyện trọng điểm và hợp tác xã thí điểm đạt kết quả rõ, vững chắc, rút được kinh nghiệm thiết thực cho việc mở rộng ra diện.

d) Làm tốt công tác quy hoạch để làm cơ sở cho việc xây dựng phương án và kế hoạch kinh tế, văn hoá, đời sống trên địa bàn huyện và ở các xã, ấp.

d) Củng cố tổ chức đảng, chính quyền, củng cố và phát triển nông hội và các tổ chức Thanh niên, Phụ nữ ở cơ sở. Khẩn trương đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho phong trào hợp tác hoá nông nghiệp.

g) Tăng cường cấp huyện về mọi mặt.

6. Kiện toàn Ban Cải tạo nông nghiệp Trung ương và các tỉnh để giúp Trung ương và tỉnh uỷ chỉ đạo, hướng dẫn tốt việc chuẩn bị làm thí điểm cải tạo xã hội chủ nghĩa đổi mới nông nghiệp. Ban Tổ chức, Ban Nông nghiệp, Ban Tuyên huấn cùng với Ban Cải tạo nông nghiệp Trung ương có trách nhiệm lựa chọn và bồi dưỡng cán bộ cho các tỉnh miền Nam. Ban Cải tạo nông nghiệp Trung ương phải theo dõi, hướng dẫn chặt chẽ các huyện trọng điểm và phong trào chung, kịp thời tổng kết kinh nghiệm, phát huy những điển hình tốt, uốn nắn những lệch lạc, và đề nghị với Trung ương và Chính phủ những chính sách, chủ trương cần thiết. Ba tháng một lần Ban Cải tạo nông nghiệp Trung ương và các tỉnh uỷ có báo cáo lên Ban Bí thư.

Các ngành ở trung ương và các tỉnh uỷ, thành uỷ ở miền Nam cần quán triệt và có kế hoạch cụ thể, tích cực thi hành Chỉ thị này và Chỉ thị về chính sách áp dụng trong các hợp tác xã thí điểm.

T/M Ban bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Chỉ thị

của Ban Bí thư

Số 29-CT/TW, ngày 26 tháng 12 năm 1977

Về chính sách được áp dụng ở các hợp tác xã thí điểm ở miền Nam

Trong khi chờ đợi có sự điều tra nghiên cứu chu đáo thêm và rút kinh nghiệm thực tế để xây dựng chính sách hoàn chỉnh trình Bộ Chính trị quyết định, cần thực hiện tốt một số chính sách sau đây ở các hợp tác xã thí điểm:

1. Kết nạp xã viên

- Tất cả nam nữ nông dân lao động và lao động khác ở nông thôn, từ 16 tuổi trở lên, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, trước đây thuộc thành phần giai cấp nào, người địa phương hoặc người nơi khác đến, nếu công nhận điều lệ hợp tác xã và tự nguyện gia nhập hợp tác xã, đều được kết nạp làm xã viên. Hợp tác xã không vì quá khứ mà phân biệt đối xử với mọi người lao động ở nông thôn đã có đủ quyền công dân.

- Chú ý kết nạp ngay từ đầu những người neo đơn, những người buôn bán nhỏ, thợ thủ công, những người lao động từ thành phố trở về lao động sản xuất nông nghiệp.

- Phú nông, tư sản ở nông thôn và địa chủ, sau khi đã bóc lột và trực tiếp lao động nông nghiệp thì có thể được xét để kết nạp làm xã viên ở hợp tác xã thí điểm nếu họ là người công dân tốt, lao động tốt; song không đưa họ vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý hợp tác xã.

- Những người chưa được trả quyền công dân thì không được kết nạp làm xã viên nhưng được lao động sản xuất trong hợp tác xã và được trả công như các xã viên; vợ con họ nếu đủ điều kiện nói trên vẫn được kết nạp làm xã viên hợp tác xã.

2. Kết nạp xã viên phải rộng rãi, song bố trí cốt cán, cán bộ phải chất chẽ

Phải lựa chọn để đưa vào bộ máy chỉ đạo và quản lý hợp tác xã những nông dân lao động ưu tú, gồm những người đã tham gia kháng chiến hoặc tích cực hoạt động trong phong trào cách mạng từ khi giải phóng đến nay, được quần chúng yêu mến tin cậy và chấp hành đúng chủ trương chính sách của Đảng và Chính phủ, chăm lo đến lợi ích quần chúng, có kinh nghiệm sản xuất và khả năng quản lý kinh tế.

3. Tập thể hóa tư liệu sản xuất

a) Tập thể hóa toàn bộ ruộng đất của xã viên, trừ vườn cây, ao cá lẻ tẻ và đất để lại cho gia đình. Xã viên không được tự

tiện khai phá ruộng đất, thuê mượn ruộng đất, thuê mượn nhân công để sản xuất riêng.

Đất để lại cho gia đình xã viên bao gồm đất ở và đất vườn của từng hộ. Ở những vùng dân cư cũ, có những hộ có vườn cây, ao cá tương đối rộng, hợp tác xã vẫn để cho họ chăm sóc hưởng lợi, nhưng họ phải đóng thuế và bán đại bộ phận sản phẩm hàng hoá cho Nhà nước. Ở những nơi thành lập vùng dân cư mới, từ nay trở đi, cấp tỉnh và huyện cần quy định mức đất tối đa để lại cho từng hộ, ở đồng bằng có thể vào khoảng 500 m², ở vùng đồi núi có thể vào khoảng 1.000 m². Nếu để rộng quá sẽ làm ảnh hưởng không tốt đến việc tập trung sức lao động và phân bón cho sản xuất tập thể; nếu để hẹp quá sẽ hạn chế việc phát triển chăn nuôi và sử dụng lao động nhàn rỗi của gia đình.

Tuỳ tình hình cụ thể từng nơi và dựa vào sự bàn bạc thỏa thuận của xã viên mà hợp tác xã có thể không trả hoa lợi ruộng đất hoặc còn trả một phần *hoa lợi ruộng đất*. Ở những nơi ruộng đất vốn là của công, ruộng đất chia cho tập thể hoặc do tập thể phục hoá, khai hoang và ở những nơi bình quân diện tích giữa các hộ không chênh lệch nhau nhiều, hợp tác xã có thể không trả hoa lợi ruộng đất mà thực hiện ngay việc phân phối theo lao động, song phải được xã viên đồng tình và phải chú ý bảo đảm đời sống bình thường cho các hộ neo đơn, thiếu sức lao động. Ở những nơi có sự chênh lệch nhau nhiều về ruộng đất giữa các nông hộ, nên duy trì việc trả hoa lợi ruộng đất trong một số năm nhằm bảo đảm một phần thu nhập, đời sống cho các hộ neo đơn, thiếu sức lao động, và bảo đảm cho các hộ trung nông khá có thu nhập bình thường trong khi sản xuất của hợp tác xã chưa phát triển mạnh. Mức trả hoa lợi ruộng đất nên vào khoảng 10 đến 15%, nơi cao nhất cũng không quá 20% sản lượng tính thuế nông nghiệp lúc tổ chức hợp tác xã.

- *Đối với những diện tích của xã viên chuyên trồng cây ăn trái, cây lâu năm có quy mô lớn hoặc liền kề, liền vùng trên phạm vi rộng*, nếu hợp tác xã đã có đủ sức quản lý kinh

doanh tốt và xã viên thực sự tự giác tự nguyện, thì hợp tác xã có thể tập thể hoá bằng cách mua lại hoặc trả hoa lợi cho xã viên để kinh doanh chung. Giá mua hoặc mức trả hoa lợi cần được quy định thoả đáng và được người chủ vườn cây thoả thuận, vừa có lợi cho hợp tác xã, vừa khuyến khích được xã viên tiếp tục chăm sóc tốt vườn cây.

- *Đối với ruộng đất dùng vào việc thờ cúng* để lại cho nhà chung, nhà chùa, thánh thất, họ tộc, nếu người sử dụng tự nguyện đưa vào hợp tác xã quản lý, thì hợp tác xã trả hoa lợi ruộng đất một cách thoả đáng tuỳ theo sự thoả thuận của đôi bên.

- *Đối với ruộng đất xâm canh* của nông dân lao động thì tuỳ tình hình cụ thể mà giải quyết bằng nhiều cách như: kết nạp chủ ruộng vào hợp tác xã, hợp tác xã trả hoa lợi ruộng đất, đổi ruộng khác, hoặc mua lại, v.v..

b) *Đối với các loại máy*:

Tuỳ tình hình cụ thể mà hợp tác xã, xã hoặc huyện trực tiếp thống nhất quản lý sử dụng các loại máy lớn như máy kéo, máy bơm, máy xát, máy chế biến, phương tiện vận chuyển lớn và tương đối lớn... Hợp tác xã nông nghiệp có thể tập thể hoá những máy còn có khả năng sử dụng tốt để thành lập đội máy chuyên của hợp tác xã. Chính quyền xã và hợp tác xã có thể hướng dẫn các chủ máy tổ chức thành tổ máy tập thể hoạt động theo sự quản lý của chính quyền cơ sở và của hợp tác xã nông nghiệp. Huyện có thể vận động các chủ máy thành lập đội máy tập thể chịu sự quản lý thống nhất của huyện; cũng có thể mua lại những máy còn tốt và tương đối tốt của các chủ tự giác tự nguyện bán cho Nhà nước để bổ sung cho các trạm máy quốc doanh. Các hợp tác xã nông nghiệp có thể mua lại máy của cá nhân và trả tiền dần trong một số năm, hoặc có thể quy máy thành cổ phần góp vào tập thể và hằng năm phân phối thu nhập một phần theo cổ phần, một phần theo lao động; mặt khác cần thu hút các chủ máy vào tổ chức và phát huy được tay nghề của họ nhằm sử dụng và bảo quản tốt máy móc.

Hợp tác xã có thể tập thể hoá *những máy nhỏ* như máy xối, máy bơm, máy chế biến, máy tuốt, xe vận chuyển cỡ nhỏ còn có chất lượng tốt, song phải được chủ máy thực sự tự nguyện. Không tập thể hoá *những máy nhỏ* sử dụng trong sinh hoạt như các loại phương tiện đi lại nhỏ; nếu xã viên thực sự tự nguyện, hợp tác xã cũng có thể thống nhất quản lý sử dụng để vừa có lợi cho sản xuất, vừa bảo đảm sinh hoạt của gia đình xã viên.

Trong việc định giá máy, cần nắm vững và vận dụng linh hoạt giá nguyên thuỷ, giá chỉ đạo của Nhà nước và giá thị trường để tính toán giá trị còn lại của máy và thông qua thực sự bàn bạc dân chủ với người có máy mà định giá mua máy, tập thể hoá máy cho chính xác, thoả đáng. Sau khi tập thể hoá máy, hợp tác xã có thể khoán cho cá nhân vốn có máy chăm sóc, bảo quản và sử dụng máy cho đến lúc phải sửa chữa lớn; ai giữ được máy tốt vượt tiêu chuẩn cần được thưởng thoả đáng, ai giữ không tốt, để mất mát, hư hỏng phải bị xử phạt theo chế độ.

c) *Đối với trâu bò*

Lúc đầu hợp tác xã tập thể hoá trâu bò cày kéo. Ở nơi có nhiều trâu bò cày kéo, chỉ tập thể hoá đủ mức sử dụng trong hợp tác xã. Hợp tác xã căn cứ vào giá thị trường trung bình ở địa phương đồng thời bàn bạc dân chủ với người chủ trâu bò mà định giá trâu bò cho thoả đáng và định rõ thời gian trả đủ tiền mua trâu bò cho chủ hộ. Trâu bò cày kéo tập thể hoá có thể khoán cho gia đình vốn có trâu bò chăm sóc, sử dụng. Người chăm sóc bê nghé do trâu bò của hợp tác xã để ra được hưởng 80-100% tiền định giá bê nghé sau một năm tuổi.

Ở những nơi có điều kiện phát triển chăn nuôi trâu bò đòn, hợp tác xã cần tiến tới tập thể hoá trâu bò để phát triển chăn nuôi tập thể về trâu bò sinh sản, trâu bò thịt và trâu bò sữa; song cần để lại cho mỗi hộ xã viên nuôi riêng một vài con.

4. Về cổ phần

Xã viên cần đóng cho hợp tác xã hai loại cổ phần: cổ phần sản xuất và cổ phần tập thể hoá tư liệu sản xuất.

Cổ phần sản xuất tính theo một vụ sản xuất và có thể đóng bằng tiền hoặc bằng hiện vật. Ở những hợp tác xã còn trả hoa lợi ruộng đất, cổ phần đóng theo đầu mẫu. Ở những hợp tác xã không còn trả hoa lợi ruộng đất, cổ phần đóng theo đầu lao động.

Cổ phần tập thể hoá tư liệu sản xuất đóng theo đầu lao động. Hợp tác xã lấy tổng số tiền phải trả cho xã viên để mua lại máy, trâu bò chia đều cho tổng số xã viên để định mức cổ phần tập thể hoá tư liệu sản xuất.

Để trả tiền mua tư liệu sản xuất cho xã viên được thoả đáng, đồng thời bảo đảm mức cổ phần phù hợp với khả năng đóng góp của số đông xã viên, ở những nơi giá trị tư liệu sản xuất tập thể hoá quá lớn và khả năng đóng góp của xã viên có hạn, hợp tác xã có thể vay vốn ngân hàng, coi như vay mua sắm tư liệu sản xuất. Đối với đồng bào còn du canh du cư ở miền núi, có thể gắn với chính sách định canh, định cư và chính sách khai hoang của Nhà nước để giải quyết vốn ban đầu cho hợp tác xã và để định cổ phần cho xã viên được sát hợp.

5. Về phân phối trong hợp tác xã

Thực hiện thống nhất kinh doanh, thống nhất phân phối trong toàn hợp tác xã.

Sau khi làm tròn nghĩa vụ đóng thuế cho Nhà nước, bù đắp đủ chi phí sản xuất, bảo đảm tích luỹ tài sản xuất mở rộng và phúc lợi tập thể thoả đáng, *hợp tác xã phân phối thu nhập cho xã viên chủ yếu theo nguyên tắc phân phối theo lao động*, một phần theo ruộng đất (nếu còn trả hoa lợi ruộng đất) đồng thời tăng cường đoàn kết tương trợ bảo đảm đời sống của những gia đình neo đơn, những người già cả, mất sức lao động.

Cần dựa trên cơ sở tăng nhanh sản xuất và phân phối công bằng, hợp lý, đồng thời kết hợp chặt chẽ việc phân phối trong hợp tác xã với việc đưa việc tiêu thụ nông sản phẩm vào thị trường có tổ chức, để bảo đảm cho đại bộ phận xã viên, kể cả xã viên vốn là lao động làm thuê và trung nông, sớm có mức thu nhập và đời sống vật chất văn hoá cao hơn khi còn làm ăn cá thể, mặt khác bảo đảm không ngừng tăng tích luỹ của hợp tác xã và tăng phần đóng góp cho Nhà nước.

Đối với các xã viên nghèo, nhất là xã viên vốn là lao động làm thuê, đời sống trước mắt có nhiều khó khăn, cần vận động các xã viên khác cho mượn lương thực và hợp tác xã có thể tạm ứng tiền công để họ có đủ điều kiện sinh sống hằng ngày mà tích cực tham gia lao động sản xuất trong hợp tác xã. Để có tiền tạm ứng tiền công cho xã viên, hợp tác xã cần phát triển những ngành nghề đưa lại thu nhập nhanh và có thể tạm mượn quỹ cổ phần, nhận tiền ứng trước của các cơ quan thu mua nông sản, vay ngân hàng, v.v..

Sản phẩm lương thực do hợp tác xã làm ra, sau khi để đủ giống cho tái sản xuất mở rộng và thức ăn cho chăn nuôi tập thể, đóng đủ thuế nông nghiệp và trả tiền mua thiết bị, phụ tùng, vật tư sản xuất cho Nhà nước bằng hiện vật theo hợp đồng hai chiêu, trả hoa lợi ruộng đất cho xã viên, và dành một phần làm phần thưởng cho những người lao động giỏi, *được phân phối cho xã viên theo số ngày công lao động*. Trong phần lương thực chia về cho xã viên, dưới mọi hình thức (hoa lợi, ngày công, điều hoà, v.v.), phải bảo đảm đại bộ phận (từ 60% trở lên) phân phối theo số ngày công lao động. Cơ quan thu mua của Nhà nước phải hợp chặt chẽ với hợp tác xã trong việc vận động, thuyết phục xã viên và trong việc áp dụng hợp đồng mua bán hai chiêu để thu mua lương thực thừa của gia

định xã viên. Đối với một số sản phẩm khác của hợp tác xã, cần bán cho Nhà nước theo hợp đồng hai chiêu.

Hợp tác xã cần để hai thứ quỹ: *quỹ tích luỹ* và *quỹ công ích*. Tuỳ theo kết quả sản xuất và thu nhập ở từng nơi mà định mức độ để quỹ cho thoả đáng để bảo đảm thu nhập cho xã viên. Nói chung lúc đầu cả hai thứ quỹ nên để vào khoảng 10%, sau này sẽ nâng dần lên; nơi nào thu nhập khá, có thể để cao hơn. Ngoài ra, cần vận động xã viên góp công, góp của để xây dựng các công trình phúc lợi công cộng; chú ý động viên đóng góp vừa với sức dân từng nơi và tránh phân bổ theo lối bình quân.

6. Kinh tế gia đình xã viên

Cần khuyến khích kinh tế gia đình phát triển đúng hướng, thiết thực giúp đỡ, hướng dẫn xã viên sử dụng tốt diện tích đất dành cho kinh tế gia đình, nhất là phát triển chăn nuôi, trồng cây ăn trái, phát triển nghề thủ công gia đình, làm cho kinh tế gia đình hỗ trợ tốt cho kinh tế tập thể. Cần quy định ngày công lao động cho tập thể, ngày công đóng góp vào việc xây dựng những sự nghiệp ích lợi chung trong huyệ, ngày công đóng góp cho Nhà nước và dành thời gian cần thiết để xã viên làm kinh tế gia đình. Tổ chức mua sản phẩm chăn nuôi, trái cây và sản phẩm khác từ kinh tế gia đình theo giá Nhà nước và giá thoả thuận nội bộ hợp tác xã tuỳ theo từng loại để giúp xã viên tiêu thụ sản phẩm và hợp tác xã kinh doanh có lãi.

7. Đối với phú nông và tư sản kinh doanh nông nghiệp

Vận động họ bán cho hợp tác xã hoặc cho Nhà nước số ruộng đất ngoài phần ruộng đất để lại theo mức bình quân chung của xã, vườn cây ăn trái có quy mô tương đối lớn, máy, trâu, bò, chuồng trại chăn nuôi. Định giá thoả đáng và bàn bạc thoả thuận với họ về giá cả, về thời gian trả tiền, v.v. và khi đã đưa vào hợp tác xã thì phải tổ chức quản lý tốt, bảo đảm cho những cơ sở ấy phục vụ tốt nhất cho sản xuất của hợp tác xã.

8. Về một số chính sách khác

Cần hướng dẫn, giúp đỡ hợp tác xã xác định và thực hiện đúng phương hướng sản xuất theo quy hoạch và kế hoạch của huyện.

Sớm ban hành các *chế độ quản lý*, các định mức kinh tế kỹ thuật, các quy trình sản xuất và chế độ canh tác, giúp cho các hợp tác xã đi vào làm ăn có tổ chức theo quy chế chặt chẽ ngay từ đầu.

Có *chính sách đầu tư*, cho vay xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu tổ chức lại sản xuất, yêu cầu phát triển sản xuất của hợp tác xã mới xây dựng.

Sớm ban hành chính sách *nghĩa vụ bán lương thực và nông sản* cho Nhà nước và ban hành chính sách mới về *giá*. Có quy định bảo đảm việc thực hiện hợp đồng hai chiều giữa Nhà nước và hợp tác xã.

Đối với cán bộ quản lý hợp tác xã, phải có *chế độ thù lao* thoả đáng làm cho cán bộ có thu nhập tương xứng với trách nhiệm được giao, với kết quả hoàn thành nhiệm vụ, bảo đảm cho cán bộ hợp tác xã có thu nhập cao hơn mức thu nhập bình quân của xã viên. Riêng chủ nhiệm, trưởng kế toán, trưởng bộ môn kế hoạch, kỹ thuật, có thể thu nhập bằng một lần rưỡi mức bình quân thu nhập của xã viên hoặc cao hơn một ít.

Những chính sách trên đây áp dụng cho cả hợp tác xã nông nghiệp và hợp tác xã nông - lâm nghiệp. Ban Cải tạo nông nghiệp Trung ương cần nghiên cứu để sớm đưa ra Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ bàn thêm về những chính sách áp dụng riêng cho các hợp tác xã nông - lâm nghiệp thí điểm.

T/M ban bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Chỉ thị
của Bộ Chính trị**

Số 30-CT/TW, ngày 29 tháng 12 năm 1977

**Về những việc cần làm để đẩy nhanh công tác
dầu mỏ và khí đốt**

Việc thực hiện Nghị quyết số 244, ngày 9-8-1975, của Bộ Chính trị¹⁾ về triển khai công tác dầu mỏ và khí đốt trên cả nước đã đạt được một số kết quả, nhưng nhìn chung công việc tiến triển chậm.

Bộ Chính trị quyết định thêm một số chủ trương nhằm đẩy mạnh công tác dầu mỏ và khí đốt trong những năm tới.

1. Về yêu cầu khai thác

Công tác điều tra cơ bản về dầu và khí triển khai còn hẹp và ở mức độ thấp, cho nên chưa có căn cứ vững chắc để đánh giá tương đối chính xác khả năng về tài nguyên. Cân có kế hoạch xúc tiến công tác điều tra cơ bản. Căn cứ vào những tài liệu thu thập được đến nay, có thể tạm lấy con số dự báo về trữ lượng là 2 tỷ tấn dầu thô để làm cơ sở tính toán công việc. Từ đó, có thể tạm xác định mức khai thác cần đạt tối là 50-60 triệu tấn/năm. Khi công tác điều tra cơ bản đạt kết quả tốt thì sẽ đánh giá thêm khả năng về tài nguyên và tính toán thêm về các vấn đề khai thác, sử dụng dầu mỏ và khí đốt.

¹⁾ Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.36, tr. 285 (B.T).

Mục tiêu phấn đấu là: những năm 1981-1982 bắt đầu lấy được dầu; năm 1985 đạt mức khai thác từ 20 đến 25 triệu tấn. Đạt được mức sản lượng đó thì mới đáp ứng được ba yêu cầu: tiêu dùng trong nước với tinh thần tiết kiệm chặt chẽ, đầu tư cho việc phát triển ngành công nghiệp dầu khí và đóng góp một phần dầu tư cho các ngành kinh tế khác.

Trong khi tìm kiếm nguồn dầu, không được xem nhẹ việc thăm dò khí; nếu phát hiện được nguồn khí có giá trị công nghiệp thì phải tổ chức khai thác và đưa vào sử dụng nhanh. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cùng Tổng cục Dầu khí tính toán cụ thể kế hoạch và biện pháp triển khai công tác nhằm đạt yêu cầu trên. Chuẩn bị để có thể thông qua kế hoạch này càng sớm càng tốt.

2. Vấn đề hợp tác với nước ngoài và tự lực khai thác dầu khí

Về lâu dài, ta phải tiến tới tự mình tổ chức làm là chính các việc tìm kiếm, thăm dò, khai thác. Nhưng hiện nay, ta có khó khăn về vốn; khả năng về kỹ thuật và quản lý của ta còn yếu, cơ sở vật chất chưa có; cho nên ta phải chủ động tranh thủ hợp tác với nước ngoài để thăm dò, khai thác và học tập ngay trong công tác đó. Đồng thời, ngay từ bây giờ ta thuê dịch vụ để tự mình triển khai thăm dò và khai thác vài điểm ở trên đất liền và ở thềm lục địa. Dựa vào phần hợp tác với nước ngoài để ra sức đào tạo cán bộ, công nhân và tích cực tạo các điều kiện ngày càng mở rộng phần tự lực. Vừa hợp tác, vừa học tập, vừa xây dựng lực lượng, ngành dầu khí phải vươn lên nhanh, tiến tới có một đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật có khả năng làm chủ ngành công nghiệp mũi nhọn quan trọng và hiện đại này của đất nước.

Tổng cục Dầu khí phải sớm có một đề án toàn diện về phần tự lực tổ chức tìm kiếm, thăm dò, khai thác ở đất liền và ở thềm lục địa với cống gánh cao nhất.

Về hợp tác với nước ngoài, phải chọn nước nào có thể nhận làm với ta những công trình khác như lọc dầu và hoá dầu, cơ khí nặng, v.v.. Trước mắt tiến hành đàm phán về hợp đồng

cụ thể với ba công ty của Tây Đức, Pháp, ý; tranh thủ những điều kiện phải chăng, có lợi cho đôi bên để có thể triển khai công việc càng sớm càng tốt. Nếu xét phần hợp tác với ba công ty ấy vẫn chưa bảo đảm được yêu cầu đến năm 1985 có được 20-25 triệu tấn dầu thô, thì có thể cân nhắc việc đưa ra một vài lô nữa để hợp tác với công ty của Canada hoặc làm thêm với công ty của Tây Đức. Đưa ra thêm lô nào, làm thêm với công ty nước nào thì Tổng cục Dầu khí nghiên cứu và xin ý kiến lãnh đạo.

Trên đất liền, ngoài phần ta tự làm, sẽ dành phần để hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa anh em với hình thức thích hợp. Có thể hợp tác với Liên Xô để làm ở đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long. Xúc tiến đàm phán với Rumani để làm ở đồng bằng sông Cửu Long. Khi nào Liên Xô có kỹ thuật làm ở biển sâu thì sẽ xét tới việc hợp tác với Liên Xô thăm dò, khai thác ở thềm lục địa. Trước mắt, có thể nhờ chuyên gia Liên Xô làm cố vấn cho ta trong việc ta hợp tác với các công ty tư bản.

Tranh thủ sự giúp đỡ của các nước dân tộc chủ nghĩa sản xuất và xuất khẩu dầu lửa, như đặt vấn đề vay vốn, mời chuyên gia giúp ta về kinh nghiệm trong việc ta tự làm và trong quan hệ về nhiều mặt với các công ty tư bản.

3. Xây dựng cơ sở lọc dầu - hoá dầu

Song song với việc triển khai thăm dò và khai thác dầu, cần tranh thủ xây dựng hai khu liên hợp lọc dầu và hoá dầu ở Thành Tuy Hạ (Đồng Nai) và Nghi Sơn (Thanh Hoá), với công suất chung khoảng 10-12 triệu tấn/năm. Xúc tiến công tác chuẩn bị để sớm khởi công các công trình này. Phải tìm nguồn vốn bằng cách tranh thủ sự hợp tác của Liên Xô, Rumani và các nước xã hội chủ nghĩa khác; gọi thêm vốn và kỹ thuật của một số nước tư bản; vay vốn của các nước xuất khẩu dầu lửa. Trong việc nghiên cứu thiết kế và xây dựng các công trình này, phải đặc biệt chú trọng bảo vệ môi trường, chống ô nhiễm.

4. Nhu cầu về vốn dầu tư

Nhu cầu về vốn đầu tư rất lớn và trong thời gian đầu chủ yếu là vốn ngoài nước. Tổng cục Dầu khí cần xây dựng sớm một kế hoạch đầu tư cho từng khâu, theo một tốc độ thích hợp và hiện thực, từ năm 1978 đến năm 1987. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Tổng cục Dầu khí phải khẩn trương nghiên cứu việc tìm vốn.

Tập trung giải quyết nhanh nguồn vốn cho những phần việc sau đây:

- Tự mình tổ chức thăm dò, khai thác ở đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.
- Tự mình tổ chức thăm dò, khai thác lô 4 ở thềm lục địa miền Nam.
- Xây dựng nhà máy lọc dầu có công suất 5-6 triệu tấn/năm ở Thành Tuy Hạ (Đồng Nai) hoặc ở Nghi Sơn (Thanh Hoá).
- Xây dựng một số cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết: đội máy bay lên thẳng, đội tàu dịch vụ để làm ở ngoài biển; trung tâm xử lý tài liệu địa lý; xưởng cơ khí sửa chữa, tiến tới sản xuất dầu khoan, thiết bị khoan và một phần thiết bị lọc dầu, hoá dầu; một số thiết bị lẻ (địa vật lý, đo carataga, trám xi măng...).

5. Vấn đề biên giới trên biển

Đây là một vấn đề rất phức tạp và phải giải quyết lâu dài. Ta cần tranh thủ giải quyết một bước trong khi mới bắt đầu tìm kiếm dầu khí ở biển.

6. Một số vấn đề tổ chức thực hiện

Công tác dầu khí đang bắt đầu triển khai, công việc nhiều, phức tạp và rất khẩn trương, đòi hỏi sự đóng góp tích cực của nhiều ngành. Tổng cục Dầu khí phải có những dự kiến và chủ động để ra những yêu cầu cụ thể đối với các ngành. Các ngành phải hợp tác tốt và gắng sức vươn lên về trình độ, về tổ chức và cách làm việc để đáp ứng kịp yêu cầu khai thác dầu khí.

Tăng cường nhanh tổ chức của ngành dầu khí. Giao cho Tổng cục Dầu khí phụ trách việc nghiên cứu quy hoạch, thiết kế và chỉ đạo xây dựng các khu liên hợp lọc dầu và hoá dầu (tới

phần có sản phẩm hoá dầu) để thống nhất được chủ trương và chỉ đạo, gắn liền hai khâu lọc dầu và hoá dầu. Các khâu chế biến và gia công tiếp sản phẩm hoá dầu do Tổng cục Hoá chất và Bộ Công nghiệp nhẹ phụ trách.

Điều động một số cán bộ cốt cán về quản lý, về kỹ thuật ở một số ngành về Tổng cục Dầu khí. Đưa phần lớn cán bộ kỹ thuật và kinh tế về dầu khí đang ở các ngành về Tổng cục Dầu khí công tác. Phải chuẩn bị sẵn các khung cán bộ, số công nhân cốt cán cho những đơn vị và công trình mới của dầu khí, như cảng dầu, đội máy bay, đội tàu dịch vụ, đội xe tải lớn, công trình lọc dầu, hệ thống kế toán, đội ngũ phiên dịch, công tác bảo vệ, v.v..

Có kế hoạch tích cực đào tạo cán bộ để sớm có lực lượng cán bộ cốt cán về quản lý và kỹ thuật đảm đương được nhiệm vụ, kể cả phần ta tự làm và phần làm với công ty nước ngoài. Có kế hoạch và chính sách thích hợp để sử dụng tốt lực lượng khoa học, kỹ thuật trong Việt kiều ở các nước tư bản. Tổng cục Dầu khí cùng với Bộ Đại học và Bộ Lao động xây dựng một quy hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành dầu khí.

Xây dựng và tăng cường nhanh cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ ngành dầu khí. Chú trọng xây dựng các căn cứ dịch vụ, hệ thống cơ khí sửa chữa, các trường đào tạo cán bộ và công nhân, các khu sinh hoạt của cán bộ, công nhân, v.v.. Ngoài căn cứ dịch vụ Vũng Tàu, Tổng cục Dầu khí cần xây dựng quy hoạch phân bố các trạm vô tuyến định vị, các căn cứ dịch vụ ở biển miền Nam và miền Bắc để từng bước khảo sát, thiết kế và xây dựng theo nhịp độ phát triển thăm dò và khai thác ở thềm lục địa. Bộ Quốc phòng phối hợp với Tổng cục Dầu khí xúc tiến nghiên cứu việc xây dựng cảng dầu ở Côn Sơn theo phương châm kết hợp kinh tế với quốc phòng. Trong việc xây dựng các cơ sở nói trên, Bộ Quốc phòng cần

tích cực giúp đỡ Tổng cục Dầu khí về kỹ thuật và lực lượng xây dựng.

Xây dựng ngay Viện Nghiên cứu và Viện Thiết kế dầu khí; xây dựng một số cơ sở thí nghiệm chuyên dùng cho việc triển khai công việc trước mắt; đồng thời, phát triển dần những bộ phận nghiên cứu quan trọng khác.

Cần nghiên cứu xây dựng kịp thời những luật lệ, quy chế cần thiết cho việc triển khai công tác dầu khí; chuẩn bị chính sách, chế độ phù hợp với tính chất và điều kiện sản xuất của ngành. Số cán bộ, công nhân làm việc như một binh chủng đặc biệt thì phải được đào tạo tốt về nghề nghiệp và được chăm sóc tốt về đời sống. Tổng cục Dầu khí đề ra yêu cầu để cùng với các ngành có liên quan nghiên cứu xây dựng dần, nhưng phải sớm trình Chính phủ xét duyệt những quy định và chính sách cần thiết nhất lúc ban đầu.

Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ phối hợp với Tổng cục Dầu khí chuẩn bị kế hoạch bảo vệ các khu vực thăm dò, khai thác dầu khí và các hoạt động có liên quan, bảo đảm chủ quyền quốc gia, và bảo đảm an toàn cho các công trường. Chú trọng nghiên cứu và thi hành chính sách thích hợp đối với chuyên gia nước ngoài nhằm tạo thuận lợi cho chuyên gia làm việc và hợp tác tốt với phía Việt Nam, hết sức tránh gây phiền hà có hại cho việc triển khai công việc, mặt khác nâng cao cảnh giác, có biện pháp bảo vệ khéo léo và có hiệu quả. Chú trọng bảo vệ môi trường trên đất liền và ở biển. Có những biện pháp tích cực về phòng cháy, chữa cháy.

7. Nghiên cứu cơ bản chính sách về năng lượng

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước phối hợp với các ngành có liên quan, nghiên cứu, xây dựng đề án về chính sách năng lượng chung của nước ta, nhằm tiến tới khai thác và sử dụng một cách hợp lý và có hiệu quả kinh tế các nguồn năng lượng trong nước.

Tổng cục Dầu khí cần nghiên cứu một cách cơ bản chính sách dầu khí của nước ta, một bộ phận quan trọng trong chính sách năng lượng chung. Xuất phát từ dự kiến sơ bộ về trữ

lượng dầu khí, từ nhu cầu cơ bản của nền kinh tế quốc dân trước mắt và lâu dài, từ những khả năng kỹ thuật hiện đại về thăm dò, khai thác, chế biến, từ tình hình khai thác và sử dụng các loại năng lượng nói chung và dầu khí nói riêng trên thế giới mà từng bước xây dựng chính sách dầu khí của nước ta một cách toàn diện.

T/M Bộ Chính trị

Phạm Văn Đồng

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.